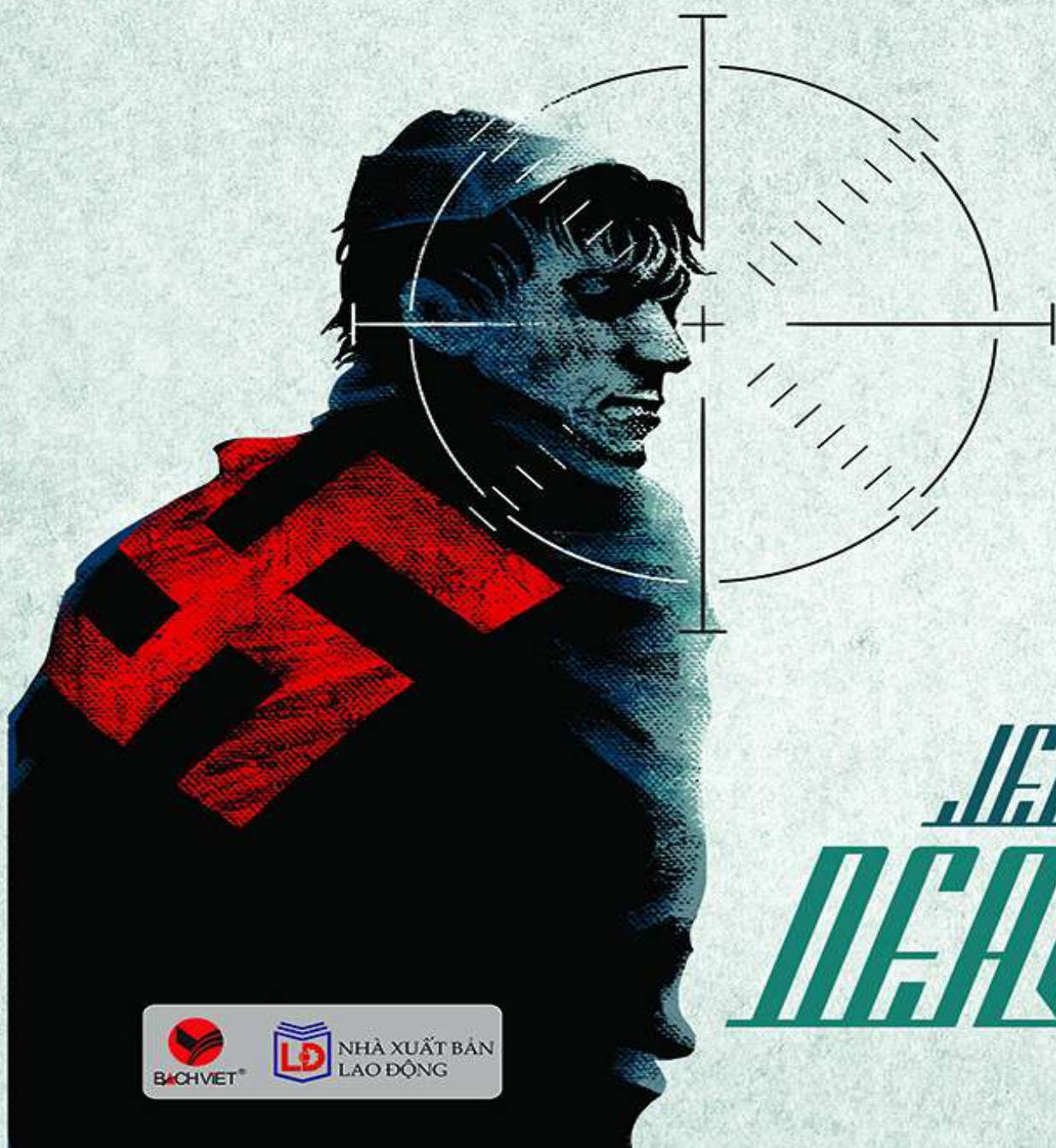


Tiểu thuyết

НАПГ ДЪТНУ

Nguyễn Quang Huy dịch



JEFFERY
DEARER



NHÀ XUẤT BẢN
LAO ĐỘNG

Tưởng nhớ đến Hans và Sophie Scholl, người anh trai và em gái bị hành hình năm 1943 vì tội phản đối chống Phát xít, phóng viên Carl von Ossietzky - người được trao Giải Nobel vì Hòa bình năm 1935 trong khi bị cầm tù tại Trại Tập trung Oranienburg, và Wilhelm Kruzfel - một sĩ quan cảnh sát người Đức đã không cho phép bọn cướp phá hủy một Giáo đường của người Do Thái trong thời gian diễn ra những cuộc bạo loạn chống Do Thái do Phát xít hậu thuẫn, nổi tiếng với cái tên Đêm Tan Vỡ. Tất cả những con người này đã quay mặt về phía quỷ dữ và nói, “KHÔNG!”

“Khắp Berlin dậy lên những lời thì thầm. Họ kể về những vụ bắt giữ trái phép lúc nửa đêm, về những người tù bị tra tấn trong các trại lính SA*... Những lời thì thầm bị Chính phủ dìm chết bằng sức mạnh, bị phủ nhận bởi hàng nghìn cái miệng lặng câm.”

- Christopher Isherwood,
Những Câu Chuyện Berlin -

Thứ Hai, ngày 13 tháng 07 năm 1936

Chương 1

Ngay khi bước vào trong căn hộ tối mờ, gã biết mình đã chết.

Gã lấy mu bàn tay lau mồ hôi, nhìn xung quanh nơi này, cảm lạnh như một nhà xác. Ngoại trừ những thanh âm di chuyển yếu ớt tại quán bar Hell's Kitchen lúc đêm muộn và tiếng rì rầm của bóng tối êm mượt khi chiếc quạt Monkey Ward đang xoay, phả làn hơi nóng bóng ra cửa sổ.

Toàn bộ khung cảnh này đã chết.

Không đúng...

Mọi người cho rằng Malone sống ở đây, say bét nhè và ngủ quên trời đất. Nhưng chẳng thấy hân đâu. Chẳng thấy chai rượu ngô nào hết, ngay cả *mùi* rượu bourbon*, thứ đồ uống duy nhất của tên thanh niên hư hỏng này cũng không ngửi thấy. Có vẻ như hân không về đây được một thời gian rồi. Trên mặt bàn là tờ New York Sun, số đã ra từ hai ngày trước nằm cạnh chiếc gạt tàn lạnh lẽo, một cái cốc vẫn dính quầng màu xanh của sữa khô gần thành cốc.

Gã bật đèn lên.

Có một cánh cửa bên, hôm qua gã đã để ý thấy khi từ tiền sảnh nhìn vào. Nhưng giờ nó bị ghim chặt bằng đinh. Còn cả ô cửa sổ dẫn lên lối thoát hiểm phòng khi có hỏa hoạn thì phải. Chết tiệt, nó đã bị bịt chặt bằng dây thép gai vừa kín vừa đẹp mà gã không thể nhìn thấy từ con ngõ. Ô cửa sổ còn lại thì mở nhưng cách mặt đường đá cuội những mười hai mét.

Không còn đường thoát...

Còn Malone đâu rồi? Paul Schumann tự hỏi.

Malone đang bỏ trốn, Malone đang uống bia tại Jersey, Malone là một bức tượng có bộ bằng bê tông phía dưới cầu tàu Red Hook.

Chẳng thành vấn đề.

Paul nhận ra, dù là chuyện gì xảy ra với con sâu rọu này, hẳn chẳng thể trở thành bất kỳ cái gì khác ngoài một mối nhử, thông tin rằng đêm nay hẳn ở đây chỉ là tin vịt.

Trong tiền sảnh bên ngoài, có tiếng bước chân hỗn loạn. Tiếng kim loại lạnh canh.

Không đúng...

Paul đặt khẩu súng ngắn lên bàn trong phòng, rút khăn tay ra áp lên mặt. Hơi nóng thiêu đốt của đợt nóng miền Trung Tây đang tiến thẳng vào New York. nhưng không ai giắt theo khẩu Colt 45 ở eo lưng đi khắp nơi mà không mặc vest nên Paul buộc lòng phải diện một bộ. Loại vest một cúc, bằng vải lạnh màu xám một hàng khuy, áo sơ mi vải cotton trắng, cổ cồn cứng ướt đẫm mồ hôi.

Thêm nhiều âm thanh lộn xộn từ bên ngoài tiền sảnh, nơi chúng đang sẵn sàng chờ gã. Một tiếng thì thầm, thêm tiếng kim loại lạnh canh.

Paul nghĩ đến việc nhìn ra cửa sổ nhưng lại sợ bị ăn đạn vào mặt. Gã muốn có quan tài mở nắp tại đám tang. Gã còn không biết có nhân viên lễ tang nào tốt bụng xử lý vết thương do đạn súng ngắn hoặc đạn ghém gây ra không.

Kẻ nào đang chĩa súng vào gã?

Dĩ nhiên không phải Luciano, kẻ đã thuê gã đi hóa kiếp cho Malone. Cũng không phải Meyer Lansky. Phải, chúng đều nguy hiểm nhưng không phải là những con rắn độc. Paul luôn luôn làm việc cho chúng với hiệu quả xuất sắc, không bao giờ bỏ lại một mảnh bằng chứng nào có thể khiến chúng bị sờ gáy. Thêm vào đó, nếu một trong hai thằng này muốn Paul phải biến, chúng sẽ chẳng cần phải giăng bẫy gã bằng một công việc hạng bét. Đơn giản là biến đi thôi.

Vậy thì kẻ nào cản trở gã? Nếu là O'Banion hoặc Rothstein từ Williamsburg hay Valenti từ Bay Ridge, thì gã hẳn sẽ chết trong có vài phút.

Nếu đó là Tom Dewey bánh bao, cái chết sẽ lâu hơn một chút - sẽ mất thời gian kết tội gã, sau đó đưa gã lên ghế điện tại khám Sing Sing.

Có thêm vài giọng nói trong hành lang. Nhiều tiếng lách cách nữa, kim loại đang va vào kim loại.

Nhưng nhìn theo một cách khác, gã tự nhủ về chế giễu, đến giờ này mọi thứ vẫn tốt, gã vẫn còn sống.

Và khát đến chết đi được.

Gã bước đến chiếc tủ lạnh Kelvinator rồi mở ra. Ba chai sữa - hai chai trong số này đã vón cục - một hộp pho-mát Kraft và một trong số những trái đào được làm mềm của hãng Sunsweet. Còn có mấy chai Cola Royal Crown. Gã tìm thấy cái mở chai rồi khui một chai soda.

Gã nghe thấy đâu đó vang đến tiếng đài phát thanh đang chơi bản “Stormy Weather.”

Lại ngồi xuống bàn, gã thấy mình đang soi vào cái gương bụi mờ treo trên tường phía trên một bồn rửa mặt bằng sứ đã sứt mẻ. Đôi mắt xanh nhạt nhạt của gã không còn cảnh giác như chúng phải thế. Cho dù gương mặt gã đã mệt mỏi. Gã là một người đàn ông to lớn - cao hơn mét tám và nặng hơn chín mươi cân. Mái tóc màu nâu hơi đỏ được thừa hưởng từ mẹ, nước da vàng nhạt thừa hưởng từ tổ tiên người Đức của cha. Làn da gã đã xây xát ít nhiều - không phải vì bệnh đậu mùa mà là do những trận đánh đấm hồi trẻ và gần đây hơn là do các găng tay Everlast. Bê tông và vải bạt nữa.

Gã nhắm nháp chai soda. Kích thích hơn cả Coca Cola. Gã thích nó.

Paul cân nhắc tình hình. Nếu là O'Banion, Rothstein hoặc Valenti thì chúng đều chẳng là cái thá gì so với Malone. Hẳn vốn là thợ tán đinh điên rồ từ xưởng đóng tàu biển thành một kẻ cướp xấu xa, từng giết chết vợ một cảnh sát tuần tra theo cách cực kỳ tàn bạo. Hẳn không ngừng đe dọa bất kỳ cảnh sát nào dám gây rắc rối cho hắn. Mọi ông trùm trong khu này từ Bronx đến Jersey đều kinh hoàng vì những gì hắn đã làm. Thế nên nếu một trong ba tên nói trên muốn hóa kiếp Paul, tại sao chúng không chờ cho đến sau khi gã hạ nốc ao Malone?

Vậy thì có khả năng đó là Dewey.

Cái ý tưởng bị mắc kẹt trong căn nhà trọ tập thể cho đến khi bị hành hình khiến gã phát ớn. Thành thật mà nói, tận trong thâm tâm Paul không quá lăn tăn chuyện bị bắt. Giống như hồi bé, trong cơn bốc đồng, gã sẽ nhảy

vào chiến đấu với hai hoặc ba thằng nhóc khác to con hơn gã. Rồi không sớm thì muộn gã đều chọn nhầm đối tượng để gây sự với kết cục là bị gãy xương. Gã biết những điều tương tự sẽ xảy ra đối với sự nghiệp hiện tại của mình: về cơ bản một tên Dewey hay O'Banion nào đó sẽ trừng phạt gã.

Gã nghĩ đến một trong những câu nói ưa thích của bố mình: “Dù ngày mai có là ngày tuyệt nhất hay tệ nhất, thì mặt trời vẫn lặn.” Lão già béo tròn ấy sẽ bật dây nịt đánh tách một cái, rồi nói thêm, “Cạn ly nào. Ngày mai sẽ là một ngày mới.”

Gã giật bản mình khi điện thoại reo.

Paul liếc chiếc điện thoại cố định Bakelite màu đen một lúc lâu. Phải đến hồi chuông thứ bảy hay tám, gã mới nhắc máy, “A lô?”

“Paul,” một giọng nói khàn nhưng trẻ trung cất lên. Không phải tiếng nói líu nhíu quen thuộc.

“Mày biết tao không đấy?”

“Tao đang ở tiền sảnh một căn hộ khác. Ở đây bọn tao có sáu thằng. Thêm sáu thằng nữa trên phố.”

Mười hai à? Paul cảm thấy bình thản đến lạ lùng. Mười hai tên thì gã chẳng làm được gì. Bằng cách nào thì gã cũng bị tóm thôi. Gã nhấp thêm một ngụm Royal Crown nữa, cảm thấy khát đến chết. Cái quạt kia chẳng được tích sự gì, ngoài việc truyền hơi nóng từ đầu này đến đầu kia phòng. Gã hỏi, “Tò mò thôi. Mày đang làm việc cho mấy lão từ Brooklyn hay ở West Side thế?”

“Nghe này, Paul. Đây là việc mày sẽ làm. Mày chỉ mang theo hai khẩu thôi, đúng không? Khẩu Colt. Và một khẩu 22 bé tí. Mày để mấy khẩu khác ở nhà phải không?”

Paul bật cười. “Đúng vậy.”

“Mày tháo hết đạn hai khẩu ra, cứ để nòng khẩu Colt ở trạng thái hết đạn. Bước đến chỗ cửa sổ không bị kẹt kín, ném hết súng ra ngoài. Sau đó, cởi áo jacket ra vứt xuống sàn, mở cửa và đứng ở giữa phòng, hai tay giơ lên đầu. Giơ thẳng hết tay ra.”

“Mày sẽ bắn tao,” gã nói.

“Mày cũng sắp chết rồi còn gì, Paul. Nhưng nếu mày làm theo những gì tao bảo, mày có thể sống lâu thêm chút nữa.”

Đầu dây bên kia ngắt máy.

Tay gã đặt lên giá để ống nghe. Gã ngồi bất động một lúc, nhớ lại từng đêm rất tuyệt vời mới vài tuần trước. Marion cùng gã đến đảo Coney chơi trên sân gôn thu nhỏ, ăn xúc xích và uống bia để quên đi cái nóng. Cô nàng cười như nắc nẻ, kéo gã vào gặp một bà thầy bói trong công viên giải trí. Con mụ tinh quái giả đò ấy đọc các lá bài của gã và nói với gã rất nhiều chuyện. Tuy nhiên, mụ ta đã quên không tính đến sự kiện đặc biệt này, một sự kiện hẳn sẽ hiện ra ở đâu đó nếu tài năng mụ ta xứng đáng với số tiền gã bỏ ra.

Marion... Gã chưa bao giờ nói với cô rằng gã làm gì để kiếm sống. Gã chỉ nói mình làm chủ một phòng tập gym và thi thoảng làm ăn với vài kẻ có quá khứ đáng ngờ. Nhưng gã không nói gì thêm. Bất ngờ, gã nhận ra mình đang tìm kiếm một tương lai nào đó bên cô. Cô là một vũ nữ tại câu lạc bộ trên khu West Side, ban ngày cô học thiết kế thời trang. Lúc này, cô đang làm việc, cô thường đi đến một, hai giờ sáng. Làm sao cô biết được chuyện gì xảy ra với gã?

Nếu đó là Dewey, có khả năng hẳn đã gọi cho cô.

Nếu chúng là những thằng cha ở Williamsburg, chúng sẽ không gọi. Chẳng làm gì cả.

Chuông điện thoại lại vang lên.

Paul tảng lờ đi. Gã tháo kíp đạn khỏi khẩu súng lớn, gỡ viên đạn nằm trong hộp khóa nòng, sau đó lấy đạn ra khỏi khẩu súng lục ổ quay. Gã bước đến bên cửa sổ, ném lần lượt từng khẩu ra ngoài. Gã không nghe thấy tiếng chúng chạm đất.

Nhấp một ngụm soda, gã cởi áo ngoài vứt xuống sàn. Định bước về phía cửa thì gã dừng lại. Gã quay lại tủ lạnh lấy thêm một chai Royal Crown rồi uống cạn. Gã đưa tay lên lau mặt, mở cửa trước, bước lùi lại và giơ hai tay lên.

Chuông điện thoại ngừng reo.

“Đây được gọi là Phòng Thẩm vấn,” người đàn ông tóc bạc mặc đồng phục trắng được là úi cẩn thận đang ngồi trên chiếc ghế dài nhỏ, lên tiếng.

“Cậu chưa bao giờ đến đây,” ông ta nói, vui vẻ tin rằng sẽ không gặp sự phản đối. Ông nói tiếp, “Và cậu chưa từng nghe đến nó.”

11 giờ trưa rồi. Họ đã đưa Paul đến thẳng đây từ căn hộ của Malone. Một ngôi nhà riêng ở thành phố phía Đông khu Thượng Manhattan, dù hầu hết phòng ở tầng trệt chật kín các bàn làm việc, điện thoại và máy đánh chữ như một văn phòng. Chỉ ở phòng khách mới có đi văng và ghế bành. Trên bốn bức tường là các bức tranh thuyền hải quân cũ và mới. Trong góc phòng là một quả cầu. Franklin D. Roosevelt đang liếc xuống gã từ phía trên mặt lò sưởi bằng đá cẩm thạch. Phòng này lạnh đến ngạc nhiên. Nhà riêng có điều hòa không khí. Thử hình dung xem.

Vẫn bị còng tay, Paul ngồi lọt thỏm trong chiếc ghế bành da thoải mái. Hai tay thanh niên hộ tống gã ra khỏi căn hộ của Malone cũng mặc đồng phục trắng ngồi bên cạnh gã, lùi về phía sau một chút. Người đã nói chuyện với gã trên điện thoại là Andrevv Avery, một người có đôi má đỏ hồng và đôi mắt sắc sảo, thận trọng của một võ sĩ quyền anh mặc dù Paul biết cậu ta chưa từng một lần đánh đấm trong đời. Người còn lại là Vincent Manielli, da ngăm đen và giọng nói cho Paul biết cậu ta cũng lớn lên ở cùng khu Brooklyn. Manielli và Avery trông không lớn hơn lũ nhóc chơi bóng gậy trước cửa tòa nhà gã là bao, nhưng thật ngạc nhiên khi họ đều là trung úy hải quân. Khi Paul còn ở Pháp, những tay trung úy gã phục vụ đều là những người nhiều tuổi.

Hai khẩu súng ngắn của họ vẫn nằm trong bao, tuy nhiên miệng bao da vẫn mở, tay họ để rất gần vũ khí.

Tay sĩ quan cao tuổi - tư lệnh hải quân - có chức vụ cao hơn nhiều ngồi đối diện với gã trên ghế bành. Bộ đồng phục của ông ta vẫn giữ được vẻ hào nhoáng như của hai mươi năm trước.

Cửa ra vào bật mở, một phụ nữ quyến rũ mặc đồng phục hải quân trắng bước vào. Bảng tên trên chiếc áo choàng hăng của cô ta ghi là Ruth Willets. Cô trao cho ông ta một tập hồ sơ. “Tất cả đều ở trong này.”

“Cảm ơn, Hạ sĩ quan.”

Khi cô ta quay bước mà không thèm liếc nhìn Paul, tay sĩ quan mở hồ sơ rút ra hai tờ giấy mỏng xem thật kỹ. Đọc xong, ông ta ngược mắt lên. “Tôi là James Gordon. Văn phòng Tình báo Hải quân. Họ thường gọi tôi là Bull.”

” Đây là trụ sở của ông à?” Paul hỏi. “Phòng Thẩm vấn?”

Viên tư lệnh không thèm đáp lời gã, liếc nhìn hai người kia. “Các cậu tự giới thiệu rồi chứ?”

“Vâng, thưa ngài.”

“Không gặp rắc rối gì chứ?”

“Không, thưa ngài.” Avery đáp.

“Tháo còng cho anh ta đi.”

Avery làm theo trong khi Manielli đứng dậy, tay đặt cạnh súng, bực dọc dò xét các khớp ngón tay bị còng của Paul. Manielli cũng có đôi bàn tay của đấu sĩ. Đôi tay của Avery có màu hồng như của người bán hàng hương liệu thực phẩm.

Cái cửa lại bật mở, một người đàn ông khác bước vào. Ông ta tầm sáu mươi tuổi nhưng vẫn cao và săn chắc, giống tay diễn viên trẻ Jimmy Stewart mà Paul cùng Marion đã xem trong một vài bộ phim. Paul nhíu mày. Gã biết khuôn mặt này trong các bài viết trên tờ Times và Herald Tribune. “Thượng Nghị sĩ?”

Ông ta trả lời nhưng là nói với Gordon. “Anh nói gã ta thông minh. Tôi không biết gã có được thông tin đầy đủ như vậy.” Như thế ông ta không vui vẻ gì khi bị nhận ra. Thượng Nghị sĩ nhìn Paul từ đầu xuống chân, rồi ngồi xuống hút một điếu xì gà to.

Sau đó, thêm một người nữa bước vào. Ông ta cùng tầm tuổi như Thượng Nghị sĩ, mặc vest bằng vải lanh trắng cực kỳ nhãn nhúm. Tấm thân bên trong chiếc áo to lớn và mềm mại. Tay ông ta mang theo gậy chống. Ông liếc nhìn Paul, không nói một lời nào, rút vào trong góc ngồi. Trông ông ta cũng quen nhưng Paul không nhớ ra nổi.

“Được rồi,” Gordon tiếp tục. “Tình hình là thế này, Paul ạ. Chúng tôi biết cậu đã làm việc cho Luciano, cả cho Lansky và hai người khác nữa. Và

chúng tôi biết cậu làm gì cho chúng.”

“Vâng, là việc gì thế?”

“Anh là một sát thủ, Paul ạ.” Manielli nhanh nhẹn nói, như thể cậu ta đang chờ đợi được nói câu này.

Gordon nói, “Tháng Ba năm ngoái Jimmy đã thấy cậu...” Ông ta cau mày. “Mấy kẻ như cậu nói sao nhỉ? Các cậu không dùng từ ‘giết’.”

Paul suy nghĩ: Vài người trong chúng tôi nói ‘khử’ Bản thân Paul thích dùng từ ‘hóa kiếp.’ Đó là từ Trung sĩ Alvin York hay dùng để mô tả việc giết binh lính kẻ thù trong chiến tranh. Nó khiến Paul cảm thấy như say khi dùng câu nói một anh hùng chiến tranh đã nói. Nhưng dĩ nhiên, Paul Schumann không chia sẻ điều đó với bất kỳ ai lúc này.

Gordon nói tiếp, “Jimmy nói trông thấy cậu giết Arch Dimici vào ngày mười ba tháng Ba, trong một nhà kho trên đường Hudson.”

Paul đã đi loanh quanh chỗ đó suốt bốn tiếng đồng hồ trước khi Dimici ló mặt ra. Gã đã tin rằng tên này đi một mình. Jimmy chắc hẳn đang say giấc nồng phía sau một trong những chiếc thùng thừa khi Paul đến.

“Bây giờ, từ những gì họ nói với tôi, Jimmy không phải là nhân chứng đáng tin cậy nhất. Nhưng chúng tôi có một số bằng chứng chắc chắn. Mấy thằng nhóc hải quan đến gặp cậu ta để bán cần sa, đổi lại cậu ta đã biết hết kế hoạch của cậu. Có vẻ cậu ta đã nhặt được một vỏ đạn tại hiện trường và đang giữ lại làm đảm bảo. Không có dấu vân tay trên đó - cậu quá thông minh. Nhưng người của Hoover đã xét nghiệm trên khẩu Colt của cậu. Những vết xước từ dấu móc vỏ đạn là trùng khớp.”

Hoover? Cả FBI cũng nhúng tay vào sao? Và họ đã xét nghiệm khẩu súng. Khẩu súng gã vừa vớt ra khỏi cửa sổ căn hộ của Malone một tiếng trước.

Hai hàm răng Paul nghiền chặt vào nhau. Gã tức giận với chính mình. Gã đã kiểm cái vỏ đạn chết tiệt đó nửa tiếng đồng hồ tại hiện trường vụ Dimici. Nhưng cuối cùng, gã kết luận rằng nó lăn qua những khe nứt trên sàn ra đường Hudson.

“Nên chúng tôi đã hỏi han, nghe nói cậu đang được trả 500 đô để...”
Gordon ngập ngừng.

Hóa kiếp.

“... loại bỏ Malone tối nay.”

“Không đời nào,” Paul phá lên cười. “Thằng báo tin cho ông đúng là dở ẹc. Tôi chỉ đến thăm hăn thôi. À mà hăn đâu rồi?”

Gordon ngậm ngừng. “Ngài Malone sẽ không còn là mối đe dọa các cảnh sát hay công dân thành phố New York nữa.”

“Nghe có vẻ ai đẩy nợ ông năm tở 100 đô đấy nhỉ.”

Nhưng Gordon không cười. “Cậu đang ở Hà Lan, Paul. Nên cậu không thể tránh được sự trừng phạt. Và đây là đề nghị của chúng tôi. Như người ta hay nói trong các quảng cáo xe Studebaker dùng rồi: đây là đề nghị chỉ đưa ra một lần. Chấp nhận hoặc từ chối. Chúng tôi không đàm phán đâu.”

Cuối cùng, Thượng Nghị sĩ lên tiếng, “Tom Dewey rất muốn có được cậu, giống như hăn muốn kẻ cặn bã cuối cùng trong danh sách.”

Tay công tố viên đặc biệt đang trong sứ mệnh thiêng liêng dọn sạch tội phạm có tổ chức tại New York. Trùm tội phạm Lucky Luciano, Năm Gia đình Tội phạm Italia trong thành phố và nhóm người Do Thái của Meyer Landsky là các mục tiêu của anh ta. Dewey ngoan cường và thông minh, đang giành phần thắng hết vụ này đến vụ khác.

“Tuy nhiên anh ta cho phép chúng tôi đặt cược chút ít vào cậu.”

“Quên đi. Tôi không phải là chim mồi.”

Gordon đáp, “Chúng tôi không bảo cậu làm chim mồi. Ý chúng tôi không phải thế.”

“Vậy các ông muốn tôi làm gì?”

Tất cả ngậm ngừng một lúc. Thượng Nghị sĩ hất đầu về phía Gordon. Ông ta nói, “Cậu là một sát thủ, Paul. Cậu nghĩ sao nếu chúng tôi muốn cậu đi giết một người?”

Chương 2

Gã nhìn vào mắt Gordon một lúc lâu, rồi chuyển sang mấy bức tranh vẽ hình những con tàu trên tường. Phòng Thẩm vấn... Trong phòng này có bầu không khí quân sự. Giống câu lạc bộ các sĩ quan. Paul thích quãng thời gian gã phục vụ trong quân ngũ. Ở đó, gã cảm thấy như đang ở nhà, có bạn bè, có mục đích sống. Đó là quãng thời gian vui vẻ đối với gã, một quãng thời gian đơn giản - trước khi gã quay về nhà và cuộc sống trở nên phức tạp. Khi cuộc sống trở nên phức tạp, những điều xấu xa có thể xảy đến.

“Ông đang nói thật với tôi đấy à?” “Ồ, tất nhiên.”

Khi Manielli đang liếc mắt cảnh cáo chậm rãi, Paul thọc hai tay vào túi rút ra một bao Chesterfields. Gã châm một điếu. “Tiếp đi.”

Gordon nói, “Cậu ta sở hữu một phòng gym tại Đại lộ 9. Nơi ấy khá khiêm tốn nhỉ?” Câu này ông ta hỏi Avery.

“Ông đã tới đó à?” Paul hỏi.

Avery đáp, “Không quá phô trương.”

Manielli phá lên cười. “Tôi đồng ý, nó thực sự khuất nẻo.”

Tư lệnh nói tiếp, “Nhưng trước khi làm ngành này, cậu đã từng là một thợ in. Cậu thích nghề in không, Paul?”

Thấy tò mò, Paul đáp. “Có.”

“Cậu in có giỏi không?”

“Có, tôi giỏi lắm. Nhưng chuyện này thì có liên quan quái gì?”

“Cậu muốn quên đi quá khứ, bắt đầu lại, trở về làm một thợ in không? Chúng tôi sẽ thu xếp để không ai có thể kiện cậu về bất kỳ điều gì cậu từng làm trong quá khứ.”

“Và,” Thượng Nghị sĩ nói thêm, “chúng tôi sẽ lo liệu một ít tiền nữa. Năm ngàn. Cậu có thể sống một cuộc đời mới.”

Năm ngàn? Paul chớp mắt. Phải làm việc quần quật trong hai năm để kiếm được số tiền đó. Gã hỏi, “Các ông tẩy sạch hồ sơ của tôi như thế nào?”

Thượng Nghị sĩ phá lên cười. “Cậu biết trò chơi mới Cờ Tỷ Phú không? Chơi bao giờ chưa?”

“Mấy đứa cháu của tôi có. Nhưng tôi không chơi.”

Thượng Nghị sĩ tiếp tục, “Thi thoảng khi cậu gieo xúc xắc, kết cục của cậu sẽ là vào tù. Nhưng có một lá bài trên đó viết ‘Thả Tự Do’ Chúng tôi thực sự có một lá tặng cậu. Đó là tất cả những gì cậu cần biết.”

“Các ông muốn tôi giết một người? Chuyện này thật lạ lùng. Dewey sẽ không bao giờ đồng ý.”

Thượng Nghị sĩ nói, “Tay công tố viên đặc biệt đó không bao giờ được biết lý do chúng tôi cần cậu.”

Ngừng một lúc, gã hỏi, “Kẻ nào? Phải Siegel không?” Trong số tất cả đám kẻ cướp, thì Bugsy Siegel là kẻ nguy hiểm nhất. Thực sự là thẳng tâm thần. Paul đã chứng kiến những hậu quả đẫm máu và sự tàn bạo của hắn, những cơn thịnh nộ trở thành huyền thoại của hắn.

“Vào lúc này, Paul ạ,” Gordon đáp, sự khinh bỉ hiện trên nét mặt. “Giết một công dân Mỹ đối với cậu sẽ là hành vi phạm pháp. Chúng tôi không bao giờ đề nghị cậu làm bất kỳ điều gì như thế.”

“Thế thì tôi không hiểu.”

Thượng Nghị sĩ nói, “Việc này giống với một tình huống thời chiến hơn. Cậu đã từng đi lính...” Liếc mắt sang Avery, cậu ta nhắc lại, “Sư đoàn 1 Bộ binh. Quân đoàn 1 của Mỹ. Lực lượng Quân đội Viễn chinh Mỹ, Chiến dịch tấn công St Mihiel, Meuse-Argonne. Anh đã đánh đấm thực sự nghiêm túc đấy. Được tặng vài huân chương vì tài thiện xạ trên chiến trường. Cả đánh giáp lá cà nữa, đúng không?”

Paul nhún vai. Lão béo mặc vest trắng ngồi im trong góc, hai bàn tay gập lại trên tay cầm nạm vàng của chiếc gậy chống. Paul nhìn chăm chăm lão

một lúc rồi quay lại với Tư lệnh. “Tỷ lệ cược tôi sống sót đủ lâu để tận dụng lá bài ấy là bao nhiêu?”

“Hợp lý,” Tư lệnh đáp. “Không nhiều nhưng hợp lý.”

Paul kết bạn với một tay nhà văn kiêm phóng viên thể thao, Damon Runyon. Họ đi uống cùng nhau tại một số quán rượu gần Broadway, đi đâu đó rồi chơi đá banh. Hai năm trước, Runyon có mời Paul đến dự tiệc sau khi New York lần đầu tiên trình chiếu phim Little MiSS Marker, mà ban đầu Paul nghĩ rằng đây là một phim rất hay. Tại bữa tiệc đó, sau khi gã bị tổng cổ ra ngoài mà không được gặp Shirley Temple, gã đã đề nghị Runyon xin một cuốn sách có chữ ký của tác giả. Lời đề tặng tay nhà văn đã viết: Tặng anh bạn của tôi, Paul - Hãy nhớ rằng, trong cuộc đua không phải lúc nào kẻ nhanh nhất sẽ về đích trước tiên.

Avery nói, “Thế những gì chúng tôi vừa nói thì sao? Rằng những cơ hội của anh sẽ tốt hơn nhiều, nếu anh đến khám Sing Sing.”

Ngừng một lúc Paul hỏi, “Sao lại là tôi? Ở New York này có hàng tá thằng sát thủ sẵn sàng làm thế chỉ vì tiền đấy thôi.”

“À. Nhưng cậu thì khác, Paul. Cậu là một thằng không xoàng đâu. Cậu khá đấy. Hoover và Dewey nói cậu đã khử mười bảy thằng.”

Paul chế giễu, “Tin vịt, tôi vẫn nói thế đấy.”

Thực ra con số ấy là mười ba.

“Chúng tôi nghe nói rằng cậu luôn kiểm tra mọi thứ hai, ba lần trước khi thực hiện công việc. Cậu phải chắc chắn rằng những khẩu súng của mình luôn ở trạng thái tốt nhất, cậu nghiên cứu tài liệu về các nạn nhân, cậu thăm thú từ trước những nơi chúng ở, tìm hiểu lịch sinh hoạt của chúng mà cậu chắc chắn chúng tuân thủ. Cậu biết khi nào chúng ở một mình, khi nào chúng gọi điện thoại hoặc chúng đi ăn ở đâu.”

Thượng Nghị sĩ nói thêm, “Và cậu là kẻ thông minh. Như tôi đã nói. Trong vụ này chúng tôi cần kẻ thông minh.”

“Thông minh ư?”

Manielli đáp. “Chúng tôi đã tới nhà anh, Paul. Anh có trữ sách, chết tiệt, lắm sách thật đấy. Thậm chí còn ghi danh vào cả Câu lạc bộ Sách Của Tháng.”

“Không phải những cuốn sách thông minh đâu. Không phải tất cả.”

“Nhưng chúng là sách,” Avery chỉ rõ. “Và tôi dám cá rằng nhiều thẳng trong nghề của anh không đọc sách nhiều.”

“Hoặc *không biết* đọc,” Manielli nói, tự phá lên cười với câu đùa của mình.

Paul nhìn người mặc bộ vest nhẵn nhúm, “Ông là ai?”

“Cậu không cần phải lo...” Gordon bắt đầu.

“Tôi đang hỏi ông ta.”

“Nghe này,” Thượng Nghị sĩ làu bàu. “ở đây chúng tôi là người hỏi, anh bạn ạ.”

Nhưng lão béo xua tay phản đối, rồi nói với Paul, “Cậu có biết một cuốn truyện tranh, Little Orphan Annie không? Kể về cô bé trong mắt không có con người?”

“À có.”

“Vậy thì hãy nghĩ về ta như Doanh nhân Daddy Warbucks.”

“Nghĩa là sao?”

Nhưng lão chỉ cười rồi quay sang Thượng Nghị sĩ. “Tiếp tục vụ của anh đi. Tôi thích cậu ta đấy.”

Tay chính trị gia gầy như que củi nói với Paul, “Điều quan trọng nhất, không giết người vô tội.”

Gordon nói thêm, “Jimmy Coughlin từng bảo chúng tôi rằng, cậu chỉ giết những kẻ giết người. Cậu đã nói gì nhi? À, ‘Chỉnh lại sai lầm của Chúa’? Đó là điều chúng tôi cần.”

“Sai lầm của Chúa!” Thượng Nghị sĩ lặp lại, trên môi có nét cười nhưng không thực tâm.

“Rồi. Thế thì là ai?”

Gordon nhìn Thượng Nghị sĩ, ông ta đánh lạc hướng câu hỏi. “Cậu có bà con nào ở Đức không?”

“Chẳng còn ai cả. Gia đình tôi dọn về đây từ rất lâu rồi.”

Thượng Nghị sĩ hỏi, “Cậu biết gì về Phát xít?”

“Adolf Hitler đang điều hành đất nước. Nghe nói chẳng ai thực sự ủng hộ chuyện đó. Đã có một cuộc mít tinh lớn phản đối y tại Quảng trường

Madison Square Garden vào tháng Ba, khoảng vài năm trước. Tôi nói với các ông, giao thông kinh khủng lắm. Tôi đã bỏ lỡ mất ba trận đấu trên khu Bronx. Tôi vẫn còn bực... Thế đấy.”

“Cậu có biết không, Paul,” Thượng Nghị sĩ chậm rãi nói. “Hitler đang lên kế hoạch một cuộc chiến khác?”

Bất ngờ, ông ngừng bật.

“Các liên lạc của chúng tôi tại Đức vẫn đang gửi tin về từ khi Hitler lên nắm quyền năm 1933. Năm ngoái, một nguồn tin đã tiếp cận được bản thảo lá thư này, do Tướng Beck, một trong những quan chức cấp cao của chúng soạn thảo.”

Tư lệnh trao cho gã một tờ giấy đánh máy bằng tiếng Đức. Paul đọc nội dung trên tờ giấy. Tác giả bức thư kêu gọi tiến hành tái trang bị các lực lượng vũ trang của Đức, chậm nhưng chắc nhằm mục đích bảo vệ và mở rộng nơi Paul dịch là “khu sinh sống.” Quốc gia này phải sẵn sàng cho chiến tranh trong một vài năm.

Gã nhú mào, bỏ tờ giấy xuống. “Chúng sắp triển khai à?”

“Năm ngoái,” Gordon nói. “Hitler đã bắt đầu lên bản dự thảo. Kể từ đó, y xây dựng quân đội còn cao hơn nhiều mức y nói trong thư. Bốn tháng trước, quân Đức đã chiếm Rhineland - vùng phi quân sự giáp biên giới Pháp.”

“Tôi có đọc qua rồi.”

“Chúng đang đóng các tàu ngầm tại Helgoland, sắp giành lại quyền kiểm soát Kênh đào Wilhelm cho tàu chiến di chuyển từ Biển Bắc đến Biển Baltic. Kẻ đang phụ trách tài chính cho hoạt động này có chức danh mới. Hẳn là người đi đầu trong “nền kinh tế chiến tranh.” Còn cuộc nội chiến tại Tây Ban Nha? Hitler đang gửi quân và trang thiết bị đến, được cho là hỗ trợ Franco. Thực tế là y đang dùng chiến tranh huấn luyện binh sĩ của mình.”

“Các ông muốn tôi... muốn tôi làm sát thủ giết Hitler à?”

“Chúa ơi, không.” Thượng Nghị sĩ đáp. “Hitler chỉ là một thằng lập dị thôi. Đầu óc khô khan. Y muốn tái vũ trang đất nước của y nhưng không biết làm thế nào.”

“Và kẻ các ông đang nói đến làm chuyện này?”

“Tất nhiên là hẳn làm,” Thượng Nghị sĩ đáp. “Tên hẳn là Reinhard Ernst. Hẳn vốn là đại tá trong Thế Chiến nhưng giờ là thường dân rồi. Chức danh này rất khó hiểu: đại diện toàn quyền về Ổn định trong nước. Nhưng chỉ để che mắt. Hẳn là bộ não đằng sau cuộc tái vũ trang này. Hẳn mó tay vào mọi thứ: tài chính với Schacht, quân đội với Blomberg, hải quân với Raeder, không quân với Göring và đạn dược với Krupp.”

“Thế còn Hiệp ước Versailles? Tôi tưởng chúng không thể có quân đội?”

“Không phải là đội quân lớn... Tương tự như hải quân thôi... và không hề có không quân,” Thượng Nghị sĩ nói. “Nhưng người của chúng tôi nói rằng binh lính và thủy thủ đang tỏa ra khắp nước Đức, như rượu vang rót trên bánh cưới Canada.”

“Vậy quân Đồng minh không cản được chúng à? Ý tôi là, chúng ta đã thắng trong Thế Chiến thứ I?”

“Chẳng ma nào ở châu Âu chịu làm gì hết. Phía Pháp lẽ ra đã ngăn chặn được Hitler vào tháng Ba lạnh lẽo năm ngoái tại Rhineland. Nhưng họ không làm. Còn Anh? Tất cả những gì họ làm là la rầy một con chó tè bậy lên thảm.”

Một lúc sau Paul hỏi, “Và chúng ta đã làm gì để chặn chúng lại?”

Cái liếc mắt tinh tế của Gordon thể hiện sự tôn trọng. Thượng Nghị sĩ nhún vai. “Người Mỹ chỉ muốn hòa bình. Những kẻ theo chủ nghĩa biệt lập đang nắm Chính phủ. Họ không muốn dính líu vào hoạt động chính trị tại Châu Âu. Đàn ông muốn có việc làm, những bà mẹ không muốn mất con trai trên Chiến trường Flanders Field nữa.”

“Và tổng thống muốn được bầu lại vào tháng 11 này,” Paul nói, cảm thấy đôi mắt của Frank Lin D. Roosevelt đang dòm xuống gã từ phía trên bệ lò sưởi trang trí hoa văn.

Một khoảng im lặng vụng về. Gordon phá lên cười. Thượng Nghị sĩ thì không.

Paul dụi tắt điếu thuốc. “Được rồi. Chắc rồi. Giờ hiểu rồi. Nếu tôi có bị bắt sẽ chẳng có gì truy ngược về phía các ông. Hoặc ông ta.” Hất đầu lên bức tranh Roosevelt. “Chết tiệt. Tôi chỉ là một thường dân điên rồ, không

phải là lính như hai tên này.” Liếc mắt về phía hai tay sĩ quan trẻ. Avery mỉm cười, Manielli cũng làm thế nhưng nụ cười của cậu ta rất khác.

Thượng Nghị sĩ nói, “Đúng vậy đấy, Paul. Hoàn toàn chính xác.”

“Và tôi nói tiếng Đức.”

“Chúng tôi nghe nói rằng cậu thạo lắm.”

Ông nội Paul đã tự hào về đất nước của tổ tiên mình, giống như bố của gã. Ông một mực bắt lũ trẻ phải học tiếng Đức, phải nói thứ tiếng mẹ đẻ ấy trong nhà. Gã nhớ lại những giây phút dở khóc dở cười, mẹ gã quát lên bằng tiếng Ireland, bố gã quát lại bằng tiếng Đức khi họ cãi nhau. Paul cũng làm việc trong nhà máy của ông nội, đặt chữ in, đọc và sửa định dạng các bản in bằng tiếng Đức, trong những mùa hè khi gã còn học trung học.

“Chuyện này sẽ tiến hành thế nào? Tôi chưa nói đồng ý đâu. Chỉ tò mò thôi. Chuyện này sẽ tiến hành thế nào?”

“Có một con tàu đưa đội tuyển Olympic, gia đình họ cùng cánh phóng viên sang Đức, sẽ khởi hành vào ngày mai. Cậu sẽ đi bằng chuyến tàu đó.”

“Đội tuyển Olympic?”

“Chúng tôi đã cho rằng đó là cách hay nhất. Sẽ có hàng nghìn người nước ngoài trong thành phố. Berlin sẽ chật ních. Quân đội và cảnh sát của chúng sẽ bận tối mắt.”

Avery nói, “Cậu sẽ chẳng có liên quan chính thức gì đến các hoạt động Olympic - phải đến ngày mừng một tháng Tám, các môn thi đấu mới bắt đầu. Ủy ban Olympic sẽ chỉ biết cậu là một ký giả.”

“Một phóng viên thể thao,” Gordon nói thêm. “Đó là vỏ bọc của cậu. Nhưng về cơ bản cậu phải giả ngu và biến thành người vô hình. Đến làng Olympic cùng mọi người khác, ở đấy một hai ngày rồi lên vào thành phố. Ở khách sạn sẽ không ổn đâu, Đảng Quốc Xã sẽ giám sát toàn bộ khách và ghi chép hộ chiếu. Người của chúng tôi sẽ thuê một phòng trong một nhà trọ tư nhân cho cậu.”

Như một tay lành nghề, những câu hỏi nhất định về công việc tràn vào óc gã. “Tôi sẽ dùng tên mình chứ?”

“Phải, cậu sẽ dùng tên mình. Nhưng chúng tôi cũng cung cấp cho cậu một hộ chiếu đào thoát - ảnh là ảnh cậu nhưng dùng tên khác. Do một quốc

gia khác cấp.”

Thượng Nghị sĩ nói, “Cậu trông giống người Nga. To lớn và rắn chắc.” Ông ta gật đầu. “Chắc rồi, cậu sẽ là ‘người đến từ nước Nga’”.

“Tôi không nói được tiếng Nga.”

“Thì cũng có ai nói được đâu. Mà có khả năng cậu cũng chẳng bao giờ cần hộ chiếu. Chỉ để đưa cậu rời khỏi Đức, trong trường hợp khẩn cấp thôi.”

“Và,” Paul nói nhanh, “để chắc chắn không ai lần theo tôi đến chỗ các ngài nếu tôi thất bại, đúng không?”

Sự ngập ngừng của Thượng Nghị sĩ theo sau là cái liếc mắt nhìn Gordon, cho thấy gã nói đúng.

Paul nói tiếp, “Thế thì tôi sẽ làm việc cho ai đây? Mọi tòa báo ở đó đều có cộng tác viên đưa tin. Họ sẽ biết tôi không phải là nhà báo.”

“Chúng tôi đã nghĩ đến chuyện này. Cậu sẽ là người viết tin bài độc lập, đang cố gắng bán cho mấy tờ báo thể thao lá cải khi quay về.”

Paul hỏi, “Người của các ông ở đó là ai?”

Gordon đáp. “Lúc này không nói tên được.”

“Tôi không cần tên. Các ông có tin tưởng anh ta không? Và tại sao?”

Thượng Nghị sĩ đáp, “Anh ta đã sống ở đó được hai năm, đang cung cấp cho chúng tôi những thông tin chất lượng. Anh ta đã phục vụ cho tôi trong Thế Chiến thứ I. Riêng tôi biết anh ta.”

“Vỏ bọc của anh ta ở đó là gì?”

“Thương nhân, người trợ giúp tổ chức sự kiện, đại loại thế. Làm việc độc lập thôi.”

Gordon nói tiếp, “Anh ta sẽ cung cấp cho cậu vũ khí, bất kỳ điều gì cậu cần biết về mục tiêu.”

“Tôi không có hộ chiếu thật. Ý tôi là mang tên tôi.”

“Chúng tôi biết, Paul. Chúng tôi sẽ kiếm cho cậu một hộ chiếu.”

“Tôi có được lấy lại súng không?”

“Không,” Gordon nói và đó là dấu chấm hết cho vấn đề. “Và đó là kế hoạch tóm tắt của chúng tôi. Cậu nên biết rằng, nếu cậu nghĩ đến chuyện

nhảy lên máy bay nào đó, rồi nằm ườn trong căn lều dành cho người vô gia cư ngoài phía Tây...”

Paul tuy rất bực mình, nhưng gã chỉ nhú mày rồi lắc đầu.

“Hai thanh niên đẹp trai sẽ bám lấy cậu như đĩa cho đến khi tàu cập cảng Hamburg. Và nếu cậu có mong muốn thoát khỏi Berlin, liên lạc của chúng tôi sẽ để mắt đến cậu. Nếu cậu biến mất, anh ta sẽ gọi cho chúng tôi. Chúng tôi sẽ gọi cho Phát xít nói rằng một sát thủ người Mỹ đào tẩu đang nhỡn nhơ tại Berlin. Chúng tôi sẽ đưa cho chúng tên và ảnh của cậu.” Gordon nhìn thẳng vào mắt gã. “Nếu cậu nghĩ chúng tôi giỏi việc theo dõi cậu, Paul, thì cậu chưa từng thấy Phát xít giỏi việc đó thế nào. Và theo những gì chúng tôi biết, chúng sẽ không buồn mở phiên tòa và ký lệnh hành hình đâu. Giờ chúng ta rõ cả chưa?”

“Trăm phần trăm.”

“Tốt.” Tư lệnh liếc nhìn Avery. “Giờ nói cho cậu ta biết chuyện gì xảy ra khi xong việc.”

Tay trung úy nói, “Chúng tôi sẽ có một máy bay và một phi hành đoàn chờ anh tại Hà Lan. Có một chiếc máy bay cũ ở ngoài Berlin. Sau khi xong việc anh sẽ đi máy bay rời khỏi đó.”

“Đi bằng máy bay à?” Paul hỏi đầy ngạc nhiên. Đi máy bay khiến gã phấn khích. Khi lên chín tuổi gã bị ngã gãy tay – lần đầu tiên trong bao nhiêu lần gã không muốn nhớ - khi lặn một con tàu lượn, cất cánh từ trên mái xưởng in hai tầng của bố, rồi tan tành trên mặt đường đá cuội bẩn thỉu.

“Đúng vậy, Paul ạ.” Gordon đáp.

Avery nói, “Anh thích máy bay phải không? Trong căn hộ của anh có cả đồng tạp chí về máy bay. Cả sách nữa. Tranh ảnh về máy bay. Rồi các mô hình. Anh tự làm hết à?”

Paul cảm thấy xấu hổ. Việc họ phát hiện các đồ chơi của gã khiến gã tức giận.

“Cậu là phi công à?” Thượng Nghị sĩ hỏi.

“Đã bao giờ tôi trèo lên máy bay đâu.” Rồi gã lắc đầu. “Tôi không biết.” Toàn bộ chuyện này vô cùng ngớ ngẩn. Sự im lặng bao trùm lấy căn phòng.

Chính người mặc bộ vest nhẵn nhúm phá vỡ sự im lặng. “Tôi cũng là đại tá trong Thế Chiến thứ I. Giống như Reinhard Ernst. Tôi cũng ở Argonne Woods. Giống như cậu.”

Paul gật đầu.

“Cậu biết tổng cộng là bao nhiêu không?”

“Tổng cộng cái gì cơ?”

“Chúng ta đã mất bao nhiêu người?”

Paul nhớ lại một biển xác chết, lính Mỹ, Lính Pháp và lính Đức. Những binh sĩ bị thương trông còn khủng khiếp hơn theo nhiều cách. Họ la hét, gào khóc, rên rỉ rồi kêu cha gọi mẹ. Bạn sẽ không bao giờ quên được âm thanh đó. Không bao giờ.

Lão già nói bằng một giọng tôn kính, “Quân Viễn chinh Mỹ mất hơn hai mươi lăm nghìn người. Gần một trăm người bị thương. Phân nửa đoàn quân dưới trướng của tôi chết hết. Trong một tháng, chúng tôi tiến quân bảy dặm tấn công kẻ thù. Mỗi ngày trôi qua trong đời mình, tôi đều nghĩ đến những con số ấy. Phân nửa lính của tôi và bảy dặm. Và trận Meuse-Argonne là chiến thắng ngoạn mục nhất của chúng ta trong Thế Chiến thứ I... Tôi không muốn tái diễn chuyện đó nữa.”

Paul nhìn ông ta chăm chú. “Ông là ai?” gã lại hỏi.

Thượng Nghị sĩ tỏ vẻ khó chịu vừa định nói, thì lão già đáp, “Ta là Cyrus Clayborn.”

Phải, thế thì đúng rồi. Trời ạ... Lão già này là người đứng đầu Công ty Điện thoại và Điện báo - một triệu phú thực sự, cho đến tận bây giờ, trong bóng đen cuộc Đại Suy thoái.

Lão nói tiếp, “Daddy Warbucks, như ta đã nói. Ta là chủ ngân hàng. Vì thử hình dung xem, thông thường những kế hoạch như thế này tốt hơn không nên lấy tiền của dân. Ta đã quá già để ra trận vì Tổ quốc. Nhưng ta sẽ làm việc ta có thể làm được. Thỏa mãn chưa nhóc?”

“Rồi.”

“Tốt,” Clayborn quan sát gã. “Ta chỉ nói một điều nữa thôi. Số tiền? Lúc này đã nói đến tiền rồi phải không?”

Paul gật đầu.

“Gấp đôi lên đi.”

Paul cảm thấy làn da gã nhờn nhột. Mười ngàn đô la? Gã không thể tưởng tượng được.

Gordon chậm rãi quay sang phía Thượng Nghị sĩ. Paul hiểu điều này không nằm trong kịch bản.

“Các ông trả bằng tiền mặt được không? Không trả bằng séc.”

Vì lý do nào đó, cả Thượng Nghị sĩ lẫn Claybom nghe xong cùng phá lên cười. “Bất kỳ điều gì cậu muốn, tất nhiên rồi,” nhà công nghiệp nói.

Thượng Nghị sĩ đẩy chiếc điện thoại cố định gần hơn về phía gã, gõ gõ lên ống nghe. “Quyết định thế nào hả con trai? Bọn ta có phải gọi cho Dewey hay không đây?”

Tiếng quẹt diêm phá tan bầu không khí im lặng khi Gordon châm thuốc. “Suy nghĩ cho kỹ đi, Paul. Bọn ta đang cho cậu một cơ hội xóa đi quá khứ. Bắt đầu lại tất cả. Làm gì có tên sát thủ nào được ân huệ như thế?”

Thứ Sáu, ngày 14 tháng 07 năm 1936

Chương 3

Cuối cùng, gã có thể thực hiện công việc mà gã tới đây để làm.

Đã 6 giờ sáng và con tàu *S.S. Manhattan*, với hành lang hạng ba tỏa mùi hăng hăng nơi gã đứng, đang thẳng tiến về bến cảng Hamburg, mười ngày sau khi rời New York.

Theo nghĩa đen, con tàu này mang cờ hiệu của hãng vận chuyển xuyên Đại Tây Dương ‘United States Lines’ - con tàu đầu tiên trong đội tàu của hãng được đóng dành riêng để chở khách. Con tàu to thật - diện tích rộng hơn hai sân bóng - tuy nhiên trên chuyến hải hành này, hành khách đặc biệt đông. Những chuyến đi xuyên Đại Tây Dương điển hình, tàu chỉ chở thêm sáu trăm hành khách hoặc hơn với thủy thủ đoàn năm trăm người. Nhưng chuyến đi này, có gần bốn trăm Vận động viên Olympic, các nhà quản lý và huấn luyện viên cùng tám trăm năm mươi hành khách. Hầu hết bao gồm gia đình, bạn bè, phóng viên báo chí và các thành viên của AOC*, chiếm trọn gian ăn ở trên tàu chia thành ba hạng.

Số lượng hành khách cùng những yêu cầu bất thường của Vận động viên và phóng viên trên tàu Manhattan khiến cuộc sống của đám thủy thủ mẫn cán, lịch thiệp trở nên sôi động, nhưng điều này đặc biệt đúng đối với người đàn ông béo tròn, hói đầu tên là Albert Heinsler. Chắc chắn công việc khuân vác của y đồng nghĩa với hàng giờ liền mệt nhọc dai dẳng và căng thẳng. Tuy nhiên, khía cạnh nặng nhọc nhất là vai trò thực sự của y trên tàu, vai trò mà không một ai biết gì về nó. Heinsler hay tự xưng mình với mật danh A, đó là cách cơ quan tình báo Phát xít gọi các mật vụ của chúng tại Đức - Agentent.

Thực ra tên cử nhân 34 tuổi lánh đời này chỉ đơn thuần là một thành viên của German American Bund - một nhóm những người Mỹ nghèo kiết xác

ủng hộ Hitler, kết đồng minh với tổ chức Christian Front bài Do Thái, Người Cộng sản và Người Da đen. Heinsler không căm ghét nước Mỹ. Tuy nhiên, y không bao giờ quên được những ngày tháng khủng khiếp ở tuổi vị thành niên, khi gia đình y bị đày đọa đến khánh kiệt vì thành kiến chống Đức, bản thân y bị mắng nhiếc, chửi bới không thương tiếc - “Thằng phát xít chó đẻ” - và bị đánh cho bầm dập trên sân trường, hay trong những con hẻm.

Không, y không căm ghét đất nước mình. Nhưng y yêu nước Đức Phát xít bằng cả trái tim, vô cùng ngưỡng mộ Đấng Cứu Thế Adolf Hitler. Y sẽ hy sinh cả bản thân mình vì con người này - sẵn sàng ngồi tù, kể cả chết nếu cần.

Heinsler không tin nổi vào vận may đến với y khi một thành viên SA chỉ huy ở tổng hành dinh của tổ chức tại New Jersey đã để ý người đồng chí trung thành này từng làm nhân viên kế toán trên các tàu chở khách. Họ đã thu xếp cho y vào làm việc trên tàu Manhattan. Tay sĩ quan chỉ huy mặc đồng phục nâu gặp y trên lối đi lát ván dọc bờ biển tại Thành phố Atlantic. Ông ta giải thích trong khi Phát xít rộng lượng đón chào mọi người đến từ khắp nơi trên thế giới, họ cũng rất lo lắng trước những xâm phạm an ninh có thể phát sinh khi đám Vận động viên và du khách tràn vào Đức. Trách nhiệm của Heinsler là trở thành một đại diện bí mật của Phát xít trên tàu này. Cho dù y sẽ không làm công việc trước kia của mình - trông coi sổ sách kế toán. Điều quan trọng là y được tự do đi lại khắp nơi trên thuyền mà không bị nghi ngờ, với tư cách một nhân viên khuân vác.

Ôi, đây đúng là cơ hội đổi đời của y! Ngay lập tức y vĩnh biệt công việc kế toán công được chứng nhận ở quận Lower Broadway. Trong khi chờ tàu ra khơi vài ngày sau đó, y dương dương tự đắc lắm, chăm chỉ chuẩn bị cho nhiệm vụ khi suốt đêm nghiên cứu các sơ đồ của con tàu, luyện tập vai diễn nhân viên khuân vác, luyện lại tiếng Đức và học hỏi biến thể của mã Morse, còn được gọi là mã quốc tế sử dụng để truyền thông điệp đến và đi từ Châu Âu.

Khi tàu rời bến cảng, y luôn tự nhắc mình không ngừng quan sát, lắng nghe và trở thành mặt vụ A hoàn hảo. Nhưng khi tàu Manhattan ra biển, y

không thể liên lạc với nước Đức, tín hiệu vô tuyến điện báo di động của y quá yếu. Dĩ nhiên bản thân con tàu có hệ thống điện báo vô tuyến rất mạnh, cũng như vô tuyến điện sóng ngắn lẫn sóng dài, nhưng y hầu như không thể truyền tín hiệu bằng các thiết bị này, sẽ cần đến một người vận hành vô tuyến điện trong đám thủy thủ. Trong khi một điều thiết yếu là không ai được phép nghe hoặc nhìn thấy những thông điệp được truyền đi.

Lúc này, qua ô cửa sổ mạn tàu, Heinsler liếc nhìn dải đất xám xịt của nước Đức. Phải, y tin mình đã đến đủ gần bờ biển để truyền tin. Y bước vào trong cabin nhỏ, lôi ra bộ máy điện báo vô tuyến hiệu Allochio Bacchini nằm dưới vông. Y quay ra cầu thang dẫn lên boong cao nhất, nơi y hy vọng sóng yếu sẽ truyền được tín hiệu vào bờ biển.

Khi bước xuống hành lang hẹp, trong đầu y soạn lại thông điệp lần nữa. Một điều duy nhất khiến y hối tiếc, đó là không thể viết thêm vào họ tên và tư cách của mình cho dù y muốn. Ngay cả Hitler cũng kín đáo ngưỡng mộ thành quả của German-American Bund - nhóm Do thái cuồng bạo và ác liệt - đến nỗi đích thân Quốc trưởng phải công khai phủ nhận điều đó. Những lời nói của Heinsler sẽ chẳng được chú ý nếu y thêm bất kỳ ám chỉ nào đến nhóm người Mỹ này.

Như thế, thông điệp đặc biệt này chắc chắn sẽ không bị làm ngơ.

Gửi Trung úy SS, Hamburg: Tôi là người trung thành với Chủ nghĩa Phát xít. Được tin một tên có liên hệ với Nga âm mưu gây ra thiệt hại ở cấp cao tại Berlin trong vài ngày tới. Vẫn chưa rõ thân phận hẳn, nhưng sẽ tiếp tục tìm hiểu vấn đề, hy vọng sớm gửi tin.

Gã đã sống sót khi tập đối kháng.

Không có cảm giác nào giống thế này. Nhảy nhót trong đôi giày da, các cơ bắp nóng lên, làn da vừa mát lạnh vì mồ hôi vừa nóng rát vì máu chảy trong người, nguồn phát điện trong cơ thể không ngừng chuyển động. Cả cơn đau nữa. Paul Schumann tin rằng gã có thể học được rất nhiều từ cơn đau. Rốt cuộc, điều đó mới quan trọng.

Nhưng giống như bản thân môn quyền anh, gã thích tập đối kháng phần lớn vì thành bại chỉ dựa vào đôi vai rộng và mảnh khảnh, đôi chân lanh lợi, đôi tay mạnh mẽ và tư duy của gã. Trong đấm bốc, chỉ có bạn chống lại đối thủ, không có đồng đội hỗ trợ. Nếu bạn thất bại, thì tức là hẳn ta giỏi hơn bạn. Đơn giản vậy thôi. Và nếu bạn thắng, công trạng là của bạn - bởi vì bạn đã nhảy dây, bạn từ bỏ rượu chè và thuốc lá, bạn dành hàng giờ, hàng giờ liền suy nghĩ cách phá lớp phòng thủ, tìm ra những điểm yếu của đối phương. Gã đã gặp may tại Ebbets Field và Sân vận động Yankee. Nhưng trên võ đài, sẽ không có may mắn như thế.

Lúc này gã đang nhảy nhót trên võ đài được dựng lên trên boong chính của tàu Manhattan, cả con tàu được biến thành một phòng tập thể dục bằng bênh dành cho việc huấn luyện. Một trong số các võ sĩ quyền anh đã thấy gã từng đấm bao cát đêm qua, cậu ta hỏi gã sáng nay có muốn làm một cử tập dượt trước khi tàu cập bến không. Ngay lập tức Paul đồng ý.

Giờ thì gã khéo léo tránh được vài cú móc trái kết hợp với cách di chuyển đặc trưng, khiến đối thủ của gã chớp mắt ngạc nhiên. Nhưng chưa kịp chuyển về thế thủ, gã ăn ngay một cú đấm mạnh vào bụng. Ban đầu gã cứng người lại - đã lâu lắm rồi gã không thượng đài - nhưng đi cùng gã trên tàu là một tay bác sĩ thể thao trẻ tuổi, thông minh tên là Joel Koslow, cậu ta nhìn gã chăm chú rồi bảo cậu ta có thể mặt đối mặt với một võ sĩ bằng nửa tuổi gã. “Cho dù tôi chỉ cầm cự được hai hoặc ba hiệp thôi,” cậu ta nói thêm kèm một nụ cười. “Những thằng nhóc này khỏe lắm. Tràn đầy năng lượng.”

Tất nhiên điều này đúng. Nhưng Paul không bận tâm. Thực ra, tập luyện càng khó khăn bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu - bởi vì khóa học này sẽ cho gã tâm thế tốt nhất đương đầu với những gì đang chờ đợi gã ở Berlin, như tập dượt với một đối thủ vô hình, hay nhảy dây trên tàu mà ngày nào gã cũng làm.

Paul tập hai hoặc ba lần một tuần. Gã rất thèm khát được tập cùng người khác, bất chấp việc gã đã bốn mươi một tuổi, vì gã chính là cuốn cẩm nang kỹ thuật đấm bốc biết đi. Gã tập ở bất kỳ đâu có thể, trong các phòng tập gym tại Brooklyn, trong các sàn đấu ngoài trời tại Coney Island và ngay

trong những cuộc họp nghiêm túc. Damon Runyon là một trong những người sáng lập Câu lạc bộ Thể thao Thế Kỷ 20 - cùng nhà quảng bá huyền thoại Mike Jacobs và một số ký giả khác. Tự anh ta đưa Paul đến Trường Đua ngựa New York để tập luyện. Có đôi lần gã đã so găng với vài người trong số những huyền thoại. Gã còn tập trong cả các phòng gym, trong một tòa nhà nhỏ gần bến cảng West Side. Được rồi Avery, không quá phô trương nhưng cái nơi bẩn thỉu, dơ dáy và ẩm thấp này là một thánh đường chùng nào Paul còn quan tâm. Và Sorry Williams, người sống ở căn phòng sau luôn luôn giữ nơi này gọn gàng, lúc nào cũng có đá, khăn mặt và bia để xài.

Thằng nhóc giở trò nghi binh nhưng Paul biết ngay cú đấm mạnh sẽ đến từ đâu, gã khóa nó lại rồi giáng cho cậu ta một cú thật mạnh vào ngực. Tuy nhiên, gã cản trợt cú đấm tiếp theo, cảm thấy găng tay da giáng một cú vững chắc vào hàm. Gã di chuyển xa tầm tay của thằng nhóc, tránh cú đấm theo sau đó. Họ lại di chuyển vòng tròn.

Khi di chuyển trên tấm thảm, Paul để ý thằng bé rất khỏe và nhanh, nhưng gã không thể đứng cách đối thủ quá xa. Gã bị khao khát chiến thắng lấn át. Bạn cần có khao khát, dĩ nhiên, nhưng điều quan trọng là phải bình tĩnh quan sát cách thằng nhóc di chuyển, tìm kiếm những đầu mối cho biết cậu ta sẽ làm gì tiếp theo. Sự tỉnh táo này là điều tối quan trọng để trở thành một võ sĩ quyền anh vĩ đại.

Và nó cũng là điều thiết yếu đối với một sát thủ.

Gã gọi nó là chạm vào đá.

Bảy năm trước, ngồi trong một quán nhậu bình dân của Hanrahan trên phố 48, Paul đang chăm sóc một bên mắt tím bầm đau khôn tả. Nhờ cử chỉ nhã nhặn của Beavy Wayne, hẳn không thể đấm vào đúng giữa để cứu mạng gã, nhưng lạ Chúa, hẳn có thể đánh trúng mí mắt gã. Khi Paul áp miếng bít tết rẻ tiền lên mặt, một tay da đen to lớn đưa đá hàng ngày xô qua cửa. Hầu hết những người đưa đá đều dùng móc vác những khối đá trên lưng, tuy nhiên tay này mang bằng hai tay không. Chẳng buồn đeo găng. Paul nhìn tay da đen bước đi phía sau quầy bar, đặt khối đá vào ngăn.

“Này,” Paul gọi anh ta. “Xé ít đá cho tôi được không?”

Tay da đen nhìn vết tím bầm quanh mắt Paul rồi phá lên cười. Anh ta rút cái dùi đập đá trên giá, sau đó xẻ ra một miếng, Paul bọc nó vào khăn tay rồi áp lên mặt. Gã nhét một hào cho tay đưa đá, anh ta nói, “Cảm ơn.”

“Cho tôi hỏi,” Paul nói. “Làm sao anh mang được đá như thế? Không đau à?”

“Ôi nhìn này,” Anh ta giơ lên hai bàn tay to bè. Hai gan bàn tay chỉ chút vết bóng, đã thành sẹo và nhợt nhạt như tấm giấy da bố gã hay dùng để in những giấy mời đẹp mắt.

Anh ta giải thích, “Đá cũng có thể khiến anh bị bỏng, giống hệt lửa. Và để lại sẹo. Tôi đã chạm vào đá lâu đến mức tôi không còn cảm giác nữa.”

Chạm vào đá...

Câu nói này khiến Paul ấn tượng. Gã nhận ra chính xác điều này đã xảy ra trong công việc của gã. Gã tin rằng trong tất cả chúng ta đều có đá. Chúng ta có thể lựa chọn nắm chặt lấy hay không.

Lúc này đây, trong căn phòng tập thể dục tạm bợ này, cách xa nhà hàng nghìn dặm, Paul cảm thấy một chút tê liệt tương tự khi gã đánh mất mình trong kế hoạch cho một trận đấu tập. Găng chạm găng và da chạm da. Ngay cả trong bầu không khí mát lạnh buổi bình minh ngoài biển, hai đấu thủ đều ướt đẫm mồ hôi khi phải di chuyển vòng tròn, tìm kiếm những điểm yếu, cảm nhận những điểm mạnh. Có lúc sát gần nhau, có lúc rời xa nhau. Nhưng luôn luôn cảnh giác.

Không có may mắn như thế trên võ đài...

Albert Heinsler đứng sau một ống khói trên các boong cao của tàu Manhattan, cảm giắc vào bộ vô tuyến điện. Y rút ra chiếc chìa khóa bé xíu màu nâu đen rồi tra vào mặt trên cùng của thiết bị.

Y gặp chút rắc rối khi sử dụng máy phát của Italia - y cho rằng MuSSolini tỏ ra thiếu tôn trọng Quốc trưởng - nhưng đây chỉ đơn thuần là cảm tính, y biết rằng Allocchio Bacchini là một trong số những máy phát tốt nhất thế giới.

Khi các ống đã nóng lên, y xoay chìa khóa, chấm gạch, chấm gạch. Do tính chất nhiệm vụ, y ép mình phải tập luyện liên tục hàng tiếng đồng hồ. Y tự định thời gian ra cho mình từ trước khi tàu nhổ neo, y có thể gửi một tin nhắn có độ dài như thế này trong chưa đầy hai phút.

Nhìn trừng trừng vào bờ biển sắp tới, Heinsler hít một hơi sâu. Lên trên boong cao nhất này, không khí thật dễ chịu. Trong khi y không phải nhốt mình trong cabin, nôn khan rồi rên rỉ như hàng trăm hành khách và thậm chí là thủy thủ đoàn, y cảm ghét nỗi sợ không gian kín dưới kia. Sự nghiệp kế toán viên tàu biển trước kia của y danh giá hơn công việc khuân vác, y có cabin to hơn trên boong tàu cao hơn. Nhưng chẳng hề gì - vinh dự được giúp đỡ đất nước thứ hai của y đủ át đi sự khó chịu.

Cuối cùng, trên bề mặt thiết bị vô tuyến sáng ánh đèn. Y cúi xuống, điều chỉnh hai số trên mặt rồi lướt ngón tay trên khóa Bakelite nhỏ xíu. Y bắt đầu phát tin nhắn được y dịch sang tiếng Đức khi ấn khóa lên xuống:

Chấm chấm gạch chấm... chấm chấm gạch... chấm gạch chấm... gạch gạch gạch... gạch chấm chấm chấm... chấm... chấm gạch chấm...

Gửi Trung...

Y không thể gửi tiếp.

Heinsler thở hồng hộc khi một bàn tay túm lấy cổ áo y từ phía sau, lôi y lùi lại. Mắt thẳng băng, y hét lên một tiếng rồi ngã oạch xuống boong tàu mềm mại bằng gỗ sồi.

“Không, không, đừng làm tôi đau!” Y vừa dợm đứng lên thì người đàn ông to lớn với gương mặt dữ tợn, mặc đồ đấm bốc, bàn tay nắm lại thành nắm đấm to tướng rút lại, rồi lắc đầu.

“Không được cử động.”

Heinsler lại nằm xuống, toàn thân run rẩy.

Thằng Phát xít chó chết...

Tay võ sĩ quyền anh vươn người về phía trước, tay rút dây ắc quy ra khỏi thiết bị. “Đi xuống,” gã nói, thu lại máy phát. “Ngay bây giờ.” Nói rồi gã kéo mặt vụ A đứng dậy.

“Mày định âm mưu làm gì?”

“Cút đi,” tên đầu hói chửi, cho dù giọng nói run rẩy phản lại những lời của y.

Họ đang ở trong cabin của Paul. Chiếc máy phát, ắc quy và những thứ trong túi người đàn ông nằm vương vãi trên chiếc võng hẹp. Paul lặp lại câu hỏi, lần này thêm vào tiếng gầm gừ đáng sợ. “Nói cho tao biết...”

Một cú đập mạnh lên cửa ra vào. Paul bước lên phía trước, giơ nắm đấm lên mở cửa. Vince Manielli lao vào trong cabin.

“Tôi nhận được tin nhắn của anh rồi. Cái quái gì...?” Cậu ta chột im bật, nhìn chằm chằm tù nhân của họ.

Paul trao cho cậu ta cái ví. “Albert Heinsler. German - American Bund*.”

“Ôi Lạy Chúa... Không phải là con đê.”

“Hắn có cái kia kìa.” Hất đầu về phía máy điện báo vô tuyến.

“Hắn đang do thám chúng ta à?”

“Tôi không biết. Nhưng hắn ta đang phát đi thứ gì đó.”

“Làm sao anh phát hiện ra hắn?”

“Cứ cho là linh cảm đi.”

Paul không nói với Manielli rằng trong khi gã tin tưởng Gordon cùng nhóm của ông ta đến thời điểm này, gã không biết có thể họ đã sơ hở đến thế nào trong trò chơi này. Có thể họ đã để lại một vệt đầu mối kéo dài đến một dặm - những ghi chép về con tàu, những lời nói bất cẩn về Malone hay một vụ hóa kiếp khác, ngay cả những ám chỉ đến chính bản thân Paul. Gã không nghĩ rằng có rất nhiều nguy cơ từ phía Phát xít, điều gã lo lắng là tin tức gã đang đi trên tàu này có thể đã lan đến tai đám kẻ thù cũ của gã tại Brooklyn hay Jersey và gã muốn mình được chuẩn bị. Nên ngay khi tàu rời cảng, gã rút ra tờ 100 đô la giúi vào tay ông phó thuyền trưởng có thâm niên. Với lời dặn ông ta tìm hiểu xem có bất kỳ thành viên thủy thủ đoàn nào không quen biết, có vẻ khép kín và hỏi những câu hỏi bất thường không. Kể cả bất kỳ hành khách nào có biểu hiện đáng ngờ.

Một trăm đô la đổi lại là rất nhiều công tác thám tử, tuy nhiên trong suốt cuộc hải trình, tay phó thuyền trưởng chẳng tìm được gì - cho đến sáng nay

khi gã bị ngắt quãng. Trận đấu tập dượt với một Vận động viên Olympic cho gã biết rằng một số thành viên thủy thủ đoàn đang nói đến tay nhân viên khuân vác: Heinsler. Rằng y lảng vảng khắp nơi, không bao giờ dành thời gian cho đám thủy thủ - và điều kỳ lạ nhất - y bắt đầu phun ra những lời phi lý về Phát xít và Hitler mà không hề suy nghĩ.

Giật mình, Paul theo dõi Heinsler và thấy y ở boong trên cùng, đang lúi húi bên máy vô tuyến điện.

“Hắn đã gửi đi được gì chưa?” Lúc này Manielli hỏi.

“Sáng nay thì chưa. Tôi bước lên cầu thang sau lưng hắn, thấy hắn đang đặt vô tuyến điện. Hắn chỉ vừa đủ thời gian gửi đi có vài chữ thôi. Nhưng có thể cả tuần này hắn đang gửi tín hiệu đi rồi.”

Manielli nhìn xuống máy vô tuyến điện. “Có lẽ với cái máy này thì không đâu. Phạm vi của nó chỉ vài dặm thôi... hắn đã biết những gì?”

“Hỏi hắn đi,” Paul nói.

“Rồi, anh bạn, tên anh là gì?”

Tên hói im lặng.

Paul cúi người về phía trước. “Nói!”

Heinsler nở một nụ cười kỳ quái. Y quay sang Manielli. “Tôi nghe các người nói chuyện. Tôi biết các người đang âm mưu cái gì. Họ sẽ chặn đứng các người...”

“Ai sai mà làm chuyện này? Có phải tổ chức không?”

Heinsler chế giễu. “Chẳng ai sai tôi làm gì hết.” Y không còn giữ thái độ xun xoe, hèn hạ, nói liền một hơi không nghỉ với sự trung thành. “Tao trung thành với nước Đức Mới. Tao yêu Quốc trưởng và tao sẽ làm bất cứ điều gì vì Đảng, vì ông ấy. Và những kẻ như chúng mày...”

“Ồ, vậy sao,” Manielli lăm bắm. “Ý mày bảo nghe thấy bọn tao nói chuyện, nghĩa là sao?”

Heinsler không đáp. Y mỉm cười tự mãn mắt nhìn ra ô cửa sổ.

Paul nói, “Hắn đã nghe cậu nói chuyện với Avery. Hai người đang nói cái gì?”

Tay trung úy nhìn xuống sàn. “Tôi không biết. Chúng tôi duyệt lại kế hoạch lần nữa. Chỉ là nói qua thôi. Tôi không nhớ chính xác.”

“Trời ạ, ai lại đi nói trong cabin hả?” Paul ngắt lời. “Muốn nói phải lên trên boong để còn xem có ai theo dõi hay không chứ.”

“Tôi không nghĩ có ai đang nghe lén,” tay trung úy bào chữa.

Một vết dấu vết dài một dặm...

“Cậu định sẽ làm gì với hắn đây?”

“Tôi sẽ nói chuyện với Avery. Trên tàu này có khoang giam giữ. Tôi nghĩ chúng ta sẽ tống hắn xuống đó cho đến khi tôi nghĩ ra.”

“Chúng ta có thể trao hắn cho lãnh sự quán tại Hamburg không?”

“Có thể. Tôi không biết. Nhưng...” Cậu ta chột im lặng, nhú mày. “Mùi gì thế nhỉ?”

Paul cũng nhú mày. Bất ngờ, một mùi hương có vị vừa đắng vừa ngọt tỏa đầy cabin.

“Không!”

Heinsler ngã vật xuống gối sau lưng, hai mắt trợn trừng trong hốc mắt, miệng y sùi bọt trắng. Cơ thể y đang co giật khủng khiếp.

Đó là mùi hạnh nhân.

“Cyanua!” Manielli thì thầm. Cậu ta chạy đến ô cửa sổ, mở tung ra.

Paul lấy cái vỏ gối thận trọng lau miệng cho y, thọc tay vào túi tìm thuốc. Nhưng gã chỉ lấy ra được những mảnh thủy tinh. Nó đã vỡ tan rồi.

Vào lúc Paul quay lại từ bồn với cốc nước nhằm rửa chất độc trong miệng thì y đã chết.

“Hắn đã tự sát,” Manielli thì thầm như điên dại, hai mắt trố ra nhìn trừng trừng. “Chỉ... Ngay đó. Hắn đã tự sát.”

Paul giận dữ nghĩ: Cơ hội tìm hiểu thêm thông tin thế là tiêu rồi.

Tay trung úy vẫn nhìn trừng trừng cái xác, run rẩy. “Hoàn toàn bế tắc rồi, trời ạ.”

“Báo cho Avery đi.”

Nhưng Manielli dường như bị tê liệt.

Paul nắm chặt lấy cánh tay cậu ta. “Vince... báo cho Avery. Có nghe tôi không?”

“Cái gì... À, tất nhiên rồi. Andy. Tôi sẽ báo cho cậu ấy. Phải rồi.” Tay trung úy bước ra ngoài.

Vài quả tạ từ phòng tập thể dục buộc vào eo lưng là đủ chìm xác xuống đáy đại dương. Nhưng cái ô cửa sổ kia bề ngang chỉ có tám phân. Hành khách cũng đang chuẩn bị túa ra đây các hành lang tàu Manhattan, không có cách nào mang thi thể đi qua tàu được. Họ sẽ phải đợi. Paul nhét thi thể vào dưới tấm chăn, chỉnh đầu quay sang bên như thể Heinsler đang nằm ngủ. Sau đó, gã rửa tay thật cẩn thận dưới bồn rửa nhỏ xíu, để chắc chắn phi tang bằng hết dấu vết của chất độc.

Mười phút sau có tiếng gõ cửa. Paul mở cửa cho Manielli vào trong.

“Andy đang liên lạc với Gordon. Ở D.C giờ là nửa đêm rồi nhưng ông ta sẽ theo dõi chúng ta.” Cậu ta không thể ngăn mình ngó cái xác lần nữa. Cuối cùng tay trung úy hỏi Paul, “Anh gói ghém xong chưa? Sẵn sàng đi chưa?”

“Thay đồ xong tôi sẽ đi,” Gã liếc nhìn chiếc quần soóc và áo thun thể thao đang mặc trên người.

“Làm đi. Rồi đi lên trên. Andy nói chúng ta không muốn mọi thứ hỗn loạn. Anh biến mất, cả thằng cha kia cũng phải biến mất. Để giám sát không thể tìm được hã. Chúng tôi sẽ gặp anh bên trái mạn tàu, boong chính, nửa giờ nữa.”

Liếc mắt lần cuối về phía xác Heinsler, Paul cầm theo va li và bộ đồ cạo râu bước vào phòng tắm.

Sau khi tắm rửa và cạo râu, gã mặc áo sơ mi trắng và quần dài bằng vải flannel xám, bỏ lại chiếc mũ cao bồi màu nâu vành ngắn. Ba, bốn người không thạo đi biển thường hay bỏ quên mũ rơm hoặc mũ ni mềm trên tàu. Mười phút sau, gã tản bộ dọc theo sàn boong bằng gỗ sồi cứng trong ánh nắng ban mai nhợt nhạt. Paul dừng chân, tựa người vào lan can chiêm một điếu Chesterfield.

Gã nghĩ đến người đàn ông vừa tự sát. Tự sát. Gã không bao giờ hiểu được điều này. Paul cho rằng cái nhìn trong đôi mắt của y cho thấy manh mối. Sự tỏa sáng của kẻ cuồng tín. Heinsler khiến gã nhớ đến cuốn sách gã đọc gần đây, sau một lúc gã đã nhớ ra: những kẻ mê muội đi theo một tên bộ trưởng là sứ giả phục hưng trong cuốn Elmer Gantry, tác phẩm nổi tiếng của Sinclair Lewis.

Tao yêu Quốc trưởng và tao sẽ làm bất cứ điều gì vì Đảng, vì ông ấy.

Hẳn nhiên rồi, họa có điên mới mạo hiểm cả tính mạng mình như thế. Thế nhưng điều khó chịu hơn là những gì câu chuyện này kể cho Paul về dải đất xám gã đang nhìn chăm chăm. Ở đó còn bao nhiêu kẻ mang trong mình cảm xúc chết người này? Những kẻ như Dutch Schultz và Siegel rất nguy hiểm, nhưng bạn còn hiểu được chúng. Tuy nhiên việc người đàn ông đó đã làm, ánh mắt của y, sự trung thành đến nín thở của y... tất cả đều ngớ ngẩn, tất cả đều rất khác. Paul chưa bao giờ phải chống lại một kẻ như thế.

Dòng suy nghĩ của gã bị ngắt quãng khi gã nhìn sang bên, thấy một thanh niên da đen khổ người vạm vỡ đang bước về phía mình. Cậu ta mặc áo khoác của vận động viên Olympic màu xanh nhạt và quần soóc, phô ra đôi chân cơ bắp.

Hai bên gật đầu chào nhau.

“Xin lỗi ngài,” cậu ta nhẹ nhàng nói. “Ngài khỏe chứ?”

“Khỏe,” Paul đáp. “Còn cậu?”

“Hưởng thụ không khí ban mai. Trong lành hơn nhiều so với ở Cleveland hay New York.” Họ cùng nhìn ra mặt biển. “Lúc này có thấy ngài tập luyện. Ngài là dân chuyên nghiệp à?”

“Một lão già như tôi sao? Chỉ như tập thể dục thôi.”

“Tên tôi là Jesse.”

“Ồ vâng. Tôi biết cậu là ai.” Paul nói. “Viên đạn Buckeye từ bang Ohio.” Họ bắt tay nhau. Rồi Paul tự giới thiệu bản thân. Bất chấp cú sốc trước sự cố vừa xảy ra trong cabin của mình, gã vẫn không ngăn được mình cười toét. “Tôi có xem các bộ phim thời sự về Giải Vô địch Điền kinh Western Conference năm ngoái tại Ann Arbor. Cậu đã xô đổ ba kỷ lục thế giới. Và san bằng một kỷ lục khác, đúng không? Tôi xem đi xem lại phim đó chắc hàng tá lần rồi. Nhưng tôi dám cá rằng cậu mệt mỗi khi nghe người ta nhắc lại chuyện này.”

“Không, tôi không phiền một chút nào, thưa ngài.” Jesse Owens đáp. “Chỉ là tôi lúc nào cũng ngạc nhiên khi thấy người ta theo dõi sát sao việc tôi làm như thế. Chỉ chạy rồi nhảy thôi mà. Trong chuyến này tôi chưa được xem nhiều trận của ngài, Paul.”

“Tôi ở quanh đây mà,” Paul đáp, có ý lảng tránh. Gã tự hỏi liệu Owens có biết chuyện đã xảy ra với Heinsler không. Hay có nghe trộm không? Hay có thấy Paul túm cổ Heinsler trong boong cao nhất cạnh ống khói không? Nhưng gã cho rằng tay vận động viên này sẽ rắc rối hơn nhiều nếu mọi việc diễn ra như thế. Dường như trong tâm trí cậu ta có điều gì đó khác. Paul hất đầu về phía boong tàu sau lưng họ. “Đây là cái phòng tập gym to nhất tôi từng thấy. Cậu thích nó không?”

“Tôi mừng vì có cơ hội được tập luyện, nhưng đường đua phải đứng yên cơ. Mà nhất định cũng đừng rung lên rung xuống như chúng ta trải qua mấy ngày trước. Khiến tôi nằm đo đất có ngày đấy.”

Paul nói, “Ra là hôm qua tôi đấu với một vận động viên quyền anh.”

“Chính xác. Một anh chàng tốt bụng. Tôi đã nói chuyện một chút với anh ta.”

“Cậu ta khá đấy,” Paul đáp, không nhiệt tình lắm.

“Có vẻ thế,” tay vận động viên điền kinh nói. Rõ ràng cậu ta cũng biết đấm bốc không phải là thế mạnh của tuyển Mỹ, nhưng Owens không định chi trích anh bạn kia. Paul nghe nói rằng người da đen là những người Mỹ tốt bụng nhất, cậu ta xếp thứ hai sau cuộc thi đấu giữa những vận-động-viên-nổi-tiếng-nhất trên tàu tối qua, sau Glenn Cunningham.

“Làm một điế...”

Owens phá lên cười. “Tôi không hút đâu.”

“Chắc tôi phải vút hết thuốc và rượu đi mất. Người như các cậu sống lành mạnh quá.”

Thêm một tràng cười nữa. Rồi rơi vào im lặng khi chàng da đen lực lưỡng hướng ánh nhìn ra biển. “Paul này. Tôi muốn hỏi anh một câu. Anh lên đây là chính thức à?”

“Chính thức?”

“Ý tôi là với ủy ban? Có thể như kiểu một vệ sĩ?”

“Tôi ư? Sao cậu hỏi vậy?”

“Nhìn anh tôi thấy anh giống, à như một người lính hay sao đó. Rồi cách anh đánh đấm. Anh biết rõ mình đang làm gì.”

“Tôi từng chiến đấu trong Thế chiến thứ I. Có lẽ, cậu đã nhận ra điều đó.”

“Có thể.” Rồi Owens nói thêm. “Dĩ nhiên đã hai mươi năm trước rồi. Và hai chàng trai tôi thấy nói chuyện cùng anh. Họ là lính hải quân. Chúng tôi nghe thấy họ nói chuyện với một trong số thủy thủ đoàn.”

Chúa ơi, một vệt dấu mỗi nữa...

“Hai anh chàng đó hả? Chỉ vô tình va phải họ trên tàu thôi. Thì tôi đang đi cùng mấy người các cậu mà... Nói với họ một tí về thể thao, đấm bốc tại Berlin, Thế vận hội. Tôi là một ký giả.”

“À, tất nhiên rồi,” Owens chậm rãi gật đầu. Dường như cậu ta lưỡng lự một lúc. “À, mà nếu anh là phóng viên, có thể anh biết một chuyện tôi sắp hỏi anh. Chỉ là tự hỏi anh có biết điều gì về hai anh chàng kia không?” Cậu ta hất đầu về phía mấy anh chàng đứng trên boong gần đó, đang chạy song song với nhau vượt qua dùi cui chuyển tiếp. Họ chạy nhanh như chớp.

“Họ là ai thế?” Paul hỏi.

“Sam Stoller và Marty Glickman. Họ là những người chạy rất tốt, hai trong số những người giỏi nhất chúng tôi có. Nhưng tôi nghe đồn rằng họ có thể không chạy. Tôi đang tự hỏi anh có biết điều gì về họ không?”

“Không, chẳng biết gì cả. Ý cậu là về vấn đề chuyên môn? Chấn thương à?”

“Ý tôi là vì họ là người Do Thái.”

Paul lắc đầu. Gã nhớ lại có đợt tranh cãi cho rằng Hitler không thích người Do Thái. Có vài sự phản đối đòi dẹp bỏ Thế vận hội. Vài người còn muốn nước Mỹ tẩy chay Thế vận hội. Damon Runyon đã từng nộ khí xung thiên khi biết Mỹ vẫn tham gia. Nhưng tại sao ủy ban của Mỹ lại gây ảnh hưởng lên các vận động viên chỉ vì họ là người Do Thái? “Đó là một thỏa thuận dở. Sẽ rất khó giành chiến thắng.”

“Không, thưa ngài. Không đời nào. Tôi chỉ đang nghĩ có thể ngài biết điều gì đó.”

“Xin lỗi, không giúp được anh bạn rồi,” Paul đáp.

Thêm một người da đen khác đến nhập bọn với họ. Ralph Metcalfe tự giới thiệu mình. Paul cũng biết người này. Cậu ta đã giành nhiều huy

chương tại Thế vận hội Los Angeles năm 1932.

Owens để ý thấy Vince Manielli đang nhìn xuống họ từ boong cao hơn. Tay trung úy gật đầu và bước về phía cầu thang.

“Anh ta đây rồi. Người ngài vừa mới gặp trên tàu.” Owens nở nụ cười ranh mãnh trên gương mặt, không hoàn toàn tin rằng Paul là người thật thà. Đôi mắt tay da đen nhìn về phía trước đến vùng đất đang lớn dần. “Tưởng tượng xem. Chúng ta sắp đến Đức rồi. Không bao giờ nghĩ rằng tôi sẽ du lịch theo kiểu này. Cuộc sống có thể trở nên cực kỳ thú vị, ngài có nghĩ vậy không?”

“Có thể,” Paul đồng tình.

Hai vận động viên diên kinh tạm biệt rồi chạy chậm bỏ đi.

“Phải Owens không?” Manielli hỏi, bước lên trước tựa người vào lan can. Cậu ta xoay lưng lại với hướng gió, cuốn một điếu thuốc.

“Ừ,” Paul rút một điếu Chêtrfield ra khỏi bao, hai bàn tay khum lại khi châm rồi đưa que diêm đang cháy sẵn về phía Manielli. Cậu ta cũng châm thuốc. “Một người tốt.”

Dù hơi sắc sảo, Paul nghĩ.

“Chết tiệt, mấy tay này chạy được đấy. Cậu ta đã nói gì thế?”

“Bọn tôi chém gió thôi,” Gã thì thầm. “Tình hình anh bạn chúng ta dưới kia sao rồi?”

“Avery đang xử lý,” Manielli mơ hồ đáp. “Cậu ấy đang ở trong phòng vô tuyến. Sẽ qua đây trong một phút nữa.” Một chiếc máy bay lướt qua đầu họ ở tầm thấp. Hai người cùng đứng xem trong im lặng.

Thằng nhóc có vẻ vẫn còn khiếp đảm vì vụ tự sát. Tuy nhiên, không phải theo kiểu của Paul, vì cái chết nhắc nhở gã về những kẻ khó chịu gã sắp đối đầu. Không, tay thủy thủ này bối rối vì cậu ta đã chứng kiến cái chết quá gần - hơn nữa lại là lần đầu tiên, điều này quá rõ ràng. Paul biết những thằng nhóc kiểu này có hai dạng. Cả hai loại cùng to mồm, cùng khoe khoang khoác lác, sở hữu những cánh tay vạm vỡ và nắm đấm mạnh mẽ. Nhưng một loại sẽ nhảy vào, bẻ ngón tay răng rắc và nắm lấy cơ hội -chạm vào đá - còn loại kia thì không. Vince Manielli rơi vào loại thứ hai. Cậu ta thực sự là thằng khờ nhà hàng xóm. Cậu ta thích nói những câu như “sát

thủ” hay “hóa kiếp” để tỏ ra mình hiểu chúng nghĩa là gì, nhưng cậu ta quá xa rời với thế giới của Paul, giống như Marion - cô nàng ngoan hiền đã tán tình một kẻ tồi tệ. Nhưng giống như lão trùm du thủ du thực Lucky Luciano đã từng nói với gã, “Tán tình chẳng được cái quái gì đâu.”

Manielli dường như đang chờ đợi Paul bình luận về gã khờ mới chết. Điều gì đó như kiểu thằng cha này đáng chết. Hoặc giả thằng đấy óc bả đậu. Người ta ai cũng muốn nghe điều gì đó về người vừa mới chết. Rằng đó là lỗi của họ, rằng họ đáng chết hay đó là điều không thể tránh khỏi. Nhưng cái chết chẳng bao giờ cân đối hay gọn gàng, tay sát thủ chẳng có gì để nói cả. Không khí im lặng đặc quánh lấp đầy không gian giữa họ. Một lúc sau, Andrew Avery đến nhập bọn. Tay cậu ta xách theo một tập tài liệu và một va li cũ đã mòn xác xơ. Cậu ta nhìn quanh. Chẳng có ai đang trong tầm nghe hết. “Kéo một cái ghế qua đây.”

Paul tìm thấy một cái ghế xếp màu trắng bằng gỗ và mang đến cho hai thủy thủ. Gã không cần phải mang ghế bằng một tay, dùng cả hai tay sẽ dễ dàng hơn nhiều. Nhưng gã thấy thích thú khi thấy Manielli nháy mắt nhìn gã nhắc bóng cái ghế rồi đứng đưa, mặt không hề biến sắc. Paul ngồi xuống ghế.

“Đây là điện tín,” tay trung úy thì thầm. “Gordon không lo lắng về tay Heinsler này. Máy vô tuyến Allocchio Bacchini chỉ là máy vô tuyến điện nhỏ, được sử dụng ở công sự tạm thời hay trên máy bay, phạm vi ngắn. Kể cả dù hẳn có gửi được tin nhắn đi, Berlin có khả năng sẽ không chú ý nhiều. Đối với chúng, tổ chức ấy là một nổi ô nhục. Nhưng Gordon nói tất cả tùy thuộc ở anh. Nếu anh muốn rút ra, cũng không sao.”

“Nhưng không có tấm-thẻ-thả-tự-do,” Paul đáp.

“Không có thẻ nào cả,” Avery nói.

“Thỏa thuận này càng ngày càng ngọt ngào,” tay sát thủ bật lên tiếng cười chua chát.

“Anh vẫn tham gia chứ?”

“Phải, tôi tham gia.” Hất đầu về phía boong dưới. “Xử lý cái xác sao rồi?”

“Sau khi mọi người xuống tàu, các tàu ngầm từ lãnh sự quán Hamburg sẽ đến giải quyết nó.” Avery vươn người sang bên, nói bằng giọng thấp, “Được rồi, đây là những gì sẽ xảy ra cho nhiệm vụ của anh, Paul. Sau khi tàu cập cảng, anh sẽ xuống tàu, còn tôi cùng Vince sẽ lo chuyện ở đây với Heinsler. Sau đó, chúng tôi sẽ đến Amsterdam. Anh ở lại với các đội tuyển. Sẽ có một buổi lễ chào mừng ngắn tại Hamburg, sau đó mọi người lên tàu hỏa tới Berlin. Các vận động viên sẽ có một buổi lễ nữa vào tối nay nhưng anh phải đi thẳng đến Làng Olympic, rồi ăn nấu cho kỹ. Sáng ngày mai, anh hãy bắt xe buýt đến Tiergarten - đó là Công viên Trung tâm của Berlin.”

Cậu ta trao cho Paul một va li. “Nhớ mang cái này theo.”

“Gì thế này?”

“Một phần trong vỏ bọc của anh. Thẻ báo chí, rồi giấy bút. Rất nhiều thông tin cơ bản về Thế vận hội và thành phố. Một hướng dẫn đến Làng Olympic. Những bài báo, những bức ảnh cắt ra từ báo và các thống kê thể thao. Rồi những thứ một ký giả phải có. Anh không cần phải xem bây giờ đâu.”

Nhưng Paul vẫn mở va li và xem xét cẩn thận trong vài phút, ngó qua các nội dung. Avery bảo đảm với gã thẻ báo chí là thực, và gã không thể nhận ra bất kỳ điều gì đáng ngờ ở các nội dung khác.

“Anh không tin tưởng ai, đúng không?” Manielli hỏi.

Nghĩ rằng nện thẳng nhóc này một cú thật mạnh thực sự rất vui. Paul đóng nắp va li lại, ngược mắt lên. “Thế còn hộ chiếu kia, hộ chiếu Nga của tôi?”

“Người của chúng tôi sẽ trao cho anh khi đến đó. Anh ta là tay giả mạo chuyên làm các giấy tờ Châu Âu. Bây giờ và ngày mai phải chắc chắn rằng anh luôn mang va li theo người. Đó là cách anh ta sẽ nhận ra anh.” Cậu ta trải ra một bản đồ Berlin nhiều màu, lần theo tuyến đường. “Xuống ở đây, rồi đi theo đường này. Anh tìm đường đến quán cà phê có tên là Bierhaus.”

Avery nhìn Paul đang chăm chú xem bản đồ. “Anh có thể mang nó theo, không cần phải ghi nhớ đâu.”

Nhưng Paul lắc đầu. “Các bản đồ cho người khác biết anh đang ở đâu và sẽ đi đâu. Đứng xem một bản đồ trên phố sẽ gây sự chú ý. Nếu anh bị lạc,

tốt nhất là nên hỏi đường. Đó là người duy nhất biết anh là người lạ, không phải là cả một đám đông.”

Avery nhăn mày, ngay cả Manielli cũng không thể chế giễu gã về điểm này.

“Gân quán cà phê có một con ngõ nhỏ. Ngõ Dresden.”

“Nó có tên à?”

“Tại Đức, các con ngõ đều có tên. Một con ngõ trong số đó là Dresden. Đó là một lối tắt. Không cần biết nó sẽ dẫn đến đâu. Vào buổi trưa, anh cứ bước vào trong hẻm rồi dừng lại. Như kiểu anh bị lạc. Người của chúng tôi sẽ tiến đến chỗ anh. Anh ta là người mà Thượng Nghị sĩ đã nói với anh. Reginald Morgan. Reggie.”

“Mô tả anh ta đi.”

“Lùn. Có ria mép. Tóc hơi đen. Anh ta sẽ nói tiếng Đức và là người lên tiếng trước. Một lúc sau anh hỏi, “Chuyến tàu nào tốt nhất đến Alexanderplatz?” Và anh ta sẽ đáp, “Chuyến tàu số 138” Rồi anh ta sẽ ngừng lại, cân nhắc và nói, “Không, chuyến tàu 254 sẽ tốt hơn.” Anh sẽ biết đó là anh ta vì đó không phải là những số hiệu tàu thật.”

“Trông anh có vẻ vui nhỉ,” Manielli nói.

“Cứ như từ phim The Continental Op của Dashiell Hammett bước ra vậy.”

“Đây không phải là trò chơi đâu.”

Đúng, nó không phải trò chơi, những mặt khẩu cũng không phải để đùa. Nhưng nó khiến gã thấy khó chịu, tất cả cái thuyết âm mưu này. Và gã hiểu tại sao: Chính là vì gã đang phải phụ thuộc vào người khác. Paul ghét phải làm thế.

“Được rồi. Alexanderplatz! Các chuyến tàu 138 và 254. Thế nếu hấn làm rối tung câu chuyện thì sao? Nếu không phải là hấn?”

“Tôi tính tới chuyện đó rồi. Nếu thấy bất kỳ điều gì đáng ngờ, anh không được phép đánh hấn, không được tạo hiện trường. Chỉ việc mỉm cười rồi bước đi thật bình thường khi anh có thể, rồi đến địa chỉ này.”

Avery đưa cho anh một mẫu giấy, trên đó viết số nhà và tên phố. Paul ghi nhớ rồi trả mẫu giấy lại. Tay trung úy đưa cho gã một chìa khóa, gã bỏ tọt

vào túi.

“Có một cung điện cũ ngay phía Nam cổng Brandenburg. Đó sẽ là Đại sứ quán Mỹ mới nhưng năm năm trước đã xảy ra một trận hỏa hoạn tồi tệ, nên vẫn đang phải tu sửa, các nhà ngoại giao vẫn chưa dọn sang đó. Thế nên người Pháp, người Đức hay người Anh cũng sẽ không lảng vảng quanh đó. Nhưng chúng ta, còn hai phòng thi thoảng vẫn dùng được. Có một máy vô tuyến điện trong phòng chứa đồ cạnh bếp. Anh có thể đánh điện cho chúng tôi ở Amsterdam và chúng tôi sẽ gọi cho Tư lệnh Gordon. Ông ấy và Thượng Nghị sĩ sẽ quyết định nên làm gì tiếp theo. Nhưng nếu mọi thứ ổn thỏa, Morgan sẽ quan tâm đến anh. Dẫn anh vào căn nhà trọ, tìm vũ khí cho anh và cung cấp cho anh tất cả mọi thông tin anh cần về... người anh sẽ ghé thăm.”

Bọn chúng tôi hay dùng từ hóa kiếp...

“Và nhớ này,” Manielli rất vui sướng được tuyên bố. “nếu ngày mai anh không xuất hiện tại Dresden, hoặc nếu anh trốn thoát khỏi Morgan sau đó, ông ta sẽ gọi cho bọn tôi và cảnh sát sẽ túa ra săn anh như săn thú đấy.”

Paul không nói gì, mặc kệ cho thẳng nhóc khoe khoang. Gã nghĩ rằng Manielli vẫn thấy xấu hổ về phản ứng của mình trước vụ tự sát của Heinsler, nên cậu ta muốn gỡ gạc. Thực ra không có khả năng Paul đi làm cái trò đấy. Nhưng Gordon nói đúng: những kẻ sát thủ như gã chẳng bao giờ có được một cơ hội thứ hai - chưa kể một khoản tiền để gã tận dụng hiệt để cơ hội ấy.

Rồi cả ba chìm trong im lặng. Chẳng còn gì nhiều mà nói nữa. Những âm thanh lấp đầy bầu không khí ẩm ướt, cay cay xung quanh họ: tiếng gió, tiếng ì oạp của những con sóng, tiếng các động cơ đang xoay của tàu Manhattan nghe trầm đục - sự pha trộn những âm thanh này mang lại cho gã cảm giác dễ chịu đến lạ lùng, bất chấp vụ tự sát của Heinsler và nhiệm vụ gian nan trước mắt. Cuối cùng, hai tay thủy thủ cùng xuống dưới.

Paul đứng dậy, châm một điếu thuốc rồi lại tựa vào lan can khi con tàu to lớn nhẹ nhàng cập cảng Hamburg. Mọi suy nghĩ hoàn toàn tập trung vào Đại tá Reinhard Ernst, một kẻ có vai trò quan trọng căn bản đối với Paul Schumann, kẻ chẳng buồn quan tâm đến mối đe dọa tiềm năng của hắn đến

hòa bình ở Châu Âu, cũng như đối với bao mạng người vô tội, ngoại trừ thực tế rằng, hẳn là người cuối cùng tay sát thủ này sẽ giết.

Vài tiếng đồng hồ sau khi tàu Manhattan cập bến, các vận động viên cùng đoàn tùy tùng của họ lên bờ, một chàng thủy thủ trẻ tuổi từ con tàu đi qua cửa kiểm soát hộ chiếu của Đức, bắt đầu tản bộ qua các con phố ở Hamburg.

Cậu không có nhiều thời gian ở trên bờ - vì vẫn còn trẻ tuổi, cậu chỉ được phép vắng mặt trong 6 giờ - nhưng gần như cả cuộc đời cậu đã ở Mỹ, nên cảm thấy bị cuồng chân, cậu quyết tâm phải tận hưởng chuyến du lịch đầu tiên đến một đất nước xa lạ.

Anh chàng trợ lý nhà bếp có gương mặt nhẵn bóng, hai má đỏ hồng nghĩ rằng có thể có một số viện bảo tàng tuyệt đẹp trong thành phố. Biết đâu còn cả mấy nhà thờ trong tình trạng tốt nữa. Cậu mang theo chiếc máy ảnh Kodak, định bụng nhờ người dân địa phương chụp cho mình mấy tấm lấy cảnh những chỗ này gửi về cho bố mẹ cậu luyện lại câu nói: (*“Làm ơn, chụp cho tôi”**). Đó là chưa kể đến những quán bia hay quán nhậu... ai biết cậu có thể tìm được trò giải trí gì nữa trong thành phố cảng xô bồ này?

Nhưng trước khi có thể trải nghiệm một ít văn hóa thành phố, cậu vẫn còn mục tiêu phải hoàn thành. Cậu thấy lo lắng việc này có thể nuốt trọn thời gian quý giá của mình trên bờ, nhưng hóa ra cậu đã nhầm. Chỉ vài phút sau khi rời khỏi tòa nhà hải quan, cậu đã tìm đúng ngay thứ mình cần.

Anh chàng tiến đến gần một người đàn ông trung niên mặc đồng phục xanh dương và đội mũ màu xanh đen. Cậu cố gắng nói bằng tiếng Đức, *“Làm ơn...”*

“Vâng, thưa Ngài.”

Nheo mắt lại, chàng thanh niên hỏi một tràng, *“Bitte, du bist ein Polizist, ờ, hay là Soldat?”*

Tay sĩ quan mỉm cười, nói bằng tiếng Anh, *“Đúng, đúng, tôi là Cảnh sát và tôi là một người lính. Tôi giúp được gì cho cậu?”*

Hất đầu xuống con phố, tay đầu bếp nói, “Tôi tìm thấy cái này dưới đất,” Cậu trao cho người đàn ông một phong bì. “Có phải cái từ này nghĩa là “quan trọng” không?” Cậu đưa tay chỉ vào mấy chữ trên bì: Bedeutend. “Tôi muốn chắc chắn mình phải giao nộp cái này.”

Nhìn chăm chăm mặt trước phong bì, trong một lúc, tay cảnh sát viên không nói câu nào. Rồi anh ta lên tiếng, “Đúng, đúng rồi. ‘Quan trọng.’” Những chữ khác được viết lên trên phong bì là Für Obersturmführer - SS, Hamburg. Tay thanh niên chẳng hiểu chúng có nghĩa là gì, nhưng có vẻ khiến tay cảnh sát bối rối.

“Cái này rơi ở đâu?” cảnh sát viên hỏi.

“Rơi trên vỉa hè đằng kia.”

“Tốt. Rất biết ơn cậu,” Tay sĩ quan tiếp tục nhìn phong bì được niêm phong. Anh ta lật lật nó trong tay mình. “Cậu có thấy được ai đánh rơi nó không?”

“Không. Tôi chỉ thấy nó nằm đó và nghĩ rằng tôi sẽ làm một Người tốt.”

“Ồi chà, đúng rồi, Người tốt.”

“À tốt hơn tôi nên đi thôi,” anh chàng người Mỹ nói, “Tạm biệt.”

“Cảm ơn,” tay cảnh sát lơ đãng nói.

Khi thẳng tiến đến một trong những điểm du lịch hấp dẫn nhất từng đi qua, chàng thanh niên tự hỏi chính xác trong lá thư ấy viết gì. Và tại sao người đàn ông cậu gặp trên tàu Manhattan hôm qua, tay nhân viên khuân vác AI Heinsler, lại đề nghị cậu chuyển nó đến tay một cảnh sát, hay một người lính địa phương sau khi tàu cập bến. Ai cũng đồng ý rằng thẳng cha đó hơi ngớ ngẩn, ở cái cách mọi thứ trong cabin của y được sắp xếp ngăn nắp đâu ra đấy, không hề lộn xộn, quần áo của y lúc nào cũng là lượt cẩn thận. Ở cá tính khép kín của y và cái cách khi nói chuyện về nước Đức với đôi mắt lúc nào cũng long lanh.

“Tất nhiên rồi, là gì thế?” Tay thanh niên hỏi.

“Có một người lạ trên tàu, có vẻ hơi đáng ngờ. Tôi muốn người Đức biết về hắn. Tôi đang cố gắng gửi một tin nhắn vô tuyến điện nhưng có lúc chúng không hoạt động. Tôi muốn chắc chắn nhà cầm quyền nhận được nó.”

“Người lạ là ai cơ? À, chờ chút, tôi biết - có phải thằng cha béo mặc áo kẻ ca rô vừa say bí tỉ trên bàn của thuyền trưởng không?”

“Không phải, là người khác.”

“Thế sao không đi báo cho cảnh vệ trên tàu?”

“Đó là vấn đề của người Đức.”

“Ồ. Và anh không thể chuyển nó đi?”

Hai bàn tay chuối mẩn của Heinsler xoắn vào nhau một cách đáng sợ, y lắc đầu. “Tôi không biết mình sẽ bận rộn thế nào. Tôi nghe nói cậu được ra ngoài. Điều thực sự quan trọng là những người Đức phải nhận được nó.”

“Được rồi, tôi nghĩ vậy. Chắc rồi.”

Heinsler nói thêm bằng giọng mềm mại, “Một điều nữa: Tốt hơn là nên nói rằng cậu đã tìm được lá thư này. Nếu không họ có thể bắt cậu về đồn và tra hỏi cậu. Việc đó có thể mất đến hàng giờ. Mất hết thời gian được nghỉ phép của cậu đấy.”

Tay thanh niên cảm thấy hơi khó chịu trước âm mưu này.

Heinsler tận dụng thời cơ, nói thêm thật nhanh, “Đây là 20 đô.

Lạy Chúa, tay thanh niên nghĩ, rồi nói với tay khuân vác, “Anh vừa tự mua một chuyến giao nhận đặc biệt đấy.”

Lúc này khi bước xa khỏi tay cảnh sát viên, thẳng tiến quay về bến cảng, cậu lơ đãng tự hỏi đã xảy ra chuyện gì với Heinsler. Từ đêm qua tới giờ cậu chưa hề gặp anh ta. Tuy nhiên, những ý nghĩ về tay khuân vác biến đi nhanh chóng khi cậu đến gần nơi mình đã nhận ra, có vẻ như là một lựa chọn hoàn hảo để cậu thưởng thức lần đầu nền văn hóa nước Đức. Tuy nhiên, cậu thất vọng khi thấy Câu lạc bộ Mèo Con Nóng bỏng của Rosa - cái tên mỹ miều được dịch hoàn hảo sang tiếng Anh - đã đóng cửa lâu dài, giống hệt mọi tụ điểm hấp dẫn khác trên bến cảng.

Rốt cuộc, nơi này sẽ lại biến thành nhà thờ hay bảo tàng thôi, tay thanh niên nghĩ kèm tiếng thở dài tiếc nuối.

Chương 4

Hắn thức dậy bởi tiếng con gà gô trắng cất cánh bay lên trời từ các bụi cây lý gai, ngay bên ngoài cửa sổ phòng ngủ của hắn ở ngoại ô Charlottenburg. Hắn thức dậy vì mùi hoa mộc lan.

Hắn còn thức dậy vì cơn gió trứ danh ở Berlin, mà theo lời mấy thanh niên và các bà nội trợ già, nó thấm đẫm bụi kiềm, kích thích những ham muốn trần tục.

Hoặc là do cơn gió kỳ diệu hoặc là do con người trong thời đại nhất định, Reinhard Ernst vẫn thấy mình đang hình dung người vợ tóc nâu quăn rũ, 28 tuổi của hắn, Gertrud. Hắn quay người sang để ngắm cô, nhưng hắn chỉ nhìn thấy nửa thân nhúm trên chiếc giường gấp của hai vợ chồng. Hắn không thể ngăn mình mỉm cười. Hắn mãi mãi bị kiệt sức vào những buổi tối sau khi làm việc 16 tiếng một ngày, vợ hắn luôn dậy sớm theo đúng tính cách của cô. Dạo sau này, khi đi ngủ hai vợ chồng còn hiếm khi nói với nhau vài câu.

Lúc này, hắn nghe thấy từ dưới nhà vang lên tiếng bát đĩa lanh canh trong bếp. Đã 7 giờ sáng. Ernst mới chỉ ngủ được có bốn tiếng.

Hắn vươn vai, cố nhấc cánh tay đau đớn càng xa càng tốt rồi mát xa, cảm nhận thấy miếng kim loại hình tam giác nằm gần vai hắn. Có cảm giác quen thuộc và thật kỳ lạ là hắn thấy dễ chịu đối với mảnh đạn ấy. Ernst tin vào chuyện gợi nhớ về quá khứ và trân trọng những kỷ vật suốt bao nhiêu năm tháng qua, cho dù chúng đã suýt cướp mất của hắn một cẳng tay và cả mạng sống.

Hắn xuống giường, cởi áo ngủ ra. Vì Frieda sắp đến nhà nên hắn mặc chiếc quần cưỡi ngựa vào, bỏ lại cái áo sơ mi, đi tới phòng nghiên cứu kê bên phòng ngủ. Tay đại tá 56 tuổi có mái tóc xám ôm khít cái đầu tròn.

Những nếp nhăn hình thành quanh miệng hắn. Chiếc mũi nhỏ của hắn theo kiểu Roman và đôi mắt nằm sát gần nhau, khiến hắn vừa có vẻ ngoài trí thức vừa có vẻ ngoài của kẻ săn mồi. Những đường nét này khiến đồng đội tặng cho hắn biệt danh “Ceasar” từ Thế Chiến thứ I.

Trong cả mùa hè, hắn cùng đứa cháu trai Rudy thường tập thể dục cùng nhau vào buổi sáng. Cùng lăn trái bóng thể dục, cùng nâng chùy thể dục, hít đất và chạy tại chỗ. Tuy nhiên, vào những ngày Thứ Tư hay Thứ Sáu, thằng bé tham gia khóa học hè được bắt đầu sớm tại trường nên Ernst buộc phải tập một mình. Một nỗi thất vọng đối với hắn.

Hắn bắt đầu hít đất và uốn gối được mười lăm phút. Đáng tập, hắn bỗng nghe thấy tiếng gọi, “Ông ơi!”

Hít thật sâu, Ernst dừng lại rồi nhìn xuống sân. “Chào cháu, Rudy.”

“Xem cháu vẽ gì này,” Thằng nhóc bảy tuổi mặc đồng phục, tay giơ lên một bức tranh. Ernst không có kính nên không nhìn được bức tranh rõ ràng. Nhưng thằng bé nói thêm, “Là con đại bàng.”

“Phải, dĩ nhiên rồi. Ông đoán được.”

“Và nó đang bay qua một cơn bão sét.”

“Cháu vẽ con đại bàng mới dũng cảm làm sao.”

“Ông có xuống ăn sáng không ạ?”

“Có, cháu nói với bà, ông sẽ xuống trong mười phút nữa. Hôm nay cháu ăn trứng chưa?”

Thằng bé đáp, “Cháu ăn rồi ạ.”

“Ngoan lắm. Trứng rất tốt cho cháu.”

“Ngày mai, cháu sẽ vẽ con chim ưng.” Thằng bé gầy mảnh khảnh, tóc vàng quay bước chạy xuống gác.

Ernst trở về với bài tập của mình, nghĩ đến hàng tá vấn đề cần phải tham gia hôm nay. Hoàn thành xong chế độ tập luyện, hắn đi tắm nước lạnh, rũ sạch đi cả mồ hôi lẫn bụi kiềm. Khi đang lau khô người, điện thoại chọt reo vang. Hai tay hắn ngừng lại giữa chừng. Trong những ngày này, không cần biết chức quyền của anh trong chính phủ Phát xít cao đến đâu, một cuộc gọi vào giờ lạ thế này đều phải quan tâm.

“Reinie.” Gertrud gọi, “Anh có điện thoại này.”

Hắn mặc chiếc áo sơ mi vào, chẳng buồn mang vớ hay giày, hắn bước xuống nhà, nhận ống nghe từ tay vợ.

“A lô? Tôi, Ernst đây.”

“Đại tá.”

Hắn nhận ra giọng một trong các thư ký của Hitler. “Chào cô, Lauer.”

“Chào Đại tá. Lãnh tụ bảo tôi thông báo rằng Ngài phải có mặt tại Văn phòng Thủ tướng ngay lập tức. Nếu Ngài có bất kỳ kế hoạch nào khác, tôi e Ngài phải hủy hết.”

“Vui lòng chuyển lời cho Thủ tướng Hitler rằng tôi sẽ có mặt ngay lập tức. Trong văn phòng của Người à?”

“Chính xác là vậy.”

“Còn ai nữa tham dự không?”

Một thoáng ngập ngừng rồi cô ta đáp, “Đó là toàn bộ thông tin tôi được biết, thưa Đại tá. Hail Hitler!”

“Hail Hitler!”

Hắn gác máy nhưng vẫn nhìn chăm chăm cái điện thoại, tay vẫn đặt trên ống nghe.

“Ông ơi, ông không đi giày à?” Rudy chạy lên đứng bên cạnh hắn, tay vẫn nắm chặt bức tranh. Nó phá lên cười, nhìn bàn chân trần của ông nội.

“Ông biết, Rudy. Ông phải đi mặc quần áo đã.” Hắn nhìn điện thoại một lúc lâu.

“Chuyện gì vậy ông? Có gì không ổn ạ?”

“Không có gì, Rudy.”

“Mẹ cháu bảo bữa sáng của ông đang nguội rồi kìa.”

“Cháu ăn hết món trứng của mình chưa?”

“Cháu ăn rồi ạ.”

“Nhóc ngoan. Bảo với mẹ và bà cháu là một lúc nữa ông sẽ xuống nhà. Nhưng bảo họ cứ ăn sáng đi, không cần chờ ông.”

Ernst đi lên gác cạo râu, nhận thấy khao khát đối với người vợ cùng cơn đói trước bữa sáng đang chờ hắn đã biến mất sạch.

Bốn mươi phút sau, Reinhard Ernst đã đang bước qua hành lang tòa nhà Văn phòng Thủ tướng giao giữa phố Wilhelm và phố VoSS ở trung tâm Berlin, len lỏi qua đám công nhân xây dựng. Tòa nhà này cũ rồi - rất nhiều phần trong tòa nhà được xây từ thế kỷ XVIII - trở thành ngôi nhà cho nhiều lãnh đạo Đức kể từ Bismarck.

Đôi khi Hitler lại tung ra những tràng đá kích về sự xác xơ của kiến trúc - và cũng vì văn phòng Thủ tướng vẫn chưa xây xong - y không ngừng ra lệnh phải đổi mới tòa nhà cũ.

Tuy nhiên kiến trúc cũng như kết cấu không phải là vấn đề Ernst quan tâm lúc này. Mà hẳn chỉ đang nghĩ đến hai điều: Những hậu quả cho sai lầm của hẳn sẽ là gì? Tính toán sai của hẳn sẽ tệ đến mức nào?

Hắn giơ cao cánh tay theo quán tính chào “Hail Hitler” với bảo vệ, anh ta nhiệt tình đứng nghiêm chào vị đại diện toàn quyền cho sự ổn định đất nước, một chức danh mà khi mang nó trên mình, hẳn thấy nặng nề và đáng xấu hổ, như thể đi đôi giày ướt nhẹ, xơ cả chỉ. Ernst tiếp tục bước xuống hành lang, mặt vô cảm, chẳng biểu lộ chút gì những ý nghĩ rối tung trong đầu về tội lỗi hẳn phạm phải.

Và đó là tội gì?

Tội không chia sẻ thông tin với Lãnh tụ.

Có lẽ đây chỉ là một vấn đề nhỏ tại các nước khác, nhưng ở đây nó có thể biến thành vấn đề trọng yếu trong việc bảo vệ thủ đô. Thế nhưng đôi khi bạn không thể chia sẻ tất cả. Một khi bạn đã cung cấp cho Hitler tất cả chi tiết về một ý tưởng, tư duy của y có thể gạt đi hết những khía cạnh quan trọng nhất của ý tưởng đó và thế là tiêu, chết không một lời trần trối. Đừng bao giờ bạn tâm đến việc bạn chẳng thu được lợi ích cá nhân nào, mà chỉ nghĩ đến lợi ích tốt nhất của Tổ quốc.

Nhưng nếu bạn không nói với y... Ôi, vấn đề sẽ còn tồi tệ hơn nhiều. Trong bộ óc hoang tưởng của mình, y có thể quyết định rằng bạn đang im thông tin vì lý do nào đó. Rồi những con mắt sắc lạnh của bộ máy an ninh của Đảng sẽ chĩa vào bạn và những người bạn yêu thương... đôi khi điều đó có thể gây ra những hậu quả chết người. Và Reinhard Ernst tin rằng đến giờ này, chuyện đó đã xảy ra, xét theo những lệnh triệu tập bí mật và ép

buộc dự họp sớm, ngoài dự kiến thế này. ĐỆ TAM ĐẾ CHẾ là hình ảnh hiện thân của trật tự, cấu trúc và quy củ. Bất kỳ điều gì khác thường đều đáng báo động.

Ôi, lẽ ra hẳn nên nói với y điều gì đó về Nghiên cứu Waltham, khi suy nghĩ lần đầu tiên hình thành trong đầu hẳn tháng Ba năm ngoái. Tuy nhiên, Lãnh tụ, Bộ trưởng Quốc phòng Von Blomberg và chính bản thân Ernst vẫn còn bận rộn với việc chiếm lại Rhineland đến mức nghiên cứu bị xếp sau nước đi liều mạng giành lại phần lãnh thổ rơi vào tay Đồng Minh theo Hiệp ước Versailles. Và thật tình mà nói, nghiên cứu này phần nhiều dựa trên công trình hàn lâm mà Hitler sẽ thấy nghi ngờ, nếu không muốn nói là khiến y kích động. Đơn giản là Ernst không muốn bàn đến vấn đề này.

Và bây giờ hẳn phải trả giá vì thiếu sót đó.

Hắn thông báo với thư ký của Hitler và được cho vào.

Ernst bước vào trong phòng ngoài, thấy mình đứng trước mặt Adolíp Hitler - nhà Lãnh tụ, Thủ tướng, là chủ tịch ĐỆ TAM ĐẾ CHẾ và là tư lệnh tối cao các lực lượng vũ trang, đang suy nghĩ như y thường xuyên làm: Nếu uy tín, năng lượng và khôn ngoan là những thành phần căn bản tạo nên quyền lực, thì đây chính là người đàn ông quyền lực nhất thế giới này.

Mặc đồng phục màu nâu và đôi giày ống đen sáng bóng, Hitler đang cúi xuống bàn lật lật mấy trang giấy.

“Chào ngài Lãnh tụ ” Ernst nói, gật đầu tôn kính và khẽ giậm gót giày, gợi nhớ lại những ngày tháng trong Đệ Nhị Đế Chế đã kết thúc 18 năm trước với việc Đức đầu hàng và chuyến bay của Hoàng đế Wilhelm đến Hà Lan. Cho dù tất cả công dân đều phải chào “Hail Hitler” hoặc “Hail Victory”, nhưng cử chỉ trang trọng là điều hiếm thấy trong hàng ngũ tướng tá cấp cao hơn, ngoại trừ đối với những kẻ nịnh hót, ủy mị.

“Chào Đại tá,” Hitler ngược lên nhìn Ernst với đôi mắt màu xanh nhạt dưới hàng mi rù - đôi mắt vì lý do nào đó tạo ấn tượng rằng y đang cân nhắc hàng tá chuyện một lúc. Mãi mãi không thể nào đọc được tâm trạng của y. Hitler tìm thấy tài liệu mình cần rồi quay lưng bước vào trong văn phòng được trang trí khiêm tốn. “Vui lòng vào cùng chúng tôi.” Ernst đi

theo. Khuôn mặt điềm tĩnh của người lính không có phản ứng gì, nhưng trái tim hẳn chùng xuống khi trông thấy những người khác có mặt trong phòng.

Vã mồ hôi với dáng người bệ vệ, Herman Göring đang nằm ườn trên chiếc ghế dài kê cọt kết dưới trọng lượng của lão. Phàn nàn rằng mình lúc nào cũng bị đau, tên mặt tròn này luôn ngọ nguậy khiến người ta phải cúi mình trước lão. Mùi nước hoa Cologne dùng quá đà của lão bay khắp phòng. Tên Bộ trưởng Quốc phòng gật đầu với Ernst, hẳn cũng gật đầu chào lại.

Một người nữa ngồi trên chiếc ghế chạm trổ công phu, đang nhấp ngụm cà phê, hai chân vắt chéo như dáng ngồi đàn bà, kẻ bù nhìn với cái chân bị tật Paul Joseph Goebbels, Bộ trưởng Tuyên truyền. Ernst không nghi ngờ gì kỹ năng của ông ta, ông là người chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng chỗ đứng vững chắc, đầu tiên của Đảng Phát xít tại Berlin và Phổ. Mặc dù vậy, Ernst vẫn xem thường ông ta, kẻ không ngừng nhìn chăm chăm Lãnh tụ bằng đôi mắt ngưỡng mộ. Vừa phút trước ông ta trình bày một cách hấp dẫn, đóm dáng lời đồn đại như bản về những nhân vật xuất chúng là người Do Thái hay là Đảng viên Đảng Xã hội, ngay phút sau ông ta lại chêm vào mấy cái tên diễn viên nổi tiếng của Đức trong UFA Studios. Ernst chào ông ta rồi ngồi xuống, nhớ lại một trò đùa gần đây đang được lan truyền: Mô tả tộc người Aryan lý tưởng. Phải làm sao để có được mái tóc vàng như của Hitler, mảnh mai được như Göring và cao được như Goebbels.

Hitler trao tài liệu cho Göring với đôi mắt sung húp. Hẳn ta đọc, gật đầu rồi nhét lại tài liệu vào tập hồ sơ bằng da xa xi mà không nhận xét gì. Lãnh tụ ngồi xuống, tự rót cho mình một cốc cacao. Ý nhưn mày về phía Goebbels, ra ý ông ta nên tiếp tục bất kỳ điều gì họ đã, đang thảo luận. Ernst nhận ra số phận của hẳn liên quan đến Nghiên cứu Waltham chắc sẽ còn bị quên lãng một thời gian dài nữa.

“Như tôi đã nói, thưa Lãnh tụ, rất nhiều du khách đến Thế vận hội sẽ quan tâm đến lĩnh vực giải trí.”

“Chúng ta có các quán cà phê và nhà hát. Chúng ta có các bảo tàng, công viên và rạp chiếu bóng. Họ có thể xem các bộ phim Babelsberg của chúng

ta, xem Greta Garbo và Jean Harlow. Rồi Charles Laughton và Chuột Mickey.” Giọng nói nôn nóng của Hitler cho Ernst biết rằng y hiểu chính xác ý Goebbels nói đến loại hình giải trí nào. Tiếp theo sẽ là một tràng tranh luận dài và kiểu cách đến không thể chịu nổi về việc cho phép các ả điếm hợp pháp - “những cô ả kiểm soát” được cấp phép - một lần nữa bước ra phố. Ban đầu, Hitler phản đối ý tưởng ấy, nhưng Goebbels đã suy nghĩ thấu đáo vấn đề này nên tranh luận rất thuyết phục, cuối cùng Lãnh tụ đã xuôi xuôi, với điều kiện rằng không cho phép quá bảy nghìn phụ nữ trên toàn bộ phạm vi thủ đô. Tương tự, điều khoản trong Bộ luật Hình sự nghiêm cấm đồng tính luyến ái, Điều 175, sẽ tạm thời được nới lỏng. Có vô số lời đồn thổi về những sở thích riêng của Hitler - từ bệnh hoạn với những đứa bé trai, thú vật rồi cả phân người. Cho dù Ernst phải thừa nhận rằng con người này đơn giản không quan tâm đến tình dục, người tình duy nhất y khao khát chính là nước Đức.

“Cuối cùng,” Goebbels khéo léo nói tiếp, “có vấn đề hình ảnh công cộng. Tôi đang nghĩ đến việc nên chăng chúng ta cho phép phụ nữ mặc váy ngắn một chút.”

Khi người đứng đầu ĐỆ TAM ĐẾ CHẾ và sĩ quan quân đội của y tranh luận, về độ dài váy, mức độ phụ nữ Berlin có thể được phép chạy theo thời trang thế giới, con sâu khó chịu tiếp tục gặm mòn trái tim Ernst. Tại sao tối thiểu hẳn lại không nói đến tên của Nghiên cứu Waltham mấy tháng trước? Hẳn có thể đã gửi thư lên Lãnh tụ, với dòng ám chỉ qua loa đến nghiên cứu này. Một nghiên cứu hiểu biết tất cả những vấn đề của ngày hôm nay.

Tranh luận vẫn tiếp tục. Rồi Lãnh tụ nói chắc nịch, “Váy có thể ngắn thêm 5 phân. Chỉ thế thôi. Nhưng chúng ta sẽ không ủng hộ trang điểm.”

“Vâng, thưa Lãnh tụ.”

Một lúc im lặng khi đôi mắt Hitler chăm chú nhìn vào góc phòng như mọi khi. Sau đó, y liếc xéo về phía Ernst. “Đại tá.”

“Vâng, thưa ngài?”

Hitler đứng dậy bước đến bàn mình. Y cầm lên một tờ giấy rồi chậm rãi bước về phía những người kia. Göring và Goebbels vẫn nhìn xoáy vào Ernst. Cho dù mỗi tên đều tin rằng hẳn là cố vấn đặc biệt của Lãnh tụ. Tận

trong thâm tâm, hẳn lo sợ rằng ân điển là tạm thời, hoặc kinh hoàng hơn, chỉ là hão huyền, và vào bất kỳ lúc nào hẳn cũng sẽ ngồi đây, cho dù có thể không có được sự tự tin, điềm tĩnh của một đại tá, mà là giống như Ernst, một con lửng bị trói chặt.

Lãnh tụ vượt hàng ria mép của y. “Một vấn đề quan trọng.”

“Dĩ nhiên, thưa Lãnh tụ. Tuy nhiên, tôi có thể giúp.” Ernst nhìn thẳng vào mắt y, trả lời chắc chắn.

“Nó liên quan đến không quân của chúng ta.”

Ernst liếc nhìn Göring với đôi má hồng hào bao quanh nụ cười giả tạo. Một phi công xuất sắc trong Thế Chiến thứ I (dù chính Nam tước Richthofen phản đối vì cho rằng lão luôn tấn công vào dân thường), giờ đây lão vừa là Bộ trưởng Không quân vừa là Tổng tư lệnh không quân Đức - riêng cái này là chức vụ lão thích nhất trong hàng tá chức vụ mình nắm giữ. Không quân cũng chính là chủ đề khiến Göring và Ernst gặp nhau thường xuyên nhất và tranh luận với nhau ác liệt nhất.

Hitler trao tài liệu cho Ernst. “Cậu đọc được tiếng Anh không?”

“Một chút, thưa ngài.”

“Đây là thư do đích thân Charles Lindberg viết,” Hitler tự hào nói. “Anh ta sẽ tham gia Thế vận hội với tư cách vị khách đặc biệt của chúng ta.”

Thật sao? Đây là một thông tin thú vị. Göring lẫn Goebbels cùng cười, vươn người về phía trước gõ gõ lên mặt bàn, cho thấy cả hai ủng hộ tin tức này. Ernst cầm lá thư bằng tay phải, phần mu bàn tay phải, giống như cái vai của hắn, có vết sẹo do mảnh đạn để lại.

Lindberg... Ernst đã từng say sưa theo dõi câu chuyện về chuyến bay xuyên Atlantic của người này, nhưng hẳn còn xúc động hơn nhiều trước thông tin khủng khiếp về cái chết của con trai viên phi công. Ernst hiểu nỗi kinh hoàng khi mất đi đứa con. Vụ nổ kho vũ khí bất ngờ trên tàu cướp đi mạng sống của Mark đúng là bi kịch, đau đớn; đúng, nhưng ít nhất con trai của Ernst nắm quyền chỉ huy tàu chiến và còn được sống để thấy con trai mình, Rudy, chào đời. Để mất một đứa trẻ vào tay một tội phạm -đó là điều khủng khiếp.

Ernst xem tài liệu, hẳn có thể hiểu được những từ ngữ thân mật, thể hiện mối quan tâm được chứng kiến những phát triển trong lĩnh vực hàng không của Đức gần đây.

Lãnh tụ nói tiếp, “Đây là lý do tại sao ta cho gọi cậu Đại tá. Một số người cho rằng, việc chúng ta chứng tỏ cho thế giới thấy sức mạnh không ngừng tăng của chúng ta trên bầu trời, sẽ mang lại giá trị chiến lược. Ta thiên về hướng tự cảm nhận điều này theo cách của mình. Cậu nghĩ sao về một cuộc triển lãm hàng không nhân danh ngài Lindberg, theo đó chúng ta giới thiệu luôn máy bay một lớp cánh mới của chúng ta?”

Ernst thực sự nhẹ nhõm khi các lệnh triệu tập không nói về Nghiên cứu Waltham. Nhưng cảm giác này không kéo dài lâu. Những mối bận tâm của hẳn một lần nữa nổi lên khi hẳn cân nhắc điều mình được hỏi... và câu trả lời hẳn phải đưa ra. Tất nhiên, “một số người” Hitler nói đến ở đây là Hermann Göring.

“Máy bay một lớp cánh, thưa ngài, à...” Chiếc Me 109 của MeSSerschmitt là một cỗ máy giết người siêu việt, một chiến cơ với tốc độ ba trăm dặm một giờ. Trên thế giới còn nhiều chiến cơ một lớp cánh nữa, nhưng đây là loại nhanh nhất. Dù điều quan trọng hơn đó là Me 109 có kết cấu khung toàn bằng kim loại. Điều này Ernst đã ủng hộ trong một thời gian dài, vì với kết cấu này cho phép dễ sản xuất hàng loạt, có thể sửa chữa và bảo trì được ngay trên chiến trường. Cần phải có số lượng chiến cơ thật lớn nhằm hỗ trợ các nhiệm vụ ném bom hủy diệt, Ernst đã lên kế hoạch, như sự chuẩn bị cho bất kỳ cuộc xâm lược nào trên đất liền của quân đội ĐỆ TAM ĐẾ CHẾ.

Hẳn nghiêng đầu như thể đang cân nhắc câu hỏi, cho dù chỉ vừa mới nghe, hẳn đã đưa ra quyết định. “Tôi sẽ phản đối ý tưởng đó, thưa Lãnh tụ.”

“Tại sao?” Đôi mắt Hitler sáng lên, một dấu hiệu cho thấy có thể sau đó là cơn thịnh nộ tam bành, có thể kèm theo là một điều khá tồi tệ: một màn diễn độc thoại bất tận, cường điệu về lịch sử quân sự hay hoạt động chính trị. “Phải chăng chúng ta không được phép tự vệ? Phải chăng chúng ta xấu hổ khi cho thế giới biết chúng ta từ bỏ vai trò hạng ba mà Liên minh cố ép chúng ta nhận lấy?”

Cẩn thận nào, Ernst nghĩ. Cẩn thận như một bác sĩ phẫu thuật đang lấy khối u ra. “Tôi không nghĩ đến hiệp ước năm 1918 của những kẻ đâm sau lưng,” Ernst đáp, lấp đầy giọng nói của mình với sự khinh thường bản Hiệp ước Versailles. “Tôi đang nghĩ đến việc thật thông minh làm sao khi có thể cho người khác biết về loại máy bay này. Nó được kết cấu đủ khiến những ai quen thuộc với hàng không sẽ thấy là độc đáo. Họ có thể suy luận ra rằng loại này đang được sản xuất hàng loạt. Lindberg có thể dễ dàng nhận ra điều này. Bản thân ông ta đã từng thiết kế ra Linh Hồn Của St. Louise. Tôi tin là thế.”

Lảng tránh nhìn thẳng vào mắt Ernst, Göring lên tiếng đúng như dự đoán, “Chúng ta phải bắt đầu cho các kẻ thù biết sức mạnh của chúng ta.”

“Có lẽ,” Ernst chậm rãi nói, “khả năng sẽ là trưng bày một trong số các nguyên mẫu của 1-0-9 tại Thế vận hội. Sẽ được sản xuất bằng tay nhiều hơn so với các mẫu sản phẩm của chúng ta và không được gắn vũ khí. Chúng được trang bị các động cơ Rolls-Royce của Anh. Sau đó, cả thế giới sẽ được chiêm ngưỡng thành tựu công nghệ không được trang bị vũ khí của chúng ta trong khi thực tế là chúng vẫn đang sử dụng các động cơ của cựu thù. Điều này cho thấy bất kỳ hiệu quả tấn công nào đều vượt quá tầm suy nghĩ của chúng ta.”

Hitler đáp, “Có điều gì đó trong ý kiến của cậu, Reinhard... Rồi, chúng ta sẽ không triển lãm hàng không nữa. Chúng ta sẽ trưng bày nguyên mẫu. Tốt. Quyết định xong. Cảm ơn vì đã đến, Đại tá.”

“Lãnh tụ muôn năm.” Tràn ngập cảm giác nhẹ nhõm, Ernst đứng dậy.

Hắn vừa ra đến cửa thì Göring lơ đãng nói, “À, Reinhard này, tôi chợt nghĩ đến một chuyện. Tôi tin rằng một hồ sơ của cậu đã bị gửi nhầm sang văn phòng tôi.”

Ernst quay lại dò xét khuôn mặt tròn trĩnh, đang mỉm cười kia. Tuy nhiên, đôi mắt ấy lại đang sôi sục vì kích động trước chiến thắng của Ernst trong cuộc tranh luận tay đôi. Lão ta muốn trả đũa. Göring liếc mắt. “Tôi tin rằng nó có liên quan đến... cái gì nhỉ? Nghiên cứu Waltham. Đúng rồi.”

Lạy Chúa trên Thiên Đàng...

Hitler đang không chú ý đến. Y trải ra trên bàn một bản vẽ kiến trúc và nghiên cứu nó chăm chú.

“Gửi nhầm?” Ernst hỏi. Bị một trong những gián điệp của Göring ăn cắp mới là nghĩa đúng của từ này. “Cảm ơn nhiều, ngài Bộ trưởng,” hãnh nhàng nói. “Tôi sẽ nhờ ai đó lấy hộ ngay lập tức. Chúc ngài một ngày tốt...”

Dĩ nhiên, trò đánh lạc hướng không hiệu quả. Göring nói tiếp. “Cậu gặp may khi hồ sơ đó được gửi sang chỗ tôi. Tưởng tượng xem ai đó có thể nghĩ đến việc xem văn bản của người Do Thái, có chữ ký của cậu trên đó.”

Hitler ngược mắt lên. “Cái gì thế?”

Mồ hôi vã ra đến kỳ lạ, như thường lệ Göring lấy tay lau mặt rồi đáp, “Nghiên cứu Waltham mà Đại tá Ernst tiến hành.” Hitler lắc đầu, tên Bộ trưởng vẫn kiên trì. “À, tôi cho rằng Lãnh tụ của chúng ta đã biết đến nó.”

“Nói cho ta nghe,” Hitler yêu cầu.

Göring đáp, “Tôi chẳng biết gì về nó. Tôi chỉ nhận được -do gửi nhầm, như tôi đã nói - vài báo cáo do các tay bác sĩ tâm lý Do Thái viết. Một báo cáo của tay người Áo, Freud. Một báo cáo của WeiSS. Những người khác tôi không nhớ nổi.” Hãnh vừa nói vừa cắn môi. “Mấy tên tâm lý học đó.”

Trong hệ thống phân cấp những kẻ Hitler căm ghét, người Do Thái xếp đầu bảng, những người Cộng sản xếp thứ hai và những người có trí tuệ xếp thứ ba. Các nhà tâm lý học đặc biệt bị gièm pha, chê bai vì họ chối bỏ thuyết chủng tộc - niềm tin rằng chủng tộc quyết định hành vi, một nền tảng quan trọng của tư tưởng Chủ nghĩa Quốc Xã.

“Có đúng không, Reinhard?”

Ernst hững hờ đáp, “Một phần công việc của tôi đó là đọc nhiều tài liệu về xâm lược và xung đột. Đó là nội dung trong những văn bản này.”

“Cậu chưa hề nói điều này với tôi.” Và với bản năng đặc trưng đánh hơi được dấu hiệu nhỏ nhất của âm mưu, Hitler hỏi nhanh, “Bộ trưởng Quốc phòng Von Blomberg? Anh ta có biết đến nghiên cứu này của cậu không?”

“Không. Đến lúc này chưa có gì để báo cáo hết. Như cái tên cho thấy, nó chỉ đơn thuần là một nghiên cứu do Trường Đại học Quân sự Waltham thực hiện. Để thu thập thông tin. Chỉ thế thôi. Chẳng có gì quan trọng đâu.” Xấu

hồ khi chơi trò này, hẳn nói thêm, mượn chút ánh nịnh hót, bợ đỡ của Goebbels vào trong mắt. “Nhưng có khả năng các kết quả sẽ cho chúng ta thấy cách tạo ra một đội quân mạnh hơn, hiệu quả hơn nhằm đạt được những mục tiêu vinh quang ngài đã đặt ra cho Tổ quốc của chúng ta.”

Ernst không đoán được liệu kiểu liếm gót này có tạo ra hiệu quả nào không. Hitler đứng dậy, rào bước đến mô hình tinh tế các sân vận động của Thế vận hội, nhìn chăm chăm một lúc lâu. Ernst có thể cảm thấy nhịp tim đang đập thình thịch ngay trên răng mình.

Lãnh tụ quay lại và quát lên, “Ta muốn được gặp kiến trúc sư của ta. Ngay lập tức.”

“Vâng, thưa ngài,” trợ lý của y nói, nhanh chóng quay ra phòng ngoài.

Một lúc sau, có một người bước vào phòng, cho dù đó không phải Albert Speer, mà là Heinrich Himmler với bộ đồng phục đen, cằm mỏng, dáng người nhỏ nhắn và cặp mắt kính gọng đen khiến bạn quên rằng hẳn là kẻ cầm đầu tuyệt đối của SS, Gestapo và mọi lực lượng cảnh sát khác trong nước.

Himmler đứng nghiêm chào đúng kiểu, hướng ánh mắt xanh xám đầy ngưỡng mộ của hẳn về phía Hitler, y đáp lại bằng lối chào theo chuẩn riêng, một cái vỗ rất nhẹ lên vai.

Trùm SS liếc nhìn quanh phòng, kết luận rằng mình có thể chia sẻ bất kỳ tin tức nào đã mang hẳn đến đây.

Hitler lơ đãng phác cử chỉ về phía bàn cà phê và sô-cô-la. Himmler lắc đầu. Ernst quan sát, thông thường trong sự kiểm soát tuyệt đối - gạt sang bên những ánh mắt xu nịnh dành cho Lãnh tụ - tay trùm mật vụ này hôm nay còn có vẻ cáu kỉnh với ông ta. “Tôi có một vấn đề an ninh quan trọng phải báo cáo. Một tư lệnh SS vừa nhận được một lá thư sáng nay đề ngày gửi là hôm nay. Nó được gửi đến tay anh ta theo chức danh, nhưng không nêu tên. Bức thư cho rằng một tên người Nga nào đó sắp gây “thiệt hại” tại Berlin trong vài ngày tới. Ở “các cấp cao,” lá thư viết vậy.”

“Do ai viết?”

“Hẳn ta tự mô tả mình như một kẻ trung thành với Chủ nghĩa Quốc Xã. Nhưng hẳn không nêu tên. Lá thư được tìm thấy trên phố. Chúng tôi không

biết thêm gì hơn về nguồn gốc của nó.” Khoe ra hàm răng trắng hoàn hảo, đều tăm tắp, hăn hần mặt như một đứa trẻ thất vọng với cha mẹ của nó. Hăn bỏ kính xuống, lau mắt kính rồi đeo lên. “Dù là do kẻ nào gửi đến, hăn bảo rằng hăn sẽ tiếp tục điều tra và sẽ báo cáo tung tích tên đó khi hăn biết. Nhưng chúng tôi không nhận được tin tức nào nữa. Phát hiện lá thư trên phố tức là thông tin người gửi đã bị chặn đứng và có lẽ đã bị giết. Chúng ta có thể không biết thêm được gì nữa.”

Hitler hỏi, “Ngôn ngữ là gì? Tiếng Đức à?”

“Vâng, thưa Lãnh tụ.”

“Thiệt hại. Kiểu thiệt hại gì nhi?”

“Chúng tôi không biết.”

“Ôi, lũ Bôn-sê-vich lại định phá rối Thế vận hội của chúng ta đây mà,” gương mặt Hitler tỏ dấu hiệu giận dữ.

Göring hỏi, “Cậu nghĩ tin này là xác thực chứ?”

Himmler đáp, “Có thể là chẳng có gì. Nhưng hàng chục nghìn người nước ngoài đang băng qua Hamburg những ngày này. Có khả năng ai đó biết được âm mưu và không muốn bị liên lụy, nên anh ta viết một lá thư nặc danh. Tôi sẽ thúc giục bất kỳ ai ở đây nên chú ý đặc biệt. Tôi sẽ liên hệ với các tư lệnh quân sự nữa, kể cả những bộ trưởng khác. Tôi đã ra lệnh toàn bộ các lực lượng an ninh phải tìm hiểu vấn đề.”

Giọng chim trong giận dữ, Hitler nổi xung, “Hãy làm những gì cậu phải làm! Mọi thứ! Không được phép làm hỏng Thế vận hội của chúng ta.” Và như thấy nản lòng, chưa đầy một giây sau đó, giọng của y bình tĩnh trở lại, đôi mắt xanh của y sáng lên.

Y vươn người về phía trước, rót sô-cô-la vào đầy tách của mình rồi đặt hai lát bánh mì nướng lên đĩa. “Bây giờ, mọi người vui lòng ra về. Cảm ơn mọi người. Ta cần cân nhắc vài vấn đề xây dựng.”

Y gọi một trợ lý đứng ở ngưỡng cửa. “Speer đâu rồi?”

“Anh ta sẽ đến ngay, thưa Lãnh tụ.”

Mọi người bước ra đến cửa. Trái tim Ernst đã trở lại nhịp đập bình thường, chậm rãi. Chuyện vừa xảy ra là điển hình cho phong cách làm việc trong nội bộ hàng ngũ chính quyền Chủ nghĩa Quốc Xã. Âm mưu ngầm có

thể gây ra những hậu quả khủng khiếp, chỉ đơn giản là biến mất như vụn bánh mì bị quét sạch trên ngưỡng cửa. Còn về âm mưu của Göring, lão...

“Đại tá?” Hitler gọi.

Ernst dừng khựng, quay người lại.

Lãnh tụ đang nhìn chăm chăm mô hình, xem xét nhà ga được xây mới. Y nói, “Cậu sẽ chuẩn bị một báo cáo về Nghiên cứu Waltham của mình. Chi tiết vào. Sau đó, gửi cho ta vào ngày Thứ Hai.”

“Dĩ nhiên, thưa Lãnh tụ.”

Ở ngưỡng cửa Göring chìa cánh tay ra, lòng bàn tay hướng lên trên, cho Ernst ra trước. “Tôi cho rằng cậu sẽ nhận lại được những tài liệu bị gửi nhầm đó, Ernst. Và tôi hy vọng cậu cùng Gertrud sẽ tham dự bữa tiệc Thế vận hội.”

“Cảm ơn ngài, Bộ trưởng. Tôi sẽ thu xếp có mặt ở đó.”

Tối thứ Sáu, trời mù sương và ẩm áp, thơm hương cỏ mới cắt, mùi đất bị xới tung lên và mùi thơm sơn mới.

Paul Schumann một mình tản bộ qua Làng Thế vận hội, cách phía Tây Berlin nửa giờ xe.

Gã đã tới đây không lâu trước đó, sau chuyến hành trình phức tạp từ Hamburg. Đó đúng là một ngày mệt rã rời. Nhưng cũng tiếp thêm cho gã sức mạnh và gã bùng lên niềm phấn khích được đến một xứ sở xa lạ - ngôi nhà của tổ tiên gã - và sự hồi hộp trước nhiệm vụ mới. Gã trình thẻ nhà báo và được phép vào làng ở khu dành cho người Mỹ - hàng tá tòa nhà với sức chứa năm mươi đến sáu mươi người mỗi tòa. Gã để lại va li và ba lô của mình ở một trong số các phòng khách nhỏ ở phía sau, nơi gã sẽ ở lại vài đêm, lúc này gã đang dạo qua những khu đất trống. Khi nhìn quanh làng, gã thấy vui vui. Paul Schumann đã từng đến những khu thể thao gồ ghề hơn nhiều - chẳng hạn như phòng tập gym của gã, đã năm năm không được sơn lại, lúc nào cũng bốc lên mùi mồ hôi, da mốc và bia, bất chấp Sorry Williams không ngừng ra công quét dọn. Tuy nhiên, ngôi làng này như

đúng cái tên của nó: một thành phố với tất cả nét độc đáo riêng. Nằm trong một khu rừng cây phong, trải dài tuyệt đẹp với những vòng cung rộng, các tòa nhà thấp, trắng xóa với một cái hồ, những lối đi cong, những đường chạy và đi bộ, những sân tập luyện và ngay cả khu thi đấu thể thao riêng.

Theo cuốn sách hướng dẫn Adrew Avery để trong ba lô, ngôi làng có một văn phòng hải quan, cửa hàng tạp hóa, phòng báo chí, một bưu điện và ngân hàng, nhà ga, cửa hàng đồ dùng thể thao, gian hàng đồ lưu niệm, cửa hàng ăn uống và văn phòng du lịch.

Các vận động viên hiện đang có mặt dự lễ chào mừng mà Jesse Owens, Ralph Metcalfe và tay đấm bốc trẻ gã vừa hạ nốc ao năng nặc kéo gã đi cùng. Nhưng bây giờ gã đang ở địa điểm sẽ tiến hành hóa kiếp kẻ khác, nên gã phải nấu mình. Gã thoát thác, viện cố phải hoàn thành vài việc cho các buổi phỏng vấn sáng hôm sau. Gã dùng bữa tại nhà ăn - thưởng thức một trong những miếng bít tết ngon nhất đời gã - và sau một chén cà phê và Chesterfield, giờ gã đang đi bộ vòng quanh làng.

Điều duy nhất khiến gã thấy khó chịu, xét đến lý do gã có mặt ở đất nước này, đó là ở khu phức hợp phòng ngủ tập thể của mỗi nước đều được chỉ định một tên lính Đức, một “sĩ quan liên lạc”. Trong khu của Mỹ có một tên sắc mặt nghiêm nghị, trẻ măng, tóc nâu mặc đồng phục màu xám, có vẻ cực kỳ khó chịu bởi cái nóng. Paul cố gắng càng tránh xa hắn càng tốt. Người liên lạc ở đây, Reginald Morgan, đã cảnh báo Avery rằng Paul phải tuyệt đối đề phòng bất kỳ kẻ nào mặc đồng phục. Gã chỉ dùng cửa sau để vào phòng ngủ tập thể và chắc chắn rằng tên lính gác không bao giờ được nhìn rõ gã.

Khi gã tản bộ dọc theo vỉa hè được quét dọn cẩn thận gã trông thấy một trong số các vận động viên điền kinh người Mỹ cùng một phụ nữ trẻ và đứa bé, vài thành viên đội tuyển được mang theo vợ con và họ hàng. Điều này nhắc Paul nhớ đến cuộc nói chuyện với em trai gã tuần rồi, ngay trước khi tàu Manhattan ra khơi.

Paul tự mình xa lánh em trai và em gái cùng gia đình họ đã mười năm rồi, gã không muốn mang lại cho cuộc sống của họ những tai họa vì bạo lực, và vết nhơ từ cuộc đời gã. Em gái gã sống tại Chicago - nơi gã hiếm

khi đến thám, nhưng gã có gặp Hank một đôi lần. Nó sống tại Long Island, điều hành một xưởng in thừa kế từ ông nội. Nó là một người chồng và người cha tốt, nó không hề biết chắc thằng anh nó làm gì để kiếm sống, ngoại trừ việc anh nó dính dáng đến mấy tên tội phạm và những kẻ xấu.

Cho dù Paul không chia sẻ chút thông tin riêng tư nào với Bull Gordon hay với những người khác trong Phòng Thẩm vấn, lý do chính gã quyết định đồng ý đến Đức làm nhiệm vụ này là muốn xóa bỏ đi lý lịch của mình. Việc xông pha này có thể là cơ hội cho gã kết nối lại với gia đình, giấc mơ của gã bao nhiêu năm qua.

Gã nhấp một ngụm whisky, rồi một ngụm nữa và cuối cùng nhấc điện thoại lên gọi cho em trai gã ở nhà. Sau mười phút nói chuyện phiếm căng thẳng về đợt nóng, đội bóng rổ Yankees và hai đứa con của Hank, Paul quyết định liêu hồi xem Hank có thể quan tâm đến việc có người làm cùng ở Schumann Printing không. Gã nhanh chóng trấn an, “Tao không còn liên hệ gì đến đám cũ nữa đâu.” Rồi gã nói thêm rằng mình có thể đóng góp 10.000 USD làm vốn kinh doanh. “Tiền sạch đấy. Một trăm phần trăm.”

“Nhiều vậy,” Hank nói. Cả hai cùng phá lên cười trước câu nói này, một trong những kiểu nói ưa thích của cha họ.

“Có một rắc rối,” Hank nghiêm túc nói.

Paul hiểu rằng nó sắp nói từ chối, khi nghĩ đến sự nghiệp đen tối của anh trai.

Nhưng Hank nói thêm, “Chúng ta sẽ phải sắm một biển hiệu mới. Không còn đủ chỗ cho cụm từ “Xưởng In Anh em nhà Schumann” trên tấm biển em mua đâu.”

Băng giá đã tan, hai anh em bàn thêm chút về kế hoạch. Paul ngạc nhiên thấy giọng Hank nghe như cực kỳ xúc động trước lời đề nghị này. Gia đình chính là điều quan trọng đối với Hank, và nó không thể hiểu tại sao Paul lại xa cách đến thế suốt mười năm qua.

Paul quả quyết cho rằng Marion cao ráo, xinh đẹp cũng sẽ thích cuộc sống đó. À, cô ấy thích tỏ vẻ mình là đứa con gái tồi tệ, nhưng đó chỉ là vai diễn thôi, Paul thừa biết nên chỉ cho cô hưởng ít gia vị của cuộc sống đê tiện ấy. Gã giới thiệu cô với Damon Runyon, cho cô uống bia bằng chai tại

phòng tập gym, dẫn cô đến quán bar tại Hell's Kitchen nơi Owney Madden sử dụng để quyến rũ các quý bà, bằng giọng chuẩn Anh của hắn và khoe khoang những khẩu súng ngắn bóng bẩy bằng ngọc trai. Nhưng gã biết, giống như nhiều cô gái trường đại học nổi loạn khác, Marion rồi sẽ mệt mỏi với cuộc sống khó khăn, nếu cô thực sự phải sống cuộc sống đó. Làm gái nhảy rồi cũng chóng phai tàn, cô muốn làm một nghề gì khác ổn định hơn. Làm vợ một chủ xưởng in sung túc hẳn sẽ là lựa chọn.

Hank bảo rằng nó sẽ nói chuyện với luật sư, thảo một hợp đồng đối tác chờ Paul ký tên ngay sau khi quay về từ “chuyến đi công tác.”

Lúc này, khi đã quay về phòng mình ở phòng ngủ tập thể Paul nhận thấy có ba thằng nhóc mặc quần soóc, áo sơ mi nâu và cà vạt đen, trên đầu đội mũ màu nâu có phong cách quân sự. Gã đã từng thấy hàng tá thanh niên ở đây hỗ trợ cho các đội tuyển. Bộ ba đi đều bước đến cột cao, nằm trên đỉnh là lá cờ Phát xít bay phấp phới. Paul đã thấy lá cờ này trong các cuốn phim thời sự, trong các tài liệu nhưng luôn là hình ảnh đen trắng. Ngay cả bây giờ, vào lúc chạng vạng, màu đỏ thẫm của lá cờ cũng trở nên đẹp nổi bật, tuyệt vời như máu tươi.

Một thằng nhóc để ý gã đang đứng xem bèn hỏi bằng tiếng Đức, “Ngài là vận động viên à? Ngài vẫn chưa đến dự buổi chào mừng chúng tôi đang tổ chức sao?”

Paul nghĩ tốt hơn không nên khoe các kỹ năng ngôn ngữ của gã, ngay cả với đội Hướng Đạo Sinh, nên gã đáp bằng tiếng Anh, “Xin lỗi, tôi nói tiếng Đức không tốt lắm.”

Thằng nhóc chuyển sang nói ngôn ngữ của Paul, “Anh là vận động viên à?”

“Không, tôi là phóng viên.”

“Anh là người Mỹ hay người Anh?”

“Người Mỹ.”

“Ồi chà,” thằng nhóc vui mừng nói bằng trọng âm nặng, “chào mừng đến Berlin, thưa Ngài.”

“Cảm ơn.”

Thằng nhóc thứ hai để ý ánh mắt của Paul và nói, “Anh thích lá cờ của Đảng chúng tôi không? Nói sao nhỉ, nó thật ấn tượng, đúng không?”

“Phải, đúng vậy,” Những Sao và Vạch kẻ trông mềm mại hơn theo một cách nào đó. Kiểu lá cờ này, như đập vào mắt bạn.

Thằng nhóc đầu tiên nói, “Từng phần đều có ý nghĩa, một ý nghĩa quan trọng. Anh có biết chúng là gì không?”

“Không. Nói cho tôi biết đi.” Paul ngược nhìn lên lá cờ.

Thấy hân hạnh được giải thích, hẳn ta nói rất nhiệt tình, “Màu đỏ, tức là chủ nghĩa xã hội. Màu trắng, không nghi ngờ gì nữa là chủ nghĩa dân tộc. Và màu đen... dấu thập ngoặc. Anh có thể gọi nó là swatiska ...” Hẳn nhướn mày nhìn Paul và không nói năng gì thêm.

“Vâng,” Paul nói. “Tiếp tục đi. Nó nghĩa là gì?”

Thằng nhóc liếc hai người bạn của mình, rồi lại quay sang Paul với nụ cười tò mò và nói, “Ôi chà, ành biết rồi còn hỏi.”

Với hai người bạn, hẳn nói bằng tiếng Đức, “Bây giờ, tôi sẽ hạ cờ xuống.” Hẳn mim cười lặp lại với Paul, “Anh biết rồi còn hỏi.” Nhíu mày tập trung, hẳn hạ cờ khi hai tên kia vươn cao cánh tay, một trong những thế chào khô cứng bạn thấy ở khắp nơi.

Khi Paul quay về phòng ngủ tập thể, những thằng nhóc cùng hát một bài với giọng sôi nổi, không đều. Gã nghe thấy những đoạn ngân lúc lên cao, lúc xuống thấp trong bầu không khí nóng bỏng khi tản bộ đi xa. “Hãy giương cao lá cờ, hãy siết chặt hàng ngũ. Đội quân SA hành quân tiên lên với những bước chân vững chắc... Tránh ra, tránh đường ra cho những tiểu đoàn nâu, khi những đội quân Bão tố càn quét đất này... Tiếng kèn trumpet thúc giục trận tấn công cuối cùng. Chúng ta sẵn sàng đứng lên chiến đấu. Rồi chẳng bao lâu những con phố sẽ thấy lá cờ của Hitler tung bay, kiếp sống nô lệ của chúng ta rồi sẽ kết thúc...”

Paul quay lại, thấy chúng tôn kính gập lá cờ, rồi đều bước bỏ đi. Gã lén qua lối vào phía sau phòng ngủ tập thể rồi quay lại phòng mình. Gã tắm rửa, đánh răng, cởi bỏ áo quần, leo lên giường. Gã nhìn chăm chăm lên trần nhà một lúc lâu, đợi chờ giấc ngủ đến khi gã nghĩ về Heinsler - tên đã tự sát sáng hôm đó trên tàu, một sự hy sinh bạo liệt và ngu xuẩn.

Gã cũng nghĩ đến cả Reinhard Ernst.

Và cuối cùng, khi bắt đầu ngủ lơ mơ, gã nghĩ đến thằng nhóc mặc đồng phục nâu. Nhìn thấy nụ cười bí ẩn đó. Nghe đi nghe lại giọng nói của hắn: Anh biết rồi còn hỏi... anh biết rồi còn hỏi

Thứ Bảy, ngày 25 tháng 07 năm 1936

Chương 5

Những con phố của Berlin đều hoàn hảo, người dân thì dễ chịu. Nhiều người gật đầu khi gã bước qua. Mang theo chiếc va li cũ xác xơ, Paul Schumann đang bước về phía Bắc, đi qua Tiergarten. Lúc này là cuối giờ sáng ngày thứ Bảy, gã đang trên đường đến gặp Reggie Morgan.

Công viên thật đẹp, đầy cây cối sum suê, những lối đi, những mặt hồ, khu vườn. Trong Công viên Trung tâm New York, bạn sẽ không ngừng nhận thức được thành phố xung quanh mình, các tòa nhà chọc trời có thể nhìn thấy được ở bất kỳ đâu. Nhưng Berlin là một thành phố thấp, các tòa nhà cao ở đây rất ít. “Những tòa nhà chạm mây,” như câu gã nghe trộm một người phụ nữ nói với đứa con nhỏ trên xe buýt. Trên đường gã đi qua công viên, với những cái cây đen sì và thảm thực vật dày, gã mất đi bất kỳ ý thức nào rằng mình đang đi trong thành phố. Nó nhắc Paul nhớ những khu rừng rậm rạp vùng nông thôn New York, nơi ông nội gã dẫn gã đi săn mỗi mùa hè, cho đến khi ông già, ốm liệt giường, hai ông cháu mới dừng những chuyến đi.

Một cảm giác khó chịu tràn qua người gã. Thật quen thuộc: những cảm giác tăng lên khi bắt đầu một công việc, khi gã nhìn về phía văn phòng hoặc căn hộ của kẻ sắp bị gã hóa kiếp, đi theo con mồi và biết những gì gã có thể biết về con mồi. Theo bản năng thi thoảng gã dừng lại, thận trọng liếc mắt nhìn sau lưng, như thể tự đình hưởng. Có vẻ không ai theo dõi gã. Nhưng gã không thể nói chắc được. Khu rừng này có nhiều chỗ ánh sáng mờ và kẻ nào đó có thể dễ dàng theo dõi gã. Vài kẻ lồi thối lếch thếch nhìn theo gã vẻ đáng ngờ rồi lẫn vào những hàng cây hay bụi rậm. Có khả năng là những kẻ sống lang thang hay vô công rồi nghề. Nhưng gã không dám

mạo hiểm, nên đổi hướng vài lần để cắt đuôi bất kỳ kẻ nào có thể đang bám theo.

Gã băng qua con sông Spree tối tăm, u ám và thấy phố Spener rồi đi tiếp về phía Bắc, tránh xa công viên. Gã tò mò để ý các ngôi nhà đang ở trong những tình trạng vô cùng khác nhau. Một số thì trống lếch, trong khi các ngôi nhà kế bên có thể bị bỏ hoang hoặc mục nát. Gã đi qua một căn nhà cỏ dại nâu mọc đầy sân trước. Vào thời điểm nào đó, căn nhà này rõ ràng đã từng rất sang trọng. Giờ đây, hầu hết các cửa sổ đều vỡ nát, và ai đó mà gã nghĩ là những thằng nhóc lác cắc, đã sơn vàng lên đó. Một dấu hiệu cho thấy có thể vào ngày thứ Bảy những nội dung bên trong sẽ được rao bán. Paul cho rằng có thể vấn đề là những khoản thuế. Chuyện gì đã xảy ra với gia đình này? Họ đã đi đâu? Các giai đoạn khó khăn, gã cảm nhận được. Những hoàn cảnh thay đổi.

Cuối cùng mặt trời cũng lặn...

Gã dễ dàng tìm thấy nhà hàng, trông thấy biển hiệu nhưng thậm chí còn không để ý chữ “Bierhaus”. Đối với gã từ này có nghĩa là “Nhà Bia.” Gã đang suy nghĩ theo kiểu người Đức. Kiến thức trong trường của gã cộng thêm hàng giờ sắp chữ tại xưởng in của ông nội cho gã khả năng dịch tự động. Gã nhìn lướt qua nơi này. Nửa tá người ăn trưa ngồi trên hàng hiên, nam cũng như nữ, phần lớn là những kẻ cô độc, đắm chìm trong món ăn hay tờ báo. Gã không thể nhận thấy sự bất thường nào.

Paul sang đường, đến con ngõ nhỏ Avery đã nói với gã, Ngõ Dresden. Gã bước vào trong con hẻm tối tăm, dịu mát. Còn vài phút nữa là đến trưa.

Một lúc sau, gã nghe thấy tiếng bước chân. Sau đó, một người đàn ông vóc dáng vững chãi mặc bộ vest nâu kèm gi-lê rảo bước đến sau lưng gã, miệng ngậm một que tẩm.

“Một ngày tốt lành,” ông ta vui vẻ nói bằng tiếng Đức, mắt liếc nhìn chiếc va li bằng da.

Paul gật đầu. Ông ta giống với những gì Avery mô tả về Morgan, mặc dù ông ta mập hơn Paul hình dung.

“Đây là một lối tắt tuyệt vời, cậu có nghĩ vậy không? Tôi dùng nó thường xuyên.”

“Chắc chắn là vậy.” Paul liếc nhìn ông ta. “Có lẽ ông giúp được tôi. Chuyển tàu nào tốt nhất đến được Alexander Plaza?”

Nhưng ông ta nhăn nhó. “Chuyển tàu? Ý cậu là từ đây đi à?”

Paul càng cảnh giác hơn. “Đúng. Đến Alexander Plaza.”

“Tại sao cậu lại đi tàu? Đi xe điện ngầm nhanh hơn nhiều.”

Được rồi, mình hỏi sai người rồi, Paul nghĩ. Chuồn thôi. Ngay bây giờ. Chỉ việc chậm rãi bước đi. “Cảm ơn ông. Như thế là tốt nhất. Chúc ông một ngày tốt lành.”

Nhưng đôi mắt Paul chắc phải lộ ra điều gì đó. Bàn tay người đàn ông để xuôi theo bên người, một cử chỉ Paul biết rõ, và gã nghĩ đến khẩu súng ngắn!

Chết tiệt, chúng nó sai gã ra đây mà không được mang theo khẩu Colt.

Paul nắm chặt tay lại thành nắm đấm và định bước lên, nhưng mặc dù trông mập mạp, đối thủ của gã lùi lại nhanh nhẹn đến ngạc nhiên, vượt khỏi tầm với của Paul, khéo léo rút ra khẩu súng ngắn từ eo lưng. Paul chỉ có thể xoay người và chạy. Gã rẽ tức khắc vào một góc của con ngõ.

Nhưng gã dừng khựng. Đó là ngõ cụt.

Tiếng giầy lạo xạo vang lên sau lưng, gã cảm thấy vũ khí của người đàn ông sau lưng mình, ngay chỗ tim gã ...

“Đứng im,” người đàn ông tuyên bố bằng tiếng Đức âm yết hầu. “Bỏ va li xuống.”

Gã buông rơi va li xuống mặt đường đá cuội, cảm thấy khẩu súng rời khỏi lưng gã và chạm vào đầu, ngay phía dưới mũ của gã.

Bố ời, gã nghĩ - không phải gã cầu thánh thần mà là cha mẹ gã, đã rời bỏ thế gian này mười hai năm rồi.

Gã nhắm mắt lại.

Mặt trời cuối cùng cũng lặn...

Phát súng vang lên bất ngờ, dội lại ngăn ngui vào những bức tường của con ngõ, tiếp theo bị lớp gạch nứt chùng.

Paul cúi người xuống, cảm thấy nòng súng ấn mạnh hơn nữa vào sọ gã, rồi khẩu súng bị văng đi. Gã nghe thấy tiếng kêu của nó, nhìn lại tên vừa suýt giết gã giờ đang sòng soài dưới đất. Đôi mắt hấn ta mở to nhưng đờ

đần. Một viên đạn găm vào một bên đầu hấn. Máu bắn tung tóe trên đất và bức tường gạch.

Gã ngược mắt lên, nhìn thấy một người khác, trong bộ trang phục bằng vải flannel màu xám đen, đang đến gần gã. Theo bản năng tự nhiên, gã vơ lấy khẩu súng ngắn của tên đã chết. Đó là dạng súng tự động có một cái chốt trên cùng, gã tin là một khẩu Luger. Nhắm vào ngực người đàn ông, Paul liếc mắt. Gã nhận ra người này đến từ quán Nhà Bia. Ông ta đang ngồi trên hàng hiên, cầm cúi xem một tờ báo - Paul cho là vậy. Ông ta đang nắm chắc khẩu súng ngắn, một khẩu tự động loại lớn, nhưng không chĩa vào Paul. Ông ta vẫn đang nhắm vào tên nằm dưới đất.

“Đứng im,” Paul nói bằng tiếng Đức. “Bỏ súng xuống.”

Ông ta không bỏ súng xuống nhưng cho rằng tên ông đã bắn không còn là mối đe dọa, nên bỏ tọt vũ khí của mình vào túi.

Ông nhìn lên nhìn xuống ngõ Dresden. “Suyt,” ông thì thầm, rồi nghiêng đầu lắng nghe, sau đó chậm rãi đến gần. “Schumann phải không?” ông hỏi.

Paul không nói gì. Khẩu Luger của gã vẫn nhắm vào người lạ, đang cúi xuống trước mặt kẻ bị bắn. “Đồng hồ của tôi.” Những từ này được thốt ra bằng tiếng Đức, trọng âm nhẹ.

“Cái gì cơ?”

“Đồng hồ của tôi. Đó là thứ tôi lấy ra.” Ông ta rút ra một chiếc đồng hồ bỏ túi, mở nó ra và giơ mặt pha lê lên trước mũi và miệng tên kia. Không còn dấu hiệu nào của hơi thở. Ông cất đồng hồ đi.

“Cậu là Schumann?” ông ta lặp lại, hất đầu về chiếc va li nằm dưới đất. “Tôi là Reggie Morgan.” Ông ta cũng khớp với mô tả Avery đã cung cấp: tóc đen, có ria mép cho dù ông ta mỏng cơm hơn nhiều so với tên kia.

Paul nhìn lên nhìn xuống con ngõ. Chẳng còn ai khác nữa.

Màn trao đổi nghe có vẻ vụng về, với một xác chết trước mặt, nhưng Paul vẫn hỏi, “Chuyến tàu tốt nhất đến được Alexander Plaza là chuyến nào?”

Morgan đáp nhanh, “Chuyến số 1-3-8... Mà không, thực ra chuyến số 2-5-4 tốt hơn.”

Paul liếc nhìn cái xác. “Vậy thì hấn là ai?”

“Để xem nào.” Ông cúi xuống cái xác, bắt đầu móc các túi áo, túi quần của hắn.

“Tôi sẽ giữ cái đồng hồ,” Paul nói.

“Tốt.”

Paul bước tránh xa ra. Rồi gã quay lại, dí khẩu Luger vào sau đầu Morgan.

“Ngồi yên.”

Ông ta cứng người lại. “Chuyện gì thế này?”

Paul đáp bằng tiếng Anh, “Cho tôi xem hộ chiếu của ông.”

Paul cầm lấy cuốn sách nhỏ xác nhận rằng ông ta là Reginald Morgan. Dầu vậy khi trả nó lại, gã vẫn không bỏ súng xuống. “Mô tả ngài Thượng Nghị sĩ cho tôi. Bằng tiếng Anh.”

“Nếu cậu không phiền, bỏ tay ra khỏi cò súng được không,” ông ta nói bằng giọng nghe như ở đâu đó tại New England. “Được rồi, ngài Thượng Nghị sĩ hả? Ông ta sáu mươi hai tuổi, tóc bạc, cái mũi tập trung nhiều mạch máu hơn mức cần thiết do rượu Scotch. Và ông ta gầy nhẳng như đường ray tàu điện, mặc dù ông ta chén rất nhiều xương thịt bò tại quán Delmonico khi ở New York và quán Earnie khi ở Detroit.”

“Ông ta hút thuốc lá gì?”

“Lần cuối cùng tôi gặp vào năm ngoái, thì ông ấy không hút gì cả. Vì bà vợ. Nhưng ông ấy có nói với tôi rằng ông ấy sẽ hút lại. Và thuốc ông ấy đã từng hút là xì gà của Dominica có mùi như sa thạch đang cháy ấy. Tha cho tôi được chưa, anh bạn. Tôi không muốn chết vì “lão già nào đó thích lặp lại thói quen xấu đâu.””

Paul cất súng đi. “Xin lỗi.”

Morgan tiếp tục xem xét cái xác, không thấy phiền trước bài kiểm tra của Paul. “Tôi thà làm việc với một người thận trọng, còn hơn với một kẻ bất cẩn vô tâm. Cả hai ta rồi sẽ sống lâu.” Ông thọc tay vào các túi quần áo kẻ đã chết. “Có ai khác đến chưa?”

Paul nhìn khắp ngõ Dresden. “Chẳng có ai cả.”

Gã nhận thấy Morgan đang nhìn chăm chăm về chán ngán vào cái gì đó ông ta tìm thấy trong túi hắn và sau đó thở dài. “Được rồi. Ôi trời ơi, rắc rối

rồi đây.”

“Gì thế?”

Ông giơ lên một thẻ, trông có vẻ là chính thức. Trên cùng là dấu một con đại bàng, bên dưới nằm trong một vòng tròn, là dấu thập ngoặc. Các chữ cái “SA” xuất hiện phía trên cùng.

“Thế này nghĩa là gì?”

“Bạn tôi ơi, nó có nghĩa là anh bạn mới vào thành phố chưa được một ngày, thế mà chúng ta đã xử xong một thành viên SA rồi đấy.”

Chương 6

“Cái gì cơ?” Paul Schumann hỏi.

Morgan thở dài. “Sturmabteilung. Đội Xung Kích Bão Tố. Hoặc Áo Nâu. Một kiểu quân đội của riêng Đảng này. Hãy nghĩ về chúng như những kẻ sát nhân của Hitler.” Ông lắc đầu. “Thế này thì tệ cho chúng ta rồi. Hẳn không mặc đồng phục. Như thế có nghĩa hẳn là Kẻ Ưu Tú Áo Nâu. Một trong những cấp trên của chúng.”

“Làm thế nào hẳn tìm ra tôi?”

“Tôi không chắc hẳn làm thế, cụ thể là không phải với cậu. Hẳn đã ở trong bất điện thoại kiểm tra mọi người qua lại trên phố.”

“Tôi không trông thấy hẳn,” Paul nói, giận dữ với chính mình vì bỏ sót một tên theo dõi như thế. Mọi thứ ở đây đều chẳng có thứ tự gì hết, gã chẳng hiểu mình phải chú ý cái gì và không chú ý cái gì.

Morgan nói tiếp “Ngay sau khi cậu bắt đầu bước vào ngõ, hẳn đã bám theo cậu. Tôi sẽ nói rằng đích thân hẳn muốn đi tìm hiểu xem cậu định làm gì - một kẻ xa lạ trong khu vực. Những kẻ Áo Nâu đều sở hữu những lãnh địa của riêng mình. Chắc đây là lãnh địa của riêng hẳn.” Ông nhăn nhó. “Nhưng dù sao việc chúng cảnh giác như vậy là điều bất thường. Câu hỏi là tại sao một tên SA cấp cao lại đi theo dõi một công dân bình thường? Lẽ ra chúng nên để việc này cho cấp dưới. Có thể một báo động nào đó được ban ra.” Ông nhìn chăm chăm cái xác. “Trong bất kỳ trường hợp nào, đây là một rắc rối. Nếu những kẻ Áo Nâu phát hiện một trong số thành viên của chúng bị giết, chúng sẽ không ngừng truy đuổi cho đến khi tìm được kẻ sát nhân. Phải, chúng sẽ làm đấy. Có đến hàng chục nghìn tên trong thành phố. Như bây giờ vậy.”

Cú sốc ban đầu vì bị bắn đã tan đi. Những bản năng của Paul đang quay trở lại. Gã bước khỏi con ngõ cụt vào phần không gian chính của ngõ Dresden. Ngõ vẫn vắng tanh. Những ô cửa sổ đen ngòm. Không một chiếc cửa ra vào nào mở. Gã giơ một ngón tay về phía Morgan rồi quay ra lối vào ngõ, nhìn xung quanh ngõ, về phía Nhà Bia. Có vẻ không có ai trong số vài người trên phố nghe thấy tiếng súng.

Gã quay lại nói với Morgan rằng mọi thứ có vẻ an toàn, rồi bảo. “Vỏ đạn.”

“Cái gì?”

“Vỏ đạn. Từ khẩu súng của ông.” Họ nhìn xuống đất, Paul để ý thấy cái ống nhỏ màu vàng. Gã nhặt nó lên bằng khăn tay, lau sạch phòng trường hợp có dấu tay Morgan trên đó, rồi thả vào trong đường ống thoát nước. Gã nghe tiếng lanh canh một lúc cho đến khi nghe tiếng nước bắn tóe.

Morgan gật đầu. “Họ nói cậu là tay giỏi đấy.”

Không đủ giỏi để tránh khỏi bị bắt quay về Mỹ, vì một chuyện nhỏ giống như chuyện này.

Morgan mở con dao bỏ túi đã mòn xơ. “Chúng ta sẽ cắt hết các huy hiệu ra khỏi quần áo của hă. Lấy đi hết đồ tùy thân.

Sau đó chuồn khỏi đây càng nhanh càng tốt. Trước khi chúng tìm ra hă.”

“Thế ‘chúng’ là ai?” Paul hỏi.

Một tiếng cười gượng gạo nở trên môi Morgan. “Bây giờ nói theo tiếng Đức, ‘chúng’ nghĩa là tất cả mọi người.”

“Tên Xung kích này có hình xăm không? Có thể là dấu thập ngoặc đó? Hay các chữ cái ‘SA’?”

“Phải, có khả năng.”

“Tìm xem có không. Trên hai cánh tay và ngực.”

“Và nếu tôi tìm ra một hình?” Morgan nhíu mày hỏi “Chúng ta có thể làm gì với nó?”

Paul hất đầu về phía con dao.

“Cậu đùa tôi à?”

Nhưng nét mặt Paul cho thấy gã không đùa.

“Tôi không làm thế được,” Morgan thì thầm.

“Vậy thì tôi sẽ làm. Điều quan trọng là để hăn không nhận diện được. Chúng ta phải làm.” Paul cúi xuống mặt đường đá cuội, cởi áo vest và áo sơ mi của tên kia. Gã có thể hiểu được Morgan thấy khó chịu, nhưng với một sát thủ đây cũng là một công việc như mọi công việc khác. Bạn dành trăm phần trăm sức lực cho nó, hoặc bạn tốt hơn nên đi tìm việc khác. Và một hình xăm bé nhỏ cũng có thể tạo ra sự khác biệt sinh tử.

Nhưng hóa ra gã không tiến hành được việc lột da này, cơ thể hăn ta không hề có hình xăm.

Một tiếng quát bất ngờ vang lên.

Cả hai cứng người lại. Morgan nhìn lên con ngõ. Bàn tay ông lại lan đến khẩu súng ngắn. Paul cũng nắm chắc vũ khí gã lấy trộm của tên Xung kích.

Giọng nói lại cất lên. Sau đó là im lặng, ngoại trừ tiếng xe đi lại. nhưng một lúc sau, Paul có thể phát hiện tiếng còi báo động kỳ lạ, lên cao rồi xuống thấp, đang tiến đến ngày càng gần.

“Cậu nên đi ngay đi,” Morgan gấp gấp nói. “Tôi sẽ giải quyết hăn.” Ông suy nghĩ một lát. “Gặp tôi trong vòng bốn mươi lăm phút nữa. Có một nhà hàng tên là Khu Vườn Mùa Hạ trên phố Rosenthal, phía Tây bắc Alexander Plaza. Tôi có người liên lạc nắm được thông tin về Reinhard Ernst. Tôi sẽ thu xếp để anh ta gặp chúng ta tại đó. Quay lại con phố phía trước nhà bia. Cậu phải bắt một taxi để tới đó. Trên tàu điện ngầm và xe buýt luôn có cảnh sát đi theo. Hoặc bắt taxi hoặc đi bộ tùy cậu chọn. Nhìn thẳng phía trước mà đi, không được quay sang nhìn bất kỳ ai.”

“Khu Vườn Mùa Hạ,” Paul nhắc lại, nhắc va li lên, phải bụi bám trên lớp da. Gã bỏ khẩu súng của tên Xung kích vào trong. “Từ giờ trở đi, tôi sẽ chỉ dùng tiếng Đức. Sẽ ít bị nghi ngờ hơn.”

“Ý hay,” Morgan nói bằng tiếng bản xứ. “Cậu nói chuẩn lắm, tốt hơn tôi tưởng đấy. nhưng nhớ phát âm chữ G nhẹ thôi. Như thế giọng cậu sẽ nghe giống một người Berlin.”

Một tiếng quát nữa. Tiếng còi ngày một gần. “Ôi, Schumann - nếu tôi không có mặt tại đó trong một giờ nữa? Chiếc vô tuyến điện mà Bull Gordon đã nói với cậu, trong tòa nhà đại sứ còn hoạt động được chứ?”

Paul gật đầu.

“Cậu gọi cho họ, bảo họ rằng cậu cần những chỉ dẫn mới.” Một tiếng cười buồn. “Và cậu có thể thông báo luôn với họ về cái chết của tôi. Giờ ra khỏi đây ngay đi. Không ngừng nhìn thẳng về phía trước, cứ tỏ ra thật bình thường. Và cho dù có xảy ra chuyện gì, không được chạy.” ‘

‘Không được chạy? Tại sao?’¹

“Bởi vì có quá nhiều người trong đất nước này sẽ đuổi theo cậu, đơn giản chỉ vì cậu đang chạy. Giờ thì nhanh lên!” Morgan quay lại làm tiếp nhiệm vụ của mình, với sự chính xác nhanh nhạy của một thợ may.

Chiếc xe màu đen, bóng loáng tấp vào vỉa hè gần con ngõ, nơi ba tay sĩ quan Cảnh sát đô thị đứng, mặc đồng phục xanh sạch tinh tươm với phù hiệu trên ve áo màu cam tươi, đầu đội mũ sa-cô màu xanh đen.

Một người đàn ông có ria mép tuổi trung niên, mặc bộ vest ba lớp bằng vải lanh trắng nhạt xuống xe, với ghế hành khách được nâng lên cao vài phân khiến ông đỡ mệt vì tấm thân to béo. Ông đội chiếc mũ Panama lên mái tóc thưa màu muối tiêu được chải mượt về phía sau, tay búng vào đám thuốc đang cháy âm ỉ từ cái tẩu bằng đất sét trắng.

Động cơ xe khục khặc một hồi rồi cuối cùng im lặng. Bỏ vào túi cái tẩu màu vàng, Thanh tra Willi Kohl liếc nhìn xe của họ với sự tức giận. Các nhà điều tra Gestapo và SS hàng đầu đều đi Mercedes và BMW, nhưng các thanh tra của Cảnh sát Hình sự, thậm chí cả những thanh tra cấp cao như Kohl vẫn chỉ được cấp loại xe Auto Union. Và với bốn vòng khóa liên động đại diện cho bốn công ty hợp tác - Audi, Horch, Wanderer và DKW - vốn dĩ, chiếc xe này là mẫu cũ đã hai năm tuổi của loại xe khiêm tốn nhất thuộc dòng này được dành cho Kohl (nói dễ nghe, trong khi xe ông chạy xăng nên ba chữ cái đầu này nên được hiểu là “xe chạy bằng hơi nước”).

Konrad Janssen, mày râu nhẵn nhụi, không đội mũ như nhiều ứng cử viên thanh tra trẻ ngày nay, xuất hiện từ ghế lái, hai tay cài lại cúc chiếc áo choàng lụa màu xanh, hai lớp lót ngực. Cậu ta mang theo một va li cùng

một hộp máy ảnh Leica từ trong cốp xe. Vỗ vỗ vào túi để chắc chắn mình mang theo sổ tay và các phong bì đựng bằng chứng, Kohl thả bộ đến chỗ các Cảnh sát.

“Hail Hitler, Thanh tra,” người lớn tuổi nhất trong bộ ba nói, có nét quen thuộc trong giọng cậu ta. Kohl không nhận ra cậu ta và tự hỏi họ đã gặp nhau hay chưa. Cảnh sát - những con người tuần tra thành phố - có thể đôi khi hỗ trợ các thanh tra, nhưng theo nghĩa đen họ thuộc quyền chỉ huy của lực lượng Cảnh sát Hình sự. Kohl hiếm khi có liên hệ đều đặn với bất kỳ ai trong số này.

Kohl giơ cánh tay lên tương tự cách chào trong Đảng. “Xác chết đâu?”

“Đằng kia, thưa sếp,” cậu ta đáp. “Ngõ Dresden.” Hai sĩ quan khác đứng nửa nghiêm nửa nghỉ. Họ thận trọng. Các sĩ quan này rất giỏi điều khiển giao thông, bắt những kẻ móc túi và giải tán đám đông khi Hitler đi xuống đại lộ rộng Under the Lindens, nhưng án mạng hôm nay đòi hỏi sự nhận thức của họ. Một vụ cướp của giết người yêu cầu họ bảo vệ hiện trường thật cẩn thận, một vụ giết các Thành viên Xung kích hoặc SS nghĩa là họ phải biến càng nhanh càng tốt, quên ngay những gì mình đã thấy.

Kohl nói với tay cảnh sát đô thị nhiều tuổi, “Kể tôi nghe những gì cậu biết đi.”

“Vâng, thưa sếp. Nhưng tôi e là không nhiều. Đồn cảnh sát Tiergarten nhận được một cuộc gọi nên tôi đến đây ngay lập tức. Tôi là người đầu tiên đến.”

“Ai gọi?” Kohl bước vào ngõ nhìn lại ba sĩ quan, nôn nóng ra hiệu họ vào theo.

“Bà ta không nói tên. Là một phụ nữ. Bà ta nghe thấy tiếng súng bắn quanh đây.”

“Bà ta gọi lúc mấy giờ?”

“Vào khoảng buổi trưa, thưa sếp.”

“Cậu đến đây khi nào?”

“Tôi đi ngay sau khi chỉ huy của tôi báo động cho tôi.”

“Và cậu đến đây khi nào?” Kohl hỏi lại.

“Có lẽ là hai mươi phút sau buổi trưa. Có lẽ là ba mươi phút.” Cậu ta chỉ xuống con ngách hẹp kết thúc bằng ngõ cụt.

Nằm ngửa trên mặt đường đá cuội là một người đàn ông tầm bốn mươi tuổi, phì nộn, vết thương một bên đầu cho thấy nguyên nhân chết do mất máu nhiều. Quần áo lộn xộn, các túi đều bị lộn ra. Không nghi ngờ gì anh ta đã bị giết ở đây, nhìn vết máu là đủ để đưa ra kết luận này.

Thanh tra nói với hai cảnh sát đô thị trẻ hơn, “Hai cậu làm ơn đi xem có nhân chứng nào không, đặc biệt là bất kỳ ai ở trước lối vào con ngõ này. Và trong những tòa nhà ở đây nữa.” Ông hất đầu về phía hai kết cấu bằng gạch xung quanh - cho dù ông để ý rằng chúng không có cửa sổ. “Và quán cà phê chúng tôi đã đi qua. Nhà Bia, nó được gọi như thế.”

“Rõ, thưa sếp.” Hai người quay bước đi lên.

“Cậu có khám xét anh ta không?”

“Không,” Tay Cảnh sát đô thị nhiều tuổi đáp, rồi nói thêm “Dĩ nhiên chỉ để xác minh rằng anh không phải người Do Thái thôi.”

“VẬY là cậu đã khám xét anh ta.”

“Tôi chỉ đơn giản cởi quần dài của anh ta thôi. Nhưng tôi đã mặc lại. Như ông có thể thấy.”

Kohl tự hỏi có hay không người ra quyết định dành mức ưu tiên rất thấp cho những cái chết của người bị cắt bao quy đầu, có cân nhắc chuyện đôi khi quy trình được thực hiện vì những lý do y tế, có lẽ ngay cả đối với những đứa trẻ Aryan ưu việt nhất.

Kohl tìm kiếm các túi, nhưng không thấy giấy tờ nhận dạng nào. Thực ra, chẳng có gì để nhận dạng cả. Tò mò thật.

“Cậu không lấy cái gì của anh ta đấy chứ? Không có tài liệu hay đồ đạc cá nhân nào à?”

“Không có, thưa sếp.”

Thanh tra thở nặng nhọc khi quỳ xuống, thanh tra xem xét thận trọng cái xác và thấy hai bàn tay người đàn ông mềm mại, không có vết chai. Ông lên tiếng, nửa nói với chính mình, nửa nói với Konrad Janssen, “Với đôi bàn tay này, móng tay và lông tay được cắt tỉa cẩn thận và mùi hương bột Talc còn vương lại trên da, cho thấy anh ta không làm việc chân tay. Tôi

thấy dấu mực trên các ngón tay nhưng không nhiều, cho thấy anh ta không làm trong ngành in ấn. Thêm vào đó hoa văn cho thấy rằng mực này đến từ bản viết tay, có khả năng là những cuốn sổ cái và thư từ. Anh ta không phải là phóng viên, nếu thế hẳn anh ta sẽ mang những dấu vết than chì trên hai tay, nhưng tôi không thấy gì hết.” Kohl biết điều này vì ông từng điều tra cái chết của hàng tá phóng viên, ngay sau khi Chủ nghĩa Phát xít lên nắm quyền. Chưa vụ nào trong số này kết thúc, cũng như không vụ nào đang được tích cực điều tra. “Thương nhân, tay chuyên nghiệp, viên chức, nhân viên chính phủ...”

“Cả dưới các móng tay cũng không có gì, thưa sếp.”

Kohl gật đầu rồi xem xét hai chân nạn nhân. “Nhiều khả năng nhất nạn nhân là người trí thức, như tôi đã nói. Nhưng hai chân anh ta rất cơ bắp. Và hãy nhìn đôi giày đã quá mòn này. Chà, chúng khiến đôi chân tôi bồng rất khi tôi vừa nhìn thấy. Phán đoán của tôi đó là anh ta là người đi bộ và đó là đi bộ đường dài.” Thanh tra gầm gừ khi ông vất vả đứng lên.

“Ra ngoài đi dạo sau bữa ăn trưa sớm.”

“Phải, rất có khả năng. Có một cái tấm ở đây, có thể là của anh ta.” Kohl rút cái tấm ra đưa lên mũi ngửi. Mùi tởm. Ông cúi xuống ngửi mùi hương tương tự gần miệng nạn nhân. “Đúng, tôi tin là vậy.” Ông thả cái tấm vào một trong những chiếc phong bì giấy màu nâu nhỏ rồi niêm phong lại.

Tay sĩ quan trẻ nói tiếp. “Thế là nạn nhân một vụ cướp.”

“Chắc chắn đó là một khả năng,” Kohl chậm rãi nói. “Nhưng tôi không nghĩ vậy. Một tên cướp sẽ lấy đi mọi thứ người đàn ông này có trên người? Nhưng không hề có bất kỳ dấu vết bóng thuốc súng nào trên cổ hoặc tai. Như thế có nghĩa là viên đạn được bắn từ khoảng cách nào đó. Tên cướp hẳn là sẽ đứng gần hơn, chạm trán anh ta mặt đối mặt. Người này bị bắn từ phía sau và bên cạnh.” Một cái liềm lên đầu cây bút chì mập mạp, Kohl ghi lại những quan sát này vào cuốn sổ tay có nếp gấp. “Phải, phải, tôi chắc chắn có những tên cướp sẽ chờ đợi, bắn chết nạn nhân rồi ra tay cướp. Nhưng điều đó không thích hợp với những gì chúng ta biết về hầu hết bọn trộm, đúng không?”

Vết thương cũng cho thấy rằng kẻ sát nhân không phải là Gestapo, SS hoặc đội Xung Kích. Trong những vụ thế này, viên đạn thường được bắn thẳng vào phía trước não hoặc vào lưng.

“Anh ta đang làm gì trong ngõ nhỉ?” cậu thanh tra học việc thích thú, nhìn xung quanh như thể câu trả lời đang nằm dưới đất.

“Câu hỏi không hấp dẫn chúng tôi đâu, Janssen. Đây là một lối tắt quen thuộc giữa phố Spener và phố Calvin. Mục đích của anh ta có thể là không hợp pháp, nhưng chúng ta sẽ phải biết về điều đó từ bằng chứng, hơn là căn cứ vào tuyến đường của anh ta.” Kohl xem xét lần nữa vết thương trên đầu, rồi bước đến bức tường của con ngõ trên đó có lượng lớn máu bắn lên.

“A.” Thanh tra vui sướng tìm thấy một viên đạn. Nó đang nằm nơi giao nhau giữa mặt đường đá cuội với tường gạch. Ông thận trọng nhặt nó lên bằng khăn giấy. Nó chỉ hơi lõm một chút. Ông nhận ra ngay lập tức đây là viên đạn nhỏ 9mm. Điều này có nghĩa nhiều khả năng nhất nó được bắn từ một khẩu súng ngắn tự động, vỏ đạn đồng tái sử dụng hẳn đã văng ra.

Ông nói với viên Cảnh sát đô thị thứ ba, “Sĩ quan, làm ơn nhìn quanh mặt đất chỗ này, nhìn kỹ từng cen-ti-met xem có vỏ đạn đồng không.”

“Rõ, thưa sếp.”

Rút ra chiếc kính lúp một mắt từ túi áo gi-lê và nhìn qua, Kohl xem xét đầu đạn. “Hình dáng viên đạn rất tốt. Rất đáng khích lệ. Chúng ta sẽ mang về Alex. Máy cái khóa nổi và khóa chìm của rãnh xoắn, xem chúng cho ta biết điều gì. Rất sắc đấy.”

“Vậy là kẻ sát nhân có một khẩu mới,” Janssen gợi ý, rồi chuốt thêm nhận xét của mình. “Hoặc là một khẩu cũ nhưng hiếm khi sử dụng.”

“Rất tốt, Janssen. Đó chính là những từ tôi sắp nói.” Kohl bỏ viên đạn nhỏ vào một phong bì nâu khác rồi cũng niêm phong lại, bổ sung thêm các ghi chú.

Janssen nhìn lại cái xác. “Nếu anh ta không bị cướp, vậy thì tại sao chúng lại lộn ra làm gì?” Cậu ta hỏi. “Ý tôi là những cái túi.”

“À tôi không có ý nói anh ta không bị cướp. Tôi chỉ đơn giản không chắc chắn rằng cướp là động cơ ban đầu... À, cởi lại áo vest ra đi.”

Janssen cởi chiếc áo ra.

“Thấy những sợi chỉ không?”

“Ở đâu?”

“Ngay đây này?” Kohl chỉ.

“Rồi, thưa sếp.”

“Huy hiệu đã bị cắt đi. Toàn bộ trang phục của anh ta cũng thế, đúng chưa?”

“Dấu hiệu xác nhận/” tay thanh niên nói, gạt đầu khi xem quần dài và áo sơ mi. “Kẻ sát nhân không muốn chúng ta biết hắn đã giết ai.”

“Những dấu hiệu trong đôi giày thì sao?”

Janssen cởi giày ra và xem xét. “Không có gì, thưa sếp.”

Kohl liếc nhìn chúng, rồi sờ vào áo vest của người quá cố. “Bộ vest này được làm bằng... sợi thể phẩm.” Thanh tra đã suýt phạm sai lầm khi dùng từ “sợi Hitler,” một từ ám chỉ vải giả mạo được làm bằng thớ gỗ. (Một trò đùa nổi tiếng: Nếu bộ vest của bạn bị rách, đổ nước vào nó rồi phơi dưới nắng, vải sẽ chuyển sang màu đen). Lãnh tụ đã tuyên bố những kế hoạch để đất nước mình không phụ thuộc vào hàng ngoại nhập. Dây chun, bơ thực vật, gas, dầu máy, cao su, vải vóc - tất cả đều được sản xuất từ các nguyên liệu thay thế được tìm thấy tại Đức. Dĩ nhiên vấn đề cũng tương tự với những đồ thay thế ở khắp nơi - đơn giản là chúng không tốt và đôi khi người ta gọi chúng một cách khinh miệt là “hàng Hitler.” nhưng sẽ là thiếu khôn ngoan khi nói bô bô điều đó ở nơi công cộng, vì có thể bị tố cáo.

Phát hiện quan trọng đó là nạn nhân có khả năng là người Đức. Hầu hết người nước ngoài trong nước ngày nay đều có tiền tệ để chuyển đổi. Đồng nghĩa với việc sức mua của họ rất mạnh, nên không ai còn thèm mua trang phục rẻ tiền như thế này nữa.

Nhưng tại sao kẻ sát nhân muốn che giấu bí mật thân phận nạn nhân? Bộ trang phục thể phẩm chẳng cung cấp thông tin quan trọng gì về anh ta. Nhưng rồi Kohl tự nhủ, nhiều nhân vật cao cấp trong Đảng Phát xít được trả lương bèo bọt và thậm chí cả những người được trả lương hậu cũng thường mặc quần áo thể phẩm để tỏ lòng trung thành với Lãnh tụ. Có thể

nào công việc của nạn nhân trong Đảng, hoặc cho Chính phủ, mới là động cơ cho cái chết của anh ta?

“Thú vị,” Kohl nói, khó nhọc đứng lên. “Kẻ sát nhân bắn chết một người đàn ông tại một nơi đông đúc trong thành phố. Hẳn ta biết ai đấy có thể nghe thấy tiếng súng, thế nhưng vẫn bất chấp rủi ro bị phát hiện để tước hết các huy hiệu trên quần áo nạn nhân. Điều này khiến tôi càng háo hức muốn được biết quý ông bất hạnh này là ai. Lấy dấu vân tay anh ta đi, Janssen. Nếu đội nhân viên điều tra cái chết bất thường làm việc đó, sẽ phải đợi đến thiên thu đấy.”

“Rõ, thưa sếp.” Tay sĩ quan mở va li của mình, lấy thiết bị ra rồi bắt đầu làm việc.

Kohl nhìn chăm chăm mặt đường đá cuội. “Tôi đang nói ‘kẻ sát nhân,’ ngôi số ít, Janssen ạ. Nhưng có thể là mười hai tên. Nhưng tôi không thấy được dấu tích của sự kiện này trên mặt đất.” Tại các hiện trường tội ác rộng lớn hơn, cơn gió mạnh mẽ trừ danh của Berlin hẳn sẽ trải lớp bụi tổ cáo trên mặt đất. Nhưng trong con ngõ kín đáo này thì không.

“Thưa Ngài... Thanh tra,” viên sĩ quan Cảnh sát đô thị gọi. “Tôi không thể tìm thấy vỏ đạn ở đây. Tôi đã tìm khắp cả chỗ này rồi.”

Thông tin này khiến Kohl buồn lòng, Janssen nắm bắt được biểu hiện của ông.

“Đó là vì,” thanh tra giải thích, “hẳn ta không chỉ cắt bỏ hết huy hiệu trên người nạn nhân này, mà còn có thời gian tìm ra vỏ đạn nữa.”

“Vậy thì hẳn là tay chuyên nghiệp.”

“Như tôi đã nói, Janssen. Khi tiến hành những phép loại trừ, đừng bao giờ tuyên bố các kết luận của cậu như thể những kết luận chắc chắn. Khi cậu làm thế, tư duy của cậu theo bản năng sẽ loại trừ hết những khả năng khác. Thay vào đó hãy nói rằng nghi phạm của chúng ta có thể có trí thông minh cao, hay chú ý đến tiểu tiết. Có thể là tội phạm chuyên nghiệp, có thể không. Cũng có thể do chuột hay chim đã tha mẫu kim loại ấy đi, hoặc một thằng nhóc học sinh nào đó nhặt nó lên, rồi chuồn thẳng khi nhìn thấy một người chết. Hoặc thậm chí kẻ sát nhân là một người nghèo mong muốn tái sử dụng kim loại đồng.”

“Dĩ nhiên, thưa Thanh tra,” Janssen nói, gật đầu như thể đang ghi nhớ những lời của Kohl.

Trong thời gian ngắn họ làm việc cùng nhau, Thanh tra đã biết được hai điều về Janssen: một, chàng thanh niên này không có khả năng giả vờ ngu và hai, cậu ta học hỏi khá nhanh. Phẩm chất thứ hai này chính là năng lực cần thiết đối với một thanh tra thiếu kiên nhẫn. Cho dù đối với phẩm chất thứ nhất, ông mong chàng trai này phải biết đùa thường xuyên hơn, làm cảnh sát sẽ là một công việc rất tẻ nếu thiếu chất hài hước.

Janssen đã hoàn tất lấy dấu vân tay, cậu ta thực hiện rất chuyên nghiệp.

“Giờ thì phủ bụi các mặt đường đá cuội xung quanh anh ta, chụp lại bất kỳ dấu vết nào cậu tìm thấy. Kẻ sát nhân có thể đủ thông minh cắt hết huy hiệu đi, nhưng không thông minh đến mức tránh chạm mặt đất khi hấn làm thế.”

Sau năm phút rải thứ bột mịn quanh xác chết, Janssen nói, “Tôi tin rằng có vài dấu vết ở đây, thưa sếp. Nhìn này.”

“Đúng. Chúng tốt lắm đấy. Ghi lại đi.”

Sau khi chụp ảnh những dấu vết, chàng thanh niên đứng lùi lại chụp thêm vài tấm xác chết và hiện trường. Thanh tra chậm rãi bước vòng quanh cái xác. Ông lại rút ra chiếc kính lúp từ trong túi để đồng hồ trên áo vest, quàng vào cổ sợi dây màu xanh của kính lúp được Hanna trẻ trung tết cho ông như món quà Giáng Sinh. Ông xem xét một điểm trên mặt đường đá cuội gần xác chết. “Có vẻ như những mảnh đồ da.” Ông nhìn chúng thật kỹ. “Cũ và khô. Có màu nâu. Quá cứng, không thể là găng tay. Có thể là giày hoặc một dây đai, hoặc ba lô hay va li cũ mà kẻ sát nhân hoặc nạn nhân mang theo.”

Ông móc những mảnh đồ da này lên, bỏ vào một phong bì nâu khác nữa, làm ấm bằng keo dính rồi dán lại.

“Chúng ta có một nhân chứng, thưa sếp,” một trong số hai sĩ quan Cảnh sát đô thị trẻ tuổi gọi. “Cho dù anh ta không hợp tác lắm.”

Nhân chứng. Tuyệt vời! Kohl đi theo cậu ta quay ra đầu ngõ. Ở đó, tay sĩ quan Cảnh sát đô thị khác đang đe dọa một người đàn ông khoảng bốn mươi tuổi, Kohl thầm đoán. Anh ta ăn mặc quần áo công nhân. Mắt trái anh

ta lắp kính, cánh tay phải buông thõng vô dụng một bên người. Một trong số bốn triệu người sống sót qua Thế Chiến thứ I, nhưng cơ thể họ mãi mãi bị thay đổi do trải nghiệm không thể hiểu nổi.

Viên sĩ quan đẩy anh ta về phía Kohl.

“Thế được rồi, Sĩ quan,” thanh tra nghiêm khắc nói. “Cảm ơn.” Quay về phía nhân chứng, ông hỏi, “Cho tôi xem thẻ của anh.”

Người đàn ông trình chứng minh thư, Kohl liếc nhìn. Ngay khi trả lại, ông đã quên toàn bộ nội dung của nó, nhưng việc xem xét chiếu lệ giấy tờ của viên sĩ quan cảnh sát, lại khiến nhân chứng tỏ ra cực kỳ hợp tác.

Cho dù không phải trường hợp nào cũng thế.

“Tôi muốn trở nên có ích. Nhưng như tôi đã nói với cậu sĩ quan, thưa sếp. Thực sự tôi không thấy nhiều chi tiết đâu.” Nói rồi anh ta im lặng.

“Rồi, rồi, nói tôi nghe anh đã thực sự thấy gì.” Một cử chỉ sốt ruột từ bàn tay mập mạp của Kohl.

“Vâng, Thanh tra. Tôi đang cọ rửa các cầu thang tầng hầm trên phố 48. Đằng kia.” Anh ta chỉ ra ngoài con ngõ đến một ngôi nhà trên phố. “Như ông có thể thấy. Tôi đang đứng thấp hơn vỉa hè, thì nghe thấy âm thanh mà tôi cho là tiếng nổ sớm.”

Kohl càu nhàu. Kể từ năm 1933 chẳng còn ai, ngoại trừ những thằng ngu mới cho đó là tiếng nổ sớm, họ phải giả sử đó là những viên đạn.

“Tôi không nghĩ đến nó và tiếp tục cọ rửa.” Anh ta chứng minh điều này bằng cách chỉ tay vào áo sơ mi và quần dài ẩm ướt. “Rồi mười phút sau tôi nghe thấy một tiếng huýt sáo.”

“Huýt sáo? Tiếng huýt sáo của cảnh sát à?”

“Không, thưa sếp. Ý tôi là như ai đó thổi qua kẽ răng vậy. Nghe to lắm. Tôi ngược mắt lên thấy một người đàn ông bước ra từ con ngõ. Tiếng huýt sáo là để gọi taxi. Nó dừng lại ngay trước tòa nhà của tôi. Tôi nghe thấy người đàn ông đề nghị tài xế đưa anh ta đến nhà hàng Khu Vườn Mùa Hạ.”

Huýt sáo? Kohl tự nhủ. Chuyện này không bình thường. Nhưng gọi taxi theo cách này sẽ là thiếu tôn trọng tài xế. Tại Đức, tất cả các nghề nghiệp, ngành kinh doanh đều xứng đáng được tôn trọng như nhau. Phải chăng điều

này cho thấy nghi phạm là người nước ngoài? Hay đơn thuần chỉ là kẻ thô bạo? Ông ghi chép thông tin này vào sổ tay.

“Biển số xe taxi là gì?” Dĩ nhiên Kohl phải hỏi, nhưng lại nhận được câu trả lời như dự kiến.

“Ồ, tôi không biết, thưa ngài.”

“Khu Vườn Mùa Hạ.” Cái tên này chung chung quá. “Là chỗ nào?”

“Tôi tin rằng mình nghe thấy cái tên: Phố Rosenthaler.”

Kohl gật đầu, phấn chấn khi tìm thấy đầu mối tốt sớm thế này trong cuộc điều tra. “Mô tả nhanh - người đó trông thế nào?”

“Tôi đứng dưới cầu thang như đã nói. Tôi chỉ thấy lưng anh ta khi anh ta gọi xe. Có khổ người to cao, khoảng hơn hai mét. Cao lớn nhưng không mập. Nhưng anh ta có trọng âm khi nói.”

“Loại nào? Từ một vùng khác tại Đức à? Hay từ quốc gia khác?”

“Giống như người đến từ phía Nam, nếu có thể nói được thế. Nhưng tôi có một người anh em tại Munich và nghe vẫn khác hẳn.”

“Có lẽ người nước ngoài chẳng? Giờ ở đây nhiều người nước ngoài lắm, Thế vận hội mà.”

“Tôi không biết, thưa sếp. Tôi sống cả đời mình ở Berlin. Và tôi mới chỉ một lần đi xa khỏi Tổ quốc thôi.” Anh ta nhìn xuống cánh tay vô dụng.

“Hắn có mang theo va li bằng da không?”

“Có, tôi tin là vậy.”

Quay sang Janssen, Kohl nói, “Đây có khả năng là nguồn gốc những mảnh da.” Rồi ông quay lại. “Anh không thấy được mặt hắn à?”

“Không, thưa sếp. Như tôi đã nói.”

Kohl hạ giọng xuống, “Nếu tôi bảo rằng tôi sẽ không nói ra tên anh, vậy thì anh sẽ không còn liên quan gì nữa. Anh có thể nhớ được gì hơn về ngoại hình của hắn không?”

“Thành thật mà nói, thưa sếp, tôi không nhìn thấy mặt anh ta.”

“Còn tuổi?”

Người đàn ông lắc đầu. “Tôi chỉ biết rằng trông anh ta cao lớn, mặc bộ quần áo sáng màu... Tôi e là mình không nói được về màu sắc. À trên đầu anh ta đội mũ giống mũ của Bộ trưởng Không quân Göring.”

“Kiểu mũ gì thế?” Kohl hỏi.

“Vớ vành mũ hẹp. Màu nâu.”

“À, cái này có ích đấy.” Kohl nhìn tay gác cửa từ đầu xuống chân. “Rất tốt, giờ anh đi được rồi.”

“Hail Hitler,” anh ta nói với sự nhiệt tình xúc động, đứng chào nghiêm chỉnh, có lẽ để đền bù cho thực tế rằng anh ta phải dùng tay trái để chào.

Thanh tra chỉ nói ngắn gọn “Chào” rồi quay lại với cái xác. Họ nhanh chóng thu thập dụng cụ. “Phải nhanh lên. Đến ngay Khu Vườn Mùa Hạ.”

Họ bắt đầu quay ra xe. Willi Kohl nhăn mặt nhìn xuống chân ông. Ngay cả có đi đôi giày da đắt cắt cổ được đệm bằng thứ lông cừu mềm mại nhất, cũng không thể cứu những ngón chân của ông không đau nhức. Mặt đường đá cuội đặc biệt tàn nhẫn.

Bất ngờ ông thấy Janssen, đi bên cạnh ông, bước chậm lại. “Gestapo,” tay thanh niên thì thầm.

Lo lắng, Kohl ngược mắt lên và thấy Peter Krauss, trong bộ vest nâu xấu xí, chiếc mũ nỉ mềm tiến đến gần. Hai trong số những trợ lý của anh ta, trông trẻ hơn, tầm bằng tuổi Janssen, đi phía sau.

Ôi, không phải bây giờ! Nghi phạm đúng lúc này có thể đang ở nhà hàng, không hề nghi ngờ rằng hắn đã bị phát hiện.

Krauss bước về phía hai tay Thanh tra Cảnh sát một cách ung dung. Bộ trưởng Truyền thông Goebbels luôn luôn cử thợ ảnh của Đảng, đi bố trí chụp ảnh những người Aryan lý tưởng cùng gia đình họ để sử dụng trong chiến dịch tuyên truyền. Peter Krauss có thể đã dễ dàng trở thành hình mẫu cho hàng trăm bức ảnh như thế. Anh ta là người có vóc dáng cao, mảnh khảnh, tóc vàng. Một đồng nghiệp cũ của Kohl. Krauss được nhận lời mời tham gia Gestapo vì kinh nghiệm trước kia của anh ta tại Phòng 1A cũ của Cảnh sát, chuyên điều tra các tội ác chính trị. Ngay sau khi Đảng Phát xít lên nắm quyền, phòng này được giải tán và trở thành Gestapo. Krauss cũng như nhiều người Đức gốc Phổ khác: Người Bắc Âu với một ít dòng máu Slavơ trong huyết mạch, nhưng vẫn phòng đồn thổi rằng anh ta được mời rời bỏ hàng ngũ Cảnh sát, đến nhận việc trên phố Prince Albrecht, ngay sau khi không mang cái họ Pietr nữa, vì nó mang đậm chất Slavơ.

Kohl từng nghe nói Krauss là một nhà điều tra có phương pháp dù họ chưa từng làm việc cùng nhau. Kohl luôn luôn từ chối xử lý những tội ác chính trị và giờ Cảnh sát cũng bị cấm tham gia luôn.

Krauss nói, “Chào Willi..”

“Chào. Con gió nào mang anh đến đây thế, Peter?”

Janssen gật đầu chào, nhà điều tra Gestapo cũng làm tương tự. Anh ta nói với Kohl. “Tôi nhận được một cuộc gọi từ sếp của chúng ta.”

Có phải ý anh ta nói đến chính Heinrich Himmler không nhỉ? Kohl tự hỏi. Một tháng trước, người đứng đầu SS đã kết hợp từng đơn vị cảnh sát tại Đức vào dưới trướng của ông ta, rồi tạo ra SIPO, đơn vị cảnh sát mặc thường phục có bao gồm Gestapo, Cảnh sát và SD khét tiếng, một bộ phận phản gián của SS. Himmler vừa được nhận chức chỉ huy trưởng cảnh sát. Một mô tả khá khiêm tốn đối với một nhà thực thi luật pháp quyền lực nhất quả đất, Kohl đã nghĩ thế vào thời điểm tuyên bố.

Krauss nói tiếp, “Ông ấy được Lãnh tụ hướng dẫn phải giữ gìn sự trong sạch cho thành phố trong kỳ Thế vận hội. Chúng ta sẽ nghiên cứu kỹ tất cả các tội ác nghiêm trọng gần, Làng Thế vận hội và trung tâm thành phố, đảm bảo rằng hung thủ phải bị bắt ngay lập tức. Và ở đây, một án mạng cách không xa Tiergarten.” Krauss tặc lưỡi lo lắng.

Kohl liếc nhìn lộ liễu đồng hồ đeo tay, chỉ muốn đến ngay Khu Vườn Mùa Hạ. “Tôi e rằng tôi phải đi rồi, Peter.”

Đang xem xét thật kỹ cái xác, đầu cúi thấp, tay Gestapo nói, “Thật không may, với tất cả những phóng viên nước ngoài trong thành phố... Thật khó để kiểm soát họ, theo dõi họ.”

“Phải, phải, nhưng...”

“Chúng ta cần chắc chắn việc này được giải quyết trước khi họ biết về cái chết,” Nói rồi, Krauss bước chậm rãi thành một vòng tròn quanh người chết. “Chúng ta có biết anh ta là ai không?”

“Vẫn chưa. Chứng minh thư của anh ta bị mất. Cho tôi biết, Peter, vụ này sẽ chẳng liên quan gì đến một tay SS hay SA nào phải không?”

“Chuyện đó thì tôi không biết,” Krauss nhú mày đáp. “Sao thế?”

“Trên đường tới đây, Janssen và tôi để ý thấy nhiều lính tuần tra. Những chốt chặn ngẫu hứng kiểm soát giấy tờ. Nhưng chúng tôi vẫn chưa nghe tin gì về hoạt động này.”

“Ôi dào, chẳng có gì đâu,” thanh tra Gestapo, xua tay nói. “Một vấn đề an ninh nhỏ thôi. Cảnh sát chẳng cần phải quan tâm đâu.”

Kohl lại nhìn đồng hồ đeo tay. “Mà tôi thực sự phải đi rồi, Peter.”

Sĩ quan Gestapo đứng dậy. “Anh ta có bị cướp không?”

“Mọi thứ trong túi anh ta bị mất,” Kohl sốt ruột đáp.

Krauss nhìn chăm chăm cái xác một lúc lâu, tất cả những gì Kohl có thể nghĩ đến là nghi phạm có thể đang ngồi tại nhà hàng Khu Vườn Mùa Hạ, đang dùng bữa trưa với thịt tâm bột chiên hoặc xúc xích Đức. “Tôi phải quay về,” Kohl nói.

“Một lúc thôi.” Krauss tiếp tục nghiên cứu cái xác. Cuối cùng, không ngược mắt lên, anh ta nói, “Sẽ có lý hơn nếu kẻ sát nhân là một người nước ngoài.”

“Một người nước ngoài à? Ồ...” Janssen nói nhanh, đôi lông mày nhướn lên trên khuôn mặt trẻ trung, nhưng Kohl liếc xéo bằng ánh mắt sắc lạnh, cậu ta liền im bật.

“Chuyện gì thế?” Krauss hỏi cậu ta.

Tay thanh tra học việc phục hồi lại nhanh chóng. “Tôi thấy tò mò tại sao anh lại nghĩ rằng điều đó có lý.”

“Con ngõ vắng vẻ, giấy tờ nhận dạng bị mất, một phát súng tàn bạo... Khi cậu đã làm trong ngành này một thời gian, cậu sẽ có cảm giác đối với hung thủ trong các án mạng như thế này, Thanh tra học việc ạ.”

“Một án mạng như cái gì cơ?” Kohl không kìm được phải hỏi. Một người đàn ông bị bắn chết trong một con ngõ ở Berlin, hầu như chẳng phải là điều đặc biệt gì trong những ngày này.

Nhưng Krauss không đáp. “Nhiều khả năng là người Roma hoặc Ba Lan. Nhưng con người bạo lực, chắc chắn rồi. Cùng rất nhiều những động cơ giết một người Đức vô tội. Hoặc kẻ sát nhân có thể là người Séc, dĩ nhiên là đến từ phía Đông, không phải Sudetenland*. Chúng nổi tiếng chuyên bắn người từ đằng sau.”

Kohl suýt nữa nói thêm: như Đội Xung kích đẩy thoi. Nhưng ông chỉ nói, “Vậy thì chúng ta có thể hy vọng rằng hung thủ hóa ra lại là người Slavơ.”

Krauss không phản ứng gì khi bị ám chỉ đến nguồn gốc dân tộc mình. Nhìn cái xác lần nữa. “Tôi sẽ hỏi han về chuyện này, Willi. Tôi sẽ cử người của tôi liên hệ với đám điệp viên A trong khu này.”

Kohl đáp, “Tôi thấy được khuyến khích với ý nghĩ sử dụng những người đưa tin của Phát xít vào việc này. Họ rất giỏi làm việc đó. Và họ cũng rất đông đảo nữa.”

“Đúng vậy.”

Chúa phù hộ ông ta. Janssen sốt ruột nhìn đồng hồ đeo tay, nhăn nhó rồi nói, “Chúng ta trễ buổi họp lắm rồi, thưa sếp.”

“Phải, phải, đúng rồi.” Kohl vừa dợm bước ra đầu ngõ, nhưng dừng chân và gọi Krauss, “Một câu hỏi nữa thoi?”

“Gì thế, Willi?”

“Bộ trưởng Không quân Göring thường đội mũ kiểu gì?”

“Anh đang hỏi...?” Krauss nhú mày.

“Göring. Mũ kiểu gì?”

“Ồ, tôi không biết,” anh ta đáp, nhìn như kiểu bị tác động mạnh, như thể đây là kiểu kiến thức tay sĩ quan Gestapo nào cũng phải biết. “Mà sao thế?”

“Thôi quên đi.”

“Hail Hitler.”

“Chào.”

Khi hai người vội vã bước lại chiếc DKW, Kohl nói không ra hơi. “Trao cuộn phim cho một trong các sĩ quan Cảnh sát đô thị, bảo cậu ta chạy thật nhanh về trụ sở. Tôi muốn có ảnh ngay lập tức.”

“Rõ, thưa sếp.” Tay thanh niên quay lại trao cuộn phim cho một sĩ quan, hướng dẫn cậu ta rồi đuổi theo Kohl, ông đang gọi một tay cảnh sát. “Khi người của nhân viên điều tra cái chết bất thường đến đây, bảo họ rằng tôi muốn có báo cáo khám nghiệm pháp y càng sớm càng tốt. Tôi muốn biết về những căn bệnh người bạn của chúng ta đây có thể mắc phải. Đặc biệt là

bệnh lậu và bệnh lao phổi. Và tiến triển của bệnh. Cả những thứ trong dạ dày anh ta nữa. Những hình xăm, xương gãy và cả sẹo phẫu thuật nữa.”

“Rõ, thưa sếp.”

“Nhớ bảo họ là khẩn cấp đấy.”

Sự bận rộn của các nhân viên điều tra những cái chết bất thường những ngày này khiến cho có thể phải mất từ tám đến mười tiếng để đưa thi thể đến nơi, công tác khám nghiệm sẽ phải mất vài ngày.

Kohl nhăn nhó vì đau khi ông lao vào chiếc DKW, lớp lông cừu trong đôi giày đã thay đổi. “Đường nhanh nhất đến Khu Vườn Mùa Hạ là đường nào? Mà thôi kệ đi, chúng ta sẽ tìm ra được thôi.” Ông nhìn quanh. “Ngay đó!” ông hét lên, chỉ tay về một quầy báo. “Đi mua từng tờ báo mà họ bán.”

“Rõ, thưa sếp, nhưng tại sao?”

Willi Kohl buông mình xuống ghế tài xế, ấn nút bộ phận đánh lửa. Giọng ông không ra hơi nhưng vẫn cố cho thấy sự nóng vội. “Bởi vì chúng ta cần ảnh Göring đội mũ. Sao gì nữa?”

Chương 7

Đứng trên góc phố, tay cầm tờ Berlin Journal mềm oặt, Paul nghiên cứu quán cà phê Khu Vườn Mùa Hạ: phụ nữ uống cà phê với đôi bàn tay đi găng, nam giới uống bia thành từng ngụm lớn, lau bọt bia vương ria mép bằng khăn giấy vải lạnh trong hộp. Mọi người đang hưởng thụ mặt trời buổi chiều và hút thuốc.

Paul Schumann vẫn đứng bất động, nhìn, nhìn rồi lại nhìn.

Không đúng...

Giống hệt như khi sắp chữ, nhặt các chữ cái kim loại từ hộp chữ in có ngăn của Calitomia và sắp xếp các chữ cái và câu. “Cẩn thận mấy chữ *p* và *q* của con đây,” bố gã luôn mồm nhắc câu đó - những chữ cái đặc biệt này rất dễ nhầm, vì chúng là sự đảo ngược chính xác của chữ in.

Lúc này, gã đang thận trọng quan sát nhà hàng Khu Vườn Mùa Hạ. Gã đã bỏ sót một tên Xung Kích theo dõi từ bột điện thoại ngoài ngõ Dresden - một sai lầm không thể tha thứ đối với một sát thủ. Gã sẽ không cho phép chuyện đó xảy ra lần nữa.

Sau vài phút, gã cảm nhận thấy nguy hiểm không còn, nhưng gã tự nhủ, làm sao gã dám chắc được? Có thể những người gã đang theo dõi chẳng có vẻ gì khác thường cả: những người đàn ông bình thường đang dùng bữa, rồi đi làm việc vất dưới ánh mặt trời nóng bỏng, lười nhác của chiều thứ Bảy, mà chẳng buồn chú ý đến ai trên phố.

Nhưng họ cũng có thể trông đáng ngờ, trung thành điên loạn với Phát xít như tên trên tàu Manhattan, Heinsler.

Tao yêu Quốc Trưởng...

Gã ném tờ báo vào thùng rác, sang đường bước vào quán cà phê.

“Làm ơn,” gã nói với tay quản lý, “một bàn cho ba người.”

“Bất kỳ đâu, bất kỳ đâu ạ,” người đàn ông bị quấy rầy nói.

Paul chọn một bàn bên trong. Liếc mắt như lệ thường xung quanh. Chẳng ai chú ý đến gã.

Hoặc có vẻ chú ý đến gã.

Một bồi bàn lướt qua. “Anh muốn dùng gì?”

“Một cốc bia đã.”

“Loại bia nào?” Anh ta bắt đầu liệt kê mấy nhãn hiệu gã chưa từng nghe đến.

Gã nói, “Loại đầu. Cốc lớn.”

Bồi bàn bước đến quầy bar, một lúc sau quay lại với một cốc cao bia nhẹ. Paul uống như người chết khát nhưng nhận thấy gã không thích loại bia này. Nó gần như có vị ngọt, có mùi trái cây. Gã gạt cốc bia sang một bên, châm thuốc hút, giấu vỏ bao Chesterfield dưới gầm bàn lắc lấy thuốc ra, để không ai nhìn thấy nhãn hiệu thuốc Mỹ. Gã ngược mắt lên thì thấy Reginald Morgan đang ung dung bước vào nhà hàng. Ông ta nhìn xung quanh, thấy Paul bèn bước đến, nói bằng tiếng Đức, “Bạn tôi ơi, thật vui được gặp lại cậu.”

Họ bắt tay nhau, ông ngồi xuống bên kia bàn.

Khuôn mặt Morgan đăm mồ hôi, ông lau mặt bằng khăn tay. Đôi mắt ông lo lắng. “Suýt chút nữa... Cảnh sát xịch đến ngay sau khi tôi rời khỏi.”

“Có ai thấy ông không?”

“Tôi không nghĩ thế. Tôi bỏ đi theo đầu xa của con ngõ.”

“Ở đây có an toàn không?” Paul hỏi, nhìn xung quanh. “Chúng ta có nên đi không?”

“Không. Vào thời điểm này trong ngày, vào một nhà hàng sau đó bỏ đi ngay không ăn uống gì còn gây nghi ngờ hơn. Không như ở New York. Những người Berlin sẽ không vội vàng khi đến giờ ăn đâu. Các văn phòng sẽ đóng cửa trong vòng hai tiếng, nên người ta có thể thoải mái dùng bữa trưa. Dĩ nhiên, họ cũng ăn hai bữa sáng nữa.” Ông vỗ vỗ vào bụng mình. “Giờ cậu có thể hiểu tại sao tôi lại vui vẻ được tới đây đến thế.” Ngẫu nhiên nhìn quanh, Morgan nói, “Đây.” Ông đẩy một cuốn sách dày về phía Paul. “Thấy không, tôi vẫn nhớ trả lại mà.” Trên bìa sách là các chữ tiếng Đức,

Mein Kampf, mà Paul dịch ra là “Cuộc Chiến Của Tôi.” Phía trên cùng là tên của Hitler. Hẳn viết sách sao? Paul tự hỏi.

“Cảm ơn ông. Nhưng chưa cần vội đâu.”

Paul dụi tắt điều thuốc vào gạt tàn, nhưng khi điều thuốc đã tắt lửa, gã bỏ tọt vào túi, vẫn cẩn thận không lưu lại bất kỳ dấu vết nào cho thấy gã đã ở đâu.

Morgan vươn người về phía trước, mỉm cười như thể đang thì thầm một chuyện đùa tục tĩu. “Bên trong cuốn sách là hàng trăm dấu hiệu. Và địa chỉ của nơi cậu sẽ ở, một nhà trọ. Nó nằm gần Lutzow Plaza, phía Nam Tiergarten. Tôi đã vẽ ra cả hướng đến đó.”

“Có nằm trên tầng trệt không?”

“Căn hộ ấy à? Tôi không biết. Tôi không hỏi. Cậu đang nghĩ đến đường thoát à?”

Cụ thể là gã đang nghĩ đến hang ổ chè chén bê tha của - Malone, với những cánh cửa ra vào và cửa sổ bị ghim, được đón chào bằng một lũ thủy thủ có vũ trang. “Đúng vậy “

“À, phải xem xét việc đó. Có lẽ cậu có thể trao đổi khi có rắc rối. Bà chủ nhà có vẻ thỏa thuận được. Tên bà ta là Käthe Richter.”

“Mụ ta là Phát xít à?”

Morgan nhỏ nhẹ đáp, “Đừng sử dụng từ đó ở đây. Cậu sẽ bị lộ đấy. “Nazi” là tiếng lóng của người Bavaria, có nghĩa là “thằng ngốc.” Thể viết tắt thích hợp của nó là “Nazo,” nhưng cậu không nghe thấy từ đó thường xuyên. Hãy nói là “Chủ nghĩa Phát xít.” Vài người dùng các chữ cái đầu của từ này, NSDAP. Hoặc cậu có thể gọi tắt là “Đảng.” Và nói ra với thái độ cung kính... Còn về Richter, cô ta dường như không có sự đồng cảm nào dù là cách này hay cách khác.” Hất đầu về cốc bia, Morgan hỏi. “Cậu không quan tâm đến loại này à?”

“Như nước tiểu ý.”

Morgan phá lên cười. “Đó là bia lúa mạch, trẻ con uống thôi. Sao cậu gọi vậy?”

“Có đến một đồng bia. Tôi chưa từng nghe đến tên.”

“Để tôi gọi cho.”

Khi hầu bàn đến, ông nói, “Cho chúng tôi hai bia Pschorr. Xúc xích và bánh mì. Cải bắp và dưa chuột dầm. Cả bơ nữa nếu hôm nay có.”

“Vâng, thưa ngài.” Anh ta mang đi cốc bia của Paul.

Morgan nói tiếp. “Trong cuốn sách cũng có một hộ chiếu Nga có ảnh của cậu cùng một vài đồng rup Nga trị giá khoảng 100 đô la. Dùng trong trường hợp khẩn cấp cần băng qua biên giới Thụy Sĩ. Những người Đức sẽ thấy vui vẻ khi tổng cổ một tên người Nga ra khỏi đất nước, nên chúng sẽ cho cậu qua. Chúng sẽ không nhận tiền rup vì chúng sẽ không được phép tiêu loại tiền này. Thụy Sĩ sẽ không quan tâm đến chuyện cậu là người Bôn-sê-vích và chúng sẽ sung sướng cho cậu tiêu tiền đó. Cậu đến Zurich và gửi một tín nhắn đến Đại sứ quán Mỹ. Gordon sau đó sẽ đưa cậu ra. Bây giờ, sau sự cố ở ngõ Dresden, chúng ta phải tuyệt đối cẩn thận. Như tôi đã nói, rõ ràng có điều gì đó đang diễn ra trong thành phố. Ngày càng có thêm nhiều cảnh sát tuần tra trên phố hơn thường lệ. Những tên lính Xung kích, điều này thì không lạ - chúng chẳng có việc gì làm với thời gian của mình, ngoài diễu binh và tuần tra - nhưng còn cả SS và Gestapo nữa.”

“Chúng là...?”

“SS... Cậu có thấy hai tên ngồi ngoài hiên kia không? Mặc đồng phục đen ấy?”

“Có.”

“Chúng vốn dĩ là nhóm binh lính hộ vệ của Hitler. Giờ đây chúng là một đội quân bí mật khác. Hầu hết bọn chúng mặc đồ đen, nhưng có vài tên mặc đồng phục xám. Gestapo là lực lượng mật vụ, mặc quần áo bình thường. Số lượng của chúng tuy ít nhưng rất nguy hiểm. Thẩm quyền của chúng hầu hết là các tội ác chính trị. Tuy nhiên tại Đức bây giờ chuyện gì cũng có thể là xem là tội ác chính được. Cậu nhổ nước bọt trên vỉa hè là hành vi xúc phạm danh dự của Lãnh tụ, nên cậu sẽ bị tổng vào Nhà tù Moabit, hoặc vào trại tập trung.”

Hai cốc bia Pschorr cùng đồ ăn được dọn lên, Paul tu hết luôn nửa cốc. Có vị đất và đậm đà. “Giờ mới thấy ngon.”

“Cậu thích à? Sau khi tới đây, tôi đã nhận ra không bao giờ có thể uống lại bia Mỹ nữa. Để ủ được bia cần rất nhiều năm học hỏi. Nên nó được tôn

trọng như bằng đại học vậy. Berlin là thành phố ủ bia của Châu Âu nhưng nơi làm ra bia ngon nhất là Munich, xuôi xuống vùng Bavaria.”

Paul ăn nghiêng ngấu. nhưng bia và đồ ăn không phải là điều duy nhất trong tâm trí gã. “Chúng ta phải đi nhanh,’ gã thì thầm. Bằng chuyên môn của mình, cứ mỗi giờ bạn ở gần địa điểm hóa kiếp, nguy cơ bị bắt ngày càng tăng. “Tôi cần thông tin và vũ khí.”

Morgan gật đầu. “Liên lạc của tôi sẽ đến đây bất kỳ lúc nào. Anh ta có thông tin về... người cậu đến đây để ghé thăm. Rồi chiều nay chúng ta sẽ đến tiệm cầm đồ. Chủ tiệm có một khẩu súng trường rất ngon cho cậu.”

“Súng trường à?” Paul nhú mày.

Morgan lo lắng. “Cậu không xài được súng trường à?”

“Có, tôi bắn được. Tôi là lính bộ binh mà. Nhưng tôi luôn đánh ở cự ly gần.”

“Gần à? Như thế dễ hơn cho cậu à?”

“Câu hỏi không phải là dễ hay không. Mà là hiệu quả hơn.”

“Tin tôi đi, Paul, cho dù rất khó khăn, đến đủ gần mục tiêu và giết hẳn bằng khẩu súng lục có lẽ là điều có thể. Nhưng có rất nhiều kẻ Áo Nâu, SS và Gestapo lang vãng xung quanh đó, không nghi ngờ gì nữa cậu sẽ bị tóm. Và tôi cam đoan rằng cái chết của cậu sẽ kéo dài và khó chịu đấy. nhưng còn một lý do khác để sử dụng súng trường - cậu phải giết chết hẳn ở nơi công cộng.”

“Tại sao?” Paul hỏi.

“Thượng Nghị sĩ nói rằng, mọi người trong Chính phủ Đức và Đảng đều biết Ernst quan trọng thế nào với công việc tái vũ trang. Điều quan trọng là chắc chắn rằng bất kỳ ai thay thế hẳn đều biết họ sẽ gặp nguy hiểm nếu tiếp quản vị trí hẳn để lại. Nhưng nếu Ernst chết trong bí mật, Hitler hẳn sẽ che đậy nó, viện cớ rằng hẳn bị chết trong một tai nạn hoặc mắc bệnh mà chết.”

“Vậy thì tôi sẽ làm chuyện đó công khai,” Paul nói. “Bằng một khẩu súng trường. nhưng tôi sẽ cần ngắm bắn khẩu súng, cảm nhận nó, tìm một điểm bắn tốt, xem xét nó trước khi bắn, xem những cơn gió nhẹ thế nào, ánh sáng thế nào, những tuyến đường đến và đi khỏi nơi đó.”

“Dĩ nhiên. Cậu là chuyên gia. Bất kể điều gì cậu muốn.”

Paul đã ăn hết phần của mình. “Sau chuyện xảy ra trong ngõ, tôi cần phải ăn náu. Tôi muốn lấy đồ đạc của mình ở làng Olympic và chuyển đến nhà trọ càng sớm càng tốt. Phòng trọ đã sẵn sàng chưa?”

Morgan nói đã sẵn sàng rồi.

Paul nhấp thêm ngụm bia nữa, kéo cuốn sách của Hitler về phía mình đặt trên lòng, lật giở vài trang, tìm thấy hộ chiếu, tiền và địa chỉ. Gã lấy ra mẫu giấy trên đó có ghi chú thông tin về căn nhà trọ. Bỏ cuốn sách vào trong vali, gã ghi nhớ địa chỉ và phương hướng, ung dung thăm tờ giấy bằng bia đổ ra bàn, sau đó vò nát tờ giấy trong tay cho đến khi nó chỉ là miếng xốp. Gã bỏ nốt tờ giấy vào trong túi cùng mấy đầu lọc thuốc lá để đem đi vứt.

Morgan nhướn mày.

Họ bảo tôi cậu rất giỏi.

Paul hất đầu về phía ba lô của gã, thì thầm, “Cuộc Chiến Đấu Của Tôi. Cuốn sách của Hitler. Chính xác nó là gì?”

“Có người bảo nó là bộ sưu tập 160.000 lỗi ngữ pháp. Được cho là triết lý của Hitler nhưng về cơ bản đó là mớ củ chuối không thể tiêu hóa. Nhưng cậu có thể muốn giữ nó.” Morgan mỉm cười. “Berlin là một thành phố của những khan hiếm và trong hoàn cảnh giấy vệ sinh là thứ khó tìm.”

Một tiếng cười ngắn, rồi Paul hỏi. “Anh chàng... chúng ta sắp gặp... tại sao chúng ta có thể tin tưởng anh ta?”

“Ở Đức bây giờ niềm tin là thứ gây tò mò. Rủi ro đó là năm mồi và nó phổ biến đến mức không còn tin nổi bất kỳ ai nữa chỉ vì họ tin vào động cơ của cậu. Trong trường hợp liên lạc của tôi, anh hai cậu ta là một nhà tổ chức công đoàn bị Xung Kích giết hại. Nên cậu ta đồng cảm với chúng ta. Nhưng tôi sẽ không sẵn sàng mạo hiểm mạng sống của tôi vào mỗi điều đó. Thế nên tôi trả cho cậu ta rất nhiều tiền. Có một câu nói ở đây. ‘Ông mất con gà, bà thò chai rượu.’ Max gặm nhiều bánh mì của tôi lắm. Và cậu ta đang ở vị thế nguy hiểm khi bán thông tin rất hữu ích cho tôi, nhưng có nguy cơ bị vạch trần đối với cậu ta. Đây là ví dụ hoàn hảo về cách niềm tin hiệu quả như thế nào ở đây. Cậu hoặc phải mua chuộc hoặc đe dọa cậu ta. Và tôi khuyên cậu nên làm cả hai.”

Cửa ra vào bật mở, Morgan liếc mắt xác nhận. “À, cậu ta kia rồi,” ông thì thầm. Một thanh niên nhỏ nhắn mặc bộ áo liền quần tiến vào nhà hàng, một cái ba lô nhỏ treo toong teng trên hai vai. Cậu ta nhìn xung quanh, chớp mắt để thích nghi với khung cảnh mờ tối. Morgan vẫy tay, cậu ta bèn tiến lại ngồi chung. Rõ ràng cậu ta căng thẳng, đôi mắt liếc nhìn Paul, những vị khách quen đến những bồi bàn trong bóng tối các hành lang dẫn đến nhà vệ sinh và bếp, rồi lại nhìn Paul.

“Chúng” theo tiếng Đức bây giờ là tất cả mọi người...

Cậu ta ngồi xuống, ban đầu còn quay lưng ra cửa, sau đó chuyển hướng ngồi để có thể nhìn phần còn lại của nhà hàng.

“Xin chào,” Morgan nói.

“Hail Hitler.”

“Chào,” Paul đáp.

“Bạn tôi đây đề nghị rằng nên gọi cậu ta là Max. Cậu ta đã làm việc cho người cậu đến đây để gặp. Xung quanh nhà ông ta. Cậu ta giao nhận hàng hóa, quen biết người quản gia và người làm vườn. Cậu ta cũng sống trong thành phố Charlottenburg, đi về hướng Tây tính từ đây.”

Max từ chối cả đồ ăn lẫn bia và chỉ gọi cà phê, đổ đường vào khiến cà phê nổi lớp bọt màu xám nhạt trên bề mặt. Cậu ta khuấy thìa điên cuồng.

“Tôi cần biết mọi điều cậu biết về ông ta,” Paul thì thầm.

“Vâng, vâng, tôi sẽ làm.” nhưng rồi cậu ta lại im lặng và nhìn xung quanh. Cậu ta khoác một vẻ đáng ngờ như lớp tinh dầu trên mái tóc mỏng của mình. Paul thấy sự khó chịu ngày càng tăng, chưa nói đến nguy hiểm. Max mở ba lô, đưa cho Paul một hồ sơ màu xanh đen. Ngồi lại che nội dung không cho ai nhìn thấy, gã mở nó ra và thấy mình đang nhìn vào nửa tá những tấm ảnh nhỏ nhúm. Trong ảnh là một người đàn ông mặc trang phục văn phòng được cắt may khéo, kiểu trang phục của một người tỉ mỉ, chu đáo. Ông ta khoảng tầm năm mươi tuổi, có cái đầu tròn và mái tóc ngắn màu bạc hoặc xám. Trên mắt đeo kính gọng dây.

Paul hỏi, “Đây có đích thực là hắn không? Còn những bản sao thì thế nào?”

“Hắn không dùng bản sao.” Cậu ta nhấp một ngụm cà phê với đôi bàn tay run rẩy, lại nhìn xung quanh nhà hàng.

Paul đã nghiên cứu xong. Gã vừa định bảo Max giữ lại các bức ảnh và hủy chúng đi khi về đến nhà, nhưng cậu ta có vẻ quá căng thẳng. Tay người Mỹ hình dung cậu ta đang hoảng hốt mà vớt chúng lại trên tàu điện. Gã đành bỏ tập hồ sơ vào trong ba lô bên cạnh cuốn sách của Hitler; gã sẽ tiêu hủy chúng sau.

“Còn bây giờ,” Paul nói, cúi người về phía trước, “kể cho tôi nghe về hắn. Mọi thứ cậu biết.”

Max tường thuật lại những gì mình biết về Reinhard Ernst. Viên Đại tá duy trì kỷ luật và phong thái của một quân nhân, cho dù hắn không còn phục vụ trong quân ngũ đã được vài năm. Hắn dậy sớm và làm việc suốt mười mấy tiếng, sáu hoặc bảy ngày một tuần. Hắn tập thể dục đều đặn và là một chuyên gia về bắn súng.

Hắn thường xuyên mang theo người một khẩu súng ngắn tự động nhỏ. Văn phòng của hắn nằm trên phố Wilhelm, trong tòa nhà Thủ tướng. Hắn tự lái xe đến và đi khỏi văn phòng và hiếm khi đi cùng vệ sĩ. Xe của hắn là chiếc Mercedes mui trần.

Paul đang cân nhắc những gì cậu ta nói. “Tòa nhà Thủ tướng? Hắn đến đó mỗi ngày à?”

“Vâng, thường xuyên. Cho dù thỉnh thoảng hắn đi đến xưởng đóng tàu, hoặc gần đây là các công trình của Krupp.”

“Krupp là ai?”

“Các công ty chế tạo đạn dược và vũ trang của hắn.”

“Tại Tòa nhà Thủ tướng, hắn sẽ đỗ xe ở đâu?”

“Tôi không biết, thưa ngài. Tôi chưa từng đến đó.”

“Cậu có thể tìm hiểu trong vài ngày tới hắn sẽ đi đâu không? Khi nào thì hắn có thể đến văn phòng?”

“Được, tôi sẽ thử.” Ngừng một lúc. “Tôi không biết liệu...” Giọng Max nhỏ dần.

“Cái gì?” Paul hỏi.

“Tôi biết vài chuyện về cả cuộc sống riêng tư của hẳn. Về vợ hẳn, con dâu hẳn, cháu nội hẳn. Anh có muốn biết mặt này trong cuộc đời hẳn không? Hay anh thà không biết còn hơn?”

Chạm vào đá...

“Không,” Paul nói trong tiếng thì thầm. “Kể tôi nghe tất cả.”

Họ lái xe xuống phố Rosenthaler nhanh hết mức chịu đựng của động cơ bé xíu, tiến về nhà hàng Khu Vườn Mùa Hạ.

Konrad Janssen hỏi sếp, “Sếp, tôi có một thắc mắc?”

“Ừ?”

“Thanh tra Krauss đang hy vọng tìm ra một người nước ngoài là kẻ sát nhân, và chúng ta có bằng chứng nghi phạm là người nước ngoài. Vậy tại sao ông không nói?”

“Bằng chứng cho thấy rằng hẳn ta có thể là người đó. Và không vững chắc. Chỉ đơn thuần là hẳn ta có thể có trọng âm, và rằng hẳn đã huýt sáo gọi taxi.”

“Vâng, thưa sếp. Nhưng chúng ta không nên nói đến à? Chúng ta có thể sử dụng các nguồn tin của Gestapo.”

Kohl nặng nề đang thở hổn hển, mồ hôi túa ra vì nóng. Ông thích mùa hè bởi vì thời điểm đó gia đình ông có thể hưởng thụ vui vẻ tại Tiergarten và Công viên Luna hoặc lái xe xuống Wannsee hay sông Havel để đi dã ngoại. Nhưng còn về khí hậu thì ông thuộc tuýp người yêu thích mùa thu từ trong máu. Đưa tay lên lau trán, ông đáp, “Không, Janssen ạ. Chúng ta không nên đề cập chuyện đó và cũng không nên viện tới sự giúp đỡ của Gestapo. Và đây là lý do. Thứ nhất, kể từ khi được hợp nhất vào tháng trước, Gestapo và SS đang làm tất cả những gì chúng có thể nhằm cướp đi sự độc lập của Cảnh sát. Chúng ta phải duy trì nó càng nhiều càng tốt, tức là chúng ta cần phải tự làm công việc của mình. Thứ hai, và là điều quan trọng rất, rất nhiều: Các “nguồn tin” của Gestapo thường xuyên chỉ đơn giản là bắt giữ bất kỳ ai có vẻ ít tội lỗi nhất - về bất kỳ tội gì. Và đôi khi việc bắt giữ nhằm

vào những người rõ ràng vô tội, nhưng việc đó có thể được tiến hành thuận lợi. “

Các trụ sở cảnh sát bao gồm sáu trăm phòng giam giữ, nhằm mục đích cũng giống như đồn cảnh sát tại bất kỳ đâu, giam giữ các tội phạm, những người bị bắt cho đến khi được phóng thích hoặc bị tuyên án. Gần đây những phòng giam này - đã kín đặc người, đến mức quá tải - giam cầm những người bị buộc các tội chính trị rất mơ hồ do lực lượng Xung kích giám sát, những tên bùng ra sữa tàn bạo mặc đồng phục nâu, đeo băng tay trắng.

Các phòng giam chỉ đơn thuần là những điểm dừng tạm thời trên đường đến trại tập trung hoặc trụ sở Gestapo trên phố Prince Albrecht. Đôi khi đến thẳng nghĩa địa.

Kohl nói tiếp. “Không đâu, Janssen ạ, chúng ta là những thợ thủ công đang thực hành nghệ thuật công tác cảnh sát tinh tế của mình, chứ không phải là những người nông dân Saxon cầm lưỡi hái đi cắt đầu hàng tá công dân, khi đuổi theo một thằng cha có tội duy nhất.”

“Rõ, thưa sếp.”

“Đừng bao giờ quên điều đó.” Ông lắc đầu. “Chà, làm công việc của mình giữa vũng bùn đạo đức bao quanh này ngày càng khó khăn.” Khi cho xe vào lề, ông liếc nhìn người trợ lý. “Janssen, cậu có thể làm tôi bị bắt, cậu biết đấy, và bị đưa đến Oranienburg trong một năm để nói về việc tôi vừa làm.”

“Tôi sẽ không nói điều gì nữa, thưa sếp.”

Kohl tắt bộ đánh lửa. Họ xuống xe rồi nhanh chóng bước lên vỉa hè rộng đến nhà hàng Khu Vườn Mùa Hạ. Khi họ đến gần hơn, Willi Kohl có thể ngửi thấy mùi hương món bò nhúng dấm được ướp kỹ, món ăn khiến nơi này trở nên nổi tiếng. Dạ dày ông quặn lên.

Janssen đang mang theo một bản sao tạp chí của Chủ nghĩa Phát xít, The People's Observer, có khắc họa hình ảnh Göring nổi bật trên trang nhất đang đội một chiếc mũ lịch sự không phổ biến tại Berlin. Nghĩ đến những món đồ phụ kiện đặc biệt, Kohl liếc mắt nhìn người trợ lý, khuôn mặt đẹp của tay thanh tra học việc đỏ gay dưới ánh mặt trời tháng Bảy. Phải chăng

ngày nay bọn trẻ không hiểu rằng, người ta làm ra cái mũ không phải để chơi?

Khi họ đến gần nhà hàng, Kohl ra hiệu cho Janssen đi chậm lại. Họ dừng chân bên cạnh một cột đèn, nghiên cứu Khu Vườn Mùa Hạ. Vào giờ này không còn nhiều thực khách còn ngồi lại.

Hai viên sĩ quan SS đang thanh toán rồi ra về, mà cũng vừa đúng lúc, bởi vì với những lý do ông vừa giải thích cho Janssen, cậu ta đồng ý không nói gì cả về vụ này nữa. Người duy nhất còn ngồi lại là một người tuổi trung niên mặc quần soóc da truyền thống có dây đeo và một người được hưởng lương hưu.

Kohl để ý những tấm rèm dày ngăn họ không bị dòm ngó từ bên trong. Ông gật đầu với Janssen và họ bước lên tầng trên. Tay thanh tra hỏi từng thực khách xem có ai thấy một người cao lớn, đội mũ nâu vào trong nhà hàng không.

Người lính lương hưu gật đầu. “Một người cao lớn hả? Thực ra là có đấy, Thanh tra. Tôi không nhìn rõ lắm, nhưng tôi tin rằng anh ta đã bước vào đây khoảng hai mươi phút trước.”

“Hắn vẫn còn ở đó chứ?”

“Anh ta chưa bước ra, theo tôi thấy thì chưa.”

Janssen cứng người lại như con chó săn ngửi thấy mùi hương. “Sếp, chúng ta có nên gọi Orpo không?”

Họ là lực lượng Cảnh sát Trật tự mặc đồng phục, thường đóng quân tại các trại lính hiểm khi nghe nói đến tên, có nhiệm vụ giữ trật tự bằng cách sử dụng súng trường, súng tự động và dùi cui. Nhưng Kohl lại nghĩ đến tình trạng lộn xộn có thể xảy ra nếu họ được triệu tập, đặc biệt là khi chống lại một nghi phạm có vũ trang tại một nhà hàng đầy khách quen. “Không, tôi không nghĩ chúng ta nên gọi, Janssen. Mà chúng ta sẽ làm tình tế hơn nhiều. Cậu đi vòng ra phía sau nhà hàng, đợi ở cửa ra vào. Nếu có bất kỳ ai bước ra, không cần biết có đội mũ hay không, bắt ngay hắn lại. Phải nhớ - nghi phạm của chúng ta có vũ khí. Bây giờ di chuyển kín đáo thôi.”

“Rõ, thưa sếp.”

Tay thanh niên dừng lại ở một con ngõ và bằng một chuyển động cực kỳ lộ liễu, cậu ta rẽ ngoặt ở góc đường rồi biến mất.

Kohl ngẫu nhiên tiến lên phía trước rồi dừng lại như thể nghiên cứu kỹ thực đơn được dán lên. Sau đó, ông di chuyển đến gần hơn, cảm thấy khó chịu, cảm thấy cả sức nặng khẩu súng lục ổ quay trong túi. Cho đến chừng nào Chủ nghĩa Phát xít còn nắm quyền, chỉ một vài thanh tra Cảnh sát được mang vũ khí. Nhưng vài năm trước, khi Bộ trưởng Bộ Nội vụ hồi đó là Göring, đã mở rộng nhiều lực lượng cảnh sát trong nước, hăn ra lệnh từng cảnh sát viên phải mang vũ khí. Và trước sự kinh hoàng của Kohl cùng các đồng nghiệp của ông tại Sở Cảnh sát, hăn cho phép dùng súng một cách tự do. Hăn thực sự còn ban ra cả một sắc lệnh rằng, một cảnh sát sẽ bị khiển trách nếu bắn trượt nghi phạm, nhưng chẳng hề hấn gì nếu bắn một người hoàn toàn vô tội.

Willi Kohl chưa bắn phát súng nào kể từ năm 1918.

Thế nhưng hình dung ra cái sợ vỡ nát của nạn nhân tại ngõ Dresden, lúc này ông thấy vui rằng mình có mang theo súng. Kohl chỉnh lại áo vest để chắc chắn ông có thể chộp lấy súng thật nhanh khi cần và hít một hơi sâu. Ông tiến qua bậc cửa.

Rồi đứng đó lạnh người như tượng, hốt hoảng. Nội thất của Khu Vườn Mùa Hạ hoàn toàn tối om, đôi mắt ông đã quen nhìn ánh mặt trời chói chang bên ngoài, nhất thời ông bị mù. Ngu thật, ông nghĩ, tức giận với chính mình. Lẽ ra ông phải tính tới điều này. Ông đang đứng đây với hai chữ “Cảnh sát” khắc trên trán, một mục tiêu rõ ràng đối với một nghi phạm có vũ khí.

Ông bước sâu hơn vào trong, đóng cửa lại sau lưng. Trong tầm nhìn mờ mờ, mọi người di chuyển khắp nhà hàng. Ông tin rằng vài nam giới đang đứng. Ai đó đang di chuyển về phía ông.

Kohl bước lùi lại, cảnh giác. Bàn tay ông lần đến túi áo có khẩu súng.

“Ngài chọn bàn chưa ạ? Ngài ngồi đâu cũng được ạ.”

Ông liếc mắt, tầm nhìn của ông từ từ trở lại.

“Thưa ngài?” tay bồi bàn lặp lại.

“Không,” ông đáp. “Tôi đang tìm người.”

Cuối cùng, thanh tra đã có thể nhìn thấy mọi thứ bình thường.

Nhà hàng chỉ chứa được mười hai thực khách. Không có ai là người cao lớn đội mũ nâu và vest sáng màu. Ông định bước vào trong bếp.

“Thưa ngài, ngài không thể...”

Kohl chìa thẻ về phía tay bồi bàn.

“Vâng, thưa sếp” anh ta ngượng ngập nói.

Kohl bước qua căn bếp nóng đến lạ lùng rồi ra cửa sau. Ông mở cửa ra, “Janssen, thế nào?”

“Không có ai qua cửa này, thưa sếp.”

Tay thanh tra học việc đi vào trong cùng sếp, quay ra phòng ăn.

Kohl ra hiệu gọi tay bồi bàn đến.

“Tên cậu là gì?”

“Johann.”

“Được rồi, Johann, cậu có thấy người nào ở đây trong vòng hai mươi phút trước, đội chiếc mũ giống thế này không?” Kohl ra hiệu cho Janssen, cậu ta trưng ra tấm ảnh chụp Göring.

“Tại sao, à tôi có thấy. Anh ta cùng mấy người đi cùng vừa rời khỏi đây lúc này. Trông còn đáng ngờ hơn cơ. Họ đi ra bằng cửa bên.”

Cậu ta chỉ tay vào cái bàn trống. Kohl thở dài khó chịu. Đó là một trong hai bàn ngồi cạnh cửa sổ. Đúng là rèm cửa dày nhưng ông để ý một khe hở nhỏ ở bên cạnh. Không nghi ngờ gì nữa, nghi phạm của họ đã thấy họ đang hỏi han các thực khách.

“Đi thôi, Janssen!” Kohl cùng tay thanh tra học việc lao ra khỏi cửa bên qua một khu vườn xanh ngắt, điển hình của hàng nghìn khu vườn trên toàn thành phố. Người Berlin yêu thích trồng hoa và cây cối, nhưng đất trở nên hiếm hoi đến mức họ buộc phải dùng bất kỳ loại đất nào có thể tìm thấy cho khu vườn của mình. Chỉ có một lối ra khỏi khoảnh đất này: nó dẫn ra phố Rosenthaler. Họ chạy nước kiệu ra phố, nhìn lên nhìn xuống con phố đông nghẹt. Không thấy bóng nghi phạm đâu cả.

Kohl tức giận. Giá mà không bị đánh lạc hướng, có lẽ họ đã có hơn một cơ hội chặn đầu tên đội mũ nâu cao to rồi. Nhưng phần nhiều là ông giận chính mình, vì bất cẩn làm lộ mình trên hàng hiên lúc trước.

“Trong khi hấp tấp,” ông thì thầm với Janssen, “chúng ta đã để lộ bản thân. Nhưng có lẽ chúng ta có thể vớt vát được một chút.” Ông quay người bước vào cửa trước nhà hàng Khu Vườn Mùa Hạ.

Paul, Morgan cùng anh chàng gầy nhẳng, căng thẳng có tên là Max đứng cách phố Rosenthaler khoảng 15 mét, nấp sau khóm nhỏ những cây đoạn.

Họ đang đứng xem người đàn ông mặc vest trắng, cùng tay trợ lý trẻ tuổi trong vườn bên cạnh nhà hàng, đang nhìn khắp con phố rồi quay vào cửa trước.

“Chúng không thể đuổi theo chúng ta,” Morgan nói. “Không thể nào.”

“Chúng đang tìm người,” Paul nói. “Chúng bước ra từ cửa bên chỉ sau chúng ta một phút. Đó không phải là trùng hợp.”

Bằng một giọng run rẩy, Max hỏi, “Anh nghĩ có phải chúng là Gestapo không? Hay Cảnh sát?”

“Cảnh sát gì?” Paul hỏi.

“Cảnh sát hình sự. Những thanh tra mặc thường phục.”

“Chúng thuộc dạng cảnh sát nào đó,” Paul tuyên bố. Hẳn nhiên rồi. Gã đã nghi ngờ kể từ lúc trông thấy hai người đến gần Khu Vườn Mùa Hạ. Gã đã cố tình chọn chỗ ngồi gần cửa sổ để theo dõi động tĩnh trên phố, quả y như rằng, gã đã để ý đến họ - một người có vóc dáng nặng nề đội mũ Panama, cùng một thanh niên trẻ trung, gầy còm mặc vest màu xanh dương - hỏi han các thực khách trên hàng hiên. Rồi người trẻ hơn bước ra ngoài - có khả năng là chặn cửa sau - còn tay cảnh sát mặc áo trắng bước đến chỗ menu dán lên tường, lâu hơn hẳn bất kỳ thực khách bình thường nào.

Paul lập tức đứng dậy vút tiền xuống bàn - chỉ là tiền giấy sẽ không thể tìm được dấu vân tay - rồi ngắt lời, “Chuồn thôi.” Cùng Morgan và Max hốt hoảng theo sau, gã băng qua cửa bên rồi đợi trước một khu vườn nhỏ, cho đến khi cảnh sát đi vào trong nhà hàng rồi bước nhanh ra Phố Rosenthaler.

“Cảnh sát,” Max giờ mới lẩm bẩm, nghe như sắp khóc đến nơi.
“Không... không...”

Quá nhiều người truy đuổi mày ở đây... và quá nhiều người theo dõi mày, quá nhiều người rượt đuổi mày.

Tao sẽ làm bất kỳ điều gì vì Người và vì Đảng...

Paul lại nhìn xuống phố rồi nhìn về phía Khu Vườn Mùa Hạ. Không có ai đuổi theo. Tuy nhiên gã vẫn cảm thấy nôn nóng muốn biết thông tin về chỗ ở của Ernst từ Max, và tiếp tục công việc hóa kiếp. Gã quay lại nói, “Tôi cần biết...” Giọng gã tắt lịm.

Max đã biến mất.

“Hắn đâu rồi?”

Morgan cũng quay lại. “Mẹ kiếp,” ông lẩm bẩm bằng tiếng Anh.

“Phải hẳn phản bội chúng ta không?”

“Tôi không thể tin được hẳn sẽ làm thế - cũng có nghĩa là hẳn sẽ bị bắt. Nhưng...” Giọng Morgan nhỏ dần khi nhìn qua Paul. “Không!”

Quay phắt lại, Paul thấy Max cách khoảng hai khối nhà. Cậu ta cùng vài người bị hai tên mặc đồng phục đen chặn lại, những người rõ ràng cậu ta chưa từng gặp. “Một chốt an ninh của SS.”

Max căng thẳng nhìn quanh, chờ đến lượt mình bị hai tên lính SS thăm vấn. Cậu đưa tay lên lau mặt, trông tội lỗi như đứa trẻ vị thành niên.

Paul thì thầm, “Chẳng có gì phải lo cho hẳn đâu. Giấy tờ của hẳn ổn. Hẳn đã trao cho chúng ta các ảnh của Ernst. Chỉ cần hẳn không hoảng hốt, hẳn sẽ ổn thôi.”

Bình tĩnh nào, Paul im lặng nói với cậu ta. Đừng nhìn xung quanh...

Rồi Max mỉm cười, bước đến gần tên SS.

“Hẳn sẽ ổn thôi,” Morgan nói.

Không, hẳn không ổn đâu, Paul nghĩ. Hẳn sẽ làm hỏng việc.

Và đúng lúc đó, cậu ta quay người bỏ chạy.

Hai tên lính SS gạt sang bên cặp vợ chồng đang thăm vấn, và bắt đầu chạy đuổi theo cậu ta. “Đứng lại, tao nói đứng lại!”

“Không!” Morgan thì thầm. “Tại sao hẳn làm thế? Tại sao?”

Bởi vì hẳn là thằng ngu, Paul nghĩ.

Max gầy hơn hai tên lính SS đang mặc đồng phục nặng nề, nên bắt đầu bỏ xa chúng.

Có thể hẳn không làm được. Có thể...

Một tiếng súng vang lên, Max ngã xuống mặt đường bê tông, máu loang ra trên lưng cậu ta. Paul nhìn đằng sau lưng cậu. Một tên sĩ quan SS thứ ba chạy sang đường rút ra khẩu súng ngắn và nổ súng. Max vừa định bò đến vỉa hè, thì hai tên cảnh vệ lúc đầu bắt kịp được cậu ta, thở hồng hộc. Một tên rút súng ngắn ra, bắn một phát vào đầu người thanh niên tội nghiệp, rồi tựa vào cột đèn ghìim hơi thở.

“Đi thôi,” Paul thì thầm. “Ngay bây giờ!”

Hai người quay lại phố Rosenthaler rồi đi về phía Bắc cùng với những khách bộ hành khác, bình tĩnh di chuyển tránh xa khỏi hiện trường vụ nổ súng.

“Chúa trên thiên đàng,” Morgan lầm bầm. “Tôi đã mất một tháng nuôi dưỡng hẳn, nắm tay hẳn khi hẳn cung cấp cho tôi thông tin về Ernst. Chúng ta biết làm gì bây giờ?”

“Bất kể chúng ta quyết định cái gì, phải quyết định nhanh lên. Ai đó có thể lần ra được mối liên kết giữa hẳn” - liếc nhìn lại cái xác trên phố - “và Ernst.”

Morgan thở dài, suy nghĩ một lúc. “Tôi không biết còn ai đủ thân cận với Ernst nữa... Nhưng tôi có một người làm trong bộ thông tin.”

“Ông có người ở trong đó à?”

“Chủ nghĩa Phát xít bị hoang tưởng, nhưng bù lại chúng mắc một sai lầm: cái tôi của chúng. Chúng có nhiều điệp viên hoạt động tới mức, chúng không bao giờ cho rằng ai đó có thể giả mạo họ. Anh ta chỉ là thư ký nhưng có khả năng tìm ra điều gì đó.”

Họ dừng lại trên một góc phố nhộn nhịp. Paul nói, “Tôi sẽ quay lại làng Olympic lấy đồ đạc của mình, rồi chuyển đến nhà trọ.”

“Tiệm cầm đồ nơi chúng ta lấy khẩu súng trường nằm gần Nhà ga Oranienburger. Tôi sẽ gặp cậu tại Quảng trường tháng Mười Một năm 1923, phía dưới bức tượng Hitler to. Nói cách khác, là phố 43. Cậu có bản đồ không?”

“Tôi sẽ tìm được.”

Hai người bắt tay nhau, sau khi liếc nhìn lại đám đông đứng vây quanh xác kẻ xấu số, họ bắt đầu chia nhau ra khi tiếng còi vang khắp các con phố của thành phố sạch sẽ, trật tự ken đặc những con người lịch sự, hay cười - và cũng là địa điểm của hai vụ giết người trong mấy tiếng đồng hồ.

Không, Paul tự nhủ, Max xấu số không phản bội gã. Nhưng gã nhận ra rằng có một gợi ý khác còn rắc rối hơn thế nhiều. Hai tên cảnh sát hoặc Gestapo này đã một mình theo dõi Morgan, hoặc Paul, hoặc cả hai từ ngõ Dresden đến Khu Vườn Mùa Hạ và chúng đến chỉ trong có vài phút để bắt họ. Công tác cảnh sát ở đây còn tốt hơn rất nhiều so với gã biết ở New York. Chúng là bọn quái nào nhỉ? Gã tự hỏi.

“Johann,” Willi Kohl hỏi tay bồi bàn, “chính xác thì người đàn ông đội mũ nâu ăn mặc ra sao?”

“Bộ vest xám nhạt, sơ mi trắng và cà vạt xanh dương, mà tôi thấy hơi lờ lợet.”

“Hắn có to cao không?”

“Rất to cao, thưa ngài. nhưng không béo. Có lẽ anh ta là người tập thể hình.”

“Còn đặc trưng nào khác nữa không?”

“Theo tôi để ý thì không.”

“Hắn có phải người nước ngoài không?”

“Tôi không biết. Nhưng anh ta nói tiếng Đức rất chuẩn. Có lẽ trọng âm hơi nhẹ.”

“Màu tóc thì sao?”

“Tôi không nhớ. Sẫm hơn thì phải.”

“Tuổi tác?”

“Không trẻ, không già.”

Kohl thở dài. “Và cậu có nói là ‘mấy người đi cùng’?”

“Vâng, thưa sếp. Anh ta đến trước. Sau đó một người khác đến. Nhỏ nhắn hơn nhiều. Mặc vest xám đen hoặc xám sẫm. Tôi không nhớ cà vạt của ông ta. Rồi lại một người nữa đến, mặc áo liền quần màu nâu, tầm ba mươi tuổi. Có vẻ là một công nhân. Anh ta là người đến sau cùng.”

“Người to lớn có mang theo va li da hay ba lô không?”

“Có. Nó màu nâu.”

“Những người đi cùng cũng nói tiếng Đức à?”

“Vâng.”

“Cậu có nghe lỏm được họ nói chuyện gì không?”

“Không, thưa Thanh tra.”

“Còn khuôn mặt hẳn? Người đội mũ?” Janssen hỏi.

Một thoáng ngập ngừng. “Tôi không nhìn thấy mặt anh ta hay của những người đi cùng.”

“Cậu phục vụ họ mà không thấy mặt họ sao?” Kohl hỏi.

“Tôi không hề chú ý. Trong đây tối lắm, như ông có thể thấy. Và trong nghề này... có quá nhiều người. Nhìn nhưng hiếm khi thấy lắm, nếu ông hiểu ý tôi.”

Đúng thật, Kohl cho là vậy. Nhưng ông cũng biết rằng kể từ khi Hitler lên nắm quyền ba năm trước, mù lòa đã trở thành quốc nạn. Dân chúng hoặc đi tố cáo vài người vì những “tội ác” mình không chứng kiến, hoặc giả không thể nhớ lại các chi tiết những tội trạng họ đã thực sự thấy. Biết quá nhiều có thể đồng nghĩa với một chuyến đi đến Alex - trụ sở Cảnh sát - hoặc trụ sở Gestapo trên phố Prince Albrecht xem hàng loạt ảnh nghi phạm nổi tiếng đến bất tận. Không ai sẵn sàng đi đến cả hai nơi này, những nhân chứng hôm nay có thể biến thành kẻ bị tình nghi vào ngày mai.

Đôi mắt tay bồi bàn nhìn chằm xuống sàn, lo lắng. Mồ hôi vã ra trên trán. Kohl thấy tiếc cho cậu ta. “Có lẽ liên quan đến mô tả mặt hẳn ta, cậu có thể cung cấp cho chúng tôi vài quan sát khác, để cậu khỏi phải đến trụ sở cảnh sát. Nếu cậu vô tình nghĩ ra điều gì đó có ích.”

Cậu ta ngược mắt lên, nhẹ cả người.

“Tôi sẽ cố gắng hỗ trợ cậu,” thanh tra nói. “Hãy cùng bắt đầu với vài chi tiết cụ thể. Hẳn ăn gì và uống gì?”

“À, cái này lạ lắm. Ban đầu, anh ta gọi một cốc bia lúa mạch. Chắc anh ta chưa bao giờ uống nó. Anh ta chỉ nhấp một ít rồi gạt sang bên. Nhưng anh ta uống hết cốc bia Pschorr mà người đi cùng gọi cho anh ta.”

“Tốt.” Kohl ban đầu còn chẳng hiểu những chi tiết này về một nghi phạm có thể hé lộ ra điều gì cơ bản. Có lẽ là nói về bang hoặc đất nước nơi hắn ta sống, có lẽ điều gì đó cụ thể hơn. Nhưng cũng đáng để ghi chép lại như Willi Kohl đang làm trong cuốn sổ tay có nhiều trang đã sờn của ông, sau khi liếm đầu bút chì. “Còn đồ ăn của hắn?”

“Một đĩa cải bắp và xúc xích của chúng tôi, với nhiều bánh mì và bơ thực vật. Họ ăn giống nhau. Người to lớn ăn hết tất cả, có vẻ anh ta đói ngấu. Người đi cùng chỉ ăn có một nửa.”

“Còn người thứ ba?”

“Chỉ uống cà phê.”

“Người cao lớn thì sao - từ bây giờ chúng ta sẽ gọi vậy - cách hắn cầm đĩa như thế nào?”

“Đĩa của anh ta?”

“Sau khi hắn cắt xúc xích, hắn ta có đổi tay cầm đĩa từ tay này sang tay kia để ăn miếng xúc xích không? Hay hắn có đưa đồ ăn lên miệng mà không dùng hai tay không?”

“Tôi... tôi không biết, thưa sếp. Tôi nghĩ sẽ có khả năng anh ta có đổi tay. Tôi nói vậy vì có vẻ anh ta luôn luôn bỏ đĩa xuống để uống bia.”

“Tốt lắm, Johann.”

“Tôi rất hạnh phúc hỗ trợ Lãnh tụ của tôi bằng bất kỳ cách nào có thể.”

“Phải, phải,” Kohl mết mỏi nói.

Đổi tay cầm đĩa. Chuyện phổ biến tại các nước khác, nhưng hiếm hoi ở Đức, giống như huýt sáo gọi taxi. Vậy thì trọng âm có thể thực sự là người nước ngoài.

“Hắn có hút thuốc không?”

“Tôi tin là có, thưa sếp.”

“Tẩu, xì gà hay thuốc lá?”

“Tôi tin là thuốc lá. Nhưng tôi...”

“Không thấy nhãn hiệu nhà sản xuất à?”

“Không thưa sếp. Tôi không thấy.”

Kohl bước qua phòng xem xét bàn của nghi phạm, những chiếc ghế xung quanh. Chẳng giúp được gì cả. Ông nhăn nhó thấy gạt tàn đầy ụ, nhưng không có đầu mẫu thuốc lá nào.

Thêm bằng chứng về sự thông minh của hắn?

Kohl sau đó cúi xuống, chạm vào một que diêm trên sàn dưới gầm bàn.

“A, phải rồi, xem này, Janssen! Vài mảnh đồ da cũng màu nâu như chúng ta đã thấy lúc nãy. Thực sự chính là anh bạn của chúng ta. Và có những dấu vết trong bụi ở đây, cho thấy rằng hắn có đặt ba lô xuống đây.”

“Tôi tự hỏi trong ba lô có gì,” Janssen nói.

“Rằng hắn không quan tâm đến chúng ta,” Kohl nói, cầm lên những mẫu da này nhét vào trong một phong bì. “Vào lúc này thì không đâu. Tâm quan trọng là chính cái túi kia, mối liên kết nó thiết lập giữa người này với ngõ Dresden.”

Kohl cảm ơn tay bồi bàn và với cái nhìn thèm muốn một đĩa thịt bê chiên, ông bước ra ngoài, Janssen bám theo sau.

“Cùng hỏi hàng xóm xung quanh xem có ai thấy quý ông của chúng ta không. Cậu lo đầu kia con phố nhé, Janssen. Tôi sẽ lo phía những người bán hoa.” Kohl cười buồn. Những người bán hoa Berlin nổi tiếng là thô lỗ.

Janssen lôi ra chiếc khăn tay và lau lông mày. Cậu ta dường như có khe thở dài.

“Mệt à. Janssen?”

“Không, thưa sếp. Không mệt chút nào.” Cậu thanh niên ngần ngừ rồi nói thêm. “Chỉ là đôi khi công việc của chúng ta như vô vọng. Bao nhiêu nỗ lực chỉ vì một lão béo đã chết.”

Kohl thọc tay vào sâu trong túi lôi tẩu thuốc ra, nhăn nhó nhét khẩu súng ngắn vào cùng túi này và nó chật ních. Ông cho thuốc vào đầy tẩu, rồi nói, “Phải, Janssen, cậu nói đúng. Nạn nhân là một lão béo tuổi trung niên. Nhưng chúng ta là những thám tử thông minh, phải không? Chúng ta biết có một điều gì khác ở anh ta nữa.”

“Là gì vậy sếp?”

“Rằng anh ta là con trai của người khác.”

“À... dĩ nhiên là thế rồi.”

“Và có lẽ anh ta là anh em của ai đó. Và có thể là chồng hay người tình của ai đó. Và nếu may mắn, anh ta là cha của những đứa con trai và con gái. Tôi cũng sẽ hy vọng rằng những người tình cũ sẽ thi thoảng nghĩ đến anh ta. Và trong tương lai, những người tình khác có thể mong đợi anh ta. Và có ba hoặc bốn đứa trẻ nữa có thể nhờ anh ta mà được chào đời.” Ông quẹt diêm vào bao, để nó cháy âm ỉ trong chiếc tẩu bằng đất sét trắng. “Vì thế, Janssen ạ, khi cậu nhìn vào một biển cổ theo cách này, chúng ta không chỉ có đơn thuần là một bí ẩn tò mò về một người béo đã chết. Chúng ta có một bi kịch tương tự như một mạng lưới chằng chịt nhiều mảnh đời khác nhau và nhiều địa điểm khác nhau, trải rộng suốt bao nhiêu năm. Điều đáng buồn là... Cậu có hiểu tại sao công việc của chúng ta quan trọng không?”

“Có, thưa sếp.”

Và Kohl tin rằng cậu thanh niên này thực sự hiểu.

“Janssen, cậu phải đội mũ vào đi. nhưng giờ thì tôi đổi ý rồi. Cậu lo phần có bóng râm trên phố. Dĩ nhiên sẽ có nghĩa là cậu phải thăm vấn những người bán hoa. Họ sẽ đối xử với cậu bằng ngôn ngữ cậu chưa từng nghe trong trại lính Xung Kích. Cơ mà ít nhất cậu sẽ không quay về bên vợ đêm nay với làn da đen như củ dền thế kia.”

Chương 8

Bước về phía quảng trường nhộn nhịp để bắt taxi, Paul thi thoảng lại liếc nhìn sau lưng. Miệng hút điếu Chesterfield, mắt nhìn những biển hiệu, cửa hàng tạp hóa, người qua đường, một lần nữa tìm kiếm thứ gì đó không đúng.

Gã lên vào trong một nhà vệ sinh công cộng sạch sẽ đến hoàn hảo, bước vào trong một ngăn nhỏ. Gã dụi tắt điếu thuốc, thả xuống bồn cầu cùng các đầu mẫu thuốc lá và năm giấy lộn ghi địa chỉ nhà trọ của Käthe Richter. Sau đó, gã xé hết các ảnh chụp Ernst thành hàng tá mảnh nhỏ, xả nước cho trôi hết.

Bước ra ngoài phố, gã gạt sang bên những hình ảnh ghê sợ từ cái chết buồn và vô ích của Max, tập trung vào công việc trước mắt. Đã nhiều năm rồi kể từ khi gã giết người bằng khẩu súng trường. Gã là một tay thiện xạ với vũ khí dài. Người ta hay gọi súng chung chung là “vũ khí.” Nhưng điều này không hoàn toàn đúng. Một khẩu súng lục nặng cỡ hơn 1 kilogram, một khẩu súng trường nặng cỡ 5 kilogram hoặc hơn. Để nắm chắc một vũ khí như vậy cần đến sức mạnh. Hai cánh tay rắn chắc của Paul đã giúp gã có được phát súng chính xác trong tiểu đội của mình.

Thế nhưng bây giờ khi giải thích với Morgan, khi gã phải đi hóa kiếp kẻ nào đó, gã lại thích dùng súng lục.

Và gã luôn luôn tiếp cận thật gần, gần như hơi thở.

Gã không bao giờ nói câu nào với nạn nhân, không bao giờ đối đầu trực tiếp, thậm chí còn chẳng cho hẳn biết chuyện gì sẽ xảy ra. Gã chỉ xuất hiện, càng thâm lặng càng tốt, tiến đến sau lưng nạn nhân như một gã mập có thể, rồi bắn vào đầu hẳn, giết chết hẳn ngay lập tức. Gã sẽ không bao giờ nghĩ đến chuyện hành xử như tên Bugsy Siegel bệnh hoạn hay Dutch

Schultz mới chết, những kẻ thích chậm rãi đánh đập nạn nhân cho đến chết, tra tấn họ, hành hạ họ. Paul làm việc như một tên sát thủ vô cảm, không giận dữ, không vui sướng hay không có sự thỏa mãn cứng cỏi của báo thù. Đơn giản chỉ là tự biến mình thành một con quỷ đi diệt một con quỷ khác mạnh hơn.

Và Paul Schumann khẳng khái muốn mình phải trả giá cho hành động đạo đức giả này. Gã đau khổ vì liên quan đến việc giết người. Những cái chết khiến gã muốn bệnh, nhấn chìm trong hố sâu của u buồn và tội lỗi. Cứ mỗi khi gã giết người, lại thêm một phần khác trong gã chết theo. Có lần gã uống say trong một quán bar Ai Len tại Khu Phố Tây tồi tàn, gã đã kết luận rằng mình là mặt trái của Chúa, gã mà chết thì những kẻ khác cũng có thể chết theo. Gã ước rằng mình đã từng hút cả cần sa nữa để nhớ về ý nghĩ ấy. Nhưng gã đã phát chán với nó.

Dẫu vậy, gã cho rằng Morgan đã đúng về chuyện sử dụng súng trường. Bạn của gã, Damon Runyon đã từng nói rằng một người đàn ông chỉ có thể là kẻ thắng cuộc, nếu hắn ta sẵn sàng vượt qua giới hạn. Paul chắc chắn rằng làm việc đó thường xuyên là đủ, nhưng gã cũng biết khi nào thì dừng lại. Gã không bao giờ tự sát. Trong một vài dịp, gã đã hủy bỏ kế hoạch hóa kiếp khi cảm thấy những lợi thế không đủ tốt. Có thể không thành vấn đề khi chơi lại năm hoặc sáu tên. Nhưng còn tệ hơn thế? Thì thôi...

Một tiếng rầm khiến gã giật bản mình. Cái gì đó bay từ cửa hàng sách ra vỉa hè, cách gã vài thước. Một giá sách. Vài cuốn sách văng ra. Gã liếc nhìn vào bên trong cửa hàng sách và thấy một người đàn ông trung niên, đang ôm khuôn mặt bê bết máu. Có vẻ ông ta đã bị đánh vào má. Một người phụ nữ đang khóc lóc, túm chặt cánh tay ông ta. Cả hai người đều hoảng sợ. Bốn tên cao lớn trong bộ đồng phục màu nâu sáng đứng vây xung quanh họ. Paul cho rằng chúng là lính Xung Kích. Áo Nâu. Một trong số chúng đang cầm một quyển sách và quất vào mặt người đàn ông. “Mày không được phép bán thứ chó chết này! Chúng là bất hợp pháp. Mày được nhận một vé đến Oranienburg đấy.”

“Đó là Thomas Mann,” người đàn ông phản đối. “Nội dung của nó chẳng có gì chống lại Lãnh tụ hay Đảng hết. Tôi...”

Tên Áo Nâu đập vào mặt ông ta bằng quyển sách mở. Hắn ta nói bằng giọng chế giễu. “Đó là...” Một cú đánh giận dữ nữa. “Thomas...” Một cú đánh nữa, gáy sách vỡ tan. “Mann...”

Vụ ngược đãi này làm Paul giận sôi máu nhưng đó không phải vấn đề của gã. Gã không thể tự mình lôi kéo sự chú ý ở đây. Gã dậm bước đi. Bỗng một trong những tên Áo Nâu túm chặt cánh tay người đàn bà và đẩy bà ta ra ngoài sân. Bà ta đâm sầm vào Paul, ngã xuống vỉa hè. Bà ta hoảng sợ quá đến nỗi dường như không để ý đến gã. Máu chảy từ hai đầu gối và lòng bàn tay của bà ta do bị thủy tinh cửa vào.

Tên rõ ràng là chỉ huy bọn Xung Kích kéo lê người đàn ông ra ngoài. “Phá hủy nơi này,” hắn kêu gọi đồng bọn. Chúng bắt đầu xô đổ hết các quầy thu tiền và các giá sách, xé rách các bức tranh treo trên tường, đập những chiếc ghế vững chắc xuống sàn, cố gắng bẻ gãy. Tên cầm đầu liếc nhìn Paul rồi giáng một quả đấm rất mạnh xuống bụng người bán sách. Ông ta rên rỉ, chuyển thế nằm sấp rồi nôn mửa. Tên Áo Nâu bước đến chỗ người phụ nữ. Hắn túm tóc bà ta, vừa định đánh vào mặt bà ta thì Paul, do bản năng thúc đẩy, nắm chặt lấy cánh tay hắn.

Hắn xoay người lại, nước bọt phun ra khỏi cái miệng nằm trên khuôn mặt to, vuông vức. Hắn nhìn trừng trừng vào đôi mắt xanh của Paul. “Mày là thằng nào? Mày có biết tao là ai không? Hugo Felstedt của Lữ đoàn Xung Kích Lâu đài Berlin đây. Alexander! Stefan!”

Paul nhẹ nhàng kéo người phụ nữ sang bên. Bà ta cúi xuống, đỡ người bán sách kia. Ông ta đang lau miệng, những giọt nước mắt rơi xuống vì đau đớn và nhục nhã.

Hai tên Xung Kích xuất hiện từ trong cửa hàng. “Thằng nào đây?” một tên hỏi.

“Thẻ mày đâu! Lôi ra ngay!” Felstedt quát lên.

Cho dù cả đời dành cho đánh đấm, Paul luôn tránh những vụ đụng độ đường phố. Bố gã thường nghiêm khắc dạy gã rằng, đừng bao giờ nên tranh hơn thua trong bất kỳ trường hợp nào, nếu không kẻ nào chơi theo luật. Gã bị cấm đánh nhau trên sân trường và trong các con ngõ. “Mày có nghe không đấy, con trai?” Paul ngoan ngoãn đáp, “Tất nhiên rồi, bố, con nghe

mà.” Nhưng đôi lúc, chẳng có việc để làm ngoài gặp gỡ Jake McGuire hay Little Bill Carter rồi đi đánh nhau. Gã không chắc chuyện gì đã xảy ra khiến thời đại ngày nay khác đi. Nhưng không hiểu làm sao, không nghi ngờ gì nữa, bạn biết rằng mình không thể cứ thế bỏ đi.

Và đôi lúc - có thể là vào nhiều thời điểm - bạn có thể quay lưng bước đi, nhưng đơn giản chỉ là bạn không muốn.

Gã đánh giá tên này, hấn trông giống thằng nhóc trung úy, Vincent Manielli, Paul quả quyết. Trẻ trung và cơ bắp, nhưng chỉ là đứa mạnh mẽ. Tay người Mỹ dồn trọng lượng xuống chân, tự giữ cân bằng sau đó đâm vào bụng của Felstedt bằng cú đâm thẳng gần như không nhìn thấy.

Quai hàm gục xuống, hấn lùi lại, cố gắng thở, tay vỗ vỗ vào ngực như thể muốn tìm kiếm trái tim hấn.

“Thằng khốn,” một trong số hai tên kia hét lên, choáng váng vươn tay rút súng ra. Paul nhảy lên phía trước, nắm chặt bàn tay phải của hấn bỏ ra khỏi bao súng, tung một cú móc trái lên mặt hấn. Trong đám bốc, không có cơn đau nào tệ hơn cú đâm mạnh vào mũi. Và khi lớp sụn bị đập máu chảy xuống bộ đồng phục màu da lạc đà, hấn rú lên một tiếng chói tai, lao đảo lùi lại dựa vào tường, những giọt nước mắt tuôn như mưa.

Hugo Felstedt lúc này đã quỳ xuống, không còn quan tâm đến trái tim nữa. Hấn nắm tay xiết chặt lại bụng mình khi nôn ọe đến thảm hại.

Tên lính thứ ba lần tay tìm súng.

Paul nhanh nhẹn bước lên phía trước, hai tay xiết thành nắm đấm. “Đừng,” gã bình tĩnh cảnh báo. Tên Áo Nâu bất ngờ lao ra phỗ, gào lên, “Tôi sẽ gọi hỗ trợ... Tôi sẽ gọi hỗ trợ...”

Tên Xung Kích thứ tư bước ra ngoài. Paul bước đến chỗ hấn, hấn bỗng hét lên. “Xin đừng làm tôi đau!”

Mắt vẫn nhìn dán vào tên Áo Nâu, Paul quỳ xuống mở ba lô và bắt đầu mò mẫm trong đồng giấy tờ tìm khẩu súng lục.

Đôi mắt gã sao nhãng chỉ một lúc, tên Xung Kích bất thần cúi xuống chộp lấy vài mảnh kính cửa sổ vỡ ném về phía Paul. Gã cúi đầu tránh, nhưng hấn lao vào, giáng quả đấm kẹp móc đồng vào má gã. Nắm đấm chỉ sượt qua nhưng Paul cũng giật mình, vấp phải va li, ngã ngửa vào một khu

vườn cỏ dại nhỏ gần cửa hàng sách. Tên Áo Nâu nhảy chồm theo sau gã. Hai bên túm chặt lấy nhau. Hăn tuy không quá mạnh khỏe cũng như không thạo về đánh đấm, nhưng Paul cũng phải mất một lúc mới đứng dậy được. Giận dữ vì mình bị tấn công bất ngờ, gã nắm lấy cổ tay của hăn vịn thật mạnh, nghe thấy một tiếng rắc.

“Ái,” tên lính thì thầm. Hăn nằm dấn xuống đất, bất tỉnh.

Felstedt đang chuyển sang tư thế ngồi, lau đám mũi dãi trên mặt.

Paul rút khẩu súng ngắn trên thắt lưng tên lính, ném sang mái một tòa nhà thấp gần đó. Gã quay sang người đàn ông bán sách và người phụ nữ. “Rời khỏi đây ngay. Đi.”

Không nói câu nào, họ nhìn chăm chăm vào gã.

“Nhanh lên!” gã càu nhàu gay gắt.

Một tiếng huýt sáo vang lên trên phố. Thêm vài tiếng quát.

Paul nói, “Chạy đi!”

Ông già bán sách lại đưa tay lau miệng, liếc nhìn những gì còn lại của cửa hàng lần cuối cùng. Người phụ nữ quàng tay qua vai ông, họ gấp gáp bỏ đi.

Nhìn sang phía đối diện dưới phố Rosenthaler, Paul để ý thấy nửa tá tên lính Xung Kích đang chạy về phía mình.

“Con lợn Do Thái kia,” tên bị vỡ mũi làu bàu. “À, mày xong rồi nhé.”

Paul chộp lấy ba lô, vợ vội những thứ vương vãi bỏ vào trong rồi bắt đầu chạy đến con ngõ gần đó. Nhìn một cái ra sau lưng, đám lính cao lớn đang đuổi theo. Bọn này mọc đầu ra đông thế? Từ con ngõ chạy ra, gã thấy mình đứng trên con phố với những ngôi nhà, các xe đẩy, nhà hàng đổ nát và những cửa hàng phô trương, hào nhoáng. Gã dừng lại, nhìn xung quanh con phố đông đúc.

Gã bước qua một người bán quần áo dùng rồi. Lợi dụng lúc người bán lơ đãng, gã thó một chiếc áo khoác màu xanh thẫm từ trên giá quần áo nam giới. Gã vo tròn nó lại rồi định tới con ngõ khác để mặc vào. Nhưng gã nghe thấy những tiếng quát gần đó, “Đằng kia! Phải hăn không?... Tên kia! Đứng lại!”

Gã nhìn bên trái thấy thêm ba tên lính Xung Kích nữa đang tiến đến. Tin tức về vụ đánh nhau đã lan xa. Gã lao vào ngõ, dài hơn và tối hơn con ngõ lúc đầu. Nhiều tiếng quát nữa sau lưng gã. Có một tiếng súng nổ. Gã nghe thấy tiếng keng lanh lảnh khi viên đạn bắn trúng viên gạch gần đầu gã. Gã cúi đầu xuống. Ba hay bốn tên mặc đồng phục nữa cùng tham gia truy đuổi.

Có nhiều người ở quốc gia này sẽ đuổi theo cậu, đơn giản chỉ vì cậu đang chạy...

Paul phun phì phì vào tường, cố gắng hít không khí vào phổi. Một lúc sau, gã lao ra khỏi ngõ vào một con phố khác, đông hơn hẳn con phố lúc này. Gã hít một hơi thật sâu rồi hòa vào đám đông những người mua sắm ngày thứ Bảy. Nhìn khắp đại lộ, gã trông thấy ba hay bốn con ngõ đang đâm ra từ đây.

Lối nào?

Những tiếng quát sau lưng gã khi bọn lính Xung Kích tràn ra phố. Không kịp đợi nữa. Gã chọn ngay con ngõ gần nhất.

Lựa chọn sai. Lối ra duy nhất khỏi ngõ này là năm hoặc sáu cái cửa ra vào. Tất cả đều khóa trái.

Gã định quay ra khỏi ngõ cụt nhưng rồi dừng lại. Đang có mười hai tên Áo Nâu lảng vảng trong các đám đông, di chuyển đều đặn hướng về con ngõ này. Hầu hết bọn chúng đang mang súng lục. Những thằng bé đi theo chúng ăn mặc như những thằng nhóc hạ cờ hôm qua gã gặp tại làng Olympic.

Kiểm soát hơi thở, gã tựa sát vào tường gạch.

Đồng hồ độn này ngày càng lớn, gã giận dữ nghĩ.

Gã nhét mũ, cà vạt cùng áo vest vào trong ba lô, rồi mặc chiếc áo khoác màu xanh vào.

Paul đặt túi xuống dưới chân lấy ra khẩu súng lục. Gã kiểm tra để chắc chắn rằng súng đã nạp đạn, cùng một ổ đạn đầy.

Cánh tay tì vào tường, gã tựa vũ khí lên cẳng tay và chậm rãi vươn ra nhắm vào tên đang dẫn đầu - Felstedt.

Chúng rất khó phát hiện ra phát súng từ đâu đến và Paul hy vọng chúng sẽ tản ra tìm chỗ nấp, cho gã cơ hội lao bừa qua các dãy xe đẩy gần đó.

Mạo hiểm... nhưng chúng sẽ vào trong ngõ này bất kỳ lúc nào, gã còn lựa chọn nào khác đâu?

Gần hơn, gần hơn...

Chạm vào đá...

Sức ép lên cò súng dần tăng khi gã nhắm vào giữa ngực hẳn, đầu ruồi súng đu đưa nơi sợi dây da vắt chéo từ thắt lưng lên vai che khuất trái tim hẳn.

“Không,” một giọng nói thì thầm gấp gáp vào tai gã.

Paul quay phắt lại, chĩa khẩu súng vào người đàn ông vừa lặng lẽ tiến đến sau lưng gã. Anh ta tầm bốn mươi tuổi, mặc comple đã sờn kha khá. Mái tóc dày của anh ta chải ngược ra sau, bóng mượt với hàng ria mép rậm. Anh ta thấp hơn Paul vài phân, bụng phình ra trên thắt lưng. Trên hai tay anh ta là một thùng to bằng bìa carton.

“Cậu có thể chĩa cái đó ra chỗ khác,” anh ta bình tĩnh nói, hất đầu về phía khẩu súng lục.

Tay người Mỹ vẫn đứng im. “Anh là ai?”

“Chuyện trò có lẽ để sau đi. Chúng ta đang có những vấn đề khẩn cấp hơn.” Anh ta bước qua Paul nhìn xung quanh lối rẽ. “Có mười hai tên. Chắc cậu phải làm chuyện gì đó khó chịu lắm.”

“Tôi đánh gục ba tên trong số chúng.”

Tay người Đức nhướn mày. “Ái chà, thế thì tôi xin đảm bảo với ngài, nếu ngài giết một hoặc hai tên sẽ có đến hàng trăm tên lao đến trong vài phút. Chúng sẽ săn lùng ngài và có thể giết một tá người vô tội trong thời gian đó. Tôi có thể giúp ngài trốn thoát.”

Paul ngần ngại.

“Nếu cậu không làm theo lời tôi bảo, chúng sẽ giết cậu. Giết người và hành quân là hai việc duy nhất chúng làm tốt.”

“Bỏ cái thùng xuống.” Người đàn ông làm theo, Paul kéo áo khoác của anh ta lên, nhìn vào thắt lưng rồi ra hiệu cho anh ta xoay một vòng.

“Tôi không có súng.”

Cử chỉ tương tự, sự nôn nóng.

Tay người Đức quay lại. Paul vỗ vỗ vào các túi áo và mắt cá chân. Đúng là anh ta không có vũ khí.

Người đàn ông nói, “Tôi đã quan sát cậu. Cậu đã cởi áo vest và mũ - tốt đấy. Với cái cà vạt vụng về này, cậu sẽ nổi bật như nàng trinh nữ trên phố Nollendorf Plaza. Nhưng có khả năng cậu sẽ bị khám xét. Cậu phải vứt đồng quần áo đó đi.” Hất đầu về phía chiếc ba lô.

Những bước chân nghe đã rất gần, Paul lùi lại, cân nhắc những lời khuyên, chúng nghe có lý. Gã lôi các thứ ra khỏi ba lô, bước đến chỗ thùng rác.

“Không,” người đàn ông nói. “Không phải ở đó. Nếu cậu muốn vứt cái gì đó tại Berlin, thì đừng ném vào thùng rác thực phẩm vì những người bới rác sẽ tìm thấy chúng. Đừng ném vào các thùng rác thải, hoặc Gestapo, lũ gián điệp, SA hoặc SD sẽ tìm thấy, chúng đều đặn đi nhặt rác mà. Nơi an toàn duy nhất là cống. Không tên nào mò xuống cống đâu. Chưa mò xuống, trong bất kỳ trường hợp nào.”

Paul liếc mắt xuống một cái lưới sắt gần đấy, miễn cưỡng ném hết xuống đó.

Cà vạt Ai Len may mắn của gã...

“Bây giờ, tôi sẽ thêm một chi tiết vào vai trò của cậu, như một kẻ thoát-khỏi-lũ-áo-nâu-thối-tha.” Anh ta thọc tay vào túi áo khoác rút ra vài cái mũ, chọn một cái mũ lò xo bằng vải bạt sáng màu. Anh ta mở rộng mũ ra trao cho Paul, bỏ những chiếc mũ còn lại vào túi. “Đội vào đi.” Tay người Mỹ làm theo. “Giờ khẩu súng ngắn nữa. Cậu phải vứt nó đi. Tôi biết cậu khó xử, nhưng nói thật làm thế sẽ tốt hơn cho cậu. Không có khẩu nào đủ đạn ngăn chặn hết đám lính Xung Kích trong thành phố này đâu, huống hồ là khẩu Pungger bé tí ấy.”

Có hay không?

Bản năng một lần nữa mách bảo gã rằng anh ta nói đúng. Gã cúi xuống đồng thời ném khẩu súng xuống cống. Gã nghe thấy tiếng nước bắn tóe dưới mặt phố rất sâu.

“Giờ thì theo tôi,” người đàn ông nhắc cái thùng lên. Thấy Paul ngần ngại, anh ta thì thầm, “Ồi dào, cậu đang nghĩ làm sao có thể tin được tôi chứ

gì? Cậu chẳng hề quen biết tôi. Nhưng thưa cậu, tôi dám nói rằng trong những hoàn cảnh thế này, câu hỏi thực sự phải là: làm sao cậu có thể không tin tôi? Dù sao lựa chọn là của cậu. Cậu có mười giây để quyết định.” Anh ta phá lên cười. “Chẳng phải luôn thế hay sao? Quyết định càng quan trọng bao nhiêu, thời gian đưa ra quyết định càng ít bấy nhiêu.” Anh ta bước đến một cánh cửa, tra chìa khóa vào và mở cửa, quay người nhìn lại. Paul đi theo. Họ bước vào trong một nhà kho. Anh ta đóng sầm cửa rồi khóa lại. Nhìn qua ô cửa sổ nhòe mờ, Paul trông thấy bọn lính Xung Kích bước vào trong ngõ, nhìn xung quanh rồi đi tiếp.

Căn phòng chứa đầy các hộp và thùng thừa, những chai rượu đầy bụi. Người đàn ông dừng lại, hất đầu về phía thùng carton. “Nhận lấy đi. Nó sẽ là xương sống cho câu chuyện của chúng ta. Và có lẽ là món sinh lời nữa.”

Paul giận dữ nhìn anh ta. “Lẽ ra tôi có thể để quần áo và súng của tôi ở trong này. Tôi đã không phải vứt chúng đi.”

Anh ta bĩu môi. “À, phải rồi, ngoại trừ một điều đây không hẳn là nhà kho của tôi. Bây giờ, cái thùng carton kia. Xin quý ông vui lòng, chúng ta đang vội.” Paul đặt ba lô lên trên cái thùng, nhấc thùng lên rồi đi theo. Họ vào trong một căn phòng bụi bặm phía trước. Người đàn ông liếc nhìn ra ô cửa sổ cái bản định mở cửa.

“Chờ đã,” Paul nói. Gã đưa tay sờ lên má, vết xước từ cái móc đồng đang hơi chảy máu. Hai bàn tay gã rà lên những giá sách bản thủ vổ vổ lên mặt, che đi vết thương, bôi lên cả áo khoác và quần. Những vết bản sẽ ít thu hút sự chú ý hơn vết máu.

“Tốt,” tay người Đức nói, mở rộng cửa ra vào. “Bây giờ, cậu là một lao động đấm mồ hôi. Và tôi sẽ là ông chủ của cậu. Đi lối này.” Anh ta quay lưng tiến thẳng đến nhóm ba hay bốn tên lính Xung Kích đang nói chuyện với một phụ nữ ngồi uể oải cạnh cột đèn đường, tay ôm một con chó xù bé xíu buộc bằng sợi dây màu đỏ.

Paul ngật ngưỡng.

“Rảo cái chân lên. Đừng lè mề.”

Họ gần như đi qua bọn Áo Nâu thì một tên trong bọn gọi lại, “Này, đứng lại. Cho xem giấy tờ.” Một trong số những người bạn của hắn đi cùng,

chúng bước đến trước mặt Paul và tay người Đức. Tức điên người vì đã vất súng đi, Paul liếc nhìn sang bên. Người đàn ông trong ngõ nhăn nhó, “Ôi, thẻ của chúng tôi, phải rồi, phải rồi. Tôi rất tiếc, thưa các ngài. Các ngài phải hiểu hôm nay chúng tôi buộc phải làm việc, như các ngài có thể thấy.” Hất đầu về phía thùng carton. “Ngoài dự kiến. Một chuyến giao nhận khẩn cấp.”

“Hai người lúc nào cũng phải mang thẻ theo cơ mà.”

Paul nói, “Chúng tôi chỉ đi một quãng ngắn thôi.”

“Chúng tôi đang tìm một người cao lớn, mặt vest xám và đội mũ nâu. Hắn có vũ khí. Hai người có thấy ai như thế không?”

Một cái liếc mắt dò hỏi. “Không,” Paul đáp.

Tên Áo Nâu thứ hai vỗ lên người cả Paul lẫn tay người Đức tìm vũ khí, chộp lấy chiếc ba lô rồi mở ra, liếc nhìn vào bên trong. Hắn lôi ra cuốn Cuộc Chiến Của Tôi. Paul có thể thấy chỗ phồng ra nơi giấu hộ chiếu Nga và mấy đồng rúp.

Tay người Đức trong ngõ nói nhanh, “Trong đấy chẳng có gì hay đâu. Nhưng bây giờ tôi nhớ ra chúng tôi có giấy tờ xác nhận. Tìm trong thùng carton của anh bạn đây.”

Hai tên Áo Nâu liếc nhìn nhau. Một tên cầm cuốn sách của Hitler ném trả vào trong ba lô, đặt ba lô xuống rồi xé rách mặt thùng carton Paul cầm trên tay.

“Như các ngài có thể thấy, chúng tôi là Anh Em Bordeaux.”

Một tên Áo Nâu bật cười, tay người Đức nói tiếp, “Nhưng ngài có thể không bao giờ chắc chắn được. Có lẽ ngài nên mang theo hai chai này đi xác minh.”

Vài chai rượu vang đỏ được lấy ra. Hai tên lính Xung Kích vẫy đồng bọn lại gần. Paul khoác ba lô lên, họ đi tiếp xuống phố.

Đi hết hai khu phố nữa, tay người Đức hất đầu sang đường. “Trong đó.” Nơi anh ta muốn nói đến có vẻ như là một hộp đêm trang trí bằng các lá cờ Phát xít. Một tấm biển bằng gỗ viết: Quán Cà Phê Aryan.

“Anh điên à?” Paul hỏi.

“Đến giờ thì tôi vẫn đứng, phải không anh bạn? Làm ơn vào đi. Đó mới là nơi an toàn nhất đấy. Những-tên-Áo Nâu-thối tha không được đón chào ở đây đâu, mà chúng cũng chẳng có tiền mà vào. Chừng nào cậu còn chưa đập bất kỳ thằng sĩ quan SS hay quan chức cấp cao nào của Đảng, thì cậu sẽ an toàn... Cậu chưa làm thế đúng không?”

Paul lắc đầu. Gã miễn cưỡng đi theo người đàn ông vào trong. Gã trông thấy ngay ý người đàn ông này nói về giá cả để vào đây. Một tấm biển đề 20 USD/40 Mác. Chúa ơi, gã nghĩ. Cái nơi điên rồ nhất gã đến ở New York, Câu lạc bộ Debonair chỉ có giá 5 đô thôi.

Anh ta mang theo người bao nhiêu tiền nhỉ? Gần bằng nửa số tiền Morgan đã cho gã. Nhưng người gác cửa ngược mắt lên và nhận ra tay người Đức có ria mép. Anh ta ra hiệu cho hai người đi vào mà không đòi tiền vé.

Họ bước qua một tấm rèm vào trong một quầy bar nhỏ tối tăm, lộn xộn với những món đồ cổ và đồ tạo tác, các tấm poster điện ảnh, những cái chai đầy bụi. “Otto!” Tay trông quầy bar kêu lên, lắc mạnh bàn tay người đàn ông.

Otto đặt cái thùng carton lên quầy bar, ra hiệu cho Paul làm theo.

“Tôi tưởng anh chỉ giao một thùng thôi.”

“Đồng chí của tôi giúp tôi mang một thùng nữa, trong thùng ấy chỉ có mười chai thôi. Thế nên tổng thiệt hại giờ là 70 mác, phải không?”

“Tôi chỉ đặt một thùng, chỉ cần một thùng thôi. Tôi sẽ chi thanh toán cho một thùng.”

Khi hai người cò kè giá cả, Paul tập trung vào những lời nói vọng ra từ chiếc radio cỡ lớn phía sau quầy bar. “... khoa học hiện đại đã tìm ra vô số phương pháp bảo vệ cơ thể không mắc bệnh, nên nếu bạn không áp dụng những quy tắc vệ sinh đơn giản đó, bạn có thể mắc bệnh nặng. Với việc nhiều du khách nước ngoài đến thành phố có khả năng xuất hiện những xu hướng lây nhiễm mới, nên điều căn bản là phải luôn luôn nhớ các nguyên tắc vệ sinh.”

Otto đã đàm phán xong, rõ ràng là thỏa mãn và liếc nhìn ra ngoài cửa sổ. “Chúng vẫn ở ngoài đó, đang lớn vồn. Chúng ta cùng uống bia thôi. Cậu sẽ

đài tôi một châu.” Anh ta nhận thấy Paul đang nhìn vào cái đài, mà dường như trong quán bar không ai chú ý đến dù đài mở âm lượng to. “Này, cậu thích cái giọng trầm của Bộ trưởng Tuyên truyền à? Ấn tượng sâu sắc, đúng không? Nhưng nói thật, hẳn là một kẻ tầm thường. Tôi có liên lạc ở khắp nơi trên cả dãy phố Wilhelm, trong tất cả những tòa nhà chính phủ. Sau lưng hẳn, người ta gọi hẳn là “Chuột Mickey.” Quay ra nhà sau thôi, tôi chịu hết nổi cái giọng đều đều này rồi. Mỗi cơ sở đều phải sắm một cái đài để ra rả đọc những bài diễn văn của lãnh đạo Đảng và phải để âm lượng thật lớn khi chúng đang được đọc. Không là trái luật đấy. Ở đây họ đặt cái đài ở phòng ngoài là cho đúng luật thôi. Cấu lạc bộ thật sự nằm ở phòng sau cơ. Giờ thì cậu thích nam hay nữ nào?”

“Cái gì?”

“Nam hay nữ? Cậu thích ai hơn?”

“Tôi không quan tâm đến...”

“Tôi hiểu, nhưng vì chúng ta phải đợi bọn Áo Nâu phát mệt vì săn đuổi, nên cho tôi biết đi. Cậu thích ngắm gì hơn trong khi chúng ta uống bia mà cậu hào phóng đãi tôi? Nam nhảy với nam, nam nhảy với nữ hay nữ nhảy một mình đây?”

“Nữ.”

“À, tôi cũng thế. Đồng tính luyến ái ở Đức bây giờ là phạm pháp. Nhưng cậu sẽ ngạc nhiên khi thấy khá nhiều người theo Chủ nghĩa Phát xít có vẻ thích kết bạn với người khác, nhằm các mục đích khác ngoài thảo luận các hoạt động chính trị hơi hữu khuynh. Lỗi này.” Anh ta vén một tấm rèm nhưng màu xanh.

Căn phòng thứ hai có vẻ như dành cho nam giới thích phụ nữ. Họ ngồi xuống một chiếc bàn đan bằng liễu gai yếu ớt trong căn phòng sơn đen, đồ trang trí là các đèn lồng Trung Quốc, những lá cờ đuôi nheo bằng giấy và các đầu thú treo tường, cũng phủ bụi mờ như mấy lá cờ Phát xít đang treo trên trần nhà.

Paul trả lại cái mũ bằng vải bạt, anh ta bỏ tọt vào trong túi cùng những chiếc khác.

“Cảm ơn nhiều.”

Otto gật đầu, “Ôi dào, thế bạn bè để làm gì?” Anh ta đưa mắt tìm nam hoặc nữ bồi bàn.

“Tôi sẽ quay lại ngay,” Paul đứng dậy bước đến bồn rửa mặt. Gã gạt sạch những vết dơ và máu trên mặt, dùng tinh dầu chải lại mái tóc đã trở nên ngắn hơn và sẫm màu hơn, tạo cho gã vẻ ngoài hơi khác so với người lính Áo Nâu đang tìm. Vết thương trên má của gã đã bắt đầu lành nhưng xung quanh nó là vết bầm tím. Gã bước ra khỏi nhà vệ sinh, rồi lên vào hậu trường. Gã tìm thấy phòng thay đồ dành cho các nghệ sĩ trình diễn. Một người đàn ông ngồi ở một đầu phía xa, đang hút xì gà và đọc báo. Người này không chú ý gì khi Paul nhúng mấy ngón tay vào một lọ trang điểm. Quay lại nhà vệ sinh gã thoa lớp mỹ phẩm lên vết bầm. Gã vốn có kinh nghiệm với đồ trang điểm, tất cả các tay đấm bốc lành nghề đều hiểu tầm quan trọng khi che giấu những vết thương, không cho đối thủ nhìn thấy.

Quay lại bàn, gã thấy Otto đang ra hiệu với một nữ bồi bàn trẻ trung xinh đẹp có mái tóc đen. Nhưng cô ả hăng còn bận với người đàn ông thờ dài trong tức giận. Anh ta quay lại, nhìn Paul chăm chú. “Bây giờ, trông cậu khác biệt hoàn toàn với nơi này, vì cậu chẳng hiểu gì về “văn hóa” của chúng tôi hết. Tôi đang nói đến cái dài. Và về lính áo nâu-thối-tha, những kẻ mà nếu cậu là người Đức, cậu sẽ không đại đối đầu với chúng. Nhưng ngoại ngữ của cậu tuyệt đấy. Những trọng tâm nhẹ nhất. Không phải là người Pháp, Slavơ hay người Tây Ban Nha. Cậu là loài nào thế?”

“Tôi biết ơn anh đã giúp tôi, Otto. Nhưng có vài chuyện tôi sẽ chỉ giữ kín cho mình.”

“Có gì đâu. Tôi đã quả quyết rằng cậu là người Mỹ hoặc người Anh. Có thể là lựa chọn thứ nhất. Tôi biết từ những bước di chuyển của cậu - những câu cậu nói ra... Phải rồi, cậu là người Mỹ. Còn ai nữa có thể bị cả lính áo nâu-thối-tha ấy đuổi theo trừ một tay người Mỹ bạo gan chứ? Cậu đến từ xứ sở của những cao bồi anh hùng, những kẻ một mình cân tất cả một bộ lạc da đỏ. Nàng bồi bàn kia đi đâu rồi nhỉ?” Anh ta nhìn quanh, vuốt ve hàng ria mép. “Giờ thì giới thiệu đi. Tôi đang tự giới thiệu mình với cậu đây. Otto Wilhelm Friedrich Georg Webber. Và cậu là?... Nhưng có lẽ cậu muốn giữ lại cái tên cho riêng mình.”

“Tôi nghĩ như thế thông minh hơn.”

Webber cười khúc khích. “Vậy là cậu hạ gục ba thằng trong bọn chúng, để rồi bị bọn Áo Nâu lấn bọn khốn kia yêu mến nhất mực à?”

“Bọn khốn nào cơ?”

“Đội thanh niên Hitler. Những thằng nhóc đang do thám lẩn trong hàng ngũ của lính Xung Kích.” Webber dò xét những vết bầm đỏ của Paul. “Có lẽ cậu thích những trận quyền anh lắm phải không, Ngài Vô Danh? Trông cậu như vận động viên. Tôi có thể kiểm cho cậu vé vào xem Thế vận hội. Chẳng còn vé nữa, cậu biết đấy. Nhưng tôi có thể kiếm được. Ghế ngồi vào ban ngày, chỗ ngồi đẹp.”

“Không, cảm ơn.”

“Hoặc tôi có thể đưa được cậu vào một trong các đoàn Olympic. Max Schmeling sẽ cần vài người đấy.”

“Schmeling?” Paul nhướn mày. Gã vốn ngưỡng mộ tay vô địch quyền anh hạng nặng thành công nhất. Mới tháng trước gã đã từng đến Sân vận động Yankee không có mái che dự khán trận so găng giữa Schmeling với Joe Louis. Trước sự kinh ngạc của tất cả mọi người, Schmeling hạ nốc ao Kẻ Dội Bom Da Nâu trong hiệp thứ mười hai. Buổi tối ấy làm Paul mất 608 đô la, gồm 8 đô cho vé và 600 đô vì thua cược.

Webber nói tiếp. “Ông ta sẽ đến cùng vợ. Bà ấy đẹp lắm. Anny Ondra. Một nữ diễn viên, cậu biết đấy. Cậu sẽ có một buổi tối đáng nhớ. Đắt cắt cổ nhưng tôi có thể thu xếp được. Cậu cần một áo vest cho bữa tối, dĩ nhiên rồi. Tôi cũng có thể cung cấp được. Với một mức phí nhỏ.”

“Tôi sẽ qua.”

“Ôi chà,” Webber thì thầm, như thể Paul đã phạm phải một sai lầm trong đời mình.

À hâu bàn dừng lại ở bàn của họ và đứng gần Paul, mỉm cười với gã. “Tên tôi là Liesl. Tên anh là gì?”

“Hermann,” Paul đáp.

“Anh muốn dùng gì?”

“Bia cho cả hai chúng tôi. Một cốc Pschorr cho tôi.”

“Chà,” Webber nói, chế nhạo trước lựa chọn này. “Bia nhẹ Berlin cho tôi. Lên men dưới đáy. Cốc lớn.” Khi liếc nhìn anh ta, ánh mắt ả lạnh băng như thể anh ta gần đây nợ tiền bia của ả.

Liesl nhìn thẳng vào mắt Paul một hồi lâu, mỉm nụ cười gợi tình rồi bước sang bàn khác.

“Cậu có người hâm mộ rồi đấy, ‘Ngài Không Phải Tên Hermann’. Xinh, đúng không?”

“Rất xinh.”

Webber nháy mắt. “Nếu cậu ưng, tôi có thể...”

“Không,” Paul nói chắc nịch.

Webber nhướn một bên mày, hướng sự chú ý lên sân khấu, nơi một phụ nữ ngực trần đang xoay tròn. Cô ta mang hai miếng dán ngực lỏng và đôi cánh tay yếu mềm. Từ khoảng cách xa, Paul cũng thấy những nếp nhăn quanh miệng cô ta. Cái miệng luôn nở nụ cười xấu xí khi cô ta nhún nhảy theo âm thanh lạo xạo phát ra từ chiếc máy hát.

“Bây giờ ở đây vào buổi chiều không có nhạc sống nữa,” Webber giải thích. “Nhưng vào đêm có mấy ban nhạc chơi hay lắm. Chơi kèn đồng... tôi yêu kèn đồng. Tôi có mấy đĩa thường nghe trên máy hát. Tay chỉ huy dàn nhạc vĩ đại nước Anh, John Philip Sousa.”

“Xin lỗi nhắc nhở anh: Ông ta là người Mỹ.”

“Không!”

“Đúng đấy.”

“Nước Mỹ đúng là đất nước của âm nhạc. Họ có những rạp phim tuyệt vời và hàng triệu chiếc xe ô tô, tôi nghe nói vậy. Và giờ tôi còn biết rằng họ có cả John Philip Sousa nữa.”

Paul nhìn ả bồi bàn đến gần, cặp hông mảnh khảnh hết lắc sang trái rồi sang phải. Liesl đặt hai cốc bia xuống. Có vẻ ả mới xị nước hoa vài phút khi đi ra ngoài. ả mỉm cười với Paul, gã cười toét đáp lại rồi liếc nhìn hóa đơn. Không quen lắm với tiền tệ Đức và không mong muốn thu hút sự chú ý khi lục tìm mớ tiền xu, gã trao cho ả một tờ 5 mác, gã đoán khoảng hai đô la, bốn đồng.

Liesl lấy mấy đồng tiền lẻ làm tiền boa, cảm ơn gã rồi rút, nắm chặt tay gã bằng cả hai tay. Gã sợ rằng ả sẽ hôn mình. Gã không biết làm sao để nghị ả trả lại tiền thừa, rồi quyết định chịu mất xem như một bài học về văn hóa Đức. Thêm một ánh mắt ngưỡng mộ nữa, Liesl rời bàn, nét rầu rĩ vẫn hiện rõ trên gương mặt khi phải đợi chờ các bàn khác. Webber chạm cốc của anh ta vào cốc của Paul, cả hai cùng uống cạn.

Webber dò xét Paul chăm chú rồi nói, “Vậy là cậu ủng hộ phe chống đối nào?”

“Phe chống đối?”

“Khi trông thấy cậu lần đầu trong ngõ, với khẩu súng đó, tôi đã nghĩ: Chà, cậu ta không thuộc phe Soci hoặc Kosi...”

“Gì cơ?”

“Soci - Đảng viên Đảng Dân chủ Xã hội. Đã từng là một đảng phái chính trị lớn cho đến khi bị cấm. Kosi là những Đảng viên Đảng Cộng sản. Họ không chỉ bị cấm không thôi, mà chết hẳn rồi. Không, tôi biết cậu không phải là kẻ kích động quần chúng. Cậu là một trong số chúng tôi, người ủng hộ phe chống đối, một nghệ sĩ-của-những-thương-vụ-đen-tối.” Anh ta liếc nhìn quanh phòng. “Yên tâm. Miễn là chúng ta giữ im lặng, thì có thể an toàn nói chuyện. Không có micro ở đây. Không có Đảng viên nào trung thành ở đây, trong những bức tường này thì không. Rốt cuộc, cái ấy của lũ đàn ông luôn đáng tin cậy hơn lương tâm của hẳn. Và những kẻ theo Chủ nghĩa Phát xít còn chẳng có lương tâm để mà bắt đầu.” Webber vẫn khẳng khái. “Vậy là phe chống đối nào?”

“Tôi không làm cho phe chống đối nào cả. Tôi đến đây vì Thế vận hội.”

“Vậy sao?” Anh ta nháy mắt. “Chắc phải có sự kiện mới nào trong năm nay mà tôi chưa nghe nói.”

“Tôi là người viết bài về thể thao.”

“Ái chà, một người viết báo... và cũng là người chiến đấu với bọn Áo Nâu, giữ lại cái tên cho riêng mình, đi dạo khắp nơi với một khẩu ống xì thối hạt đậu hiệu Luger, thay quần áo để tránh những kẻ truy đuổi. Chải mượt lại mái tóc và che đi những vết thương.” Webber vỗ vào má mình và mỉm cười ra chiều hiểu biết.

“Tôi tình cờ chạm trán mấy tên Xung Kích đang tấn công một cặp vợ chồng. Tôi ngăn chúng lại. Còn về khẩu Luger, nó là một trong mấy khẩu của chúng. Tôi thó được mà.”

“Phải, phải, cậu nói rồi... Cậu có biết Al Capone không?”

“Dĩ nhiên là không,” Paul đáp về câu tiết.

Webber thở dài thành tiếng, thất vọng. “Tôi theo dõi hình sự của Mỹ. Nhiều người trong chúng tôi theo dõi, ở đây tại nước Đức này. Chúng tôi luôn luôn đọc các thông tin kích động về tội ác - các tiểu thuyết, cậu hiểu không? Nhiều tội ác diễn ra tại Mỹ. Tôi có theo dõi với sự quan tâm rất lớn đến số phận của John Dillinger. Hẳn ta bị một người phụ nữ mặc váy đỏ phản bội và bắn chết trong một con ngõ, sau khi họ đi xem phim về. Tôi nghĩ cũng là điều tốt khi hẳn ta xem phim trước khi chúng giết hẳn ta. Hẳn ta chết với niềm vui nho nhỏ trong tim. Cho dù hẳn sẽ tốt hơn nhiều nếu hẳn xem phim, uống say, vui vẻ với cô ả kia xong rồi mới bị bắn chết. Đó sẽ là một cái chết hoàn hảo. Phải, tôi nghĩ vậy, bất chấp cậu có nói gì, cậu là một kẻ cướp thực sự, Quý ngài John Dillinger. Liesl! Liesl Xinh đẹp! Thêm bia đi! Bạn tôi gọi thêm hai chầu nè.”

Cốc bia của Webber đã cạn trơ đáy, cốc của Paul còn khoảng ba phần tư. Gã gọi Liesl, “Tôi không uống nữa đâu. Cho anh ta thôi.”

Khi biến mất ở quầy bar, ả lại ném sang Paul ánh mắt ngưỡng mộ lần thứ hai, đôi mắt ngời sáng, dáng người mảnh mai gọi gã nhớ đến Marion. Gã tự hỏi giờ cô ấy thế nào, cô ấy đang làm gì vào lúc này, ở Mỹ bây giờ chắc khoảng 6 hoặc 7 giờ. Hãy gọi cho em, cô ấy đã nói thế trong lần nói chuyện cuối cùng, nghĩ rằng gã đến Detroit làm ăn. Paul biết rằng thực sự có thể gọi một cuộc xuyên Đại Tây Dương, nhưng giá thì 50 đô la một phút. Thêm nữa, chẳng có tên sát thủ chuyên nghiệp nào lại thò ra một bằng chứng như thế cho những kẻ theo dõi.

Gã liếc nhìn những tên Phát xít trong đám khán giả: một số tên SS, hoặc những tên lính mặc đồng phục xám hoặc đen sạch không tì vết cùng một số thương nhân. Hầu hết đều ngà ngà say, vài tên đang ngật ngà ngật ngưỡng do các cuộc nhậu bí tỉ lúc chiều. Tất cả đều mỉm cười vui sướng, nhưng có vẻ chán nản khi xem một màn sex chẳng gọi dục chút nào.

Khi ả bồi bàn quay lại, thực sự cô ả mang ra hai cốc. ả đặt một cốc trước mặt Webber, anh chàng vẫn bị làm ngơ. Rồi ả nói với Paul, “Anh có thể thanh toán cho cốc bia của bạn, nhưng cốc của anh là món quà em tặng anh.” ả cầm tay anh đặt vào tay cầm cốc bia. “25 xu.”

“Cảm ơn cô,” gã nói, tự nhủ rằng, có lẽ những đồng mác thừa từ đồng 5 đô la đã mang lại cho gã cốc bia này. Lần này gã trả cho ả tận một mác.

ả run lên vì sung sướng như thể vừa được tặng một chiếc nhẫn hột xoàn. Liesl hôn lên trán gã. “Hãy thưởng thức đi nhé.” Rồi lại bỏ đi.

“Ôi trời, cậu được khẩu hao sướng thật. Phần tôi thì phải trả năm mươi đấy. Dĩ nhiên, hầu hết những người nước ngoài đều trả 1 mác 75 xu.”

Webber uống cạn cốc bia thứ ba. Anh ta đưa mu bàn tay lau vết bia trên ria mép, rút ra một bao xì gà. “Loại mạt hạng, nhưng tôi lại thích chúng hơn.” Anh ta chìa bao xì gà sang cho Paul, gã lắc đầu. “Lá cải bấp nhúng vào nước thuốc lá và nicotin. Thời buổi này khó kiếm được xì gà xịn lắm.”

“Anh nhập mạt hàng gì thế?” Paul hỏi. “Ngoài rượu ra.”

Webber phá lên cười, ném sang Paul cái nhìn xấu hổ. Anh ta hít vào làn khói cay xè, rồi trầm tư đáp, “Lắm thứ lắm. Phần lớn việc tôi làm đó là mua và bán những món hiếm có khó tìm. Hàng hóa quân sự gần đây mới có nhu cầu. Dĩ nhiên không phải vũ khí rồi. Mà là phù hiệu, bi đồng, dây đai, ủng, đồng phục. Ai ở đây cũng yêu thích đồng phục. Khi những người chồng đi làm, các bà vợ đi ra ngoài và mua cho mình những bộ đồng phục, ngay cả khi họ chẳng có cấp bậc hay tư cách gì. Trẻ con cũng mặc chúng. Kể cả đứa còn ẵm ngửa! Các huân chương, vạch trên huy chương, băng đô, cầu vai, phù hiệu cổ áo. Rồi tôi bán chúng cho chính phủ, cho những người lính đích thực của chúng ta nữa. Chúng ta lại có chế độ cưỡng bức tòng quân. Quân số của chúng ta đang tăng lên. Họ cần những bộ quân phục, vải vóc mà họ khó kiếm được. Tôi có nhiều người cung cấp đồng phục cho tôi, sau đó tôi đổi cho họ cái gì đó rồi bán cho quân đội.”

“Anh ăn cắp chúng từ một nguồn của chính phủ này, rồi bán lại cho nguồn kia.”

“Ôi dào, Ngài John Dillinger ơi, ngài rất vui tính đấy.” Anh ta nhìn khắp phòng. “Đợi một chút... Hans, đến đây. Hans!”

Một người mặc đồ tuxedo* xuất hiện. Anh ta nhìn Paul vẻ nghi ngờ nhưng Webber bảo đảm rằng họ là bạn rồi nói, “Tôi sắp xoay được một ít bơ. Anh có thích không?”

“Bao nhiêu?”

“Bơ bao nhiêu hay là giá bao nhiêu?”

“Tất nhiên là cả hai.”

“10 ký. 75 mác.”

“Nếu như lần trước, ý anh là anh có 6 ký bơ trộn với 4 ký dầu hỏa, mỡ lợn, nước và thuốc nhuộm vàng. Cái giá này cho 6 ký bơ là quá chất đấy.”

“Vậy thì mua cho tôi 2 thùng sâm panh Pháp đi.”

“1 thùng thôi.”

“1 thùng 10 ký được không?” Webber có vẻ cáu bẳn.

“6 ký, như tôi đã giải thích rồi.”

“18 chai.”

Với cái nhún vai không đồng ý, tay quản lý nói. “Thêm thuốc nhuộm và tôi sẽ đồng ý. Tháng trước, một tá khách hàng quen đã từ chối ăn bơ trắng của anh. Ai trách họ được chứ?”

Sau khi anh ta bỏ đi, Paul uống hết bia rồi lấy một điếu Chesterfield ra khỏi bao. Một lần nữa, gã lấy thuốc dưới gầm bàn để không ai thấy nhãn hiệu Mỹ. Phải mất đến bốn lần quẹt diêm gã mới châm được thuốc, những que diêm rẻ tiền của Câu lạc bộ gậy liên tục.

Webber hất đầu về phía chúng. “Tôi không buôn những thứ ấy, mà là của bạn tôi. Đừng trách tôi.”

Paul hít một hơi dài điếu Chesterfield rồi hỏi, “Tại sao anh giúp tôi, Otto?”

“Dĩ nhiên vì cậu cần mà.”

“Làm việc tốt đúng không?” Paul nhướn một bên mày.

Webber vuốt ve ria mép. “Được rồi, thành thật với nhau nhé. Vào những ngày này, người ta phải nhìn sâu vào những cơ hội, hơn là nhìn vào quá khứ.”

“Và tôi là một cơ hội.”

“Ai biết được, Ngài John Dillinger? Có lẽ là có, có thể là không. Nếu không, vậy thì tôi chẳng mất gì ngoài 1 giờ uống bia với một người bạn mới mà chẳng tốn đồng nào cả. Nếu đúng, vậy thì có lẽ cả hai chúng ta cùng có lời.” Anh ta đứng dậy, bước đến ô cửa sổ nhìn ra ngoài qua bức rèm dày. “Tôi nghĩ đến lúc an toàn để cậu đi rồi... Dù cậu có đang làm gì trong thành phố sôi nổi của chúng ta, có thể tôi chính là người dành cho cậu. Tôi biết nhiều người ở đây, những người giữ những vị trí quan trọng - không, không phải những kẻ ở cấp cao đâu. Ý tôi là những người tốt nhất cần phải biết trong đường dây làm ăn của chúng tôi.”

“Những ai thế?”

“Những con người bé nhỏ, có địa vị. Cậu đã từng nghe một truyện cười, rằng thành phố tại Bavaria đã thay thế viên dự báo thời tiết bằng một viên chức không? Tại sao? Vì các viên chức họ biết rõ hơn bất kỳ ai gió đang thổi hướng nào. Ha ha ha!” Anh ta cười khó nghe. Rồi khuôn mặt lại mang vẻ nghiêm trang và tu hết cốc bia. “Nói thật, tôi đang chết đấp ở đây. Chết vì chán. Tôi nhớ những ngày xưa cũ. Nên hãy để lại một tin nhắn hoặc đến gặp tôi. Tôi thường xuyên ở đây. Trong phòng này hoặc ở quầy bar.” Anh ta viết địa chỉ lên một tờ khăn giấy, rồi đẩy nó về phía trước.

Liếc nhìn mảnh giấy vuông vắn, Paul ghi nhớ địa chỉ rồi đẩy trở lại.

Webber nhìn gã. “Cậu đúng là một người viết bài thể thao hiểu biết, đúng không?”

Họ cùng bước ra cửa. Paul bắt tay anh ta. “Cảm ơn anh, Otto.”

Ra ngoài rồi, Webber nói, “Giờ thì tạm biệt, bạn tôi. Hy vọng được gặp lại cậu.” Rồi anh ta cau có. “Còn về phần tôi ? Một đề nghị về thuốc nhuộm vàng. Ôi chà, cuộc đời tôi sẽ trở thành đúng như thế đấy. Mỡ lợn và thuốc nhuộm vàng.”

Chương 9

Reinhard Ernst, ngồi trong văn phòng rộng rãi của hắn tại Phủ Thủ tướng, một lần nữa xem qua những chữ được viết nguệch ngoạc trên tờ giấy.

Đại tá Ernst:

Ta mong chờ báo cáo của cậu rằng cậu đã đồng ý chuẩn bị Nghiên cứu Waltham. Ta sẽ dành thời gian xem nó vào hôm Thứ Hai.

Adolf Hitler

Hắn tháo gọng kính dây ra, lau sạch rồi đeo lên. Hắn tự hỏi dòng chữ xấu xí này hé lộ điều gì về người viết. Chữ ký cực kỳ đặc biệt. Chữ “Adolf” như một tia chớp hắt xuống, chữ “Hitler” có phần dễ đọc nhưng dốc xuống dưới và lạng sang phải, rất xấu và đáng ngờ.

Ernst xoay ghế, nhìn chăm chăm ra ngoài cửa sổ. Hắn cảm thấy mình giống một tư lệnh quân đội biết rằng kẻ thù đang tới gần, chuẩn bị tấn công, nhưng không biết khi nào mình sẽ bị tấn công, những chiến thuật của mình sẽ là gì, lực lượng của mình mạnh đến đâu và hắn sẽ thiết lập những phòng tuyến tấn công ở nơi nào, vị trí nào sẽ tiến hành tấn công thọc sườn.

Cũng nhận thức được rằng cuộc chiến này sẽ mang tính quyết định, rằng số phận quân đội của hắn - thực sự là số phận của cả quốc gia - đang lâm nguy.

Hắn không phóng đại sự nghiêm trọng của thế tiến thoái lưỡng nan này. Vì Ernst đã biết một vấn đề ở Đức mà vài người khác chỉ cảm nhận được, hoặc hắn sẽ thừa nhận: Rằng Hitler sẽ không còn nắm quyền được lâu nữa.

Những kẻ thù của Lãnh tụ, cả trong và ngoài nước, là vô số. Y là Caesar, là Macbeth và cũng là Richard. Khi sự giận dữ của y bộc lộ ra, y sẽ bị hất

cảng, bị giết hoặc thậm chí chết trong chính tay mình (những cơn thịnh nộ của y thất thường đến ngạc nhiên), và những kẻ khác sẽ chìm trong sự vô nghĩa mê mông đến sau cái chết của y. Và cả Göring cũng vậy, sự tham lam của cả linh hồn và thể xác hẳn sẽ là bước chân dẫn hẳn xuống địa ngục. Với việc hai Lãnh tụ cùng biến mất (còn Goebbels đang héo hon khi đánh mất đi tình yêu của lão, Hitler), Chủ nghĩa Phát xít sẽ chết dần. Và một chính khách Phổ theo đường lối ôn hòa sẽ xuất hiện - một tên Bismarck mới, có lẽ là hồng hách, nhưng là một chính khách biết điều và tuyệt vời.

Và Ernst thậm chí có thể góp sức vào sự chuyển biến đó. Vì ngoài đạn và bom, mối đe dọa duy nhất đối với Adolf Hitler, và Đảng chính là quân đội Đức.

Tháng 06 năm 1934, Hitler cùng Göring đã giết hại hoặc bắt bớ khá nhiều lãnh đạo lực lượng Xung Kích trong một thời kỳ được gọi tên là Tuần Lễ Thảm Sát. Cuộc thanh trừng được cho là tất yếu, phần lớn nhằm mục đích đổ dành quân đội chính quy, đã khiến lực lượng dân quân Áo Nâu đông đảo ghen tị. Hitler đã đánh giá một bên là lũ sát nhân và một bên là quân đội Đức - những người kế thừa trực tiếp các đạo quân lớn của gia đình hoàng tộc thống trị nước Phổ từ thế kỷ thứ XIX - và y không mất một giây nào để chọn bên. Sau khi Tổng thống Hindenburg qua đời được hai tháng, Hitler đã tiến thêm hai bước nhằm củng cố vị thế của mình. Thứ nhất, y tự tuyên bố rằng mình là Lãnh tụ toàn quyền của quốc gia. Thứ hai - còn quan trọng hơn nhiều - y yêu cầu các lực lượng vũ trang của Đức cam kết tuyên thệ cá nhân trung thành với y.

Sử gia De Tocqueville đã cho rằng sẽ chẳng bao giờ có cuộc cách mạng tại Đức, vì cảnh sát sẽ không cho phép điều đó. Không, Hitler không quan tâm đến một cuộc nổi dậy đặc biệt, mối lo sợ duy nhất của y đó là quân đội.

Và đó là một đội quân được khai sáng mà Ernst đã dâng hiến cả cuộc đời hẳn, kể từ Thế Chiến thứ I. Một đội quân sẽ bảo vệ nước Đức và các công dân của nó khỏi tất cả những mối đe dọa, về cơ bản, có lẽ là bảo vệ nó khỏi chính Hitler.

Thế nhưng hẳn tự nhủ, Hitler vẫn chưa mất hết quyền lực và Ernst không thể cho phép mình không thêm chú ý đến tác giả mảnh giấy này. Mảnh giấy

đang gây rắc rối cho hắn như tiếng âm âm xa xa của chiếc xe bọc thép đang đến gần xuyên màn đêm.

Đại tá Ernst: Ta đợi chờ báo cáo...

Hắn đã hy vọng rằng cái trò chọc phá ngầm Göring khởi xướng rồi sẽ phai nhạt. Nhưng mảnh giấy phơi luya này cho thấy điều ngược lại. Hắn đã hiểu rằng mình phải hành động thật nhanh để chuẩn bị và đẩy lùi cuộc tấn công.

Sau một lúc lưỡng lự khó khăn, viên đại tá đã hạ quyết tâm. Hắn bỏ tọt lá thư vào túi, đứng dậy khỏi bàn rồi rời khỏi văn phòng. Hắn dặn thư ký rằng mình sẽ quay lại trong vòng nửa tiếng.

Đi xuống một sảnh, rồi một sảnh nữa, bước qua công trình xây dựng đầu đầu cũng thấy trong tòa nhà cũ kỹ, đầy bụi. Các công nhân thậm chí bận rộn cả vào ngày cuối tuần, có mặt ở khắp nơi. Tòa nhà là phép ẩn dụ cho một nước Đức mới - một quốc gia đang vươn mình trỗi dậy từ đống tro tàn của Versailles, đang được tái thiết theo triết lý thường xuyên được nhắc lại, đó là “nâng cấp” mỗi công dân, mỗi thể chế trong nước cho tương xứng với Chủ nghĩa Phát xít.

Xuống một tiền sảnh khác, dưới bức chân dung nghiêm nghị của Lãnh tụ nghiêng ba phần tư, đang hơi nhìn lên trên như thể ngắm nhìn hình ảnh đất nước của y.

Ernst bước ra ngoài đón cơn gió khô nóng dưới mặt trời buổi chiều bóng râm.

“Chào Đại tá.”

Ernst gật đầu với hai tên bảo vệ được vũ trang hai khẩu Mauser nòng ngắn lưỡi lê. Hắn thấy vui khi họ chào hắn. Theo quy tắc thông thường, bất kỳ ai làm việc gần hàng ngũ nội các sẽ được gọi bằng chức danh đầy đủ. Tuy nhiên “Ngài Đại Diện Toàn Quyền” là một chức danh dài dòng đến nực cười.

Xuống phố Wilhelm, qua phố Voss rồi phố Prince Albrecht, liếc mắt sang bên phải - Trụ sở Gestapo số 8 trong một khách sạn cũ và một trường dạy nghề thủ công. Tiếp tục đi về phía Nam tới quán cà phê quen thuộc,

hắn gọi một tách cà phê. Hắn chỉ ngồi đó một lúc rồi đi xuống một quầy điện thoại. Hắn gọi một số, bỏ vài xu vào khe và được nối máy.

Giọng một phụ nữ trả lời hắn. “Chúc một ngày tốt lành.”

“Xin hỏi có phải Dame Keitel không?”

“Không, thưa ngài. Tôi là quản gia.”

“Giáo sư, tiến sĩ Keitel có nhà không? Reinhard Ernst đây.”

“Xin đợi một lát.”

Một lúc sau, giọng mềm mại của một người đàn ông vang lên trên đường dây. “Chúc một ngày tốt lành, Đại tá. Dù là một ngày nóng.”

“Đúng vậy, Ludwig... Chúng ta cần gặp nhau. Hôm nay. Có vấn đề khẩn cấp về nghiên cứu. Ông có thể sẵn sàng được không?”

“Khẩn cấp à?”

“Cực kỳ khẩn cấp. Ông đến văn phòng tôi được không? Tôi đang chờ trả lời về vài vấn đề từ phía Anh. Tôi phải về đây. Bốn giờ chiều tiện cho ông không?”

“Vâng, dĩ nhiên rồi.”

Họ gác máy, Ernst quay về văn phòng.

Tới quầy điện thoại không bị bọn thuộc hạ Göring nghe lén là điều đơn giản, một trong những phương pháp buồn cười hắn cần để giải quyết vấn đề. Mà đã chứng kiến cuộc chiến từ bên trong và từ bên ngoài, hắn nghĩ. Chiến trường thật khủng khiếp, đúng, khủng khiếp đến không thể tưởng tượng nổi. Nhưng khi so sánh với một cuộc đánh lộn khi các kẻ thù ở bên cạnh, chứ không phải đối mặt với bạn, cuộc chiến này còn thuần khiết hơn, trong sạch hơn và thậm chí siêu nhiên hơn nhiều.

Trong chuyến đi 15 phút từ khu thương mại Berlin đến làng Thế vận hội, dọc theo một xa lộ rộng, mềm mại đến hoàn hảo, tay tài xế taxi vui vẻ huýt sáo, kể cho Paul Schumann nghe rằng anh ta đang mong có nhiều cuộc xe trả hậu thế này trong kỳ Thế vận hội.

Anh ta bỗng nhiên im bật khi tiếng nhạc cổ điển buồn tẻ nào đó phát ra từ radio, mỗi chiếc xe Opel được trang bị hai cái đài: một để điều phối tài xế và một phát các bài tuyên truyền. “Beethoven,” tài xế nhận xét. “Nó thay thế tất cả các đài phát thanh chính thức. Chúng ta sẽ lắng nghe.” Một lúc sau, tiếng nhạc bé dần và một giọng khàn, truyền cảm bắt đầu nói.

“Ngay từ đầu, một điều không thể chấp nhận được đó là xem câu hỏi về bệnh nhiễm trùng là phù phiếm. Mà phải hiểu rằng sức khỏe tốt sẽ phụ thuộc vào việc tìm ra cách điều trị không phải chỉ các triệu chứng của bệnh, mà còn là nguồn gốc căn bệnh nữa. Hãy nhìn những vũng nước ô nhiễm của một ao tù, một nơi sinh sôi nảy nở các vi sinh vật. Nhưng một con sông chảy xiết mang lại khí hậu không có lợi cho chúng. Chiến dịch của chúng ta là sẽ tiếp tục định vị, tát cạn những ao tù này, qua đó hủy diệt môi trường sinh trưởng của vi sinh vật, ruồi và muỗi. Hơn thế nữa...”

Paul nghe một lúc lâu nữa, tuy nhiên những lần nhắc lại lan man làm gã phát chán. Gã vặn nhỏ cái âm thanh vô nghĩa này, ngắm nhìn khung cảnh chìm đắm trong ánh mặt trời, những quán trọ khi vùng ngoại ô xinh đẹp phía Tây thành phố nhường chỗ cho các khu thưa dân hơn. Tài xế rẽ khỏi Xa lộ Hamburg, tấp vào bên ngoài lối đi chính của làng Thế vận hội. Paul thanh toán, tay tài xế nhướn một bên mày cảm ơn gã nhưng không nói gì, vẫn chú tâm lắng nghe những câu nói phát ra từ radio. Gã định bảo tài xế đợi mình, nhưng gã quyết định sẽ thông minh hơn khi tìm người khác đưa gã quay về thành phố.

Ngôi làng nóng nực dưới ánh mặt trời chiều. Cơn gió có mùi mặn mòi như gió đại dương, nhưng khô như phèn và có mang theo hạt mịn. Paul trình thẻ ra vào rồi tiếp tục đi xuống vỉa hè được lát gạch hoàn mỹ, đi qua những hàng cây hẹp cách nhau rất vừa phải mọc thẳng lên từ các bề mặt tròn của lớp phủ cây trồng trong đám cỏ xanh đẹp hoàn hảo. Cờ Đức bay phấp phật trong cơn gió nóng: màu đỏ, trắng và đen.

Ái chà, anh biết rồi còn hỏi...

Tại các phòng ngủ tập thể của đoàn Mỹ, gã đi vòng qua khu tiếp tân có một tên lính Đức đang đứng, lên vào phòng mình qua cửa sau. Gã thay

quần áo, vùi chiếc áo khoác xanh vào cái rổ đựng đầy quần áo bẩn, chẳng có cổng rãnh nào tiện lợi quanh đây.

Gã mặc lên người chiếc áo thun quần vợt bằng vải flannel màu kem và áo len dài tay đan xoắn sáng màu. Gã chải tóc theo kiểu khác - ngả về một bên. Lớp trang điểm đã phai hết, nhưng lúc này gã chẳng thể làm gì được nữa. Khi bước ra ngoài cùng chiếc va li và ba lô, gã nghe thấy một giọng gọi mình.

“Chào, Paul.”

Ngước mắt lên, gã thấy Jesse Owens, mặc quần áo thể hình đang quay về phòng ngủ tập thể. Owens hỏi, “Anh đang làm gì thế?”

“Đang muốn vào thành phố. Làm mấy việc.”

“Không, Paul. Chúng tôi đang hy vọng anh ở lại. Anh đã bỏ lỡ một buổi lễ tuyệt vời đêm qua. Anh phải xem đồ ăn họ bày ra đấy. Tuyệt phẩm.”

“Tôi biết lễ lớn lắm nhưng phải bỏ thôi. Tôi đang làm vài cuộc phỏng vấn trong thành phố.”

Owens bước đến gần hơn, hất đầu về phía vết xước, vết bầm trên mặt Paul. Đôi mắt sắc sảo của tay vận động viên điền kinh nhìn xuống những khớp tay của gã, bị trầy và đỏ rục do trận đánh nhau.

“Hy vọng các cuộc phỏng vấn còn lại của anh sẽ tốt đẹp hơn cuộc phỏng vấn sáng nay. Có vẻ làm người viết tin bài thể thao tại Berlin nguy hiểm phết.”

“Tôi bôi thuốc rồi. Không có gì nghiêm trọng đâu.”

“Có thể với anh thì thế,” Owen đáp đầy thích thú. “Thế còn thằng cha bị anh cho đo ván thì sao?”

Paul không thể ngăn mình mỉm cười. Tay vận động viên điền kinh chỉ là một đứa nhóc. Nhưng có điều gì đó từng trải ở cậu ta. Có thể việc lớn lên là một người da đen ở miền Nam và vùng Midwest khiến bạn trưởng thành sớm. Cũng tương tự như việc ép mình trải qua hết năm học trong thời gian chịu đựng Đại Suy Thoái.

Như việc vô tình dẫn thân vào công việc của riêng gã làm Paul thay đổi. Làm gã thay đổi thật nhanh.

“Chính xác thì anh đang làm gì ở đây thế, Paul?” tay vận động viên điền kinh thì thầm.

“Chỉ làm việc của tôi thôi,” gã chậm rãi đáp. “Chỉ đang làm việc của tôi thôi. À này, còn thông tin về Stoller và Glickman sao rồi? Hy vọng họ không bị loại.”

“Không, họ vẫn nằm trong kế hoạch,” Owens nhú mào đáp, “tuy nhiên những lời đồn đại nghe chẳng tốt lành gì.”

“Hi vọng may mắn đến với họ. Cả cho cậu nữa, Jesse. Mang về nhà huy chương vàng.”

“Chúng tôi sẽ cố gắng hết sức. Gặp lại anh sau nhé?”

“Có thể.”

Paul bắt tay cậu ta rồi đi đến lối ra khỏi làng, nơi một hàng taxi đang đỗ.

“Chào, Paul.”

Gã quay lại thấy người đàn ông béo nhất thế giới đang chào gã, trên mặt anh ta nở nụ cười rộng ngoác.

Cuộc thăm vấn những người bán hàng, người ngồi trên ghế dài dọc phố Rosenthaler chẳng mang lại kết quả gì (cho dù Janssen khẳng định rằng mình học được mấy câu chữ thề mới, khi một người bán hoa phát hiện ra cậu đang quấy rối mục ta, không phải để mua hoa mà là thăm vấn). Đã có một vụ bắn súng cách không quá xa. Kohl có biết, nhưng đó là vấn đề của SS - có lẽ là “vấn đề an ninh nhỏ” thậm trọng đáng ghen tị của chúng - và sẽ không ai trong số đám lính ưu tú này hé răng nói gì với Cảnh sát.

Tuy nhiên, khi hai người quay về trụ sở, họ phát hiện ra đã có điều kỳ diệu. Những bức ảnh chụp nạn nhân cùng các dấu vân tay từ ngõ Dresden đã có trên mặt bàn của Willi Kohl.

“Nhìn đây này, Janssen,” Kohl nói, chỉ tay vào các bức ảnh bóng loáng, được sắp xếp cẩn thận trong một túi hồ sơ.

Ông ngồi xuống cái bàn sứ sọ trong văn phòng mình tại tòa nhà Alex, tòa nhà Cảnh sát cổ xưa, rộng lớn bị nhại theo tên của khách sạn bao quanh và quảng trường nhộn nhịp nơi tòa nhà được xây: Alexander Plaza. Có vẻ toàn bộ các công trình nhà nước đều được tân trang lại, ngoại trừ tòa nhà này. Cảnh sát hình sự đã làm việc bên trong tòa nhà bản thiêu ấy suốt mấy năm nay. Tuy nhiên, Kohl không bận tâm đến chuyện đó. Vì tòa nhà nằm cách khá xa phố Wilhelm, ít nhất trao cho cảnh sát một chút quyền tự trị thực tế, cho dù giờ đây về mặt hành chính điều này không tồn tại nữa.

Kohl cũng may mắn có được văn phòng riêng, một căn phòng rộng 4 X 6m gồm một bàn làm việc, một bàn nước và ba cái ghế. Trên mặt bàn bằng gỗ sồi là hàng nghìn tờ giấy, một gạt tàn, một giá để tẩu thuốc và mười hai bức ảnh viền khung của vợ con và bố mẹ ông.

Ông vươn người về phía trước trên chiếc ghế gỗ kê cốt kêt, xem xét các bức ảnh hiện trường tội phạm và các bức ảnh chụp dấu vân tay. “Đúng là cậu có tài đấy, Janssen. Mấy bức này chụp đẹp lắm.”

“Cảm ơn sếp.” Cậu thanh niên nhìn xuống mấy tấm ảnh, gạt đầu.

Kohl quan tâm chặt chẽ đến cậu ta. Bản thân ông thanh tra thăng tiến qua các cấp bậc cảnh sát theo cách truyền thống. Là con trai một nông dân Phổ, những cuốn truyện trẻ em về thành phố Berlin và nghề cảnh sát đọc khi trưởng thành đã cuốn hút chàng trai Willi trẻ trung. Khi mười tám tuổi, ông đến thành phố và nhận công việc của một sĩ quan Cảnh sát Đô thị mặc thường phục. Ông trải qua khóa huấn luyện cơ bản tại Học viện Cảnh sát Berlin danh tiếng. Sau đó, ông được thăng chức hạ sĩ rồi trung sĩ, song song với đó là tốt nghiệp Đại học. Sau khi lấy vợ và có hai đứa con, ông đổ vào Trường Sĩ quan của Học viện và gia nhập Lực lượng Cảnh sát Hình sự. Qua nhiều năm, ông từ một trợ lý thanh tra thành thanh tra cao cấp.

Ngược lại, chàng trai được đỡ đầu của ông lại đi trên con đường khác hẳn, con đường ngày nay đã trở nên phổ biến. Janssen tốt nghiệp một trường đại học nổi tiếng vài năm trước, vượt qua đợt thi xét năng lực về hệ thống luật pháp, sau khi theo học tại Học viện cảnh sát, cậu ta được nhận vào làm thanh tra học việc khi tuổi đời còn rất trẻ, trở thành phụ tá cho Kohl.

Thông thường rất khó loại một ứng viên. Janssen lại là người kín đáo, dè dặt. Cậu ta kết hôn với một cô nàng tóc đen, có thân hình rắn chắc đang mang thai đứa con thứ hai. Lần duy nhất Janssen tỏ ra nhiệt tình là khi cậu ta nói về gia đình mình, hoặc về niềm đam mê đi xe đạp và đi bộ đường dài. Đến khi tất cả cảnh sát phải làm thêm giờ vì Thế vận hội đang đến gần, các thanh tra chỉ làm việc có nửa ngày vào các ngày thứ Tư, Janssen sẽ thường vào nhà vệ sinh của sở Cảnh sát, mặc quần soóc đi bộ dài ngày, rồi lên đường cùng anh trai hoặc vợ.

Nhưng dù ông có bực mình chuyện gì đi nữa, thì cậu ta vẫn là một người thông minh, có tham vọng mà Kohl đã may mắn có được. Hơn vài năm qua, Cảnh sát Hình sự luôn bị chảy máu các sĩ quan có tài gia nhập Gestapo, với chế độ lương lậu và cơ hội tốt hơn nhiều. Khi Hitler lên nắm quyền, số lượng các thanh tra Cảnh sát trong nước là mười hai ngàn người. Bây giờ, con số ấy giảm xuống còn tám ngàn. Và trong số này, phần nhiều là các cựu điều tra viên Gestapo chuyển sang làm cho Cảnh sát, đổi lại các sĩ quan trẻ được chuyển sang Gestapo. Nói thật, chúng chỉ toàn là những kẻ say rượu và không có năng lực.

Điện thoại đổ chuông, ông nhắc máy. “Kohl nghe đây.”

“Thanh tra, Schreiber đây, viên thư ký ông đã nói chuyện hôm nay. Hail Hitler.”

“Vâng, vâng, chào cậu.” Trên đường quay về tòa nhà Alex từ Khu Vườn Mùa Hạ, Kohl cùng Janssen đã ghé lại cửa hàng bán đồ kim chỉ tại Tietz, cửa hàng bách hóa lớn chiếm cứ phía Bắc quảng trường Alexander Plaza, gần trụ sở Cảnh sát. Kohl đã cho tay thư ký xem ảnh chiếc mũ của Göring và hỏi đây là loại mũ gì. Anh ta không biết nhưng đã nói sẽ tìm hiểu sau.

“Có may mắn nào không?” Kohl hỏi anh ta.

“À, có, có. Tôi tìm ra câu trả lời rồi. Đó là mũ Stetson. Sản xuất tại Mỹ. Như sếp biết đấy, Bộ trưởng Goring cho thấy ông ta là người sành sỏi nhất.”

Kohl không bình luận về điều này. “Ở đây chúng có phổ biến không?”

“Không, thưa sếp. Hàng hiếm đấy. Đắt cắt cổ, như ông có thể hình dung.”

“Tôi có thể mua nó ở đâu tại Berlin?”

“Sếp à, nói thật tôi không biết. Tôi nghe nói ngài Bộ trưởng đã gửi đơn hàng đặc biệt từ London.”

Kohl cảm ơn anh ta, gác máy rồi nói lại với Janssen những gì ông biết.

“Thế thì có lẽ hẳn ta là người Mỹ,” Janssen nói. “Mà có lẽ là không. Vì Göring cũng đội loại mũ đó.”

“Một mảnh nhỏ của câu đố, Janssen. Nhưng cậu sẽ thấy rằng, nhiều mảnh nhỏ thường mang lại một hình ảnh tội ác rõ nét hơn một mảnh to đấy.” Ông rút những phong bì đựng bằng chứng màu nâu ra khỏi túi áo, lựa chọn phong bì có chứa viên đạn.

Cảnh sát có phòng thí nghiệm pháp y riêng từ thời cảnh sát Phổ còn là lực lượng thi hành luật pháp chính trong nước (nếu không muốn nói là trên thế giới, trong thời Cộng hòa Weimar, Cảnh sát đã đóng 97% các vụ án mạng tại Berlin.) Nhưng các phòng thí nghiệm cũng bị Gestapo càn quét cả về thiết bị lẫn nhân sự, các công nhân kỹ thuật tại trụ sở đều bị quấy nhiễu, họ tỏ ra kém kinh nghiệm hơn nhiều so với trước kia. Do đó, Willi Kohl đã tự biến mình thành chuyên gia trong các lĩnh vực khoa học hình sự nhất định. Bất chấp bản thân ông không quan tâm lắm đến các loại súng cầm tay, Kohl đã nghiên cứu rất kỹ lưỡng đạn đạo học, cách tiếp cận của ông mô phỏng theo phòng thí nghiệm vũ khí cầm tay tốt nhất thế giới - tại Cục Điều tra Liên bang Mỹ của J. Edgar Hoover ở Washington, D.C.

Ông lắc viên đạn rơi xuống một mảnh giấy sạch.

Đeo lên chiếc kính một mắt, ông lấy cặp nhíp rồi xem xét viên đạn thật kỹ. “Mắt cậu tốt hơn mắt tôi,” ông nói. “Cậu nhìn đi.”

Tay thanh tra học việc thận trọng cầm lấy viên đạn và chiếc kính một mắt, trong khi Kohl rút ra một bì đựng hồ sơ từ trên giá sách. Hồ sơ bao gồm các bức ảnh và phác thảo đạn đạo các loại. Hồ sơ rất dày, đến vài trăm trang, tuy nhiên thanh tra đã sắp xếp có hệ thống phân chia theo cỡ đạn và số lượng những đường khía nổi, khía chìm của rãnh xoắn - những gạch sọc do đường rãnh xẻ trong nòng súng đề lên viên đạn chì - và liệu chúng bị xoắn sang trái hay sang phải. Chỉ năm phút sau, Janssen đã tìm thấy một sự trùng khớp.

“Ái chà, có tin tốt đấy,” Kohl nói.

“Tốt thế nào?”

“Kẻ sát nhân của chúng ta đã sử dụng một loại vũ khí khác thường. Nhìn này. Đây là một viên Largo 9mm. Nhiều khả năng nhất là được bắn ra từ khẩu Star Modelo A của Tây Ban Nha. Tốt cho chúng ta vì nó là hàng hiếm. Như cậu đã chỉ ra, nó hoặc là súng mới hoặc là súng đã bắn chút ít. Chúng ta hãy hy vọng ở về đầu. Janssen, bây giờ cậu viết cho tôi mấy chữ: Gửi một bức điện sang tất cả các đồn cảnh sát trong khu này. Nhắc họ điều tra các cửa hàng bán súng, hỏi xem có bán loại súng Star Modelo A mới, hoặc đã bắn một ít, trong mười hai tháng trước không, hoặc có bán loại đạn nào cho súng đó hay không. Mà không, ghi là trong vòng năm ngoái đi. Tôi muốn có tên và địa chỉ của tất cả những người mua hàng.”

“Rõ, thưa sếp.”

Cậu thanh ứa học việc trẻ tuổi ghi lại thông tin, định bước vào trong phòng Truyền tin.

“Chờ đã, trong tin nhắn thêm dòng tái bút mô tả nghi phạm của chúng ta. Rằng hắn có vũ khí.” Thanh tra thu lại các bức ảnh vân tay nghi phạm và tấm thẻ dính mực từ ngón tay nạn nhân. Thở dài, ông nói, “Còn giờ tôi phải cố gắng làm công tác ngoại giao. Khi thật, sao tôi ghét nó thế.”

Chương 10

“Tôi xin lỗi, Thanh tra Kohl, bộ phận bận rồi ạ!”

“Bận hết à?”

“Vâng, thưa sếp,” người đàn ông hỏi đầu, trông nghiêm nghị mặc bộ đồ chạt khít, cái nút cao trên ngực đáp. “Vài giờ trước, chúng tôi được lệnh ngưng tất cả các cuộc điều tra, lên danh sách mọi người trong hồ sơ có gốc Nga, hoặc nói tiếng Nga đi trình diện.”

Họ đang ở trong phòng của bộ phận xác định danh tính của Cảnh sát Hình sự, nơi tiến hành phân tích dấu vân tay và nhân trắc học.

“Tất cả mọi người ở Berlin à?”

“Vâng. Đang có báo động mà.”

À, lại là vấn đề an ninh, cái vấn đề Krauss cho rằng quan trọng đến mức không thể nói với Cảnh sát.

“Họ tận dụng cả nhân viên khám nghiệm dấu vân tay đi kiểm tra các hồ sơ cá nhân? Kể cả các nhân viên của chúng tôi cũng thế”

Bỏ hết tất cả,” người đàn ông cài cúc trả lời. “Đó là những mệnh lệnh của tôi. Từ trụ sở Cảnh sát Mật vụ.”

Lại là Himmler, Kohl nghĩ. “Xin ông đấy, Gerhard, đây là những vấn đề thiết yếu.” Ông cho anh ta xem những tấm ảnh và thẻ lưu dấu vân tay.

“Những bức ảnh đẹp lắm.” Gerhard xem xét. “Rất rõ.”

“Làm ơn nhờ ba, bốn nhân viên khám nghiệm nó đi. Tôi chỉ cần thể thôi.”

Một tiếng cười the thé nở trên khuôn mặt tay quản lý. “Tôi không thể, Thanh tra. Ba ư? Không thể nào.”

Kohl cảm thấy phẫn nộ. Từ khi là sinh viên du học khoa học hình sự, ông luôn hướng ánh mắt ghen tỵ nhìn sang Mỹ hoặc Anh, nơi nhận dạng pháp y giờ đây chủ yếu được tiến hành bằng phân tích vân tay. Phải, ở đây vân tay được dùng để nhận dạng, nhưng khác với Mỹ, Đức không có hệ thống chính thức phân tích dấu vết, mỗi vùng trong nước một kiểu khác nhau. Một cảnh sát viên tại Westphalia có thể phân tích dấu vết theo cách này, một sĩ quan Cảnh sát tại Berlin lại phân tích theo cách khác. Khi gửi các mẫu đi tới đi lui cũng có thể thu được một nhân dạng, tuy nhiên quá trình này phải mất vài tuần. Kohl từ lâu đã ủng hộ việc chuẩn hóa phân tích dấu vân tay trên toàn quốc, tuy nhiên ông vấp phải sự thờ ơ và phản đối quyết liệt. Ông còn thúc giục cả giám sát của ông nên mua các máy truyền viễn ảnh của Mỹ, những thiết bị tuyệt vời có thể truyền các tấm tranh, ảnh rõ nét, như ảnh chụp vân tay, bằng máy fax qua đường điện thoại chỉ trong vài phút. Tuy nhiên, chúng quá đắt và sếp của ông đã dẹp ngay đề nghị này, thậm chí chẳng buồn xối lại với người đứng đầu các lực lượng cảnh sát.

Cho dù vấn đề nhức nhối đối với Kohl đó là một khi Chủ nghĩa Phát xít lên nắm quyền, dấu vân tay sẽ bị xem là thứ yếu so với hệ thống nhân trắc học của Bertillon đã lỗi thời, áp dụng những số đo cơ thể, đầu và mặt để nhận diện tội phạm. Như hầu hết các thanh tra hiện đại, Kohl phản đối phép phân tích của Bertillon, cho là nó là công kênh, phải, vì cơ cấu cơ thể người ở mỗi người có sự khác biệt rất lớn, nhưng hàng tá số đo chính xác là điều cần thiết để phân loại ai đó. Không như dấu vân tay, tội phạm hiếm khi để lại ấn tượng thể chất tại hiện trường để liên kết cá nhân nào đó với hiện trường tội ác, thông qua việc áp dụng toàn bộ dữ liệu của Bertillon.

Tuy nhiên, các lợi ích của Chủ nghĩa Phát xít trong nhân trắc học không còn nhằm mục đích nhận diện, mà biến thành phương tiện then chốt cho cái gọi là “khoa học” tội phạm học: phân loại tội phạm không dựa trên hành vi, mà chủ yếu dựa vào những đặc trưng thể chất. Hàng trăm mật vụ Gestapo và SS lao động cực khổ trọn thời gian tìm ra mối tương quan giữa kích cỡ mũi hay độ đậm của làn da với khuynh hướng phạm tội. Mục tiêu của

Himmler không chỉ là mang tội phạm ra trước công lý, mà còn nhằm loại trừ tội ác trước khi nó xảy ra.

Đối với Kohl, điều này vừa đáng sợ, vừa ngu xuẩn.

Nghiêng người nhìn căn phòng to lớn với những chiếc bàn dài, chật kín các cảnh sát nam nữ đang cắm mặt vào tài liệu, giờ thì Kohl hiểu rằng nỗ lực ngoại giao ông đã cân nhắc vận dụng trên suốt chặng đường đến đây đã thành công cốc. Cần phải có chiến thuật khác: dối trá. “Rất tốt. Ông cho tôi cái hẹn lúc nào có thể bắt đầu phân tích được. Tôi có chuyện cần phải nói với Krauss. Anh ta giục tôi suốt mấy giờ liền.”

Ngừng một lúc. “Pietr Krauss của chúng ta à?”

“Krauss của Gestapo, đúng đấy. Tôi sẽ nói với anh ta... tôi biết nói với anh ta cái gì đây, hả Gerhard? Sẽ mất của ông một tuần à, hay mười ngày?”

“Có liên quan đến Gestapo à?”

“Krauss và tôi cùng nhau điều tra hiện trường tội ác.” ít nhất thì điều này đúng. Không ít thì nhiều.

“Có lẽ vụ này liên quan đến tình hình an ninh,” người đàn ông đáp, lúc này cảm thấy khó chịu.

“Tôi chắc chắn là thế rồi,” Kohl nói. “Có lẽ chính những dấu vân tay đó là của tên người Nga đang được nói đến.”

Người đàn ông kia không nói gì, xem xét các bức ảnh. Dáng người ông ta gầy như thế sao lại mặc bộ vest rộng thế kia?

“Tôi sẽ gửi các dấu vân tay cho một nhân viên khám nghiệm, có kết quả tôi sẽ gọi cho anh.”

“Bất cứ lúc nào anh làm được tôi đều biết ơn mà,” Kohl nói, suy nghĩ: Ái chà, một nhân viên khám nghiệm? Nhiều khả năng nhất là vô dụng, trừ phi hãn vô tình tìm được sự trùng hợp may mắn nào đó.

Kohl cảm ơn tay nhân viên kỹ thuật rồi quay gót xuống cầu thang. Ông bước vào văn phòng cấp trên của mình, Friedrich Horcher, chánh thanh tra tại Berlin-Potsdam.

Người đàn ông vóc dáng gầy còm với mái tóc xám, hàng ria mép được tẩy bằng sáp ong lún phún. Ông ta đã từng là một điều tra viên giỏi trong quá khứ, đương đầu tốt với những sóng gió chính trị tại Đức. Horcher tỏ

thái độ nước đôi đối với Đảng, ông từng là đảng viên bí mật trong những ngày Lạm phát kinh hoàng, sau đó rời bỏ hăng ngũ do những quan điểm cực đoan của Hitler. Chỉ gần đây ông mới lại vào Đảng, có lẽ là miễn cưỡng, vô tình bị cuốn vào tiến trình biến đổi của đất nước. Hoặc có lẽ vì ông đích thực là một kẻ dễ thay đổi. Kohl không biết trường hợp nào mới đúng.

“Vụ án tiến triển sao rồi YVilli? Vụ ngõ Dresden ấy?”

“Chậm lắm, thưa sếp.” Ông chán nản nói thêm, “Có vẻ như nguồn lực bị trưng dụng hết. Các nguồn lực của chúng ta.”

“Phải, đang có chuyện gì đó. Báo động hay đại loại thế.”

“Đúng vậy.”

“Tôi tự hỏi cậu có nghe ngóng được gì không?” Horcher hỏi.

“Không, chẳng nghe thấy gì.”

“Nhưng chúng ta vẫn đang chịu sức ép. Họ nghĩ rằng thế giới đang theo dõi và một người chết gần Tiergarten có thể làm xấu hình ảnh thành phố chúng ta mãi mãi.” Ở cấp độ của Horcher, mĩa mai là một điều xa xỉ nguy hiểm, Kohl không thể phát hiện điều đó trong giọng nói của ông ta. “Có nghi phạm nào không?”

“Chỉ vài thông tin về vẻ ngoài, vài manh mối nhỏ. Thế thôi.”

Horcher vuốt thẳng mấy tờ giấy trên bàn. “Sẽ rất có ích nếu hung thủ là...”

“... một người nước ngoài?” Kohl nói thêm.

“Chính xác.”

“Chúng tôi sẽ xem xét... Tôi muốn sếp làm cho tôi một việc. Nạn nhân vẫn chưa được nhận diện. Đây là một người khuyết tật. Tôi muốn đăng ảnh lên các tờ The People’s Observer và Journal, xem có ai nhận ra không.”

Horcher phá lên cười. “Một bức ảnh xác chết đăng báo à?”

“Không biết được nạn nhân là ai, sẽ là bất lợi rất lớn trong công tác điều tra.”

“Tôi sẽ đưa vấn đề này lên văn phòng tuyên truyền, xem Bộ trưởng Goebbels phải nói gì. Sẽ phải rõ ràng đối với ông ấy.”

“Cảm ơn sếp.” Kohl quay lưng định bước đi, nhưng ông dừng lại. “Một vấn đề nữa, Chánh Thanh tra. Tôi vẫn đang chờ báo cáo của Gatow. Phải mất một tuần đấy. Tôi đang tự hỏi không biết sếp nhận được chưa.”

“Cái gì ở Gatow thế? Một vụ xả súng à?”

“Hai,” Kohl chỉnh lại. “Hai vụ xả súng.”

Vụ thứ nhất, hai gia đình đang đi picnic bên bờ sông Havel, Tây nam Berlin bị bắn chết, bảy người bao gồm ba trẻ em. Hôm sau xảy ra vụ thảm sát thứ hai: tám người lao động đang sống trong các lều bạt gần Gatow và Charlottenburg, khu ngoại ô biệt lập Tây Berlin.

Viên chỉ huy cảnh sát tại Gatow chưa bao giờ xử lý một vụ thế này, nên một trong số các thuộc cấp của ông ta đã nhờ Cảnh sát Hình sự giúp đỡ. Raul, một sĩ quan trẻ nhiệt tình đã nói chuyện với Kohl và gửi các bức ảnh hiện trường tội ác sang Alex. Willi Kohl, vốn đã chai sạn với những cuộc điều tra án mạng, tuy nhiên cũng bị sốc trước hình ảnh các bà mẹ và lũ trẻ bị xả súng. Cảnh sát có thẩm quyền đối với tất cả các tội ác phi chính trị trên toàn nước Đức, nên Kohl mong muốn đưa các vụ này lên mức ưu tiên hàng đầu.

Tuy nhiên, thẩm quyền pháp lý và việc điều động các nguồn lực là hai vấn đề rất khác nhau, đặc biệt trong những tội ác kiểu này, như Raul đã thông báo cho ông, khi các nạn nhân là những người Do Thái và tương ứng là Ba Lan.

“Chúng ta sẽ để cảnh sát Gatow giải quyết chuyện này,” tuần trước Horcher đã nói với ông như thế.

“Các vụ án mạng ở mức độ này sao?” Kohl hỏi, nhưng lòng cảm thấy bối rối và hoài nghi. Các viên cảnh sát ở ngoại ô và nông thôn chỉ đủ tâm điều tra các vụ tai nạn giao thông và bò bị ăn cắp. Cảnh sát trưởng Gátow, Wilhelm Meyerhoff, là một công chức đần độn, lười nhác đến nỗi không thể tìm được lát bánh mì nướng cho bữa sáng của hãn đâu nếu không ai giúp.

Thế nên Kohl liên tục nài nỉ Horcher, cho đến khi tối thiểu là được phép xem xét báo cáo hiện trường. Ông gọi cho Raul hướng dẫn anh ta các kỹ thuật điều tra cơ bản, đề nghị anh ta thẩm vấn các nhân chứng. Tay cảnh sát

hứa gửi báo cáo lại cho Kohl ngay sau khi được cấp trên phê chuẩn. Kohl đã nhận được ảnh nhưng chỉ có thể thôi.

Lúc này, Horcher nói, “Chưa có tin gì đâu, Willi. Nhưng xin cậu đẩy - người Do Thái và Ba Lan à? Chúng ta còn những ưu tiên khác.”

Kohl trầm tư nói. “Dĩ nhiên, sếp, tôi hiểu mà. Tôi chỉ quan tâm tụi Kosis đừng phản công lại bằng bất kỳ trò gì.”

“Tụi Cộng sản à? Chuyện này liên quan gì đến họ?”

“Tôi không nghĩ ra ý tưởng này cho đến khi xem các bức ảnh. Nhưng tôi nhận ra những vụ thám sát này được thực hiện có tổ chức - và không hề có nỗ lực che đậy. Những vụ giết người rõ mồn một đối với tôi. Gần như là được dàn cảnh vậy.”

Horcher cân nhắc điều này. “Cậu đang nghĩ rằng tụi Cộng sản muốn dàn xếp như thể Gestapo hay SS đứng đằng sau các vụ thám sát? Phải, thông minh đấy, Willi. Những thằng khốn mặt đỏ chắc chắn sẽ hạ mình làm chuyện đó.”

Kohl nói thêm, “Đặc biệt là với Thế vận hội, có phóng viên nước ngoài đến thành phố. Bọn chúng thật là muốn hủy hoại hình ảnh của chúng ta trong mắt thế giới.”

“Tôi sẽ xem xét báo cáo, Willi. Sẽ gọi mấy cuộc. Một suy nghĩ thông minh đấy.”

“Cảm ơn sếp.”

“Giờ thì đi giải quyết vụ ngộ Dresden đi. Nếu sếp cảnh sát của chúng ta muốn một thành phố sạch, chúng ta sẽ cho ông ta một thành phố sạch.”

Kohl quay về văn phòng, nặng nề buông mình xuống ghế, mát xa bàn chân khi nhìn chăm chăm các bức ảnh hai gia đình bị giết. Những gì ông nói với Horcher chẳng có ý nghĩa gì. Dù có chuyện gì xảy ra tại Gatow, đó không phải là âm mưu của Cộng sản. Nhưng Chủ nghĩa Phát xít thèm khát những âm mưu như lợn thềm nước gạo. Đây là những trò chơi phải chơi. Chà, nền giáo dục ông được hưởng kể từ tháng 01 năm 1933 mới hay ho làm sao.

Ông cất lại các bức ảnh vào cặp hồ sơ dán nhãn Gatow/ Charlottenburg rồi đặt sang một bên. Sau đó, ông bỏ các phong bì màu nâu đựng bằng

chứng thu được vào buổi chiều hôm đó vào một cái hộp. Phía trên hộp ông viết Vụ ngộ Dresden. Ông bỏ thêm các bức ảnh chụp dấu vân tay, hiện trường tội ác và nạn nhân vào đó, rồi đặt cái hộp ở vị trí dễ thấy trên bàn làm việc.

Gọi điện cho tay Bác sĩ pháp y, ông muốn hẹn anh ta đi cà phê. Trợ lý bảo rằng một Xác chết Vô Danh Tính A 25-7-36-Q được gửi đến từ ngộ Dresden, nhưng anh ta không biết khi nào nó được khám nghiệm. Có khả năng là ban đêm. Kohl nhăn nhó. Ông đã hy vọng ít nhất thì cái xác đang được xem xét, nếu vẫn chưa xong. Ông gác máy.

Janssen quay lại. “Các bức Điện tín được truyền đến các đồn cảnh sát rồi, thưa sếp. Tôi đã dặn họ là khẩn cấp.”

“Cảm ơn.”

Điện thoại của ông reo vang, ông trả lời cuộc gọi. Lại là Horcher.

“Willi, Bộ trưởng Goebbels nói rằng chúng ta không thể đăng ảnh người chết lên báo. Tôi đã cố thuyết phục ông ấy. Tôi dám nói với anh tôi giỏi thuyết phục nhất. Tôi đã nghĩ mình sẽ làm được. Nhưng cuối cùng thì thất bại rồi.”

“Được rồi, cảm ơn Chánh Thanh tra.” Ông gác máy, chua chát nghĩ: thuyết phục giỏi nhất, hẳn rồi. Ông thậm chí còn nghi ngờ cả cuộc gọi đó.

Kohl bảo tay thanh tra tập sự những gì ông ta đã nói. “Ái chà, sẽ phải vài ngày hoặc vài tuần để pháp y xác định chính xác vân tay chúng ta tìm thấy. Janssen, lấy tấm ảnh chụp nạn nhân... Không, không, tấm kia cơ - tấm nạn nhân ít mang vẻ chết chóc hơn. Mang nó đến phòng in ấn bảo họ in ra năm trăm bản khắc axit. Bảo họ tăng tốc cực đại đi. Nói rằng đó là vấn đề của cả Cảnh sát/Gestapo kết hợp. Chúng ta có thể ít nhất khai thác được Thanh tra Krauss, chính vì hẳn mà chúng ta đến Khu Vườn Mùa Hạ muộn. Phải nói rằng, chuyện đó vẫn còn làm tôi bực mình.”

“Rõ, thưa sếp.”

Mười phút sau, đúng lúc Janssen quay về, điện thoại lại reo vang, Kohl nhắc ống nghe. “Vâng, Kohl đây.”

“Georg Jaeger đây. Anh khỏe không?”

“Georg! Tôi khỏe. Đang làm việc cả ngày thứ Bảy khi mà tôi hy vọng được ở Lust-garten bên gia đình. Nhưng đời là thế đấy. Còn anh?”

“Cũng đang làm việc. Luôn là thế.”

Jaeger đã từng làm trợ lý cho Kohl vài năm trước. Anh ta là một thanh tra rất tài năng, sau khi Đảng lên nắm quyền, anh ta được đề nghị gia nhập Gestapo. nhưng anh ta từ chối. Sự cự tuyệt thẳng thừng này rõ ràng xúc phạm vài vị tai to mặt lớn. Anh ta quay lại với Cảnh sát Trật tự mặc thường phục - một bước lùi đối với một thanh tra Cảnh sát Hình sự. Thế nhưng hóa ra, Jaeger lại tuyệt hảo trong công việc mới, anh ta nhanh chóng nắm quyền phụ trách đồn Cảnh sát Trật tự tại Trung bắc Berlin. Thật mỉa mai, dường như anh ta còn thấy hạnh phúc tại xứ sở bị đày ải ấy hơn là ở Alex, vùng bùn hấp dẫn.

“Tôi gọi với hy vọng có thể giúp anh một chút, Giáo sư.”

Kohl bật cười. Ông nhớ lại đây là cách Jaeger gọi Kohl khi hai người còn làm việc cùng nhau. “Là chuyện gì thế?”

“Chúng tôi vừa nhận được bức điện tín, nội dung về nghi phạm trong vụ án anh đang phụ trách.”

“Đúng rồi, đúng rồi, Georg. Anh có tìm thấy cửa hàng súng nào bán một khẩu Star Modelo A của Tây Ban Nha không? Đã tìm được rồi à?”

“Chưa, nhưng tôi có nghe nói vài tên SA khiêu nại bị ai đó tấn công tại cửa hàng sách trên phố Rosenthaler mới đây. Hẳn ta khớp với mô tả trong điện tín của anh.”

“Ôi trời, Georg, đúng là hữu ích nhất đấy. Anh có thể bảo chúng gặp tôi tại nơi xảy ra vụ tấn công được không?”

“Chúng sẽ không chịu hợp tác đâu, nhưng tôi sẽ liên hệ với mấy thằng ngu này nếu chúng có mặt tại đồn của tôi. Tôi chắc chắn là chúng sẽ đến. Bao giờ gặp?”

“Bây giờ đi. Ngay lập tức.”

“Nhất định rồi, Giáo sư.” Jaeger cung cấp địa chỉ cửa hàng sách trên phố Rosenthaler, rồi hỏi. “Cuộc sống dạo này ở Alex thế nào?”

“Có lẽ chúng ta sẽ để lúc khác chuyện trò, với rượu snap và bia.”

“Phải, dĩ nhiên rồi,” tay tư lệnh Cảnh sát Trật tự ranh mãnh nói. Anh ta chắc đang nghĩ rằng Kohl thấy miễn cưỡng khi thảo luận các vấn đề nhất định trên điện thoại.

Điều này chắc chắn đúng. Cho dù việc Kohl kết thúc cuộc gọi chẳng gì khác ngoài việc ông cảm thấy cực kỳ nóng ruột đi tìm tên đội mũ giống Göring.

“Chà,” tên Áo Nâu chua chát thì thầm. "Một thanh tra Cảnh sát Hình sự đến giúp chúng tôi? Nghe này, các đồng chí, cảnh này hay ho đấy.”

Tên này phải cao hơn hai mét, giống như nhiều tên Xung kích khác, hoàn toàn đáng tin cậy: Từ việc làm theo công nhật trước khi hãn gia nhập SA, và từ việc tuần tra không ngừng nghỉ, không suy nghĩ giờ hãn đang làm. Hãn ngồi trên lề đường, cái mũ màu nâu hình hộp thiếc hãn đang cầm rũ xuống trên mấy ngón tay.

Một tên Áo Nâu khác, lùn hơn nhưng chắc nịch, tựa người vào mặt tiền một cửa hàng tạp phẩm nhỏ. Biển hiệu trên cửa sổ ghi chữ Hôm nay không có bơ và thịt cừu. Kế bên là một cửa hàng sách với ô cửa sổ bị đập vỡ. Thủy tinh và những cuốn sách rách nát vung vãi trên vỉa hè. Tên này mặt nhăn nhó khi ôm lấy khuỷu tay đeo băng của hãn. Tên thứ ba ngồi ủ rũ thành một đống. Máu khô còn dính trên mặt trước áo sơ mi.

“Cơn gió nào mang ngài đến đây thế, Thanh tra?” Tên Áo Nâu thứ nhất nói tiếp. “Không phải vì chúng tôi, chắc luôn. Những tên Cộng sản hãn sẽ bắn gục chúng tôi giống như Hót Wessel, trong khi ngài vẫn rung đùi uống cà phê, chén bánh ngọt tại Alexander Plaza.”

Janssen cứng người lại trước những lời sỉ nhục, tuy nhiên cái liếc mắt của Kohl đã ngăn cậu lại. Tay thanh tra nhìn bọn chúng thông cảm. Một cảnh sát hay một quan chức Chính phủ ngang cấp với Kohl có thể sỉ nhục những tên Xung Kích cấp thấp mà chẳng chịu hậu quả gì. Nhưng điều ông cần bây giờ là sự hợp tác của chúng. “À, các quý ông tốt bụng của tôi, chẳng có lý do gì nói những lời như thế. Cảnh sát Hình sự quan tâm đến

cuộc sống của các cậu như của mọi người khác. Làm ơn cho tôi biết về cuộc phục kích.”

“Chà, ông nói đúng, Thanh tra,” tên to lớn hơn nói, gật đầu với từ ngữ được lựa chọn cẩn thận của Kohl. “Đó là một cuộc phục kích. Hẳn xuất hiện từ phía sau, trong khi chúng tôi đang thi hành luật pháp đối với những cuốn sách cấm.”

“Cậu là...?”

“Hugo Felstedt. Tôi chỉ huy các trại lính tại Lâu đài Berlin.”

Kohl biết, đó là một nhà kho ủ rượu bia bỏ hoang. Hơn hai chục tên Xung Kích đã tiếp quản nó. “Lâu đài” có thể được hiểu là “quán trọ.”

“Họ là ai?” Kohl hỏi, hất đầu về phía cửa hàng sách.

“Một cặp đôi. Có vẻ là vợ chồng.”

Kohl cố gắng giữ ánh mắt quan tâm. Ông nhìn quanh. “Họ cũng thoát rồi à?”

“Đúng vậy.”

Tên Xung Kích thứ ba cuối cùng cũng lên tiếng. Cho dù mất răng, hẳn vẫn nói, “Dĩ nhiên, kế hoạch là thế. Hai người đánh lạc hướng chúng tôi, sau đó tên thứ ba đến từ đằng sau. Hẳn đánh chúng tôi bằng một cái gậy.”

“Tôi hiểu. Và hẳn có đội mũ Stetson không? Giống mũ của Bộ trưởng Göring không? Có đeo cà vạt xanh không?”

“Đúng đấy,” tên to lớn hơn tán thành. “Một cà vạt Do Thái, lờ lợt.”

“Các cậu có nhìn thấy mặt hẳn không?”

“Hẳn có cái mũi to và hàm dưới toàn thịt.”

“Lông mày rậm. Và đôi môi bĩu ra.”

“Hẳn ta béo lắm,” Felstedt góp thêm. “Giống trên tờ The stormer tuần trước ý. Ông có coi không? Trông hẳn ta giống hệt tay diễn viên trên trang bìa.”

Đó là tờ tạp chí khiêu dâm, bài Do Thái của Julius Streicher đăng các bài viết thù địch về những tội ác người Do Thái phạm phải, những bài viết vô nghĩa về sự thấp kém đặc trưng chủng tộc của họ. Trên các trang bìa là những bức tranh biếm họa thô tục người Do Thái. Làm xấu hổ ngay cả đối

với những người theo Chủ nghĩa Phát xít, báo được xuất bản chỉ vì Hitler thích thú với báo cỡ nhỏ.

“Thật buồn là tôi không đọc,” Kohl đáp khô khốc. “Và hẳn nói tiếng Đức?”

“Vâng.”

“Hẳn nói có trọng âm không?”

“Một trọng âm Do Thái.”

“Phải, phải, nhưng có lẽ một trọng âm khác. Trọng âm Bavaria? Westphalia hay Saxon chẳng hạn?”

“Có thể.” Một cái gật đầu của tên to béo. “Vâng, tôi nghĩ vậy. Ông biết đấy, hẳn là hẳn sẽ không làm đau chúng tôi được, nếu hẳn chiến đấu như một người đàn ông. Chứ không phải hèn nhát...”

Kohl ngắt lời. “Có thể trọng âm của hẳn xuất phát từ một nước khác?”

Ba tên nhìn nhau. “Chúng tôi không biết, đúng không. Chúng tôi chưa từng rời khỏi Berlin.”

“Có thể là Palestine,” một tên gợi ý. “Có thể là thế đấy.”

“Được rồi, vậy là hẳn tấn công các cậu từ đằng sau bằng gậy.”

“Và bằng cái này nữa.” Tên thứ ba giơ lên một cặp móc đồng.

“Đó là của hẳn à?”

“Không, chúng là của tôi. Hẳn có mang theo cái của hẳn.”

“Phải, phải, tôi hiểu. Hẳn tấn công cậu từ đằng sau. Nhưng tôi thấy chỉ mũi cậu bị chảy máu.”

“Tôi ngã về phía hươc khi hẳn đánh tôi.”

“Và chính xác vụ tấn công xảy ra ở đâu?”

“Đằng kia.” Hẳn chỉ một mảnh vườn nhỏ lấn ra vỉa hè. “Một trong số các đồng chí của chúng tôi đã đi gọi hỗ trợ. Anh ấy quay lại và tên Do Thái hèn nhát đó co giò chạy như thỏ.”

“Lối nào?”

“Kia. Xuống vài con ngõ về phía Đông. Tôi sẽ chỉ cho ông.”

“Đợi chút đã,” Kohl nói. “Hẳn có mang ba lô không?” “Có.”

“Và hẳn có mang theo khi chạy à?”

“Đúng vậy. Hẳn giấu gậy trong đó.”

Kohl hát đầu về phía khu vườn, ông cùng Janssen bước đến đó. “Đúng là vô dụng,” tay trợ lý thì thầm với Kohl. “Bị một tên Do Thái to con tấn công bằng móc đồng và gậy. Và có thể 50 tên Được Lựa Chọn đi ngay sau hẳn ta.”

“Janssen, tôi cảm thấy được rằng số lượng nhân chứng và nghi phạm này giống như khói. Bản thân các từ ngữ thường xuyên vô nghĩa, nhưng chúng có thể dẫn ta đến đầu mối.”

Họ bước vòng quanh khu vườn, xem xét thận trọng.

“Ở đây, thưa sếp” Janssen phấn khích kêu lên. Cậu ta tìm thấy một cuốn sách nhỏ chỉ đường đến Làng Thế vận hội, viết bằng tiếng Anh.

Kohl rất vui sướng. Thật lạ lùng khi du khách người nước ngoài đến vùng lân cận nhạt nhẽo này, rồi vô tình làm mất cuốn sách nhỏ tại đúng nơi xảy ra đánh lộn. Nhiều trang giấy hơi cứng, không có vết bẩn cho thấy nó mới nằm trên cỏ một thời gian ngắn. Ông cầm nó lên bằng khăn tay (đôi khi có thể tìm ra dấu vân tay trên giấy). Cẩn thận mở ra, ông không tìm thấy chữ viết tay trên các trang giấy, không thấy đầu mối nào để nhận dạng người sở hữu nó. Ông gói cuốn sách nhỏ lại bỏ vào túi. Ông gọi những tên lính Xung Kích, “Làm ơn hãy đến đây.”

Ba tên bước đến khu vườn.

“Đứng đó, thành một hàng.” Tay thanh tra chỉ vào một chỗ đất trống.

Chúng xếp thành hàng chính xác, những tên lính Xung Kích đúng là có biệt tài xếp hàng. Kohl xem xét những đôi ủng, so sánh kích cỡ và hình dạng với những vết đế giày trong đất. Ông thấy rằng kẻ tấn công có bàn chân lớn hơn chúng, rằng gót giày của hẳn bị ăn mòn nhiều hơn.

“Tốt.” Quay sang Felstedt, ông nói, “Cho chúng tôi xem cậu đuổi hẳn ở đâu. Hai người còn lại về được rồi.”

Tên có khuôn mặt chảy máu kêu lên, “Thanh tra, khi nào ông tìm được hẳn thì gọi chúng tôi nhé. Ở trại lính chúng tôi có xà lim đấy. Chúng tôi sẽ xử hẳn tại đó.”

“Rồi, rồi, việc đó có lẽ thu xếp được. Và tôi sẽ dành cho các cậu nhiều thời gian kiểm thêm ba người nữa xử lý hẳn.”

Tên lính Xung Kích ngần ngừ, tự hỏi có phải mình bị giễu không. Hắn nhìn chiếc áo sơ mi thấm máu đỏ ối. “Hãy nhìn này. Chà, khi chúng tôi tóm được hắn, chúng tôi sẽ rút cạn máu hắn. Đi thôi nào, đồng chí.”

Hai tên bước xuống vỉa hè.

“Lối này. Hắn chạy theo lối này.” Felstedt dẫn Kohl cùng Janssen vào hai ngõ tiến ra con phố Gormann đông đúc.

“Chúng tôi chắc chắn hắn đi vào một trong những con ngõ khác. Người của chúng tôi đã bịt kín hết đầu ra tất cả các ngõ, nhưng hắn đã biến mất.”

Kohl thăm dò chúng. Vài con ngõ tỏa ra từ các con phố. Một con ngõ trong số này là ngõ cụt, các ngõ khác đâm ra các con phố khác nhau. “Được rồi, thưa ngài, chúng tôi sẽ lo tiếp từ đây.”

Với việc đồng bọn đi hết rồi, Felstedt có vẻ thật thà hơn. Bằng một giọng thấp, hắn nói, “Hắn là một kẻ nguy hiểm, thưa Thanh tra.”

“Và cậu cảm thấy những mô tả của cậu là chính xác?”

Ngập ngừng một lúc, rồi nói: “Một tên Do Thái. Rõ ràng hắn là một tên Do Thái, đúng vậy. Mái tóc quăn như kiểu người Ethiopia, cái mũi Do Thái, đôi mắt Do Thái.” Tên lính Xung Kích phui phui vết dơ trên áo rồi nghênh ngang bước đi.

“Thằng ngu,” Janssen lẩm bẩm, liếc mắt tò mò về phía Kohl, ông nói, “Tôn trọng chút đi.” Viên thanh tra đang nhìn khắp con ngõ, suy tư. “Cho dù bất chấp giọng điệu mù quáng của hắn, tôi tin vào những gì “tên chỉ huy” Felstedt nói với chúng ta. Nghi phạm của chúng ta bị dồn vào chân tường nhưng đã thoát được -thoát khỏi hàng tá lính SA. Chúng ta sẽ xem các thùng rác trong những con ngõ, Janssen.”

“Rõ, thưa sếp. Ông nghĩ hắn vứt lại quần áo hay ba lô để chạy à?”

“Theo logic thì thế.”

Họ cùng kiểm tra từng con ngõ một trong số này, nhìn vào các thùng rác: chẳng có gì ngoài những thùng carton cũ, giấy, hộp thiếc, chai lọ và đồ ăn thối rữa.

Kohl đứng yên một lúc, hai tay đặt lên hông, liếc nhìn xung quanh rồi hỏi, “Ai giặt các áo sơ mi cho cậu, Janssen?”

“Áo sơ mi của tôi?”

“Chúng luôn được giặt là chín chu đến hoàn hảo.”

“Vợ tôi, dĩ nhiên rồi.”

“VẬY thì tôi xin lỗi, cô ấy phải làm sạch và sửa lại cái áo cậu đang mặc rồi.”

“Tại sao cô ấy phải làm thế?”

“VÌ cậu sẽ phải nằm sấp, chui vào rãnh thoát nước kia kìa.”

“Nhưng...”

“Phải, phải, tôi biết. nhưng tôi đã làm thế nhiều lần rồi. Và đến tuổi này, Janssen ạ, thì tôi được miễn đấy. Giờ thì cởi áo vest ra. Lụa đắt tiền lắm. Không cần phải sửa cả nó nữa đâu.”

Cậu thanh niên trao cho Kohl chiếc áo vest màu xanh sẫm. Chiếc áo tuyệt đẹp. Gia đình Janssen khá giả, cậu ta không phải phụ thuộc vào khoản tiền lương thanh tra học việc hàng tháng - đó là điều may mắn xét theo mức đền bù bèo bọt các thanh tra Cảnh sát Hình sự được nhận. Cậu quỳ xuống mặt đường đá cuội, đỡ thân mình bằng một tay, vươn người vào khe hở tối tăm.

Nhưng rốt cuộc, hóa ra chiếc áo sơ mi không bị dơ nhiều lắm. Vì chỉ một lúc sau cậu ta đã gọi với ra. “Ở đây có một thứ, thưa sếp!” Cậu đứng dậy giơ ra một vật thể màu nâu bị vò nhàu. Cái mũ của Göring. Và một phần thưởng: Bên trong là cà vạt, đúng là cà vạt xanh lòe loẹt.

Janssen giải thích rằng chúng đang nằm tựa vào một cái gờ thấp hơn khe cống nửa mét. Cậu khám xét một lần nữa nhưng không tìm thêm được gì.

“Chúng ta có vài câu trả lời rồi, Janssen,” Kohl nói, xem xét bên trong chiếc mũ. Nhãn hiệu của nhà sản xuất có ghi, Stetson Mity-Lite. Một dòng chữ khác được khâu vào bên trong tại cửa hàng. Mũ Nam của Manny, Thành phố New York.

“Bổ sung thêm vào chân dung kẻ sát nhân của chúng ta.” Kohl rút ra chiếc kính một mắt từ trong túi, đeo lên rồi xem xét vài sợi tóc dính trên dải mũ. “Hắn có mái tóc nâu sẫm, chiều dài trung bình, có pha chút sắc đỏ. Không đen hoặc “quăn” chút nào cả. Tóc thẳng. Và không hề có vết kem hoặc tinh dầu tóc.”

Trao cái mũ và cà vạt cho Janssen, Kohl liếm đầu bút chì, ghi những phát hiện mới nhất vào sổ tay rồi đóng lại.

“Giờ đi đâu thưa sếp? Quay về Alex sao?”

“Rồi tôi với cậu làm gì ở đây? Gặm bánh quy và uống cà phê, như mấy đồng chí Xung Kích nghĩ chúng ta làm thế suốt cả ngày à? Hay xem lũ Gestapo tước hết tài nguyên của chúng ta khi chúng vây từng người Nga trong thành phố? Không, tôi nghĩ chúng ta sẽ đi một vòng. Tôi hy vọng chiếc DKW không quá nóng. Lần trước Heidi và tôi có mang trẻ con về nông thôn, nơi chúng tôi ngồi bên ngoài Falken-hagen suốt hai tiếng, chẳng làm quái gì ngoài ngắm bò.”

Chương 11

Chiếc taxi gã bắt từ làng Thế vận hội thả gã xuống tại Lützou Plaza, một quảng trường nhộn nhịp gần một con kênh màu nâu, đọng nước phía Nam Tiergarten.

Paul xuống xe, ngửi thấy mùi nước hôi thối, gã đứng yên một lúc tự định hướng khi chậm rãi nhìn xung quanh. Gã không thấy con mắt soi mói nào đang nhìn trộm mình qua các tờ báo, không có kẻ lén lút nào mặc áo nâu hoặc đồng phục. Gã bắt đầu đi về phía Đông. Đây là một khu dân cư yên tĩnh, với một vài căn nhà đáng yêu và phần nào đó khiêm nhường. Nhớ lại rõ nét những chi thị của Morgan, gã đi theo con kênh một lúc, băng qua kênh rồi rẽ xuống phố Prince Heinrich. Chẳng bao lâu gã đến một con phố yên tĩnh, ngõ Magdeburger, hai bên là những căn nhà bốn hoặc năm tầng khiến gã nhớ đến những khu chung cư trông lạ hơn nhiều ở Tây Manhattan. Gần như tất cả các ngôi nhà đều treo cờ, phần lớn mang màu đỏ, trắng và đen của Chủ nghĩa Phát xít kèm theo những băng rôn có biểu tượng các hình tròn của Thế vận hội. Căn nhà gã muốn tìm, số 26, chỉ treo băng rôn. Gã nhấn chuông cửa. Một lúc sau, gã nghe thấy những tiếng bước chân. Tấm rèm trên cửa sổ bên khê lay động như thể có cơn gió nhẹ bất ngờ. Thế rồi nó ngưng lại. Tiếng kim loại lạnh canh và cửa bật mở.

Paul gật đầu với người phụ nữ đang cảnh giác nhìn ra ngoài. “Chào cô,” gã nói bằng tiếng Đức.

“Anh là Paul Schumann?”

“Đúng vậy.”

Gã đoán cô khoảng tầm cuối ba mươi đầu bốn mươi. Vóc người mảnh mai trong chiếc váy hoa với mép váy, dài quá đầu gối, Marion hẳn sẽ dán nhãn “cực kỳ mất phong cách”, lạc mốt tận hai năm. Cô ta có mái tóc ngắn

vàng sẫm, gợn sóng và không trang điểm giống như hầu hết phụ nữ già đã thấy tại Berlin. Làn da mờ xỉn, đôi mắt nâu mệt mỏi, những dấu hiệu nhợt nhạt này hẳn đòi hỏi vài bữa ăn thịnh soạn và một giấc ngủ đầy. Và thật hiểu kỳ, chính vì những bối rối này khiến người phụ nữ mang nó có vẻ hấp dẫn già hơn bao giờ hết. Không giống những người bạn của Marion - hay như chính bản thân Marion - những cô nàng lúc nào cũng ăn diện ngất trời đến mức bạn không còn biết thực sự họ trông thế nào.

“Tôi là Käthe Richter. Chào mừng đến Berlin.” Cô chìa bàn tay đỏ lựng, xương xẩu ra phía trước, bắt tay già thật chặt. “Tôi không biết khi nào anh mới đến. Ông Morgan đã nói là vào hôm nào đó dịp cuối tuần này. Trong trường hợp nào thì chỗ ăn ở của anh cũng sẵn sàng rồi. Xin mời vào.”

Gã bước vào trong phòng nghỉ, ngửi thấy mùi dầu mỡ từ chai thuốc chống côn trùng, mùi chanh và thoang thoang mùi tử đinh hương, có lẽ là mùi nước hoa của cô. Sau khi đóng lại rồi khóa cửa ra vào, cô nhìn qua cánh cửa sổ bên đã kéo rèm một lần nữa, nhìn khắp con phố một lúc. Sau đó, cô lấy từ tay gã va li cùng chiếc ba lô.

“Không, tôi...”

“Để tôi mang cho,” cô đơn đả nói. “Đi lối này.”

Cô dẫn gã đến cánh cửa trên đường xuống hành lang mờ, dù ban đầu vẫn có các ngọn đèn đất lấp cạnh các ngọn đèn điện mới hơn. Vài bức họa sơn dầu cảnh đồng quê đã phai màu treo trên tường. Käthe mở cửa, ra hiệu cho gã vào trong. Căn hộ rộng rãi, sạch sẽ với đồ nội thất thừa thớt. Cửa trước mở ra lên phòng khách, một phòng ngủ ở phía sau về bên trái, dọc theo bức tường là một căn bếp nhỏ ngăn cách với khu sinh hoạt còn lại bằng một bức bình phong Nhật Bản bản thiêu. Những chiếc bàn được che phủ bằng các bức tượng thú và búp bê nhỏ, sứ mẻ, những chiếc hộp sơn mài và quạt giấy rẻ tiền. Có hai chiếc đèn điện chập chờn. Một chiếc máy hát nằm trong góc phòng kế bên một chiếc radio to có chân đế. Cô bước đến và bật nó lên.

“Phòng hút thuốc nằm ở phía trước tòa nhà. Tôi chắc chắn anh đã quen với phòng hút thuốc chỉ dành cho nam giới, cơ mà ở đây ai cũng dùng được. Tôi khăng khăng đòi thế đấy.”

Nhưng gã cũng chẳng quen ở phòng hút thuốc chút nào. Gã gật đầu.

“Giờ cho tôi biết mấy phòng này anh có thích không nhé. Tôi còn những phòng khác đổi cho anh.”

Liếc nhanh qua căn phòng, gã đáp, “Phòng này hợp với tôi lắm rồi.”

“Anh không muốn xem thêm à? Nhà vệ sinh, đường nước, xem xét khung cảnh?”

Paul đã để ý nơi này nằm ở tầng trệt, các cửa sổ không có chấn song và gã có thể tẩu thoát rất nhanh qua lối cửa sổ phòng ngủ, cửa sổ phòng khách hoặc cửa ra vào tiền sảnh thông sang các căn hộ khác, những phương thức đào tẩu khác. Gã đáp, “Miễn là nước không tràn ra từ con kênh tôi đã đi qua, tôi chắc chắn rằng nơi này ổn. Còn về quang cảnh thì tôi bận lắm, chẳng xem được đâu.”

Các bóng đèn radio đã nóng lên, giọng một người đàn ông lấp đầy căn phòng. Trời ơi! Bài thuyết giảng về sức khỏe vẫn chưa kết thúc, lái nhái thêm về tát cạn các đầm lầy và phun thuốc diệt muỗi. Dù sao thì những cuộc trò chuyện về khía cạnh cuộc sống gia đình của FDR nghe còn dễ chịu. Gã bước đến cái đài rồi chuyển sang kênh âm nhạc. Chẳng có kênh nào, gã bèn tắt đi luôn.

“Cô không phiền, đúng không?”

“Phòng của anh mà, cứ làm những gì anh thích.” Cô bối rối liếc nhìn cái đài câm lặng rồi nói, “Ông Morgan nói rằng anh là người Mỹ. Nhưng tiếng Đức của anh rất tốt.”

“Nhờ bố mẹ và ông bà tôi đấy.” Gã nhận lại chiếc va li rồi bước vào trong phòng ngủ, đặt nó xuống giường. Cái túi lún sâu xuống lớp nệm, gã tự hỏi có phải cái giường được nhồi đầy lông chim không. Bà nội gã từng nói với gã rằng bà có cái giường nhồi lông chim tại Nuremberg trước khi họ nhập cảnh vào New York. Từ hồi còn bé, Paul đã rất vui mừng trước ý nghĩ được ngủ trên lông chim.

Khi gã quay ra phòng khách, Käthe nói, “Tôi phục vụ bữa sáng nhẹ bên kia sảnh từ bảy đến tám giờ sáng. Tối hôm trước cứ cho tôi biết anh muốn được ăn món gì. Và có cà phê vào buổi chiều, tất nhiên. Anh sẽ tìm thấy một bồn rửa trong phòng ngủ. Phòng tắm đi lên sảnh, sẽ phải dùng chung nhưng hiện giờ anh là vị khách duy nhất. Càng gần đến Thế vận hội, nhà

trợ sẽ đông hơn nhiều. Hôm nay, anh là vua của nhà trọ số 26 ngõ Magdeburger. Lâu đài này là của riêng anh đấy.” Cô bước ra cửa. “Bây giờ, tôi sẽ đi phục vụ cà phê chiều.”

“Cô không phải làm vậy đâu. Thực ra tôi...”

“Rồi, rồi, tôi sẽ làm. Tính hết vào giá rồi mà.”

Khi cô bước vào sảnh, Paul vào phòng ngủ, nơi một tá con bọ đen ngòm đang bò lổm ngổm trên sàn. Gã mở va li, đặt cuốn Mein Kampf của Hitler có chứa hộ chiếu giả và mấy đồng rúp lên giá sách. Gã cởi áo len dài tay, xắn tay áo sơ mi quần vợt, rửa tay, rồi lau khô bằng chiếc khăn mặt đã xơ chỉ.

Một lúc sau, Käthe quay lại, trên tay là khay đựng một ấm cà phê bạc in dập nổi, một cái chén và một đĩa nhỏ phía trên phủ chiếc khăn lót ren. Cô đặt khay xuống mặt bàn trước mặt chiếc ghế dài xơ xơ.

“Mời anh ngồi.”

Gã làm theo, kéo hai tay áo xuống. Gã hỏi. “Cô có biết rõ Reggie Morgan không?”

“Không, ông ấy chỉ trả lời một mẫu quảng cáo thuê phòng, rồi trả tiền trước.”

Đây đúng là câu trả lời Paul đang mong chờ. Gã thấy nhẹ nhõm khi biết rằng cô không có liên hệ với Morgan, điều này sẽ biến cô thành nghi phạm. Từ khóe mắt, gã cảm thấy cô liếc nhìn má gã. “Anh bị thương à?”

“Tôi cao lớn mà, lúc nào cũng bị đụng đầu suốt.” Paul đưa tay nhẹ sờ lên mặt như thể đang tự đánh chính mình, để minh họa cho lời nói. Màn diễn kịch câm khiến gã cảm thấy mình thật ngu ngốc, bèn hạ tay xuống.

Cô đứng dậy. “Phiền anh đợi chút.” Vài phút sau, cô quay lại với một chiếc băng y tế đưa cho gã.

“Cảm ơn.”

“Tôi e là không có i-ốt. Tôi tìm rồi.”

Gã bước vào phòng ngủ đứng trước gương phía sau giá rửa mặt, áp mẫu băng lên mặt.

Cô gọi với, “Trần ở đây khá cao đấy. Anh sẽ an toàn.”

“Đây là nhà của cô à?” gã hỏi khi quay lại.

“Không. Nhà này của một người đàn ông hiện đang ở Hà Lan,” Käthe đáp. “Tôi quản lý căn nhà này, đổi lại có chỗ ăn ở.”

“Ông ta có liên hệ với Thế vận hội không?”

“Thế vận hội ư? Không, tại sao?”

“Hầu hết cờ quạt trên phố này là cờ Phát xít - ý tôi là Chủ nghĩa Phát xít. Nhưng ở đây cô lại treo cờ Thế vận hội.”

“Phải, phải.” Cô mỉm cười. “Chúng ta đều có tinh thần Thế vận hội, đúng không?”

Ngữ pháp tiếng Đức của cô ta rất chuẩn và ăn nói lưu loát. Gã chắc rằng trong quá khứ cô ta từng có một sự nghiệp khác và tốt hơn nhiều. Nhưng đôi bàn tay xây xát, những móng tay nứt nẻ và đôi mắt mệt mỏi kia lại kể một câu chuyện về những khó khăn gần đây. Tuy nhiên gã cũng cảm thấy được nguồn năng lượng bên trong cô, một quyết tâm tiếp tục sống đến những thời điểm tốt đẹp hơn. Gã quyết định đây là một phần sự quyến rũ gã đã cảm thấy ở cô.

Cô rót cà phê cho gã. “Lúc này không có đường đâu. Các cửa hàng đều bán hết rồi.”

“Tôi không thích đường.”

“Nhưng tôi có bánh táo nướng tâm đường. Tôi đã hoàn thành nó trước khi hết nhu yếu phẩm.” Cô nhắc chiếc khăn ăn khỏi đĩa, có bốn chiếc bánh nướng nhỏ. “Anh có biết bánh táo nướng tâm đường là gì không?”

“Mẹ tôi có làm bánh này. Vào mỗi ngày Thứ Bảy. Em trai, em gái tôi giúp bà làm bánh. Họ kéo bột, nhào thật mỏng đến mức cô có thể nhìn xuyên qua nó.”

“Đúng, đúng,” cô hăng hái nói, “tôi cũng làm y như thế. Anh không giúp họ kéo bột à?”

“Không, tôi chưa từng làm thế. Tôi không rành chuyện bếp núc.” Gã cắn một miếng bánh rồi nói, “Nhưng tôi đã ăn rất nhiều... Bánh này rất ngon.” Gã hất đầu về phía ấm cà phê. “Cô dùng cà phê chứ? Tôi rót cho cô một ít.”

“Tôi ư?” Cô chớp mắt. “Ôi, không.”

Gã nhấp ngụm cà phê mới pha, nó nhạt thếch. Có lẽ được pha từ bã cà phê dùng rồi.

“Chúng ta sẽ nói theo ngôn ngữ của anh” Käthe tuyên bố. Rồi xô ra một tràng. “Tôi chưa bao giờ đến đất nước của anh, nhưng tôi rất muốn đến.”

Gã chỉ phát hiện được âm “v” nhẹ khi cô ta phát âm từ “w”, âm tiếng Anh khó nói nhất đối với người Đức.

“Tiếng Anh của cô tốt đấy,” Paul nói.

“Ý anh là ‘hay’,” cô buột miệng, mỉm cười bắt được lỗi của gã.

Paul nói, “Không. Tiếng Anh của cô tốt. Cô nói tiếng Anh hay. ‘Tốt’ là một tính từ. ‘Hay’ là một trạng từ - luôn luôn là thế.”

Cô nhú mào. “Để tôi nghĩ xem... Phải, phải, anh nói đúng. Tôi xấu hổ quá. Ông Morgan đã nói anh là một ký giả. Và anh đã tốt nghiệp đại học, hẳn nhiên rồi.”

Hai năm tại một hường Đại học nhỏ ở Brooklyn hước khi gã đăng ký đi lính chiến đấu tại Pháp. Gã chưa từng quay lại để kết thúc việc học hành. Khi quay về nước, đó cũng là lúc cuộc sống trở nên phức tạp, mái trường đại học bị gạt sang bên. Mặc dù trong thực tế, gã cho rằng những gì gã học được từ nghề in và sắp chữ của bố và ông nội tại xưởng in còn nhiều hơn kiến thức trong trường đại học. Nhưng gã không nói điều này với cô.

“Tôi là một giáo viên. Nói cho đúng là từng làm giáo viên. Tôi dạy văn học cho các sinh viên. Cũng như sự khác biệt giữa

‘will’ và ‘shall’ hay ‘may’ và ‘can’. Ôi cả ‘good’ và ‘weir’ nữa. Giờ vẫn còn làm tôi xấu hổ.”

“Văn học Anh à?”

“Không, văn học Đức. Dù tôi yêu rất nhiều tác phẩm văn học Anh.”

Căn phòng chìm trong im lặng một lúc. Paul lấy ra hộ chiếu của gã trong túi rồi trao cho cô.

Cô nhú mào, lật xem tấm hộ chiếu trong tay gã.

“Tôi thực sự là người như tôi nói.”

“Tôi không hiểu.”

“Ngôn ngữ... Cô đã hỏi tôi về chuyện nói tiếng Anh để xem tôi có đúng là người Mỹ không. Hay là một kẻ chỉ điểm của Chủ nghĩa Phát xít. Tôi nói không sai chứ?”

“Tôi...” Đôi mắt nâu của cô nhanh chóng sụp xuống. Cô ta xấu hổ.

“Không sao đâu,” Gã gật đầu. “Xem đi, có ảnh đấy.”

Cô đã định trả lại, nhưng vẫn mở hộ chiếu ra so sánh bức ảnh với khuôn mặt gã. Sau đó mới trả lại cho gã.

“Phải, anh nói đúng. Hy vọng anh tha lỗi cho tôi, anh Schumann.”

“Paul.”

Rồi cô mỉm cười. “Anh chắc phải là một phóng viên thành công nên mới... ‘am hiểu’, có đúng từ không nhỉ?”

“Vâng, đúng từ rồi đấy.”

“Tôi đang nghĩ Đảng không hẳn cán lắm đâu, cũng không đủ giàu đến mức thuê người Mỹ về do thám những thứ dân như tôi. Nên tôi có thể nói với anh rằng tôi chẳng ủng hộ đâu.” Một tiếng thở dài. “Đó là lỗi của tôi. Tôi đã không suy nghĩ. Tôi đang giảng dạy về nhà thơ Goethe cho sinh viên và tôi có nói rằng đơn giản tôi kính trọng sự can đảm của ông ấy, khi ngăn cấm con trai mình chiến đấu trong cuộc chiến giành độc lập của Đức. Bây giờ Chủ nghĩa Hòa bình là một tội ác ở Đức. Tôi bị sa thải vì đã nói thế, tất cả các sách của tôi bị tịch thu hết.” Cô giơ hai tay lên. “Tha lỗi cho tôi. Tôi đang xin anh đây. Anh đã đọc bài thơ nào của Goethe chưa?”

“Tôi không nghĩ vậy.”

“Anh sẽ thích ông ấy cho xem. Thơ ông ấy thật tuyệt vời. Ông ấy dùng từ ngữ dẹt nên những sắc màu. Trong số tất cả các cuốn sách tôi bị cướp đi, chỉ có những cuốn của ông ấy làm tôi tiếc nhất.” Ánh mắt thèm khát của Käthe liếc nhìn đĩa bánh nướng. Cô chưa ăn gì. Paul giơ đĩa bánh về phía cô. Cô từ chối. “Không, không, cảm ơn anh.”

“Nếu cô không ăn miếng nào, tôi sẽ nghĩ rằng cô là đặc vụ Chủ nghĩa Phát xít đang cố đầu độc tôi.”

Cô dò xét món bánh nướng rồi lấy một cái, ăn rất nhanh. Khi Paul cúi xuống để vươn tay lấy cốc cà phê, khoe mắt gã thấy cô dùng đầu ngón tay chấm những mảnh bánh nướng còn sót lại trên mặt bàn đưa lên miệng, nhìn gã chăm chăm để chắc rằng gã không thấy.

Khi gã quay lại, cô nói, “À nhưng bây giờ, cả hai chúng ta đều bất cần, anh và tôi, những cuộc gặp gỡ đầu tiên luôn thế. Điều này nhắc nhở chúng ta phải cảnh giác hơn.” Cô chỉ tay vào chiếc điện thoại. “Luôn luôn tháo

dây ra nhé. Anh phải để ý những thiết bị nghe trộm. Và nếu anh có gọi ai, phải nhớ rằng có một tên tay sai của Chủ nghĩa Phát xít đang lắng nghe cuộc nói chuyện của anh. Điều này đặc biệt đúng đối với bất kỳ cuộc gọi đường dài nào anh gọi từ bưu điện, cho dù tôi nghe nói các cửa hàng điện thoại trên phố này đều tương đối kín đáo.”

“Cảm ơn,” Paul nói. “Nhưng nếu ai đó lắng nghe các cuộc nói chuyện của tôi, chúng sẽ chỉ thấy chán ngắt. Kiểu dân số Berlin là bao nhiêu, lượng bít tết các vận động viên ăn là bao nhiêu, hay một sân vận động xây trong bao lâu. Đại loại thế.”

“Ồi chà,” Käthe dịu dàng nói, đứng dậy định rời đi. “những gì chúng ta đã nói với nhau chiều nay, anh và tôi, nhiều người sẽ nghĩ là chán òm, nhưng lũ Gestapo rất có thể sẽ đến thăm. Có lẽ còn tệ hơn đây.”

Chương 12

Chiếc Auto Union DKW rách nát của Willi Kohl nỗ lực đưa ông đến làng Thế vận hội cách phía Tây thành phố hai mươi ki-lô-mét mà không bị quá nóng, bất chấp ánh mặt trời thiêu đốt khiến cả hai sĩ quan cởi phăng áo khoác - trái ngược với tính cách của cả hai lần những quy định của Cảnh sát Hình sự.

Tuyến đường đưa họ đi qua Charlottenburg và khi tiếp tục đi về phía Tây Nam, nó hẳn sẽ dẫn họ đến Gatow, hai thành phố gần nơi các công nhân Ba Lan, các gia đình Do Thái bị sát hại. Những hình ảnh khủng khiếp của vụ án mạng tiếp tục luẩn quẩn trong hồi ức của Kohl làm bụng ông quặn lên.

Họ đến cổng vào chính của ngôi làng, lúc này đang tấp nập kẻ ra vào. Các vận động viên cùng nhân viên khác đang bước xuống từ những chiếc xe riêng, xe taxi và xe buýt, các thùng thư, hành lý và trang thiết bị được dỡ xuống từ những chiếc xe tải. Hai người mặc lại áo, trình thẻ cho lính gác cổng - thuộc quân đội chính quy - rồi bước vào trong những khu đất rộng rãi, được cắt tỉa gọn gàng. Xung quanh họ, mấy người đàn ông mang những chiếc va li, rương hòm đi dọc vỉa hè. Những người khác mặc quần soóc và áo thun cộc tay thì chạy hoặc tập thể dục.

“Nhìn kìa,” Janssen hăng hái nói, hất đầu về phía một nhóm người Nhật hay người Trung Quốc. Kohl ngạc nhiên thấy họ mặc áo sơ mi trắng, quần dài bằng vải flannel và không... à ông không biết là cái gì. Khố, có lẽ là vậy, hoặc là những áo choàng bằng lụa thô. Gần đó vài cậu thanh niên Trung Đông da sẫm màu bước đi bên nhau, hai người trong số này phá lên cười trước một câu người thứ ba nói. Willi Kohl nhìn chăm chăm như đứa bé học sinh. Chắc chắn ông sẽ thích thú xem Thế vận hội lần này khi khai

mạc vào tuần sau. Ông cũng muốn gặp gỡ mọi người đến từ khắp nơi trên thế giới. Hai nước lớn duy nhất chưa có mặt là Tây Ban Nha và Nga.

Hai cảnh sát đến khu sinh hoạt tập thể của đoàn Mỹ. Trong tòa nhà chính là khu lễ tân. Họ đến gần viên sĩ quan liên lạc người Đức, “Đại úy,” Kohl nói, để ý cấp bậc trên bộ đồng phục anh ta đang mặc. Anh ta đứng dậy ngay lập tức, mỗi lúc một chăm chú hơn khi Kohl tự giới thiệu bản thân cùng người trợ lý. “Hail Hitler. Hai người đến đây thi hành nhiệm vụ à?”

“Đúng vậy.” Ông mô tả nghi phạm rồi hỏi viên sĩ quan đã từng gặp ai như thế chưa.

“Chưa, thưa sếp, nhưng chỉ riêng khu nhà này có đến hàng trăm người. Như sếp có thể thấy, cơ sở này rất rộng lớn.”

Kohl gật đầu. “Tôi cần nói chuyện với ai đó ở cùng đội tuyển Mỹ. Vị quan chức nào đó.”

“Vâng, thưa sếp. Tôi sẽ thu xếp được.”

Năm phút sau, cậu ta quay lại cùng một người đàn ông gầy còm, cao lêu nghêu. Ông ta tự giới thiệu mình bằng tiếng Anh là một trong các huấn luyện viên chính. Ông ta mặc quần trắng và cho dù hôm nay là một ngày nóng nực, ông ta vẫn diện áo gi-lê len đan móc xích mặc ngoài sơ mi trắng. Kohl nhận ra mới mấy phút trước, khu lễ tân còn gần như trống không thì giờ đây một tá vận động viên cùng những người khác đã tràn vào phòng, giả vờ như có việc gì để lậm ở đây. Như ông nhớ từ hồi còn trong quân ngũ, chẳng có gì lan nhanh hơn tin tức giữa những người sống cùng nhà nhau.

Tay sĩ quan Đức sẵn sàng chen vào, nhưng Kohl thích nói chuyện trực tiếp với những người ông đang thẩm vấn bằng thứ tiếng Anh trúc trắc. “Thưa ngài, tôi là thanh tra cảnh sát đang làm việc cho Cảnh sát Hình sự Đức.” Ông trình thẻ cảnh sát.

“Có vấn đề gì không ạ?”

“Chúng tôi vẫn chưa chắc chắn. Nhưng chúng tôi đang cố gắng tìm một người chúng tôi muốn nói chuyện. Có lẽ ông biết anh ta.”

“Đó đúng là một vấn đề nghiêm trọng,” Janssen nói, phát âm tiếng Anh không chệ vào đâu được. Kohl không biết cậu ta nói hay đến vậy.

“Vâng, vâng,” tay thanh tra nói tiếp. “Dường như anh ta có để thất lạc cuốn sách này.” Ông ta giơ lên một quyển sách hướng dẫn, bọc xung quanh bằng khăn tay. “Nó được dành cho những ai tham gia Thế vận hội đúng không?”

“Đúng vậy. Nhưng không chỉ các vận động viên thôi đâu, mà cho tất cả mọi người. Chúng tôi có thể đã cung cấp cho một ngàn người hoặc hơn. Và rất nhiều quốc gia cũng phát hành bản tiếng Anh nữa, ông biết đấy.”

“Vâng, nhưng chúng tôi đã xác định được mũ của anh ta được mua tại New York. Tại New York. Vậy nên nhiều khả năng nhất, anh ta là người Mỹ.”

“Thật sao?” tay huấn luyện viên cảnh giác hỏi. “Mũ của anh ta?”

Kohl nói tiếp. “Chúng tôi tin rằng anh ta trông cao lớn, tóc đỏ, nâu đen.”

“Nâu đen?”

Tức giận vì không biết dùng từ vựng nước ngoài, Kohl liếc nhìn Janssen, cậu ta nói, “Tóc anh ta thẳng, màu nâu sẫm. Có pha hung đỏ.”

“Anh ta mặc áo khoác màu xám tươi, đội mũ này và đeo cà vạt này.” Kohl hất đầu sang Janssen, cậu ta trưng ra bằng chứng từ trong cặp.

Tay huấn luyện viên nhìn chúng chiếu lệ rồi nhún vai. “Có thể sẽ hữu ích hơn nếu ngài kể cho chúng tôi nghe đã xảy ra chuyện gì.”

Kohl lại nghĩ cuộc sống ở đây khác biệt so với Mỹ đến bao nhiêu. Không người Đức nào dám hỏi tại sao một cảnh sát muốn biết điều gì đó.

“Đó là một vấn đề an ninh quốc gia.”

“An ninh quốc gia. À, ừm. À, tôi rất muốn giúp. Chắc chắn tôi sẽ giúp. Nhưng trừ phi ngài nói điều gì đó cụ thể hơn...”

Kohl nhìn xung quanh. “Có lẽ vài người ở đây có thể biết người này.”

Tay huấn luyện viên kêu gọi, “Có ai trong số các cậu biết người mặc những thứ này không?”

Họ đều lắc đầu, hoặc lẩm bẫm “Không” hoặc “Không biết.”

“Có lẽ tôi đang hy vọng ông, ở đây có một... phải rồi, một danh sách những người đi cùng ông tới đây. Và các địa chỉ. Để xem ai đang sống tại New York.”

“Chúng tôi chỉ có danh sách các huấn luyện viên và thành viên đội tuyển thôi. Và ngài đang không đề nghị...”

“Không, không.” Kohl tin rằng hung thủ không nằm trong đội tuyển. Các vận động viên luôn được chú ý, sẽ không có khả năng một trong số họ lén ra khỏi làng mà không ai thấy, ngay trong ngày đầu tiên tại Berlin. Sau đó giết người, đến thăm nhiều nơi khác nhau trong thành phố trong một nhiệm vụ nào đó, rồi trở về mà không làm ai nghi ngờ. “Tôi đang nghi ngờ người này là một phóng viên.”

“Nếu là thế, tôi e rằng mình không thể giúp được nhiều.” Gã huấn luyện viên khoanh tay lại. “Ngài biết không, Sĩ quan, tôi sẽ cá rằng phòng xuất nhập cảnh của ngài có thông tin về địa chỉ của các du khách. Họ theo dõi tất cả mọi người đến và đi khỏi đất nước, đúng không? Tôi nghe nói mấy anh bạn đồng nghiệp Đức của ngài thật sự giỏi việc đó.”

“Đúng, đúng, tôi cân nhắc chuyện đó rồi. Nhưng thật không may, thông tin không cho thấy địa chỉ nhà của họ. Chỉ bao gồm quốc tịch thôi.”

“Ôi, khó khăn nhỉ.”

Kohl khẳng định. “Tôi cũng đang hy vọng điều này: có lẽ một bản kê khai hàng hóa trên tàu, danh sách hành khách trên tàu Manhattan? Nó thường nêu rõ cả địa chỉ.”

“À, đúng rồi. Cái đó thì chắc chắn chúng tôi có. Cho dù chắc ngài nhận ra cũng gần nghìn người trên tàu.”

“Xin ông, tôi hiểu mà. Nhưng dù thế nào tôi sẽ cực kỳ hy vọng sẽ được xem nó.”

“Tất nhiên rồi. Chỉ là... Chắc chắn tôi ghét phải gây khó dễ, Sĩ quan. Nhưng tôi nghĩ rằng trong những sinh hoạt tập thể này... ông biết đấy, tôi nghĩ chúng tôi có vị thế ngoại giao. Có chủ quyền lãnh thổ. Nên tôi nghĩ ông cần phải có lệnh khám xét.”

Kohl nhớ lại lệnh khám xét nhà một nghi phạm, hoặc lệnh giao lại bằng chứng phải được một thẩm phán phê chuẩn. Hiến pháp Weimar, khai sinh ra nước Cộng hòa Đức sau Thế Chiến thứ I có rất nhiều những sự bảo vệ, phần lớn vay mượn từ Hiến pháp Mỹ. (Cho dù nó chỉ gồm một điều luật

thôi, nhưng quan trọng đến mức Hitler vồ lấy ngay lập tức: Tổng thống có quyền hủy bỏ mọi quyền công dân vô thời hạn).

“Ôi, tôi cần phải xem xét vài vấn đề ở đây. Tôi không có lệnh khám xét.”

“Tôi thật sự cảm thấy tốt hơn nếu ngài có.”

“Đây rõ ràng là vấn đề khẩn cấp.”

“Tôi chắc chắn là vậy. Nhưng điều đó có thể tốt hơn cả cho ngài nữa. Chúng tôi chắc chắn không muốn chọc giận ai đó. Về mặt ngoại giao. “Làm ai đó không vui,” ông hiểu ý tôi không?”

“Tôi hiểu ý nghĩa những lời đó.”

“Vậy thì ngài thử bảo sếp của ngài gọi cho Đại sứ quán, hoặc ủy ban Olympic. Sau khi họ tán thành, ngài có thể làm bất cứ điều gì ngài muốn. Tôi sẽ trao danh sách cho ngài trên một cái đĩa bạc.”

“Tán thành. Phải, phải.” Đại sứ quán Mỹ có khả năng sẽ đồng ý, Kohl tự nhủ, nếu ông đưa ra đề nghị thích hợp. Những người Mỹ sẽ không muốn lan truyền câu chuyện rằng, một kẻ sát nhân đã đột nhập vào nước Đức cùng đội tuyển Olympic của họ.

“Rất tốt, thưa ngài,” Kohl lịch thiệp nói. “Có thể tôi sẽ liên hệ với Đại sứ quán và ủy ban Olympic như ngài đề nghị.”

“Tốt. Giờ ngài bảo trọng nhé. À mà, chúc ngài may mắn với Thế vận hội. Những chàng trai của ngài khiến chúng tôi phải vất vả đấy.”

“Tôi sẽ đến tham dự,” Kohl nói. “Tôi mua vé trong hơn một năm cơ mà.”

Họ từ biệt nhau, Kohl cùng tay thanh tra học việc bước ra ngoài. “Chúng ta sẽ gọi cho Horcher từ radio trong xe, Janssen. Ông ta có thể liên hệ với Đại sứ quán Mỹ, tôi chắc chắn. Đây có thể là...” Kohl ngừng lời. Ông vừa phát hiện một mùi hăng hăng. Thứ gì đó rất quen, nhưng lạ lẫm với nơi này. “Có chuyện không ổn.”

“Cái gì...?”

“Lối này. Nhanh lên!” Kohl rảo bước rất nhanh, vòng ra phía sau tòa nhà tập thể chính của đoàn Mỹ. Đó là mùi khói. nhưng không phải khói bếp thường thấy vào mùa hè từ các lò than nướng. Mà là khói bốc lên từ một cái bếp, điều hiếm thấy vào tháng Bảy.

“Từ kia nghĩa là gì, Janssen? Trên tấm biển ấy? Tôi không hiểu tiếng Anh.”

“Nó có nghĩa là Nhà Tắm Vòi sen, Tắm hơi. “

“Không!”

“Có chuyện gì hả sếp?”

Kohl chạy qua cửa vào một khu rộng rãi lát đá. Buồng rửa mặt nằm bên trái, các phòng tắm vòi sen nằm bên phải và một cửa riêng dẫn vào phòng tắm hơi. Kohl chạy đến đúng cánh cửa này, mở tung nó ra. Bên trong có một cái bếp lò, phía trên đặt một cái khay to đựng toàn đá. Gần đó là các xô nước mà người ta có thể múc nước đổ lên các viên đá này tạo ra hơi nước. Hai thanh niên da đen trẻ tuổi mặc bộ đồ tập thể hình bằng cotton màu xanh hải quân đứng cạnh bếp lò, đang lập lòe ánh lửa. Một người đang cúi xuống cửa bếp lò, có khuôn mặt đẹp trai với đường chân tóc cắt cao. Người kia gầy hơn với mái tóc rậm hơn rủ xuống quá trán. Người có gương mặt tròn đứng dậy, đóng cửa bếp lò bằng kim loại. Cậu ta xoay người lại, liếc nhìn tay thanh tra với nụ cười dễ mến.

“Xin chào các cậu,” Kohl nói, một lần nữa dùng thứ tiếng Anh kinh hoàng. “Tôi đang...”

“Chúng tôi nghe thấy rồi. Ông đang làm gì thế, Thanh tra? Người của ông dành cho chúng tôi một nơi tuyệt vời đây. Ý tôi là ngôi làng.”

“Tôi ngửi thấy mùi khói nên lo lắng.”

“Chỉ kêu cho lửa cháy thêm thôi mà.”

“Đối với những cơ bắp đau nhức, không gì bằng hơi nước.” người kia để thêm.

Kohl nhìn chăm chăm qua cánh cửa kính của bếp lò. Bộ giảm xóc mở rộng và những ngọn lửa đang trong cơn cuồng nộ. Ông trông thấy một số mảnh giấy trắng đang cuộn xoáy thành tro bên trong.

“Thưa sếp,” Janssen đột ngột bắt đầu bằng tiếng Đức, “họ là...” Nhưng Kohl ngắt lời cậu ta bằng cái lắc đầu, liếc nhìn người đàn tiên đã nói. “Cậu là...?” Kohl liếc mắt, đôi mắt ông mở to. “Đúng rồi, đúng rồi, cậu là Jesse Owens, vận động viên điền kinh vĩ đại.” Với thứ tiếng Anh trọng âm Đức của Kohl, cái tên này biến thành “Yessa Ovens.”

Anh ta ngạc nhiên chìa ra bàn tay dẫm mồ hôi. Bắt cái nắm tay thật chặt, Kohl liếc nhìn sang tay da đen còn lại.

“Ralph Metcalfe,” tay vận động viên tự giới thiệu. Một cái bắt tay nữa.

“Cậu ấy cũng trong đội tuyển,” Owens nói.

“Vâng, vâng, tôi cũng có nghe nói đến cậu. Cậu đã chiến thắng tại Los Angeles, bang California ở kỳ Thế vận hội trước. Chào mừng cả hai cậu.” Anh lửa lấp lánh trong đôi mắt Kohl. “Các cậu tắm hơi trước khi tập à?”

“Đôi khi là trước, đôi khi là sau,” Owens đáp.

“Ông có thích tắm hơi không, Thanh tra?” Metcalfe hỏi.

“Có, có, thi thoảng. Gần như lúc này tôi ướt dẫm mồ hôi từ đầu tới chân.”

“Bàn chân nhức buốt,” Owens nói, nhăn nhó. “Tôi biết hết tất cả những chuyện đó. Tôi có ý này, sao chúng ta không ra khỏi đây nhỉ, thưa Thanh tra? Ở ngoài kia mát mẻ hơn nhiều.”

Cậu ta để cửa mở cho Kohl và Janssen bước ra. Hai Cảnh sát Hình sự ngập ngừng, rồi đi theo Metcalfe vào một khu cỏ mọc đầy phía sau tòa nhà ở.

“Đất nước của ông đẹp đấy, Thanh tra,” Metcalfe nói.

“Vâng, vâng. Đúng vậy đấy.” Kohl nhìn làn khói bốc lên từ ống khói kim loại trên nóc phòng tắm hơi.

“Hy vọng ông may mắn tìm được anh chàng ông đang tìm,” Owens nói.

“Phải, phải. Tôi đang băn khoăn liệu có ích hay không khi hỏi cậu có quen ai đội mũ Stetson và đeo cà vạt xanh. Anh ta có khổ người cao lớn?”

“Xin lỗi, tôi không biết ai như thế.” Cậu ta liếc mắt sang Metcalfe, cậu này cũng lắc đầu.

Janssen hỏi, “Các anh có biết ai đã đến đây cùng đội tuyển nhưng có lẽ bỏ đi sớm? Tiếp tục đến Berlin hay đâu đó khác?”

Hai thanh niên nhìn nhau. “Không, e là không,” Owens đáp.

“Chắc là tôi cũng không,” Metcalfe nói thêm.

“Chà, thật vinh dự cho tôi được gặp gỡ cả hai người.”

“Cảm ơn ngài.”

“Tôi đã theo dõi sát sao tin tức những cuộc thi chạy của hai người, có phải ở bang Michigan không nhỉ? Những trận đấu năm ngoái đúng không?”

“Ann Arbor. Ông có nghe nói đến à?” Owens cười vang, một lần nữa ngạc nhiên.

“Đúng, đúng. Những kỷ lục thế giới. Thật buồn, giờ chúng tôi không được nghe nhiều tin tức từ Mỹ nữa. Dù thế tôi vẫn mong chờ Thế vận hội. Nhưng tôi đang có bốn vé, năm đứa trẻ cùng vợ tôi và con rể tương lai của tôi. Chúng tôi sẽ có mặt và tham dự vào... chết tiệt thật, cậu sẽ nói gì nhỉ? Cái nóng này không làm cậu mệt chứ?”

“Tôi đã từng chạy ở vùng Trung Tây rồi. Thời tiết giống hệt nơi này.”

Bất ngờ trở nên nghiêm túc, Janssen nói, “Anh biết đấy, có rất nhiều người tại Đức hy vọng các anh thất bại.”

Metcalf nhú mày rồi nói, “Bởi vì con bò đó - những gì Hitler nghĩ về những kẻ lai chủng tộc à?”

“Không,” tay trợ lý trẻ đáp. Rồi khuôn mặt cậu ta nở một nụ cười. “Bởi vì các nhà cái của chúng tôi sẽ bị bắt, nếu họ đặt cược vào những vận động viên nước ngoài. Chúng tôi chỉ được phép đặt cược vận động viên người Đức thôi.”

Owens thích thú. “Vậy là hai người đặt chúng tôi thua à?”

“À, chúng tôi sẽ cược có lợi cho cậu chứ,” Kohl đáp. “Nhưng chết tiệt, chúng tôi không thể.”

“Vì điều đó là bất hợp pháp?”

“Không, vì chúng tôi chỉ là những cảnh sát nghèo, làm gì có tiền. Vậy thì hãy chạy như Luft, như cơn gió, người Mỹ các cậu hay nói thế đúng không? Hãy chạy như cơn gió, Cậu Owens và Cậu Metcalfe. Tôi sẽ ở trên khán đài và cổ vũ cho các cậu, cho dù sẽ chỉ thầm lặng thôi... Đi thôi, Janssen.” Kohl quay người bước vài bước, nhưng rồi quay lại. “Tôi phải hỏi lại: Các cậu chắc chắn không thấy ai đội mũ Stetson à?... Không, không, dĩ nhiên là không rồi, nếu không cậu đã nói với tôi. Chúc một ngày tốt lành.”

Họ vòng qua phía trước khu nhà, đi ra phía công làng.

“Bảng kê khai hàng hóa trên tàu có tên kẻ sát nhân của chúng ta không sắp? Những tay da đen đó đốt cái gì trong lò sưởi thế?”

“Có thể. Nhưng hãy nói là ‘nghi phạm’, nhớ đấy. Không phải là ‘kẻ sát nhân.’”

Mùi giấy cháy thoảng đưa trong không khí nóng làm mũi Kohl nhức nhối, chế giễu ông làm cơn giận của ông tăng cao.

“Chúng ta có thể làm gì?”

“Chẳng làm gì cả,” Kohl đơn giản nói, thờ hắt phần nộ. “Chúng ta chẳng làm được gì hết. Và đó là lỗi của tôi.”

“Lỗi của sếp?”

“Chà, những tình tế trong việc chúng ta làm, Janssen ạ... Tôi đã mong muốn giấu kín mục đích của chúng ta và tôi đã nói chúng ta muốn gặp thẳng cha này bàn vấn đề ‘an ninh nhà nước’, những ngày này, chúng ta quá dễ nói ra điều đó. Những lời nói của tôi cho thấy rằng, tội ác không phải là giết một nạn nhân vô tội, mà có lẽ là một cuộc tấn công vào Chính phủ - dĩ nhiên, do cuộc chiến với nước họ chưa đầy hai mươi năm trước. Nhiều vận động viên, không nghi ngờ gì nữa, đã mất người thân, thậm chí là mất những người cha cho quân đội của Hoàng đế Đức và họ có thể cảm thấy lợi ích ái quốc trong việc bảo vệ nó như một người đàn ông. Và giờ đã quá muộn để tôi rút lại những gì tôi đã nói.”

Khi họ bước ra phố trước làng Thế vận hội, Janssen quay về nơi họ đỗ xe DKW. Nhưng Kohl hỏi, “Chúng ta sẽ đi đâu đây?”

“Chẳng phải ta sẽ quay về Berlin sao?”

“Chưa đâu. Chúng ta bị từ chối bản danh sách hành khách rồi. Nhưng việc hủy diệt bằng chứng là có lý do, và rằng theo logic, lý do ấy có thể được tìm thấy vào thời điểm bằng chứng bị mất. Nên chúng ta sẽ đi hỏi han xem. Chúng ta phải tiếp tục con đường của mình theo cách khó khăn, bằng cách sử dụng bàn chân tội nghiệp của mình... Trời ạ, mùi thức ăn thơm quá, đúng không? Họ đang nấu ăn thật ngon cho các vận động viên. Tôi nhớ lại khi tôi từng đi bơi hàng ngày. Nhiều năm trước. Hồi ấy, tôi có thể ăn bất kỳ món gì tôi thích mà chẳng tăng cân tẹo nào. Tôi e rằng những ngày đó rời xa tôi rồi. Rẽ phải ở đây, Janssen, rẽ phải.”

Reinhard Ernst bỏ điện thoại xuống, nhắm mắt lại. Hắn ngã lưng vào chiếc ghế nặng nề trong văn phòng Phủ Thủ tướng của hắn. Lần đầu tiên trong vài ngày hắn cảm thấy hài lòng - không phải, mà là tràn ngập nỗi vui sướng. Một cảm giác chiến thắng tràn qua người hắn, mãnh liệt như khi cùng 67 đồng đội của hắn đẩy lui thành công 300 lính Đồng minh tại vị trí cố thủ Tây Bắc gần Verdun. Nhờ chiến tích này, hắn được tặng Huân chương Chữ Thập Sắt, hạng nhất - và ánh mắt ngưỡng mộ của Wilhelm II (chỉ một cánh tay chết mới ngăn Hoàng đế không đến dự lễ gắn huân chương lên ngực Ernst) - nhưng với thành công đạt được ngày hôm nay, hắn sẽ được chào đón bằng những sự tôn vinh công khai, dĩ nhiên ngọt ngào hơn nhiều.

Một trong những rắc rối lớn nhất hắn từng đối mặt trong việc tái thiết hải quân Đức, đó là một mục trong Hiệp ước Versailles cấm Đức sở hữu tàu ngầm, hạn chế số lượng tàu chiến xuống còn 6 tàu chiến, 6 tàu tuần dương nhẹ, 12 tàu khu trục và 12 tàu phóng ngư lôi.

Hắn nhiên là vô lý, ngay cả nhằm mục đích phòng thủ cơ bản.

Nhưng năm ngoái, Ernst đã thiết kế một hành động táo bạo. Hắn cùng Đại sứ Lưu động nóng tính, Joachim Ribbentrop ký kết Hiệp ước Hải quân Anglo - Đức, cho phép Đức được sản xuất tàu ngầm, tăng giới hạn lực lượng hải quân trên mặt nước lên 35%, ngang bằng với hải quân Anh. Nhưng điều quan trọng nhất trong thỏa thuận này cho đến bây giờ chưa từng được kiểm chứng. Chính bộ não mạnh mẽ của Ernst đã khiến Ribbentrop ký một thỏa thuận phần trăm không liên quan đến số lượng tàu chiến, vốn được giới hạn trong Versailles, mà liên quan đến kích cỡ tàu chiến.

Hiện giờ, Đức có quyền hợp pháp xây dựng những tàu chiến còn lớn hơn cả tàu Anh, miễn là tổng kích cỡ không bao giờ vượt quá con số 35% diện tích. Hơn thế nữa, mục tiêu từ rất lâu của Ernst và Erich Raeder, Tổng tư lệnh hải quân, đó là xây dựng đội quân tàu chiến nhẹ hơn, cơ động hơn và đáng sợ hơn những con tàu khổng lồ, công kênh giống hạm đội tàu chiến nặng nề của Anh - dễ chịu tổn thương khi bị tấn công bằng máy bay hoặc tàu ngầm.

Thắc mắc duy nhất đó là: Liệu Anh có khiếu nại về trò gian lận này, khi họ xem xét các báo cáo xây dựng xưởng đóng tàu và nhận ra hải quân Đức còn lớn mạnh hơn họ dự kiến?

Cho dù một sĩ quan phụ tá ngoại giao Đức tại London gọi điện cho biết: Chính phủ Anh đã xem xét những con số và phê chuẩn ngay, không buồn suy nghĩ lại.

Đúng là một thành công mỹ mãn!

Hắn thảo một thông báo cho Lãnh tụ báo tin tốt, sai người trao tận tay.

Đúng lúc đồng hồ trên tường điểm bốn giờ, một người đàn ông trung niên, hói đầu mặc áo vest may bằng vải tuýt, quần dài kẻ sọc bước vào văn phòng của Ernst. “Đại tá, tôi vừa...”

Ernst lắc đầu, đưa tay lên môi ra hiệu Giáo sư Tiến sĩ Ludwig Keitel giữ im lặng. Viên Đại tá xoay người lại nhìn ra cửa sổ. “Thật là một buổi chiều vui vẻ làm sao.”

Keitel nhíu mày: hôm nay là một trong những ngày nóng nhất trong năm, gần đạt mức 34 độ. Gió thì đầy bụi, nhưng lão vẫn giữ im lặng, một bên lông mày nhướn lên.

Ernst chỉ tay về phía cửa ra vào. Keitel gật đầu, hai người cùng bước vào tiền sảnh bên ngoài, rời khỏi Phủ Thủ tướng. Rẽ về phía Bắc trên phố Wilhelm, họ tiếp tục đi đến Đại lộ Under The Lindens rồi đi về phía Tây. Họ chỉ nói chuyện về thời tiết, Thế vận hội, một bộ phim mới của Mỹ được cho là sẽ chiếu mở màn sớm. Giống như Lãnh tụ, cả hai cùng ngưỡng mộ nữ diễn viên Mỹ, Greta Garbo. Bộ phim Anna Karenina của cô vừa được phê chuẩn cho phát hành tại Đức, bất chấp phim lấy bối cảnh ở Nga và chủ đề đạo đức có thể gây tranh cãi. Cùng thảo luận về những bộ phim gần đây, họ vào quảng trường Tiergarten, chỉ qua Cổng Brandenburg một chút.

Cuối cùng, sau khi nhìn xung quanh xem có kẻ nào bám đuôi hay theo dõi không, Keitel lên tiếng, “Chuyện này là sao vậy, Reinhard?”

“Có sự điên rồ giữa chúng ta, Tiến sĩ.” Ernst thở dài.

“Không, cậu đang đùa tôi đấy à?” ông giáo sư mỉa mai hỏi.

“Hôm qua, Lãnh tụ yêu cầu tôi nộp báo cáo về Nghiên cứu Waltham.”

Keitel mất một lúc để tiêu hóa thông tin này. “Lãnh tụ à? Đích thân yêu cầu?”

“Tôi đã hy vọng y sẽ quên đi vì đang bận bù đầu với Thế vận hội. Nhưng rõ ràng là không.” Hänn đưa cho Keitel mảnh giấy của Hitler rồi kể lại câu chuyện làm sao Lãnh tụ biết đến nghiên cứu này. “Nhờ một tên béo múp với một đồng chức danh.”

“Hermann mập ú,” Keitel nói to, thở dài giận dữ.

“Suyt,” Ernst nói. “Nói như gió bên hoa thối.” Một thành ngữ phổ biến gần đây, nghĩa là: Khi gọi thẳng tên quan chức Đảng ở nơi công cộng, chỉ nói những điều tốt đẹp.

Keitel nhún vai. Bằng một giọng mềm mại hơn, lão thì thầm. “Tại sao hänn lại quan tâm đến chúng ta?”

Ernst không muốn phí thời gian, cũng như tâm sức thảo luận về các bộ máy chính quyền Chủ nghĩa Phát xít cho một người chỉ biết đến khoa học.

“Bạn tôi ơi,” Keitel nói, “chúng ta sẽ làm gì đây?”

“Tôi đã quyết định chúng ta sẽ tấn công. Phản công lại thật mạnh. Chúng ta sẽ cho y một báo cáo - vào hôm thứ Hai. Một báo cáo chi tiết.”

“Trong hai ngày à?” Keitel nhăn nhó. “Chúng ta chỉ có dữ liệu thô và thậm chí còn giới hạn nữa. Cậu không thể bảo với y rằng chúng ta sẽ có phân tích tốt hơn trong vài tháng à? Chúng ta có thể...”

“Không, Tiến sĩ ạ,” Ernst nói, phá lên cười. Nếu người ta không thể nói như gió thổi bên hoa, thì một lời thì thầm là đủ. “Sẽ không ai dám bảo Lãnh tụ phải chờ một vài tháng. Hay một vài ngày hay vài phút. Không, điều tốt nhất đối với chúng ta là làm ngay bây giờ. Một cú sét đánh. Đó là việc chúng ta phải làm. Göring sẽ tiếp tục kích thích sự tò mò và có thể can thiệp đủ khiến Lãnh tụ muốn tìm hiểu sâu hơn. Khi không thích những gì mình thấy, y sẽ dẹp luôn cái nghiên cứu này. Hồ sơ hänn ăn cắp là những ghi chép của Freud. Đó là thứ hänn đã đề cập tới trong cuộc họp ngày hôm qua. Tôi nghĩ câu nói đó là “Bác sĩ tâm lý Do Thái.” Anh phải thấy được khuôn mặt của Lãnh tụ. Tôi nghĩ rằng mình đang trên đường đến Oranienburg rồi.”

“Freud thật tuyệt vời,” Keitel thì thầm. “Những ý tưởng rất quan trọng.”

“Chúng ta có thể sử dụng những ý tưởng của ông ấy. Và những ý tưởng của các nhà tâm lý học khác nữa. Tuy nhiên...”

“Freud là một nhà phân tích tâm lý.”

Chết tiệt, lại học thuật, Ernst nghĩ. Còn tệ hơn các chính trị gia. “Nhưng chúng ta sẽ không tôn vinh họ trong nghiên cứu.”

“Như thế là không trung thực về trí tuệ.” Keitel sừng sĩa đáp. “Sự liêm chính trong trí thức là quan trọng.”

“Không, trong những hoàn cảnh này thì không,” đó là câu trả lời chắc nịch của Ernst. “Chúng ta sẽ không xuất bản công trình trên tờ báo của trường đại học. Chúng ta không nói đến chuyện đó.”

“Rồi, rồi,” Keitel nôn nóng nói. “Chuyện này vẫn không thôi khiến tôi lo lắng. Không đủ dữ liệu.”

“Tôi biết. Tôi quyết định chúng ta phải tìm nhiều tình nguyện viên hơn. Mười hai người. Đến giờ, đây sẽ là nhóm đông nhất - để gây ấn tượng với Lãnh tụ, khiến y không quan tâm Göring nữa.”

Tay Giáo sư - Tiến sĩ nhăn nhó “Chúng ta sẽ không đủ thời gian. Sáng thứ Hai à? Không, không, chúng ta không làm được đâu.”

“Có, chúng ta có thể. Chúng ta phải làm được. Công trình của chúng ta không thể thua trong trận chiến này được. Chúng ta sẽ mở cuộc họp khác tại trường đại học vào chiều mai. Tôi sẽ vẽ ra cho Lãnh tụ hình ảnh hoành tráng của quân đội Đức mới. Bằng văn thơ ngoại giao tốt nhất của tôi. Tôi biết cách diễn đạt nó ra sao mà.” Hãn nhìn quanh. Một lời thì thầm nữa. “Chúng ta sẽ chặt đôi chân múp míp của tên Bộ trưởng không quân, từ phía dưới.”

“Tôi cho rằng chúng ta có thể thử,” Keitel bối rối nói.

“Không, chúng ta sẽ làm,” Ernst nói. “Chẳng có chữ ‘thử’ nào ở đây hết. Hoặc thành công hoặc thất bại.” Hãn nhận ra giọng mình như sĩ quan đang thuyết giảng cho cấp dưới. Mím cười buồn bã, hãn nói thêm, “Tôi cũng chẳng vui về gì chuyện này hơn ông đâu, Ludwig. Cuối tuần này, tôi đã hy vọng được thư giãn. Dành thêm thời gian với cháu nội tôi. Chúng tôi sẽ cùng nhau khắc một con thuyền. Nhưng thời gian cho giải trí để sau đi.” Tay đại tá nói tiếp. “Sau khi chúng ta chết.”

Keitel không nói gì, nhưng Ernst cảm thấy lão Giáo sư-Tiến sĩ quay mái đầu lo âu lại nhìn mình.

“Đùa thôi mà, bạn tôi ơi,” tay đại tá nói. “Đùa thôi mà. Giờ cho phép tôi nói với ông vài tin tức tuyệt vời về lực lượng hải quân mới của chúng ta.”

Chương 13

Bức tượng Hitler bằng đồng xanh lét đang đứng cao hơn hẳn đám binh lính ưu tú đã gục chết, tại Quảng trường Tháng 11 năm 1923 trông ấn tượng. Tuy nhiên, nó lại nằm trong vùng rất khác biệt với những nơi Paul Schumann đã thấy tại Berlin. Các tờ giấy quay cuồng trong cơn gió đầy bụi, có mùi chua chua của rác rưởi trong không khí. Những người bán hàng rong rao bán hái cây và hàng hóa rẻ tiền, một nghệ sĩ đứng cạnh chiếc xe ọp ẹp vẽ chân dung chỉ để lấy vài xu. Những ả điếm già nua không có giấy phép và mấy tên ma cô trẻ trung đi lang thang trên đường. Những người ăn xin mất chân tay, được lắp những cặp chân giả bằng kim loại, hoặc bằng da trông dị hợm, đi khập khiễng hoặc đi xe lăn khắp lượt vỉa hè xin ăn. Một người mang theo tấm biển trước ngực ghi dòng chữ: Tôi đã hy sinh đôi chân mình cho Tổ Quốc. Các bạn có gì cho tôi không?

Cứ như thế gã vừa bước qua phía sau bức rèm, nơi Hitler vút ra đẩy những rác rưởi, những xấu xí của Berlin.

Paul đi qua cánh cổng sắt hoen gỉ, ngồi xuống một trong những chiếc ghế dài đối diện bức tượng Hitler, nửa tá ghế ở đây đã có người ngồi.

Gã để ý một tấm biển bằng đồng có dòng chữ đại ý công trình này dành để ghi nhớ sự kiện đảo chính tại nhà hàng Beer Hall Putsch mùa thu năm 1923. Thời đó, căn cứ theo bài văn thối phồng chán ngán khắc bằng kim loại, những người cao quý có tầm nhìn xa của Chủ nghĩa Phát xít đã khởi xướng cuộc đảo chính lịch sử lật đổ nhà nước Weimar, cố gắng giành lại đất nước khỏi bàn tay những-kẻ-đâm-sau-lưng (theo Paul hiểu, trong tiếng Đức, hay thích kiểu kết hợp càng nhiều từ càng tốt thành một từ có nghĩa).

Không lâu sau, gã bắt đầu thấy chán với những tán dương dài lê thê, không ngừng nghỉ dành cho Hitler và Göring. Gã bèn ngồi thẳng dậy, đưa tay lau mặt. Mặt trời đang xuống thấp nhưng trời vẫn sáng, nóng đến kinh người. Gã ngồi đây mới chỉ một hai phút, thì Reggie Morgan băng ngang đường, bước qua cổng đến ngồi cạnh Paul.

“Tôi thấy cậu tìm được chỗ này khá đấy.” Một lần nữa, ông ta nói bằng thứ tiếng Đức chuẩn xác. Ông phá lên cười, hất đầu về phía bức tượng rồi hạ giọng, “Hoành tráng không? Sự thật là một lũ mấy thằng say rượu mưu toan chiếm lấy Munich rồi bị đập như ruồi. Ngay phát đạn đầu tiên, Hitler đã gục xuống, hăn chỉ sống được khi lấy xác một “đồng chí” khác phủ lên thân mình.” Ông ta nhìn khắp người Paul. “Trông cậu khác quá. Tóc tai rồi quần áo.” Ông tập trung nhìn miếng băng gấu. “Chuyện gì với cậu thế kia?”

Gã giải thích về vụ ẩu đả với lính Xung Kích.

Morgan nhíu mày. “Có phải vụ ngõ Dresden không? Chúng đang đi tìm cậu đúng không?”

“Không. Chúng đang đánh đập hai người chủ một hiệu sách. Đã định không dính vào, nhưng tôi không thể trơ mắt nhìn họ chết. Tôi đã thay quần áo rồi cắt tóc nữa. Nhưng tôi sẽ cần phải tránh xa bọn Áo Nâu.”

Morgan gật đầu. “Tôi không nghĩ có nguy hiểm lớn đâu. Chúng sẽ không báo cáo lên SS hay Gestapo về chuyện này - mà thích tự mình đi báo thù. Nhưng mấy kẻ bị cậu tấn sẽ cày nát phố Rosenthaler. Chúng chưa bao giờ đi quá xa. Cậu không bị thương ở đâu đấy chứ? Bàn tay bóp cò của cậu không sao chứ?”

“Vâng, không sao.”

“Tốt. Nhưng cẩn thận đấy, Paul. Chúng hăn sẽ bắn chết cậu vì chuyện đó. Không thăm vấn, không bắt bớ. Chúng hăn sẽ hành hình cậu tại chỗ.”

Paul hạ giọng. “Liên lạc của ông ở Bộ Thông tin có tìm được gì về Ernst không?”

Morgan cau mày. “Đang diễn ra chuyện này lạ lắm. Anh ta nói rằng có những cuộc tập trung kín đáo trên khắp phố Wilhelm. Thông thường thì vào ngày thứ Bảy, nửa con phố này vắng tanh. Tuy nhiên lần này, quân SS và

SD có mặt khắp nơi. Anh ta sẽ cần thêm thời gian nữa. Chúng ta sẽ gọi cho anh ta trong một, hai tiếng nữa hoặc hơn.” Ông ta nhìn đồng hồ. “Nhưng hiện giờ, người bán súng trường của chúng ta ở đầu phố này. Hôm nay anh ta đóng cửa hàng vì chúng ta sẽ đến. Anh ta sống gần đây và đang đợi chúng ta. Bây giờ, tôi sẽ gọi cho anh ta.” Ông đứng dậy nhìn xung quanh. Trong số tất cả các quán bar chui và nhà hàng ở đây, chỉ ở quán Cà phê Edelweiss có điện thoại công cộng.

“Tôi sẽ quay lại ngay.”

Khi Morgan sang đường, đôi mắt Paul nhìn theo ông và gã trông thấy một trong số những cựu chiến binh tàn tật chậm rãi tiến vào mái hiên của nhà hàng, chìa tay xin bố thí. Một bồi bàn vạm vỡ bước ra hàng rào chắn xua đuổi người ăn xin đi chỗ khác.

Một người đàn ông trung niên, đang ngồi cách Paul vài ghế đứng dậy đến ngồi cạnh gã. Ông ta nhăn nhó khoe ra hàm răng mờ xỉn và càu nhàu. “Cậu có thấy không? Cách chúng nó đối xử với những anh hùng đúng là tội ác.”

“Vâng, đúng vậy.” Mình nên làm gì nhi? Paul tự hỏi. Đứng dậy và bỏ đi có thể còn đáng ngờ hơn. Gã hy vọng người đàn ông này sẽ im lặng.

Tuy nhiên, tay người Đức dò xét gã chăm chú rồi nói tiếp. “Trông cậu cứng tuổi rồi. Cậu đã chiến đấu.”

Đây không phải là một câu hỏi, Paul cho rằng có lẽ đối với ông ta, chuyện một người Đức tuổi hai mươi như gã không chiến đấu trong Thế Chiến thứ I chắc phải có những hoàn cảnh đặc biệt lắm.

“Vâng, dĩ nhiên.” Tâm trí gã đang nghĩ rất lung tung.

“Cậu nhận vết thương kia ở trận nào?” Ông ta hất đầu về phía vết sẹo trên cằm Paul.

Trận đó chẳng liên quan gì đến hành động quân sự hết, kẻ thù là một gã sát thủ bệnh hoạn có tên là Morris Starble. Gã đã tặng cho hấn một nhát dao phía sau quán rượu Hell’s Kitchen, Starble chết năm phút sau đó.

Người đàn ông nhìn gã chờ đợi. Paul phải nói điều gì đó nên gã đề cập đến một trận chiến quen thuộc với gã: “St. Mihiel.” Trong bốn ngày của tháng 09 năm 1918, Paul cùng các đồng đội của gã thuộc Sư đoàn I Bộ

binh, Quân đoàn IV xuyên qua màn mưa như trút nước và bùn lầy lội tấn công những chiến hào sâu hai mét tư của quân Đức, được bảo vệ bằng dây thép gai và các ụ súng máy.

“Đúng, đúng! Tôi đã ở đó!” Người đàn ông tươi cười, nồng nhiệt bắt tay Paul. “Đây đúng là sự trùng hợp! Đồng chí của tôi!”

Lựa chọn tốt đấy, Paul cay đắng nghĩ. Thế quái nào xảy ra chuyện này được nhỉ? Nhưng gã cố gắng tỏ ra ngạc nhiên để chịu trước sự trùng hợp này. Tay người Đức tiếp tục nói với Paul. “VẬY RA CẬU LÀ MỘT PHẦN CỦA BIỆT ĐỘI C. CƠN MƯA ĐÓ! Tôi chưa bao giờ thấy cơn mưa nào lớn thế, hay cả sau này cũng vậy. Cậu đã ở đâu?”

“Ở mặt trận phòng thủ phía Tây.”

“Tôi đã đối mặt với Quân đoàn II Thuộc địa Pháp.”

“Chúng tôi chạm trán quân Mỹ,” Paul nói, lục lọi thật nhanh những hồi ức hai thập niên trước.

“À, Đại tá George Patton! Ông ta đúng là một người điên rồ và tuyệt vời. Ông ta rải quân lính ra khắp chiến trường. Còn những chiếc xe tăng của ông ấy! Chúng bất thần xuất hiện như thể dưới đất chui lên. Chúng tôi không bao giờ biết được tiếp theo ông ta sẽ tấn công vào đâu. Không một tên lính bộ binh nào khiến tôi gặp rắc rối hết. Nhưng còn xe tăng thì...” Ông ta lắc đầu, nhăn nhó.

“Vâng, đó đúng là một trận chiến ác liệt.”

“Nếu đó là vết thương duy nhất thì cậu gặp may đấy.”

“Thượng Đế phù hộ cho tôi mà, đúng thế đấy,” Paul hỏi, “Ông có bị thương không?”

“Một mảnh đạn còn nằm trong bắp chân. Tôi mang nó đến tận ngày nay. Tôi cho cháu trai tôi xem vết thương rồi. Nó có hình dạng như đồng hồ cát ấy. Nó chạm tay vào vết thương sáng bóng rồi cười như nắc nẻ. Ôi, cái quãng thời gian đó.” Ông ta nhấp một ngụm rượu từ lọ bẹt nhỏ. “Nhiều người đã mất bạn bè tại St. Mihiel. Tôi thì không. Bạn bè tôi đã chết hết trước đó rồi.” Ông ta im lặng rồi chìa lọ rượu bẹt mời Paul, gã lắc đầu.

Morgan bước ra khỏi quán cà phê, vẫy tay ra hiệu.

“Tôi phải đi rồi,” Paul nói với người đàn ông. “Một cuộc gặp gỡ thú vị với người bạn cựu chiến binh để cùng nhau chia sẻ.”

“Đúng.”

“Chúc ngài một ngày tốt lành. Hail Hitler. “À, phải rồi. Hail Hitler.”

Paul đến bên cạnh Morgan, ông ta nói. “Bây giờ, anh ta có thể gặp chúng ta.”

“Ông không nói với anh ta lý do tại sao tôi cần súng đấy chứ?”

“Không, ít nhất là không nói thật. Anh ta nghĩ cậu là người Đức và cậu muốn giết một tên trùm tội ác tại Frankfurt đã lừa gạt cậu.”

Hai người tiếp tục đi lên phố qua 6, 7 khối nhà nữa, vùng này ngày càng trở nên xấu xí hơn, cho đến khi họ tới một cửa hiệu cầm đồ. Các nhạc cụ, va li, dao cạo, đồ trang sức, búp bê và hàng trăm thứ khác chất đầy các ô cửa sổ mờ, có chấn song sắt. Một tấm biển “Đóng cửa” được gắn lên cửa ra vào. Họ chỉ đợi vài phút trong tiền sảnh trước khi một người đàn ông lùn, hói đầu xuất hiện. Anh ta gật đầu với Morgan, không chú ý đến Paul, nhìn ngắm xung quanh rồi cho họ vào trong. Anh ta liếc nhìn sau lưng, đóng rồi khóa cửa ra vào, sau đó kéo rèm xuống.

Họ bước thêm vào trong cửa tiệm mố meo, đầy bụi. “Đi lối này.” Chủ cửa hàng dẫn họ đi qua cánh cửa ra vào dày, đóng lại rồi cài chốt. Họ đi xuống một cầu thang dài dẫn vào một tầng hầm âm thấp, chỉ thắp sáng bằng hai bóng đèn nhỏ màu vàng. Khi đôi mắt gã đã quen với ánh sáng mờ, Paul nhận thấy có hơn hai chục khẩu súng trường xếp trên giá tựa vào tường.

Anh ta trao cho Paul một khẩu phía trên gắn kính ngắm viễn vọng. “Đó là khẩu Mauser Karabiner. Đạn 7,92mm. Khẩu này có thể tách ra nên dễ dàng mang theo trong va li. Nhìn ống ngắm đi. Loại ống ngắm quang học tốt nhất thế giới.”

Người đàn ông bật một công tắc, những ngọn đèn thắp sáng đường hầm có lẽ phải dài đến 30 mét. Phía cuối đường hầm là những túi cát, gắn trên một trong các túi cát là một hồng tâm bằng giấy.

“Đây là một đường hầm cấp nước được đào xuyên lòng đất nhiều năm trước, cách âm hoàn toàn.”

Paul cầm khẩu súng trường bằng cả hai tay. Gã cảm thấy lớp gỗ mềm mại trên báng súng được đánh véc-ni có màu cát. Ngửi mùi thơm của dầu và creosote*, mùi da dây đai súng. Gã hiếm khi dùng súng trường trong công việc của mình, sự kết hợp của những mùi hương, lớp gỗ và kim loại rắn chắc gợi gã nhớ về ngày xưa. Gã có thể ngửi thấy mùi bùn của những chiến hào, mùi phân, mùi khói dầu hỏa. Cả mùi hôi thối của cái chết, giống như mùi bìa carton ẩm ướt, thối rữa.

“Đây cũng là những viên đạn đặc biệt, đầu đạn được làm lõm như anh có thể thấy. Chúng có khả năng gây sát thương hơn đạn tiêu chuẩn.”

Paul bắn chay khẩu súng vài lần để có cảm xúc với cò súng. Gã gói các viên đạn vào tờ báo rồi ngồi xuống một chiếc ghế dài, tựa khẩu súng trường lên một súc gỗ bọc vải. Gã bắt đầu nổ súng. Tiếng súng nghe chói tai nhưng gã hầu như không để ý. Paul chỉ nhìn chăm chăm qua ống ngắm, tập trung vào những chấm đen của hồng tâm. Gã điều chỉnh ống ngắm một chút, rồi chậm rãi bắn hai mươi viên còn lại trong hộp đạn.

“Tốt đấy,” gã nói to vì tai gã ù đặc. “Một vũ khí tốt.” Gật đầu, gã trao lại khẩu súng trường cho chủ hiệu cầm đồ. Anh ta tháo nó ra, lau sạch rồi gói khẩu súng cùng hộp đạn vào hộp đựng bằng sợi thủy tinh.

Morgan một tay cầm hộp đựng súng, một tay trao phong bì cho chủ hiệu. Anh ta tắt đèn trong hầm rồi dẫn họ lên gác. Sau khi gạt đầu ra hiệu an toàn lúc nhìn ra ngoài, hai người nhanh chóng bước ra, tản bộ xuống phố. Paul nghe thấy một giọng nói khá vang trên phố. Morgan phá lên cười. “Cậu không thoát được đâu.” Bên kia đường, tại một trạm dừng tàu điện ngầm, giọng đều đều của một người đàn ông cứ thế phát ra trên loa - lại thêm thông tin về sức khỏe công cộng. “Chúng không bao giờ ngừng hay sao vậy?”

“Không, chúng không ngừng đâu,” Morgan đáp. “Khi chúng ta nhìn lại, đó sẽ là đóng góp của Chủ nghĩa Phát xít vào nền văn hóa: những tòa nhà xấu xí, tác phẩm điêu khắc bằng đồng dờ òm và những bài diễn văn bất tận...” Ông hất đầu về phía chiếc hộp đựng khẩu Mauser. “Bây giờ, hãy quay lại quảng trường, gọi cho liên lạc của tôi. Để xem anh ta có tìm được đủ thông tin không, để cậu có thể xài món vũ khí Đức này.”

Chiếc DKW đầy bụi tiến lên Quảng trường Tháng 11 năm 1923. Do không thể tìm được bãi đỗ xe trên con phố nhộn nhịp, chiếc xe suýt đâm phải một người bán hoa quả đáng ngờ khi đang tập vào lề đường.

“Chà tới nơi rồi, Janssen,” Willi Kohl nói, đưa tay áo lau mặt. “Khẩu súng ngắn của cậu tiện đây.”

“Vâng, thưa sếp.”

“Thế thì đi sẵn thôi.”

Họ xuống xe.

Mục đích viên thanh tra chuyển hướng sau khi rời khỏi khu ăn ở tập thể của đoàn Mỹ, đó là nhằm thẩm vấn các tài xế taxi đỗ bên ngoài làng Thế vận hội. Với sự nhìn xa trông rộng của Chủ nghĩa Phát xít điển hình, chỉ tài xế taxi nào nói được nhiều thứ tiếng mới được phép phục vụ làng. Tức là con số này rất ít, rằng họ sẽ quay về làng sau khi đón trả khách. Kohl suy luận, chính điều này cũng có nghĩa là một trong số bọn họ có khả năng đã chở nghi phạm đi đâu đó.

Sau khi hai người chia nhau đi thẩm vấn và nói chuyện với hơn hai chục tài xế taxi, Janssen tìm được một người có câu chuyện thực sự khiến Kohl thích thú. Vị khách đó đã rời khỏi làng Thế vận hội không lâu trước đó, xách theo một va li và một ba lô cũ màu nâu. Hắn có tầm vóc cao lớn và nói trọng âm nhẹ. Hình như hắn không có tóc mai dài cũng như pha hung đỏ. Nhưng tóc đen, bóng và để dài sau gáy. Kohl suy luận có thể nhờ dầu gội hoặc tinh dầu. Anh ta nói hắn không mặc comple mà mặc quần áo thường sáng màu, cho dù không thể mô tả chi tiết được.

Người đó xuống xe tại Lützow Plaza rồi hòa vào đám đông. Đó là một trong những giao lộ đông và nhộn nhịp nhất thành phố, có rất ít hy vọng tìm được dấu vết nghi phạm ở đó. Tuy nhiên, anh ta nói thêm rằng hắn đã hỏi đường đến Quảng trường Tháng 11 năm 1923, hỏi xem có thể đi bộ tới đó từ Lützow Plaza được không.

“Hắn có hỏi gì thêm về quảng trường không? Có gì cụ thể không? Công việc của hắn? Các đồng chí hắn đang hy vọng sẽ gặp? Bất kỳ điều gì?”

“Không, Thanh tra ạ. Chẳng hỏi gì cả. Tôi có bảo anh ta rằng sẽ phải đi xe đạp khá xa đến quảng trường. Anh ta cảm ơn tôi rồi xuống xe. Chỉ thế

thôi. Tôi không nhìn được mặt anh ta,” tay tài xế giải thích. “Tôi còn phải nhìn đường.”

Mù lòa, dĩ nhiên rồi, Kohl cay đắng nghĩ.

Họ quay về trụ sở nhận những thông báo in ra về nạn nhân ngõ Dresden. Xem xong họ chạy bổ đến chỗ này, công trình tưởng niệm vinh danh cuộc đảo chính thất bại năm 1923 (chỉ có những kẻ theo Chủ nghĩa Phát xít mới biến một thất bại nhục nhã đến thế thành một vinh quang tuyệt đối). Trong khi Lützow Plaza quá rộng không thể tìm ra mục tiêu hiệu quả, quảng trường này nhỏ hơn nhiều, có thể dễ dàng đi hỏi han.

Kohl lúc này ngắm mọi người ở đây: những người ăn xin, bán hàng, gái điếm, chủ cửa hàng, người thất nghiệp và phụ nữ trong các quán cà phê nhỏ. Ông hít sâu bầu không khí chứa đầy mùi hăng và nồng của rác rưởi, rồi hỏi. “Bạn có cảm nhận được con mồi của chúng ta gần đây không, Janssen?”

“Tôi...” Tay trợ lý dường như thấy khó chịu với nhận xét này.

“Đó là một cảm giác,” Kohl nói, quét mắt qua con phố khi ông đứng dưới cái bóng của bức tượng đồng Hitler đầy thách thức, can đảm. “Bản thân tôi cũng không mê tín. Còn cậu?”

“Không hẳn, thưa sếp. Tôi không phải là người theo tôn giáo, nếu ý sếp là thế.”

“Tôi cũng có theo tôn giáo nào đâu. Heidi sẽ không ủng hộ chuyện đó. Nhưng điều tôi đang nói đó là ảo ảnh của tinh thần dựa trên những cảm nhận và trải nghiệm. Và tôi bây giờ đang có cảm xúc đó. Hẳn ở gần đây.”

“Vâng, thưa sếp,” tay thanh ưa học việc nói. “Tại sao sếp nghĩ thế?”

Một câu hỏi thích hợp, Kohl nghĩ. Ông tin rằng những thanh tra trẻ phải luôn luôn đặt câu hỏi với người dạy mình. Ông giải thích, bởi vì vùng này là một phần của phía Bắc Berlin. Ở đây, cậu có thể tìm thấy số lượng lớn những Người Cộng sản, người theo Chủ nghĩa Xã hội gần gũi, thất nghiệp, nghèo khổ và bị thương trong Thế Chiến thứ I và cả các băng nhóm Cướp biển Edelweiss chống Đảng, những tên trộm vặt và là nơi những người ủng hộ lao động ẩn náu sau khi các công đoàn sống ngoài vòng pháp luật. Đến sinh sống ở đây là những người Đức tiếc nhớ vô cùng những thuở ban đầu:

dĩ nhiên, không phải là Weimar (chẳng ai thích nền Cộng hòa cả), mà là họ tiếc nhớ vinh quang của nước Phổ, của Wilhelm và của Đế Chế Thứ Hai. Điều này có nghĩa họ là một vài thành viên của Đảng và những người thông cảm với họ. Do đó, vài kẻ tố giác sẵn sàng chạy đi mách lẻo cho Gestapo hoặc đơn vị đồn trú của lực lượng Xung Kích địa phương.

“Dù hẳn muốn làm bất kỳ việc gì, hẳn sẽ phải đến những nơi như thế này để tìm kiếm sự hỗ trợ và các đồng chí. Lùi lại chút, Janssen. Luôn luôn dễ dàng để ý người đang tìm kiếm nghi phạm, như chúng ta, hơn là nhận ra chính tên nghi phạm đó.”

Cậu ta đến đứng trong bóng râm một cửa hàng bán cá, với những thùng cá đang bốc mùi gần như trống rỗng. Những con lươn ôi thiu, cá chép và cá hồi sống trong kênh đào ồm yếu, xanh xao là tất cả những gì cửa hàng này bán. Hai sĩ quan dò xét các con phố một lúc lâu, tìm kiếm con mồi của họ.

“Giờ chúng ta hãy nghĩ xem, Janssen. Hẳn xuống taxi tại Lützow Plaza - có mang theo va li - và cái ba lô gây tranh cãi. Không có xe nào chở hẳn đi thẳng đến đây từ làng Thế vận hội, có lẽ vì hẳn đã để lại đồ đạc của hẳn tại nơi giờ đây hẳn đang ở và hẳn đến đây nhằm mục đích khác. Tại sao? Để gặp gỡ ai đó? Để giao cái gì đó, có lẽ là cái ba lô? Hay để thu thập cái gì đó hay ai đó? Hẳn đã đến làng Thế vận hội, ngõ Dresden, Khu Vườn Mùa Hạ, Phố Rosenthaler, Lützow Plaza và giờ hẳn đến đây? Tôi tự hỏi. Điều gì đã liên kết tất cả những bối cảnh này lại với nhau?”

“Chúng ta sẽ khảo sát cả các cửa tiệm và cửa hàng chứ?”

“Tôi nghĩ chúng ta phải làm thế. Nhưng tôi nói cậu nghe, Janssen. Mỗi bận tâm về đồ ăn giờ mới là nghiêm trọng đấy. Tôi thực sự cảm thấy hơi váng đầu. Trước tiên, chúng ta sẽ đi tìm quán cà phê, đồng thời đi ăn cái gì đó luôn.”

Những ngón chân trong giày của Kohl uốn cong vì đau đớn. Lớp lông cừu đã rách hết, hai bàn chân ông một lần nữa lại nhứt nhối. Ông hất đầu sang nhà hàng gần nhất, nơi ông đã đỗ xe trước cửa, Quán cà phê Edelweiss. Họ liền bước vào trong quán.

Đây là một nơi bận thiu. Kohl để ý những ánh mắt xua đuổi như lời chào điển hình sự có mặt của một quan chức. Khi họ nhìn khắp lượt những

khách hàng quen, xem có cơ hội nào nghi phạm New York Manny của họ tình cờ ngồi đây, Kohl trình thẻ cho một bồi bàn, cậu ta không ngừng búng ngón tay kêu gọi sự chú ý. “Hail Hitler. Tôi có thể giúp gì?”

Trong quán rượu đầy khói thuốc này, Kohl nghi ngờ ai đó từng biết đến chức danh ông chủ, nên ông đề nghị gặp quản lý.

“Ông Grolle, vâng, thưa sếp, tôi sẽ gọi ông ấy ngay. Xin sếp vui lòng ngồi bàn này ạ. Nếu hai sếp muốn dùng cà phê hay ăn món gì đó, xin cứ cho tôi biết.”

“Tôi sẽ dùng cà phê và ăn bánh táo tâm đường. Có lẽ là một miếng to gấp đôi. Còn đồng nghiệp của tôi?” Ông nhướn mày nhìn Janssen.

“Chỉ uống Coca-Cola thôi.”

“Kem đặc với bánh táo chứ?” tay quản lý hỏi.

“Dĩ nhiên rồi,” Willi Kohl nói bằng một giọng gây ngạc nhiên, như thể nói mà không có cái giọng ấy là một sự thiếu tôn kính.

Khi quay về Quán cà phê Edelweiss từ chỗ tay lái súng, nơi Morgan sẽ gọi cho liên lạc của ông tại Bộ Thông tin, Paul hỏi, “Anh ta sẽ gửi cho chúng ta thông tin gì? Về tuyến đường đi của Ernst à?”

“Anh ta nói với tôi rằng Goebbels cứ một mực muốn biết tất cả các quan chức cấp cao sẽ xuất hiện ở đâu trước đám đông. Sau đó, lão ta quyết định điều quan trọng là phải có đội quay phim, hay một thợ chụp ảnh có mặt để ghi lại sự kiện đó.” Ông bật ra tiếng cười chua chát. “Mà cậu phải đi xem phim Munity on the Bounty, chứ đừng có xem cái phim hoạt hình Chuột Mickey cho đến hai mươi phút phim chán ngắt Hitler ru trẻ con, Göring diễu hành trong những bộ quân phục lỗ bịch, trước mặt cả ngàn công nhân Sở Lao động.”

“Và Ernst sẽ nằm trong danh sách đó?”

“Tôi hy vọng thế. Tôi nghe nói tên Đại tá không kiên nhẫn lắm với khoản tuyên truyền. Hẳn ta ghê tởm Goebbels cũng nhiều như Göring. Nhưng hẳn đã học được cách chấp nhận luật chơi. Người ta không thành

công trong Chính phủ ở thời buổi này và ở tầm tuổi này nếu không chấp nhận luật chơi.”

Khi đến gần Quán cà phê Edelweiss Paul để ý một chiếc xe màu đen rẻ tiền đang đỗ trên lề đường gần bức tượng Hitler, trước cửa nhà hàng. Detroit dường như vẫn có chỗ đứng trong ngành công nghiệp ô tô Đức. Trong khi gã từng thấy một số mẫu Mercedes và BMW tuyệt đẹp, hầu hết xe tại Berlin đều giống chiếc này, vuông vắn và rách nát. Khi nào quay về Mỹ và nhận được 10.000 đô la, gã sẽ sắm cho mình con xế trong mơ của gã, một con Lincoln đen sáng bóng. Marion hẳn sẽ trông đẹp nhất trong con xe đó.

Paul bất ngờ cảm thấy khát khô cổ. Gã quyết định sẽ chọn bàn trong khi Morgan gọi điện thoại. Quán cà phê dường như chuyên phục vụ món bánh nướng và cà phê, nhưng vào một ngày nóng như thế này, những món ấy không lý tưởng đối với gã. Không, gã quyết định sẽ tiếp tục học hỏi tính kỹ thuật trong sản xuất bia của người Đức.

Chương 14

Ngồi tại một bàn lung lay trong Quán cà phê Edelweiss, Willi Kohl ăn hết món bánh táo và uống xong cốc cà phê. Khỏe hơn nhiều rồi, ông nghĩ. Hai bàn tay ông thực sự đã run lên vì đói. Thiếu ăn lâu đến thế thì không tài nào khỏe được.

Không ai trong quán bao gồm cả tay quản lý và những người khác nhìn thấy người khớp với mô tả về nghi phạm. Nhưng Kohl hy vọng ai đó trong cái vùng bất hạnh này thấy nạn nhân vụ bắn súng tại ngõ Dresden. “Janssen này, cậu có mang theo ảnh nạn nhân nghèo khổ của chúng ta không?”

“Để trong xe DKW, thưa sếp.”

“Đi lấy về đây.”

“Rõ, thưa sếp.”

Cậu ta uống hết cốc Coca rồi bước ra xe.

Kohl theo cậu ta ra cửa, lơ đãng sờ vào khẩu súng ngắn trong túi. Ông đưa bàn tay lên lau lông mày rồi ngược mắt nhìn con phố bên phải, lắng nghe âm thanh một tiếng còi nữa. Nghe thấy tiếng cửa xe DKW đóng sầm, ông quay người lại, liếc nhìn về phía Janssen. Khi làm thế, tay thanh tra để ý một cử động nhanh ngay trước tay trợ lý, bên tay trái của Kohl.

Đó là một người đàn ông mặc áo vest tối màu, mang theo một hộp đựng nhạc cụ bằng sợi thủy tinh hoặc là va li. Anh ta quay lại rồi nhanh chóng rẽ vào sân sau của một chung cư lớn, đổ nát nằm kế bên Quán cà phê Edelweiss. Có điều gì đó không tự nhiên ở cách người đàn ông đó đột ngột chuyển hướng tránh vỉa hè. Ông cũng ngạc nhiên không kém khi người đàn ông ăn mặc thế kia lại đi vào một nơi tồi tàn đến thế.

“Janssen,” Kohl gọi, “cậu có thấy không?”

“Cái gì cơ?”

“Người đàn ông đi vào sân sau đó.”

Tay sĩ quan trẻ nhún vai. “Không rõ lắm. Tôi chỉ liếc qua thôi. Thấy vài người trên vỉa hè.”

“Vài người?”

“Hai người, tôi tin là thế.”

Bản năng của Kohl thức dậy. “Chúng ta phải xem xét chuyện này!”

Khu chung cư gắn liền với kết cấu về bên phải. Nhìn xuống con ngõ, viên thanh tra có thể thấy tòa nhà không có cửa bên. “Sẽ có một lối vào dành cho nhân viên phục vụ ở phía sau, tương tự như Khu Vườn Mùa Hạ. Cậu lại ra bọc lót lối sau đi. Tôi sẽ tiến vào cửa trước. Giả sử rằng cả hai đều có vũ khí và trong tình trạng tuyệt vọng. Súng ngắn phải luôn cầm trong tay. Giờ thì chạy đi! Cậu có thể đánh gục chúng nếu cậu đủ nhanh.”

Tay thanh tra học việc lao vào trong ngõ. Kohl cũng rút súng ra. Ông chậm rãi đến gần sân trong.

Mắc kẹt.

Giống hệt như trong căn hộ của Malone.

Paul và Reggie Morgan đứng dậy, thở hổn hển do cuộc chạy nước rút trong khoảnh sân sau mờ tối đầy rác. Một tá bụi cây bách xù đang chuyển màu nâu. Hai đứa trẻ vị thành niên mặc quần áo lấm lem bùn đất ném đá vào lũ chim bồ câu.

“Vẫn là những cảnh sát đấy à?” Morgan thở hồng hộc. “Từ Khu Vườn Mùa Hạ? Không thể nào.”

“Là chúng đấy.” Paul không chắc chắn họ có bị phát hiện không. Tuy nhiên, tay sĩ quan trẻ, mặc bộ vest xanh dương đã liếc nhìn, đúng lúc Paul kéo Morgan vào sân sau. Họ cho rằng mình đã bị lộ.

“Làm sao chúng tìm được ta?”

Paul không chú ý đến câu hỏi, đưa mắt nhìn xung quanh. Gã chạy đến cửa ra vào bằng gỗ giữa góc chữ u của tòa nhà. Cửa đã bị đóng và khóa lại. Các cửa sổ tầng một cách mặt đất tầm gần hai mét rưỡi rất khó trèo. Hầu

hết các cửa sổ đều đóng, tuy nhiên, Paul thấy một ô cửa sổ đang mở, căn hộ có ô cửa sổ đấy hình như bỏ hoang.

Morgan nhìn theo ánh mắt Paul rồi nói, “Phải, chúng ta có thể trốn ở đó. Kéo rèm xuống. Nhưng làm sao ta trèo lên được?”

“Cho hỏi,” Paul gọi một trong hai thằng nhóc đang ném đá, “cháu có sống ở đây không?”

“Không, thưa ngài, bọn cháu chỉ đến đây chơi thôi.”

“Cháu có muốn kiếm được một mác không?”

“Quá tuyệt, thưa ngài,” một đứa đáp. Đôi mắt nó mở to, chạy lon ton đến chỗ hai người. “Có, bọn cháu muốn.”

“Tốt. Nhưng hai đứa phải hành động thật nhanh.”

Willi Kohl dừng lại bên ngoài lối vào sân trong.

Ông đợi một lúc đến khi chắc chắn Janssen vào vị trí ở phía sau, rồi ngoặt vào góc. Không có dấu hiệu nào của nghi phạm từ ngõ Dresden, hay người đàn ông mang va li. Chỉ có hai đứa trẻ tầm 10 đến 13 tuổi đứng quanh một chõng các thùng thừa đựng sữa bằng gỗ bên kia sân trong. Chúng khó chịu ngược nhìn lên các sĩ quan rồi bắt đầu tản ra sân.

“Hai nhóc kia!” Kohl gọi.

Chúng dừng chân, nhìn nhau khó chịu. “Vâng?”

“Hai đứa có vừa thấy hai người đàn ông không?”

Đứa nọ nhăn nhó liếc nhìn đứa kia. “Không ạ.”

“Đến đây.”

Hai đứa ngấp ngừng một chốc, rồi cùng lúc co giò chạy biến khỏi sân trong, khuấy tung lên lớp bụi mù dưới chân. Kohl thậm chí còn không cố đuổi theo. Nắm chặt khẩu súng ngắn, ông nhìn quanh sân trong. Toàn bộ các căn hộ trên tầng trệt đều có cửa sổ đóng rèm, hoặc các cây leo xanh lét nằm tựa trên các chấn song, cho thấy các căn hộ này có người ở. Cho dù có một căn không có rèm cửa và tối om.

Kohl chậm rãi đến gần, để ý thấy trên sàn nhà đầy bụi dưới ô cửa sổ có những vết lõm - ông hiểu ra là do những thùng đựng sữa. Nghi phạm cùng kẻ đi theo hẳn đã trả tiền cho lũ nhóc mang các thùng thừa này đến cửa sổ, sau đó đặt lại chỗ cũ sau khi chúng đã trèo vào trong căn hộ.

Nắm khẩu súng lục chặt hơn, thanh tra nhấn mạnh chuông cửa tòa nhà.

Một lúc sau, một người đàn ông dáng người mảnh khảnh, tóc màu xám nhanh chóng bước ra. Ông mở cửa, liếc nhìn khẩu súng lục trong tay Kohl bằng cái chớp mắt căng thẳng.

Kohl bước vào trong, nhìn qua người đàn ông vào hành lang tối. Có chuyển động ở đầu kia sảnh. Kohl cầu nguyện rằng Janssen vẫn cảnh giác. Tay thanh tra ít nhất đã từng được thử thách trên chiến trường. Ông đã từng bị bắn và ông tin rằng mình đã từng bắn một hoặc hai kẻ thù. Nhưng còn Janssen? Cho dù cậu ta là một tay thiện xạ tài năng, nhưng thằng nhóc này chl bắn vào các hồng tâm. Cậu ta sẽ làm gì nếu buộc phải đấu súng?

Ông thì thầm với người gác cửa, “Căn hộ ở tầng này, căn thứ hai về bên phải,” Ông đưa tay chỉ. “Nó bỏ hoang đúng không?”

“Vâng, thưa ngài.”

Kohl bước lùi lại, để ý nhìn sân sau phòng trường hợp nghi phạm cố nhảy ra khỏi cửa sổ và chạy trốn. Ông dặn người gác cửa, “Có một sĩ quan khác ở cửa sau. Ông đi gọi cậu ta ngay cho tôi.”

“Vâng, thưa ngài.”

Nhưng đúng lúc ông ta quay đi, một bà già dáng người chắc nịch mặc áo tím và trên cổ quàng khăn màu xanh, lạch bạch bước về phía họ. “Ông Greitel, ông Greitel! Nhanh lên, ông phải gọi cho cảnh sát!”

Kohl quay sang phía bà ta.

Ông gác cửa nói, “Cảnh sát đang ở đây, bà Haeger.”

“Ôi, sao có thể thế được?” Bà ta chớp mắt.

Thanh tra hỏi bà ta, “Bà cần cảnh sát làm gì?”

“Có trộm!”

Bản năng mách bảo Kohl chuyện này có liên quan đến cuộc truy đuổi. “Nói cho tôi biết có chuyện gì, thưa bà. Ngay bây giờ.”

“Căn hộ của tôi nằm phía trước tòa nhà. Từ ô cửa sổ nhà mình, tôi thấy hai người đàn ông đang trốn phía sau một chõng thùng thừa đựng sữa. Đóng thùng mà tôi phải nói rằng ông đã hứa dọn đi từ mấy tuần trước rồi đây, ông Greitel.”

“Làm ơn nói tiếp đi. Vấn đề này có thể cực kỳ khẩn cấp.”

“Hai tên đó đang lẩn trốn. Rõ ràng là thế. Rồi mới ngay lúc này thôi, tôi thấy chúng đứng dậy, lấy hai chiếc xe đạp từ trên giá cạnh cổng vào phía trước. Tôi không biết một trong hai chiếc là của ai, nhưng chiếc kia rõ ràng là của cô Bauer. Cô ấy không có bạn trai nào suốt hai năm rồi, nên tôi biết hẳn cô ta sẽ không cho hẳn mượn chiếc xe đó.”

“Không!” Kohl lăm bắm rồi lao ngay ra ngoài. Giờ thì ông nhận ra nghi phạm đã trả tiền cho bọn nhóc đơn giản chỉ thả hai cái thùng thừa xuống cửa sổ sao cho để lại dấu vết bụi. Nhưng sau đó, nghi phạm để lại hai cái thùng vào đồng thùng như cũ rồi trốn phía sau. Bọn trẻ có khả năng đã được bảo phải tỏ ra lén lút, hoặc khó chịu khiến Kohl tin rằng đây là cách nghi phạm đã lén vào trong tòa nhà.

Ông lao ra khỏi sân trong nhìn ngược xuôi khắp phố, thấy ngay bằng chứng sống của một thống kê mà ông, một sĩ quan cảnh sát lành nghề, hiểu rất rõ: Phương thức di chuyển phổ biến nhất tại Berlin là xe đạp. Hàng trăm người đi xe đạp kín mít con phố đã che chở cho nghi phạm trốn thoát một cách hiệu quả, như một đám mây khói dày đặc.

Vứt lại hai chiếc xe đạp, hai người đi bộ xuống con phố nhộn nhịp cách Quảng trường Tháng 11 Năm 1923 nửa dặm.

Paul và Morgan tìm một quán cà phê hoặc một tiệm rượu có điện thoại.

“Làm sao cậu biết chúng đang ở Quán Cà phê Edelweiss?” Morgan hỏi, thở nặng nhọc vì đạp xe hết tốc lực.

“Chiếc xe đỗ trên lề đường.”

“Cái xe màu đen à?”

“Đúng vậy. Ban đầu tôi chẳng nghĩ gì hết. Nhưng tâm trí tôi vụt nghĩ đến một chuyện. Tôi nhớ hai năm trước, khi tôi đang trên đường làm nhiệm vụ. Hóa ra tôi không phải người duy nhất đến thăm Bo Gillete. Vài cảnh sát từ Brooklyn đã đến đó trước. Nhưng họ lười nhác lắm. Họ đỗ xe ở ngoài, trên lề đường cách ngôi nhà một quãng như thể đó là chiếc xe đánh lạc hướng. Ai mà nhận ra được chứ? Nhưng Bo nhận ra. Hẳn xuất hiện, hiểu rằng họ đang đi tìm hãn nên biến mất. Tôi phải mất đến một tháng mới tìm lại được hãn. Nhớ đến chuyện đó nên tôi nghĩ, đó là xe cảnh sát. Vậy nên khi tay thanh niên đó bước ra ngoài, tôi nhận ra ngay đó cũng là người tôi đã thấy trên hàng hiên quán Khu Vườn Mùa Hạ.”

“Chúng đã theo dõi chúng ta suốt từ ngõ Dresden, Khu Vườn Mùa Hạ rồi tới tận đây... Bằng cách nào vậy chứ?”

Paul nghĩ lại. Gã không nói cho Käthe Richter biết việc mình đến đây. Gã đã kiểm tra đến 12 lần để chắc chắn không có ai bám theo gã từ nhà trọ đến điểm đỗ taxi. Gã không hề nói với ai khi ở làng Thế vận hội. Tay chủ tiệm cầm đồ ở đây có thể đã phản bội họ, nhưng ông ta hẳn sẽ không biết về Khu Vườn Mùa Hạ. Không, hai tên cớm mẫn cán này hẳn đã tự lần theo họ.

“Những chiếc taxi,” cuối cùng Paul nói.

“Cái gì?”

“Đó là đầu mối duy nhất. Đến Khu Vườn Mùa Hạ rồi đến đây. Từ giờ trở đi, nếu chúng ta không thể đi bộ, chúng ta phải bảo tài xế thả chúng ta xuống cách nơi chúng ta sẽ đến hai, ba khối nhà.”

Họ tiếp tục đi xa khỏi Quảng trường Tháng 11 năm 1923. Thêm một vài khối nhà nữa, họ tìm thấy một quán bia có điện thoại công cộng. Morgan đi vào trong gọi cho liên lạc của ông ta, trong khi Paul gọi bia, không ngừng vừa cảnh giác vừa bực bội nhìn ra ngoài. Hãn là gã sẽ không ngạc nhiên nếu thấy hai tên cảnh sát lao nhanh trên phố, vẫn lần theo dấu vết của họ.

Chúng là lũ quái nào thế?

Khi Morgan quay lại bàn, ông lo lắng. “Chúng ta có một rắc rối.” Ông nhấp một ngụm bia, đưa tay lên lau rìa mép. Rồi ngả người về phía trước. “Chúng không hé ra bất kỳ thông tin nào nữa. Có lệnh từ Himmler hoặc

Heydrich - người của tôi không chắc được là ai - rằng không một thông tin nào về những cuộc xuất hiện công khai của Đảng hoặc các quan chức Chính phủ được phép tiết lộ cho đến khi có thông báo thêm. Không có họp báo. Chẳng có gì cả. Tuyên bố vừa được đưa ra vài giờ trước.”

Paul uống hết nửa cốc bia còn lại. “Chúng ta nên làm gì đây? Ông biết gì về lịch hoạt động của Ernst không?”

“Tôi thậm chí còn chẳng biết hắn sống ở đâu, ngoại trừ chỗ nào đó ở Charlottenburg. Chúng ta có thể rình hắn ra khỏi Phủ Thủ tướng và theo dõi hắn. Nhưng như thế sẽ rất khó khăn. Nếu cậu ở gần một quan chức Đảng cấp cao trong phạm vi khoảng 150 mét, cậu có thể bị khám xét giấy tờ và tổng giam, nếu chúng không thích những gì chúng thấy.”

Paul suy nghĩ một lúc. Gã nói, “Tôi có một ý. Tôi có thể thu thập được chút thông tin.”

“Về cái gì?”

“Ernst,” Paul đáp.

“Cậu ư?” Morgan ngạc nhiên hỏi.

“Nhưng tôi sẽ cần hai trăm mác nữa.”

“Có, số tiền này tôi có.” Ông đếm các tờ tiền rồi nhét vào tay Paul.

“Và người của ông trong Bộ Thông tin đúng không? Ông có nghĩ rằng anh ta có thể tìm được thông tin những người không phải là quan chức không?”

Morgan nhún vai. “Tôi không thể nói chắc được. Nhưng tôi có thể chắc chắn với cậu một điều - nếu Chủ nghĩa Phát xít có bất cứ kỹ năng nào, thì đó là thu thập thông tin về các công dân của mình.”

Janssen cùng Kohl rời khỏi sân trong tòa nhà.

Bà Haeger không thể đưa ra mô tả nào về các nghi phạm, cho dù thật mỉa mai, đây không phải chứng mù lòa về chính trị mà là mù lòa theo đúng nghĩa đen. Những hạt cườm trong mắt bà ta cho phép con người bận rộn

này quan sát được nghi phạm lẫn trốn, sau đó rời đi bằng xe đạp. Nhưng bà ta không thể nào nhìn chi tiết hơn được nữa.

Nản chí, họ quay về Quảng trường Tháng 11 năm 1923 tiếp tục tìm kiếm, đi khắp cả con phố nói chuyện với những người bán hàng rong và bồi bàn, trưng ra hình ảnh khắc axit của nạn nhân và hỏi han về nghi phạm.

Nhưng họ không thành công - cho tới khi đến một cửa hàng bánh ngọt đối diện công viên, nép mình dưới bóng bức tượng Hitler. Một người đàn ông béo tròn mặc tạp dề trắng thừa nhận với Kohl rằng, ông ta đã thấy một chiếc taxi tấp vào lề đường bên kia nửa giờ trước hoặc hơn. Ông ta nói taxi xuất hiện ở đây là điều bất thường, vì dân thường ở đây đều không đủ trả tiền cước. Và chẳng có lý do quái gì để ai đó sống ngoài vùng này đến đây, ít nhất là đến bằng taxi.

Ông ta để ý một người cao lớn có mái tóc nâu bóng xuống xe, nhìn quanh rồi bước đến chỗ bức tượng. Anh ta ngồi xuống chiếc ghế dài một lúc rồi đi.

“Hắn có mang theo cái gì không?”

“Quần áo nhẹ nào đó. Tôi nhìn không rõ lắm.”

“Ông còn nhận ra đặc trưng nào nữa không?”

“Không, thưa ngài. Tôi còn có khách hàng mà.”

“Hắn có mang theo va li hay ba lô nào không?”

“Tôi không tin là thế, thưa ngài.”

Kohl tự nhủ, vậy là những giả định của ông là chính xác: nhiều khả năng nhất là hắn đang ở lại đâu đó gần Lützow Plaza, đã đến đây nhằm mục đích nào đó.

“Hắn đã đi lối nào?”

“Tôi không thấy, thưa ngài. Xin lỗi.”

Mù lòa, dĩ nhiên rồi. Nhưng ít nhất thì đây là lời khẳng định, rằng nghi phạm của họ thực sự dạo này đã tới đây.

Đúng lúc này, một chiếc Mercedes đen ngoặt vào góc phố, rồi dừng lại.

“Chà,” Kohl lăm bẫm, thấy Peter Krauss xuống xe và nhìn quanh. Ông biết cách người này theo dõi ông ra sao. Nội quy đã quy định rằng ông phải thông báo cho các sĩ quan bàn giấy của Cục mỗi lần rời khỏi Alex trong giờ

hành chính, cho biết rõ ông sẽ đi đâu. Hôm nay, ông đã lưỡng lự có nên chia sẻ thông tin này không. Nhưng tảng lờ nội quy sẽ rất khó khăn cho Willi Kohl. Trước khi đi ông đã ghi lại, Quảng trường Tháng 11 năm 1923 và thời gian dự kiến ông sẽ quay về.

Krauss gật đầu chào. “Chỉ làm vài vòng thôi, Willi. Đang tự hỏi vụ án tiến triển tới đâu rồi.”

“Vụ nào?” Kohl hỏi, chỉ tỏ ra cẩu kính.

“Dĩ nhiên là cái xác ở ngõ Dresden.”

“Trời ạ, dường như nhân lực của phòng chúng tôi bị rút hết rồi.” Ông nói thêm bằng giọng châm biếm. “Vì một lý do chẳng hiểu là gì. Nhưng chúng tôi cho rằng nghi phạm có thể đã đến đây từ trước.”

“Tôi đã nói với anh sẽ kiểm tra với các đầu mối liên hệ của mình. Tôi rất vui lòng báo cáo rằng người đưa tin của tôi có thông tin tốt, kẻ sát nhân thực sự là người nước ngoài.”

Kohl lấy ra tập giấy và cây bút chì. “Thế tên của nghi phạm là gì?”

“Anh ta không biết.”

“Quốc tịch của hắn là gì?”

“Anh ta không thể nói.”

“VẬY người đưa tin này là ai?” Kohl hỏi, giận điên người. “Ồi, tôi không thể tiết lộ được.”

“Tôi cần phải thẩm vấn anh ta, Peter. Nếu anh ta là nhân chứng.”

“Anh ta không phải là nhân chứng. Anh ta có nguồn tin riêng và nó...”

“... cũng tuyệt mật,”

“Đúng vậy. Tôi chỉ báo lại với anh tin này vì thật vui khi những nghi ngờ của anh đã được khẳng định.”

“Những nghi ngờ của tôi?”

“Rằng hắn không phải là người Đức.”

“Tôi chưa bao giờ nói thế.”

“Ông là ai?” Krauss hỏi, quay về phía người bán bánh.

“Ông thanh tra đây đang hỏi tôi về người đàn ông tôi đã thấy.”

“Nghi phạm của anh à?” Krauss hỏi Kohl.

“Có thể.”

“Chà, anh giỏi đấy, Willi. Chúng ta cách ngõ Dresden mấy cây số thế nhưng anh vẫn lần theo nghi phạm tới tận cái xó này.” Anh ta liếc nhìn nhân chứng. “Ông ta có hợp tác không?”

Người bán bánh nói bằng giọng run rẩy. “Tôi không thấy gì hết, thưa ngài. Không hẳn. Chỉ là một người đàn ông xuống xe taxi thôi.”

“Người đó xuống đâu?”

“Tôi không...”

“Xuống đâu?” Krauss hỏi vặn.

“Bên kia đường. Thật đấy, thưa ngài. Tôi chẳng nhìn thấy gì cả. Anh ta quay lưng lại phía tôi. Anh ta...”

“Nói dối.”

“Tôi thề có... Tôi thề có Lãnh tụ.”

“Một người tuyên thệ sai vẫn là một người nói dối.” Krauss quay sang một trong số các phụ tá của mình, một sĩ quan mặt tròn. “Chúng ta sẽ đưa anh ta về phố Prince Albrecht. Cho ở đấy một ngày để cung cấp mô tả chi tiết.”

“Không, xin ngài. Tôi muốn giúp. Tôi hứa với ngài.”

Willi Kohl nhún vai. “Nhưng sự thật là ông không giúp được nhiều.”

“Tôi đã nói...”

Kohl đề nghị xem chứng minh thư của người này. Ông ta đưa nó ra với đôi bàn tay run rẩy. Kohl mở ra xem.

Krauss lại liếc nhìn trợ lý của anh ta. “Còn tay ông ta lại. Đưa về trụ sở.”

Tay sĩ quan Gestapo trẻ tuổi bẻ quặt hai tay ông ta ra phía sau, bập còng số tám vào. Hai mắt ông ta đăm lẹ. “Tôi đã cố nhớ lại. Tôi nói thật...”

“À, ông sẽ nhớ lại. Tôi đảm bảo với ông điều đó.”

Kohl nói với ông ta, “Chúng tôi đang giải quyết các vấn đề có tầm quan trọng rất lớn ở đây. Lúc này, tôi khuyên hợp tác. Nhưng nếu đồng nghiệp của tôi muốn đưa ông quay về phố Prince Albrecht” - thanh tra nhướn mày về phía người đồng nghiệp kinh hoàng - “mọi thứ sẽ tồi tệ cho ông đấy, ông Heydrich. Rất tồi tệ.”

Người đàn ông chớp mắt, đưa tay lau nước mắt. “Nhưng, thưa ngài...”

“Phải, phải, thực sự là họ sẽ...” Giọng Kohl nhỏ dần. Ông nhìn vào chứng minh thư lần nữa. “Ông là... ông sinh ở đâu?”

“Göttburg, ngoài Munich, thưa ngài.”

“À.” Khuôn mặt Kohl vẫn đóng băng. Ông chậm rãi gật đầu. Krauss liếc nhìn ông.

“Nhưng, thưa ngài, tôi nghĩ...”

“Và đó là một thành phố nhỏ?”

“Vâng, thưa ngài. Tôi...”

“Làm ơn im lặng đi,” Kohl nói, tiếp tục nhìn chăm chăm chứng minh thư.

Krauss cuối cùng cũng hỏi, “Chuyện gì vậy, Willi?”

Kohl ra hiệu cho tay sĩ quan Gestapo đứng sang một bên. Ông thì thầm, “Tôi nghĩ Cảnh sát Hình sự không còn quan tâm đến người này nữa. Anh có thể làm gì với ông ta thì làm.”

Krauss im lặng một lúc, cố gắng hiểu sự thay đổi thái độ bất ngờ của Kohl. “Tại sao?”

“Và xin anh giúp cho một việc, đừng nói rằng Janssen và tôi tạm giam ông ta.”

“Một lần nữa tôi phải hỏi tại sao, Willi?”

Sau một lúc Kohl mới nói, “Lãnh đạo SD Heydrich đến từ Göttburg.”

Reinhard Heydrich, kẻ cầm đầu bộ phận phản gián của SS và là nhân vật số hai của Himmler, được xem là kẻ tàn bạo nhất của ĐỆ TAM ĐẾ CHẾ. Heydrich là một cỗ máy không có trái tim (hắn đã từng hủy thai một cô gái sau đó bỏ mặc cô ấy chết, chỉ vì hắn căm ghét phụ nữ không giữ đạo đức). Có người nói rằng Hitler không thích gây đau đớn cho người khác, nhưng vẫn chấp nhận khi đáp ứng nhu cầu của ông ta. Heinrich Himmler lại ưa thích trò này nhưng không có khả năng dùng nó đẩy mạnh các mục tiêu của mình. Heydrich vừa thích gây đau đớn vừa có nghệ thuật trong việc đó.

Krauss liếc nhìn người bán bánh rồi khó chịu hỏi, “Chúng có... Anh nghĩ xem có liên quan đến chúng không?”

“Tôi không thích mạo hiểm. Tại Gestapo, anh có quan hệ với SD tốt hơn Cảnh sát Hình sự chúng tôi. Anh có thể thẩm vấn ông ta mà không chịu

nhiều hậu quả. Nếu chúng thấy tên tôi dính líu đến ông ta trong một cuộc điều tra, sự nghiệp của tôi xem như hết.”

“Nhưng dù thế... thậm chí một trong những người thân của Heydrich?” Krauss nhìn xuống vỉa hè, rồi hỏi Kohl. “Anh có cho rằng ông ta biết thông tin gì giá trị không?”

Kohl dò xét người bán bánh khốn khổ. “Tôi nghĩ có lẽ ông ta biết nhiều hơn nhưng chẳng có gì đặc biệt hữu ích với chúng tôi. Tôi có cảm giác giống anh rằng ông ta đang lẩn tránh điều gì đó, thực ra chẳng có gì ngoài cách nhào bột với mặt cửa, hay sử dụng bơ ở chợ đen.” Thanh tra liếc nhìn quanh vùng này. “Tôi chắc chắn nếu Janssen và tôi tiếp tục ở đây, chúng tôi có thể biết thêm bất kỳ thông tin gì liên quan đến vụ ngộ Dresden và đồng thời” - ông hạ thấp giọng - “đừng để chúng tôi mất việc nhé.”

Đi tới đi lui, Krauss có lẽ đang cố gắng nhớ lại anh ta có nói tên mình cho người đàn ông này chưa. Ông ta có thể tiết lộ ngược lại cho ông anh họ Heydrich. Rồi anh ta đột ngột nói, “Tháo còng ra.” Khi tay sĩ quan trẻ làm theo, anh ta nói, “Chúng tôi sẽ cần một báo cáo về vụ ngộ Dresden sớm, Willi.”

“Dĩ nhiên.”

“Hail Hitler.”

“Chào.”

Hai tay sĩ quan Gestapo lên chiếc Mercedes, lượn vòng quanh tượng Lãnh tụ rồi hòa vào dòng người đang đi lại.

Khi chiếc xe đã đi xa, Kohl trả lại ông bán bánh chứng minh thư. “Của ông đây, ông Rosenbaum. Ông có thể quay lại làm việc rồi. Chúng tôi sẽ không quấy rầy ông nữa.”

“Cảm ơn, ôi cảm ơn ngài,” người bán bánh nhiệt thành nói. Đôi bàn tay ông ta vẫn đang run, nước mắt đọng lại thành vệt quanh miệng. “Chúa phù hộ cho ngài.”

“Suyt,” Kohl nói, tức giận trước thái độ hàm ơn hờ hênh này. “Quay lại với cửa hàng của ông đi.”

“Vâng, thưa ngài. Một ổ bánh mì cho ngài nhé? Vài bánh táo tẩm đường nhé?”

“Không, không. Quay về cửa hàng của ông, ngay bây giờ.”

Người đàn ông nhanh chóng quay vào trong.

Khi họ trở lại xe, Janssen hỏi, “Tên ông ta không phải là Heydrich? Mà là Rosenbaum mà?”

“Liên quan đến chuyện này, Janssen, tốt hơn hết cậu đừng có hỏi. Nó sẽ không giúp cậu trở thành một thanh tra giỏi hơn đâu.”

“Rõ, thưa sếp.” Cậu ta gật đầu theo cách chế nhạo.

“Bây giờ,” Kohl nói tiếp, “chúng ta biết rằng nghi phạm đã xuống taxi ở đó và ngồi tại quảng trường trước khi hắn đi làm nhiệm vụ ở đây, bất kể nhiệm vụ đó là gì. Hãy cùng đi hỏi những người đang sưởi nắng trên ghế xem họ có thấy gì không.”

Họ không gặp may với đám đông này, đúng như Kohl đã giải thích với Janssen, phần nhiều trong số này không đồng cảm chút nào với Đảng hay Cảnh sát. Họ chẳng moi được gì cho tới khi đến gặp người đàn ông đang ngồi dưới bóng râm tượng Lãnh tụ bằng đồng. Kohl quan sát ông ta và người thấy mùi chiến binh - hoặc là quân đội chính quy của Free Corps, lực lượng dân quân không chính thức được thành lập sau Thế Chiến thứ I.

Ông ta gật đầu cái rụp khi Kohl hỏi về nghi phạm. “Chà, đúng, đúng. Tôi hiểu ý cậu.”

“Xin hỏi ông là ai?”

“Tên tôi là Helmut Gershner, cựu Hạ sĩ trong quân đội của Kaiser Wilhelm.”

“Và ông có gì để kể cho chúng tôi, Hạ sĩ?”

“Tôi đã nói chuyện với người này khoảng bốn mươi lăm phút trước. Hắn khớp với mô tả của cậu.”

Kohl thấy tim mình đập thành thịch. “Có phải hắn vẫn còn ở đây không? Ông có biết không?”

“Điều đó thì tôi không biết.”

“Rồi, kể cho chúng tôi nghe về hắn đi.”

“Vâng, Thanh tra. Chúng tôi đang nói chuyện về Thế Chiến thứ I. Ban đầu, tôi nghĩ chúng tôi là đồng chí, nhưng sau đó tôi cảm thấy có điều lạ lùng.”

“Đó là gì thưa ngài?”

“Hắn có nói đến trận chiến St.Mihiel. Thế nhưng hắn lại chẳng bị làm sao.”

“Bị làm sao?”

Ông ta lắc đầu. “Chúng tôi đã mất mười lăm nghìn lính bị bắt trong trận đó, và nhiều, nhiều lính chết nữa. Đối với tôi, đó là một ngày đen tối nhất cho cả đơn vị của tôi, Biệt đội C. Đúng là một bi kịch! Quân Mỹ và quân Pháp đẩy chúng tôi về đến tận Phòng tuyến Hindenburg. Có vẻ như hắn biết nhiều về cuộc chiến này. Tôi nghi ngờ việc hắn có mặt ở đó. Nhưng trận chiến này đối với hắn không phải là nỗi kinh hoàng. Tôi có thể thấy điều đó trong mắt hắn, rằng hắn xem những ngày kinh hoàng đó chẳng là gì. Và,” - đôi mắt ông ta bùng lên căm phẫn - “hắn không chịu uống cùng lọ rượu bết với tôi để vinh danh những người đã chết. Tôi không hiểu tại sao hai người lại đi tìm hắn, nhưng chỉ riêng phản ứng này thôi cũng khiến tôi nghi ngờ. Tôi nghi ngờ rằng hắn là kẻ đào ngũ. Hay là một tên hèn nhát. Có lẽ hắn thậm chí còn là kẻ đâm sau lưng.”

Kohl buồn bã nghĩ, hoặc có thể hắn chính là kẻ thù. Thanh tra hỏi, “Hắn có nói điều gì nữa về công việc của hắn tại đây không? Hay đến bất kỳ đâu chẳng hạn?”

“Không, thưa ngài, hắn không nói. Chúng tôi chỉ nói chuyện một lát thôi.”

“Hắn có đi một mình không?”

“Tôi nghĩ là không. Hắn dường như đi cùng một người khác, nhỏ nhắn hơn tôi một chút. Nhưng tôi không nhìn rõ lắm, xin lỗi. Tôi không chú ý, thưa ngài.”

“Ngài làm tốt lắm, chiến binh,” Janssen nói. Quay sang Kohl, tay thanh tra học việc gợi ý. “Có lẽ, người chúng ta thấy tại sân trong là đồng nghiệp của hắn. Một kẻ mặc bộ vest đen, nhỏ người hơn.”

Kohl gật đầu. “Có khả năng. Một trong số những người đi cùng tại Khu Vườn Mùa Hạ.” Ông hỏi người cựu chiến binh. “Người cao lớn đó, hắn tầm bao nhiêu tuổi?”

“Khoảng bốn mươi, chắc thêm một hai năm gì đó. Tầm tuổi như tôi.”

“Và ông nhìn rõ mặt hẳn chứ?”

“À, có thưa ngài. Tôi ngồi gần hẳn như đang ngồi gần ngài bây giờ. Tôi có thể mô tả hẳn chính xác.”

Đội ơn Chúa, Kohl nghĩ: dịch mù lòa đã chấm dứt rồi. Ông liếc nhìn lên con phố, tìm kiếm một người mà ông đã quan sát khi xem xét khu vực này nửa giờ trước. Ông nắm lấy cánh tay người cựu chiến binh, giơ một tay lên để chặn luồng giao thông, dẫn người đàn ông tàn tật này sang đường.

“Cậu gì ơi,” ông nói chuyện với người bán hàng mặc áo khoác bản thủ, đang ngồi cạnh một xe đẩy rẻ tiền chờ tranh đi bán. Người nghệ sĩ đường phố nhìn lên từ bức tranh tĩnh vật hoa anh ta đang vẽ. Anh ta bỏ bút xuống, đứng dậy cảnh giác khi thấy tấm thẻ cảnh sát của Kohl.

“Tôi xin lỗi, Thanh tra. Tôi thề với ngài tôi cố nhiều lần rồi để có giấy phép, nhưng mà...”

Kohl ngắt lời. “Cậu có dùng bút chì không, hay chỉ dùng màu vẽ thôi?”

“Tôi...”

“Bút chì! Cậu dùng được bút chì không?”

“Có, thưa ngài. Tôi thường xuyên bắt đầu bằng bút chì để phác thảo ban đầu, sau đó tôi...”

“Rồi, rồi, tốt rồi. Bây giờ, tôi có việc cho cậu đây.” Kohl đỡ tay hạ sĩ tàn tật ngồi xuống chiếc ghế vải tồi tàn, chìa ra trước mặt tay nghệ sĩ một tập giấy.

“Ông muốn tôi vẽ người đàn ông này à?” tay bán hàng hỏi, liều lĩnh nhưng bối rối.

“Không, tôi muốn cậu vẽ người đàn ông mà người này sắp mô tả.”

Chương 15

Chiếc taxi phóng hết tốc lực qua một khách sạn lớn, trên đó những lá cờ Phát xít màu đỏ-trắng-đen bay phấp phới.

“Chà, Metropol đấy,” tài xế nói. “Anh biết giờ ai đang thuê phòng ở đó không? Nữ diễn viên kiêm ca sĩ vĩ đại Lillian Harvey đấy! Chính mắt tôi đã thấy cô ấy. Chắc anh phải thích các vở nhạc kịch của cô ấy lắm.”

“Cô ta giỏi đấy.” Paul chẳng biết người phụ nữ này là ai.

“Hiện tại, cô ấy đang đóng phim ở Babelsberg tại Trường quay UFA. Tôi rất muốn cô ấy đi xe của tôi, nhưng dĩ nhiên cô ấy có limousine rồi.”

Paul lơ đãng liếc nhìn khách sạn xa hoa - đúng là kiểu khách sạn một ngôi sao điện ảnh sẽ ở. Sau đó, chiếc taxi quay về phía Bắc, khung cảnh vùng này đột ngột thay đổi ngày càng chằng chịt những khối nhà. Năm phút sau, Paul nói với tài xế, “Xin anh cho tôi xuống đây.”

Anh ta thả gã xuống lề đường, lúc này vì cảnh giác trước đầu mỗi taxi, Paul đợi cho đến khi chiếc xe hòa vào dòng giao thông rồi mới đến phố Drangoner cách hai khối nhà. Sau đó, gã tiếp tục đến quán cà phê Aryan.

Vào trong quán, gã không phải tìm kiếm Otto Webber nữa. Tay người Đức đã ngồi tại bàn ở quán bar ngoài cùng, đang tranh cãi với một người đàn ông mặc áo vest xanh nhạt, đầu đội mũ rơm chóp phẳng. Webber ngược mắt lên và nở nụ cười tuyệt đẹp dành cho Paul, sau đó nhanh chóng bỏ rơi anh bạn kia.

“Đến đây, đến đây nào, anh John Dillinger! Khỏe chứ hả, anh bạn?” Webber đứng lên ôm chầm lấy gã.

Họ cùng ngồi xuống. Paul chưa kịp cởi khuy áo khoác, Liesl, ở hầu bàn trẻ trung quyến rũ từng phục vụ họ, tiến thẳng đến chỗ gã. “Chà, anh quay

lại rồi,” ả tuyên bố, đặt một tay lên vai gã và xiết chặt. “Anh không thể cưỡng lại em được! Em biết mà! Giờ anh sẽ uống gì đây?”

“Bia Pschorr cho tôi,” Paul đáp. “Bia Berlin cho anh ấy.”

Những ngón tay của ả khẽ sờ gáy gã khi quay bước đi.

Đôi mắt Webber nhìn theo Liesl. “Có vẻ cậu tự kiếm cho mình một người bạn đặc biệt rồi. Điều gì đã mang cậu quay lại thế? Sức quyến rũ của Liesl? Hay cậu lại bị mấy thằng áo nâu thối tha nữa tấn cho bầm dập và cần tôi giúp?”

“Tôi nghĩ cuối cùng chúng ta có thể làm ăn một chút.”

“Chà, những lời nói của cậu tôi nghe như nhạc Mozart ấy. Tôi biết cậu là kẻ sắc sảo mà.”

Liesl mang hai cốc đến ngay lập tức. Paul để ý ít nhất có hai khách hàng đã gọi từ trước, nhưng không được phục vụ. ả nhìn mặt nhìn quanh quán bar. “Em phải làm việc rồi. Không thì em sẽ ngồi với anh để anh mua mấy ly rượu snap của em.” Nói rồi, ả cau có bỏ đi.

Webber chạm mạnh cốc mình vào cốc của Paul. “Cảm ơn vì cốc này.” Gã gật đầu sau khi người đàn ông mặc bộ vest màu xanh xám đã đến quầy bar. “Tôi cũng có những rắc rối như thế. Cậu sẽ không tin được đâu. Hitler đã tuyên bố một mẫu xe mới tại Triển lãm Ô tô Berlin năm ngoái. Tốt hơn cả xe Audi, rẻ hơn xe DKW. Folks-Wagon, nó sẽ được gọi như vậy. Một chiếc xe cho tất cả mọi người. Cậu có thể thanh toán trả góp rồi mang nó về khi cậu đã trả đủ tiền. Không phải là một ý tồi đâu. Công ty có thể kiếm được tiền mà vẫn giữ lại xe trong trường hợp cậu không đủ tiền trả hết. Không phải tuyệt vời sao?”

Paul gật đầu.

“Chà, tôi thật may mắn khi tìm thấy một nghìn cái lốp.”

“Tìm thấy?”

Webber nhún vai. “Và giờ tôi biết rằng các kỹ sư chết tiệt đã thay cỡ bánh xe. Kho hàng của tôi thành vô dụng rồi.”

“Anh tổn thất bao nhiêu?”

Webber ngấm lốp bọt trong cốc bia của mình. “Thực sự tôi chưa mất tiền. Nhưng tôi sẽ không kiếm được tiền nữa. Thế cũng đủ tồi tệ rồi. Ô tô là

một thứ mà quốc gia này làm rất tốt. Sản phẩm tót lại của Little Man* chạy khắp đường. Nhưng chúng ta có một câu chuyện cười. Anh có thể du lịch đến bất kỳ đâu trong quốc gia này, phóng với tốc độ cực đại, cực kỳ thoải mái. Nhưng tại sao cậu lại muốn thế? Vì tất cả những gì cậu thấy phía cuối con đường là có nhiều tên Quốc Xã nữa.” Anh ta cười phá lên.

Bên kia phòng Liesl đang nhìn Paul đầy mong đợi. À muốn gì nhỉ? Một lời gọi bia nữa, một khoản boa kha khá hay một lời cầu hôn? Paul quay sang Webber. “Tôi thừa nhận anh đã đúng, Otto. Tôi không chỉ là một ký giả thể thao.”

“Nếu cậu hoàn toàn là một ký giả thể thao.”

“Tôi có một đề xuất.”

“Tốt, tốt. Nhưng chúng ta hãy nói bốn mắt nhìn nhau nhé. Cậu hiểu ý tôi không? Chỉ có hai ta thôi. Có một nơi tốt hơn để nói chuyện và tôi cần đi giao một thứ.”

Họ uống hết hai cốc bia, Paul để lại mấy mác trên bàn. Webber cầm lên một túi mua sắm quần áo với mấy chữ KaDeWe -Cửa hàng Tốt Nhất Thế Giới in ngoài bì. Họ ra khỏi quán mà không chào tạm biệt Liesl.

“Đi lối này.” Ra ngoài họ rẽ về phía Bắc xa khỏi khu mua sắm, những cửa hàng, khách sạn Metropol và tiến vào một khu vực ngày càng lờ lợ, phô trương.

Ở đây có một số hộp đêm, quán rượu tất cả đều đóng cửa kín mít. “Ôi nhìn xem này. Địa bàn cũ của tôi đấy. Tất cả đều đi hết rồi. Nghe này, cậu John Dillinger, tôi sẽ nói với cậu rằng tôi rất nổi tiếng tại Berlin. Giống như mấy kẻ du côn của cậu, tôi đã đọc về những nhân vật tội ác điển hình, chúng tôi ở đây cũng có Ringvereine của riêng mình.”

Paul không quen lắm với từ này, dịch theo nghĩa đen là “hiệp hội” nhưng theo giải thích của Webber, thì phải dịch là những “băng đảng.”

Webber nói tiếp. “À, chúng tôi đông lắm. Rất mạnh. Băng của tôi được gọi theo tên Miền Tây Hoang Dã của cậu. Chúng tôi là những chàng Cao Bồi.” Anh ta dùng một từ tiếng Anh. “Tôi là chủ tịch của băng một thời gian, Phải, chủ tịch đấy. Trông cậu ngạc nhiên kìa. Nhưng chúng tôi có bầu cử để chọn ra những lãnh đạo đứng đầu.”

“Dân chủ đấy.”

Webber trở nên nghiêm túc. “Cậu phải nhớ, chúng tôi, hay Chính phủ Đức hồi ấy của chúng tôi là Cộng hòa. Tổng thống là Hindenburg. Những bang hội của chúng tôi được điều hành rất tốt. Đông đảo lắm. Chúng tôi sở hữu những tòa nhà, nhà hàng và tổ chức nhiều bữa tiệc lớn. Thậm chí cả những buổi khiêu vũ hóa trang nữa và chúng tôi mời đến đấy những chính trị gia, các quan chức cảnh sát. Chúng tôi là một lũ tội phạm, đúng, nhưng chúng tôi được tôn trọng. Chúng tôi đáng tự hào và cũng lành nghề nữa. Ngày nào đó, tôi có thể khoe với cậu một trong những mảnh lừa đảo giỏi hơn của tôi.”

“Tôi không biết nhiều về giới tội phạm của cậu, John Dillinger - những Al Capone, những Dutch Schultz của cậu -những giới tội phạm của chúng tôi được bắt đầu ở các Câu lạc bộ đấm bốc. Những người lao động gặp gỡ nhau làm vài trận sau giờ làm và họ bắt đầu lập thành những băng cướp. Chúng tôi có nhiều năm nổi loạn và quấy nhiễu dân chúng một thời gian sau Thế Chiến thứ I, chiến đấu với những người Cộng sản. Thật điên rồ. Và rồi lạm phát khủng khiếp... Đốt các hối phiếu ngân hàng để sưởi ấm còn rẻ hơn là dùng để mua củi. Một trong các đồng đô la của cậu có thể mua được hàng tỉ mác. Những khoảng thời gian kinh hoàng. Chúng tôi có một câu nói lan truyền trong nước: “Đói thì đầu gối phải bò.” Tất cả chúng tôi đều đói rạc. Đó là lý do tại sao Little Man lên nắm quyền. Và đó là cách tôi tự tạo thành công cho mình. Thế giới của tôi là trao đổi hàng hóa và chợ đen. Tôi tỏa sáng trong bầu khí quyển đó.”

“Tôi có thể hình dung được,” Paul nói. Rồi gã hất đầu về phía một hộp đêm có múa hát giúp vui bị đóng cửa. “Và những kẻ Quốc Xã đã dọn sạch mọi thứ.”

“Chà, đó là một cách tiêu tiền đấy. Phụ thuộc vào cách cậu định nghĩa thế nào là “dọn sạch.” Đầu óc của Little Man không ổn. Hắn không uống rượu, không hút thuốc, thậm chí không thích cả phụ nữ. Hoặc đàn ông. Xem cách hắn lấy mũ che đũng quần tại các cuộc mít tinh lớn ấy. Chúng tôi nói rằng hắn đang bảo vệ kẻ thất nghiệp cuối cùng của nước Đức!” Webber

phá lên cười lớn, rồi nụ cười tắt dần. “Nhưng chuyện này không đùa đâu. Nhờ có hãn, những thằng tù đã vượt ngục hết rồi.”

Họ tiếp tục im lặng một lúc. Rồi Webber dừng lại, tự hào chỉ tay vào một tòa nhà đổ nát.

“Chúng ta đến nơi rồi, bạn tôi. Nhìn cái tên đi.”

Tấm biển đã phai màu viết bằng tiếng Anh, Câu lạc bộ Texas.

“Nơi đây đã từng là sào huyệt của tôi. Của bang hội Những Tay Cao Bồi của tôi, mà tôi nói lúc nãy. Hồi đó, nó đẹp lắm, đẹp hơn nhiều. Căn thận bước chân đấy, cậu John Dillinger. Đôi khi có những người đàn ông ngủ lang trên lối vào. Ôi chà, tôi có nên đi than vãn chuyện thời thế đổi thay này không đây?”

Webber đã giao xong cái túi đựng hàng bí ẩn cho người phục vụ quầy rượu, rồi nhận một phong bì.

Căn phòng đầy khói thuốc, mùi hôi của rác rưởi và tói. Sàn nhà vứt vương vãi thuốc lá và đầu mẫu xì gà đã hút đến chỉ còn lại những mẫu bé xíu.

“Ở đây chỉ có một loại bia thôi,” Webber cảnh báo. “Họ không thể pha trộn các bom bia. Chúng đóng thùng từ nhà máy bia rồi. Còn gì khác không nhỉ? À, họ pha rượu snap với ethyl và tính chất thực phẩm. Rượu vang... mà thôi thậm chí đừng hỏi. Còn về đồ ăn...” Anh ta hất đầu về phía các bộ dao, đĩa và thìa gắn vào tường bên cạnh từng bàn. Một thanh niên trong bộ quần áo nhem nhuốc đang bước quanh phòng, tay rửa mấy chiếc dao đĩa hay thìa dùng rồi trong cái xô nhờn mỡ. “Tốt hơn không nên về khi bụng còn đói,” Webber nói. “Hoặc cậu không hề muốn ra về.”

Họ gọi món rồi tìm chỗ ngồi. Tay phục vụ ở quầy rượu suốt từ nãy ném sang Paul cái nhìn chăm chăm thiếu nã, mang hai cốc bia đến bàn. Cả hai cùng lau miệng cốc trước khi uống. Webber vô tình liếc nhìn xuống rồi nhú mày. Anh gác chân này lên chân kia rồi xem xét quần dài. Dưới đáy gấu quần đã bục chỉ, những sợi vải rũ xuống.

Anh ta xem xét thiệt hại. “Ồi chà. Mấy cái quần này từ Anh đấy! Phố Bond! Để một trong những cô bé của tôi sửa vậy.”

“Cô bé? Anh có con gái à?”

“Có thể. Có lẽ là cả con trai nữa. Tôi không biết. Nhưng ý tôi là một trong mấy em tôi sống cùng.”

“Mấy em? Sống cùng nhau à?”

“Dĩ nhiên là không.” Webber đáp. “Có lúc ở chỗ của em này, có hôm lại đến chỗ của em khác. Tuần này ở đây, tuần sau lại ở kia. Một trong số họ thừa hưởng tài năng nấu nướng của Escoffier, một em biết may vá như tác phẩm điêu khắc của Michelangelo, một em có kinh nghiệm giường chiếu tuyệt hảo. Chà, tất cả bọn họ đều là những viên ngọc, mỗi người một vẻ.”

“Họ có...”

“Biết nhau không chứ gì?” Webber nhún vai. “Có thể có, có thể không. Họ không hỏi thì tôi không nói.” Anh ta ngả người về phía trước. “Nào, cậu John Dillinger. Tôi có thể làm gì cho cậu?”

“Tôi có chuyện sắp nói với anh đây, Otto. Và anh có thể lựa chọn đứng dậy ra về. Tôi sẽ hiểu nếu anh làm thế. Hoặc anh có thể ở lại và lắng nghe tôi. Nếu thế, và nếu anh có thể giúp tôi, anh sẽ được hưởng một khoản tiền khá sộp trong việc này.”

“Tôi tò mò đấy. Nói tiếp đi.”

“Tôi có một anh bạn tại Berlin. Người của anh ta đã tiến hành chút nghiên cứu về anh.”

“Về tôi? Đừng đùa chứ.” Và anh ta dường như thật muốn nói thế.

“Anh sinh ra tại Berlin năm 1886, chuyển đến Cologne khi anh mười hai tuổi. Ba năm sau, anh quay lại đây sau khi bị nhà trường đuổi học.”

Giờ thì Webber nhíu mày. “Tôi tình nguyện bỏ học mà. Câu chuyện này thường bị hiểu sai.”

“Còn chuyện thó đồ nấu bếp và có quan hệ với một nàng hầu gái.”

“Cổ ta là một ả lăng lơ và...”

“Anh đã bị bắt bảy lần và thụ án tổng cộng mười ba tháng tại Moabit.”

Webber cười ngoác mồm. “Bị bắt thì nhiều thật, nhưng án thì ngắn thôi. Không tin cứ đi hỏi mấy liên hệ của tôi ở cấp cao thì biết.”

Paul kết luận: “Và người Anh họ không vui gì với anh vì món đầu ôi thiu anh bán cho Đại sứ quán của họ năm ngoái. Người Pháp cũng thế vì món thịt ngựa anh chuyển đến thực ra là thịt cừ. Họ đã gửi thông báo chấm dứt làm ăn với anh.”

“Chà, người Pháp,” anh ta nhếch mép. “Và tôi đang nói với cậu rằng, cậu muốn chắc chắn rằng cậu có thể tin tôi, rằng tôi đang tỏ ra mình là tên tội phạm thông minh chứ không ngu ngốc như gián điệp Quốc Xã. Cậu chỉ đơn giản là thận trọng thôi. Tại sao tôi thấy mình nên bị tổn thương vì chuyện này nhỉ?”

“Không, điều làm anh tổn thương đó là anh bạn của tôi đã thu xếp để báo mọi người ở Berlin, vài người trong Chính phủ của chúng tôi. Giờ anh được tự do lựa chọn chẳng có liên quan gì đến tôi. Thất vọng nhưng có thể thông cảm được. Nhưng nếu anh quyết định giúp đỡ chúng tôi, và nếu anh phản bội tôi thì những người này sẽ đến tìm anh. Và những hậu quả sẽ rất khó chịu đấy. Anh có hiểu tôi đang nói gì không?”

Vừa đấm vừa xoa, những cột mốc tin tưởng tại Berlin như Reggie Morgan đã nói.

Webber lau mặt, cup mắt xuống và lẩm bẫm, “Tôi cứu mạng cậu và đây là cách cậu đối xử với tôi à?”

Paul thở dài. Gã thích con người bí ẩn này nhưng chẳng còn cách nào khác để lần theo dấu vết của Ernst. Không còn cơ hội nào để các liên hệ của Morgan tìm hiểu thông tin cá nhân của Webber, để tiến hành thu xếp sao cho bảo đảm rằng anh ta không phản bội họ. Đây là những đề phòng có vai trò thiết yếu trong thành phố nguy hiểm này, “VẬY TÔI CHO RẰNG CHÚNG TA UỐNG HẾT BIA TRONG IM LẶNG, RỒI ĐƯỜNG AI NẤY ĐI.”

Nhưng một lúc sau, gương mặt Webber nở một nụ cười. “Nhưng tôi phải thừa nhận rằng tôi không tổn thương như lẽ ra phải thế, cậu Schumann.”

Paul chớp mắt. Gã chưa bao giờ nói với Webber tên mình.

“Cậu thấy không, tôi cũng có những nghi ngờ đối với cậu. Tại quán cà phê Aryan, ngay trong buổi gặp gỡ đầu tiên, khi cậu đi lướt qua tôi để trang điểm lại che đi vết thương, tôi đã giấu hộ chiếu của cậu và ngó qua. Chà, cậu chẳng toát ra mùi Quốc Xã chút nào hết, nhưng cậu đã bảo người ta

không bao giờ có thể quá thận trọng ở thành phố điên rồ này của chúng ta. Thế nên tôi đã điều tra về cậu. Không một liên hệ nào giữa cậu với phố Wilhelm mà người của tôi không khám phá ra. À mà thấy kỹ năng của tôi thế nào? Cậu không cảm thấy gì hết, đúng không, khi tôi trộm hộ chiếu của cậu?”

“Không,” Paul nói, mỉm cười buồn bã.

“Nên tôi nghĩ chúng ta đã đạt được sự tôn trọng lẫn nhau vừa đủ” - anh ta chế nhạo nói - “để có thể cân nhắc một đề nghị làm ăn. Vui lòng tiếp tục đi, cậu John Dillinger. Cho tôi biết cậu đang nghĩ gì.”

Paul đưa cho Webber tờ 100 mác Morgan đã cho gã, anh ta nhướn mày.

“Cậu muốn mua cái gì?”

“Tôi cần một ít thông tin.”

“Chà thông tin. Rồi, rồi. Việc này có thể đáng giá 100 mác đây. Hoặc có thể tốn nhiều hơn thế. Thông tin về ai hay cái gì?”

Gã quan sát đôi mắt đen của người đàn ông ngồi trước mặt. “Reinhard Ernst.”

Môi dưới của Webber bĩu ra khi anh ta lắc đầu. “VẬY là cuối cùng các mảnh ghép đã hoàn chỉnh. Cậu đến đây vì một sự kiện Thế vận hội mới mẽ rất thú vị. Săn thú lớn. Và cậu đã có một lựa chọn tốt đấy, bạn tôi ạ.”

“Tốt ư?” Paul hỏi.

“Đúng, đúng. Viên đại tá này đang tiến hành những thay đổi ở đây. Nhưng không phải vì lợi ích quốc gia. Cứ chuẩn bị tinh thần đối mặt với nguy hiểm đi. Little Man là một kẻ ngu nhưng xung quanh y là những người thông minh và Ernst là kẻ thông minh nhất.” Webber châm một điếu xì gà của mình. Với điếu Chesterfield, lần này Paul chỉ làm hỏng hai que diêm từ hộp diêm rẻ tiền để châm thuốc.

Webber đôi mắt nhìn về phía xa. “Tôi phục vụ cho Hoàng đế Đức được ba năm. Cho đến khi đầu hàng. Ôi, tôi nói với cậu, tôi đã lập những chiến tích dũng cảm. Trung đội của tôi có lần đã từng hành quân hơn 100 ki-lô-mét để chống quân Anh, chúng tôi chỉ mất có hai tháng thôi. Chính nhờ trận đó, chúng tôi được tặng mấy huy chương. Chúng tôi đã sống sót được. Ở mấy ngôi làng đã lập những tấm thẻ bài, ghi chữ Tặng những người đã

ngã xuống. Thành phố còn không đủ đồng để viết hết tên người chết lên đó.” Anh ta lắc đầu. “Đám Yankee các cậu có súng liên thanh Maxim. Chúng tôi thì có Súng Máy. Cũng tương tự như liên thanh Maxim. Chúng tôi đã ăn cắp thiết kế của các cậu hay là ngược lại tôi cũng chẳng nhớ nữa. Nhưng mà quân Anh họ sở hữu súng máy Vicker. Được làm mát bằng nước. Giờ thì nó biến thành cối nghiền thuốc hít cho cậu đấy. Đó đúng là một tác phẩm nghệ thuật bằng kim loại... Không, không, chúng tôi không muốn một cuộc chiến khác, bất kỳ điều gì Little Man nói chúng tôi không ai làm theo. Đó sẽ là dấu chấm hết cho mọi thứ. Và đó chính là việc tên đại tá sắp làm.” Webber nhét đồng 100 mác vào túi, phả một hơi khói từ điếu xì gà thể phẩm xấu xí của anh ta. “Cậu muốn biết điều gì?”

“Lịch sinh hoạt của hãn trên phố Wilhelm. Khi nào hãn đi làm, khi nào hãn về, hãn đi loại xe nào, hãn đỗ xe ở đâu và ngày mai hãn có đến đó không, thứ Hai hay thứ Ba, hãn đi trên những lộ trình nào và bất kỳ quán cà phê nào ưa thích của hãn trong khu vực đó.”

“Người ta có thể tìm ra bất kỳ cái gì, chỉ cần có đủ thời gian. Và trứng nữa.”

“Trứng?”

Anh ta vỗ vỗ vào túi. “Tiền ý. Tôi phải nói thật, cậu John Dillinger. Chúng ta không phải đang lập kế hoạch lừa đảo, rằng con cá hồi ba ngày tuổi ở Landwher cũng tươi như ở Havel. Đây là một vấn đề có thể khiến tôi phải về hưu một thời gian đấy. Sẽ có những ảnh hưởng nghiêm trọng, và tôi sẽ phải làm ngậm. Như thế sẽ...”

“Otto, cứ nói một con số ra đi.”

“Rất nguy hiểm... Thêm vào đó, tiền là gì đối với cậu hả chàng người Mỹ? Cậu có FDR của mình.” Anh ta nói bằng tiếng Anh. “Cậu đang sống trong tiền.”

“Trên tiền,” Paul sửa lại. “Bao nhiêu?”

“1.000 đô la Mỹ.”

“Cái gì?”

“Không phải tiền mác. Họ nói rằng lạm phát đã chấm dứt, nhưng không một ai sống qua quãng thời gian đó tin vào điều ấy.”

Đó là lý do tại sao năm 1928, một lít dầu mất những năm trăm nghìn mác. Và năm...”

Paul lắc đầu. “Nhiều tiền quá.”

“-Nhưng thực sự là không mắc - nếu tôi có được thông tin cho cậu. Và tôi cam đoan tôi sẽ có thông tin. Cậu chỉ trả tôi một nửa xem như đặt cọc.”

Paul chỉ tay vào túi Webber, nơi cất những đồng mác. “Đó là phần trả trước cho anh.”

“Nhưng mà...”

“Phần còn lại sẽ thanh toán khi và chỉ khi có được thông tin. Và nếu tôi xin được.”

“Sẽ có nhiều khoản phải chi.”

Paul cúi thêm 100 mác còn lại. “Đấy.”

“Không đủ, nhưng tôi sẽ làm.” Rồi Webber dò xét Paul chăm chú. “Tôi tò mò đấy.”

“Về điều gì?”

“Về cậu, John Dillinger. Câu chuyện của cậu là gì?”

“Chẳng có câu chuyện nào đâu.”

“Ấy, luôn luôn có một câu chuyện. Tiếp đi, kể cho Otto nghe câu chuyện của cậu đi. Giờ đây chúng ta đang làm ăn với nhau. Còn thân thiết hơn cả trên giường nữa. Và hãy nhớ rằng, anh ấy nhìn thấu tất cả, sự thật cũng như những lời dối trá. Dường như cậu không có khả năng là ứng cử viên cho công việc này. Có lẽ đó là lý do tại sao cậu là người được phái đến thành phố trung bình này của chúng tôi. Vì có vẻ như cậu không có khả năng. Làm sao cậu bước vào được cái nghề cao quý này thế?”

Paul im lặng một lúc, rồi đáp. “Ông nội tôi đã sang Mỹ nhiều năm trước. Ông ấy đã chiến đấu trong chiến tranh Pháp - Phổ, nên không còn thiết tha với chiến tranh nữa. Ông bắt đầu mở một công ty in ấn.”

“Tên ông ấy là gì?”

“Wolfgang. Ông bảo mực in đã nằm trong mạch máu của mình, ông cho rằng tổ tiên ông đã sống ở Mainz và làm việc với Gutenberg.”

“Những câu chuyện của người ông,” Webber nói, gật đầu. “Ông tôi nói rằng ông ấy là em họ của Bismarck.”

“Công ty của ông nằm trong khu Lower East Side ở New York, đó là khu sinh sống của người Mỹ gốc Đức trong thành phố. Năm 1904, xảy ra một thảm kịch - trên một ngàn người ở đó bị xóa sổ trong một vụ cháy tàu du lịch trên Sông Đông. *Tàu General Slocum**.

“Chà, đúng là một điều buồn bã.”

“Ông nội tôi có mặt trên chiếc tàu đó. Ông cùng bà nội tôi tuy không chết nhưng ông bị bỏng nặng vì cứu mọi người, và không thể làm việc được nữa. Sau đó, hầu hết cộng đồng người Đức chuyển nhà đến Yorkville, xa hơn Manhattan về phía Bắc. Vì quá đau buồn nên không ai còn ở lại Tiểu nước Đức nữa. Việc kinh doanh của ông vì thế đổ bể, ông nội tôi ốm nặng, cộng thêm việc ngày càng ít người đặt hàng in ấn. Nên cha tôi đành tiếp quản. Dù ông không muốn trở thành thợ in mà muốn chơi bóng chày. Anh biết bóng chày không?”

“Dĩ nhiên rồi.”

“Nhưng ông không còn lựa chọn. Ông còn vợ, còn anh chị em tôi phải nuôi dưỡng - cả ông bà tôi nữa. Nhưng chúng tôi dám nói rằng, ông đã đi lên từ cơ hội này. Ông đã làm tròn bổn phận của mình. Ông chuyển nhà đến Brooklyn, bổ sung thêm việc in ấn sách tiếng Anh và mở rộng công ty. Biến nó thành một công ty phát đạt. Em hai tôi không thể đăng ký đi lính trong Thế Chiến, nên họ cùng điều hành công ty khi tôi ở Pháp. Sau khi quay về mới làm việc cùng họ, bố con tôi đã xây dựng nơi này lớn mạnh thật sự.” Gã phá lên cười. “Giờ tôi chẳng biết anh đã từng nghe đến nó chưa, nhưng đất nước của chúng tôi có một thứ gọi là Lệnh Cấm Rượu. Anh biết...”

“Có, có, dĩ nhiên. Tôi có đọc những nhân vật tội ác điển hình của cậu, nhớ không, uống rượu là bất hợp pháp! Điên rồ!”

“Nhà máy của bố tôi nằm ngay cạnh con sông tại Brooklyn. Con sông ấy có một vũng tàu đậu và một nhà kho lớn để trữ giấy và các thành phẩm. Một trong số các băng nhóm muốn chiếm dụng nó dùng làm nơi bảo quản rượu whisky. Chúng buôn lậu vào đây từ bến cảng. Cha tôi từ chối. Một hôm, có hai thằng du côn đến kiểm ông. Chúng đánh đập em tôi và khi ông vẫn kiên quyết không chịu, chúng cho cả hai cánh tay ông vào máy in chữ.”

“Ôi, không, bạn tôi.”

Paul nói tiếp. “Ông bị cán nặng lắm, vài ngày sau thì mất, ngày hôm sau em trai cùng mẹ tôi bán nhà máy cho chúng được 100 đô la.”

“Vậy là cậu thất nghiệp, gia nhập vào đám đông khó khăn?” Webber gật đầu.

“Không, chuyện không phải như thế,” Paul nhẹ nhàng nói. “Tôi đi báo cảnh sát. Chúng không quan tâm đến việc giúp đỡ tìm những kẻ sát nhân đặc biệt này. Anh hiểu không?”

“Cậu đang hỏi tôi có biết chuyện cảnh sát tham nhũng không à?” Webber phá lên cười.

“Nên tôi tìm lại khẩu Colt cũ của mình trong quân ngũ. Tôi biết được bọn chúng là ai. Tôi bám theo chúng trong suốt một tuần. Tôi biết được mọi điều về chúng. Và hóa kiếp chúng nó.”

“Cậu...?”

Gã nhận ra mình đã dịch câu nói này theo nghĩa đen, nhưng không có nghĩa trong tiếng Đức. “Chúng tôi nói ‘hóa kiếp’ nghĩa là găm một viên đạn vào sau đầu chúng nó.”

“À phải,” Webber thì thầm, lúc này anh ta không cười nữa. “Chúng tôi sẽ nói là ‘khử.’”

“À, phải, tôi cũng biết chúng nó làm việc cho ai, thằng cha bán rượu lậu ra lệnh tra tấn cha tôi. Tôi cũng hóa kiếp hẳn luôn.”

Webber im lặng. Paul nhận ra gã chưa từng kể câu chuyện này cho bất kỳ ai.

“Cậu có lấy lại công ty không?”

“À, không, nơi đó bị cảnh sát tấn công và sau đó bị Chính phủ tịch thu. Còn về phần tôi, tôi biến mất vào thế giới ngầm tại Helts Kitchen ở Manhattan. Và tôi đã sẵn sàng chết.”

“Chết ư?”

“Tôi đã giết một tên rất quan trọng. Thằng trùm tội phạm này. Tôi biết rằng đồng bọn của hắn hay ai đó khác sẽ đến tìm tôi và giết tôi. Tôi đã che đậy những dấu vết của mình rất tốt, cảnh sát không thể tìm ra tôi. Nhưng các băng đảng thì biết rõ tôi. Tôi không muốn dẫn bất kỳ tên nào đến gia

đình tôi - hồi ấy em trai tôi đã mở một công ty in ấn của riêng nó - nên thay vì quay lại làm ăn với nó, tôi nhận công việc trong một phòng tập gym, đổi lại tôi có chỗ ở.”

“Và cậu ngồi chờ chết. Nhưng tôi không thể ngăn mình để ý rằng cậu vẫn còn sống cực kỳ khỏe mạnh, John Dillinger. Chuyện gì đã xảy ra?”

“Có những người khác...”

“Các thủ lĩnh băng đảng à?”

“... nghe nói về những việc tôi đã làm. Họ không hài lòng lắm với tên mà tôi đã giết, cái cách hăn làm việc như tra tấn cha tôi và giết hại cảnh sát. Họ nghĩ rằng những tên tội phạm nên là những kẻ chuyên nghiệp. Những quý ông.”

“Giống như tôi,” Webber nói, lấy tay vỗ ngực.

“Họ nghe nói tôi đã giết tên đó cùng băng đảng của hăn ra sao. Rất sạch sẽ, không để lại một bằng chứng nào. Và không làm tổn thương một người vô tội nào. Họ đề nghị tôi làm điều tương tự với một kẻ khác, một kẻ rất xấu xa khác. Tôi không muốn làm nhưng phát hiện ra việc hăn đã làm. Hăn đã giết một nhân chứng và gia đình của anh ta, ngay cả hai đứa con của anh ta. Thế nên tôi đồng ý. Tôi đã hóa kiếp hăn luôn. Họ trả cho tôi hậu lương. Sau đó, tôi giết một người nữa. Tiền họ thanh toán tôi dành dụm mua một phòng tập gym nhỏ. Tôi sẽ từ bỏ nghề này. Nhưng anh có biết điều gì khiến tôi ngửa quen đường cũ không?”

“Thực ra là có.”

“À, con đường cũ này đã là cuộc đời tôi suốt mấy năm rồi...” Paul im lặng. “Và đó là câu chuyện của tôi đấy. Tất cả toàn là sự thật, không dối trá.”

Cuối cùng, Webber hỏi, “Làm nghề này để kiếm sống? Cậu có thấy áy náy không?”

Paul im lặng một lúc. “Tôi nghĩ nó phải khiến tôi áy náy hơn. Tôi cảm thấy tồi tệ khi hóa kiếp những người lính của anh trong chiến tranh. Tại New York, tôi chỉ hóa kiếp những thằng giết người khác. Vài kẻ xấu xa. Vài kẻ làm những chuyện như mấy tên kia đã làm với cha tôi.” Gã bật cười. “Tôi nói rằng mình chỉ chỉnh sửa lại những sai lầm của Chúa thôi.”

“Tôi thích thế, cậu John Dillinger,” Webber gật đầu. “Những sai lầm của Chúa. Ôi, quanh đây chúng ta có đồng kẻ như thế, phải, chúng ta có đấy.” Anh ta tu hết cốc bia. “Hôm nay là thứ Bảy. Quãng thời gian không tiện để lấy thông tin. Gặp tôi vào sáng mai tại Tiergarten. Có một cái hồ nhỏ phía cuối ngõ Stem. về phía Nam. Máy giờ thì tiện cho cậu được?”

“Sớm đi. Tám giờ.”

“Chà, rất tốt,” Webber vừa nhú mày vừa nói. “Thế là sớm. Nhưng lúc đó tôi sẽ có mặt.”

“Tôi còn cần một thứ nữa,” Paul nói.

“Cái gì? Whisky? Hay thuốc lá? Tôi thậm chí còn kiếm được cocain. Trong thành phố này còn nhiều lắm. Nhưng tôi...”

“Không phải cho tôi. Mà là cho một người phụ nữ. Một món quà.”

Webber cười ngoác đến tận mang tai. “Ái chà, cậu John Dillinger, tốt cho cậu đấy! Đến Berlin chỉ một thời gian ngắn thế mà trái tim đã lên tiếng rồi. Hay có lẽ giọng nói ấy dội từ một nơi khác trong cơ thể cậu. Thế bạn cậu có thích một dây móc bút tất cùng một đôi vớ hợp tông không? Tất nhiên là hàng Pháp. Một áo lót không dây màu đỏ hay đen? Hay cô ấy là người thù mị hơn? Một áo len dài tay bằng vải kashmir nhé? Có lẽ là một ít sô-cô-la Bỉ. Hay có lẽ là viền đăng ten. Nước hoa luôn luôn tốt. Và dĩ nhiên, đối với cậu đấy, anh bạn của tôi, sẽ có một mức giá rất đặc biệt.”

Chương 16

Những khoảng thời gian bận rộn.

Có đến hàng tá vấn đề có thể làm bận rộn tâm trí của người đàn ông to lớn, đang đổ mồ hôi, khi ngồi trong văn phòng rộng rãi thích hợp của mình bên trong tòa nhà Bộ Phòng không rộng hơn 37 nghìn mét vuông mới hoàn chỉnh, vào cuối buổi chiều thứ Bảy này, tại số 81-85 phố Wilhelm. Thậm chí còn rộng hơn cả Phủ Thủ tướng lẫn các căn hộ của Hitler cộng lại.

Chẳng hạn, Hermann Göring có thể tiếp tục công việc tạo ra một đế chế công nghiệp khổng lồ vẫn đang lên kế hoạch (và sẽ được đặt theo tên của gã, dĩ nhiên). Gã có thể đang soạn thảo một biên bản ghi nhớ ban hành đến tất cả lực lượng chiến binh nông thôn trên toàn quốc, nhắc nhở họ rằng Luật Nhà nước về Bảo vệ Động vật, do đích thân gã viết ra, sẽ được

nghiêm khắc thi hành. Vô bất kỳ ai bị bắt quả tang săn cáo bằng chó săn sẽ bị phạt nặng.

Hoặc có một vấn đề thiết yếu đối với bữa tiệc mừng Thế vận hội của gã, đó là Göring xây dựng ngôi làng riêng Thế vận hội trong chính Bộ Phòng không (gã đã ngó qua các kế hoạch sự kiện cho chương trình diệt lũ sâu bọ trị giá hàng nghìn mác của riêng Goebbels). Và dĩ nhiên có một vấn đề ngày càng quan trọng là gã sẽ mặc gì đến bữa tiệc. Thậm chí gã có thể gặp gỡ các sĩ quan phụ tá liên quan đến nhiệm vụ hiện tại gã đảm nhiệm trong ĐỆ TAM ĐẾ CHẾ: xây dựng lực lượng không quân tính nhuệ nhất thế giới.

Nhưng điều làm Hermann Göring bốn mươi ba tuổi bận tâm lúc này là người góa phụ được hưởng trợ cấp có số tuổi gấp đôi gã sống trong một ngôi nhà nông thôn ngoài Hamburg.

Dĩ nhiên, với các chức danh từ Bộ trưởng không bộ, ủy viên Hội đồng Hàng không, Tổng tư lệnh Không quân, Bộ trưởng Nội vụ Phổ, Bộ hường Hàng không và chuyên gia săn lùng của đế chế, gã không phải đích thân tiến hành bất kỳ công tác nghiên cứu thu thập thông tin nào liên quan đến bà Ruby Kleinfeldt. Một tá tên tay sai và các sĩ quan Gestapo của gã đã tỏa đi khắp phố Wilhelm và tại Hamburg, tìm hiểu qua các ghi chép và thẩm vấn mọi người.

Bản thân Göring đang nhìn chăm chăm qua cửa sổ văn phòng sang trọng, ăn một đĩa mì spaghetti ú ụ. Đây là món ăn ưa thích của Hitler, hôm qua Göring đã thấy Lãnh tụ đang ăn một bát mì. Phần thức ăn được mang đến kích thích ham muốn trong Göring, biến nó thành cơn thèm khát mãnh liệt, dù hôm nay gã đã ăn ba suất lớn.

Chúng tôi sẽ tìm được gì về mụ? Gã lặng lẽ hỏi bà già. Bà vẫn không hề biết thông tin về chuyện mình đang được điều tra, tìm kiếm hồi hả. Cuộc điều tra dường như lạc đề đến ngớ ngẩn, xét đến rất nhiều các dự án thiết yếu xuất hiện trong chương trình nghị sự của gã. Thế nhưng dự án này tối quan trọng, vì có thể dẫn đến sự sụp đổ của Reinhard Ernst.

Đi lính được xem là sự nghiệp trọng tâm trong đời Hermann Göring, gã thường xuyên nhớ lại những ngày hạnh phúc của Thế Chiến thứ I, khi cầm

lái chiếc phi cơ hai tầng cánh Fokker D-7 toàn thân sơn trắng bay qua Pháp và Bỉ, giao chiến với bất kỳ tên phi công Đồng minh ngu dại nào trên các bầu trời gần đó (theo xác nhận, hai mươi hai tên đã phải trả giá cho sai lầm bằng mạng sống của chúng, cho dù Göring vẫn tin rằng mình đã giết nhiều hơn thề). Giờ đây, cơ thể gã thậm chí không còn ngồi vừa vào buồng lái chiếc máy bay cũ nữa. Một người đàn ông dành cả đời uống thuốc giảm đau, đắm chìm vào đồ ăn, tiền bạc, nghệ thuật và quyền lực. Nhưng nếu bạn hỏi gã tận trong thâm tâm thì gã là ai, câu trả lời của Göring sẽ là: Một chiến binh.

Và một chiến binh biết cách tốt nhất để biến quốc gia của gã một lần nữa thành đất nước của những chiến binh - bạn phải phô ra sức mạnh của mình. Bạn không thương lượng, không chạy khắp nơi như một thằng nhóc lẩn vào bụi rậm sau kho lúa hút trộm tẩu thuốc của cha - hành vi của Đại tá Reinhard Ernst.

Đàn ông làm việc mà tính như đàn bà. Ngay cả Roehm đồng tính, cầm đầu lực lượng Xung Kích bị Göring và Hitler giết chết hai năm trước, vẫn còn mạnh mẽ chán nếu so với Ernst. Những mối làm ăn bí mật không thân thiết với Krupp, căng thẳng chuyển tài nguyên từ xưởng đóng tàu này sang xưởng đóng tàu khác, ép buộc “quân đội” hiện tại của họ, vốn đã yếu kém, phải dùng súng gỗ và pháo gỗ chia thành nhóm nhỏ trong huấn luyện để không gây sự chú ý. Và một tá chiến thuật mèo khác...

Tại sao lại do dự? Bởi vì Göring tin rằng kẻ trung thành với Quốc Xã chính là nghi phạm. Lãnh tụ và Goring không phải là con nít ba tuổi. Chúng biết số lượng người ủng hộ chúng không phải là nhiều. Bạn có thể thắng được phiếu bầu bằng súng và năm đấm, nhưng bạn không thể dành được trái tim. Và nhiều trái tim trong nước không dâng hiến cho Chủ nghĩa Phát xít, trong số này có những người quyền cao chức trọng trong các lực lượng vũ trang. Ernst có thể cố tình kéo dài thời gian rất tốt, nhằm ngăn cản Hitler và Göring có được thể chế chúng cực kỳ thèm muốn: một đội quân mạnh mẽ. Có khả năng chính Ernst cũng hy vọng ngồi lên ngai vàng, nếu hai kẻ thống trị này bị hạ bệ.

Nhờ giọng lưỡi dẻo quẹo của hắn, tính cách dễ chịu của hắn, những phương pháp mềm mỏng của hắn, hai Huân chương Chữ Thập Sắt khôn kiếp và hàng tá huy chương khác, Ernst hiện đang hưởng ân huệ của Sói Xám (vì điều đó khiến hắn cảm tưởng mình gần gũi với Lãnh tụ. Göring thích sử dụng biệt danh phụ nữ đôi khi hay dùng để chỉ Hitler, cho dù dĩ nhiên tên Bộ trưởng chỉ dám lẩm bầm cái tên thân mật này trong những suy nghĩ của gã).

Hãy cứ nhìn cách hắn tấn công Göring hôm qua về vấn đề chiến đấu cơ Me 109 tại Thế vận hội! Tay Bộ trưởng Hàng không đã thức trắng nửa đêm trước, giận điên lên trước màn trao đổi này, không ngừng hình dung cảnh Sói Xám đang hưởng cặp mắt xanh về phía Ernst và đồng tình!

Một cơn lửa giận nữa tràn qua người gã. “Chúa trên Thiên đàng!” Göring ném thẳng đĩa mì spaghetti xuống sàn. Nó vỡ tan.

Một trong những người phục vụ của gã, cựu chiến binh Thế Chiến thứ I, chạy vào, đứng như hóa đá trên cái chân tàn tật.

“Thưa ngài?”

“Dọn sạch đi!”

“Tôi sẽ đi lấy xô...”

“Ta không bảo lau sàn nhà. Chi nhật mảnh vỡ thôi. Tối nay sẽ lau sàn.” Nói rồi tên Bộ trưởng cao lớn liếc nhìn chiếc áo sơ mi bóng bẩy của mình, thấy bị dây bẩn cà chua. Cơn giận tăng lên gấp đôi. “Ta cần một áo sơ mi sạch,” gã ngắt lời. “Đĩa đựng thức ăn Trung Quốc quá nhỏ. Dặn đầu bếp tìm đĩa nào khác to hơn đi. Lãnh tụ đã có bộ đĩa Meissen màu trắng và xanh dương rồi. Ta muốn có những chiếc đĩa như thế.”

“Vâng, thưa ngài.” Người đàn ông đang cúi xuống những mảnh vỡ.

‘Không, làm sạch áo sơ mi của ta trước.’

“Vâng, thưa Bộ trưởng Hàng không.” Người đàn ông chạy đi thật nhanh. Lát sau ông ta quay lại, tay mang một áo sơ mi màu xanh dương sẫm treo trên móc.

“Không phải chiếc đó. Lần trước khi người mang đến, ta đã bảo nó khiến ta trông như Mussolini còn gì.”

“Đó là chiếc màu đen, thưa ngài, tôi đã bỏ đi rồi. Cái này màu xanh dương mà.”

“Ta muốn cái áo màu trắng. Lấy áo sơ mi trắng cho ta! Sơ mi lụa!”

Người đàn ông quay đi, rồi trở lại lần nữa mang theo chiếc áo đúng màu.

Một lúc sau, một trong số các sĩ quan phụ tá cấp cao của Göring bước vào phòng.

Bộ trưởng cầm lấy sơ mi rồi gạt qua một bên, gã ngượng ngập về trọng lượng của mình, nên không bao giờ nghĩ đến chuyện thay đồ trước mặt cấp dưới. Gã lại cảm thấy bùng lên cơn giận dữ khác, lần này nhằm vào thể hình mảnh mai của Ernst. Khi người phục vụ đang nhặt những mảnh vỡ đồ sứ, sĩ quan cao cấp của gã nói, “Thưa Bộ trưởng Hàng không, tôi nghĩ chúng ta có tin tốt.”

“Gì thế?”

“Các đặc vụ của chúng ta tại Hamburg đã tìm thấy vài lá thư viết về bà Kleinfeldt. Chúng cho biết rằng bà ta là một người Do Thái.”

“Cho biết?”

“Chứng minh, thưa Bộ trưởng. Chúng chứng minh điều đó.”

“Thuần à?”

“Dạ không. Là con lai. Nhưng lai theo mẹ. Thế nên không thể tranh cãi được.”

Luật pháp Nuremberg về Quyền Công dân và Chúng tộc ban hành năm ngoái đã tước quyền công dân của người Đức gốc Do Thái, biến họ thành những “đối tượng.” Cũng như hôn nhân, quan hệ tình dục giữa những người Do Thái và Aryan bị xem là vi phạm pháp luật. Luật cũng quy định chính xác ai là một người Do thái trong trường hợp hôn nhân khác chủng tộc do tổ tiên truyền lại. Với hai ông bà là người Do Thái và hai ông bà không phải là người Do Thái, bà Kleinfeldt là một người mang hai dòng máu.

Điều này không gây nguy hại như nó có thể, nhưng phát hiện này khiến Göring vui sướng, bởi vì người đàn ông là cháu nội của bà Kleinfeldt, Giáo sư-Tiến sĩ Ludwig Keitel là đối tác của Reinhard Ernst trong Nghiên cứu Waltham. Göring vẫn không hiểu cái nghiên cứu bí ẩn này nhằm mục đích

gì. Tuy nhiên những sự thật này đủ gây nguy hiểm rồi. Ernst đang làm việc với một người có tổ tiên là người Do Thái và họ đang sử dụng những văn bản của một tên Bác sĩ tâm lý Do Thái tên là Freud. Và nhức nhối nhất là Ernst đã giữ bí mật nghiên cứu này khỏi hai người quan trọng nhất trong chính phủ, chính là Gã và Sói Xám.

Göring ngạc nhiên khi Ernst đánh giá gã thấp đến thế. Viên đại tá đã cho rằng Bộ trưởng Hàng không sẽ không nghe trộm điện thoại trong các quán cà phê quanh phố Wilhelm. Chẳng lẽ tên đại diện toàn quyền không biết rằng, trong cái quận sặc mùi hoang tưởng này, chính những cái điện thoại là mỏ vàng lớn nhất? Gã đã có được bản sao nội dung cuộc gọi của Ernst tới Giáo sư-Tiến sĩ Keitel sáng nay, khẩn cấp đề nghị một cuộc gặp.

Chuyện gì xảy ra tại cuộc gặp đó không quan trọng. Điều quan trọng đó là Göring đã biết được tên vị giáo sư, bây giờ lại tìm hiểu được dòng máu Do Thái chảy trong huyết quản ông ta. Hậu quả của tất cả những việc này? Rằng những hậu quả đó phụ thuộc nhiều vào việc Göring muốn chúng như thế nào. Hẳn sẽ bị đánh bật khỏi hàng ngũ quan chức cấp cao của Chính phủ, nhưng được giữ lại một chức vụ bọ đờ nào đó. Phải rồi, vào tuần tới, hẳn sẽ may mắn xin được chân chạy đặng sau Bộ trưởng Quốc phòng Von Blomberg, bưng bê va li cho lão hói.

Sự nhiệt tình đã trở lại, Göring uống thêm vài viên thuốc giảm đau, quát gọi thêm một đĩa mì spaghetti nữa rồi tự thưởng cho mình vì thành công của trí tò mò, bằng cách hướng sự chú ý về bữa tiệc Thế vận hội. Tự hỏi: Gã có nên xuất hiện trong trang phục một thợ săn Đức không, hay là một tù trưởng Ả Rập, hay Robin Hood, hoàn chỉnh với bộ cung tên và một cánh cung khoác trên vai?

Đôi khi gần như là mình không thể quyết được.

Reggie Morgan lo lắng, “Tôi không có thẩm quyền phê chuẩn 1.000 đô la. Lạy Chúa tôi. Những một ngàn à?”

Họ đang đi bộ qua Tiergarten, qua một tên lính Xung kích đứng trên bục mồ hôi vã ra như tắm. Hắn đang diễn thuyết cho một nhóm ít người bằng giọng khàn khàn. Vài người rõ ràng đang muốn đi chỗ khác, vài người quay lại nhìn với sự khó chịu trong ánh mắt. Nhưng vài người như bị mê hoặc. Paul lại nhớ đến Heinsler trên tàu thủy.

Tao yêu mến Quốc Trưởng và tao sẽ làm bất kỳ điều gì cho Người và cho Đảng...

“Đề dọa có hiệu quả không?” Morgan hỏi.

“À có. Thực ra tôi nghĩ anh ta tôn trọng tôi nhiều hơn.”

“Và hẳn ta có thực sự thu được thông tin hữu ích không?”

“Nếu ai đấy có thể, thì đó là anh ta. Tôi biết kiểu người như anh ta. Thật kinh ngạc khi biết vài người có thể trở nên tháo vát ra sao, khi bạn vung vẩy xấp tiền trước mặt họ.”

“Thế thì để xem chúng tôi có xoay sở được một ít không.”

Họ rời khỏi công viên rẽ về phía Nam tại cổng Brandenburg. Thêm vài khối nhà nữa, họ đi qua một nơi trang trí lộng lẫy. Khi các công tác sửa chữa sau vụ cháy hoàn tất, nơi đây sẽ trở thành Đại Sứ quán Mỹ.

“Nhìn này,” Morgan nói. “Hoành tráng, đúng không? Hoặc sẽ là thế.”

Ngay cả khi tòa nhà này chưa chính thức là Đại Sứ quán Mỹ, một lá cờ Mỹ vẫn cắm trên nóc rủ xuống mặt tiền. Cảnh tượng này khuấy động tâm hồn Paul, khiến gã cảm thấy thật tốt đẹp, dễ chịu hơn nhiều.

Gã nghĩ đến hai tên thanh niên Hitler tại làng Thế vận hội.

Và màu đen... dấu thập ngược. Anh sẽ nói là Swatiska... Chà anh biết rồi còn hỏi... Chắc chắn là anh biết...

Morgan rẽ xuống một con ngõ rồi một con ngõ nữa, ngoái nhìn sau lưng rồi mở khóa cửa ra vào. Họ tiến vào trong một tòa nhà yên tĩnh, tối om rồi bước xuống vài hành lang cho đến cho tới một cánh cửa nhỏ cạnh nhà bếp. Họ bước vào trong. Căn phòng sáng lờ mờ, đồ nội thất ít ỏi: một bàn làm việc, vài cái ghế và một cái đài to đến mức Paul chưa từng thấy. Morgan bật đài, những cái ống nóng lên và kêu ro ro.

“Họ bắt được toàn bộ sóng ngắn ở nước ngoài,” Morgan nói, “thế nên chúng ta sẽ truyền thông điệp qua chùm tia vô tuyến đến Amsterdam, rồi

London, sau đó được định tuyến qua đường điện thoại đến Mỹ. Phát xít sẽ phải mất một lúc mới lần ra được tần số,” ông ta nói, đeo tai nghe lên, “nhưng chúng có thể gặp may, nên cậu phải giả sử rằng chúng đang nghe trộm. Bất kể cậu muốn nói gì, chỉ được nghĩ trong đầu thôi.”

“Tất nhiên.”

“Chúng ta sẽ phải rời khỏi đây thật nhanh, sẵn sàng chưa?”

Paul gật đầu, đeo tai nghe Morgan đưa cho gã, rồi cắm dây vào ổ cắm ông ta chỉ. Một ngọn đèn màu xanh lá cuối cùng cũng bật lên phía trước thiết bị. Morgan bước đến ô cửa sổ, liếc nhìn ra ngoài con ngõ rồi buông rèm xuống. Ông chỉnh micro gần miệng hơn, nhấn vào một nút trên tay cầm. “Tôi cần kết nối xuyên Đại Tây Dương đến bạn chúng tôi ở phía Nam.” Ông lặp lại câu nói này rồi thả tay khỏi nút truyền, quay sang nói với Paul, “‘Bạn chúng ta ở phía Nam là Bull Gordon’, Washington, cậu biết đấy. ‘Bạn chúng ta ở phía Bắc’ là Thượng Nghị sĩ.”

“Đã nhận,” một giọng trẻ trung cất lên, giọng của Avery. “Chờ một phút. Xin giữ máy. Định vị cuộc gọi.”

“A lô,” Paul nói.

Ngập ngừng một lúc. “Xin chào,” Avery đáp lại. “Cuộc sống của anh thế nào?”

“À, rất tốt. Thật vui khi được nghe giọng cậu.” Paul không tin được anh ta vừa tạm biệt gã mới ngày hôm qua. Cứ tưởng như đã bao nhiêu tháng rồi. “Nửa kia của cậu sao rồi?”

“Đang tránh xa rắc rối.”

“Thật khó tin,” Paul tự hỏi liệu Manielli có đấu võ mồm với tên lính Hà Lan nào không, như cách cậu ta đã mĩa mai hỗn xược tại Mỹ.

“Ở đây anh đang nói ra loa đấy,” giọng tức tối của Manielli vang lên. “Chỉ muốn anh biết vậy thôi.”

Paul phá lên cười.

Tiếp theo là sự im lặng.

“Lúc này là mấy giờ ở Washington?” Paul hỏi Morgan.

“Giờ ăn trưa rồi.”

“Hôm nay là thứ Bảy. Gordon đâu?”

“Chúng ta không phải lo. Họ sẽ tìm được ông ấy.”

Một giọng phụ nữ cất lên, truyền qua tai nghe, “Xin vui lòng đợi một chút. Định vị cuộc gọi.”

Một lúc sau, Paul nghe thấy tiếng điện thoại reo. Rồi một giọng phụ nữ khác trả lời. “A lô?”

Morgan nói, “Xin vui lòng cho gặp chồng bà. Xin lỗi đã quấy rầy bà.”

“Chờ máy.” Như thế bà biết ai là người gọi.

Sau một lúc, Gordon hỏi, “A lô?”

“Là chúng tôi đây, thưa ngài,” Morgan nói.

“Tiếp đi.”

“Thay đổi trong những thu xếp. Chúng tôi phải tiếp cận người địa phương để kiểm thông tin.”

Gordon im lặng một lúc. “Anh ta là ai? Những thuật ngữ chung.”

Morgan ra dấu cho Paul, gã nói. “Anh ta biết một người có thể đưa chúng ta gần đến với khách hàng của chúng ta.”

Morgan gật đầu với sự lựa chọn từ ngữ của gã, rồi nói thêm, “Nhà cung cấp của chúng ta hết hàng rồi.”

Tư lệnh hỏi, “Người này làm việc cho công ty khác à?”

“Không. Làm tự do thôi.”

“Chúng ta có lựa chọn nào khác không?”

Morgan nói, “Lựa chọn khác duy nhất là ngồi đợi, hy vọng vào điều tốt nhất.”

“Cậu tin anh ta?”

Một lúc sau, Paul đáp, “Vâng. Anh ta là một trong chúng ta.”

“Chúng ta?”

“Là tôi,” Paul giải thích. “Anh ta trong đường dây làm ăn với tôi. Chúng tôi, à... đã thu xếp một mức độ tin tưởng nhất định.”

“Có liên quan đến tiền?”

Morgan nói, “Đó là lý do chúng tôi đang gọi. Anh ta muốn rất nhiều tiền. Ngay lập tức.”

“Nhiều là bao nhiêu?”

“1.000. Bằng tiền của ông.”

Ngập ngừng một lúc.-“Đó có thể là vấn đề.”

“Chúng tôi không còn lựa chọn nào,” Paul nói. “Ông phải lo được.”

“Chúng tôi có thể đưa cậu quay về sớm.”

“Không, ông không muốn làm thế,” Paul mạnh mẽ nói.

Âm thanh từ chiếc radio có thể là do sóng điện từ, hoặc có thể là tiếng thở dài của Bull Gordon.

“Yên tâm đi. Tôi sẽ gọi lại cho cậu ngay khi có thể.”

“Vậy chúng ta có thể có được gì với tiền của tôi?”

“Tôi không biết chi tiết,” Bull Gordon nói chuyện với Cyrus Adam Claybom, người đang trên đầu dây bên kia ở Nevv York. “Họ không thể làm thế này. Lo lắng bị nghe trộm, ông biết đấy. Nhưng rõ ràng quân Phát xít đã cắt hết đường tiếp cận thông tin Schumann cần để tìm ra Ernst. Không nghi ngờ gì nữa.”

Claybom càu nhàu.

Gordon lại thấy ngạc nhiên dễ chịu, cân nhắc đến người ông đang nói chuyện là người giàu nhất đứng thứ tư, hay thứ năm trong nước. (Ông ta vốn được xếp thứ hai, nhưng vì khủng hoảng thị trường chứng khoán, ông ta bị tụt hai bậc.) Tính cách hai người rất khác nhau nhưng họ cùng chia sẻ hai đặc trưng thiết yếu: cả hai cùng chảy trong người dòng máu lính và đều là những người ái quốc. Điều đó xóa nhòa đi khoảng cách về thu nhập và địa vị.

“1.000? Tiền mặt à?”

“Vâng, thưa ngài.”

“Tôi thích tên Schumann đó. Bài bình luận tái tranh cử của hãn khá sắc sảo. FDR run sợ như một con thỏ.” Claybom cười khúc khích. “Cho dù Thượng Nghị sĩ sắp chết điếng luôn.”

“Có vẻ như thế.”

“Được rồi. Tôi sẽ thu xếp tiền.”

“Cảm ơn ngài.”

Claybom đoán ra ngay câu hỏi kế tiếp của Gordon. “Dĩ nhiên, đã là cuối ngày thứ Bảy tại Hun-ville. Và anh ta cần tiền ngay bây giờ, đúng không?”

“Đúng vậy.”

“Chờ chút.”

Mãi ba phút sau, ông trùm tư bản mới quay lại trên đầu dây.

“Bảo họ đến gặp nhân viên ngân hàng tại điểm gặp gỡ như thường lệ tại Berlin. Morgan sẽ biết. Ngân hàng Hàng hải của Mỹ. Số 88 phố Under Den Linden, hay bất kỳ cái tên quái gì cậu gọi. Tôi không bao giờ có thể nhớ nổi.”

“Unter den Linden. Có nghĩa là ‘Dưới bóng Cây Đoạn.’”

“Rồi, rồi. Người gác cổng sẽ giữ những kiện hàng.”

“Cảm ơn ngài.”

“Bull này?”

“Vâng, thưa ngài?”

“Chúng ta không có đủ những anh hùng tại đất nước này. Tôi muốn thẳng nhóc đó phải trở về nhà lành lặn. Xét đến những tài nguyên của chúng ta...” Những người như Claybom sẽ chẳng bao giờ nói, “tiền của tôi.” Tay thương gia tiếp tục. “Xét đến những tài nguyên của chúng ta, chúng ta có thể làm gì để phát huy những lợi thế?”

Gordon cân nhắc câu hỏi. Chỉ một điều xuất hiện trong tâm trí.

“Cầu nguyện,” ông đáp, ép chặt ống nghe vào giá, tạm dừng một lúc rồi lại nhắc ống nghe.

Chương 17

Thanh tra Willi Kohl ngồi tại bàn làm nhà Alex tối tăm, đang cố gắng hiểu điều không lý giải nổi, một trò chơi chẳng đâu chơi ngoài những đờn cảnh sát khắp nơi.

Về bản chất, ông đã luôn là kẻ hiếu kỳ, nói cách khác là thấy ngạc nhiên với cách pha trộn đơn giản chì than, lưu huỳnh và nitrate tạo ra thuốc súng, cách những con tàu hoạt động dưới mặt nước như thế nào, tại sao những con chim lại rủ nhau đậu trên các đoạn khác nhau của những đường dây điện tín, điều gì xảy ra trong trái tim con người mà lôi kéo các công dân kia vào cơn điên rồ, khi một tên Quốc Xã ranh mãnh nào đó phát ngôn tại một cuộc mít tinh lớn.

Tâm trí ông hiện đang bận rộn với câu hỏi loại người gì có thể đoạt mạng sống của người khác? Và tại sao?

Và dĩ nhiên, lúc này khi thì thầm thành tiếng từ “Ai?”, ông đang nghĩ đến bức vẽ của tay nghệ sĩ đường phố trên Quảng trường Tháng 11 năm 1923. Janssen giờ đang ở dưới nhà cũng gấp rút in các bức vẽ ra, sau khi in xong bức ảnh nạn nhân. Kohl tự nhủ, dù thế nào đó cũng không phải là bức vẽ tôi. Có những dấu hiệu tẩy xóa các nét vẽ ban đầu không tốt và các chỉnh sửa, tuy nhiên vẫn hiện lên khuôn mặt đặc biệt: quai hàm vuông, đẹp trai, cổ dày, tóc hơi quăn, một vết sẹo trên cằm và một miếng băng dán trên má.

“Mày là ai?” ông thì thầm.

Willi Kohl biết những sự thật: rằng kích cỡ cơ thể, tuổi tác và màu tóc của con người có thể nói lên quốc tịch, thậm chí có thể nói đến thành phố

cư trú. Nhưng nhờ những tháng năm làm nhân viên điều tra, ông cũng biết rằng để tìm ra những tội phạm nhất định, ông cần nhiều chi tiết hơn thế. Để thực sự hiểu được chúng, phải cần thêm điều gì đó nữa, những cái nhìn thấu suốt bằng trực giác. Đây là một trong những tài năng tuyệt vời nhất của Kohl. Tầm trí ông đưa ra những liên kết, những bước nhảy đôi khi khiến chính ông phải giật mình. Nhưng giờ đây chẳng có gì sắp xảy ra hết. Điều gì đó về vụ này còn khó hiểu.

Ông lại ngồi xuống, xem những ghi chép của mình khi hút tẩu thuốc nóng (một lợi thế khi làm việc với Cảnh sát Hình sự bị tẩy chay, đó là lệnh cấm hút thuốc của Hitler không đến được những hành lang tội lỗi này). Ông nhả khói lên trần nhà thờ dài.

Kết quả từ những đề nghị hươc của ông chưa thấy đâu. Nhân viên kỹ thuật phòng thí nghiệm vẫn chưa tìm được bất kỳ dấu tay nào trên cuốn sách hướng dẫn Thế vận hội tìm thấy tại hiện trường vụ ẩu đả với lính Xung Kích, và FPE (phái, Kohl giận dữ để ý, chỉ có một nhân viên khám nghiệm) vẫn không tìm thấy những sự trùng khớp với các dấu vết từ ngõ Dresden. Bên phòng điều tra, những cái chết bất thường vẫn chưa thấy gì. Mỗi một ai đó ra rồi phân tích mẫu máu của anh ta mất bao nhiêu lâu vậy?

Trong số hàng tá báo cáo người mất tích hôm nay tràn ngập phòng Cảnh sát Hình sự, không hề thấy ai khớp với mô tả về nạn nhân, chắc chắn là một đứa con trai và có thể là một người cha, một người chồng hay có thể là một người tình...

Vài bức điện tín được gửi đến từ các đồn cảnh sát quanh Berlin báo cáo tên những người đã mua súng ngắn Star Modelo A của Tây Ban Nha, hoặc đạn Largo trong một năm qua. Tuy nhiên, đáng tiếc là danh sách chưa hoàn chỉnh, Kohl thấy nản lòng khi biết rằng mình đã nhầm: vũ khí giết người này không hiếm như ông nghĩ. Có lẽ vì mối liên kết chặt chẽ giữa các lực lượng Xã hội Chủ nghĩa của Đức và Pháp tại Tây Ban Nha, mà nhiều khẩu súng mạnh mẽ và hiệu quả này được bán ở đây. Danh sách tính đến lúc này bao gồm tổng cộng 56 người tại Berlin và những vùng lân cận, cùng một số cửa hàng bán súng được thăm dò. Các sĩ quan cũng báo cáo rằng có vài cửa hàng không còn giữ lại ghi chép cũ, hoặc đóng cửa vào dịp cuối tuần.

Thêm nữa, nếu kẻ này chỉ mới đến thành phố hôm qua, như có vẻ thế, nhiều khả năng nhất là hắn không tự mang” súng theo. (Cho dù danh sách có thể vẫn chưa chứng tỏ sự giá trị. Hung thủ có thể đã ăn cắp súng, lấy của chính nạn nhân hoặc có được nó từ một đồng chí đã ở Berlin được một thời gian.)

Thấu hiểu điều không thể lý giải nổi...

Vẫn đang hy vọng vào bản kê khai danh sách hành khách trên tàu Manhattan, Kohl đã gửi điện tín đến các quan chức bến cảng tại Hamburg và Hãng Tàu United States Lines đề nghị gửi cho ông một bản sao kê khai. Nhưng Kohl không lạc quan, thậm chí ông còn không chắc chủ tàu có bản sao hay không. Liên quan đến chính hãng vận chuyển, họ hẳn sẽ phải xác định vị trí tài liệu đó, tạo một bản sao và sau đó gửi bưu điện, hoặc gửi theo điện báo đến các trụ sở Cảnh sát Hình sự, có thể phải mất vài ngày. Trong bất kỳ trường hợp nào, đến giờ này các đề nghị trên vẫn chưa nhận được câu trả lời.

Thậm chí, ông còn gửi một điện tín đến cửa hàng Thời trang Nam giới Manny tại New York hỏi về khách hàng mua mũ Mity-Lites Steson gần đây. Cả yêu cầu này cũng chưa thấy hồi âm.

Ông sốt ruột liếc nhìn chiếc đồng hồ bằng đồng trên bàn làm việc. Ngày đã dần tối và ông đang đói ngấu. Kohl ước gì được nghỉ một lát, hoặc được về nhà ăn tối với gia đình.

Konrad Janssen bước vào cửa phòng ông. “Tôi in ra hết rồi, thưa sếp.”

Cậu ta giơ lên một tờ giấy in tác phẩm của tay nghệ sĩ đường phố, hãng còn thơm mùi mực in.

“Tốt... Bây giờ thật buồn, Janssen ạ, tối nay cậu có thêm một nhiệm vụ nữa.”

“Rõ, thưa sếp, bất kể việc gì tôi làm được.”

Thêm một phẩm chất nữa của Janssen nghiêm túc, đó là không ngần ngại làm việc vất vả.

“Cậu sẽ lấy chiếc DKW rồi quay lại làng Thế vận hội. Trình bức tranh của tay nghệ sĩ cho bất kỳ ai cậu tìm thấy, người Mỹ hay người nào đó, hỏi xem có ai nhận ra hắn không. Để lại vài bản sao cùng với số điện thoại.

Nếu cậu không gặp may tại đó, mang vài bản sao đến đồn cảnh sát tại Lützow Plaza. Nếu họ tình cờ tìm thấy nghi phạm, bảo họ giữ hẳn lại chỉ như một nhân chứng rồi gọi cho tôi ngay lập tức. Kể cả là gọi về nhà.”

“Rõ, thưa sếp.”

“Cảm ơn cậu, Janssen... Chờ đã, đây là cuộc điều tra án mạng đầu tiên của cậu, đúng không?”

“Vâng, thưa sếp.”

“À, cậu không bao giờ quên được vụ đầu tiên. Cậu đang làm rất tốt.”

“Cảm ơn sếp.”

Kohl trao cho cậu ta chìa khóa xe DKW. “Đặt nhẹ tay lên bướm gió thôi nhé. Nàng ấy ưa không khí cũng nhiều như ưa xăng. Có lẽ còn hơn đấy.”

“Rõ, thưa sếp.”

“Tôi sẽ về nhà đây. Gọi cho tôi khi có gì mới nhé.”

Sau khi cậu ta đi rồi, Kohl cởi luôn đôi giày đang mang. Ông mở ngăn kéo bàn làm việc, lôi ra một hộp đựng lông cừu và cuộn vài vòng quanh mấy ngón chân giúp giảm nhẹ đau đớn những vùng da nhạy cảm. Ông đặt thêm vài miếng xốp khéo léo vào cả hai chiếc giày, rồi nhấn nhó xỏ lại chân vào giày.

Ông liếc qua bức ảnh nghi phạm rồi những tấm ảnh mờ chụp hai vụ án mạng tại Gatow và Charlottenburg. Ông chẳng nghe thêm báo cáo gì từ hiện trường tội ác hoặc các cuộc thẩm vấn bất kỳ nhân chứng nào. Ông cho rằng câu chuyện hư cấu về âm mưu của Cộng sản ông kể cho Chánh Thanh tra Horcher không mang lại hiệu quả.

Ông nhìn trừng trừng các tấm ảnh: một thằng bé chết, một người phụ nữ đang cố nắm lấy chân một người đàn ông đang nằm xa tầm với, một công nhân đang nắm chặt cái xẻng đã mòn của anh ta... Đau tim. Ông nhìn chăm chăm một lúc lâu, biết rằng nếu theo đuổi vụ này sẽ rất nguy hiểm. Nếu không phải mạng sống của ông, thì sự nghiệp của ông chắc chắn sẽ gặp nguy hiểm. Nhưng ông không còn sự lựa chọn.

Tại sao? Ông tự hỏi. Tại sao ông luôn cảm thấy cơn bốc đồng muốn đóng lại một vụ án mạng?

Thật mỉa mai, Willi Kohl cho rằng trong cái chết, ông tìm thấy sự tinh táo. Hay chính xác hơn, trong quá hình lôi những kẻ sát nhân ra trước công lý. Ông cảm thấy đây là mục đích của ông trên trái đất này, quay lưng trước bất kỳ vụ giết người nào - người đàn ông béo trong một con ngõ, hay một gia đình người Do Thái -chính là làm trái với bản chất của ông và như thế sẽ là một tội lỗi.

Lúc này viên thanh tra cất hết các bức ảnh đi. Vớ lấy cái mũ, ông bước vào trong tiền sảnh tòa nhà cũ, bước dọc theo chiều dài mặt sàn lát gạch Phổ, đá và gỗ đã mòn theo năm tháng, nhưng vẫn sạch bóng. Ông bước qua những ánh nắng của mặt trời đỏ hồng đang xuống thấp, nguồn ánh sáng chính của trụ sở vào thời điểm này trong năm. Khách sạn Berlin đã trở thành biểu tượng cho sự tiêu xài hoang phí dưới triều đại Quốc Xã (“Súng và Bơ”, Göring không ngừng lái nhái câu này), các kỹ sư của tòa nhà đã làm tất cả những gì có thể nhằm bảo tồn các tài nguyên.

Vì Janssen đã dùng xe của ông nên Kohl đành bắt tàu điện ngầm về nhà. Ông tiếp tục đi xuống hai cầu thang dẫn ra cửa sau trụ sở, một lối tắt đến trạm chờ tàu.

Dưới chân cầu thang, những tấm biển chỉ đường đến các xà lim giam giữ của Cảnh sát Hình sự về bên trái và các phòng lưu trữ hồ sơ vụ án cũ thẳng phía trước. Ông thẳng tiến theo hướng đến các phòng này, nhớ lại hồi còn làm trợ lý thanh tra đã từng mất mấy ngày ở đây. Ông không chỉ đọc các hồ sơ để học từ các thanh tra của Phổ trong quá khứ, mà đơn giản vì ông thích ngắm nhìn lịch sử Berlin mà các nhà thi hành luật đã kể ông nghe.

Vị hôn phu của con gái ông, Heinrich là một viên chức nhưng nó đam mê công việc của cảnh sát. Kohl đã quyết định thi thoảng sẽ mang nó theo, hai bố con có thể cùng nhau xem qua các hồ sơ này. Thậm chí thanh tra có thể cho nó xem một số vụ án đích thân Kohl đã thụ lý những năm trước.

Tuy nhiên, ngay khi đẩy cửa vào, ông dừng phắt lại, các hồ sơ lưu đã biến mất. Kohl giật mình khi thấy chính ông đứng trong một hành lang đèn đuốc sáng trưng, cùng với 6 người có vũ trang. Tuy nhiên, chúng không

mặc đồng phục xanh của Cảnh sát Đô thị mà mặc đồng phục đen của SS. Gần như đồng loạt chúng quay người lại nhìn ông.

“Xin chào ngài,” tên đứng gần ông nhất lên tiếng, dáng người hăn gầy còm với khuôn mặt dài đến kinh ngạc. Hăn dò xét Kohl chăm chú. “Ngài là...?”

“Thanh tra Kohl. Còn cậu là ai?”

“Nếu ngài đang muốn tìm các hồ sơ lưu, thì chúng ở tầng hai.”

“Không. Tôi chỉ muốn đi ra cửa sau thôi.” Kohl bước lên phía trước. Tên lính SS bước một bước nhẹ nhàng về phía ông. “Tôi rất tiếc phải thông báo rằng, lối đó không dùng được nữa.”

“Tôi không nghe nói chuyện đó.”

“Không ư? Thông báo được đưa ra vài ngày trước rồi. Ngài sẽ phải quay lên gác.”

Kohl nghe thấy một âm thanh lạ lùng. Gì thế nhỉ? Một tiếng lạch xạch, lạch xạch, lạch xạch...

Một chùm ánh nắng lấp đầy tiền sảnh khi hai tên SS mở cánh cửa phía xa, đưa vào hai chiếc xe kéo đẩy đang chở theo các thùng carton. Chúng rẽ vào một trong số những căn phòng cuối hành lang.

Ông nói với tên lính gác, “Đó là cánh cửa tôi đang nói đến. Có vẻ nó sử dụng được mà.”

“Không phải để dùng chung.”

Những âm thanh ...

Lạch xạch, lạch xạch, lạch xạch và bên dưới kia, tiếng ầm ầm của động cơ hay máy móc...

Ông liếc nhìn sang bên phải, qua một cánh cửa mở hé thì thấy vài thiết bị cơ khí loại lớn. Một người phụ nữ mặc áo choàng trắng đang cho hàng chồng giấy vào một trong những thiết bị đó. Đây chắc là một phần máy móc trong phòng in ấn của Cảnh sát Hình sự. Nhưng rồi ông quan sát chúng, không phải là những tờ giấy, mà là các thẻ được đục lỗ và đang được cái thiết bị kia phân loại.

À, Kohl hiểu rồi. Một bí ẩn cũ đã được bật mí. Một thời gian trước đó, ông đã nghe nói Chính phủ đang cho thuê các máy phân loại và máy tính

lớn, có tên là DeHoMags đặt theo tên công ty chế tạo ra chúng, một công ty con tại Đức của công ty mẹ ở Mỹ, International Business Machines. Các thiết bị này sử dụng thẻ bị đục lỗ nhằm phân tích và tra chéo thông tin. Kohl rất vui sướng khi biết được những máy móc cho thuê này. Các máy móc có thể chứng tỏ sự hữu ích vô giá trong những cuộc điều tra hình sự. Chúng có thể thu hẹp các hạng mục dấu vân tay, hoặc thông tin đạn đạo nhanh hơn nhân viên kỹ thuật thao tác bằng tay 100 lần. Ngoài ra, chúng có thể tra chéo các thủ đoạn phạm tội để liên kết tội phạm và tội ác, có thể lần theo dấu những người được tha bổng hoặc những kẻ phạm tội tái phạm.

Tuy nhiên, sự nhiệt tình của thanh tra sớm biến thành nỗi chua chát, khi ông biết những thiết bị này không dành cho Cảnh sát Hình sự. Ông tự hỏi ai sở hữu chúng và chúng được đặt ở đâu. Nhưng giờ đây, trước sự choáng váng của ông, có vẻ ít nhất hai hoặc ba chiếc ở đây cách văn phòng ông chưa đầy 100 mét và được SS bảo vệ.

“Mục đích của chúng là gì?”

Ông hỏi tên lính.

“Tôi không được phép nói, thưa ngài,” hần trả lời bằng giọng khô khốc. “Tôi không được thông báo.”

Từ bên trong căn phòng, người phụ nữ mặc áo trắng nhìn ra ngoài. Bà ta ngừng tay, nói chuyện với ai đó. Kohl không thể nghe được họ nói gì, cũng như không thấy bà ta đang nói chuyện với ai. Cánh cửa từ từ đóng chặt lại như thể có ma thuật.

Tên lính với khuôn mặt dài thuôn bước qua Kohl mở cánh cửa dẫn lên cầu thang. “Một lần nữa, thưa Thanh tra, như tôi đã nói, không có lối ra ở đây. Ngài sẽ tìm thấy một cánh cửa khác dẫn lên một cầu thang và...”

“Tôi biết tòa nhà này,” Kohl bực mình nói, quay lên gác.

“Tôi mang cho cô một thứ,” gã nói.

Đứng trong phòng khách của Paul trong căn nhà trọ ngõ Magdeburger, Käthe Richter nhận lấy gói quà nhỏ với ánh mắt tò mò, sợ hãi thận trọng

như thế đã bao nhiêu năm rồi cô chưa được ai tặng quà. Hai ngón tay cái của cô rờ trên lớp giấy nâu bao phủ một thứ Otto Webber đã tìm cho gã.

“Ôi.” Cô khẽ thốt lên khi nhìn thấy cuốn sách bọc bìa da, trên bìa sách là dòng chữ in Những Bài Thơ Tuyển Chọn của Johann Wolfgang von Goethe.

“Bạn tôi nói rằng cuốn này không phải là sách cấm, nhưng cũng không hợp pháp. Như thế có nghĩa là nó sắp thành sách cấm.”

“Lửng lơ,” cô nói và gật đầu. “Tương tự như nhạc Jazz của Mỹ tại đây một thời gian, giờ cũng bị cấm rồi.” Tiếp tục mỉm cười, Käthe lật đi lật lại cuốn sách trong tay cô.

Gã nói, “Tôi không biết ông ta lại mang tên của gia đình tôi.”

Cô ngược lên nhìn gã thắc mắc.

“Ông nội tôi tên là Wolfgang. Bố tôi tên là Johann.”

Käthe mỉm cười trước sự trùng hợp, lật qua mấy trang cuốn sách.

“Tôi đang tự hỏi,” gã nói. “Nếu cô không bận, ăn tối đi.”

Gương mặt cô trở nên nghiêm túc. “Như tôi đã nói với anh, tôi chỉ phục vụ anh bữa sáng, chứ không...”

Gã phá lên cười. “Không, không. Tôi muốn đưa cô ra ngoài ăn tối. Có lẽ đi ngắm mấy phong cảnh tại Berlin.”

“Anh muốn...”

“Tôi muốn đưa cô đi chơi.”

“Tôi... Không, không. Tôi không thể.”

“Ôi, nếu cô có bạn trai hay có chồng...” Liếc nhìn bàn tay cô, gã không thấy nhần cười. Nhưng gã không chắc tại Đức người ta hứa hôn như thế nào. “Xin cô đấy, rủ cả anh ấy đi cùng.”

Käthe dường như không thể nói lên lời. Cuối cùng cố nói, “Không, không. Tôi chưa có ai. Nhưng...”

Paul nói chắc nịch. “Không nhưng nhị gì hết. Lâu lắm rồi tôi không đến Berlin. Tôi có thể nhờ ai đó dẫn tôi đi quanh thành phố.” Gã nở nụ cười với cô, nói bằng tiếng Anh. “Thưa cô, tôi sẽ nói với cô, rằng tôi không chấp nhận câu trả lời là không.”

“Tôi không hiểu chữ ‘ain’t’”, cô nói. “Nhưng đã lâu tôi không đi nhà hàng rồi. Có lẽ, một buổi tối như thế này có thể thú vị.”

Paul nhíu mày. “Cô dùng sai từ tiếng Anh rồi.”

“Ồi, thế phải nói thế nào?” cô hỏi.

“Từ đúng phải là ‘sẽ’ thú vị, không phải là ‘có thể’.”

Cô phá lên cười, đồng ý gập lại gã trong nửa giờ nữa. Cô quay về phòng mình trong khi Paul đi tắm và thay quần áo.

Ba mươi phút sau, có tiếng gõ cửa. Khi mở cửa, gã chớp mắt. Cô như là một người hoàn toàn khác.

Käthe đang mặc một chiếc đầm đen mà có lẽ sẽ khiến ngay cả nữ thần thời trang Marion ở Manhattan cũng phải mê mẩn. Vừa vịn đến hoàn hảo, chất liệu bóng, một đường xẻ táo bạo dọc sườn với hai ống tay áo bé xíu làm lộ đôi bờ vai. Bộ đầm tỏa ra mùi hương băng phiến nhẹ nhàng. Dường như cô thấy khó chịu, gần như là ngượng ngùng khi ăn mặc bộ đầm phong cách đến thế, như thể dạo gần đây cô toàn mặc quần áo trong nhà. Nhưng đôi mắt cô rực sáng, ý nghĩ trước đó của gã về cô quay trở lại: một sắc đẹp, một cảm xúc thật dịu dàng toát ra từ bên trong cô, hoàn toàn làm lu mờ làn da mờ xỉn, những khớp ngón tay xương xẩu, nước da nhợt nhạt và lông mày hẹp.

Riêng đối với Paul, mái tóc của gã vẫn đen vì tinh dầu nhưng giờ đây đã được chải khác đi. (Và khi ra ngoài, gã sẽ không đội mũ Stetson màu nâu: thay vào đó, là mũ nỉ mềm đen thẫm, vành rộng gã đã mua vào buổi chiều sau khi chia tay Morgan.) Gã đang mặc bộ vest hai lớp bằng vải lạnh màu xanh, đeo cà vạt màu bạc ngoài chiếc áo sơ mi Arrow màu trắng. Tại cửa hàng bách hóa nơi mua mũ, gã cũng đồng thời trang điểm nhiều hơn, che đi vết bầm và vết xước. Gã đã bỏ đi miếng băng cá nhân.

Käthe cầm lên cuốn sách thơ bỏ lại trong phòng gã để đi thay đồ, lật qua vài trang. “Đây là một trong những bài thơ tôi thích, có tên là “Sự Gần Gũi Của Người Thương.” Cô liền đọc to nó lên:

*Anh nghĩ về em, khi từ phía biển
Mặt trời rọi lên tia sáng nhạt mờ*

*Anh nghĩ về em, khi vầng trăng hiển hiện
Vẽ tự nguồn - ánh sáng xa mờ*

*Anh thấy em, khi nẻo đường xa ấy
Hạt bụi dăng giữa trời
Đêm về khuya, khách lữ hành run rẩy
Trên nhịp cầu chơi vơi*

*Anh nghe em, khi trào lên ngọn sóng
Tiếng xa nghe đục mờ
Anh thường lắng trong đêm rừng vắng
Khi bốn bên lặng ngắt như tờ.*

Cô đọc thơ bằng một giọng thấp, Paul có thể hình dung cô đang đứng trước một lớp học. Học sinh của cô bị mê hoặc bởi tình yêu chân thành của cô với những vần thơ.

Käthe phá lên cười, đôi mắt cô bừng sáng. “Anh thật tử tế.” Nói rồi cô cầm cuốn sách trong hai bàn tay mạnh mẽ, xé lớp bìa da bọc ngoài ném vào thùng rác.

Gã nhìn cô chăm chăm, nhú mày.

Cô cười buồn. “Tôi sẽ giữ lại những bài thơ, nhưng phải hủy phần đập vào mắt là tựa sách và tên tác giả. Như thế ai đến thăm hoặc khách trọ sẽ không vô tình nhìn thấy tên người viết, và sẽ không tố cáo tôi. Ôi, cái thời đại chúng ta sống! Hiện giờ, tôi sẽ để lại cuốn sách trong phòng anh. Tốt nhất là anh không nên mang mấy cuốn này ra phố, kể cả khi anh đã xé bìa rồi. Giờ thì đi chơi thôi!” cô nói với sự phẫn khích rất con gái. Cô nói tiếp bằng tiếng Anh, “Tôi muốn đi xem thành phố. Anh đã nói thế đúng không?”

“Vâng. Đi xem thành phố. Cô muốn đi đâu?... Nhưng tôi có hai yêu cầu.”

“Vâng?”

“Thứ nhất, tôi đang đói và sẽ ăn nhiều lắm. Và thứ hai, tôi muốn đi xem Phố Wilhelm nổi tiếng của cô.”

Gương mặt cô lại trở nên nghiêm túc. “Ôi, phố đấy là của Chính phủ mà.”

Gã cho rằng với một người đang bị những kẻ Quốc Xã quấy rầy, cô sẽ không hứng thú với địa điểm đặc biệt ấy. Thế nhưng gã cần phải tìm ra địa chỉ tốt nhất để hóa kiếp Ernst, và gã biết rằng một kẻ như gã nếu không đi kèm một bóng hồng tới đó, sẽ đáng ngờ hơn nhiều. Hôm nay, đây là nhiệm vụ thứ hai Reggie Morgan giao cho gã - không chỉ tìm hiểu quá khứ của Otto Webber mà còn nắm được đường dây của Käthe Richter nữa. Thực sự cô ấy đã bị cấm giảng dạy, bị gắn mác là một người trí thức và theo Chủ nghĩa Hòa bình. Không có bằng chứng nào cho thấy cô ấy mật báo cho bọn Quốc Xã.

Giờ đây, thấy ánh mắt cô nhìn cuốn sách thơ, gã cảm thấy cắn rứt khi lợi dụng cô theo cách này, nhưng gã tự an ủi mình với ý nghĩ rằng cô không ủng hộ Phát xít. Qua việc vô tình giúp đỡ gã, cô ấy đã góp phần ngăn chặn cuộc chiến Hitler đang âm mưu.

Cô nói, “Vâng, dĩ nhiên tôi sẽ dẫn anh đi xem. Với yêu cầu đầu tiên của anh, tôi nghĩ đến ngay một nhà hàng. Anh sẽ thích cho xem.” Nở nụ cười bí ẩn, cô nói thêm. “Đó đúng là nơi cho những kẻ như anh và tôi.”

Anh và tôi...

Gã tự hỏi cô ấy muốn nói gì.

Họ bước vào nhà hàng trong buổi tối ấm áp. Gã thích thú nhận thấy ngay bước chân đầu tiên lên vỉa hè, hai mái đầu nhất loạt nhìn sang bên xem có ai bám theo không.

Khi cùng sóng đôi, họ nói chuyện về hàng xóm, thời tiết, những tưng thiếu rồi lạm phát, về gia đình cô. Bố mẹ cô đều đã qua đời và cô còn một người em gái sống tại Spandau gần đó cùng chồng và bốn đứa con. Cô cũng hỏi gã về cuộc đời gã, tuy nhiên tay sát thủ thận trọng chỉ trả lời mơ hồ, liên tục lái câu chuyện quay về cuộc đời cô.

Phố Wilhelm quá xa không thể đi bộ, cô giải thích. Paul hiểu khi nhớ lại bản đồ. Gã rất cẩn trọng trong chuyện bắt taxi, nhưng hóa ra chẳng còn

chiếc taxi nào, vì hôm nay là cuối tuần trước khi khai mạc Thế vận hội, ai ai cũng muốn vào thành phố. Käthe gợi ý đi xe buýt hai chiều. Họ lên một xe rồi bước lên tầng trên cùng, ngồi sát nhau trên chiếc ghế bọc da sạch tinh tươm.

Paul thận trọng nhìn quanh nhưng không ai tỏ ra chú ý đặc biệt đến họ (cho dù một phần trong gã mong được thấy hai cảnh sát viên đang bám theo gã suốt ngày, tay cảnh sát dáng người thô kệch mặc áo vest màu trắng nhạt, cậu thanh niên gầy gò mặc áo vest màu xanh dương).

Xe buýt lắc lư khi họ đi qua Cổng Brandenburg, suýt va vào những lề đường đá, cùng nhiều khách bộ hành há hốc mồm trong cái giật mình hài hước như những người trên vòng đu quay tại Coney Island, gã cho rằng phản ứng này là truyền thống của Berlin.

Käthe kéo dây thừng, hai người xuống xe tại Under The Lindens ở Phố Wilhelm, rồi đi bộ tiếp về phía Nam dọc theo đại lộ rộng là trung tâm của chính quyền Phát xít. Nơi này không có gì nổi bật, với các tòa nhà văn phòng màu xám nguyên khối hai bên đường. Sạch sẽ và vô trùng, con phố tỏa ra sức mạnh đáng lo ngại. Paul đã xem các bức tranh Nhà Trắng và Nhà Quốc hội. Chúng dường như gây ấn tượng mạnh và nhã nhặn. Ở nơi này các mặt tiền và ô cửa sổ bé xíu của những tòa nhà bằng đá, bằng bê tông kề nhau san sát cho ta cảm giác nguy hiểm.

Và làm trầm trọng thêm vấn đề buổi tối nay, chúng được bảo vệ đến tận răng. Gã chưa bao giờ thấy an ninh nghiêm túc đến thế.

“Phủ Thủ tướng ở đâu?” gã hỏi.

“Đằng kia.” Käthe chỉ tay về phía một tòa nhà cũ kỹ, trang trí công phu với một giàn giáo gần như đang che khuất mặt tiền.

Paul thấy lo ngại. Đôi mắt nhanh nhẹn của gã tập trung vào nơi đó. Những tên lính bảo vệ có vũ trang đứng ở mặt tiền. Hàng tá tên SS và một bọn trông như những tên lính chính quy đang tuần tra trên phố, chặn người dân lại xét hỏi giấy tờ. Trên các sân thượng tòa nhà là những tên lính khác, được trang bị vũ khí.

Chắc phải có đến cả trăm tên không mặc đồng phục ở gần đó. Rõ ràng không thể tìm ra một vị trí bắn tỉa. Ngay cả nếu có tìm được, cũng không

ngghi ngờ rằng gã sẽ bị thộp cổ, hoặc bị giết khi đang cố gắng chạy trốn.

Gã bước chậm lại. “Tôi nghĩ xem thế đủ rồi.” Gã dò xét vài tên cao lớn, mặc đồng phục đen đang xét hỏi giấy tờ hai người đi trên vỉa hè.

“Không ấn tượng như anh nghĩ à?” Cô bật cười và định nói thêm gì đó - có thể là “Tôi nói rồi mà,” nhưng rồi lại thôi. “Yên tâm đi, nếu anh có thêm thời gian, tôi có thể đưa anh đi xem nhiều nơi trong thành phố của chúng tôi, thực sự rất đẹp. Giờ thì chúng ta đi ăn tối chứ?” cô hỏi.

“Vâng, đi thôi.”

Cô đưa gã quay lại trạm chờ xe buýt trên phố Under the Lindens. Họ lên xe đi một quãng ngắn, sau đó xuống xe đi theo hướng cô chỉ.

Käthe hỏi trong cả quãng thời gian ngắn ngủi ở đây đến giờ, gã nghĩ gì về Berlin. Một lần nữa, Paul trả lời mơ hồ, hướng cuộc nói chuyện tập trung về cô. Gã hỏi, “Cô có đi với ai khác không?”

””Đi?”

Gã giải thích cho cô. “Ý tôi là liên quan đến yếu tố lãng mạn.”

Cô trả lời thẳng, “Gần đây nhất tôi đã có người yêu. Chúng tôi không còn bên nhau nữa. Nhưng anh ấy vẫn chiếm trọn trái tim tôi.”

“Anh ấy làm gì?” gã hỏi.

“Một phóng viên. Giống như anh.”

“Tôi thực sự không phải là phóng viên. Tôi viết những câu chuyện rồi bán chúng. Có thể nói là những vấn đề nóng hổi.”

“Anh có viết về chính trị không?”

“Chính trị à? Không. Tôi viết về thể thao.”

“Thể thao.” Giọng cô tỏ ý xem thường.

“Cô không thích thể thao?”

“Rất tiếc phải nói rằng tôi không thích thể thao.”

“Tại sao?”

“Bởi vì có nhiều vấn đề quan trọng chúng ta phải đối mặt, không chỉ ở đây mà ở khắp nơi trên thế giới này. Thể thao là... à, chúng thật phù phiếm.”

Paul đáp, “Giả sử như việc đi dạo trên các con phố Berlin vào một buổi tối hè đẹp thế này. Nhưng chúng ta đang làm đấy thôi.”

“Chà,” Käthe bực mình nói. “Vấn đề duy nhất trong giáo dục tại Đức bây giờ, đó là xây dựng những cơ thể khỏe mạnh, chứ không phải tư duy lành mạnh. Những thằng bé chơi trò chơi chiến tranh, chúng diễu hành ở khắp nơi. Anh đã nghe nói chúng tôi bắt đầu chế độ cường bức tòng quân chưa?”

Paul nhớ lại Bull Gordon đã mô tả kế hoạch quân sự của Đức cho gã nghe. Nhưng gã đáp, “Chưa.”

“Cứ ba thằng thì có một thằng trượt vì nó không có được bàn chân phẳng do diễu hành suốt tại trường. Đó là một nỗi nhục nhã.”

“Cô quan trọng hóa vấn đề lên rồi,” gã nêu rõ. “Tôi thích thể thao.”

“Vâng, trông anh có vẻ vạm vỡ. Anh có tập thể hình không.”

“Một chút. Chủ yếu là đấm bốc.”

“Đấm bốc? Ý anh là cái nơi anh đánh người ta à?”

Gã phá lên cười. “Thì đấm bốc chỉ có thể thôi mà.”

“Man rợ.”

“Có thể - nếu cô không biết phòng thủ.”

“Anh đùa à,” cô nói. “Nhưng sao anh có thể khuyến khích người ta đánh lẫn nhau chứ?”

“Thật sự tôi không thể nói được. Nhưng tôi thích nó. Vui lắm.”

“Vâng, vui,” cô chế giễu.

“Thì vui mà,” gã nói, cũng ngày càng thấy tức giận. “Cuộc sống khó khăn. Đôi khi cô cần phải bám vào cái gì đó vui vẻ, khi phần còn lại của thế giới xung quanh hành hạ cô... Tại sao lúc nào đó cô không đi xem một trận đấm bốc? Đi xem Max Schmeling đi. Uống một chút bia, la hét cho đến khi khản giọng. Có thể cô sẽ thích.”

“Kakfif, “cô thẳng thừng nói.

“Gì cơ?”

“Kakfif,” Käthe lặp lại. “Một từ viết tắt của ‘Không Bao Giờ’.

“Tùy cô thôi.”

Cô im lặng một lúc, rồi nói, “Tôi là một người yêu hòa bình như hôm nay đã nói với anh. Tất cả bạn bè tôi tại Berlin đều yêu hòa bình. Chúng tôi không kết hợp ý tưởng vui vẻ với việc làm tổn thương người khác.”

“Tôi không đi dạo quanh đây như một tên lính Xung Kích đánh đập người vô tội. Những thằng đánh nhau với tôi? Chúng muốn làm thế đấy.”

“Anh cố vũ chuyện gây đau đớn à.”

“Không, tôi ngăn cản người ta đánh tôi. Đánh nhau là thế đấy.” “Như trẻ con,” cô lẩm bẩm. “Anh như trẻ con ý.”

“Cô không hiểu.”

“Và tại sao anh nói thế? Bởi vì tôi là phụ nữ?” cô ngắt lời.

“Có thể. Phải, có thể là thế.”

“Tôi không ngu.”

“Tôi không nói về chuyện trí tuệ. Tôi chỉ muốn nói rằng phụ nữ không có thiên hướng thích đánh nhau.”

“Chúng tôi không có thiên hướng bạo lực. Chúng tôi sẽ chiến đấu để bảo vệ ngôi nhà của mình.”

“Đôi khi, sói không ở trong nhà cô đâu. Chẳng lẽ cô không đi tìm và giết nó trước à?”

“Không.”

“Cô mặc kệ nó và hy vọng nó sẽ bỏ đi?”

“Đúng. Chính xác. Và anh dạy nó rằng anh không cần phải hủy diệt nó.”

“Thật lỗ bịch,” Paul nói. “Cô không thể nói chuyện với một con sói đội lốt cừu.”

“Nhưng tôi nghĩ anh có thể nếu anh muốn,” cô nói. “Và nếu anh thực sự cố gắng làm việc đó. Tuy nhiên, quá nhiều người đàn ông không muốn thế. Họ muốn đánh nhau. Họ muốn hủy diệt bởi vì điều đó mang lại cho họ khoái cảm.” Sự im lặng nặng nề chen giữa họ một lúc lâu. Rồi cô lên tiếng, giọng dịu dàng hơn, “Chà, Paul này, tha lỗi cho tôi. Anh đang làm bạn đồng hành của tôi ở đây, đang cùng tôi đi ngắm thành phố này. Một việc tôi đã không làm suốt mấy tháng. Thế mà tôi trả ơn anh bằng cách biến mình thành một ả đánh đá. Phụ nữ Mỹ có đánh đá giống tôi không?”

“Vài người đánh đá, vài người thì không. Cô không phải là người như họ.”

“Tôi là một người khó chiều mà. Anh phải hiểu, Paul -nhiều phụ nữ tại Berlin là như thế. Chúng tôi phải thế. Sau Thế Chiến thứ I, trong nước

chẳng còn người đàn ông nào cả. Chúng tôi phải trở thành đàn ông, phải cứng rắn như họ. Tôi xin lỗi.”

“Không. Tôi thích tranh luận mà. Chỉ là một cách đánh nhau khác.”

“Chà, đánh nhau! Và tôi là người yêu hòa bình!” Cô bật cười như thiếu nữ.

“Các bạn cô sẽ nói gì?”

“Thực sự anh muốn biết cái gì?” cô nói rồi cầm tay gã sang đường.

Chương 18

Cho dù có là một kẻ “lãnh đạm” - trung lập về chính trị, không phải một Đảng viên - Willi Kohl vẫn thích những ưu tiên nhất định được dành cho những tên Quốc Xã nhiệt tình.

Một trong số những ưu tiên đó là khi Kohl, một quan chức Cảnh sát Hình sự chuyển đến Munich, ông đã có cơ hội nhận được một căn hộ bốn phòng ngủ lớn trong một ngõ cụt có hai hàng cây đoạ còn mới nguyên đối diện phố Berliner, gần Charlottenburg. Berlin vốn từng trải qua sự thiếu hụt nhà ở nghiêm trọng từ thời Thế Chiến thứ I, hầu hết các thanh tra Cảnh sát Hình sự, ngay cả nhiều người cùng chức vụ như ông, đều được giao cho những căn hộ có phòng trống vuông vắn, không có gì nổi bật, liền kề với những căn hộ trong tình trạng tương tự.

Kohl không hoàn toàn chắc chắn tại sao ông được đặc cách như thế. Nhiều khả năng nhất là vì ông luôn sẵn sàng giúp các sĩ quan đồng nghiệp phân tích thông tin hiện trường tội ác, đưa ra những suy luận từ bằng chứng, hoặc thậm vấn một nhân chứng hay nghi phạm. Kohl biết rằng con người có giá trị nhất trong bất kỳ công việc nào, đó là người có thể khiến các đồng nghiệp của mình - và đặc biệt là các cấp trên - cũng trở nên có giá trị như thế.

Những căn phòng này là thánh đường của ông. Chúng riêng tư, kín đáo như nơi làm việc của ông, chỉ dành riêng cho những người thân thiết nhất trong trái tim ông: vợ ông, lũ nhóc và đôi khi (luôn ngủ trong phòng khách, dĩ nhiên), vị hôn phu của Charlotte, Heinrich.

Căn hộ nằm trên tầng hai và khi nhả nhó bước lên cầu thang, ông có thể ngửi thấy mùi hành và thịt. Heidi chẳng có lịch cố định nào trong việc chuẩn bị đồ ăn cả. Một số đồng nghiệp của Kohl long trọng tuyên bố những

ngày thứ Bảy, thứ Hai và thứ Tư chẳng hạn sẽ là những ngày Không Ăn Thịt Bày Tỏ Sự Trung Thành Với Nhà Nước. Gia đình Kohl, ít nhất vẫn trải qua ngon lành bảy ngày không có thịt thường xuyên, do khan hiếm cũng như giá cả đắt đỏ, nhưng Heidi không chịu bó buộc theo cái luật đấy. Tối thứ Bảy tuần này, họ có thể ăn cà tím với thịt lợn muối xông khói trong món súp kem, hoặc bánh pudding bầu dục hoặc bò nhúng dấm, hay thậm chí một đĩa mì ống theo phong cách Ý với cà chua. Luôn luôn là món ngọt, dĩ nhiên. Willi Kohl ưa thích món bánh quy linzertorte và bánh táo nướng tâm đường.

Thở khò khè do phải leo cầu thang, ông vừa mở cửa thì Hanna, mười một tuổi lao đến bên ông. Con bé gốc gác Nordic bé bỏng này mang mái tóc vàng óng, bắt chập bố mẹ nó tóc nâu. Con bé ôm choàng lấy người cha to lớn. “Bố! Con mang tẩu cho bố được không?”

Ông rút ra chiếc tẩu bằng đất sét trắng đưa cho con bé. Nó mang chiếc tẩu đến đặt trên giá bên cạnh hàng tá chiếc tẩu khác.

“Anh về rồi,” ông gọi.

Heidi bước ra cửa ôm hôn chồng vào cả hai má. Bà trẻ hơn ông vài tuổi, thân hình trở nên phì nhiêu theo năm tháng, đã xuất hiện lớp thịt mềm dưới cằm và bộ ngực thêm nảy nở, cứ mỗi đứa con ra đời, bà lại tăng thêm vài ký. Nhưng điều này cũng là lẽ tự nhiên, Kohl cảm thấy mình cũng cần phải già đi, cả về tâm hồn lẫn thể chất, với người bạn đời. Với năm đứa con, bà được Đảng tặng giấy chứng nhận. (Các phụ nữ càng sinh nhiều con càng được tôn trọng hơn, nếu sinh đến chín đứa, bạn sẽ được tặng ngôi sao vàng. Thực ra, một cặp vợ chồng có ít hơn bốn đứa con, sẽ không được phép tự xưng mình là một “gia đình”.) Nhưng Heidi lại giận dữ mỗi lần nhét thêm một tờ giấy da vào ngăn tủ của mình. Bà sinh con bởi vì bà yêu thương chúng, yêu thương mọi thứ ở chúng - ban cho chúng cuộc sống, nuôi dưỡng chúng, định hướng con đường cho chúng - không phải vì ước muốn tăng dân số ĐỆ TAM ĐẾ CHẾ của Little Man.

Vợ ông biến mất rồi một lúc sau đó quay lại, mang theo một cốc rượu snap hẹp miệng. Bà chỉ dành cho ông một cốc thứ đồ uống hiệu nghiệm này trước bữa tối. Đôi khi ông phàn nàn về khẩu phần khiêm tốn này,

nhưng lại bí mật vui vẻ chấp nhận nó. Ông biết quá rõ nhiều cảnh sát viên không chỉ dừng lại ở cốc thứ hai. Hoặc chai thứ hai.

Ông chào Hilde, cô gái 17 tuổi, lúc nào cũng cắm mặt vào sách. Con bé đứng dậy ôm chầm lấy ông, rồi lại ngồi xuống đi vắng. Cô gái yếu điệu, thướt tha này là học giả của cả nhà. Nhưng dạo gần đây con bé đang trải qua giai đoạn khó khăn. Chính Goebbels đã nói rằng mục đích duy nhất của một người phụ nữ, đó là trở nên xinh đẹp và sinh thật nhiều con cho ĐỆ TAM ĐẾ CHẾ. Phần đa các trường đại học giờ đây đã đóng cửa đối với nữ sinh và những ai đã được nhận vào trường chỉ được học hai khóa: khoa học nội trợ (thường bị gọi bằng cái tên khinh miệt là “băng cấp pudding”) hoặc giáo dục. Tuy nhiên, Hilde lại muốn được học toán, khoa học và về cơ bản là muốn trở thành một giáo sư đại học. Nhưng con bé sẽ chỉ được phép dạy cho những lớp thấp hơn. Kohl tin rằng cả hai cô con gái lớn của ông đều thông minh như nhau. Nhưng việc học hành dễ dàng đối với Hilde hơn Charlotte sôi nổi, hoạt bát và mạnh mẽ, lớn hơn Hilde bốn tuổi. Ông thường kinh ngạc khi thấy mình và Hilde là hai người vừa giống nhau nhưng cũng lại quá khác nhau đến thế.

Thanh tra bước ra ban công nhỏ, nơi đôi khi ông sẽ ngồi hút tẩu thuốc vào đêm muộn. Ban công nhìn ra phía Tây, giờ đây ông nhìn chằm chằm những đám mây màu cam đầy đe dọa, sáng chói dưới ánh tà dương. Ông nhấp một ngụm nhỏ rượu snap cay xè. Nhấp ngụm thứ hai thì đỡ hơn, ông khoan khoái ngồi xuống ghế, cố gắng không nghĩ đến người đàn ông béo ú đã chết, đến những cái chết bi thảm tại Gatow và Charlottenburg, về Pietr Krauss - tha lỗi cho tôi, Peter, về những bí ẩn đang cuộn xoáy của DeHoMags dưới tầng hầm trụ sở Cảnh sát Hình sự. Cố gắng không nghĩ đến nghi phạm New York đội mũ Manny thông minh của họ.

Mày là ai?

Một tiếng la hét từ phía hành lang trước. Mấy thằng nhóc đã về. Tiếng bước chân dậm thành thịch trên cầu thang. Herman bé hơn là đưa đầu tiên bước qua cửa và để cửa mở cho Günter. Thằng anh khóa cửa rồi bắt đầu lao vào thằng em. Khi hai thằng nhóc nhìn thấy bố, trò đùa vật dưng ngay tắp lự.

“Bố!” Herman hét lên ôm chầm lấy bố. Günter ngẩng đầu lên chào. Thăng nhóc 16 tuổi không còn ôm chầm lấy bố mẹ chính xác là từ 18 tháng trước. Kohl cho rằng mấy cậu con trai hành xử theo quy trình kể từ thời của Otto I, nếu không phải là mãi mãi.

“Hai đứa đi tắm đã,” Heidi nói.

“Nhưng bọn con bơi rồi mà, ở bể bơi Phố Wilhelm Marr.”

“Rồi,” bố chúng nói thêm, “giờ hai đứa tắm sạch nước bể bơi đi.”

“Bữa tối ăn gì thế hả mẹ?” Herman hỏi.

“Con càng tắm nhanh bao nhiêu,” bà tuyên bố, “con sẽ càng sớm biết.”

Chúng lao như tên bắn xuống hành lang, lối di chuyển thảm họa của trẻ vị thành niên.

Một lúc sau, Heinrich đến cùng Charlotte. Kohl thích anh chàng này (ông sẽ chẳng bao giờ gả con gái cho người ông không tôn trọng). Nhưng sự đam mê của anh chàng tóc vàng đẹp trai này với công việc của cảnh sát thúc giục cậu ta hỏi han Kohl một cách nhiệt tình, chi tiết những vụ án gần đây. Bình thường thì thanh tra vui sướng trước điều này, nhưng điều cuối cùng ông muốn đó là nói về thời của ông. Kohl đã nhắc đến Thế vận hội - một hướng đối chủ đề đối thoại chắc chắn. Ai ai cũng nghe những lời đồn khác nhau về các đội tuyển, những vận động viên yêu thích và nhiều quốc gia tham dự.

Không lâu sau đó, tất cả cùng ngồi trong phòng ăn, Kohl khui hai chai rượu vang Saar-Ruwer, một tập quán của gia đình Kohl theo nhiều cách khác nhau. Đây là một trong những thời điểm yêu thích của viên thanh tra trong ngày. Được ở bên cạnh những người bạn yêu thương... và có thể nói chuyện một cách thoải mái. Khi mọi người cùng nói chuyện, cùng cười và tranh luận, Kohl nhìn hết khuôn mặt này đến khuôn mặt khác. Đôi mắt ông luân chuyển rất nhanh, lắng nghe những giọng nói, quan sát những cử chỉ và nét mặt. Ai đó có thể nghĩ việc này diễn ra thật tự nhiên, suốt bao nhiêu năm ông làm cảnh sát. Nhưng thực tế là không. Ông đã quan sát và rút ra kết luận rằng, đây là một khía cạnh trong vai trò làm cha mẹ. Tối nay, ông để ý thấy một việc khiến ông phiền lòng nhưng ông chỉ lưu lại trong tâm trí, như cách ông moi thông tin từ một hiện trường tội ác.

Bữa tối kết thúc tương đối sớm, khoảng một tiếng, cái nóng làm phai nhạt đi khẩu vị của mọi người, ngoại trừ Kohl và hai cậu nhóc. Heinrich đề nghị chơi bài. Nhưng Kohl lắc đầu. “Với bố thì không, bố sẽ hút thuốc,” ông tuyên bố, “Và xoa bóp bàn chân, bố nghĩ vậy. Günter này, mang cho bố một ấm nước nóng.”

“Vâng ạ.”

Kohl lấy một cái chậu ngâm chân và một ít muối. Ông ngồi xuống chiếc ghế da trong phòng riêng, đúng chiếc ghế bố ông đã ngồi sau một ngày dài làm việc trên cánh đồng, châm lửa rồi hút tẩu. Vài phút sau, cậu con trai cả bước vào phòng, dễ dàng mang theo cái ấm đang bốc khói nghi ngút chắc phải nặng đến mười cân bằng một tay. Cậu đổ đầy chậu nước. Kohl xắn tay áo, cởi tất rồi quay mặt đi không dám nhìn nốt viêm tấy ở kẽ ngón chân cái và những vết chai màu vàng. Ông ngâm chân vào nước nóng rồi cho thêm muối.

“Ái chà.”

Thằng bé quay lưng đi, nhưng Kohl gọi lại, “Günter, chờ chút.”

“Vâng ạ.”

“Ngồi xuống đi.”

Thằng bé thận trọng làm theo, đặt ấm nước xuống sàn nhà. Trong đôi mắt nó thoáng qua vẻ tội lỗi của thiếu niên. Kohl thích thú tự hỏi những tội lỗi gì đang lướt qua tâm trí thằng bé. Hút thuốc, uống một ít rượu snap, mò mẫm khám phá đồng hồ lót của Lisa Wagner trẻ trung?

“Günter, có chuyện gì thế? Có chuyện khiến con buồn trong bữa tối. Bố thấy rồi.”

“Không có gì đâu bố.”

“Không có gì à?”

“Không ạ.”

Bằng một giọng mềm mại nhưng kiên quyết, Willi Kohl nói, “Con nên nói cho bố biết.”

Thằng bé đưa mắt nhìn sàn nhà, cuối cùng nó nói, “Sắp phải đi học lại rồi ạ.”

“Trong một tháng thì chưa đâu.”

“Nhưng... Bố ạ, con đang hy vọng. Có thể chuyển cho con sang trường khác không?”

“Nhưng tại sao? Hindenburg là một trong những trường tốt nhất thành phố. Hiệu trưởng Muntz rất được tôn trọng.”

“Xin bố đấy.”

“Có chuyện gì thế?”

“Con không biết. Chỉ là con không thích.”

“Điểm số của con rất tốt. Các giáo viên của con nói con là một học sinh giỏi.”

Thằng bé không nói gì.

“Còn chuyện gì khác ngoài những bài học à?”

“Con không biết.”

Có thể là chuyện gì nhỉ?

Günter nhún vai. “Xin bố, con không thể đến trường khác cho tới tháng 12 ạ?”

“Tại sao lại là lúc đó?”

Thằng bé không trả lời, lảng tránh ánh mắt bố.

“Nói cho bố nghe đi,” Kohl hiền từ nói.

“Vì...”

“Nói tiếp đi.”

“Vì vào tháng 12, ai ai cũng phải gia nhập Đoàn thanh niên Hitler. Và bây giờ... bố sẽ không cho phép con tham gia.”

À, lại chuyện này. Một vấn đề cũ tái diễn. nhưng đây có đúng là thông tin mới không? Phải chăng Đoàn thanh niên Hitler là bắt buộc? Một ý nghĩ khủng khiếp. Sau khi Đảng Quốc Xã lên nắm quyền, chúng đã tập hợp nhiều nhóm thanh niên Đức vào Đoàn thanh niên Hitler, những nhóm khác bị loại bỏ. Kohl tin rằng các tổ chức của trẻ con - hồi ở tuổi thiếu niên, ông đã từng tham gia các câu lạc bộ bơi lội và đi bộ đường dài mà ông rất yêu mến - nhưng Đoàn thanh niên Hitler chẳng khác gì một tổ chức huấn luyện quân sự tiền quân đội, do đích thân những đứa nhóc điều hành và chỉ huy, không hơn, những tên lãnh đạo nhóc tỳ của Quốc Xã càng tàn bạo bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu.

“Và bây giờ con muốn tham gia?”

“Con không biết. Bạn nào cũng trêu con vì không phải là một thành viên. Tại sân bóng ngày hôm nay, Helmut Gruber đã ở đó. Anh ấy là đội trưởng Đoàn thanh niên Hitler, anh ấy bảo tốt hơn con nên tham gia sớm.”

“Nhưng con không thể là người duy nhất không phải là thành viên.”

“Mỗi ngày lại thêm nhiều người tham gia,” Günter trả lời. “Mấy đứa bạn con không phải là thành viên đều bị đối xử tồi tệ. Khi bạn con chơi trò Aryan và Do Thái trên sân trường, con luôn là người Do Thái.”

“Con chơi cái gì?” Kohl nhíu mày. Ông chưa từng nghe đến nó.

“Bố biết mà, trò chơi Aryan và Do Thái. Chúng đuổi theo tụi con. Chúng được dạy không được gây thương tích cho tụi con - Giáo sư Tiến sĩ Kindl nói thế. Chỉ là trò chơi đuổi bắt thôi. Nhưng khi ông ta quay lưng đi, chúng nó đẩy ngã bạn con.”

“Con là chàng trai mạnh mẽ, bố đã dạy con cách tự vệ rồi cơ mà. Con có đây lại chúng nó không?”

“Có, thi thoảng ạ. Nhưng bạn nó chọn phe Aryan đông lắm.”

“Bố e rằng con không thể chuyển trường được,” Kohl nói.

Günter nhìn đám khói tẩu thuốc đang bay lên trần nhà. Đôi mắt nó sáng rực. “Con có thể tố cáo ai đó. Có thể như thế chúng sẽ cho con vào phe Aryan.”

Kohl nhíu mày. Đi tố cáo người khác. Một căn bệnh khác của Quốc Xã. Ông kiên quyết nói với con trai, “Con không tố cáo ai hết. Họ sẽ phải vào tù, sẽ bị tra tấn. Hoặc bị giết.”

Günter cau mày trước phản ứng của bố. “Nhưng con sẽ chỉ tố cáo một tên Do Thái thôi mà bố.”

Hai bàn tay ông run lên, tim đập thành thịch. Kohl không tìm được từ nào để nói. Ép mình phải bình tĩnh, cuối cùng ông hỏi, “Con sẽ tố cáo một tên Do Thái, mà chẳng vì lý do gì à?”

Con trai ông có vẻ bối rối. “Dĩ nhiên là không. Con sẽ tố cáo hẳn vì hẳn là một tên Do Thái. Con đang nghĩ... Bố của Helen Morrell làm việc tại cửa hàng bách hóa Karstadt. Sếp của chú ấy là một người Do Thái nhưng ông ta bảo với mọi người không phải thế. Ông ta phải bị tố cáo.”

Kohl hít một hơi sâu, cân nhắc những từ ngữ của ông như người bán thịt phân chia khẩu phần rồi nói, “Con trai, bây giờ chúng ta sống trong một thời đại khác rồi. Rất rối loạn. Nó hỗn loạn đối với bố và hỗn loạn nhiều hơn thế đối với con. Có một điều mà con phải luôn luôn ghi nhớ - nhưng không bao giờ được phép nói ra - đó là người ta phải tự biết phân biệt cái gì là đúng, cái gì là sai. Anh ta biết điều này từ những gì anh ta nhìn nhận về cuộc sống, về cách mọi người sinh sống và hành động cùng nhau, về cách anh ta cảm nhận. Tận trong thâm tâm anh ta biết rằng làm gì là đúng, làm gì là tồi tệ.”

“Nhưng người Do Thái là kẻ xấu. Ở trường họ sẽ không dạy tụi con thế nếu điều đó không đúng.”

Tâm trí Kohl run lên trong giận dữ và đau đớn khi nghe câu nói này. “Con sẽ không tố cáo ai hết, Günter,” ông nghiêm khắc nói. “Đó là mong muốn của bố.”

“Được rồi ạ,” thằng bé nói, quay lưng bước đi.

“Günter,” Kohl gọi.

Thằng bé dừng chân trên ngưỡng cửa.

“Ở trường con có bao nhiêu bạn không gia nhập Đoàn thanh niên?”

“Con không đếm được ạ. Nhưng ngày càng nhiều. Không lâu nữa sẽ chẳng còn đứa nào đóng vai Do Thái nữa, ngoài con.”

Nhà hàng Käthe nghĩ đến là quán bar Lutter & Wegner, một nơi cô giải thích là có 100 năm tuổi và nổi tiếng tại Berlin. Những căn phòng tối om, ngập trong khói thuốc và kín đáo. Nơi này giúp tránh được những kẻ Áo Nâu, SS và những tên mặc đồng phục đeo băng tay đỏ có dấu thập ngoặc hình móc câu, kiểu anh-biết-rồi-còn-hỏi.

“Tôi đưa anh tới đây, vì như tôi đã nói, nó từng là nơi hay lui tới của những người như anh và tôi.”

“Cô và tôi?”

“Đúng. Những kẻ phóng túng, yêu hòa bình, các nhà tư tưởng và giống như anh, các ký giả.”

“À, ký giả. Phải rồi.”

“E.T.A. Hoffmann sẽ tìm kiếm cảm hứng ở đây. Ông ta uống sâm panh thừa, cả mấy chai luôn! Rồi sau đó thì viết thâu đêm. Dĩ nhiên anh đã đọc truyện của ông rồi.”

Paul chưa đọc. Nhưng gã vẫn gật đầu.

“Anh có nghĩ ra một nhà văn nào hay hơn trong kỷ nguyên lãng mạn của Đức không? Tôi không nhớ nổi. Cuốn Vua Chuột Và Kẹp Hạt Dẻ - còn đen tối hơn nhiều, thật hơn nhiều so với những gì Tchaikovsky đã làm được. Vở ba lê dựa theo cuốn này được thổi phồng nhiều quá, anh có nghĩ thế không?”

“Nhất định rồi,” Paul đồng tình. Gã nghĩ đến một mùa Giáng Sinh khi còn bé gã đã xem nó. Gã ước rằng mình đã đọc cuốn sách để có thể thảo luận một cách thông thái. Gã thích nói chuyện đơn giản với cô biết bao. Khi họ cùng nhấp ly cocktail, gã nghĩ lại về màn “đấu khẩu” giữa gã với Käthe trên đường đến đây. Gã thật tâm thương với những gì đã nói khi tranh cãi với cô. Hai người đã thật vui. Gã không cho rằng mình có bất hòa nào với Marion suốt những tháng trời họ đi chơi với nhau. Gã thậm chí không thể nhớ nổi có lúc nào cô giận dữ. Đôi khi một đôi tất mới bị phai màu, cô sẽ phun ra nào là “chết tiệt” hoặc “mẹ kiếp.” Sau đó đưa tay lên che miệng như kiểu chuẩn bị hôn gió ai đó - và xin lỗi vì đã chửi thề.

Bồi bàn mang thực đơn đến, họ cùng gọi món chân lợn, mì trứng spaetzle, cải bắp và bánh mì (“Chà, bơ thiệt luôn!” cô thì thầm kinh ngạc, nhìn chăm chăm những miếng bơ chữ nhật màu vàng bé xíu). Cô gọi đồ uống là rượu vang trắng ngọt. Họ rất vui vẻ, nói cười suốt thời gian đó. Ăn tối xong, Paul châm thuốc hút. Gã để ý dường như cô đang lưỡng lự. Như thể đang nói với các học sinh, cô bảo, “Hôm nay chúng ta quá nghiêm túc. Tôi sẽ kể một câu chuyện cười.” Giọng cô nhỏ xuống thành lời thì thầm. “Anh có biết Hermann Göring không?”

“Quan chức nào đó trong Chính phủ à?”

“Phải, phải. Hẳn ta là đồng chí thân cận nhất của Hitler. Là một lão già. Béo ục ịch. Và hẳn ta điếu khấp nơi trong những trang phục kỳ cục, cạnh những người nổi tiếng và các phụ nữ xinh đẹp. Cuối cùng, hẳn đã kết hôn vào năm ngoái.”

“Đó là chuyện cười à?”

“Không, chưa. Gã thực sự đã kết hôn rồi. Đây mới là chuyện cười này.” Käthe trề môi quá mức. “Anh có nghe nói đến vợ Göring không? Người đàn bà tội nghiệp đã phải từ bỏ tôn giáo của mình. Chắc anh phải hỏi tôi tại sao.”

“Nói cho tôi biết đi. Tại sao vợ Göring lại phải làm thế?”

“Bởi vì sau đêm tân hôn, bà ta đã không còn tin vào sự hồi sinh của cục thịt đó nữa.”

Họ cùng phá lên cười. Gã thấy khuôn mặt cô đỏ bừng ngượng ngập. “Trời ơi, Paul. Tôi vừa kể một chuyện cười tục tĩu cho một người đàn ông chưa quen biết. Việc này có thể khiến chúng ta đi tù đấy.”

“Không phải chúng ta,” gã nói, mặt nghiêm túc. “Chỉ cô thôi. Tôi có nói gì đâu.”

“À, ngay cả việc cười trước một chuyện cười như thế, anh cũng bị bắt đấy.”

Gã thanh toán hóa đơn rồi họ rời quán rượu, bỏ qua trạm chờ xe buýt và đi bộ quay về nhà trọ, theo vỉa hè dọc ranh giới phía Nam của Tiergarten.

Paul chuyển choáng say loại rượu gã hiếm khi uống. Cảm giác thật tuyệt, ngon hơn cả rượu whisky ngô cay nồng. Làn gió nhẹ ấm áp khiến gã cảm thấy dễ chịu, cả sức nặng cánh tay của Käthe khi tựa vào vai gã.

Bước đi bên nhau, hai người tâm sự về những cuốn sách, hoạt động chính trị, tranh cãi một hồi, cười ngặt nghẽo một hồi, cặp đôi trái khoáy này cứ thế lang thang qua những con phố trong thành phố đẹp đến hoàn hảo.

Paul nghe thấy những giọng nói, có mấy người đàn ông tiến về phía họ. Trước mặt khoảng 30 mét, gã trông thấy ba tên lính Xung Kích. Chúng đang cười đùa âm ỉ. Từ bộ đồng phục nâu, những gương mặt búng ra sữa trông chúng chẳng khác gì những cậu học trò vui vẻ. Không giống những thằng du côn hiếu chiến gã đã hạ gục vào lúc đầu ngày, bộ ba tên này chi

muốn hưởng thụ một đêm tuyệt vời. Chúng chẳng buồn chú ý gì đến bất kỳ ai khác trên phố.

Paul cảm thấy Käthe bước chậm lại. Gương mặt cô như mặt nạ, cánh tay cô bắt đầu run rẩy.

“Có chuyện gì thế?”

“Tôi không muốn bước ngang qua chúng.”

“Cô không việc gì phải lo đâu.”

Cô nhìn sang bên trái, hốt hoảng. Giao thông trên phố rất nhộn nhịp, họ chỉ còn cách vạch kẻ đường cho khách bộ hành vài khối nhà nữa. Muốn tránh những tên Áo Nâu, họ chỉ còn duy nhất một lựa chọn: lối Tiergarten.

Gã nói, “Thật đấy, cô an toàn mà. Không cần phải lo.”

“Tôi có thể thấy cánh tay anh, Paul. Tôi có thể cảm thấy anh sẵn sàng đánh nhau với chúng.”

“Đó là lý do tại sao cô an toàn.”

“Không.” Cô nhìn cánh cổng dẫn vào công viên. “Đi lối này.”

Họ rẽ vào công viên. Tán lá dày cản bớt đi rất nhiều âm thanh giao thông, chẳng bao lâu tiếng kêu rinh rích của lũ côn trùng, tiếng gọi ồm ộp của cóc nhái từ dưới hồ lấp đầy màn đêm. Những tên lính Xung Kích tiếp tục đi dọc vỉa hè, chẳng chú ý đến cái gì ngoài cuộc nói chuyện sôi nổi và tiếng hát của chúng. Ba tên đi lướt qua mà không hề liếc vào công viên. Dáng đi của cô gợi Paul nhớ đến cách gã bước đi sau khi gãy xương sườn trong một trận ẩu đả.

“Cô không sao chứ?” gã hỏi. Im lặng.

Cô nhìn quanh, run bần.

“Ở đây cô có sợ không” gã hỏi. “Có muốn rời khỏi đây không?”

Thế nhưng cô không nói gì. Họ đi đến một ngã tư, một trong số các lối này dẫn họ về bên trái, phía Nam, ra khỏi công viên và quay về nhà trọ. Cô dừng lại. Một lúc sau cô nói, “Đi thôi. Lối này.” Quay lưng đi, Käthe dẫn gã đi sâu hơn vào công viên, phía Bắc, dọc theo những lối đi quanh co. Cuối cùng, họ đến một căn nhà thuyền nhỏ trên mặt hồ. Hàng tá chiếc thuyền cho thuê nằm úp sấp tựa vào nhau. Giờ đây, trong buổi tối nóng nực, khu này vắng tanh.

“Tôi chưa vào Tiergarten đã ba năm rồi,” cô thì thầm.

Paul không nói gì.

Cuối cùng cô nói tiếp. “Người đàn ông chiếm trọn trái tim tôi?”

“Phải. Anh bạn nhà báo của cô.”

“Michael Klein. Anh ấy là phóng viên của tờ Munich Post. Hitler đã bắt đầu ở Munich. Michael theo dõi sự vươn lên của y và viết rất nhiều bài về y, về những chiến thuật của y - dọa dẫm, đánh đập và giết người. Michael giữ một bản mô tả liên tục về những vụ giết người phản đối Đảng. Thậm chí, anh ấy còn tin rằng Hitler cho giết chính cháu gái của y mới ba mươi hai tuổi, chỉ vì y bị ám ảnh với cô ấy nhưng cô ấy đem lòng yêu người khác.

“Đảng cùng bọn lính Xung Kích đã đe dọa anh ấy cùng tất cả mọi người trong tòa báo Munich Post. Chúng gọi tờ báo này là “Căn Bếp Độc Hại.” Nhưng trước khi Quốc Xã lên nắm quyền, chúng không hề đụng đến anh ấy. Thế rồi có một vụ Reichstaghre... À, nhìn đi, anh cũng thấy được đấy. Đàng kia.” Cô chỉ tay về hướng Đông nam. Paul nhìn lướt qua một tòa nhà cao có mái vòm. “Quốc hội của chúng tôi. Chỉ vài tuần sau khi Hitler làm Thủ tướng, ai đó đã châm lửa đốt từ bên trong. Hitler và Göring đổ lỗi cho bên Cộng sản làm và chúng liền ra tay bắt bớ hàng nghìn người Cộng sản, cả Dân chủ Xã hội nữa. Họ bị bắt theo một sắc lệnh khẩn cấp được ban ra. Michael cũng nằm trong số họ. Anh ấy bị đưa đến một trong số các nhà tù tạm thời mọc lên khắp thành phố. Bọn chúng giam anh ấy ở đấy suốt nhiều tuần. Tôi đã hoảng loạn. Không ai nói cho tôi biết đã xảy ra chuyện gì, không ai nói anh ấy ở đâu. Điều đó thật khủng khiếp. Về sau, anh ấy kể với tôi, chúng đánh đập anh ấy, chỉ cho ăn một bữa một ngày là nhiều, bắt anh ấy ngủ trần truồng trên sàn bê tông. Cuối cùng, một thẩm phán thả anh ấy ra vì anh ấy không phạm bất kỳ tội ác nào cả.

“Sau khi được thả, tôi gặp anh ấy tại một căn hộ cách không xa đây lắm. Đó là một ngày mùa xuân tháng Năm, một ngày đẹp tuyệt. Hai giờ chiều. Chúng tôi đi thuê một chiếc thuyền. Ở ngay đây, trên mặt hồ này. Tôi mang theo một ít bánh mì ôi cho chim ăn. Chúng tôi đang đứng đó thì bốn tên lính Xung Kích bước đến chỗ chúng tôi, đẩy tôi ngã xuống đất. Chúng đã

theo dõi chúng tôi. Chúng nói rằng chúng đang theo dõi anh ấy kể từ lúc anh ấy được thả. Chúng bảo với anh ấy rằng thẩm phán đã hành động trái luật pháp trong việc thả tự do cho anh ấy, rằng bây giờ chúng sẽ thi hành bản án.” Cô nắc nghẹn một lúc lâu. “Chúng đánh anh ấy đến chết ngay trước mắt tôi. Ở ngay đó. Tôi có thể nghe thấy tiếng xương anh ấy bị gãy. Anh thấy đó...”

“Ôi, Käthe . Không...”

“... Anh thấy viên gạch bê tông kia không? Đó là nơi anh ấy ngã xuống. Đúng thế. Viên gạch bê tông thứ tư tính từ bãi cỏ. Đó là nơi đầu Michael gục xuống khi anh ấy chết.”

Gã vòng tay ôm lấy cô. Cô không cưỡng lại, nhưng cô cũng không tìm thấy sự dễ chịu nào trong lần tiếp xúc này, cô đã hóa đá.

“Tháng Năm giờ là tháng tồi tệ nhất,” cô thì thầm. Rồi cô nhìn xung quanh, nhìn vào vòm lá đan kín của cây cối mùa hè. “Công viên này có tên là Tiergarten.”

“Tôi biết.”

Cô nói bằng tiếng Anh, “‘Tier’ nghĩa là ‘động vật’ hoặc ‘dã thú.’ Và ‘Garten,’ dĩ nhiên là “khu vườn” rồi. Nên đây được gọi là vườn của dã thú, nơi những gia đình hoàng gia của hoàng đế Đức đến đi săn. Nhưng theo tiếng lóng, ‘Tier’ cũng mang nghĩa là kẻ du côn, như kiểu một tên tội phạm. Và đó chính là kẻ đã giết người yêu của tôi, những tên tội phạm.” Giọng cô trở nên lạnh lẽo. “Ở đây, ngay trong khu vườn của dã thú này.”

Gã càng ôm cô chặt hơn.

Cô liếc nhìn một lần nữa mặt hồ, rồi vào viên gạch bê tông thứ tư tính từ bãi cỏ. Käthe nói, “Xin anh đưa tôi về nhà đi, Paul.”

Trong tiền sảnh ngoài cửa, họ dừng lại.

Paul thọc tay vào túi gã tìm chìa khóa. Gã nhìn cô. Nhưng Käthe nhìn chăm chăm xuống sàn nhà.

“Chúc ngủ ngon,” gã thì thầm.

“Em đã quên quá nhiều thứ,” cô nói, ngược mắt lên. “Đạo bước qua thành phố, ngắm nhìn những cặp tình nhân trong quán cà phê, kể những câu chuyện cười, ngồi ở nơi những nhà văn, nhà tư tưởng nổi tiếng đã ngồi... niềm vui trong những việc như thế. Em đã quên những niềm vui ấy như thế nào. Đã quên nhiều quá...”

Bàn tay gã lần đến mảnh vải bé xíu che phủ bờ vai cô rồi đến cổ, cảm nhận làn da cô di chuyển trên lớp xương. Mỏng manh thật, gã nghĩ. Quá mỏng manh.

Bàn tay kia của gã ve vuốt mái tóc cô rủ xuống gương mặt. Rồi gã hôn cô.

Bất thần, cô cứng người lại, gã nhận ra mình vừa phạm sai lầm. Cô là người dễ bị tổn thương, đã chứng kiến cảnh người yêu mình phải chết, cô đã bước qua khu vườn dã thú. Gã dợm bước lùi lại nhưng bất thần cô vòng tay quanh người gã, hôn gã thật mạnh, răng cô cắn vào môi gã, gã cảm thấy nó chảy máu. “Ồi,” cô nói, choáng váng. “Em xin lỗi.” nhưng gã khẽ bật cười, rồi cô cũng vậy. “Em đã bảo em quên nhiều thứ quá mà,” cô thì thầm. “Em e rằng đây lại là một điều nữa mất đi trong hồi ức của em.”

Gã kéo cô lại gần hơn nữa, họ vẫn đứng trong tiền sảnh tối mờ, hai tay và làn môi họ gấp gáp. Những hình ảnh vụt thoáng qua: một vầng hào quang quanh mái đầu vàng óng của cô từ ngọn đèn sau lưng, váy ngủ bằng ren màu kem phủ ngoài áo ngực cũng bằng ren, bàn tay đang tìm kiếm vết sẹo gây ra do viên đạn bắn ra từ khẩu Derringer giấu kín của Albert Reilly, một viên chỉ 22mm nhưng nó bật lại khi chạm vào xương, đi ra qua một bên bắp tay, tiếng rên rỉ mãnh liệt của cô, hơi thở nóng bỏng, cảm giác sờ vào lụa, sờ vào cotton, bàn tay gã trượt xuống tìm thấy những ngón tay cô đang chờ dẫn dắt gã đi qua từng lớp, từng lớp quần áo, dây đai rồi nịt bít tất vốn đã mòn xơ cả chỉ được khâu dính vào nhau.

“Vào phòng anh,” gã thì thầm. Trong vài giây, cánh cửa bật mở, hai người lê bước vào trong, nơi bầu không khí dường như nóng hơn cả một hành lang hầm hập.

Giường còn cách xa mấy mét, nhưng đi văng màu hoa hồng với những tay vịn hình chữ M bất thần nằm ngay dưới họ. Gã ngã về phía sau xuống

những tấm nệm, nghe thấy tiếng gõ kê cót két. Käthe nằm trên người gã, đang ôm siết lấy gã trong đôi cánh tay, như thể nếu cô buông tay, gã có thể chìm xuống dưới mặt nước màu nâu của Kênh đào Landwehr.

Một nụ hôn mạnh bạo, cô vùi mặt xuống cổ gã. Gã nghe thấy tiếng cô thì thầm với mình, với chính cô và với chẳng ai cả, “Đã bao lâu rồi nhi?” Cô bắt đầu điên cuồng cởi cúc áo sơ mi của gã. “Ôi, bao năm rồi, bao năm rồi.”

Ồ, gã nghĩ riêng với gã thì không lâu đến thế. Nhưng khi gã cởi váy của cô, cởi váy ngủ bằng một cử chỉ dụi dàng, đôi bàn tay gã trượt xuống eo lưng cô đang đầm mồ hôi, gã nhận ra rằng, phải, trong khi mới đây gã đã trải qua những cảm xúc đó, nhưng bất kỳ điều gì giống thế này thì phải bao nhiêu năm rồi gã mới lại cảm thấy.

Thế rồi, hai bàn tay ôm siết lấy gương mặt cô, kéo cô lại gần hơn, gần hơn nữa, hoàn toàn quên đi chính bản thân mình, một lần nữa con người gã lại thay đổi.

Lần này có thể là mãi mãi.

Chương 19

Các nghi lễ buổi tối của gia đình Kohl đã kết thúc. Bát đĩa đã khô, khăn trải bàn bằng vải lanh được giặt và gấp gọn gàng.

Thanh tra cảm thấy hai bàn chân đã đỡ nhiều, ông đổ nước, lau khô chân rồi đi tất. Ông đóng hộp muối lại, để vào dưới bồn rửa.

Quay lại phòng riêng, chiếc tẩu vẫn đang đợi ông. Một phút sau, Heidi vào phòng ông, ngồi xuống chiếc ghế riêng của bà đang để đồ đan len. Kohl giải thích với bà về cuộc nói chuyện với Günter.

Bà lắc đầu. “Thời thế, thế thời thôi mà. Chiều qua về nhà từ sân bóng, nó cũng đã rất buồn. Nhưng nó chẳng nói gì với em. Chẳng nói gì với mẹ về những chuyện như thế.”

Kohl nói, “Chúng ta cần phải nói chuyện với chúng. Ai đó phải dạy chúng những gì chúng ta được học. Cái đúng và cái sai.”

Vững bền đạo đức...

Heidi thoãn thoắt điều khiển hai que đan bằng gỗ kêu lách cách, bà đang đan chăn cho con đầu lòng của Charlotte và Heinrich, có lẽ sẽ tốn khoảng chừng chín tháng rưỡi sau ngày cưới của hai đứa là tháng Năm sang năm. Bà hỏi bằng tiếng thì thầm khàn khàn, “Rồi chuyện gì xảy ra? Trên sân trường, Günter nói chuyện với bạn nó rằng, bố nó bảo đốt sách là sai, hay chúng ta nên cho phép báo chí Mỹ được phép bán trong nước? Chà, rồi sau đó anh bị đưa đi và không bao giờ quay về nữa. Hay chúng sẽ gửi em một hộp đựng tro cốt của anh với dấu thập ngoặc bên ngoài.”

“Chúng ta dặn chúng không được kể với những đứa khác. Như kiểu chơi một trò chơi. Phải biết giữ bí mật.”

Một nụ cười trên môi người vợ. “Chúng chỉ là trẻ con, anh yêu. Chúng không biết giữ bí mật đâu.”

Đúng, Kohl nghĩ. Đúng thật. Lãnh tụ của ông và đám đông của y là lũ tội phạm mới tuyệt vời làm sao. Chúng bắt cóc dân tộc này bằng cách siết chặt lấy con cái của chúng ta. Hitler đã nói rằng đó sẽ là một Đế chế nghìn năm. Đó là cách chúng ta sẽ đạt được điều đó.”

Ông nói, “Anh sẽ nói chuyện với...”

Một tiếng uỳnh inh tai vang lên trong sảnh - cái vòng sắt đồng hình con gấu trên cửa trước nhà Kohl.

“Lạy Chúa tôi,” Heidi nói rồi đứng dậy, buông rơi que đan liếc nhìn về phía những căn phòng của lũ trẻ.

Willi Kohl bất ngờ nhận ra rằng SD hay Gestapo đã gán thiết bị nghe trộm vào nhà ông và nghe được nhiều cuộc trao đổi đáng ngờ giữa vợ chồng ông. Đây là một kỹ năng của Gestapo -nhằm thu thập bằng chứng một cách kín đáo, sau đó sẽ bắt giữ bạn tại nhà hoặc vào sáng sớm, vào giờ ăn tối hoặc ngay sau đó, khi bạn ít mong đợi chúng nhất. “Nhanh, bật đài lên xem có sóng phát thanh không,” ông nói. Như thể việc lắng nghe những bài lái nhải của Goebbels sẽ ngăn cản được cảnh sát chính trị.

Bà làm theo. Bàn bước sóng chuyển màu vàng nhưng không có giọng nói nào phát ra loa. Phải mất một lúc các ống mới nóng lên.

Một tiếng đập cửa nữa.

Kohl nghĩ đến khẩu súng ngắn của ông, nhưng ông lại để trong văn phòng. Ông không bao giờ muốn cầm vũ khí gần lũ trẻ. Ngay cả nếu ông có muốn, tốt đẹp gì nếu dùng nó chống lại một đội Gestapo hoặc SS? Bước vào phòng khách, ông thấy Charlotte và Heinrich đang đứng cạnh nhau, nhìn nhau khó chịu. Hilde xuất hiện trên ô cửa phòng con bé, cầm cuốn sách trong tay.

Giọng nam trầm truyền cảm của Goebbels vang lên từ cái đài, đang nói về bệnh nhiễm trùng, sức khỏe và dịch bệnh.

Chân bước ra cửa, Kohl tự hỏi có phải Günter đã phun ra nhận xét vô tình nào đó về bố mẹ nó với bạn bè. Có lẽ thằng bé đã tố cáo ai đó - bố nó, dẫu chỉ vô tình. Kohl đưa mắt liếc nhìn Heidi đang đứng quàng tay ôm lấy cô con gái bé bỏng nhất. Ông mở khóa, mở bung cánh cửa bằng gỗ sồi nặng nề.

Konrad Janssen đứng trên ngưỡng cửa, trông tươi tắn như một đứa trẻ trong lễ ban thánh thể thiêng liêng. Nhìn qua thanh tra, cậu nói với Heidi, “Tha lỗi vì đường đột, bà Kohl. Quấy rầy vào giờ muộn thế này, thật không tha thứ được.”

Đức Mẹ ơi, Kohl nghĩ, đôi tay và trái tim ông run lên. Ông tự hỏi cậu thanh tra học việc này liệu có nghe được tiếng tim ông đập thành thịch. “Rồi, rồi, Janssen, giờ giấc không thành vấn đề. Nhưng lần sau, đập nhẹ vào cửa thôi nhé, nếu cậu không phiền.”

“Dĩ nhiên ạ.” Khuôn mặt trẻ trung, thường khi rất bình thản, nhưng lúc này đỏ gay lên vì quá hăng hái. “Thưa sếp, dường như tôi đã đưa ảnh nghi phạm đi khắp làng Thế vận hội và một nửa thành phố này xem.”

“Và?”

“Tôi đã tìm được tay phóng viên làm việc cho tờ báo của Anh. Anh ta đến đây từ New York trên tàu S.S. Manhattan. Anh ta đang viết bài về các môn thi đấu điền kinh trên toàn thế giới và ...”

“Tên người Anh đó là nghi phạm của chúng ta, người đàn ông trong bức vẽ của tay họa sĩ?”

“Không, nhưng...”

“Thế thì một phần câu chuyện của cậu không hấp dẫn chúng tôi, Janssen.”

“Dĩ nhiên, thưa sếp. Tha lỗi cho tôi. Phải nói thật đầy đủ rằng, tay phóng viên này nhận ra được nghi phạm của chúng ta.”

“À, làm tốt lắm, Janssen. Cho tôi biết những gì anh ta phải nói?”

“Cũng chẳng có gì nhiều. Anh ta chỉ biết rằng hắn là một tay người Mỹ.”

Cái thông tin tầm thường này xứng đáng để ông bị truy tìm sao? Kohl thở dài.

Nhưng dường như cậu thanh tra học việc chỉ ngừng lại để kìm hơi thở. Cậu ta nói tiếp, “Và tên hắn là Paul Schumann.”

Những lời nói thốt ra trong bóng tối.

Những lời nói thốt ra như thể trong giấc mơ.

Họ ở gần nhau, tìm thấy sự mâu thuẫn dễ chịu ở trong nhau, đầu gối áp vào khoeo chân, bụng áp vào lưng và cằm đậu trên vai. Cái giường nâng đỡ họ, tấm nệm bằng lông chim trong phòng ngủ của Paul tạo thành hình chữ V dưới trọng lượng của cả hai người bao bọc họ một cách chắc chắn. Họ không thể rời xa nhau nếu họ có muốn.

Những lời nói thốt ra ẩn trong mỗi tình lãng mạn mới, của quá khứ đắm mê cho dù chỉ trong giây lát.

Người thấy mùi nước hoa của cô, thực ra có nguồn gốc hoa tử đinh hương, gã đã người thấy lần đầu tiên gặp.

Paul hôn lên gáy Käthe .

Những lời nói của cặp tình nhân, nói về mọi thứ và chẳng về cái gì. Những ý nghĩ chợt đến, những câu chuyện đùa, những sự thật, những suy tính, những hy vọng... một tràng những từ ngữ.

Käthe đang kể cho gã nghe cuộc đời làm chủ nhà cho thuê của mình. Qua ô cửa sổ mở toang, họ có thể lại nghe thấy tiếng nhạc Beethoven, đang ngày càng to hơn khi ai đó trong căn hộ kế bên tăng thêm âm lượng. Một lúc sau, một giọng mạnh mẽ cất lên xuyên màn đêm ẩm ướt.

“Chà” cô nói, lắc đầu. “Lãnh tụ nói kìa. Đích thân Hitler đấy.”

Thế nhưng y vẫn nói về vi trùng, về nước đọng và về bệnh nhiễm trùng.

Paul bật cười. “Tại sao hẳn cứ bị ám ảnh về sức khỏe thế nhỉ?”

“Sức khỏe á?”

“Suốt cả ngày người nào cũng ra rả nào là vi trùng, nào là vệ sinh. Em không thể thoát được.”

Cô đang phá lên cười. “Vi trùng á?”

“Có gì vui à?”

“Anh không hiểu hẳn đang nói cái gì à?”

“Anh... Không.”

“Không phải y nói về vi trùng đâu. Mà là người Do Thái đấy. Y đã thay đổi toàn bộ bài diễn văn của mình trong kỳ Thế vận hội. Y không muốn nói từ “Do Thái”, nhưng đó là ý của y. Y không muốn xúc phạm những người nước ngoài, nhưng cũng không muốn làm chúng ta quên đi giáo điều của

Quốc Xã. Paul, chẳng lẽ anh không biết chuyện gì đang diễn ra ở đây? Tại sao trong các tầng hầm của một nửa khách sạn, nhà trọ tại Berlin người ta đã gỡ bỏ những tấm biển dành cho Thế vận hội, rằng chúng sẽ để dành đó đến sau khi các du khách ra về. Chúng ghi rằng *Cấm Người Do Thái. Hoặ Người Do Thái Không Được Tới Đây*. Có sự chuyển biến đột ngột trên đường đến nhà em gái em tại Spandau. Tấm biển cảnh báo, *Đường Cong Nguy Hiểm. 30 Cây Số Trên Giờ. Người Do Thái Đi 70 Cây Số Trên Giờ*. Đó là biển báo giao thông! Không phải do những kẻ cố ý phá hoại, mà là do Chính phủ của chúng ta làm!”

“Em nghiêm túc đấy chứ?”

“Nghiêm túc đấy, Paul. Đúng đấy! Em đã thấy mấy lá cờ trên các căn nhà trong ngõ Magdeburger, con phố ở đây. Anh đã nhận xét về lá cờ của chúng ta khi anh đến.”

“Lá cờ Olympic.”

“Đúng, đúng. Không phải cờ Quốc Xã như hầu hết các ngôi nhà khác trên con phố này. Anh có biết tại sao không? Vì tòa nhà này thuộc sở hữu của một người Do Thái. Treo cờ Đức đối với ông ấy là phạm pháp. Ông ấy muốn tự hào về Tổ quốc của mình như tất cả mọi người khác. Nhưng ông ấy không thể làm vậy. Và làm sao ông ấy có thể treo cờ Quốc Xã được chứ? Hay treo cờ swastika? Hay thập ngoặc? Như thế có nghĩa là chống lại tư tưởng ủng hộ người Do Thái.”

À, ra đó là câu trả lời.

Anh biết rồi còn hỏi...

“Anh đã từng nghe nói đến thuyết Aryan hóa chưa?”

“Chưa.”

“Chính phủ cướp nhà hoặc phá hoại việc kinh doanh của người Do Thái. Đó là hành vi trộm cắp trắng trợn và đơn giản. Göring là bậc thầy trong chuyện này.”

Paul nhớ lại những ngôi nhà trống hoác gã đi qua buổi sáng hôm đó, trên đường đến gặp Morgan tại ngõ Dresden. Những biển hiệu cho biết rằng đồ đạc trong nhà sẽ được rao bán.

Käthe xích lại gần gã hơn. Sau khi im lặng một lúc lâu, cô nói. “Có một người đàn ông... Anh ta trình diễn tại một nhà hàng ‘Fancy’, nó thường được gọi như thế. Có nghĩa là cách gọi tên một kiểu nhà hàng. Nhưng nó cũng lạ lùng thật. Rất đẹp. Em đã đến nhà hàng này một lần và người này ngồi trong một cái lồng kính đặt ngay giữa phòng ăn. Anh có biết anh ta là gì không? Một nghệ sĩ chết đói.”

“Cái gì?”

“Một nghệ sĩ chết đói. Giống như trong truyện của Kaika. Anh ta đã trèo vào trong cái lồng nhiều tuần trước đó và sống sót mà không ăn gì, chỉ uống nước thôi. Anh ta ngồi đó, mọi người ai cũng thấy. Anh ta chẳng bao giờ ăn gì hết.”

“Làm sao...”

“Anh ta được phép ra ngoài đi vệ sinh. Nhưng có một người luôn đi kèm anh ta, xác minh rằng anh ta không ăn gì hết. Ngày này qua ngày khác...”

Những lời nói thốt ra trong bóng tối, những lời nói của cặp tình nhân.

Đôi khi ý nghĩa những lời nói này rất quan trọng. Đôi khi không.

Paul thì thầm, “Nói tiếp đi.”

“Em đã gặp anh ta sau khi anh ta ngồi trong lồng kính 48 ngày.”

“Không ăn gì? Anh ta có thành bộ xương không?”

“Anh ta rất gầy, đúng. Trông ốm yếu. Nhưng anh ta bước ra khỏi cái lồng được vài tuần rồi. Em đến gặp anh ta qua một người bạn. Em đã hỏi anh ta tại sao anh ta lựa chọn làm việc này để kiếm sống. Anh ta bảo em anh ta đã làm việc cho Chính phủ được vài năm, làm nghề gì đó liên quan đến giao thông vận tải. Nhưng khi Hitler lên nắm quyền thì anh ta mất việc.”

“Anh ta bị sa thải vì không phải là Quốc Xã?”

“Không, anh ta bỏ việc vì anh ta không chấp nhận những giá trị của chúng và anh ta sẽ không làm việc cho Chính phủ của chúng. Nhưng anh ta có một đứa con nên anh ta cần tiền.”

“Một đứa con?”

“Và cần tiền. Nhưng nhìn đi đâu anh ta cũng thấy nơi đó bị Đảng làm cho ô nhiễm. Anh ta thấy rằng điều duy nhất mình có thể làm mà giữ nguyên được... Cái từ đó là gì nhỉ?”

“Phẩm giá.”

“Đúng rồi, đúng rồi, phẩm giá. Đó là trở thành một nghệ sĩ chết đói. Nó trong sạch. Không thể bị vấy bẩn. Và anh có biết bao nhiêu người đến gặp anh ta không? Hàng ngàn người! Hàng ngàn người đến xem anh ta vì anh ta trung thực. Và vì bây giờ chẳng còn tí trung thực nào trong cuộc sống này nữa.” Một cơn run rẩy rất khẽ cho gã biết rằng cô đang run lên vì nước mắt.

Những lời nói của cặp tình nhân...

“Käthe?”

“Chúng đã làm gì vậy?” Cô thở hỗn hển. “Chúng đã làm gì?... Em không hiểu đã xảy ra chuyện gì. Bọn em yêu âm nhạc, thích trò chuyện và vui vẻ may vá quần áo cho những người đàn ông bọn em yêu thương, thích lau dọn nhà cửa và nằm ườn tắm nắng trên bãi biển tại Wannsee, mua quần áo hay kẹo bánh cho bọn trẻ, bọn em cảm động phát khóc khi nghe bản Sonate Anh Trắng, bởi những lời thơ của Goethe và Schiller - nhưng giờ đây bọn em bị cấm đoán hết. Tại sao?” Giọng cô yếu dần. “Tại sao?” Một lúc sau cô thì thầm. “Ôi, đó là một câu hỏi mà em e rằng câu trả lời sẽ đến quá muộn.”

“Rời khỏi đất nước này đi,” Paul thì thầm.

Cô lặn người lại, nhìn thẳng vào mặt gã. Gã cảm thấy đôi cánh tay mạnh mẽ của cô, trở nên mạnh mẽ do công việc lau dọn bồn tắm và lau nhà, đang vòng qua người gã. Gã cảm thấy gót chân cô cao lên, tìm thấy eo lưng cô và kéo cô lại gần hơn, gần hơn nữa.

“Bỏ đi,” gã lặp lại.

Cơn run rẩy đã ngừng. Nhịp thở của cô dần hờ nên đều đặn hơn. “Em không thể ra đi.”

“Tại sao không?”

“Đây là đất nước của em,” cô chỉ thì thầm. “Em không thể bỏ rơi nó.”

“Nhưng đây đâu còn là đất nước của em nữa. Mà là của chúng. Em đã nói gì? Tier. Những con dã thú, những kẻ du côn. Bầy dã thú đã chiếm đoạt nó rồi. Bỏ đi. Trốn thật xa trước khi mọi việc tồi tệ hơn.”

“Anh nghĩ rằng nó sẽ tệ hơn? Nói em nghe đi, Paul. Anh là một ký giả. Phong cách của thế giới không hợp với em. Không phải như giảng dạy,

không phải như Goethe hay thơ thần. Anh là một người thông minh. Anh nghĩ sao?”

“Anh nghĩ nó sẽ tệ hơn. Em phải rời khỏi đây. Càng sớm càng tốt.”

Cô nói vòng tay đang ôm xiết lấy gã. “Ngay cả nếu muốn em cũng không thể. Sau khi bị sa thải, tên em đã vào danh sách rồi. Chúng đã giữ hộ chiếu của em. Em sẽ không bao giờ có giấy tờ xuất cảnh. Chúng sợ bọn em sẽ làm việc chống lại chúng tại Anh hay Paris. Nên chúng phải giam cầm bọn em.”

“Quay về với anh. Anh có thể đưa em ra ngoài.”

Những từ ngữ của cặp tình nhân...

“Hãy đến Mỹ.” Cô ấy có lắng nghe không? Hay cô ấy đã quyết định là không? ” Bọn anh có những trường học tuyệt nhất.

Em có thể giảng dạy tại đó. Tiếng Anh của em cũng khá như bất kỳ ai.”

Cô hít một hơi thật sâu. “Anh đang đề nghị em làm gì?”

“Bỏ đi cùng anh.”

Một tiếng cười khô khốc. “Khi người đàn bà khóc, đàn ông sẽ nói bất kể điều gì để nàng thôi khóc. Chà, em thậm chí còn chẳng biết anh.”

Paul nói, “Và anh chẳng biết em. Không phải anh đang cầu hôn. Anh không nói chúng ta sẽ cùng chung sống. Anh chỉ nói rằng em phải thoát ra khỏi cái nơi chết tiệt này. Anh có thể thu xếp được.”

Trong sự im lặng theo sau đó, Paul đang nghĩ không, không phải gã đang cầu hôn cô hay đại loại thế. Nhưng nói thật lòng, Paul Schumann không thể không tự hỏi, phải chăng đề nghị của gã không chỉ dừng ở việc đưa cô thoát khỏi nơi khó khăn này. Ôi, gã đang sở hữu cơ man phụ nữ - những cô gái ngoan, những cô gái hư và những cô gái ngoan đang trở thành hư. Vài người gã nghĩ mình đã yêu, và người gã biết mình đã yêu. Nhưng gã biết gã không bao giờ có cảm xúc với họ, như cảm xúc gã đã có với người phụ nữ này chỉ sau một thời gian ngắn đến thế. Phải, gã đã yêu Marion theo cách như thế. Đôi khi gã qua đêm với cô tại Manhattan. Hoặc ở Brooklyn. Họ đã nằm bên nhau, cùng chia sẻ với nhau - về phim ảnh, về xu hướng váy sang năm sẽ ngắn đến đâu, về nhà hàng của Luigi, về mẹ và em gái của cô, về Dodgers. Nhưng Paul nhận ra, họ không phải là những kẻ yêu nhau từ lời

nói. Không giống như đêm nay gã trò chuyện với người phụ nữ phức tạp, nông nản này.

Cuối cùng, cô nói thô bạo, giận dữ. “Chà, em không thể. Sao em đi được? Em đã nói với anh về hộ chiếu và giấy tờ xuất cảnh của em.”

“Còn anh đang nói này. Em không phải lo lắng chuyện đó. Anh có những mối quan hệ.”

“Thật không?”

“Mấy người tại Mỹ nợ anh một ân huệ.” Việc này thì đúng. Gã nghĩ đến Avery và Manielli tại Amsterdam, luôn sẵn sàng mang máy bay đến đưa gã đi bất kỳ lúc nào. Rồi gã hỏi cô, “Ở đây em còn ràng buộc nào không? Em gái em thế nào?”

“Chà, em gái em... Con bé kết hôn với một kẻ trung thành với Đảng. Nó còn chẳng buồn gặp em. Em là một nỗi xấu hổ.” Một lúc sau Käthe nói, “Không, ở đây em chỉ còn những bóng ma thôi. Và những bóng ma không phải là lý do để em ở lại. Mà là những lý do để em ra đi.”

Bên ngoài, vang lên những tiếng cười và quát tháo của kẻ say. Một giọng đàn ông líu nhíu cất tiếng hát, “*Khi Thế vận hội này kết thúc, lũ Do Thái sẽ cảm thấy lưỡi dao và họng súng của chúng ta...*” Sau đó là tiếng kính vỡ. Một ca khúc tiếp theo, lần này vài giọng hát cùng hòa ca. “*Giơ cao băng rôn lên, xiết chặt hàng ngũ. Đoàn quân SA diễu hành với những bước chân vững chắc. Tránh ra, nhường đường cho những tiểu đoàn áo nâu, khi lực lượng Xung Kích quét sạch đất này...*”

Gã nhận ra ca khúc Đoàn thanh niên Hitler đã hát hôm qua, khi chúng hạ cờ tại làng Thế vận hội. Những chiếc thập ngoặc hình móc câu ba màu đỏ, trắng và đen.

Chà, anh biết rồi còn hỏi...

“Ôi, Paul, anh có thể thực sự đưa em rời khỏi đất nước này, không cần giấy tờ ư?”

“Đúng. Nhưng anh sẽ đi sớm. Đêm mai, anh hy vọng thế. Hoặc đêm ngày kia.”

“Làm thế nào?”

“Chi tiết để sau hẵng nói. Em có sẵn sàng bỏ đi ngay lập tức không?”

Sau một lúc im lặng. “Em làm được. Vâng.”

Cô nắm tay gã, vuốt ve mu bàn tay và đan tay gã vào tay cô. Cho đến giờ, đây là giây phút thân mật nhất giữa hai người đêm nay. Gã chạm vào ngón tay cô, từ kích cỡ bàn tay và cảm xúc mang lại, gã nhận ra sức nặng những bài thơ của Goethe gã tặng cô lúc trước.

“Anh sẽ không...”

“Suyt,” gã thì thầm, vuốt tóc cô.

Paul Schumann biết rằng có đôi khi những lời nói của cặp tình nhân trở nên thừa thãi.

Chủ nhật, ngày 26 tháng 07 đến Thứ Hai, ngày 27 tháng 07 năm 1936

Chương 20

Willi Kohl ngồi trong văn phòng tại Alex chừng một tiếng kể từ 5 giờ sáng, vất vả viết ra một bức điện tín bằng tiếng Anh ông đã soạn sẵn trong đầu, khi nằm thao thức trên giường bên cạnh Heidi đang say giấc nồng, thơm ngát mùi phấn bà thoa trước khi đi ngủ.

Lúc này, ông nhìn lại văn bản viết tay của mình:

TÔI, THANH TRA CAO CẤP WILLI KOHL CỦA KRIMINALPOLIZEI (CẢNH SÁT HÌNH SỰ) TẠI BERLIN. CHÚNG TÔI ĐANG MUỐN TÌM KIẾM THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN MỘT NGƯỜI MỸ CÓ KHẢ NĂNG ĐẾN TỪ NEW YORK ĐANG CƯ TRÚ TẠI BERLIN, PAUL SCHUMANN, CÓ LIÊN QUAN ĐẾN MỘT VỤ ÁN MẠNG. HÃN ĐẾN CÙNG ĐỘI TUYỂN OLYMPIC CỦA MỸ. VUI LÒNG CHUYỂN CHO TÔI THÔNG TIN VỀ NGƯỜI NÀY ĐẾN TRỤ SỞ CẢNH SÁT HÌNH SỰ ALEXANDERPLATZ, BERLIN, GHI RÕ GỬI THANH TRA WILLY KOHL. TỐI KHẨN. CẢM ƠN ĐÃ QUAN TÂM.

Ông đã rất vất vả với cách dùng từ. Cơ quan có các biên dịch viên nhưng không ai làm việc vào ngày Chủ nhật và ông muốn gửi điện tín đi ngay lập tức. Nó sẽ đến vào lúc đầu ngày tại Mỹ, ông không chắc lắm về chuyện múi giờ, nên ông đoán tại Mỹ chắc vào khoảng nửa đêm. Ông hy vọng rằng các nhà thi hành luật pháp cũng đang đảm nhận các ca trực dài tương tự như cảnh sát tất cả các nước khác.

Kohl đọc lại điện tín lần nữa, cho dù còn lỗi sai nhưng ông khẳng định viết như thế là tốt lắm rồi. Trên một tờ giấy khác, ông viết những chi dẫn gửi điện tín đến ủy ban Olympic Quốc tế, Sở Cảnh sát Thành phố New York và Cục Điều tra Liên bang Mỹ. Ông bước xuống văn phòng gửi điện

tín, nhưng thất vọng khi không thấy ai trực. Ông giận dữ quay lại phòng làm việc.

Sau khi ngủ vài tiếng, Janssen hiện đang trên đường quay lại làng Thế vận hội xem có phát hiện ra thêm đầu mối nào nữa không. Còn bản thân Kohl thì làm gì nữa? Ông chẳng nghĩ ra được gì trừ thúc giục nhân viên giám định pháp y tiến hành mổ tử thi và bên FPE nhanh chóng phân tích dấu vân tay. Nhưng dĩ nhiên, họ cũng đang không ở văn phòng và có thể chẳng ma nào đi làm ngày Chủ nhật.

Ông cảm thấy phần nộ đến cực điểm.

Đôi mắt ông nhìn xuống bức điện tín vất vả lắm mới viết được.

“Chà, chuyện này thật ngớ ngẩn.” Ông sẽ không chờ nữa. Sử dụng một máy gửi điện báo khó khăn đến chừng nào? Kohl đứng dậy lại lao xuống phòng điện tín, nhủ thầm rằng đích thân ông sẽ cố gắng hết sức chuyển điện tín sang Mỹ. Ngay cả nếu do những ngón tay vụng về của mình, ông có 15 gửi điện tín này đến hàng trăm nơi khác tại Mỹ, thế thì càng tốt.

Cô đã lui về phòng không lâu trước đó khoảng 6 giờ sáng. Và giờ cô quay lại phòng của gã, trên người la chiếc áo mặc ở nhà màu xanh thẫm, tóc búi gọn sau gáy bằng ghim và trên đôi má cô phớt hồng. Paul đứng trên ngưỡng cửa, đang lau đi chút kem cạo râu trên mặt. Gã đập nắp thiết bị cạo râu, bỏ vào trong chiếc túi vải bẩn thỉu.

Käthe mang cà phê và bánh mì nướng đến cùng một ít bơ thực vật nhạt, xúc xích khô và mứt cam như súp. Cô bước qua luồng ánh nắng chiếu thấp, màu xám nhạt vào trong ô cửa sổ trước phòng khách của gã, đặt khay bữa sáng lên chiếc bàn cạnh bếp.

“Kia,” cô tuyên bố, hất đầu về phía cái khay. “Anh không cần phải đến phòng ăn sáng đâu.” Cô liếc xéo gã lần nữa, rồi quay đi. “Em đi làm việc nhà đây.”

“Không, em vẫn liêu chứ?” Gã hỏi bằng tiếng Anh.

“‘Liêu’ gì cơ?”

Gã hôn cô. “Có nghĩa là câu anh hỏi em đêm qua. Em vẫn sẵn sàng đi với anh chứ?”

Cô sắp xếp lại thứ tự chén tách sứ trên khay, trong con mắt gã chúng vốn đã hoàn hảo. “Em liêu. Còn anh?”

Gã nhún vai. “Anh sẽ không để em đổi ý đâu. Sẽ là Kakfif. Không nghi ngờ gì nữa.”

Cô phá lên cười, rồi nhíu mày. “Có một chuyện em phải nói.”

“Sao?”

“Em rất thường xuyên nêu ý kiến.” Cô nhìn xuống. “Và rất mạnh mẽ. Michael đã từng gọi em là cơn lốc. Liên quan đến vấn đề thể thao, em muốn nói: Em cũng có thể học cách yêu thích chúng.”

Paul lắc đầu. “Anh muốn em không thích thì hơn.”

“Không ư?”

“Rồi anh sẽ cảm thấy em thích thơ thì tốt hơn.”

Cô ép đầu mình vào ngực gã. Gã tin rằng cô đang mỉm cười.

“Em sẽ thích nước Mỹ,” gã nói. “Nhưng nếu không thích, khi tất cả những chuyện này kết thúc, em có thể trở về. Em không nhất thiết phải rời khỏi đất nước này mãi mãi.”

“À, anh chàng ký giả thông minh của em. Anh nghĩ rằng điều này - màn diễn này - sẽ kết thúc sao?”

“Phải, anh nghĩ vậy. Anh nghĩ chúng sẽ không nắm quyền được lâu nữa đâu.” Gã nhìn đồng hồ. Đã gần bảy rưỡi. “Giờ anh phải đi gặp đồng chí của mình.”

“Vào sáng Chủ nhật à? Chà, cuối cùng em hiểu được bí mật của anh.”

Gã nhìn cô với nụ cười đề phòng.

“Anh đang viết bài về những mục sư chơi thể thao!” Cô bật cười. “Đó là câu chuyện lớn của anh?” Rồi tiếng cười của cô nhạt dần. “Vậy tại sao anh phải bỏ đi nhanh như thế, nếu anh đang viết về thể thao, hay những mét khối bê tông xây?”

“Anh không phải bỏ đi nhanh thế. Mà là anh có vài cuộc họp quan trọng ở Mỹ.” Paul uống nhanh cốc cà phê, ngọam một miếng bánh mì và xúc xích. “Còn lại em giải quyết nốt nhé. Giờ anh không đói.”

“Chóng quay về với em nhé. Em sẽ gói ghém đồ đạc, chỉ cần một túi thôi. Nếu em lỡ mang nhiều đi, có lẽ bóng ma ấy sẽ trốn vào trong mắt.” Một tiếng cười. “Chà, em ăn nói như thể một người bước ra khỏi câu chuyện của anh bạn E.T.A Hoffmann khủng khiếp của chúng ta.”

Gã hôn cô rồi rời căn nhà trọ, bước vào buổi sáng trời đã kịp nóng, phủ lên làn da một tấm áo choàng ẩm ướt. Liếc nhìn khắp con phố vắng vẻ, gã tiến về phía Bắc, đi qua con kênh và bước vào Tiergarten, Khu Vườn Dã Thú.

Paul thấy Reggie Morgan đang ngồi trên ghế dài trước mặt hồ, nơi người yêu của Käthe Richter bị đánh đến chết ba năm trước.

Cho dù trời vẫn còn sớm, hàng tá người đã đến đây. Một số người đi bộ và đi xe đạp. Morgan đã cởi áo khoác, hai ống tay áo sơ mi đã xắn lên một phần.

Paul ngồi xuống cạnh ông. Morgan vỗ nhẹ vào chiếc phong bì trong túi áo khoác. “Lấy được tiền mặt rồi,” ông thì thầm bằng tiếng Anh.

Họ chuyển sang nói tiếng Đức. “Họ đổi tiền mặt ngay tối thứ Bảy à?” Paul hỏi, bật cười. “Tôi đang sống trong một thế giới mới mẻ làm sao.”

“Cậu nghĩ Webber sẽ xuất hiện chứ?” Morgan nghi ngờ hỏi.

“À vâng. Nếu liên quan đến tiền thì anh ta sẽ đến đây. Nhưng tôi không chắc anh ta sẽ giúp ích được bao nhiêu. Đêm qua, tôi đã quan sát phố Wilhelm rồi. Có hàng tá lính bảo vệ, thậm chí đến hàng trăm tên. Sẽ là quá mạo hiểm nếu làm việc ở đó. Chúng ta sẽ phải xem Otto nói gì. Có thể anh ta sẽ tìm được một địa điểm khác.”

Họ ngồi trong im lặng một lúc.

Paul thấy ông nhìn quanh công viên. Morgan có vẻ dăm chiêu. Ông nói, “Tôi sẽ nhớ đất nước này rất nhiều.” Một lúc sau, gương mặt người đàn ông chìm sâu trong say mê, đôi mắt đen u buồn. “Có những người tốt ở nơi này. Tôi thấy họ còn tử tế hơn nhiều so với người Phổ, cởi mở hơn nhiều người London. Và họ dành nhiều thời gian hưởng thụ cuộc sống hơn người

New York. Nếu chúng ta có thời gian, tôi sẽ dẫn cậu đến Công viên Lustgarten và Luna. Tôi thích đi bộ ở đây, trong Công viên Tiergarten này. Tôi thích ngắm nhìn lũ chim chóc.” Người đàn ông gầy còm dường như xấu hổ trước điều này. “Một lối chuyển chủ đề ngu ngốc.”

Paul tự cười mình, nghĩ đến những chiếc máy bay mô hình đang ngự trên giá sách của gã tại Brooklyn. Thật ngu ngốc trong đôi mắt những người xem.

“Vậy là ông sẽ đi?” Paul hỏi.

“Tôi không thể ở lại. Tôi đã ở đây quá lâu rồi. Mỗi ngày, đều có cơ hội phạm một sai lầm, sự bất cẩn nào đó sẽ xảy đến với tôi. Và sau việc chúng ta định làm, chúng sẽ theo dõi chặt chẽ hơn từng người nước ngoài hiện đang làm ăn ở đây. Nhưng sau khi cuộc sống trở lại bình thường và Quốc Xã không còn nữa, tôi có thể trở lại.”

“Khi quay lại thì ông sẽ làm gì?”

Morgan vui sướng. “Tôi muốn là một nhà ngoại giao. Đó là lý do tại sao tôi làm trong ngành này. Sau những gì tôi đã thấy trọng các chiến hào...” Ông hất đầu về phía một vết sẹo do đạn bắn trên cánh tay. “Sau đó, tôi đã quyết định sẽ làm bất kỳ điều gì có thể để chấm dứt chiến tranh. Ngoại giao đoàn sẽ có ý nghĩa. Tôi đã gửi thư cho Thượng Nghị sĩ nói về chuyện này. Và ông ta gợi ý hãy đến Berlin. Ông gọi đây là một quốc gia đang trong cơn biến động liên tục. Và thế là tôi ở đây. Tôi hy vọng sẽ trở thành sĩ quan liên lạc trong vài năm. Sau đó làm đại sứ hay một lãnh sự. Như đại sứ Dodd của chúng ta ở đây. Ông ấy là một thiên tài, một chính khách thật sự. Tôi sẽ không được bổ nhiệm ở đây đâu, dĩ nhiên, ban đầu thì không. Một quốc gia quá quan trọng. Tôi có thể khởi đầu tại Hà Lan. Hay có thể là Tây Ban Nha, sau khi cuộc nội chiến kết thúc, đương nhiên. Nếu còn bất kỳ người Tây Ban Nha nào. Franco cũng tệ hại như Hitler. Sẽ thật tàn bạo. Nhưng đúng, tôi muốn quay lại đây khi mọi ô uế đã không còn.”

Một lúc sau, Paul nhận ra Otto Webber đang xuống con đường mòn, bước đi thật chậm, hơi bối rối một chút và nheo mắt vì ánh nắng quá chói chang.

“Anh ta kia rồi.”

“Anh ta? Trông hẳn cứ như Thị trường ỳ. Là kẻ tối ngày chỉ đắm mình vào rượu chè. Chúng ta phải phụ thuộc vào hẳn à?”

Webber đến gần ghế dài, ngồi xuống thở nặng nhọc. “Một ngày nóng kinh. Tôi không biết buổi sáng trời có thể nóng thế này. Tôi hiếm khi dậy vào giờ này lắm. Nhưng thế này càng tốt, chúng ta có thể gặp nhau mà không phải lo lắng. Ông là đối tác của cậu John Dillinger?”

“Dillinger?” Morgan hỏi.

“Tôi là Otto Webber.” Anh ta bắt tay Morgan thật chặt. “Ông là?”

“Tôi sẽ giữ kín tên mình nếu anh không phiền.”

“Chà, với tôi thì không sao.” Webber dò xét Morgan chăm chú. “Thế này, tôi có vài bộ quần dài đẹp lắm. Tôi có thể bán với giá rẻ. Phải, phải, rất rẻ. Chất lượng tốt nhất. Hàng nhập từ Anh. Tôi có thể nhờ một trong mấy cô em của tôi sửa lại vừa khít với ông. Ingrid luôn sẵn sàng. Và rất tài năng. Cực kỳ xinh đẹp nữa. Một viên ngọc thật sự.”

Morgan nhìn xuống chiếc quần dài màu xanh vải flannel của mình. “Không. Tôi không cần thêm quần áo đâu.”

“Thế còn sâm panh? Vớ?”

“Otto,” Paul nói. “Tôi nghĩ món hàng duy nhất chúng tôi quan tâm liên quan đến câu chuyện giữa tôi và anh hôm qua.”

“À, phải, cậu John Dillinger. Ngoại trừ việc tôi có vài tin có thể cậu không thích. Tất cả các liên hệ của tôi báo rằng, một bức màn câm lặng đã phủ xuống Phố Wilhelm. Điều gì đó đã khiến chúng cảnh giác. An ninh được tăng cường hơn bao giờ hết. Và tất cả chuyện này diễn ra trong ngày hôm trước. Không ai có được thông tin nào về người cậu đang nói đến.”

Khuôn mặt Paul nhăn nhó trong thất vọng.

Morgan lẩm bẩm, “Tôi mất cả nửa đêm qua đi gom tiền đấy.”

“Tốt,” Webber vui mừng nói. “Tiền Mỹ đúng không?”

“Bạn tôi ơi,” tay người Mỹ mảnh mai cay độc nói thêm, “nếu chúng tôi không có được thông tin, anh sẽ chẳng nhận được gì hết.”

“Nhưng tình hình không phải là vô vọng. Tôi vẫn có thể được hỗ trợ mà.”

“Tiếp đi,” Morgan nóng ruột nói. Ông lại nhìn xuống quần mình, đỏ mặt khi thấy vết bẩn.

Tay người Đức nói tiếp. “Tôi không thể nói với ông con gà này ở đâu ra, nhưng ông sẽ nói sao nếu tôi dẫn ông vào chuồng gà, rồi ông tự tìm hiểu?”

“Con...” Anh ta hạ giọng. “Tôi có thể dẫn ông vào Phủ Thủ tướng. Vị trí của Ernst là nơi vị Bộ trưởng nào cũng phải ghen tị. Ai cũng muốn tiếp cận thật gần Little Man, muốn chuyển văn phòng mình vào trong tòa nhà, nhưng điều tốt nhất họ có thể làm đó là tìm không gian ở gần đó. Tuy nhiên, Ernst vẫn mãi là nỗi thống khổ đối với nhiều người.”

Paul nhăn nhó. “Tối qua, tôi đã xem xét nơi đó. Lính gác ở khắp nơi. Anh không thể đưa tôi vào trong được.”

“À, nhưng tôi có ý tưởng khác, bạn tôi ơi.”

“Thế quái nào anh làm được?” Paul chuyển sang dùng tiếng Anh. Gã lặp lại câu hỏi với tay người Đức.

“Chúng ta phải cảm ơn Little Man. Hẳn ta bị ám ảnh với kiến trúc. Hẳn ta đang cho trùng tu lại Phủ Thủ tướng kể từ khi hẵn lên nắm quyền. Nhân công có 7 ngày được phép vào Phủ Thủ tướng. Tôi sẽ cung cấp bộ đồ nhân công, một chứng minh thư giả và hai thẻ ra vào để đưa cậu vào trong. Một trong số các liên hệ của tôi đang làm mảng trát vữa tại đó, anh ta được quyền tiếp cận toàn bộ các tài liệu.”

Morgan cân nhắc điều này rồi gật đầu, đến giờ ông đã bớt hoài nghi ý kiến này.

“Bạn tôi bảo rằng Hitler mong muốn có thăm trải sàn tại toàn bộ các văn phòng trên các tầng quan trọng. Sẽ bao gồm cả phòng của Ernst. Các nhà cung cấp thảm đang đo những văn phòng này. Vài văn phòng đã đo xong, vài phòng thì chưa. Chúng ta sẽ hy vọng trong số này có văn phòng của Ernst. Trong trường hợp đo xong rồi, cậu có thể viện cớ rằng mình phải đo lại. Thẻ ra vào tôi đưa cậu là lấy từ công ty nổi tiếng với chất lượng thảm tốt, so với nhiều công ty khác. Tôi sẽ cung cấp cho cậu một thước đo cùng một cuốn sổ tay.”

“Làm sao anh biết có thể tin tưởng người này?” Paul hỏi.

“Bởi vì hắn đang sử dụng vừa giá rẻ để ăn chênh lệch giữa tiền vừa và tiền công nhà nước trả. Đó là tội chết khi bạn xây chiếc ghế quyền lực của Hitler. Nên tôi có một vài ảnh hưởng đối với hắn, hắn sẽ không dám nói dối với tôi. Thêm vào đó, hắn chỉ nghĩ rằng chúng ta đang có âm mưu cắt xén giá thảm. Dĩ nhiên, tôi đã hứa chia cho hắn ít trứng.”

“Trứng?” Morgan hỏi.

Đến lượt Paul phải giải thích. “Là tiền.”

Ông có cân giò, bà thò chai rượu...

“Tính ra tổn khoảng 1.000 đô la.”

“Tôi muốn nói rõ rằng tôi không có 1.000 đô la.”

Morgan lắc đầu, thò tay vào túi lấy ra tờ 100 đô.

“Thế tốt rồi. Thấy chưa, tôi có tham đâu.”

Morgan trở mắt nhìn Paul. “Không tham? Sao hắn chẳng khác gì Göring.”

“Chà, tôi xem đó như một lời khen. Ngài Bộ trưởng Hàng không của chúng ta là một thương nhân rất thành đạt.” Webber quay sang Paul. “Bây giờ sẽ có vài quan chức trong tòa nhà, ngay cả vào ngày Chủ nhật. Nhưng người của tôi biết chúng là những quan chức cao cấp và đa phần sẽ chỉ ở trong phần tòa nhà cùng Lãnh tụ, phía bên trái nơi cậu không được phép tới gần. Về bên phải là các văn phòng của những quan chức cấp thấp hơn - trong số này có văn phòng của Ernst. Các quan chức này cùng những thư ký và sĩ quan phụ tá có khả năng sẽ không có mặt. Cậu nên dành thời gian ngó qua văn phòng của hắn. Và nếu cậu may mắn, cậu có thể tìm được lịch làm việc, biên bản ghi nhớ hay ghi chú nào đó về những cuộc hẹn của hắn trong vài ngày tới.”

“Không tồi nhỉ,” Morgan nói.

Webber thêm vào, “Tôi sẽ cần một giờ hoặc hơn để sắp đặt mọi thứ, đi kiểm bộ áo liền quần, giấy tờ cho cậu và một chiếc xe tải. Tôi sẽ gặp cậu tại bức tượng gần đó, người phụ nữ có bộ ngực nở nang, vào lúc 10 giờ sáng. Tôi sẽ mang thêm cho ông mấy cái quần dài nữa,” anh ta nói thêm với Morgan. “20 mác. Giá hữu nghị đấy.” Anh ta mỉm cười, quay sang Paul.

“Bạn cậu đây dò xét tôi bằng ánh mắt đặc biệt thật, cậu John Dillinger. Tôi không nghĩ ông ấy tin tưởng tôi.”

Reggie Morgan nhún vai. “Tôi sẽ nói anh nghe, anh Otto Wilhelm Friedrich Georg Webber.” Liếc mắt sang Paul. “Đồng nghiệp tôi đây đã kể anh nghe về những cảnh giác chúng tôi cần có, để hoàn toàn chắc chắn rằng anh không phản bội chúng tôi. Không, bạn tôi ạ, niềm tin không phải là vấn đề. Tôi đang nhìn anh như thế vì tôi muốn biết, điều quái gì khiến anh nghĩ quần dài của tôi không ổn thế?”

Hắn nhìn thấy hình bóng của Mark trên gương mặt thẳng bé đứng trước mặt.

Dĩ nhiên người ta mong đợi nhìn thấy người cha ở đứa con trai. Nhưng vẫn gây ra bối rối.

“Đến đây, Rudy,” Reinhard Ernst nói với đứa cháu.

“Vâng, thưa ông.”

Buổi sáng Chủ nhật, trời hửng còn sớm, người quản gia đang dọn dẹp bát đĩa bữa sáng trên chiếc bàn tắm trong ánh mặt trời vàng như phấn hoa. Gertrud ở trong bếp đang xem xét một con ngỗng đã bị vặt trụi lông sẽ làm cho bữa tối muộn trong ngày. Cô con dâu đang ở nhà thờ thấp nển cho lễ tưởng nhớ Mark Albrecht Ernst, ngài đại tá đang thấy chính người thanh niên trẻ tuổi ấy ở đứa cháu trai.

Hắn buộc lại dây giày cho Rudy. Liếc nhìn thẳng bé một lần nữa, gã lại thấy Mark, cho dù lần này hắn để ý nét khác lạ trên gương mặt nó: tò mò, hiểu biết.

Thật kỳ lạ.

Ôi, hắn nhớ con trai hắn biết bao...

Đã 18 tháng rồi kể từ khi Mark nói lời tạm biệt với cha mẹ, vợ và Rudy, tất cả họ đang đứng đằng sau con đường ray tại Nhà ga Lehrter Station. Ernst đã đứng nghiêm chào chàng sĩ quan mới hai mươi bảy tuổi - một thế

chào nghiêm đúng kiểu nhà binh, không phải chào theo kiểu Phát xít - khi con trai hấn đáp chuyển tàu đến Hamburg để nắm quyền chỉ huy tàu chiến.

Chàng sĩ quan trẻ hoàn toàn nhận thức được nguy hiểm của con tàu xiêu vẹo, rách nát nhưng vẫn chấp nhận hết.

Bởi vì đó chính là công việc của những người lính, những thủy thủ.

Không ngày nào Ernst không nghĩ đến Mark. Nhưng chưa bao giờ, linh hồn cậu con trai lại gần gũi với hấn như bây giờ, khi nhìn thấy những nét quen thuộc này trên gương mặt đứa cháu trai duy nhất, quá thẳng thắn, tự tin và tò mò. Chẳng phải đó là bằng chứng rằng thằng bé này mang tính cách của cha nó? Rudy sẽ phải tòng quân trong vòng 10 năm nữa. Đến lúc đó nước Mỹ sẽ như thế nào? Có chiến tranh? Hay hòa bình rồi? Liệu lúc đó Hitler biến đi chưa, một cỗ máy mạnh mẽ đến mức có nhanh chóng xiết chặt và thiêu cháy hấn không? Hay liệu Lãnh tụ vẫn nắm quyền chỉ huy, vẫn đánh bóng tầm nhìn của hấn về một nước Đức mới. Trái tim Ernst mách bảo rằng hấn nên cực kỳ để tâm tới những câu hỏi này. Thế nhưng hấn biết mình không thể lo lắng đến chúng. Hấn chỉ tập trung vào bốn phận của mình mà thôi.

Người ta phải làm tốt bốn phận của mình.

Ngay cả khi điều đó có nghĩa là chỉ huy một con tàu huấn luyện cũ rích không được mang theo thuốc súng và đạn pháo, với tạp chí về thay thế sửa chữa tạm thời để quá gần bếp nấu ăn hoặc buồng máy, hoặc dây cháy (mà chẳng ai biết). Với những hậu quả đó một khi tàu đang triển khai tập luyện quy mô lớn trên biển Baltic lạnh giá, giây phút sau nó đã biến thành đám mây khói cay xè trên mặt nước, thân xác tả tơi chìm trong vùng đen ngòm của nước xuống đến tận đáy biển.

Bốn phận...

Ngay cả nếu điều này có nghĩa là mất nửa ngày chiến đấu trong những con hào Phố Wilhelm, từ đầu đến cuối chiến đấu vì Lãnh tụ, nếu cần thiết vì những gì là tốt nhất cho nước Đức.

Ernst thắt nút dây giày cuối cùng cho Rudy để chắc chắn sẽ không tuột giày. Hấn đứng dậy, nhìn xuống phiên bản bé bỏng của con trai hấn. Trong cơn bốc đồng trái ngược với bản tính của Ernst, hấn hỏi, “Rudy này, sáng

nay ta phải đi gặp một người. Nhưng sau đó, cháu có muốn đi với ta đến Olympic không? Cháu có thích không?”

“Dạ có ạ.” Gương mặt thẳng bé nở nụ cười rạng rỡ. “Cháu có thể chạy vòng quanh sân.”

“Cháu chạy nhanh lắm.”

“Gunner ở trường cháu, cùng chạy đua với cháu từ cây sồi đến hàng hiên, anh ấy hơn cháu hai tuổi, thế mà cháu vẫn thắng.”

“Giỏi, giỏi. Thế thì cháu sẽ thích buổi chiều hôm nay. Cháu sẽ đi cùng ông và cháu có thể chạy trên đúng đường chạy của những vận động viên Olympic. Sau đó, khi chúng ta xem khai mạc Thế vận hội vào tuần sau, cháu có thể bảo mọi người là cháu đã chạy trên đường chạy như thế. Sẽ vui lắm, đúng không?”

“Dạ, vâng ạ.”

“Giờ ông phải đi đã. Nhưng ông sẽ quay về vào buổi trưa và đón cháu.”

“Cháu sẽ tập chạy.”

“Ừ, cháu tập đi.”

Ernst bước vào phòng riêng thu thập vài hồ sơ về Nghiên cứu Waltham, sau đó thấy vợ ông trong phòng để đồ dùng ăn uống. Ông nói với bà rằng ông sẽ đón Rudy sau. Còn bây giờ? Phải, phải, hôm nay là sáng Chủ nhật, nhưng ông vẫn phải giải quyết mấy vấn đề hệ trọng. Và, không, chúng không thể đợi được.

Mặc kệ người ta có nói gì về mình, Hermann Göring cũng không thấy mệt.

Chẳng hạn, ngày hôm nay lão đã đến văn phòng tại Bộ Hàng không vào 8 giờ sáng. Một ngày Chủ nhật, không hơn. Và lão phải dừng lại giữa đường.

Mồ hôi vã ra như tắm, lão tiến vào Phủ Thủ tướng nửa giờ trước đó và đang bước vào văn phòng của Hitler. Có lẽ Sói Xám đã thức giấc - tức là, vẫn tỉnh táo. Bị mắc chứng mất ngủ, người đàn ông này thường thức trắng

đến quá bình minh. Nhưng không, Lãnh tụ vẫn đang nằm trên giường. Tên lính gác báo cáo rằng y quay vào ngủ lúc khoảng 5 giờ sáng, có dặn lại không được làm phiền.

Göring suy nghĩ một lúc, ghi nguệch ngoạc lên một tờ giấy, trao lại cho tên lính gác.

Thưa Lãnh tụ,

Tôi biết một vấn đề đáng được quan tâm ở mức cao nhất. Có thể liên quan đến sự phản bội. Các kế hoạch tương lai hệ trọng đang lâm nguy. Tôi sẽ tường thuật thông tin trực tiếp với ngài càng sớm càng tốt.

Goring.

Biết lựa chọn từ ngữ đấy. “Sự phản bội” luôn luôn là một ngòi nổ. Những kẻ Do Thái, Cộng sản, Dân chủ Xã hội và Cộng hòa - nói ngắn gọn, những kẻ đâm sau lưng - đã bán đứng đất nước này cho Đồng Minh khi kết thúc Thế Chiến thứ I và vẫn đe dọa sẽ đóng vai Thủ hiến Pilate hành hình chúa Jesus của Hitler.

Ồi, Sói Xám hẳn sẽ nộ khí xung thiên khi nghe từ đó.

“Những kế hoạch tương lai” nghe cũng hay nữa. Bất kể điều gì đe dọa kéo lùi tầm nhìn của Hitler về ĐỆ TAM ĐẾ CHẾ sẽ lập tức thu hút sự chú ý của y.

Cho dù đường đến Phủ Thủ tướng không xa lắm, nhưng với một lão béo trong một buổi sáng nóng như thế này, hành trình đó cũng là cả một vấn đề. Tuy nhiên, Göring không còn lựa chọn nào khác. Lão không thể gọi điện hoặc sai một người đưa tin. Reinhard Ernst không phải là kẻ vận động ngầm đủ trình độ xây dựng một mạng lưới tình báo riêng để do thám đồng nghiệp, trái lại nhiều kẻ khác lại rất sung sướng được lấy cắp tiết lộ của Göring về xuất thân Do Thái của Ludwig Keitel trao cho Lãnh tụ, như thế đó là khám phá của riêng chúng. Chẳng hạn như Goebbels, đối thủ chính của Göring trong cuộc tranh giành sự chú ý của Sói Xám, lão ta sẽ làm ngay mà chẳng tốn một giây cân nhắc.

Lúc này đã gần 9 giờ sáng, tên Bộ trưởng đang hướng sự chú ý đến một hồ sơ dày khiến người ta nản lòng về việc Aryan một công ty hóa chất lớn ở phía Tây, sáp nhập nó vào Tập đoàn Công ty Hermann Göring Works. Điện thoại của lão đổ chuông.

Từ trong phòng chờ, trợ lý của lão trả lời. “Văn phòng Bộ trưởng Göring đây.”

Tên Bộ trưởng vươn người ra phía trước, nhìn ra ngoài. Lão có thể thấy anh ta đang đứng nghiêm khi nói chuyện. Tay trợ lý gác máy rồi bước vào văn phòng. “Lãnh tụ sẽ gặp ngài trong vòng nửa tiếng, thưa ngài.”

Göring gạt đầu bước đến chiếc bàn đối diện văn phòng. Ngồi xuống bàn, lão tự phục vụ mình bữa ăn trên chiếc khay cao ngất. Tay trợ lý rót cà phê. Tên Bộ trưởng Hàng không lật qua vài trang thông tin tài chính về công ty hóa chất, nhưng lão thấy khó tập trung, trên các cột số luôn hiện lên hình ảnh Reinhard Ernst bị hai sĩ quan Gestapo áp giải ra khỏi Phủ Thủ tướng, một nét hoang mang và thất bại trên khuôn mặt lãnh đạo đến phát bực của tay đại tá.

Một ảo ảnh phù phiếm, đúng nhưng nó mang lại sự phân tâm dễ chịu, trong khi lão xử lý một đĩa xúc xích trứng khổng lồ.

Chương 21

Trong căn hộ rộng rãi nhưng bẩn thỉu và nhếch nhác của mình trên phố Krausen, tồn tại từ thời Bismarck và Wilhelm, cách các tòa nhà Chính phủ nửa cây số về phía Đông nam, hai thanh niên ngồi tại một bàn ăn tối trang trí công phu. Họ đã tranh luận với nhau suốt mấy tiếng liền. Cuộc thảo luận sôi nổi, kéo dài do chủ đề chẳng gì khác hơn ngoài sự sống còn của họ.

Cũng như với nhiều vấn đề của ngày nay, câu hỏi căn bản khiến họ đang trăn trở, đó là câu hỏi về niềm tin.

Phải chăng người đó sẽ đưa họ đến sự cứu rỗi, hay họ sẽ bị phản bội và phải trả giá cho sai lầm đó bằng mạng sống của mình?

Keng, keng, keng...

Kurt Fischer, người nhiều tuổi hơn trong hai anh em có mái tóc vàng nói, “Đừng làm ồn thế nữa đi.”

Hans đang gõ con dao xuống đĩa đựng lõi táo cùng ít bề mặt cứng của pho mát, những gì còn sót lại trong bữa sáng nghèo nàn của họ. Cậu ta tiếp tục tạo nên những âm thanh keng keng một lúc nữa rồi bỏ con dao xuống.

Hai anh em đã xa cách nhau 5 năm, nhưng giờ đây vẫn còn những hố sâu khác ngăn cách họ.

Hans nói, “Hắn có thể tố cáo chúng ta vì tiền. Hắn có thể, vì hắn đăm đăm đuổi với Chủ nghĩa Phát xít. Vì hôm nay là Chủ nhật và hắn chỉ đơn giản là thích tố cáo ai đó.”

Điều này chắc chắn đúng.

“Và như em đã luôn nói, vội gì chứ? Sao lại là hôm nay? Em muốn đi gặp lại Ilsa. Anh nhớ cô ấy, đúng không? Ôi, cô ấy xinh đẹp như Marlene Dietrich vậy.”

“Mày đang nói giỡn phỏng?” Kurt cúi tiết đáp. “Chúng ta đang quan tâm đến mạng sống của mình, còn mày vẫn héo hon vì con bé ngược bự mới quen chưa đầy một tháng.”

“Ngày mai chúng ta hãy đi. Hay tại sao không để tới sau Thế vận hội? Mọi người sẽ bỏ Thế vận hội ra về sớm, vứt lại những tấm vé ban ngày. Chúng ta có thể tham dự các sự kiện buổi chiều.”

Đây nhiều khả năng nhất chính là mấu chốt vấn đề: Thế vận hội. Đối với một thanh niên đẹp trai như Hans, một người đẹp như Ilsa trong cuộc đời cậu sẽ không thiếu, cô bé không quá xinh cũng không tỏa sáng (đặc biệt cho dù cô bé không đáp ứng tiêu chuẩn của Quốc Xã). Nhưng điều khiến Hans phiền lòng nhất đó là trốn khỏi nước Đức, đồng nghĩa với việc để vượt mất Thế vận hội.

Kurt thở dài phẫn nộ. Em trai anh ta mới 19, cái tuổi nhiều thanh niên đã phải đảm nhận những vị trí đầy trọng trách trong quân đội hay thương mại. Nhưng em trai anh luôn luôn bốc đồng hay mơ mộng, chưa kể hơi lười nữa.

Làm gì đây? Kurt nghĩ, tự tranh luận với chính mình. Anh nhai một miếng bánh mì khô khốc. Một tuần nay họ không có bơ. Thực ra, trong nhà họ còn rất ít đồ ăn. Nhưng Kurt ghét phải đi ra ngoài. Thật mỉa mai, anh cảm thấy ra ngoài đó còn dễ bị tổn thương hơn - trong khi thực ra ru rú trong căn hộ còn nguy hiểm hơn nhiều, không nghi ngờ gì nữa, lũ Gestapo hay SD thì thoảng lại đến thăm.

Kurt lại tự nhủ: vấn đề quan trọng nhất chính là niềm tin. Chúng có đáng tin hay không?

“Chuyện gì thế?” Hans hỏi, nhướn một bên mày.

Kurt lắc đầu. Anh không nhận ra mình đã nói lớn tiếng. Câu hỏi dành cho hai người duy nhất trên thế giới đưa ra được câu trả lời thành thật và sự đánh giá đúng đắn. Đó là bố mẹ họ. Nhưng cả Albrecht lẫn Lotte Fischer đều không ở đây. Là những người Dân chủ Xã hội và yêu hòa bình, cặp vợ chồng đã tham dự một hội nghị hòa bình toàn thế giới tại London 2 tháng trước. Nhưng ngay trước khi quay về, qua một người bạn họ biết rằng tên họ đã nằm trong danh sách của Gestapo. Lực lượng cảnh sát mật đang âm mưu bắt giữ họ tại Tempelhof khi họ đến đó. Albrecht đã hai lần cố gắng

lên về nước đưa hai con trai của họ ra ngoài, một lần qua ngả Pháp và một lần qua ngả Czech Sudetenland. Nhưng cả hai lần ông đều bị từ chối cho nhập cảnh, lần thứ hai còn suýt bị bắt.

Lùi thủ tại London, nương nhờ sự giúp đỡ của những lão giáo sư hẹp hòi, nhận việc bán thời gian dịch thuật và giảng dạy, cặp vợ chồng phiến muộn cố gắng xoay xở gửi vài tin nhắn về cho hai đứa con, thúc giục họ rời khỏi đất nước. Nhưng hộ chiếu của hai anh em không được gia hạn, chứng minh thư thì bị đánh dấu. Không chỉ vì họ là con của những người yêu hòa bình và dân chủ Xã hội nhiệt thành mà có vẻ như lực lượng Gestapo còn giữ các hồ sơ về bản thân những chàng trai này. Nào là họ giữ vững những niềm tin chính trị của cha mẹ, cảnh sát còn để ý đến sự có mặt của họ tại những Câu lạc bộ nhạc Jazz và swing bị cấm đoán vì chơi nhạc của người Mỹ da màu, con gái thì hút thuốc rồi uống rượu punch kèm với vodka Nga. Nào là họ kết bạn với những nhà hoạt động vì hòa bình.

Hầu như không có dấu hiệu bị săn đuổi. Nhưng chỉ còn là vấn đề thời gian cho đến khi họ bị bắt. Hoặc chết đói. Kurt đã bị sa thải khỏi chỗ làm. Hans vừa hoàn tất 6 tháng lao động công ích bắt buộc và quay về nhà. Cậu bị đuổi khỏi trường đại học - Gestapo cũng quan tâm đến chuyện này - và cậu cũng thất nghiệp giống ông anh trai. Tương lai của hai anh em nhiều khả năng là phải đi ăn xin trên Quảng trường Alexander Plaza hoặc Oranienburger.

Câu hỏi về niềm tin một lần nữa dấy lên. Albrecht Fischer cố gắng liên hệ với tay đồng nghiệp cũ, Gerhard Unger ở trường Đại học Berlin. Bản thân cũng là người yêu hòa bình và Dân chủ Xã hội, Unger đã bỏ việc giảng dạy không lâu sau khi Quốc Xã lên nắm quyền, quay về đảm trách công ty bánh kẹo của gia đình. Ông hay có những chuyến đi lên các vùng biên giới. Với tinh thần chống Hitler, ông rất hạnh phúc giúp nhiều chàng trai thoát khỏi nước Đức bằng một trong những chiếc xe tải của ông. Sáng Chủ nhật nào cũng vậy, Unger đều chạy xe lên Hà Lan giao hàng bánh kẹo và mua nguyên liệu. Có cảm tưởng rằng, với số lượng du khách tràn vào nước dịp Thế vận hội, lính gác vùng biên sẽ bận rộn, không để ý đến xe tải thương mại rời khỏi đất nước theo lịch trình cố định.

Nhưng liệu họ có nên hoàn toàn tin tưởng để đặt mạng sống của mình vào tay ông ta?

Chẳng có lý do rõ ràng nào để không tin cả. Unger và Albrecht là những người bạn. Họ tương đồng với nhau về suy nghĩ. Ông ta cũng căm ghét Quốc Xã.

Thế nhưng thời buổi này đầy rẫy những lời xin lỗi vì phản bội.

Ông ta có thể tố cáo chúng ta vì hôm nay là Chủ nhật...

Và còn một lý do khác đằng sau sự dừng dăng của Kurt Fischer. Chàng thanh niên trở thành một người yêu hòa bình, là nhà Dân chủ Xã hội phần lớn do ảnh hưởng từ cha mẹ và bạn bè chứ bản thân anh chưa bao giờ là người tích cực về mặt chính trị.

Cuộc sống đối với anh là đi xe đạp đường dài, là những cô nàng, là du lịch và trượt tuyết. Nhưng bây giờ, khi Quốc Xã lên nắm quyền, anh ngạc nhiên khi thấy trong mình là khao khát mãnh mẽ muốn chiến đấu với chúng, muốn thức tỉnh mọi người về sự tàn bạo và ác độc của chúng. Anh lưỡng lự có nên ở lại chiến đấu để lật đổ chúng.

Nhưng chúng quá mạnh mẽ, xảo quyệt. Và đáng sợ.

Kurt nhìn đồng hồ trên bệ lò sưởi. Nó chết hẳn rồi. Anh và Hans lúc nào cũng quên lên dây cho nó. Đây vốn là công việc của người cha và hình ảnh đồng hồ chết khiến đầu Kurt đau nhức. Anh rút đồng hồ bỏ túi ra xem giờ. “Chúng ta phải đi ngay bây giờ hoặc gọi cho ông ta bảo chúng ta không đi nữa.”

Keng, keng, keng... Con dao vẫn tiếp tục phát ra âm thanh khi chạm vào đĩa.

Một khoảng im lặng dài.

“Em nói chúng ta ở lại,” Hans nói. Nhưng cậu nhìn anh trai đầy mong đợi, luôn luôn có sự cạnh tranh giữa hai anh em, thế nhưng người em sẽ tuân thủ mọi quyết định người anh đưa ra.

Nhưng liệu mình có quyết định chính xác không?

Sinh tồn...

Cuối cùng, Kurt Fischer nói, “Bọn mình đi thôi. Chuẩn bị đồ đi.”

Keng, keng...

Kurt quàng ba lô lên vai, nhìn cậu em trai như thách thức. Nhưng tâm trạng của Hans hay thay đổi như thời tiết mùa xuân. Cậu ta bất ngờ phá lên cười, hất đầu về phía quần áo của hai anh em. Họ đang mặc quần cộc, áo sơ mi ngắn tay và ủng đi bộ đường dài. “Nhìn chúng ta xem. Chỉ cần làn da nâu nữa là thành Đoàn thanh niên Hitler ngay!”

Kurt không nhịn được cười. “Đi thôi, đồng chí,” anh châm biếm bắt chước câu nói được bọn lính Xung Kích, Đoàn thanh niên ưa dùng với đồng bọn.

Ép mình không nhìn căn hộ lần cuối cùng vì sợ rằng sẽ khóc, Kurt Fischer mở cửa ra vào. Hai anh em cùng bước vào hành lang.

Bên kia sảnh là bà Lutz đáng người chắc hịch, má tròn và ửng hồng. Bà ta là góa phụ thời Thế Chiến thứ I, đang giặt thảm chùi chân. Người phụ nữ này thường sống khép mình, nhưng đôi khi ghé thăm nhà các khách trọ nhất định - chỉ những ai đáp ứng được những tiêu chuẩn hàng xóm láng giềng nghiêm ngặt của bà ta, bất kể những tiêu chuẩn đó là gì - và mang cho họ những món ăn diệu kỳ của mình. Bà ta xem anh em nhà Fischer là bạn bè, suốt bao năm qua bà đã tặng họ nào là bánh pudding phôi cừu, bánh hấp mặn khô, thịt ướp nấu đông, dưa chuột ngâm, xúc xích tỏi của Ý và mỳ lòng bò. Lúc này vừa nhắc thấy bà ta, Kurt đã thèm nhỏ dãi.

“Ôi, hai cậu nhà Fischer!”

“Chào bà Lutz. Mới sáng mà bà đã chăm chỉ thế.”

“Tôi nghe nói trời sẽ lại nóng nữa. Chà, nóng thì lại mưa.”

“Ồ, chúng tôi không hề muốn điều gì cản trở Thế vận hội,” Hans nói với ý mỉa mai. “Chúng tôi rất mong được xem.”

Bà ta bật cười. “Những thằng ngốc mặc đồ lót chạy nhảy chơi chơi! Ai cần đến chúng khi những cái cây tội nghiệp của tôi đang chết khát? Hãy nhìn đám bồ công anh của tôi ngoài cửa kia. Và những cây thu hải đường nữa! Giờ nói tôi nghe, bố mẹ các cậu đâu rồi? Vẫn đang trong chuyến du ngoạn à?”

“Vâng, tại London.” Những khó khăn về chính trị của bố mẹ họ không phải là chuyện để tám, lẽ tự nhiên hai anh em thấy miễn cưỡng khi phải nói chuyện đó với bất kỳ ai.

“Đã vài tháng rồi. Lẽ ra họ phải về nhà sớm nếu không sẽ nhận không ra hai cậu nữa. Giờ hai cậu đi đâu đấy?”

“Đi bộ đường dài. Tại Grünewald.”

“À, nơi đó đẹp lắm đấy. Và mát hơn nhiều ở thành phố.” Bà ta lại quay sang chú tâm giặt đồ.

Khi bước xuống cầu thang, liếc sang cậu em trai, Kurt thấy Hans lại nhanh chóng mang bộ mặt đưa đám.

“Có chuyện gì thế?”

“Dường như anh cho rằng thành phố này là sân chơi của quý. Nhưng không phải thế. Có hàng triệu người giống bà ấy.” Cậu hất đầu lên gác. “Những người tốt, những người tử tế. Và chúng ta đang bỏ lại họ. Để đến với cái gì? Một nơi chúng ta chẳng quen biết ai, nơi chúng ta không biết nói tiếng của họ, nơi chúng ta không có việc làm, nơi chúng ta vừa chiến tranh với họ 20 năm trước? Làm sao anh nghĩ chúng ta sẽ được tiếp nhận?”

Kurt không phản đối câu hỏi này. Em trai anh nói rất chuẩn. Và có khả năng xuất hiện hàng tá tranh luận phản đối việc họ ra đi.

Ra ngoài, họ nhìn ngược xuôi khắp phố. Không ai trong số vài người ra ngoài vào giờ này chú ý đến họ. “Đi thôi.” Kurt nói rồi đi xuống vỉa hè, tự nhủ rằng về mặt nào đó, anh đã nói thật với bà Lutz. Họ sẽ phải đi bộ - không chỉ đến bất kỳ một nhà trọ bẩn thỉu nào trong những cánh rừng gỗ thơm phía Tây Berlin, mà còn đi đến một cuộc sống mới bất định trên một mảnh đất hoàn toàn xa lạ.

Ông nhảy dựng lên vì tiếng chuông điện thoại.

Hy vọng đó là nhân viên khám nghiệm pháp y vụ ngộ Dresden, ông chộp lấy ống nghe. “Kohl đây.”

“Đến gặp tôi ngay, Willi.”

Cạch.

Một lúc sau, với trái tim đang đập liên hồi, ông bước lên sảnh tới văn phòng của Friedrich Horcher.

Giờ thì sao đây? Tay chánh thanh tra có mặt ở trụ sở vào sáng Chủ nhật sao? Phải chăng Peter Krauss đã biết rằng Kohl bịa ra câu chuyện về Reinhard Heydrich và Göttburg (thực ra ông ta đến từ Halle) để cứu mạng nhân chứng, lão Rosenbaum bán thịt? Phải chăng có ai nghe trộm lời nhận xét vô ý của ông với Janssen? Phải chăng có lệnh từ trên xuống rằng việc thanh tra tìm hiểu về các nạn nhân Do Thái chết tại Gatow sẽ bị khiển trách?

Kohl bước vào văn phòng của Horcher. “Thưa sếp?”

“Vào đi, Willi.” Ông ta đứng dậy đóng cửa lại, ra hiệu cho Kohl ngồi xuống.

Tay thanh tra làm theo. Ông cũng nhìn vào mắt ông sếp, như cách ông bảo hai cậu con trai phải làm hề khi nào chúng nhìn ai có thể khiến chúng khó chịu.

Một phút im lặng khi Horcher về chỗ ngồi, đu đưa tới lui trên chiếc ghế da xa hoa, lơ đãng nghịch nghịch dải băng đỏ tuyệt vời trên cánh tay trái. Ông ta là một trong số ít quan chức Cảnh sát Hình sự cấp cao thực sự được đeo băng đỏ tại Alex.

“Vụ ngộ Dresden... khiến anh bận rộn đúng không?”

“Đây là một vụ thú vị.”

“Tôi nhớ những ngày điều tra, Willi.”

“Vâng, thưa sếp.”

Horcher tỉ mỉ sắp xếp giấy tờ trên bàn làm việc. “Anh sẽ đi xem Thế vận hội chứ?”

“Tôi đã mua vé 1 năm trước rồi.”

“Thế à? Lũ nhóc nhà anh chắc mong chờ lắm nhỉ?”

“Đúng vậy. Vợ tôi cũng thế.”

“Chà, tốt, tốt.”

Horcher chưa từng nghe Kohl nói câu nào về gia đình mình. Thêm một phút im lặng. Ông ta vuốt ve hàng ria mép mới cạo như một thói quen khi không nghịch dải băng đỏ. Rồi nói: “Willi ạ, đôi khi cần thiết phải làm những điều khó khăn. Đặc biệt trong công việc của chúng ta, cậu có nghĩ vậy không?” Horcher lảng tránh ánh mắt ông khi nói câu này. Qua nỗi lo

lãng của ông ta, Kohl nghĩ: Đây là lý do tại sao người này không tiến xa được trong Đảng. Ông ta thực sự gặp rắc rối khi muốn truyền đạt tin xấu.

“Vâng, thưa sếp.”

“Nhiều người trong tổ chức đáng kính của chúng ta đã để ý đến cậu một thời gian.”

Giống như Janssen, Horcher không có khả năng châm biếm. “Đáng kính” sẽ mang nghĩa là trân trọng, cho dù việc ông ta đang nói đến tổ chức nào có thể vẫn là một điều bí ẩn xét theo hệ thống phân cấp phức tạp của Cảnh sát. Và ông kinh hoàng khi biết được câu trả lời cho câu hỏi, lúc Horcher nói tiếp. “SD đã lập hẳn hồ sơ nào đó về cậu, hoàn toàn độc lập với hồ sơ của Gestapo.”

Tin này khiến Kohl lạnh đến tận xương. Ai ai trong Chính phủ cũng đều trông đợi vào một hồ sơ Gestapo. Không có một hồ sơ nào hết sẽ là sự xúc phạm. Nhưng SD, Sở an ninh ưu tú nhất của SS? Và người lãnh đạo nó không ai khác ngoài đích thân Reinhard Heydrich. Như vậy là câu chuyện ông bịa ra với Krauss về quê hương của Heydrich đã quay lại. Tất cả chi nhằm cứu mạng một tên bán bánh Do Thái ông chưa hề quen biết.

Willi Kohl thở một cách nặng nhọc, hai lòng bàn tay chùi vào quần ướt đầm mồ hôi, ông gật đầu khó hiểu khi dấu chấm hết cho sự nghiệp - và có lẽ là mạng sống của ông - bắt đầu mở ra trước mắt ông.

“Rõ ràng đã có những thảo luận về cậu ở cấp cao.”

“Vâng, thưa sếp.” Ông hy vọng giọng nói của mình không run. Ông nhìn như khoan vào mắt Horcher chỉ vài giây rồi chuyển phắt sang chỗ khác, lang thang lên bức tượng bán thân Hitler của Công ty Bakelite trên chiếc bàn gần cửa ra vào.

“Đã phát sinh vấn đề. Và thật không may tôi không thể làm được gì.”

Dĩ nhiên sẽ chẳng mong sự giúp đỡ gì của Friedrich Horcher rồi. Ông ta không chỉ là một Cảnh sát Hình sự đơn thuần, cấp bậc thấp nhất trong hàng ngũ Cảnh sát Đô thị mà còn là một tên hèn nhát nữa.

“Vâng, thưa sếp, có thể là vấn đề gì thế?”

“Có mong muốn... thực ra là lệnh: cậu đại diện cho chúng tôi tại ICPC ở London tháng Hai này.”

Kohl chậm rãi gật đầu, muốn được nghe nhiều hơn. Nhưng không, đó dường như là toàn bộ phần tin xấu.

Hiệp hội Cảnh sát Hình sự Quốc tế được thành lập tại Vienna trong những năm hai mươi là một mạng lưới hợp tác các lực lượng cảnh sát trên toàn thế giới. Họ cùng chia sẻ thông tin về tội ác, các tên tội phạm, các kỹ thuật thi hành luật pháp thông qua các ấn phẩm, điện tín và radio. Nước Đức là một thành viên và Kohl rất vui sướng được biết rằng cho dù Mỹ không phải là thành viên, nhưng các đại diện của FBI sẽ tham dự hội nghị với sự thèm muốn được gia nhập.

Horcher nhìn lướt qua mặt bàn làm việc. Từ các bức ảnh viền khung trên tường. Hitler, Göring và Himmler cũng đang nhìn trừng trừng.

Kohl thờ ra hít vào mấy lần để tự trấn tĩnh. Ông nói. “Đó sẽ là một vinh hạnh.”

“Vinh hạnh ư?” Horcher nhăn nhó. Rướn người về phía trước, ông nhẹ nhàng nói. “Cậu rộng lượng thật đấy.”

Kohl hiểu sự khó chịu của cấp trên. Tham dự một hội nghị chi tổ phí thời gian. Vì điều cuối cùng Hitler muốn là quảng bá Chủ nghĩa Phát xít như một nước Đức tự cường, một đồng minh của các tổ chức thi hành luật pháp quốc tế và chia sẻ thông tin. Có lý do để cho rằng “Gestapo” là từ viết tắt của “Cảnh sát nhà nước bí mật.”

Kohl được cử đến đó như một ông bù nhìn, đơn thuần chỉ chường mặt ra đó. Chẳng còn ai cấp cao hơn dám đi - đối với một quan chức Quốc Xã, việc rời khỏi đất nước trong vòng hai tuần, sẽ có thể đồng nghĩa với mất việc ngay sau khi quay về. Nhưng đối với Kohl, vì ông chỉ là một con ong thợ, không có ý định leo cao trong hàng ngũ Đảng, có thể biến mất trong vòng nửa tháng rồi quay về mà không mất mát gì - dĩ nhiên ngoài một vấn đề nhỏ, hàng tá vụ án sẽ bị trì hoãn, những kẻ hiệp dân và giết người có thể được tự do.

Dĩ nhiên, họ không quan tâm đến việc này.

Horcher nhẹ nhõm trước phản ứng của tay thanh tra. Ông nhiệt tình hỏi, “Kỳ nghỉ cuối cùng của cậu là khi nào hả, Willi?”

“Heidi và tôi thường xuyên đến Wannsee và khu Rừng Đen.”

“Ý tôi là ra nước ngoài.”

“À, phải rồi... vào năm trước. Sang Pháp. Và một chuyến đi đến Brighton, Anh.”

“Cậu nên dẫn vợ cậu cùng đến London.”

Riêng đề nghị này thôi cũng đủ xóa tội cho Horcher, sau một lúc khôn ngoan, ông nói với Kohl. “Tôi nghe nói giá tàu xe hoàn toàn phải chằng vào thời điểm này trong năm.” Lại ngừng một lúc. “Dĩ nhiên, cho dù chúng tôi sẽ đài thọ chi phí ăn ở và đi lại của cậu.”

“Hào phóng quá.”

“Một lần nữa, tôi xin lỗi vì cậu phải chịu nỗi khổ này, Willi. Nhưng cậu sẽ được ăn và uống toàn món ngon. Bia Anh còn ngon hơn nhiều so với bia của chúng ta. Và cậu có thể ngắm Tháp Đồng hồ London!”

“Vâng, tôi sẽ thưởng thức.”

“Tháp Đồng hồ London thú vị làm sao”, tay thanh tra nhiệt tình lặp lại. “Chúc một ngày tốt lành, Willi.”

“Chúc sếp một ngày tốt lành.”

Đi qua những hành lang kỳ quái và tối om, bắt chập những chùm ánh nắng chói chang chiếu trên lớp gỗ sồi và sàn đá cẩm thạch, Kohl quay về văn phòng mình, chậm rãi trấn tĩnh khỏi nỗi sợ hãi.

Ông nặng nề ngồi xuống ghế, liếc mắt nhìn hộp bằng chứng và những ghi chép của ông liên quan đến vụ ngộ Dresden.

Rồi đôi mắt ông nhìn đến một tập hồ sơ nằm bên cạnh. Ông nhắc ống nghe lên gọi người điều hành tại Gatow, đề nghị được nối máy đến nhà riêng.

“A lô?” giọng một thanh niên thận trọng trả lời, có lẽ không quen những cuộc gọi vào buổi sáng Chủ nhật.

“Gendarme Raul đây à?” Kohl hỏi.

Một lúc ngập ngừng. “Vâng.”

“Tôi là Thanh tra Willi Kohl.”

“À, vâng, Thanh tra. Hail Hitler. Ông đang gọi điện về nhà riêng của tôi. Vào ngày Chủ nhật.”

Kohl cười lặng lẽ. “Đúng vậy. Xin thứ lỗi vì sự đường đột. Tôi gọi liên quan đến báo cáo hiện trường tội ác từ vụ xả súng tại Gatow và vụ khác, các công nhân Ba Lan.”

“Tha lỗi cho tôi, thưa ngài. Vì tôi không có kinh nghiệm. Tôi chắc chắn rằng đó là những báo cáo chẳng thể sánh được với báo cáo ngài đã quen. Chắc chắn không chất lượng được như tự tay ngài viết ra. Nhưng tôi đã cố gắng hết sức rồi.”

“Ý cậu là báo cáo đã hoàn chỉnh?”

Lại ngập ngừng thêm, còn lâu hơn lúc đầu. “Vâng, thưa ngài. Và tôi đã trình lên Tư lệnh Hiến binh Meyerhoff rồi.”

“Tôi hiểu. Nộp bao giờ thế?”

“Thứ Tư tuần trước, tôi tin là thế. Đúng rồi. Chính xác đấy.”

“Ông ta đã nhận được chưa?”

“Tôi để ý thấy một bản sao trên bàn ông ấy tối thứ Sáu, thưa ngài. Và tôi cũng đề nghị ông ấy gửi cho ngài một bản. Tôi ngạc nhiên khi ngài vẫn chưa nhận được.”

“Tôi sẽ theo dõi vấn đề này với cấp trên của cậu... Nói tôi nghe, Raul. Cậu có hài lòng với việc xử lý hiện trường tội ác của mình không?”

“Tôi tin mình đã làm triệt để, thưa ngài.”

“Cậu có đưa ra được kết luận nào không?” Kohl hỏi.

“Tôi...”

“Suy đoán hoàn toàn được chấp nhận trong giai đoạn điều tra này.”

Cậu ta nói, “Cướp bóc dường như không phải là động cơ?”

“Cậu đang hỏi tôi đấy à?”

“Không, thưa ngài. Tôi đang nêu ra kết luận của tôi. À, suy đoán.”

“Tốt. Họ có mang theo đồ tùy thân không?”

“Tiền của họ bị mất. Nhưng đồ hang sức và những đồ đạc khác không bị lấy đi. Một số trong các món đồ này có vẻ rất có giá trị. Cho dù...”

“Tiếp đi.”

“Những món đồ này ở trên người nạn nhân khi họ được đưa đến nhà xác của chúng tôi. Tôi rất tiếc phải nói rằng chúng đã biến mất từ khi đó.”

“Chuyện này tôi không ngạc nhiên hay quan tâm. Cậu có thấy điều gì gợi ý rằng họ có kẻ thù không? Có bất kỳ ai không?”

“Không, thưa ngài, ít nhất thì không liên quan đến các gia đình tại Gatow. Những người chăm chỉ làm lụng, sống trầm lặng rõ ràng là tử tế. Người Do Thái, đúng, nhưng họ không theo tôn giáo nào. Dĩ nhiên, họ có liên quan đến Đảng nhưng không phải là những kẻ chống đối. Còn với các công nhân Ba Lan, họ đã đến từ Warsaw chỉ ba ngày trước khi chết để trồng cây cối cho Thế vận hội. Họ không phải là Cộng sản hay những kẻ kích động mà ai cũng biết.”

“Có suy nghĩ nào khác không?”

“Có ít nhất hai hoặc ba hung thủ có liên quan. Tôi đã lưu ý những dấu chân như ngài đã hướng dẫn. Dấu chân trùng khớp ở cả hai vụ.”

“Loại vũ khí được sử dụng là gì?”

“Không biết, thưa ngài. Khi tôi đến nơi, các vỏ đạn rỗng đã không còn.”

“Không còn?” Có vẻ là một thứ bệnh dịch của những kẻ sát nhân chu đáo. “Những vỏ đạn nhỏ bằng chì có thể nói với chúng ta. Cậu có tìm thấy vỏ đạn nào như thế còn nguyên vẹn không?”

“Tôi đã xem trên mặt đất rất kỹ, nhưng không tìm thấy.”

“Nhân viên điều tra cái chết bất thường chắc phải thu được một số.”

“Tôi có hỏi anh ta rồi, thưa ngài, nhưng anh ta cũng nói là không có.”

“Không có sao?”

“Tôi xin lỗi, thưa ngài.”

“Cơn giận của tôi không nhằm vào cậu, Gendarme Raul. Cậu phải được ngợi khen vì chuyên môn của mình. Và tha lỗi cho tôi đã quấy rầy cậu tại nhà riêng. Cậu có con không? Tôi nghĩ mình nghe thấy tiếng trẻ con. Tôi có đánh thức thằng bé không?”

“Cô bé, thưa ngài. Nhưng khi con bé lớn, tôi sẽ bảo nó nên thấy vinh dự khi được một thanh tra danh tiếng như ngài đánh thức khỏi giấc mơ.”

“Chúc một ngày tốt lành.”

“Hail Hitler.”

Kohl bỏ ống nghe xuống. Ông bối rối. Những thông tin trong hai vụ giết người này cho thấy có bàn tay của SS, Gestapo hoặc lính Xung Kích.

Nhưng nếu thế, Kohl cùng hiến binh hẳn sẽ nhận được lệnh dừng lại ngay lập tức - như cách các thanh tra Cảnh sát Hình sự luôn được dặn dò. Điển hình là ngay lập tức có lệnh cấm tìm hiểu một vụ lương thực chợ đen gần đây, khi cuộc điều tra lần đến Đô đốc Hải quân Raeder và Walter von Brauchitsch, một sĩ quan quân đội cấp cao.

Họ không bị ngăn chặn khi theo đuổi vụ án, nhưng đã và đang dẫm chân tại chỗ. Đâu là nguyên nhân cho sự mơ hồ này?

Không cần biết động cơ của hung thủ là gì, cứ như thế những vụ thảm sát này đang treo trước mắt Kohl như một bài thử thách lòng trung thành của ông. Phải chăng Tư lệnh Meyerhoff đã gọi đến cơ quan Cảnh sát Hình sự dưới danh nghĩa SD, để xem tay thanh tra này có từ chối thụ lý vụ án liên quan đến những người Do Thái và Ba Lan bị giết hay không? Trường hợp này có thể như thế không?

Nhưng, không, không, mình hoang tưởng rồi. Ông đang nghĩ đến điều này chỉ vì biết tin SD đã lập hồ sơ về ông.

Không tìm được câu trả lời cho những câu hỏi này, Kohl đứng dậy dạo qua các hành lang tĩnh lặng, một lần nữa đến phòng Điện tín xem có xảy ra điều kỳ diệu nào không, xem các đối tác tại Mỹ có cho rằng việc trả lời bức điện của ông là thích hợp hay không.

Chiếc xe tải rách nát, bên trong nóng như cái lò, tiến lên Phố Wilhelm rồi đỗ lại trong một con ngõ.

“Tôi xưng hô với người ta thế nào đây?” Paul hỏi.

“‘Ngài,’” Webber đáp. “Luôn là ‘ngài.’”

“Không có phụ nữ nào à?”

“Chà, câu hỏi hay đấy, cậu John Dillinger. Có thể có vài cô nàng. Nhưng dĩ nhiên sẽ không nắm giữ vị trí chính thức đâu. Họ sẽ ngang hàng với cậu. Thư ký, lao công, văn thư, nhân viên đánh máy. Họ đều còn độc thân - phụ nữ có gia đình không được làm việc - nên cậu sẽ chào là ‘Cô’. Và cậu có thể tán tỉnh một chút nếu thích. Đối với một lao động thì như thế là thích

hợp. Nhưng họ sẽ hiểu nếu cậu lờ họ đi chỉ làm việc của mình cho xong, càng hiệu quả càng tốt, rồi về nhà với gia đình ăn bữa cơm ngày Chủ nhật.”

“Tôi có phải gõ cửa không, hay cứ thế đi vào?”

“Luôn phải gõ cửa,” Morgan dặn dò. Webber gật đầu.

“Và tôi nói ‘Hail Hitler’ đúng không?”

Webber nhăn nhó. “Nói thường xuyên nếu cậu muốn. Chẳng ai đi tù vì nói thế đâu.”

“Và chào theo kiểu của anh. Cánh tay giơ cao lên?”

“Không nhất thiết,” Morgan đáp. “Đối với một lao động thì không cần.” Ông nhắc nhở. “Và nhớ này, âm G của cậu. Phát âm nhẹ hơn đi. Hãy nói như một người Berlin. Làm điệu đi những nghi ngờ trước khi chúng bùng lên.”

Phía sau chiếc xe tải nóng như thiêu, Paul thay quần áo và mặc lên người bộ áo liền quần Webber cung cấp. “Vừa như in,” tay người Đức nói. “Tôi có thể bán chúng cho cậu nếu cậu muốn giữ lại.”

“Otto,” Paul nói và thở dài. Gã xem xét chứng minh thư nhà nát có ảnh một người trông hao hao giống gã. “Ai đây thế?”

“Có một căn nhà kho không được sử dụng nhiều, nơi Phát xít bảo quản các hồ sơ lính tráng đã chiến đấu trong Thế Chiến thứ I. Dĩ nhiên có đến hàng triệu chứng minh thư. Thi thoảng, tôi lại dùng chúng để làm giả giấy phép vào và giấy tờ khác. Tôi chọn một tấm ảnh trông giống người đang mua giấy tờ. Các bức ảnh đã cũ hơn và bị ăn mòn. nhưng các chứng minh thư của chúng ta toàn thế, vì chúng ta luôn phải mang chúng theo người.” Anh ta nhìn bức ảnh rồi ngược lên nhìn Paul. “Người này bị giết tại Argonne Meuse. Hồ sơ của anh ta ghi rằng anh ta đã được trao nhiều huy chương trước khi chết. Họ đang cân nhắc tặng anh ta Huy chương Chữ Thập sắt. Với một người đã chết, trông cậu ổn đấy.”

Sau đó, Webber trao cho gã các giấy tờ làm việc cho phép vào ra Phủ Thủ tướng. Paul bỏ lại hộ chiếu của gã cùng hộ chiếu giả của Nga ở nhà trọ, mua một bao thuốc lá Đức cùng mấy que diêm giá rẻ, không bị đánh dấu lấy từ quán Cà phê Aryan, Webber bảo đảm rằng gã sẽ bị khám xét cẩn thận trước cửa tòa nhà. Webber đưa thêm một cuốn sổ tay, một cây bút chì

và một cây thước đo đã mòn. Ngoài ra là một cây thước kẻ ngắn bằng thép có thể dùng làm đòn bẩy khóa cửa văn phòng Ernst, nếu cần thiết.

Paul xem xét các món đồ dùng này, rồi hỏi Webber. “Chúng có thật sự tin mấy cái thứ này không?”

“Ôi, cậu John Dillinger, nếu cậu muốn chắc chắn thế, chẳng phải cậu chọn sai nghề rồi sao?” Anh ta rút ra một trong những điều xì gà bắp cải.

“Cậu sẽ không hút cái thứ đó ở đây chứ?” Morgan hỏi.

“Thế ông sẽ hút nó ở đâu? Tại cửa phòng riêng của Lãnh tụ, quẹt diêm vào miệng một thằng lính gác SS à?” Châm lửa điều xì gà rẻ tiền, anh ta quay sang Paul. “Chúng tôi sẽ chờ cậu ở đây.”

Hermann Göring đi lướt qua tòa nhà Phủ Thủ tướng, như thể lão là người sở hữu nơi này.

Mà lão tin, một ngày nào đó sẽ là như thế.

Tên Bộ trưởng yêu Adolf Hitler như cách Peter yêu Chúa.

Nhưng Chúa Jesus cuối cùng lại bị đóng đinh lên thập giá gỗ, còn Peter tiếp quản công việc của người.

Göring biết việc này sẽ xảy ra tại Đức. Hitler là một sự sáng tạo phi phạm, độc nhất trong lịch sử thế giới. Đầy mê hoặc, tuyệt vời đến nỗi không từ ngữ nào có thể mô tả. Và chính vì điều đó, y sẽ không thể tồn tại được đến tuổi già. Thế giới không thể chấp nhận những kẻ biết nhìn xa trông rộng và những vị cứu tinh. Sói Xám sẽ phải chết trong vòng 5 năm, Göring sẽ than khóc cho cái chết này, sẽ đâm ngực mình, đau đớn bởi nỗi buồn quá lớn, nỗi buồn chân thành. Lão sẽ làm thánh lễ trong suốt quãng thời gian khóc than dài dằng dặc. Và rồi lão sẽ dẫn dắt đất nước đến vị thế quốc gia vĩ đại nhất trên thế giới. Hitler đã nói đây sẽ là một đế chế nghìn năm. Nhưng Hermann Göring sẽ lèo lái đế chế của mình đến mãi mãi.

Tuy nhiên vào lúc này, lão cần để ý những mục tiêu nhỏ hơn: các phương pháp chiến thuật để chắc chắn rằng chính lão mới là người đảm nhận vai trò của Lãnh tụ.

Sau khi xử lý xong món trứng xúc xích, tên Bộ trưởng lại thay đồ (thông thường lão mặc bốn, năm bộ một ngày). Lúc này, lão mặc bộ quân phục màu xanh lòe loẹt đính những dải viền, ruy-băng và đồ trang trí, một số được tặng, còn phần nhiều tự mua. Lão diện bộ này phần vì cảm thấy mình đang làm nhiệm vụ. Còn mục tiêu? Đóng đinh thủ cấp của Reinhard Ernst lên tường. (Rốt cuộc, Göring là bậc thầy thợ săn của đế chế).

Lão cắp sách hồ sơ tiết lộ di sản Do Thái của Keitel như một cây roi ngựa, bước xuống các hành lang tối mờ. Khi ngoặt vào góc, lão rên rỉ khi vết thương lại đau nhói - viên đạn lão phải nhận vào háng trong cuộc Nổi loạn tại Quán bia tháng 11 năm 1923. Nửa giờ trước, lão đã uống mấy viên thuốc - lão không bao giờ quên uống thuốc - nhưng hiệu quả của chúng giờ đang giảm dần. Chà, tên dượng sĩ kia chắc đánh giá sai mức độ trầm trọng rồi. Lão sẽ mắng thẳng khốn đó sau. Lão gật đầu với mấy tên lính gác SS rồi bước vào trong phòng chờ của Lãnh tụ, mỉm cười với cô thư ký.

“Người bảo ngài vào trong ngay lập tức, thưa Bộ trưởng.”

Göring sải bước qua thăm vào văn phòng Lãnh tụ. Hitler đang tựa người vào mép bàn như y thường xuyên làm. Sói Xám vẫn thấy khó chịu khi phải ngồi yên. Y sẽ bước đi, ngồi xuống, đu đưa tới lui, con mắt nhìn chằm chằm ra ngoài cửa sổ. Lúc này, y đã nhấp một ngụm nước sô-cô-la, đặt tách và đĩa xuống bàn làm việc, nghiêm túc gật đầu với một người đang ngồi trong chiếc ghế bành lung cao. Y ngược mắt lên. “À, Bộ trưởng, mời vào, mời vào.”

Hitler giơ lên mẫu giấy Goring đã viết lúc nãy. “Ta phải nghe thêm thông tin về chuyện này. Thật thú vị khi cậu nói đến một âm mưu... Có vẻ như đồng chí của chúng ta ngồi đây cũng mang đến những tin tức tương tự về vấn đề này.”

Đang bước qua văn phòng lớn, Göring chớp mắt rồi dừng khựng lại, nhìn thấy vị khách đến thăm văn phòng Lãnh tụ đứng dậy khỏi ghế bành. Chính là Reinhard Ernst. Hắn gật đầu và nở nụ cười. “Chào buổi sáng, ngài Bộ trưởng.”

Göring tâng lờ hẩn và hỏi Hitler, “Một âm mưu ư?”

“Đúng vậy,” Hitler đáp. “Chúng ta đã đang thảo luận về kế hoạch của Đại tá, Nghiên cứu Waltham. Có vẻ như vài kẻ thù đã làm giả thông tin về đối tác của cậu ta, Giáo sư-tiến sĩ Ludwig Keitel. Cậu có tưởng tượng được không? Chúng đã tiến xa đến mức cho rằng tay Giáo sư này chảy trong mình dòng máu Do Thái. Ngồi đi, Hermann, và cho ta biết về âm mưu cậu đã hé lộ này.”

Reinhard Ernst tin rằng chừng nào còn sống, hắn sẽ không bao giờ quên được biểu hiện trên gương mặt phị của Hermann Göring vào lúc này.

Trên cái mâm thịt hồng hào đang cười ấy, đôi mắt cho thấy cơn choáng váng tốt độ. Kẻ bắt nạt bị hạ gục.

Tuy nhiên, Ernst không tỏ ra vui mừng đặc biệt trước chiến tích phi thường này, vì một khi nét kinh hoàng qua đi, vẻ mặt kia sẽ chỉ còn sự căm ghét.

Dường như Lãnh tụ không để ý màn trao đổi thầm lặng giữa hai người. Y gõ gõ lên vài hồ sơ trên bàn. “Ta đã hỏi Đại tá Ernst thông tin về nghiên cứu quân sự anh ta hiện đang triển khai, mà ngày mai anh ta sẽ trình...” Một ánh mắt sắc lạnh về phía Ernst, hắn gật đầu và bảo đảm với y. “Đúng vậy, thưa Lãnh tụ.”

“Và trong khi chuẩn bị hồ sơ, cậu ta biết rằng kẻ nào đó đã thay đổi các ghi chép về họ hàng của Giáo sư-tiến sĩ Keitel, và của những người khác đang làm việc với Chính phủ. Những người đang làm việc tại Krupp, Farben và Siemens.”

“Và,” Ernst lau bàu, “tôi kinh hoàng biết rằng vấn đề còn đi xa hơn thế. Chúng thậm chí còn chỉnh sửa cả những ghi chép về họ hàng, tổ tiên của nhiều quan chức cao quý trong chính nội bộ Đảng. Hầu hết là gieo rắc thông tin xung quanh Hamburg. Tôi nhận thấy một nguy cơ hủy diệt nhiều người liên quan đến tôi.” Ernst nhìn Göring từ đầu đến chân. “Vài lời dối trá nhằm vào những người có chức vụ rất cao. Gợi ý về các mối quan hệ với các nhà tư tưởng Do Thái, những đứa trẻ là con hoang và các chi tiết tương tự.”

Göring nhúu mày. “Khủng khiếp.” Hai hàm răng của lão nghiền chặt vào nhau - giận dữ không chỉ vì thất bại mà còn vì gợi ý của Ernst rằng tổ tiên

Do Thái có thể được nhắc đến trong cả quá khứ của Bộ trưởng Hàng không. “Ai đi làm một chuyện như thế?” Lão bắt đầu bồn chồn với tập hồ sơ lão đang cầm.

“Kẻ nào?” Hitler làu bàu. “Đám người Cộng sản, Do Thái, Dân chủ Xã hội. Chính ta sau này cũng thấy phiền nhiễu với những tín đồ Công giáo. Chúng ta không bao giờ được quên rằng chúng phản đối chúng ta. Thật dễ dàng để bị ru ngủ khi xét đến mối căm thù chung của chúng ta với bọn Do Thái. Nhưng ai biết chứ? Chúng ta có nhiều kẻ thù.”

“Thực sự là vậy,” Một lần nữa Göring nhìn Ernst đăm đăm, người đang tự hỏi liệu có thể mời tên Bộ trưởng ít cà phê hay nước sô-cô-la.

“Không, cảm ơn Reinhard,” là câu trả lời lạnh lẽo.

Là một người lính, Ernst sớm biết rằng trong tất cả các vũ khí của kho vũ khí quân đội, thứ vũ khí hiệu quả nhất là thông tin tình báo chính xác. Hẳn khẳng khẳng muốn biết chính xác kẻ thù của mình đang âm mưu gì. Hẳn đã phạm sai lầm khi nghĩ rằng cửa hàng có điện thoại cách Phủ Thủ tướng vài dãy nhà không bị gián điệp của Göring theo dõi. Nhờ sự bất cẩn này, tên Bộ trưởng Hàng không đã biết được tên đồng tác giả của Nghiên cứu Waltham. Nhưng may mắn cho Ernst - trong khi hẳn vẫn thiếu kinh nghiệm trong vận động ngầm - thì hẳn lại dùng những người giỏi đứng vào nơi họ phát huy hiệu quả. Người điều đặn cung cấp thông tin cho Ernst về biến động của tên Bộ trưởng Hàng không, đêm qua đã mật báo cho hẳn ngay sau khi dọn sạch đĩa mì ống vỡ tan và thay áo cho tên Bộ trưởng, rằng Göring đã moi được thông tin về bà nội của Keitel.

Phần nộ vì bị chơi khăm nhưng vẫn nhận thức được rủi ro chết người trong tình huống này, Ernst ngay lập tức đến gặp Keitel. Vị giáo sư-tiến sĩ đã cho rằng mối liên kết Do Thái của người phụ nữ đó là đúng, nhưng ông chẳng còn liên hệ gì với gia đình suốt nhiều năm. Đêm qua, chính Ernst và Keitel đã mất mấy tiếng tạo ra các tài liệu giả cho thấy rằng các thương nhân, quan chức Chính phủ là người Aryan thuần chủng lại có gốc gác Do Thái.

Khó khăn duy nhất trong chiến lược của Ernst đó là phải chắc chắn rằng hẳn gặp được Hitler trước Göring. Tuy nhiên, một trong những kỹ năng của

chiến tranh Ernst tuân thủ trong việc lên kế hoạch quân sự chiến lược, đó là “tia chớp.” Tức là hẳn phải di chuyển thật nhanh đến mức kẻ thù không kịp phòng bị, ngay cả khi kẻ thù mạnh hơn. Tên Đại tá lao ào ào đến văn phòng Lãnh tụ sáng sớm nay, sắp đặt âm mưu của mình và trình ra những tài liệu giả mạo.

“Chúng ta sẽ nghiên cứu triệt để chuyện này,” Hitler lên tiếng, bước đến tự rót cho mình một cốc sô-cô-la cùng mấy lát bánh mì nướng trên đĩa. “Nào, Hermann, còn mảnh giấy của cậu thì sao? Cậu tìm ra được điều gì thế?”

Với một nụ cười hướng về phía Ernst, người đàn ông cao lớn không chịu thừa nhận thất bại. Thay vào đó, lão lắc đầu rồi đáp với cái nhú mày quá mức “Tôi đã nghe nói đến nỗi lo âu tại Oranienburg. Sự thiếu tôn trọng đặc biệt đối với các lính gác tại đó. Tôi lo lắng về khả năng xảy ra những cuộc bạo loạn. Tôi cho rằng nên có những đòn trả đũa. Những đòn trả đũa nặng nề.”

Chuyện này thật ngớ ngẩn. Đang được tái thiết mở rộng với lao động nô lệ và mang tên khác là Sachsenhausen, trại tập trung này được bảo đảm tuyệt đối, không có cơ hội để xảy ra bạo loạn ở bất kỳ hình thức nào. Các tù nhân giống như những con thú bị giam nhốt, cắt hết móng vuốt. Những lời nhận xét Göring vừa đưa ra chỉ nhằm một mục đích: không gì khác ngoài trả thù, khiến Ernst phải chịu trách nhiệm trước cái chết của hàng loạt người vô tội.

Khi Hitler cân nhắc chuyện này, Ernst vô tình nói, “Tôi có biết chút ít về trại tập trung, thưa Lãnh tụ, và Bộ trưởng Hàng không đã nói đúng vấn đề. Chúng ta phải hoàn toàn chắc chắn rằng không có sự bất đồng quan điểm.”

“Nhưng... Ta cảm thấy có sự dè dặt, Đại tá,” Hitler nói.

Ernst nhún vai. “Tôi chỉ tự hỏi có phải sẽ tốt hơn nếu thực hiện các biện pháp sau kỳ Thế vận hội. Rốt cuộc thì trại tập trung cách làng Thế vận hội không xa lắm. Đặc biệt là khi xuất hiện các phóng viên nước ngoài trong thành phố, vì có thể sẽ rất khó khăn nếu chuyện này đồn ra ngoài. Tôi nghĩ nên giữ bí mật về trại tập trung một cách tốt nhất có thể, rồi sẽ tính sau.”

Ý tưởng này khiến Hitler không vui, Ernst có thể thấy ngay. Nhưng trước khi Göring kịp phản pháo, Lãnh tụ nói, “Ta đồng ý đó có thể là giải pháp tốt nhất. Chúng ta sẽ giải quyết vấn đề này trong một, hai tháng tới.”

Khi cả y lẫn Göring hẳn sẽ quên bồng vấn đề này đi, Ernst hy vọng.

“Giờ thì Hermann, Đại tá đã mang lại tin vui. Người Anh đã hoàn toàn chấp nhận số lượng tàu chiến và tàu ngầm của chúng ta theo hiệp ước năm ngoái. Kế hoạch của Reinhard đã thành công.”

“Thật may mắn làm sao?” Göring làu bàu.

“Bộ trưởng Hàng không, ta có cần phải để ý đến hồ sơ đó không?” Đôi mắt Lãnh tụ liếc nhìn các tài liệu kẹp dưới tay lão, có hơi chệch một chút.

“Không, thưa ngài. Không có gì ạ.”

Lãnh tụ tự rót thêm hai cốc sô-cô-la nữa, rồi bước đến bàn trưng bày mô hình thu nhỏ Olympic. “Đến đây nào, các quý ông, hãy nhìn những bổ sung mới này. Chúng đúng là đẹp, hai người có nghĩ vậy không? Trang nhã, ta nghĩ thế. Ta yêu thích cách tạo kiểu dáng hiện đại. Mussolini cho rằng ông ta đã sáng tạo ra nó. Nhưng dĩ nhiên hẳn ta là kẻ cắp, tất cả chúng ta đều biết thế.”

“Đúng vậy, thưa Lãnh tụ,” Göring nói.

Ernst cũng lăm bắm đồng tình. Đôi mắt cuồng loạn của Hitler nhắc hẳn nhớ đến đôi mắt Rudy, khi thằng bé cho ông nội xem lâu đài cát tinh tế nó làm trên bãi biển năm ngoái.

“Ta nghe nói hôm nay thời tiết có thể nóng chảy mỡ. Chúng ta hãy cùng hy vọng là thế, chờ buổi chụp hình của chúng ta. Đại tá, cậu sẽ mặc đồng phục chứ?”

“Tôi không nghĩ vậy, thưa Lãnh tụ. Rốt cuộc, bây giờ tôi chỉ là một công chức. Tôi sẽ không muốn phô trương khi xuất hiện bên cạnh các đồng nghiệp cao quý của mình.” Ernst nhìn chăm chăm bản sao, cố gắng kiềm chế không nhìn vào bộ đồng phục sáng chói của Goring.

Văn phòng của tên đại diện toàn quyền về sự ổn định trong nước - tấm biển được sơn bằng thứ tiếng Đức Gothic nổi bật - nằm trên tầng ba của Phủ Thủ tướng. Dường như phần lớn những trùng tu trên tầng này đã hoàn tất, cho dù mùi sơn, vữa và vani vẫn còn nồng trong không khí.

Paul vào trong tòa nhà không mấy khó khăn, dù bị hai tên lính gác mặc đồng phục đen đeo súng trường gắn lưỡi lê khám xét kỹ lưỡng. Giấy tờ của Webber được chấp nhận dù gã bị chặn lại khám xét lần nữa trên tầng ba.

Gã đợi đến khi một đội tuần tra đã đi qua xuống sảnh, mới kính cẩn đưa tay gõ lên ô cửa kính lượn sóng trên cửa ra vào văn phòng Ernst.

Không có tiếng trả lời.

Gã thử vặn nùm cửa thấy nó không khóa. Gã bước qua phòng chờ tối om tiến đến cánh cửa dẫn vào văn phòng riêng của Ernst. Bất ngờ gã dừng lại, cảnh giác rằng tên đó có thể ở đây, vì ánh đèn dưới cửa ra vào còn sáng. Gã gõ cửa lần nữa nhưng không nghe thấy gì. Gã mở cửa ra vào, thấy rằng ánh sáng đó là ánh nắng, văn phòng quay mặt về phía Đông nên ánh sáng ban ngày ủa cả vào trong phòng. Lưỡng lự trước cửa ra vào, gã quyết định để cửa mở. Đóng cửa có lẽ là trái quy định và sẽ gây nghi ngờ nếu lính gác còn tuần tra xung quanh.

Ấn tượng đầu tiên của gã đó là văn phòng thật bừa bộn: giấy tờ, sách nhỏ, tờ thông tin tài khoản, báo cáo có gáy xoắn, bản đồ và thư từ. Chúng che kín mặt bàn làm việc của Ernst cùng , một chiếc bàn to trong góc. Nhiều cuốn sách trên giá hầu hết có nội dung lịch sử quân sự, rõ ràng được sắp xếp theo thứ tự niên đại, bắt đầu với cuốn *Những Cuộc Chiến Xứ Gaul* của Caesar. Sau những gì Käthe đã kể cho gã nghe về công tác kiểm duyệt ở Đức, gã ngạc nhiên khi thấy mấy cuốn sách của các tác giả người Mỹ và Anh như Pershing, Teddy Roosevelt, Lord Comwallis, Ulysses S. Grant, Abraham Lincoln và Lord Nelson.

Có một lò sưởi trống không vào sáng nay, dĩ nhiên được lau chùi sạch sẽ. Trên bệ lò sưởi bằng đá cẩm thạch đen trắng, là các món đồ trang trí của chiến tranh, một cái lưỡi lê, các lá cờ chiến tranh, các bức ảnh chụp một

Ernst trẻ tuổi hơn, không mặc quân phục đứng cạnh một người khỏe mạnh, dáng thể thao với hàng ria mép hung dữ và đội chiếc mũ sắt có mẫu nhọn.

Paul mở cuốn sổ tay của gã ra, phác thảo một tá bản vẽ căn phòng, sau đó bước nhanh khắp văn phòng, vẽ lại rồi bổ sung thêm các kích thước. Gã chẳng buồn dùng thước đo, điều gã cần là mức độ đáng tin chứ không phải chính xác tuyệt đối. Bước đến bàn làm việc, Paul nhìn qua một lượt. Gã trông thấy vài bức ảnh viền khung của viên Đại tá cùng gia đình hẳn. Những tấm ảnh khác chụp một người phụ nữ tóc nâu xinh đẹp có khả năng là vợ hẳn và một ảnh chụp ba người, một thanh niên mặc đồng phục rõ ràng là chụp cùng vợ anh ta với đứa bé sơ sinh. Rồi có thêm hai tấm ảnh nữa chụp một phụ nữ trẻ và đứa bé, sau các tấm trước vài năm và gần đây hơn.

Không xem các bức ảnh nữa, Paul chuyển sang đọc nhanh hàng tá giấy tờ trên bàn làm việc. Gã vừa định sờ đến một trong các chồng hồ sơ để đọc qua thì bỗng khựng lại, nhận thấy một âm thanh - hay có lẽ là sự hiện diện của một âm thanh. Một âm thanh lẫn át hết những tiếng ồn đang trôi nổi xung quanh gã. Ngay lập tức Paul ngồi thụp xuống, đặt thước đo xuống sàn nhà, bắt đầu đi từ đầu này phòng sang đầu bên kia. Gã ngước mắt lên khi một người đàn ông chậm rãi tiến lại, đang tò mò liếc nhìn gã.

Trong những bức ảnh trên bệ lò sưởi và những tấm ảnh liên lạc của Morgan cho gã xem, trông hẳn già đi vài tuổi. Nhưng không nghi ngờ gì nữa, người đang đứng trước mặt gã chính là Reinhard Ernst.

Chương 22

“Hail Hitler,” Paul nói. “Tha lỗi cho tôi nếu quấy rầy ngài, thưa ngài.”

‘Chào,’ hắn trả lời gọn lỏn. “Cậu là...?”

‘Tên tôi là Fleischman. Tôi đang đo thăm’

“À, thăm.”

Một bóng người khác liếc vào phòng, một tên lính gác to lớn mặc đồng phục đen. Hắn yêu cầu được xem giấy tờ của Paul, đọc chăm chú rồi quay lại phòng chờ, kéo một cái ghế ra ngồi ngay ngoài cửa.

Ernst hỏi Paul, “Căn phòng của ta ở đây rộng bao nhiêu?”

“8 X 9,5 mét ạ.” Trái tim Paul đang đập thành thịch, gã suýt nữa thì nói là “thước.”

“Ta đã nghĩ nó rộng hơn thế.”

“Ồ, nó rộng hơn, thưa ngài. Ý tôi đang nói đến kích thước thăm. Nói chung với sàn- nhà đẹp như thế này, khách hàng của chúng tôi sẽ muốn đường vân gỗ phải nổi bật.”

Ernst liếc nhìn xuống sàn như thể hắn chưa từng thấy vân gỗ sồi. Hắn cởi áo khoác treo lên trên bộ vest cạnh bàn làm việc.

Hắn ngả người vào lưng ghế, nhắm mắt lại rồi đưa tay lên dụi mắt. Ngồi thẳng lại trên ghế, hắn lôi ra cặp kính gọng dây và đọc một số tài liệu.

“Chủ nhật mà ngài vẫn làm việc ư?” Paul hỏi.

“Như cậu thôi,” Ernst trả lời với một tiếng cười, không ngẩng mặt lên.

“Lãnh tụ rất nóng lòng muốn hoàn thiện việc nâng cấp cho tòa nhà.”

“Phải, nhất định rồi.”

Khi cúi xuống đo một góc phòng nhỏ thụt vào, Paul liếc nhìn nửa thân người của Ernst. Gã để ý thấy một bàn tay có sẹo, những nếp nhăn quanh khóe miệng, đôi mắt đỏ ngầu, dấu hiệu đặc trưng của một người có trầm

ngàn ý tưởng đang hình thành trong tâm trí, người đang gánh trên vai nghìn gánh nặng.

Một tiếng cót két khá yếu vang lên khi Ernst xoay ghế lại nhìn ra cửa sổ, bỏ kính xuống. Dường như toàn thân hắn thèm khát được tắm trong chùm ánh nắng chói lọi và hơi nóng của mặt trời với niềm khoái cảm, nhưng kèm theo đó là dấu hiệu của tiếc nuối. Như thế hắn là một kẻ hưởng ngoại đang buồn phiền khi phải nhốt mình trong căn phòng làm việc.

“Cậu làm công việc này được bao lâu rồi, Fleischman?” hắn hỏi mà không quay người lại.

Paul đứng dậy, ép chặt cuốn sổ tay vào một bên người. “Trọn đời tôi, thưa ngài. Kể từ Thế Chiến thứ I.”

Ernst tiếp tục đắm mình trong ánh nắng, khẽ ngửa đầu ra sau, hai mắt nhắm nghiền. Paul lặng lẽ bước đến lò sưởi. Nằm trên đó là chiếc lưới lê dài. Nó đen thui, rõ ràng dạo gần đây không được đánh bóng, nhưng vẫn hoàn toàn có thể gây chết người.

“Cậu thích nó không?” Ernst hỏi.

“Nó hợp với tôi.”

Gã có thể chụp lấy thứ vũ khí ghê tởm này, bước đến sau lưng Ernst chỉ trong một giây và giết hắn nhanh gọn. Gã đã từng giết người bằng dao găm. Dùng dao không giống như đánh kiếm trong phim của Douglas Fairbanks. Con dao chỉ đơn thuần là sự nâng cấp chết người từ nĩa đấm. Một võ sĩ giỏi là một kẻ dùng dao giỏi.

Chạm vào đá...

Nhưng còn tên lính canh ngoài cửa thì tính sao? Tên đó cũng sẽ phải chết. Nhưng Paul chưa từng giết vệ sĩ của kẻ bị hóa kiếp. Thậm chí, gã chưa từng khiến hắn phải tham gia vào tình huống có thể hắn phải tham gia. Gã có thể giết Ernst bằng một con dao, sau đó hạ gục tên lính gác bên ngoài. Nhưng với tất cả những tên lính khác xung quanh, ai đó có thể nghe thấy những âm thanh náo động và chúng sẽ bắt lấy gã. Thêm nữa, cấp trên của gã chắc chắn muốn cái chết này phải được công khai.

“Nó hợp với cậu,” Ernst nhắc lại. “Một cuộc đời đơn giản, không có xung đột, không có những lựa chọn khó khăn.”

Điện thoại reo vang. Ernst nhắc ống nghe. “A lô... Vâng, Ludwig à, cuộc gặp gỡ có lợi cho chúng ta... Rồi, rồi... Bây giờ ông có tìm được người tình nguyện không? Chà, tốt... Nhưng có lẽ thêm hai, ba người nữa đi... Vâng, tôi sẽ gặp ông tại đó. Chào.”

Ernst, gác máy liếc nhìn Paul rồi bước đến lò sưởi. “Một số vật lưu niệm của ta. Cả cuộc đời mình, ta quen biết những người lính và tất cả bọn họ biến thành những đàn chuột hôi ức như thế này. Ở nhà ta còn nhiều nữa. Lưu giữ các kỷ vật của những sự kiện kinh hoàng này chẳng phải lạ lùng sao? Đôi khi ta thấy mình thật điên rồ.” Hắn nhìn chiếc đồng hồ trên bàn làm việc. “Cậu xong việc chưa, Fleischman?”

“Vâng, tôi xong rồi, thưa ngài.”

“Ta phải làm vài việc riêng tư chút.”

“Cảm ơn ngài đã cho phép tôi vào đây, thưa ngài. Hail Hitler.”

“Fleischman?”

Paul quay người lại trên ngưỡng cửa.

“Cậu là một người may mắn khi công việc cậu làm thích hợp với hoàn cảnh và bản chất của cậu. Điều đó thật hiếm hoi.”

“Tôi cho là vậy, thưa ngài. Chúc ngài một ngày tốt lành.”

“Chào cậu.”

Ra ngoài, bước chân vào tiền sảnh.

Với khuôn mặt và giọng nói của Ernst cháy bỏng trong tâm trí, Paul bước xuống cầu thang, mắt nhìn thẳng phía trước, di chuyển chậm rãi, đường hoàng bước đi giữa những tên lính ở đây, mặc đồng phục đen hoặc xám, hay những người lao động mặc quần áo thường hoặc áo liền quần. Và đi đến đâu những cặp mắt nghiêm nghị, không có chiều sâu cũng nhìn xuống gã trừng trừng từ những bức vẽ trên tường: bộ ba bức vẽ với những cái tên được khắc trên các tấm biển bằng đồng: A. Hitler, H. Göring và p. J. Goebbels.

Xuống đến tầng trệt, gã quay về phía cửa trước rục rặc nắng mở ra Phố Wilhelm, những tiếng bước chân dội lại inh ỏi. Webber trang bị cho gã đôi ủng dùng rồi, một sự bổ sung tốt cho trang phục, ngoại trừ việc một cái

đình đầu to đã xuyên thủng lớp da. Paul có khéo léo đến mấy nó vẫn nện cồm cộp theo mỗi bước chân.

Gã còn cách cái cửa 15 mét, ánh mặt trời bừng sáng bao quanh nó là một vầng hào quang.

12 mét.

Cộp, cộp, cộp.

6 mét.

Giờ gã có thể thấy được bên ngoài rồi, những chiếc xe đang đi lướt qua trên phố.

3 mét...

Cộp... cộp...

“Tên kia! Tên kia, đứng lại.”

Paul lạnh người. Quay lại, gã thấy một tên mặc đồng phục xám đang rảo bước đến chỗ mình.

“Mày vừa xuống cầu thang kia. Mày đã ở đâu?”

“Tôi chỉ...”

“Cho tao xem giấy tờ của mày.”

“Tôi đang đi đo thăm, thưa ngài,” Paul nói, lôi ra các giấy tờ của Webber trong túi áo.

Tên SS liếc qua chúng thật nhanh, đối chiếu bức ảnh và đọc phiếu yêu cầu công việc. Hắn cầm lấy thước đo từ tay Paul như thể là một món vũ khí.

Hắn đưa trả lại phiếu yêu cầu công việc rồi ngược mắt lên. “Giấy phép đặc biệt của mày đâu?”

“Giấy phép đặc biệt? Có ai bảo tôi phải có giấy phép đặc biệt đâu.”

“Để lên được trên gác thì mày phải có.”

“Cấp trên của tôi chẳng nói cho tôi biết.”

“Chúng tao không quan tâm chuyện đó. Ai muốn tiếp cận các tầng cao hơn thì phải có giấy phép đặc biệt. Thẻ Đảng của mày đâu?”

“Tôi... Tôi không mang theo người.”

“Mày không phải là Đảng viên à?”

“Dĩ nhiên, thưa ngài. Tôi là một Đảng viên Quốc Xã trung thành, tin tôi đi.”

“Nếu không mang theo thẻ thì mày không phải là Đảng viên Quốc Xã trung thành.” Tên sĩ quan khám người già, lật qua cuốn sổ tay, liếc nhìn các bản phác thảo những căn phòng và kích thước. Hắn lắc đầu.

Paul nói, “Trong tuần này, tôi sẽ quay lại đây, thưa ngài. Tôi có thể mang cho ngài một giấy phép đặc biệt và thẻ Đảng vào lúc đó.” Già nói thêm. “Và đến lúc đó, tôi có thể đo thăm cho cả văn phòng của ngài luôn.”

“Văn phòng tao nằm dưới tầng trệt, ở phía sau - khu vực không nằm trong kế hoạch nâng cấp,” tên sĩ quan SS chua chát nói.

“Lại càng thêm lý do phải sắm thăm Ba Tư xịn. Thứ này chúng tôi vô tình có vài loại nhiều hơn số lượng được phân phối. Để chúng mọc lên trong kho thì cũng không tốt.”

Tên lính cân nhắc điều này, rồi hắn liếc nhìn đồng hồ đeo tay. “Tao không có thời gian theo đuổi vấn đề này. Tao là Phó Chỉ huy An ninh Schechter. Mày sẽ tìm được văn phòng của tao dưới cầu thang về bên phải. Tên tao viết trên cửa. Giờ mày đi được rồi. Nhưng khi quay lại, mày phải có giấy phép đặc biệt, nếu không phố Prince Albrecht sẽ chào đón mày đó.”

Khi ba người đàn ông phóng xe ra khỏi Quảng trường Wilhelm, một tiếng còi vang lên gần đó. Paul và Reggie Morgan khó chịu nhìn ra cửa kính xe tải bốc mùi bấp cải cháy và mồ hôi.

Webber phá lên cười. “Còi xe cứu thương thôi. Thoái mái đi.” Một lúc sau, chiếc xe cứu thương ngoặt ở góc phố. “Tôi biết hết âm thanh của đủ các loại xe chính thức. Một kiến thức cần biết tại Berlin ngày nay.”

Một lúc sau nữa Paul lặng lẽ nói, “Tôi đã gặp hắn.”

“Gặp ai?” Morgan hỏi.

“Ernst.”

Morgan trở mắt. “Hắn ở đó à?”

“Hắn vào văn phòng ngay sau khi tôi tới đó.”

“Chà, chúng ta làm gì đây?” Webber nói. “Chúng ta không thể quay vào Phủ Thủ tướng nữa. Làm sao chúng ta biết hẳn sẽ ở đâu?”

“Ồ, điều đó tôi tìm ra rồi,” Paul đáp.

“Tìm được rồi à?” Morgan hỏi.

“Tôi đã có thời gian xem xét bàn làm việc của hẳn trước khi hẳn đến. Hôm nay hẳn sẽ đến Sân vận động.”

“Sân nào?” Morgan hỏi. “Có đến hàng tá sân trong thành phố.”

“Thế vận hội. Tôi đã xem một bản ghi nhớ. Hitler sẽ chụp ảnh các quan chức Đảng cao cấp tại đó chiều hôm nay.” Gã liếc nhìn một tháp đồng hồ gần đó. “Nhưng chúng ta chỉ còn vài giờ nữa để đưa tôi đến đó. Tôi nghĩ chúng tôi sẽ lại cần sự giúp đỡ của anh đấy, Otto.”

“Chà, tôi có thể đưa cậu đến bất kỳ chỗ nào cậu muốn, John Dillinger. Tôi tạo nên những điều kỳ diệu... và cậu trả tiền cho nó. Đó là lý do tại sao chúng ta là những đối tác tốt, dĩ nhiên. Và nói về chuyện này, khoản tiền mặt đô la Mỹ của tôi, làm ơn.” Anh ta sang số chiếc xe tải gầm rú. Tay phải chìa ra, lòng bàn tay ngửa lên cho đến khi Morgan thả vào đó chiếc phong bì.

Một lúc sau, Paul để ý thấy Morgan đang dò xét mình. Ông ta hỏi, “Trông Ernst thế nào? Hẳn có vẻ giống một kẻ nguy hiểm nhất châu Âu không?”

“Hẳn lịch sự, lo lắng, mệt mỏi. Và u buồn.”

“Buồn?” Webber hỏi.

Paul gật đầu, nhớ lại đôi mắt linh hoạt nhưng trĩu nặng của hẳn, đôi mắt của ai đó đang đợi chờ những thử thách gian nan chóng kết thúc.

Mặt trời cuối cùng cũng lặn...

Morgan liếc nhìn những cửa hàng, tòa nhà và cờ quạt trên đại lộ rộng trên phố Under the Lindens. Ông hỏi, “Có thành vấn đề không?”

“Vấn đề?”

“Việc chạm trán hẳn có khiến cậu ngần ngại... làm cái việc cậu tới đây làm không? Có tạo ra sự khác biệt không?”

Paul Schumann muốn thề với Chúa rằng gã đang cảm thấy thế. Việc chạm trán một người gần đến thế, nói chuyện với hẳn sẽ làm tan chảy lớp

băng giá, sẽ khiến gã ngần ngại lấy mạng hẳn. nhưng gã trả lời trung thực.
“Không. Sẽ không có sự khác biệt nào hết.”

Họ nhể nhại mồ hôi vì nóng, Kurt Fischer thậm chí còn toát mồ hôi vì sợ.

Hai anh em chỉ còn cách quảng trường, nơi họ phải gặp Unger hai khối nhà. Ông ta sẽ đưa linh hồn họ rời khỏi đất nước đang chết dần, đoàn tụ với cha mẹ.

Người đàn ông họ tin tưởng bằng cả mạng sống.

Hans cúi người xuống nhặt một viên đá ném ngang trên mặt nước kênh Landwehr.

“Đừng!” Kurt thì thầm qua kẽ răng. “Đừng gây sự chú ý.”

“Thư giãn đi, anh trai. Ném đá chẳng làm người ta chú ý đâu. Ai chẳng làm thế. Trời ả, nóng quá. Chúng ta dừng lại làm cốc bia gừng được không?”

“Trời, mà ý tưởng bọn mình đang đi nghỉ?” Kurt liếc nhìn xung quanh. Không có nhiều người ra ngoài vào giờ này. Vẫn còn sớm, nhưng trời đã nóng như thiêu.

“Xem ai đi theo chúng ta không?” em trai anh hỏi với một chút mỉa mai.

“Mày có muốn ở lại Berlin không? Đã cân nhắc hết chưa?”

“Tất cả những gì em biết đó là chúng ta bỏ nhà bỏ cửa, và sẽ không thấy lại nữa.”

“Nếu chúng ta không bỏ đi thì sẽ không bao giờ gặp lại bố mẹ nữa. Có thể sẽ chẳng bao giờ gặp lại bất cứ ai nữa.”

Hans cau có, nhặt lên một viên đá nữa. Lần này cậu ném viên đá nảy ba lần. “Nhìn này! Anh thấy chưa?”

“Nhanh lên.”

Hai anh em rẽ vào một phố chợ, nơi những quầy hàng đang được dựng lên. Có một số xe tải đỗ trên các phố và vỉa hè. Các xe chất đầy củ cải, củ cải đỏ, táo, khoai tây, cá hồi kênh đào, cá chép và dầu gan cá tuyết. Dĩ

nhiên không hề có những mặt hàng thiết yếu nhất như thịt, dầu ô liu, bơ và đường. Dù thế, nhiều người đang xếp hàng để mua được những món hàng - ngon nhất - hoặc không quá chán.

“Nhìn xem, ông ấy kia rồi,” Kurt nói, băng qua đường tiến đến một xe tải cũ đồ đổi diện quảng trường. Một người đàn ông với mái tóc quăn màu nâu đứng tựa vào xe tải, hút thuốc khi xem qua một tờ báo. Ông ta ngược mắt lên, trông thấy hai chàng trai và khẽ gật đầu, ném tờ báo vào buồng lái.

Khi vấn đề là niềm tin...

Và đôi khi bạn không thất vọng. Kurt đã nghi ngờ rằng ông ta dám xuất hiện.

“Bác Unger!” Kurt nói khi đến gần ông ta. Họ nồng nhiệt bắt tay nhau. “Đây là em trai cháu, Hans.”

“Chà, cháu trông giống hệt bố.”

“Bác bán sô-cô-la à?” chàng trai hỏi, mắt vẫn nhìn xe tải.

“Bác sản xuất và bán kẹo. Bác là giáo sư, nhưng đó không còn là công việc sinh lời nữa. Học tập thì không thường xuyên nhưng ăn kẹo thì liên tục, chưa nói đến chuyện nó an toàn về mặt chính trị. Chúng ta có thể nói chuyện sau. Bây giờ, chúng ta phải ra khỏi Berlin đã. Các cháu có thể ngồi trong buồng lái với bác cho đến khi tới gần biên giới. Sau đó, hai cháu sẽ ngồi vào một chỗ nào đó ở phía sau. Bác thường dùng đá để bảo quản sô-cô-la không bị chảy vào những ngày nóng thế này, các cháu sẽ nằm dưới những tấm bìa bao xung quanh là đá. Yên tâm đi, hai đứa sẽ không bị lạnh cóng đến chết đâu. Bác đã đục mấy cái lỗ bên hông xe tải cho hơi nóng tràn vào rồi. Chúng ta sẽ băng qua biên giới như tuần nào bác cũng làm. Bác quen biết bọn lính gác, thường cho chúng sô-cô-la. Bọn chúng không bao giờ khám xét bác.”

Unger bước ra phía sau xe tải, đóng cửa lại.

Hans trèo vào trong buồng lái, cầm tờ báo lên rồi bắt đầu đọc. Kurt quay người lại, đưa tay lên lau mày, rồi nhìn lại lần cuối cùng thành phố anh đã sống gần trọn cuộc đời. Trong cái nóng và làn sương mù như ở nước Ý, anh nhớ đến chuyến đi tới Bologna với bố mẹ, khi bố anh có đợt giảng dạy hai tuần tại một trường đại học lâu đời ở đó.

Tay thanh niên vừa định quay lại trèo vào buồng lái cùng em trai, thì cả đám đông cùng há hốc mồm kinh ngạc.

Kurt lạnh người, trợn mắt nhìn.

Ba chiếc xe màu đen phanh kít lại quanh xe tải của Unger. Sáu tên nhảy xuống, mặc đồng phục đen của SS.

Không!

“Hans, chạy đi!” Kurt hét lên.

Nhưng hai tên lính SS đã lao đến ghế hành khách trên xe. Chúng mở tung cửa, lôi cậu em trai anh xuống phố. Thằng bé kháng cự lại cho đến khi bị một tên đánh vào bụng bằng dùi cui. Hans kêu lên the thé và ngừng chống cự, lăn tròn trên mặt đất, tay túm chặt lấy bụng. Mấy tên lính kéo cậu ta đứng dậy. “Không, không, không!” Unger gào lên. Cả ông ta lẫn Kurt đều bị xô mạnh vào một bên xe tải.

“Giấy tờ đâu! Chúng mày lộn túi ra.”

Ba kẻ bị bắt liền làm theo.

“Bọn trẻ nhà Fischers,” tên tư lệnh SS nói khi nhìn qua các chứng minh thư của họ, gật đầu xác nhận.

Hai má giàn giụa nước mắt, Unger nói với Kurt. “Bác không phản bội hai đứa. Bác thề bác không làm thế!”

“Hắn không làm đâu,” tên sĩ quan SS nói, rút khẩu Luger ra khỏi bao, tháo chốt an toàn rồi bắn vào đầu ông ta. Unger gục xuống mặt đường, Kurt thở hỗn hển vì khiếp đảm. “Bà ta làm đấy,” tên SS nói thêm, hất đầu về phía mục đàn bà to béo, tuổi trung niên đang thò đầu ra từ cửa kính xe SS.

Giọng của mục chất đầy nỗi giận dữ, rửa xả hai chàng trai. “Bọn phản bội! Đồ con lợn!”

Chính là mục Lutz, góa phụ thời chiến sống cùng tầng chung cư với họ, người phụ nữ vừa mới chúc họ một ngày tốt lành!

Choáng váng, nhìn trừng trừng cái xác mềm oặt của Unger, máu vẫn đang chảy ra xối xả, Kurt nghe thấy tiếng thét không kịp thở của mục, “Lũ lợn ăn cháo đá bát. Tao đã theo dõi chúng mày. Tao biết bọn mày đã làm gì, tao biết đứa nào đã đến căn hộ của bọn mày. Tao đã viết lại những gì tao thấy. Bọn mày đã phản bộ Lãnh tụ của chúng tao!”

Tên tư lệnh SS nhăn mặt giận dữ với mặt ta. Hắn hất hàm lệnh cho tên sĩ quan trẻ hơn buộc mặt ta vào xe.

“Cả hai đưa chúng mày đã vào danh sách một thời gian rồi.”

“Chúng tôi chẳng làm gì cả!” Kurt nhìn trừng trừng bãi máu của Unger, không thể rời ánh mắt khỏi bể máu đỏ ối, thì thầm, “Chẳng làm gì cả. Tôi thề. Chúng tôi chỉ đang cố gắng về bên bố mẹ chúng tôi.”

“Trốn khỏi đất nước bất hợp pháp, chủ nghĩa yêu hòa bình, các hoạt động chống phá Đảng... toàn là các tội nghiêm trọng.” Hắn kéo Hans lại gần hơn, dí khẩu súng ngắn vào đầu cậu ta. Cậu ta khóc thút thít. “Xin đừng, làm ơn!...”

Kurt bước lên phía trước thật nhanh. Một tên lính dẫm mạnh vào bụng, anh gặp người lại. Anh trông thấy tên tư lệnh dí khẩu súng vào gáy cậu em trai.

“Không!”

Tên tư lệnh liếc mắt, ngả người về phía sau để tránh máu và thịt bắn vào người.

“Xin ngài!”

Nhưng một tên sĩ quan khác thì thầm, “Chúng ta có lệnh, thưa ngài. Trong thời gian Thế vận hội phải kiềm chế.” Hắn hất đầu về phía chợ, nơi một đám đông đã tụ tập đứng xem.

“Những người nước ngoài có thể ở đây, có lẽ cả phóng viên nữa.”

Ngần ngừ một lúc lâu, tên tư lệnh nóng ruột làu bàu. “Được rồi. Mang chúng đến Columbia House.”

Cho dù đang từng bước được hủy bỏ để xây dựng trại Oranienburg kín đáo hơn và hiệu quả tàn bạo cao hơn, Columbia House vẫn là nhà giam khét tiếng nhất Berlin.

Hắn hất hàm về phía xác Unger. “Chôn chỗ nào đó đi. Tìm hiểu xem hắn có vợ không, nếu có, gửi cho mặt ta áo sơ mi thấm máu hắn.”

“Rõ, thưa chỉ huy. Với thông điệp gì ạ?”

“Cái áo sơ mi chính là thông điệp.” Tên tư lệnh cất súng vào bao rồi quay lại xe. Hắn thoáng liếc nhìn hai anh em Fischer, nhưng đôi mắt hắn không thực sự nhìn họ, như thể họ đã chết.

“Mày ở đâu thế, Paul Schumann?”

Giống như câu hỏi của ông hôm qua dành cho nghi phạm lúc đó còn nặc danh - Mày là ai? - Willi Kohl hét to và trong cơn phẫn nộ, không hy vọng sẽ có được ngay câu trả lời. Viên thanh tra đã nghĩ rằng việc biết được tên hãn sẽ giúp đẩy nhanh tốc độ vụ này. Nhưng không phải.

Kohl không nhận được câu trả lời nào cho các bức điện tín gửi đến Cục Điều tra Liên bang Mỹ, cũng như ủy ban Olympic Quốc tế. Có chăng là câu trả lời ngăn ngui của Sở Cảnh sát Thành phố New York nói rằng họ sẽ chi xem xét vấn đề này “khi thích hợp”.

Kohl không quen với từ này, nhưng khi tra trong từ điển Anh - Đức của phòng, một cục tức dâng đầy mặt ông. Suốt năm qua, ông đã cảm thấy sự miễn cưỡng từ phía các nhà thi hành luật pháp Mỹ khi cộng tác với Cảnh sát Hình sự Đức. Một phần nguyên nhân do mối ác cảm dành cho Quốc Xã tại Mỹ. Ông tin rằng một phần nữa có thể bắt nguồn từ vụ bắt cóc đứa bé tên Lindbergh. Bruno Hauptmann đã thoát khỏi nơi giam giữ của Cảnh sát tại Đức, sau đó trốn sang Mỹ, nơi hãn sát hại đứa trẻ.

Kohl đã gửi bức điện tín ngăn thứ hai bằng thứ tiếng Anh vụng về của ông, cảm ơn NYPD và nhắc họ về tính khẩn cấp của vấn đề. Ông cảnh báo các lính gác vùng biên giữ Schumann lại nếu gã cố gắng bỏ trốn, nhưng lời cảnh báo chỉ tới được những điểm giao nhau chính.

Chuyến đi thứ hai của Janssen đến làng Thế vận hội cũng không thành công. Paul Schumann không có mối liên hệ chính thức nào với đội tuyển Mỹ. Hãn phải đến Berlin với tư cách một ký giả tự do. Hãn rời khỏi làng Thế vận hội một ngày trước đấy và không ai còn trông thấy hãn kể từ đó, cũng như không ai biết hãn có thể đi đâu. Cái tên Schumann không nằm trong danh sách khách hàng mua đạn Largo hoặc súng Modelo A gần đây. Nhưng điều này không gây ngạc nhiên, vì hãn chỉ đến cùng đội tuyển vào ngày thứ Sáu.

Ngồi đu đưa trên ghế nhìn qua hộp đựng vật chứng, đọc lại những ghi chép bằng bút chì... Kohl ngược mắt lên, thấy Janssen dừng lại ở ngưỡng cửa đang nói chuyện với mấy trợ lý thanh tra trẻ tuổi mặc thường phục khác và các thanh tra học việc.

Kohl nhíu mày trước tiếng nói chuyện bên ly cà phê.

Các sĩ quan trẻ hơn nhìn họ kính nể.

“Hail Hitler.”

“Chào, Thanh tra Kohl.”

“Chào, chào.”

“Chúng tôi đang định đi nghe diễn thuyết. Ông có đi không?”

“Không,” Kohl lau bàu. “Tôi đang làm việc.” Kể từ khi Đảng lên nắm quyền năm 1933, những cuộc nói chuyện dài một tiếng về Chủ nghĩa Phát xít được tổ chức đều đặn tại hội trường chính của Alex. Tất cả các sĩ quan Cảnh sát Hình sự đều phải tham dự. Willi Kohl lãnh đạm hiêm khi có mặt. Buổi nói chuyện cuối cùng ông tham dự đã từ hai năm trước có tựa đề “Hitler, Chủ nghĩa Đạo đức và gốc rễ của thay đổi xã hội căn bản.” Và ông đã ngủ gật.

“Đích thân Lãnh tụ Heydrich có thể xuất hiện đấy.”

“Chưa chắc mà,” một người khác nhiệt tình đế thêm. “Nhưng có thể. Các cậu tưởng tượng được không? Chúng ta có thể được bắt tay ông ấy!”

“Như đã nói, tôi đang làm việc,” Kohl nhìn lướt qua những khuôn mặt trẻ trung, hăng hái của họ. “Cậu có gì rồi, Janssen?”

“Chúc một ngày tốt lành, Thanh tra,” một sĩ quan trẻ hồ hởi nói. Họ quay gót, âm ỉ đi xuống sảnh.

Kohl vẫn nhíu mày nhìn Janssen đang nhăn nhó. “Xin lỗi sếp. Đôi khi các cậu ấy tự dấn với tôi vì tôi dấn với...”

“Tôi à?”

“Vâng, thưa sếp.”

Kohl hất đầu về phía họ, lên tiếng hỏi. “Chúng nó là thành viên à?”

“Của Đảng á? Vâng, vài người.”

Trước khi Hitler lên nắm quyền, theo luật một sĩ quan cảnh sát không được phép là Đảng viên một đảng chính trị. Kohl nói, “Đừng có bị quyến rũ mà hòa theo đấy, Janssen. Cậu nghĩ nó sẽ giúp cho sự nghiệp của cậu nhưng không phải đâu. Sẽ chỉ khiến cậu càng bế tắc hơn trong tấm lưới nhện mà thôi.”

“Vũng bùn đạo đức,” Janssen trích lại câu nói của sếp.

“Đúng thế.”

“Mà tôi có khả năng tham gia hay sao?” cậu ta nghiêm nghị hỏi, trên môi nở nụ cười hiểm hoi. “Làm việc với ngài khiến tôi chẳng có thời gian đi họp nữa.”

Kohl cười đáp lại rồi hỏi, “Giờ thì cậu có gì rồi?”

“Xét nghiệm pháp y vụ ngộ Dresden.”

“Đã đến lúc.” Hai mươi bốn giờ tiến hành xét nghiệm một cái xác. Không thể tha thứ được.

Cậu thanh tra học việc trao cho sếp một tập hồ sơ mỏng chỉ gồm hai trang.

“Cái gì đây? Tên điều tra cái chết bất thường đó vừa xét nghiệm vừa ngủ à?”

“Tôi...”

“Thôi quên đi,” Kohl làu bàu rồi đọc qua tài liệu. Dĩ nhiên như mọi hồ sơ xét nghiệm pháp y khác luôn làm, hồ sơ này viết bằng thứ ngôn ngữ rõ ràng, dày đặc về sinh lý học và hình thái học, nguyên nhân chết là do chấn thương nghiêm trọng trong não do đường đạn đi qua. Không có bệnh tật về tình dục, có một chút dấu hiệu bệnh gút, một chút bệnh viêm khớp và không có vết thương do chiến tranh gây ra. Nạn nhân và Kohl cùng mang những nốt viêm tấy ở kẽ ngón chân cái, những vết chai trên bàn chân nạn nhân cho thấy rằng ông ta thực sự là người đi bộ hăng hái.

Janssen nhìn qua vai Kohl. “Nhìn này sếp, ông ta có một ngón tay gãy hình dạng xấu lắm.”

“Chúng ta không quan tâm chuyện đó, Janssen. Đó là ngón tay út hay bị gãy trong nhiều hoàn cảnh, không phải là hậu quả do chấn thương đặc biệt có thể giúp chúng ta hiểu rõ ông ta hơn. Nếu ngón tay mới bị gãy thì có thể có ích - chúng ta có thể gọi cho các Bác sĩ ở Tây nam Berlin để tìm đầu mối liên quan đến bệnh nhân - nhưng vết này thì cũ rồi.” Ông quay lại với báo cáo.

Lượng cồn trong máu ông ta cho thấy rằng ông ta uống rượu không lâu trước khi chết. Thành phần thức ăn trong dạ dày gồm gà, tỏi, thảo dược, hành, cà rốt, khoai tây, một loại nước súp màu hơi đỏ và cà phê. Dựa vào

mức độ tiêu hoá có thể thấy rằng nạn nhân đã thưởng thức bữa ăn chừng nửa tiếng trước khi chết.

“À,” Kohl rạng rỡ, ghi lại tất cả các thông tin này bằng bút chì vào cuốn sổ tay bé xíu, rách nát của ông.

“Chuyện gì vậy sếp?”

“Đây mới là thứ khiến chúng ta quan tâm này, Janssen. Trong khi chúng ta không thể lạc quan, có vẻ như nạn nhân đã chén một suất ngon trong bữa ăn cuối cùng. Có khả năng là món thịt gà hầm với rượu vang đỏ, một món hảo hạng của Pháp gồm có gà ăn với một loại rượu không chắc có phải vang đỏ không. Thông thường là rượu Burgundy như Chambertin. Chúng ta không thường xuyên trông thấy nó, Janssen. Cậu biết tại sao không? Bởi vì những người Đức làm vang đỏ rất kém, còn người Úc làm vang đỏ tuyệt vời nhưng không gửi nhiều sang cho chúng ta. Đúng rồi, điều này hay đấy.” Ông suy nghĩ một lúc rồi đứng dậy, bước đến chỗ tấm bản đồ Berlin heo trên tường. Tìm thấy một cái ghim, ông gắn nó vào ngõ Dresden. “Ông ta chết ở đây vào buổi trưa trước khi ăn trưa tại một nhà hàng 30 phút trước đó. Cậu nên nhớ ông ta là người hay đi bộ, Janssen, những cơ bắp trên chân ông ta từng khiến tôi xấu hổ, cả những vết chai nữa. Vì thế trong khi ông ta có thể đã bắt taxi, hoặc tàu điện ngầm đến với cuộc gặp gỡ chết người, chúng ta giả sử rằng ông ta đã đi bộ. Cứ du di cho ông ta thêm vài phút hút thuốc sau khi ăn xong... cậu còn nhớ những đầu ngón tay vàng khè của ông ta không?”

“Không hẳn, thưa sếp.”

“Phải chịu khó quan sát hơn đi. Trừ thời gian ông ta hút thuốc, thanh toán rồi uống nốt cốc cà phê, chúng ta sẽ giả sử rằng ông ta đi bộ với đôi chân khỏe mạnh trong 20 phút, trước khi đến ngõ Dresden. Trong thời gian đó, người đi bộ nhanh nhẹn này sẽ đi được bao xa?”

“Tôi sẽ đoán là cây số rưỡi.”

Kohl nhíu mày. “Tôi cũng đoán vậy.” Ông xem xét ghi chú trên bản đồ Berlin, vẽ một hình tròn quanh địa điểm vụ giết người.

Janssen lắc đầu. “Nhìn xem. Nó quá rộng. Chúng ta cần mang ảnh nạn nhân đến mọi nhà hàng nằm trong vòng tròn đó?”

“Không, chỉ những nhà hàng nào phục vụ món thịt gà hầm với rượu vang đỏ vào giờ ăn trưa ngày thứ Bảy. Liếc nhanh qua giờ giấc phục vụ và menu trước mặt, sẽ cho chúng ta biết liệu chúng ta có cần điều tra không. Nhưng đó vẫn sẽ là một nhiệm vụ khó khăn và là nhiệm vụ phải được thực hiện ngay lập tức.”

Cậu sĩ quan trẻ nhìn bản đồ từng từng. “Tùy thuộc vào tôi và sếp đúng không? Chúng ta có thể đến thăm tất cả các nhà hàng này không? Làm sao được chứ?” Cậu ta lắc đầu, chán nản.

“Dĩ nhiên chúng ta không thể.”

“Vậy thì sao?”

Willi Kohl ngồi xuống ghế, liếc mắt nhìn khắp căn phòng, đôi khi dừng lại trên bàn làm việc. Rồi ông đáp, “Cậu ở đây chờ các bức điện tín hay các tin nhắn khác về vụ án nhé, Janssen.” Kohl nhắc chiếc mũ Panama treo trên móc trong góc văn phòng. “Còn tôi thì tôi có một ý tưởng.”

“Sếp sẽ đi đâu?”

“Đi theo dấu chú gà trống Gaulois.”

Chương 23

Bầu không khí háo hức bỗng bành trôi giữa ba người đàn ông trong căn nhà trọ tựa như làn khói lạnh.

Paul Schumann hiểu rõ cảm giác này - từ những khoảnh khắc khi gã đợi chờ được bước vào trong sà n đắm bốc, cố gắng nhớ lại mọi thứ gã biết về đối thủ, hình dung ra những thế phòng thủ của hắn, chọn đâu là thời điểm tốt nhất để ẩn mình, đâu là lúc tốt nhất để kiễng chân lên tung cú đấm thật mạnh hoặc một cú móc, tìm ra cách khai thác điểm yếu của hắn - và cách tốt nhất khắc phục khiếm khuyết của bản thân.

Gã biết rõ điều này từ những thời điểm khác nữa: khi một sát thủ lên kế hoạch hóa kiếp ai đó. Nhìn vào những bản đồ được chính tay gã cẩn thận vẽ ra, kiểm tra hai lần khẩu Colt và súng ngắn dự phòng, xem qua những ghi chú gã đã thu thập về lịch trình sinh hoạt của nạn nhân, những gì hắn thích và không thích, những thói quen sinh hoạt và những người hắn gặp gỡ.

Đây là sự Khởi đầu.

Một Khởi đầu khó khăn, gian nan. Sự tĩnh lặng trước khi giết người. Khoảnh khắc gã nghiền ngẫm những thông tin xen lẫn cảm giác nôn nóng và bức bối. Cả sợ hãi nữa, dĩ nhiên. Bạn không thể nào không sợ hãi. Những sát thủ giỏi cũng thế, trong bất kỳ trường hợp nào.

Và tình trạng tê liệt ngày càng tăng, trái tim gã hóa đá.

Gã đang bắt đầu chạm vào đá.

Trong căn phòng lờ mờ sáng, các ô cửa sổ đóng kín mít, rèm hạ xuống - điện thoại ngắt dây, dĩ nhiên - Paul và Morgan cùng xem qua một bản đồ và hơn hai chục bức ảnh chụp Sân vận động Thế vận hội công khai mà Webber thu thập được, cùng hai chiếc quần dài màu xám nhẵn nhúm vải

flannel cho Morgan. Ban đầu tay người Mỹ còn xem xét một cách hoài nghi, nhưng rồi đã quyết định giữ lại.

Morgan gõ vào một trong những tấm ảnh. “Từ đâu mà anh...?”

“Cho xin một phút thôi,” Webber ngắt lời. Anh ta đứng dậy bước ngang phòng, miệng huýt sáo. Tâm trạng anh ta đang vui vẻ, giờ thì anh ta đang có nghìn đô la trong túi, một thời gian dài sẽ chẳng phải lo đến chuyện mua mỡ lợn rồi thuốc nhuộm vàng.

Morgan và Paul trao nhau những cái cau mày. Tay người Đức quỳ xuống, bắt đầu lôi ra những ghi chép từ cái tủ nằm dưới một chiếc máy hát bị xước. Anh ta nhăn nhó. “Chà, không phải John Phillip Sousa đâu. Tôi tìm đở cả mắt rồi mà không ra,” Anh ta liếc nhìn Morgan. “Tôi bảo này, cậu John Dillinger đây bảo tôi rằng Sousa là người Mỹ. Nhưng tôi nghĩ là cậu ấy đùa. Xin hỏi tay trưởng ban nhạc này là người Anh đúng không?”

“Không, anh ta là người Mỹ,” người đàn ông gầy còm đáp.

“Tôi lại nghe người ta nói khác.”

Morgan nhướn một bên mày. “Có lẽ cậu đúng. Có thể đặt cược là hợp lệ đấy. 100 mác nhé?”

Webber cân nhắc rồi đáp, “Tôi sẽ nghiên cứu vấn đề này sau.”

“Chúng tôi thật sự không có thời gian cho âm nhạc,” Morgan nói thêm, nhìn Webber đang xem xét chông đĩa hát.

Paul nói, “Nhưng tôi nghĩ chúng ta có thời gian che lấp đi tiếng nói chuyện của mình?”

“Chính xác,” Webber nói. “Và chúng ta sẽ sử dụng...” Anh ta quan sát bìa một đĩa hát. “Tuyển tập các ca khúc săn bắn lạnh lùng về nước Đức chúng ta.” Anh bật máy hát lên, đặt cây kim vào rãnh đĩa. Một giai điệu mạnh mẽ, hỗn tạp lấp đầy căn phòng. “Đây là bài ‘Kẻ Săn Hươu’.” Một tiếng cười. “Thích hợp đấy nếu xét đến nhiệm vụ của chúng ta.”

Những kẻ cướp như Luciano và Lansky cũng làm chính xác như thế tại Mỹ - thường chơi nhạc để che lấp đi tiếng nói chuyện của chúng, trong trường hợp những thằng nhóc của Dewey hay Hoover đặt máy nghe lén trong phòng nơi chúng gặp gỡ.

“Nào, ông vừa hỏi gì?”

Morgan, hỏi, “Buổi chụp hình này thực hiện ở đâu?”

“Biên bản ghi nhớ của Ernst nói là phòng họp báo.”

“Tức là ở đây,” Webber nói.

Paul xem bức vẽ thật cẩn thận, nhưng không vui vì Sân vận động rất rộng lớn còn phòng họp báo chắc phải dài hơn 60 mét, nằm gần sân thượng phía Nam của tòa nhà. Anh ta có thể giữ vị trí tại các quầy mặt phía Bắc, nhưng điều ấy có nghĩa là anh ta phải ngắm từ một khoảng cách rất xa toàn bộ chiều rộng cơ sở này.

“Quá xa. Hơi có gió nhẹ, sự méo mó của cửa sổ. Không, tôi không thể đảm bảo được một phát súng chết người. Và tôi có thể bắn phải ai đó.”

“Vậy thì sao?” Webber thờ ơ hỏi. “Có lẽ, cậu có thể bắn Hitler. Hoặc Göring... vì sao, hẳn ta là một mục tiêu to đùng như một quả khinh khí cầu. Thằng mù cũng bắn trúng được.” Anh ta lại nhìn bản đồ. “Cậu có thể nhắm vào Ernst khi hắn xuống xe. Ông nghĩ sao về chuyện đó, Morgan?” Thực tế Webber đã đưa Paul ra vào Phủ Thủ tướng an toàn, khiến tay cầm đầu băng nhóm thực sự chiêm trợn lòng tin của Morgan.

“Nhưng chúng ta không biết chính xác hắn sẽ đến lúc nào và đến đâu,” Morgan nêu rõ. Có đến hàng tá lối đi bộ và đường đi hẳn có thể chọn. “Chúng có thể không dùng lối vào chính. Chúng ta không thể đoán được điều đó, cậu nên nấu mình trước khi hắn tới đó. Toàn bộ đài tưởng niệm Quốc Xã sẽ được bố phòng, an ninh sẽ được thắt chặt.”

Paul tiếp tục nghiên ngẫm bản đồ. Morgan nói đúng. Và từ bản đồ, gã thấy rằng có một đường xe ngầm vào nhà dường như bao quanh toàn bộ Sân vận động, có khả năng dành cho các nhà lãnh đạo sử dụng như các lối vào ra được bảo vệ. Ernst có thể không bao giờ lộ diện bên ngoài.

Họ cùng nhìn chăm chăm một lúc. Một ý tưởng vụt lóe trong đầu Paul, chạm tay vào các bức ảnh, gã giải thích: Những lối đi bộ phía sau Sân vận động không đóng cửa. Rồi khỏi phòng họp hoặc người ta sẽ đi bộ về phía Đông, hoặc về phía Tây dọc theo hành lang này rồi xuống vài bậc cầu thang đến tầng trệt, nơi có bãi đỗ xe. Một đường xe vào nhà rộng rãi và các vỉa hè dẫn vào một nhà ga xe lửa. Cách Sân vận động khoảng 60 mét nhìn

ra bãi đỗ xe và đường xe vào nhà là một dãy các tòa nhà nhỏ, trên bản đồ được ghi là Các Khu Nhà Kho.

“Nếu Ernst bước ra trên lối đi này và xuống cầu thang, tôi có thể bắn hẳn từ khu nhà một tầng đó. Ở đằng kia.”

“Cậu có thể ngắm bắn được không?”

Paul gật đầu. “Có, đơn giản.”

“Nhưng như đã nói, chúng ta không biết liệu Ernst có xuất hiện, hay ra về theo lối đó không.”

“Có thể chúng ta ép hẳn phải lộ diện. Bay vù ra ngoài như một cánh chim.”

“Làm thế nào?” Morgan hỏi.

Paul nói, “Chúng ta bảo hẳn đi ra.”

“Bảo hẳn?” Morgan nhíu mày.

“Chúng ta gửi cho hẳn một tin nhắn trong phòng họp báo rằng có việc gấp cần đến hẳn. Có ai đó muốn gặp riêng hẳn để nói chuyện quan trọng. Hẳn bước ra hành lang trên vỉa hè và lọt vào tầm ngắm của tôi.”

Webber châm một điếu xì gà bắp cải của anh ta. “Nhưng liệu có tin nhắn nào đủ khẩn cấp để buộc hẳn bỏ ngang cuộc gặp với Lãnh tụ, Göring và Goebbels không?”

“Từ những gì tôi biết được thì hẳn bị ám ảnh với công việc của mình. Chúng ta bảo hẳn rằng có một vấn đề liên quan đến quân đội hoặc hải quân. Tôi biết rằng hẳn sẽ chú ý. Thế còn Krupp, công ty sản xuất vũ khí Max kể với chúng ta thì sao? Một tin nhắn từ Krupp có thể là tin khẩn được không?”

Morgan gật đầu. “Krupp. Đúng rồi, tôi nghĩ là có. Nhưng làm sao chúng ta gửi được tin nhắn cho Ernst trong khi hẳn đang trong buổi chụp hình?”

“Chà, đơn giản lắm,” Webber đáp. “Tôi sẽ điện cho hẳn.”

“Như thế nào?”

Anh ta rít một hơi xì gà thứ phẩm. “Tôi sẽ tìm ra số của một trong các điện thoại trong phòng họp báo rồi gọi một cuộc. Việc này thì tôi tự làm. Tôi sẽ đề nghị được gặp Ernst và bảo hẳn rằng có một tài xế đứng dưới nhà có thông điệp cần chuyển. Chỉ chuyển riêng cho hẳn thôi. Tin nhắn của

đích thân Gustav Krupp von Bohlen gửi. Tôi sẽ gọi từ một bưu điện sao cho Gestapo sẽ không có đầu mối nào dẫn đến tôi cả khi gọi lại để tra nguồn gốc cuộc gọi.”

“Làm sao anh tìm được số?” Morgan hỏi.

“Những mối liên hệ.”

Paul hoài nghi hỏi, “Anh có thực sự phải hối lộ ai để lấy số điện thoại không đấy, Otto? Tôi sẽ nghi ngờ một nửa phóng viên thể thao tại Berlin này có số.”

“Chà,” Webber nói, mỉm cười vui vẻ. “Cậu đang nói đúng trọng tâm đấy.” Anh ta quay lại dùng tiếng mẹ đẻ. “Dĩ nhiên đúng là vậy. Nhưng khía cạnh quan trọng nhất của bất kỳ cuộc phiêu lưu nào, đó là phải biết tiếp cận cá nhân nào và cái giá là bao nhiêu.”

“Được,” Morgan bực bội nói. “Thế bao nhiêu? Và nhớ này, chúng tôi không phải là Ngân hàng Thế giới đâu.”

“Thêm một trăm nữa. Tiền mác cũng được. Và tôi sẽ bổ sung thêm mà không đòi phụ phí. Cách vào và ra khỏi Sân vận động, cậu John Dillinger: Một bộ đồng phục SS hoàn chỉnh. Cậu có thể quàng khẩu súng trường trên vai rồi đi thẳng vào Sân vận động như thể cậu là Himmler. Sẽ không ai ngăn cản cậu hết. Luyện cách nói câu ‘Hail Hitler’ và cách chào của Hitler đi, giơ cao cánh tay bệ vệ của cậu lên không trung, như tên Lãnh tụ nước đá dề của chúng ta.”

Morgan nhú mày. “Nhưng nếu họ bắt cậu ta khi giả trang thành lính, chúng sẽ bắn cậu ta vì tội làm gián điệp.”

Paul liếc nhìn Webber, cả hai cùng phá lên cười. Chính tay cầm đầu băng nhóm lên tiếng. “Xin ông đấy, Morgan. Anh bạn chúng ta sắp giết một tên bạo chúa Quốc Xã. Nếu cậu ta bị bắt, cậu ta có thể ăn diện cho George Washington và huýt sáo bài ‘Stars and Stripes Forever’, và họ sẽ bắn cậu ta chết hẳn, ông không nghĩ thế à?”

“Tôi chỉ đang cân nhắc nhiều cách khiến nó kín đáo hơn,” Morgan cầu nài.

“Không, đó là một kế hoạch hay, Reggie,” Paul nói. “Sau buổi chụp hình, chúng sẽ đưa tất cả các quan chức quay về Berlin càng nhanh càng

tốt. Tôi sẽ đi cùng đám lính gác bảo vệ chúng. Một khi vào được thành phố, tôi sẽ trốn vào đám đông.” Sau đó, gã sẽ lên vào tòa nhà Đại sứ quán gần Cổng Brandenburg gửi điện báo cho Avery và Manielli tại Amsterdam, họ sẽ cử một máy bay đến sân bay nhỏ đón gã.

Khi đôi mắt họ quay lại nhìn các bản đồ Sân vận động, Paul quyết định đã đến lúc. Gã nói, “Tôi muốn nói với ông một chuyện. Có người khác nữa đi cùng tôi.”

Morgan liếc nhìn Webber, anh ta phá lên cười. “Lạy Chúa, ông đang nghĩ gì thế? Rằng tôi có thể sống ở bất kỳ đâu ngoài cái Vườn Eden của Phổ này sao? Không, không. Tôi sẽ chỉ rời nước Đức lên thiên đàng thôi.”

Paul nói, “Một người phụ nữ.”

Morgan mím chặt môi. “Người ở đây.” Hất đầu về phía tiền sảnh của nhà trọ.

“Đúng vậy. Là Käthe.” Paul nói thêm, “Ông đã gặp mặt cô ấy. Ông biết cô ấy có lý do chính đáng.”

“Cậu đã nói với cô ta những gì?” tay người Mỹ lo lắng hỏi.

“Bọn Gestapo đã giữ hộ chiếu của cô ấy, sẽ chỉ là vấn đề thời gian cho đến khi chúng bắt cô ấy.”

“Chỉ là vấn đề thời gian cho đến khi chúng bắt rất nhiều người ở đây. Cậu đã nói gì với cô ta, Paul?” Morgan hỏi lại

“Chỉ là câu chuyện vô bực của chúng ta về ký giả thể thao. Thế thôi.”

“Nhưng...”

“Cô ấy đến với tôi,” gã nói.

“Tôi nên gọi về Washington hoặc cho ngài Thượng Nghị sĩ.”

“Cứ gọi cho anh ta nếu ông thích. Cô ấy sẽ đi.”

Morgan nhìn Webber.

“Chà, tôi đã kết hôn ba lần rồi, có khả năng là bốn,” tay người Đức nói. “Và giờ tôi có một... sự dàn xếp phức tạp. Đừng xin lời khuyên của tôi về vấn đề của trái tim.”

Morgan lắc đầu. “Chúa tôi, chúng ta đang bàn một dịch vụ hàng không đấy.”

Ánh mắt Paul nhìn xoáy vào tay người Mỹ. “Một điều nữa: tại Sân vận động, tôi sẽ chỉ có hộ chiếu Nga làm chứng minh thư thôi. Nếu tôi không làm được, cô ấy sẽ không bao giờ biết đã xảy ra chuyện gì. Liệu ông sẽ nói với cô ấy đôi lời - về chuyện tôi phải bỏ đi chứ? Tôi không muốn cô ấy nghĩ rằng tôi đào mỏ cô ấy. Và làm những gì ông có thể để đưa cô ấy ra ngoài.”

“Dĩ nhiên.”

“Chà, cậu sẽ làm được mà, cậu John Dillinger. Cậu là chàng cao bồi Mỹ với hai viên bi to, đúng không?” Webber lau trán dấm mồ hôi. Anh ta đứng dậy tìm thấy ba cái ly trong tủ chè. Từ một bình rượu bỏ túi, anh ta rót vào ly thứ chất lỏng trong vắt rồi đưa cho từng người. “Rượu mạnh của Úc đây. Hai người nghe nói đến chưa? Rượu ngon nhất trong tất cả các loại rượu, tốt cho máu và cho tâm hồn. Uống đi nào các quý ông, rồi chúng ta ra ngoài và thay đổi số phận đất nước tội nghiệp của chúng ta.”

“Tôi sẽ cần anh tìm được càng nhiều càng tốt,” Willi Kohl nói.

Người đàn ông thận trọng gật đầu. “Vấn đề thực sự không phải ở chỗ tìm được họ. Việc này thì dễ thôi. Vấn đề là ở chỗ chuyện này rất không bình thường. Thực sự chưa từng có tiền lệ.”

“Thì là bất thường mà,” Kohl đồng tình. “Gần đúng như vậy. Nhưng Chỉ huy trưởng Lực lượng Cảnh sát Himmler đã nhận định đây là một vụ bất thường, là một vụ quan trọng. Các sĩ quan khác phải tỏa ra khắp thành phố này giải quyết các vấn đề cấp bách ngang nhau, nên ông ấy chỉ còn mình tôi lo việc này được thôi. Thế nên tôi mới đến chỗ anh.”

“Himmler à?” Johann Muntz hỏi. Người đàn ông trung niên đứng trên ngưỡng cửa căn nhà nhỏ trên phố Grün tại Charlottenburg. Mày râu nhẵn nhụi và mặc vest trông như thể ông ta vừa đi lễ nhà thờ về vào buổi sáng Chủ nhật. Chắc chắn đó là chuyến đi đầy rủi ro nếu muốn giữ lại công việc hiệu trưởng của một trong những trường học tốt nhất Berlin.

“Như anh biết đấy, chúng rất tự do. Hoàn toàn tự lập. Tôi không thể độc tài chút nào đối với chúng. Chúng có thể nói không. Và tôi chẳng làm gì được cả.”

“À, Tiến sĩ Muntz, tôi chỉ xin một cơ hội đề nghị chúng, với hy vọng chúng sẽ tình nguyện giúp đỡ vì công lý thôi mà.”

“Nhưng hôm nay là Chủ nhật. Làm sao tôi gọi chúng được?”

“Tôi nghi ngờ anh chỉ cần gọi cho giáo viên chủ nhiệm, cậu ta sẽ thu xếp tập hợp cả lớp.”

“Rất tốt. Tôi sẽ gọi ngay, thưa Thanh tra.”

Bốn mươi lăm phút trôi qua, Willi Kohl thấy mình đứng trong sân sau nhà Muntz, nhìn lướt qua gương mặt hơn hai chục thằng bé. Nhiều đứa trong số này mặc áo sơ mi nâu, quần soóc và đi tất trắng, cà vạt đen rủ xuống từ cái vòng da bện treo trên cổ họng. Những đứa trẻ hơn chiếm phần đa là các thành viên của Đội thanh niên Hitler thuộc Trường Hindenburg. Như tay hiệu trưởng nhà trường vừa nhắc nhở Kohl, tổ chức này hoàn toàn không chịu bất kỳ sự giám sát nào của người lớn. Các thành viên tự bầu ra những kẻ đứng đầu, tự quyết định các vấn đề trong nhóm của mình như đi bộ đường dài, bóng đá hay đi tố cáo những kẻ đâm sau lưng.

“Hail Hitler,” Kohl nói và ông được chào đón bằng một số cánh tay giơ cao và tiếng vọng ầm ĩ đến ngạc nhiên của câu chào. “Tôi là Thanh tra Cao cấp Kohl, Cảnh sát Hình sự”

Một số gương mặt lộ rõ những ánh mắt ngưỡng mộ. Vài gương mặt trẻ hơn vẫn lãnh đạm như gương mặt người chết trong ngõ Dresden.

“Ta cần các cháu hỗ trợ đấy mạnh hơn nữa Chủ nghĩa Phát xít. Một vấn đề có cấp ưu tiên cao nhất.” Ông nhìn một thằng bé tóc vàng trẻ trung, nó tự giới thiệu với ông tên mình là Helmut Gruber, Kohl nhớ lại ông là thành viên của đội Hindenburg. Nó nhỏ con hơn những đứa khác, nhưng ở thằng bé toát ra sự tự tin của người lớn. Một nét nghiêm khắc, cứng cỏi dằng dấy trong mắt, khi nó nhìn lại chăm chăm người đàn ông lớn hơn nó ba mươi tuổi. “Thưa ngài, chúng tôi sẽ làm bất cứ điều gì cần thiết giúp Lãnh tụ và đất nước của chúng ta.”

“Tốt, Helmut. Giờ lắng nghe đây, mọi người. Các cháu có thể nghĩ đây là một đề nghị lạ lùng. Ở đây ta có hai tập tài liệu. Một tập là bản đồ khu vực gần Tiergarten. Bản đồ còn lại là ảnh người đàn ông chúng ta đang cố gắng nhận diện. Được viết phía dưới bức ảnh là tên món ăn đặc biệt người đó đã gọi tại một nhà hàng, tên là món ‘coq au vin’. Một cái tên Pháp. Các cháu không cần biết phát âm nó như thế nào. Tất cả những gì các cháu cần làm là đến từng nhà hàng trong khu vực được khoanh tròn trên bản đồ, tìm hiểu xem cơ sở nào mở cửa ngày hôm qua, xem món ăn ấy có nằm trong thực đơn bữa trưa không. Nếu có, các cháu hãy hỏi Giám đốc nhà hàng có biết người trong bức ảnh này, hoặc có nhớ được ông ta đã từng dùng bữa tại đó gần đây không. Nếu có, hãy liên hệ với ta tại trụ sở Cảnh sát Hình sự ngay lập tức. Các cháu sẽ làm chứ?”

“Vâng, thưa Thanh tra Kohl, bọn cháu sẽ làm,” Trưởng nhóm Gruber tuyên bố, không buồn hỏi ý kiến cả đội.

“Tốt. Lãnh tụ sẽ rất tự hào về các cháu. Giờ ta sẽ phát cho các cháu những tờ này.” Ông ngừng lại, bắt gặp ánh mắt của một học sinh đặc biệt ở phía sau, một trong số vài đứa trẻ không mặc đồng phục. “Một vấn đề nữa. Tức là các cháu phải đảm bảo kín đáo về một chuyện.”

“Kín đáo ư?” thằng bé nhú mày hỏi.

“Phải. Tức là các cháu phải giữ kín thông tin ta sắp chia sẻ cho các cháu. Ta đến đây nhờ các cháu hỗ trợ bởi vì con trai ta Günter, đứng phía sau kia.” Vài chục cặp mắt đổ dồn về phía thằng bé. Vài phút trước Kohl đã gọi nó về nhà, hướng dẫn thằng bé đến nhà hiệu trưởng. Günter đỏ bừng mặt, mắt nhìn xuống đất. Bố nó nói tiếp. “Ta nghi ngờ các cháu không biết rằng con trai ta sau này sẽ hỗ trợ ta trong những vấn đề an ninh đất nước nghiêm trọng. Mà đây là lý do ta không thể cho phép nó gia nhập tổ chức tốt đẹp của các cháu. Ta mong muốn nó sẽ vẫn đứng sau hậu trường, như nó đã làm. Bằng cách này, nó sẽ có thể tiếp tục giúp ta làm việc vì vinh quang của Tổ quốc. Vui lòng giữ kín thông tin này giữa các cháu thôi. Các cháu sẽ làm thế chứ?”

Đôi mắt Helmut vẫn lạnh lùng khi liếc nhìn lại Günter, có lẽ nó đang nghĩ về những trò Aryan và Do Thái gần đây lẽ ra không nên chơi. “Dĩ

nhiên ạ, Thanh tra Kohl,” nó đáp.

Kohl nhìn con hai và nụ cười tươi vui gượng ép của nó, rồi nói. “Giờ thì xếp hàng một đơn giản, ta sẽ phát cho các cháu các giấy tờ này. Con trai ta cùng Trưởng nhóm Gruber sẽ quyết định các cháu chia nhóm như thế nào.”

“Vâng, thưa ngài. Hail Hitler.”

“Hail Hitler.” Kohl ép mình phải chào với cánh tay mạnh mẽ vươn dài. Ông phát tài liệu cho hai thằng bé và nói thêm. “Ồ, các quý ông này?”

“Vâng, thưa ngài,” Helmut đáp, muốn được chú ý.

“Để ý giao thông. Nhìn xe cẩn thận mỗi khi sang đường đấy.”

Chương 24

Gã gõ cửa, cô mở khóa cho gã vào phòng mình.

Käthe dường như xấu hổ với không gian sống trong căn nhà trọ. Những bức tường tróc lở, không có cây cối, đồ nội thất ọp ẹp, hoặc cô hoặc ông chủ nhà đã dọn hết những món đồ còn tốt vào các phòng cho thuê. Cũng như chẳng còn đồ đạc cá nhân nào cả. Có thể cô đã đem hết tài sản của mình đi cầm. Ánh mặt trời chiếu lên tấm thảm phai màu, tấm thảm cũng chỉ còn là một hình thang nhỏ nhoi, cô đọc và nhợt nhạt, ánh nắng được phản chiếu từ ô cửa sổ đối diện con ngõ.

Thế rồi cô phá lên cười rất nữ tính, vòng tay ôm choàng lấy gã. Cô hôn gã thật sâu. “Người anh có mùi khác lắm. Em thích thế.” Cô ngửi ngửi trên mặt gã.

“Kem cạo râu à?”

“Có lẽ thế, đúng rồi.”

Gã có dùng một ít kem tìm thấy trong nhà vệ sinh của Đức, thay vì dùng thương hiệu Burma quen thuộc. Gã sợ tên lính gác có thể nghi ngờ, nếu hửi ngửi thấy mùi kem cạo râu xa lạ của Mỹ.

“Đẹp lắm.”

Gã thấy một chiếc va li nằm trên giường. Cuốn sách Goethe nằm trên mặt bàn mòn xơ bên cạnh là một cốc cà phê pha loãng. Có thứ gì đó trắng trắng đang nổi trên bề mặt, gã hỏi cô có phải đây là sữa vắt từ bò Hitler ra không.

Cô phá lên cười bảo rằng Quốc Xã nuôi nhiều lừa lắm, nhưng theo cô biết chúng không tạo ra những con bò phế phẩm. “Ngay cả sữa xịn cũng vón cục khi để quá lâu.”

Rồi gã lên tiếng, “Đêm nay chúng ta sẽ đi.”

Cô gật đầu, nhú mào. “Đêm nay à? Khi mà anh bảo ‘ngay lập tức’ ra là vậy.”

“Anh sẽ gặp em ở đây lúc 5 giờ.”

“Giờ anh sẽ đi đâu?” Käthe hỏi.

“Chỉ là cuộc phỏng vấn cuối cùng thôi.”

“Chúc may mắn, Paul. Em sẽ chờ được đọc bài viết của anh, ngay cả... à nếu nó là một bài viết về chợ đen, chứ không phải thể thao.” Cô ném sang gã cái nhìn hiểu biết. Dĩ nhiên, Käthe là một người phụ nữ thông minh, cô ấy nghi ngờ gã có việc khác ngoài viết báo - có thể là hùn vốn làm ăn bán hợp pháp* gì đó, giống như một nửa thành phố này. Điều này khiến gã nghĩ rằng cô đã chấp nhận mặt đen tối của gã - rằng cô sẽ không buồn lắm nếu cuối cùng gã nói thật cho cô nghe mình đang làm gì ở đây. Rốt cuộc, kẻ thù của gã cũng là kẻ thù của cô.

Gã hôn cô một lần nữa, thưởng thức mùi hương tử đinh hương của cô, cảm thấy làn da cô tì vào làn da gã. Nhưng không giống như đêm qua, gã cảm thấy gã không bị kích thích một chút nào. Cho dù điều này không khiến gã buồn, đó là cách mọi thứ diễn ra. Bên trong gã bây giờ chỉ còn băng giá.

“Sao mẹ ấy có thể phản bội chúng ta?”

Kurt Fischer trả lời câu hỏi của em trai bằng cái lắc đầu tuyệt vọng.

Cả anh cũng thấy đau đớn khi nghĩ đến câu mẹ hàng xóm của họ đã nói. Tại sao là mẹ Lutz! Mẹ từng được mẹ họ tặng nguyên cả ổ bánh mì ngọt ấm áp, bao nhiêu là trái cây khô tẩm đường mỗi dịp Giáng Sinh, người mà cha mẹ họ luôn phải an ủi mỗi khi bà than khóc trong lễ kỷ niệm quân Đức đầu hàng - ngày đó được xem là ngày thay thế cho ngày chồng bà ta chết trong Thế Chiến thứ I. Vì chẳng ai biết chính xác ông ta mất vào ngày nào.

“Sao mẹ ta có thể làm thế?” Hans lại thì thầm.

Nhưng Kurt Fischer không thể giải thích.

Nếu mục tổ cáo họ vì họ đang lên kế hoạch đả các áp phích chống đối, hay tấn công vài tên thanh niên Hitler nào đó, có lẽ anh đã hiểu. Nhưng tất cả những gì họ muốn chỉ là rời khỏi đất nước có tên Lãnh tụ đã nói, “Chủ nghĩa Hòa bình là kẻ thù của Chủ nghĩa Quốc Xã.” Anh cho rằng giống như nhiều người khác, mục Lutz đã bị Hitler tiêm nhiễm nọc độc vào đầu.

Trần nhà tù tại Columbia House rộng khoảng 9 mét vuông, được xây bằng đá thô kệch, không có cửa sổ, chỉ có những thanh kim loại làm cửa ra vào mở lên hành lang. Nước nhỏ xuống và hai thanh niên nghe thấy tiếng đàn chuột gần đây đang rục rịch chuyển động. Chỉ có một bóng đèn sáng chói trên trần xà lim. Tuy nhiên trong hành lang không có bóng người nên họ có thể thấy vài cái bóng sẫm màu thi thoảng đi qua. Đôi khi những tên lính gác đi một mình, đôi khi chúng hộ tống các tù nhân đi chân trần, không phát ra bất kỳ âm thanh gì ngoài những tiếng thở hổn hển, van xin hoặc nức nở chốc chốc lại vang lên. Thi thoảng, sự câm lặng vì khiếp sợ của họ còn lạnh xương sống hơn những tiếng ồn họ tạo ra.

Cái nóng thật không chịu đựng nổi khiến da họ nhứt nhối. Kurt không thể hiểu nổi tại sao họ đang ở dưới lòng đất và nơi này đáng ra phải mát mẻ. Rồi anh nhận ra trong góc có một cái ống khí nóng đang được phun mạnh vào qua cái ống. Bọn cai ngục đang bơm khí nóng vào từ một cái lò, để chắc chắn rằng tù nhân thậm chí chẳng có được một khắc nào cảm thấy dễ chịu.

“Chúng ta lẽ ra không nên đi.” Hans lẩm bẩm. “Em đã bảo rồi.”

“Phải, lẽ ra chúng ta nên ở lại trong căn hộ - nó hẳn sẽ cứu mạng chúng ta.” Anh đang nói với ý mỉa mai sắc sảo. “Đến khi nào? Tuần tới? Ngày mai? Em không hiểu rằng mục ta đang rình chúng ta à? Mục ta đã thấy mọi người, nghe thấy những gì chúng ta nói.”

“Chúng ta sẽ ở đây bao lâu?”

Làm sao anh trả lời được chứ? Kurt nghĩ, họ đã ở một nơi mọi khoảnh khắc sẽ là mãi mãi. Anh ngồi xuống sàn - chẳng còn chỗ nào mà ngồi nữa - khi bắt đầu nhìn lơ đãng vào bóng tối, xà lim trống không đối diện hành lang nhìn từ xà lim của họ.

Cửa ra vào bật mở, những đôi giày khua trên sàn bê tông.

Kurt bắt đầu đếm những bước chân - một, hai, ba...

Đến bước chân thứ hai mươi tám, tên lính gác sẽ đến đúng xà lim của họ. Đếm bước chân là một việc anh học được khi trở thành một tù nhân. Những người bị giam cầm sẽ cực kỳ thèm khát bất kỳ thông tin nào, bất kỳ sự chắc chắn nào.

Hai mươi, hai mươi mốt, hai mươi hai...

Hai anh em nhìn nhau. Hans nắm chặt tay lại thành nắm đấm. “Chúng sẽ phải đau đớn. Chúng sẽ phải nếm mùi máu,” cậu ta lẩm bẩm.

“Không,” Kurt nói. “Đừng làm bất kỳ điều gì ngu ngốc.”

Hai mươi nhăm, hai mươi sáu...

Những bước chân dừng lại.

Chớp mắt vì ánh sáng đèn trên đầu, Kurt trông thấy hai tên to lớn mặc đồng phục nâu nữa xuất hiện. Chúng nhìn hai anh em.

Rồi chúng quay đi.

Một trong hai tên mở cửa xà lim đối diện, sẵn giọng gọi, “Grossman, bước ra ngoài.”

Bóng tối trong xà lim cử động. Kurt giật mình nhận ra mình đang nhìn chăm chăm một người khác. Người đàn ông lão đảo đứng dậy bước về phía trước, tựa vào các thanh kim loại. Người ông ta bần thiêu. Nếu khi vào trong này ông ta mày râu nhẵn nhụi, vậy thì râu tóc lởm chởm trên mặt nói với Kurt rằng, ông ta đã vào xà lim ít nhất một tuần rồi.

Người tù chớp mắt, nhìn xung quanh, nhìn hai tên cao lớn rồi nhìn Kurt bên kia lối đi.

Một trong hai tên lính nhìn vào một tờ giấy. “Ali Grossman, mày bị tuyên án 5 năm ở trại Oranienburg vì những tội ác chống lại Nhà nước. Bước ra ngoài.”

“Nhưng tôi...”

“Câm mồm. Mày sẽ được chuẩn bị lên đường đến trại.”

“Họ đã khử rận cho tôi rồi. Ý hai người là sao?”

“Tao bảo câm mồm!”

Một tên lính thì thầm gì đó với tên kia, hắng đáp, “Cậu không mang theo à?”

“Không.”

“Rồi đây, dùng của tớ vậy.”

Hắn đưa đôi găng tay da nhạt màu cho tên kia, hắn đeo vào. Với tiếng hét của một tay vợt đang vọt một quả giao bóng mạnh, nắm đấm của hắn nhắm thẳng vào bụng người đàn ông. Grossman kêu lên, bắt đầu nôn ọe.

Nắm tay của tên lính đánh vào cằm ông ta, không một tiếng động.

“Không, không, không.”

Thêm nhiều cú đánh nữa nhắm vào các mục tiêu như háng, mặt và bụng. Máu chảy xuống từ dưới mũi và miệng, những giọt lệ chảy xuống từ hai mắt. Giọng điệu khó nhọc. “Xin ngài.”

Trong nỗi kinh hoàng, hai anh em nhìn con người bị biến thành con búp bê nát vụn. Tên lính gác đang đánh nhìn đồng bọn của hắn rồi nói, “Tớ rất tiếc đôi găng. Vợ tớ sẽ giặt sạch rồi sửa chúng lại.”

“Nếu thấy tiện.”

Chúng kéo người đàn ông đứng dậy, lôi ông ta lên hành lang. Cánh cửa vọng lại âm thanh điếc tai.

Kurt và Hans trừng trừng nhìn xà lim trống không. Kurt không nói câu nào. Anh tin rằng mình chưa bao giờ thấy khiếp sợ như thế trong đời. Cuối cùng Hans hỏi, “Ông ta có lẽ đã làm điều gì đó thật khủng khiếp, anh có nghĩ thế không? Mới bị đối xử như thế.”

“Một kẻ phá hoại, anh nghĩ vậy,” Kurt nói bằng giọng run rẩy.

“Em nghe nói có vụ hỏa hoạn trong một tòa nhà Chính phủ. Bộ Giao thông vận tải. Anh có nghe nói không? Em dám cá ông ta đứng sau vụ đó.”

“Phải. Một vụ hỏa hoạn. Ông ta chắc chắn là kẻ phóng hỏa.”

Họ ngồi tê liệt trong con khiếp đảm, khi dòng không khí nóng đến rộp da sau lưng họ vẫn tiếp tục hun nóng xà lim bé tí.

Chưa đầy mười phút sau, họ lại nghe thấy tiếng cửa mở rồi đóng sầm lại. Hai anh em liếc nhìn nhau.

Những bước chân bắt đầu vang lên, vọng khi lớp da tiếp xúc với lớp bê tông... sáu, bảy, tám...

“Em sẽ giết tên ở bên phải,” Hans thì thầm. “Tên mập hơn. Em làm được. Chúng ta có thể lấy được chìa khóa và...”

Kurt vươn người lại gần hơn, khiến thằng bé choáng váng khi túm chặt mặt nó bằng hai tay. “Không!” anh thì thầm chói tai đến mức khi em trai thở hỗn hển. “Không được làm gì hết. Mà sẽ không đánh nhau với chúng, không được cãi lại. Mà sẽ làm chính xác những gì chúng bảo. Và nếu chúng có đánh mà, mà sẽ phải chịu đau trong im lặng.” Tất cả những suy nghĩ trước kia như chống lại bọn Quốc Xã hay cố gắng tạo ra sự khác biệt đều đã biến mất.

“Nhưng...”

Những ngón tay như gọng kìm của Kurt kéo Hans lại gần hơn. “Mà sẽ làm như tao bảo!”

.. .mười ba, mười bốn...

Những tiếng bước chân nghe như tiếng búa gõ lên quả chuông Thế vận hội, từng tiếng một khiến cơn hốt hoảng vì sợ rung lên trong tâm hồn Kurt Fischer.

.. .mười bảy, mười tám...

Đến bước chân thứ hai mươi sáu, chúng sẽ đi chậm lại.

Đến bước chân thứ hai mươi tám, chúng sẽ dừng lại.

Và máu sẽ bắt đầu tuôn ra.

“Anh đang làm em đau đấy!” Nhưng ngay cả những cơ bắp mạnh mẽ của Hans cũng không giúp cậu thoát được bàn tay của anh trai.

“Nếu chúng đánh vào răng của mà, thì không được nói gì hết. Nếu chúng bẻ gãy ngón tay, mà có thể khóc, van và la hét. Nhưng không được nói gì với chúng. Chúng ta sẽ vượt qua được chuyện này. Mà có hiểu không? Để sống sót, chúng ta không thể đánh lại.”

Hai mươi hai, hai mươi ba, hai mươi tư...

Một cái bóng phủ xuống sàn xà lim phía trước những chấn song.

“Hiểu chưa?”

“Rồi,” Hans thì thầm.

Kurt vòng tay ôm lấy vai người em, họ cùng nhìn ra cửa.

Chúng dừng lại ở xà lim.

Nhưng chúng không phải là lính gác. Một tên có mái tóc bạc mặc bộ vest. Tên kia nặng nề hơn, hói đầu, mặc comple may bằng vải tuyết và áo gi-

lê. Họ quan sát hai anh em.

“Hai người là anh em nhà Fischer?” người đàn ông tóc bạc hỏi.

Hans nhìn Kurt, anh gật đầu.

Hắn rút ra một tờ giấy từ trong túi rồi đọc. “Kurt,” Hắn ngược mắt lên. “Chắc cậu đây là Kurt. Còn cậu là Hans”.

“Vâng.”

Chuyện gì đây?

Người đàn ông ngược nhìn lên lối đi. “Mở cửa xà lim.”

Thêm nhiều tiếng bước chân. Tên lính gác xuất hiện, liếc nhìn vào trong rồi mở khóa cửa. Hắn bước lùi lại, đặt tay lên chiếc dùi cui lắc lư trên thắt lưng.

Hai người bước vào trong.

Người tóc bạc nói, “Tôi là Đại tá Reinhard Ernst.”

Kurt không lạ gì cái tên này. Hắn ta giữ vai trò gì đó trong chính quyền Hitler cho dù anh không biết chính xác là vai trò nào. Người thứ hai tự giới thiệu mình là Giáo sư-tiến sĩ Keitel, từ trường Đại học quân sự nào đó ở Berlin.

Tên Đại tá hỏi, “Hồ sơ bắt giữ các cậu nói rằng ‘những tội ác chống lại Nhà nước’. Nhưng chung chung quá. Chính xác đó là những tội ác gì?”

Kurt giải thích về cha mẹ họ và việc họ cố gắng rời khỏi đất nước trái luật.

Ernst nghiêng đầu, nhìn hai chàng trai chăm chú. “Chủ nghĩa Hòa bình,” hắn lẩm bẩm rồi quay sang Keitel, ông ta hỏi, “Hai cậu có tham gia các hoạt động chống Đảng không?”

“Không, thưa ngài.”

“Hai cậu có tham gia Edelweiss Piraten không?”

Đây là những Câu lạc bộ chống Quốc Xã không chính thức của thanh niên, vài người nói họ là những băng đảng đứng lên phản ứng lại sự thành lập Đoàn thanh niên Hitler thiếu suy nghĩ. Họ tổ chức những buổi gặp gỡ bí mật thảo luận về các hoạt động chính trị và nghệ thuật - thử qua những lạc thú của cuộc đời mà Đảng cấm đoán ít nhất là công khai như: rượu chè, hút

thuốc và tình dục ngoài hôn nhân. Hai anh em biết một vài thanh niên là thành viên nhưng họ thì không.

“Có vẻ như tội này nhỏ thôi, tuy nhiên,” - Ernst lôi ra một tờ giấy - “hai cậu đã bị tuyên án 3 năm ở trại Oranienburg.”

Hans thở hỗn hển. Kurt thấy choáng váng, nghĩ đến trận đòn kinh khủng họ vừa được chứng kiến, nghĩ đến ông Grossman tội nghiệp bị đánh đến mức phải phục tùng. Kurt cũng biết rằng đôi khi có những người đến Oranienburg hoặc Dauchau để thụ án một thời gian ngắn, nhưng họ không bao giờ về nữa. Anh nói lấp bắp, “Chẳng có phiên tòa nào hết! Chúng tôi bị bắt đã hơn một tiếng rồi! Và hôm nay là Chủ nhật. Làm sao chúng tôi có thể bị tuyên án như thế?”

Tên Đại tá nhún vai. “Như cậu thấy đấy, đã có một phiên tòa.” Ernst trao cho anh một tài liệu liệt kê hàng tá tên các tù nhân, tên của Kurt và Hans nằm trong số này. Năm kế bên tên mỗi người là một tràng bản án. Tiêu đề tài liệu chỉ ghi đơn giản “Tòa án Nhân dân.” Đây là tòa án khét tiếng bao gồm 2 thẩm phán thật và 5 thành viên của Đảng, SS hoặc Gestapo. Không được phép kháng án phán quyết của họ.

Anh nhìn nó trừng trừng, tê liệt.

Tay giáo sư nói. “Sức khỏe của hai cậu nói chung là tốt chứ?”

Hai anh em nhìn nhau, rồi gật đầu.

“Là người Do Thái thực sự chứ?”

“Không.”

“Và hai người có tham gia Dịch vụ Lao động không?”

Kurt đáp, “Em trai tôi thì có. Tôi già quá rồi.”

“Về vấn đề trước mắt,” Giáo sư Keitel nói, “chúng tôi tới đây trao cho hai người một lựa chọn.” Ông ta có vẻ sốt ruột.

“Lựa chọn?”

Ernst hạ thấp giọng xuống rồi nói tiếp. “Vài người trong Chính phủ của chúng ta nghĩ rằng các cá nhân đặc biệt không nên tham gia vào quân đội của chúng ta. Có lẽ vì chủng tộc hay quốc tịch nhất định nào đó của họ, có lẽ họ là những trí thức, có lẽ họ có ý định nghi ngờ những quyết định của chính phủ chúng ta. Tuy nhiên, tôi tin rằng một quốc gia cũng phải vĩ đại

như quân đội của nó, rằng một quân đội nếu muốn vĩ đại thì quân đội đó phải là đại diện của tất cả mọi công dân. Giáo sư Keitel và tôi đang làm một nghiên cứu mà chúng tôi nghĩ sẽ giúp thay đổi cách nhìn của Chính phủ về các lực lượng vũ trang Đức.” Hẳn lại liếc nhìn về phía hành lang, nói với tên lính gác SS. “Để chúng tôi lại một mình.”

“Nhưng thưa ngài...”

“Để chúng tôi lại một mình,” Ernst nhắc lại bằng giọng bình thản, nhưng đối với Kurt nó mạnh mẽ như sản phẩm thép của Krupp.

Hẳn ta lại liếc nhìn Kurt và Hans rồi lui xuống hành lang.

Ernst nói tiếp. “Và nghiên cứu này có thể quyết định về cơ bản Chính phủ đánh giá thế nào về công dân của họ nói chung. Chúng tôi đã, đang tìm kiếm những người gặp phải hoàn cảnh như hai cậu để giúp chúng tôi.”

Tay giáo sư nói, “Chúng tôi cần những người khỏe mạnh không phải tham gia nghĩa vụ quân sự vì những lý do chính trị, hoặc lý do khác.”

“Vậy chúng tôi sẽ làm gì?”

Ernst bật cười. “Thì dĩ nhiên các cậu sẽ thành những người lính. Các cậu sẽ phục vụ trong quân đội, hải quân hoặc không quân Đức trong vòng một năm, đều đặn làm nhiệm vụ.”

Hẳn liếc nhìn tay giáo sư, ông ta nói tiếp. “Nghĩa vụ của các cậu sẽ giống như bất kỳ người lính nào. Khác biệt duy nhất đó là chúng tôi sẽ giám sát thành tích của các cậu. Các sĩ quan chỉ huy của các cậu sẽ ghi chép về các cậu. Thông tin sẽ được biên soạn để chúng tôi phân tích.”

Ernst nói, “Nếu các cậu phục vụ trong một năm, hồ sơ phạm pháp của các cậu sẽ được xóa sạch.” Hẳn hất đầu về phía danh sách tuyên án của tòa. “Các cậu sẽ được tự do xuất cảnh nếu muốn. Tuy nhiên, các quy định về tiền tệ vẫn được giữ nguyên. Các cậu chỉ có thể dùng một số tiền mác nhất định, không được phép quay về nước.”

Kurt đang suy nghĩ về một câu anh đã nghe vừa nãy. *Có lẽ vì chúng tộc hay quốc tịch nào đó của họ...* Phải chăng Ernst thấy trước rằng người Do Thái, hoặc những ai không phải người Aryan ngày nào đó tham gia vào quân đội Đức?

Và nếu thế, điều này có ý nghĩa gì đối với quốc gia nói chung? Những người này muốn nói đến những thay đổi gì?

“Các cậu là những người theo Chủ nghĩa Hòa bình,” Ernst nói. “Những người tình nguyện khác đồng ý giúp đỡ chúng tôi không phải lựa chọn khó khăn như các cậu. Về mặt đạo đức, một người yêu hòa bình có thể tham gia một tổ chức quân sự không? Đúng là một quyết định khó khăn. Nhưng chúng tôi muốn hai người tham gia. Trông hai người có vẻ ngoài của dân Bắc Âu nhưng lại có sức khỏe tuyệt vời và phong thái của chiến binh. Có những người như hai cậu tham gia, tôi tin rằng các thành phần quyết định trong Chính phủ sẽ thiên về hướng chấp nhận các lý thuyết của chúng tôi.”

“Về những niềm tin của hai người,” Keitel nói thêm. “Tôi sẽ nói thế này. Trở thành một giáo sư tại mọi trường đại học quân sự và là một sử gia quân sự, tôi thấy chúng ngây thơ lắm. Nhưng chúng tôi sẽ cân nhắc những tình cảm và những bổn phận của các cậu trong thời gian phục vụ sẽ tương xứng với những quan điểm của các cậu. Chúng tôi chẳng ép buộc những người sợ độ cao phải lái máy bay, hay bắt một người sợ bị giam giữ trong không gian kín xuống xem tàu đắm. Có nhiều công việc trong quân ngũ mà một người yêu hòa bình có thể đảm nhiệm. Chẳng hạn như Quân y.”

Ernst nói, “Và như tôi đã nói, sau một thời gian các cậu có thể thấy rằng những cảm xúc của mình về hòa bình, về chiến tranh trở nên thực tế hơn. Không còn môi trường nào thử thách sự trưởng thành của một người đàn ông khắc nghiệt hơn môi trường quân ngũ, tôi cảm thấy vậy.”

Không thể nào, Kurt nghĩ. Nhưng anh không nói gì.

“Nhưng nếu niềm tin của các cậu không cho phép điều đó,” Ernst nói, “các cậu vẫn có một lựa chọn.” Hắn hất đầu về phía hồ sơ tuyên án.

Kurt liếc nhìn em trai. “Chúng tôi có thể thảo luận riêng không?”

Ernst đáp, “Hắn rồi. Nhưng các cậu chỉ có vài giờ thôi. Có một nhóm đang được tuyển vào cuối buổi chiều nay, đợt huấn luyện cơ bản sẽ bắt đầu vào ngày mai.” Hắn xem đồng hồ đeo tay. “Bây giờ, tôi phải đi họp. Tôi sẽ quay lại đây vào hai hoặc ba giờ để nghe quyết định của các cậu.”

Kurt trả lại hồ sơ tuyên án cho Ernst.

Nhưng tên Đại tá lắc đầu. “Giữ lại đi. Nó có thể giúp các cậu đưa ra quyết định.”

Chương 25

Còn cách khu buôn bán kinh doanh Berlin 20 phút nữa, vừa đi qua Charlottenburg, chiếc xe tải màu hắng rẽ về phía Bắc tại Adolf Hitler Plaza, ngồi sau tay lái là Reggie Morgan. Ông cùng Paul Schumann ngồi đằng sau nhìn sang phía bên trái. Hai cây cột vuông góc khổng lồ dựng phía trước mặt, 5 vòng tròn Thế vận hội đáng bay dập dờn giữa hai cột.

Khi chiếc xe rẽ trái vào phố Olympic, một lần nữa Paul để ý kích thước to lớn của khu phức hợp. Căn cứ theo các biển chỉ đường, gần Sân vận động chính là một khu bơi lội, một sân băng chơi hockey, một nhà hát, một bãi nhỏ cùng nhiều căn nhà phụ và các khu đỗ xe. Sân vận động có màu trắng, dài và cao chót vót, nó không gợi Paul nhớ đến một công trình nào, cũng như chẳng nhớ đến một chiếc tàu chiến vừng vàng nào.

Dưới đất đã ken đặc người, phần lớn là công nhân và những người đưa hàng, nhưng cũng có nhiều bảo vệ và lính gác mặc đồng phục đen và xám, bảo vệ an ninh cho các nhà lãnh đạo Quốc Xã tham dự buổi chụp ảnh. Nếu Bull Gordon và Thượng Nghị sĩ muốn Ernst phải chết trước bàn dân thiên hạ, thì đây là nơi thực hiện điều đó.

Dường như có thể lái thẳng lên quảng trường trước mặt Sân vận động. Nhưng đối với một trung úy SS (chức danh này là món quà tính tế của Otto Webber, miễn phụ phí) dĩ nhiên sẽ gây nghi ngờ khi bước xuống từ một chiếc xe riêng. Nên họ quyết định đi vòng quanh Sân vận động. Morgan sẽ thả Paul xuống dưới bóng mấy cái cây gần một bãi đỗ xe. Từ đây gã sẽ ‘đi tuần’, xem xét các xe tải và công nhân, chậm rãi tiến đến nhà kho nhìn ra văn phòng họp báo về phía Nam sân vận động.

Lúc này, chiếc xe tải tránh khỏi đường bộ, tiến lên một trảng cỏ rậm rì, lắc lư đến điểm dừng khuất tầm nhìn từ Sân vận động. Paul xuống xe và lắp khẩu Mauser. Gã tháo ống ngắm khỏi khẩu súng trường - nó không phải là món phụ tùng một tên lính gác cần có - rồi bỏ tọt vào túi. Gã quàng khẩu súng lên vai, đội mũ sắt đen lên đầu.

“Trông tôi thế nào?” Paul hỏi.

“Đủ xác thực để làm tôi sợ đấy. Chúc cậu may mắn.”

Mình sẽ cần nó, Paul nghĩ dứt khoát, dòm qua những cái cây vào các nhóm công nhân trên sân. Họ đã sẵn sàng phát hiện một kẻ đột nhập, hàng trăm tên lính gác sẽ hạnh phúc được bắn gục gã.

Cuộc đua sáu chọi năm...

Trời ạ. Gã liếc nhìn Morgan, cảm thấy kích động muốn chào ông ta theo kiểu người Mỹ, như hai cựu chiến binh chào lẫn nhau. Nhưng dĩ nhiên Paul Schumann hoàn toàn nhận thức được vai trò của mình. ‘Chào.’ Gã giơ thẳng tay lên. Morgan rún cười và chào lại.

Khi Paul quay người bước đi, Morgan dịu giọng nói, “Ôi, đợi đã, Paul. Khi tôi nói chuyện với Bull Gordon và Thượng Nghị sĩ sáng nay, họ đã chúc cậu may mắn. Và ngài tư lệnh muốn nói với cậu rằng, cậu có thể in thiệp mời đám cưới của con gái ông ta như công việc đầu tiên của cậu. Cậu biết như thế nghĩa là gì không?”

Paul gật đầu, nắm chặt dây đeo súng Mauser, gã bắt đầu bước về phía Sân vận động. Gã bước qua một hàng cây vào bãi đỗ xe rộng rãi, chắc phải đủ chỗ cho 20.000 chiếc xe. Gã bước đi với trách nhiệm và sự quyết tâm, ánh mắt sắc lẹm liếc nhìn về phía những chiếc xe đỗ ở đây, từng li từng li đều có lính gác cẩn mật.

Mười phút sau, Paul đi qua bãi đỗ xe đến lối vào dốc lên Sân vận động. Ở đây có những tên lính đang làm nhiệm vụ, cẩn thận kiểm soát giấy tờ và khám xét bất kỳ ai muốn đi vào, nhưng trên mặt đất xung quanh, Paul chỉ đơn thuần là một tên lính khác và không ai để ý đến gã. Với câu chào “Hail Hitler” thi thoảng cất lên cùng những cái gật đầu, gã đi vòng quanh tòa nhà thẳng tiến đến nhà kho. Gã đi qua một quả chuông sắt khổng lồ, trên một

bên quả chuông có khắc dòng chữ: “Ta Triệu Hồi Sức Trẻ Đến Với Thế Giới Này.”

Khi đến gần nhà kho, gã để ý nó không có cửa sổ. Không có cửa sau, lối thoát sau khi nổ súng sẽ rất khó tìm. Gã sẽ phải thoát ra bằng cửa trước nhìn ra toàn cảnh Sân vận động. Nhưng gã nghi ngờ những âm thanh trong sân sẽ gây khó khăn khi tìm hiểu tiếng súng phát ra từ đâu. Thêm vào đó là nhiều âm thanh của công trường thi công - tiếng các máy đóng đinh, tiếng cưa, tiếng máy tán đinh và đại loại thế - sẽ át đi tiếng nổ của súng trường. Paul sẽ chậm rãi bước ra khỏi nhà kho sau khi bắn, dừng lại nhìn xung quanh, thậm chí kêu gọi giúp đỡ, nếu có thể làm thế mà không gây nghi ngờ.

Bây giờ là một rưỡi chiều. Otto Webber hiện đang ở bưu điện Potsdam Plaza, sẽ gọi vào lúc khoảng hai giờ mười lăm. Còn khối thời gian.

Gã đi tản bộ thật chậm, xem xét dưới mặt đất, nhìn ngó những chiếc xe đang đỗ.

“Hail Hitler,” gã nói với một số người lao động cởi trần đến eo lưng, đang sơn hàng rào. “Đúng là một ngày nóng nực để làm việc thế này.”

“Ôi dào, có là gì đâu,” một người đáp. “Và nếu thế thì cũng có làm sao? Chúng tôi làm việc vì Tổ quốc của chúng tôi mà.”

Paul nói, “Lãnh tụ tự hào về các anh đấy.” Rồi gã tiếp tục đi với mặt nạ của mình.

Gã liếc nhìn tò mò vào trong nhà kho, như thể tự hỏi có mối đe dọa an ninh nào không. Đeo găng tay da là một phần đi kèm bộ đồng phục, gã mở cửa nhà kho rồi bước vào trong. Nơi này đầy những thùng carton bìa cứng buộc bằng dây bện. Paul ngay lập tức nhận ra cái mùi hôi gã còn là một thợ in: mùi hăng hăng của giấy, mùi ngọt ngào của mực. Nhà kho từng được sử dụng bảo quản các chương trình hoặc những cuốn sách nhỏ lưu niệm của Thế vận hội. Gã sắp xếp mấy chiếc hộp để dọn vị trí bàn phía trước cửa nhà kho. Sau đó, gã trải chiếc áo jacket sang bên phải, nơi gã sẽ nằm xuống để bắt lấy các viên đạn bắn ra khi gã lên đạn. Những tiểu tiết này - lấy lại các vỏ đạn và để ý dấu vân tay - có lẽ không trở thành vấn đề nghiêm trọng. Gã không có tiền án tiền sự gì ở đây và sẽ thoát khỏi đất nước này khi đêm

xuống. Nhưng dù sao đi nữa, gã sẽ không gây ra rắc rối gì hết, đơn giản bởi đây là nghệ thuật của gã.

Bạn chắc chắn mọi thứ đều ổn.

Bạn phải kiểm tra lại hành vi của mình.

Đứng thẳng trong tòa nhà nhỏ, gã quét khắp Sân vận động qua kính ngắm súng trường. Gã để ý hành lang mở phía sau phòng họp báo nơi Ernst sẽ đi qua để lên cầu thang rồi xuống gặp người đưa tin Webber đã nói. Gã sẽ có được tầm bắn hoàn hảo ngay khi tên Đại tá bước ra khỏi ngưỡng cửa. Có cả những ô cửa sổ lớn nơi gã có thể bắn xuyên qua, nếu hắn dừng lại trước một trong những ô cửa này.

Bây giờ là một giờ năm mươi phút.

Paul ngồi thẳng dậy, hai chân khoanh lại, đặt khẩu súng lên lòng. Mồ hôi đang chảy từng giọt xuống trán gã như những dòng suối nhỏ làm gã buồn buồn. Gã lau mặt bằng ống tay áo sơ mi rồi bắt đầu lắp kính ngắm vào súng trường.

“Cháu nghĩ sao, Rudy?”

Nhưng Reinhard Ernst không đợi thằng nhóc trả lời. Thằng bé đang nhìn chăm chăm với nụ cười ngưỡng mộ sự hoành tráng của Sân vận động Thế vận hội. Họ đang ở trong khu họp báo dài trên mặt phía Nam của tòa nhà phía trên lễ đài của Hitler. Ernst đỡ thằng bé đứng thẳng để có thể nhìn qua cửa sổ. Rudy thực sự nhảy cẫng lên vì phấn khích.

“Chà, ai thế này?” một giọng nói cất lên.

Ernst quay lại, thấy Adolf Hitler cùng hai tên lính gác SS bước vào phòng.

“Lãnh tụ.”

Hitler bước đến, mỉm cười với thằng bé.

Ernst nói, “Đây là Rudy, cháu trai của tôi.”

Một nét đồng cảm thoáng qua gương mặt Lãnh tụ cho Ernst biết rằng y đang nghĩ đến cái chết của Mark do tai nạn khi huấn luyện. Ngay tức khắc,

Ernst ngạc nhiên khi nó được nhớ đến nhưng nhận ra rằng lẽ ra không nên thế. Tâm trí của Hitler rộng bao la như Sân vận động Thế vận hội, nhanh đến khủng khiếp và lưu lại mọi thứ hấn ước gì không nên lưu lại thì hơn.

“Nói lời chào với Lãnh tụ của chúng ta đi nào, Rudy. Chào người như ta đã dạy cháu.”

Thằng bé chào theo kiểu Quốc Xã thuần thực, Hitler phá lên cười sung sướng, xoa đầu Rudy. Lãnh tụ bước gần hơn đến cửa sổ, và nhận xét về một số đặc điểm của Sân vận động, nói chuyện bằng một giọng nhiệt tình. Hitler hỏi thằng bé chuyện học hành của nó, những môn học nào nó thích và môn thể thao nào nó đam mê.

Thêm nhiều tiếng nói nữa trong tiền sảnh. Hai kẻ cựu thù Goebbels và Göring sánh bước cùng nhau. Chắc phải có động cơ nào rồi đây, Ernst nghĩ và tự cười với mình.

Sau thất bại tại Phủ Thủ tướng sáng hôm đó, Göring vẫn chưa hết choáng. Ernst có thể thấy rõ điều này, bất chấp nụ cười của gã trên môi. Đúng là sự khác biệt giữa hai kẻ quyền lực nhất tại Đức... Những cơn thịnh nộ của Hitler phải thừa nhận là cực đoan nhưng hiếm khi bắt nguồn từ những vấn đề cá nhân. Nếu thứ nước sô-cô-la ưa thích của y không có sẵn, hoặc khi đập căng chân vào bàn, y sẽ gạt ngay vấn đề đó ra khỏi đầu một cách nhẹ tênh. Nhưng đối với vấn đề đất nước thì trái ngược hoàn toàn, cơn nóng giận của y đủ sức khiến ngay cả những người bạn thân nhất cũng khiếp đảm. nhưng một khi vấn đề được giải quyết, y lại quên ngay để chuyển sang vấn đề khác. Göring thì trái lại. Gã giống như đứa trẻ phàm ăn. Bất kể điều gì diễn ra trái ý gã, sẽ khiến gã tức điên lên, âm ỉ trong tim gã như một cái nhọt đến chừng nào nghĩ ra được đòn trả thù thích hợp.

Hitler đang giải thích với thằng bé về các sự kiện thể thao sẽ diễn ra trong các khu vực của Sân vận động. Ernst thích thú khi thấy ẩn dưới nụ cười rộng ngoác kia, cơn thịnh nộ của Göring đang ngày càng tăng khi chứng kiến Lãnh tụ đang chú ý đến cháu trai kẻ thù của gã.

Hơn mười phút sau, các quan chức bắt đầu lục tục đến. Von Blomberg, Bộ trưởng Quốc phòng và Hjalmar Schacht, người đứng đầu Ngân hàng nhà nước, ông ta đã cùng với Ernst phát triển một hệ thống tài trợ phức tạp

cho các dự án tái vũ trang sử dụng nguồn vốn không thể truy ra được có tên là “Mefo bills*.” Tên lót của Schacht là Horance Greeley đặt theo tên Mỹ, Ernst thường hay trêu gheo nhà kinh tế tuyệt vời này về việc có gốc rễ cao bồi. Tiếp theo là Himmler, Ruldof Hess mặt vô cảm và Reinhard Heydrich với con mắt rắn, người lơ đãng chào Ernst cũng như cách hãnh chào mọi người.

Tay chụp ảnh tỉ mỉ sắp đặt chiếc máy ảnh Leica và trang thiết bị khác, sao cho lấy được hết những người đứng dưới sân và cảnh sân vận động đằng sau nhưng không bị ngược sáng trên những ô cửa sổ. Ernst vốn là người ưa thích với nhiếp ảnh. Bản thân hẳn cũng sở hữu vài máy Leica và đang lên kế hoạch mua cho Rudy một máy Kodak được nhập từ Mỹ, để sử dụng hơn nhiều so với các máy ảnh chính xác của Đức. Viên đại tá đã ghi lại hình ảnh những chuyến đi của hẳn và gia đình. Đặc biệt là Paris và Budapes được lập thành tài liệu cẩn thận, cũng như với những ngày lưu trú đi bộ đường dài tạm thời trong Rừng Đen, hay chuyến đi bằng thuyền xuôi dòng Danube.

“Tốt, tốt,” lúc này tay thợ chụp ảnh lên tiếng gọi. “Chúng ta bắt đầu được rồi.”

Hitler ban đầu khăng khăng phải chụp cùng Rudy, y cho thằng bé ngồi lên đầu gối mình, phá lên cười và trò chuyện với nó như một người chú tốt bụng. Sau đó, kế hoạch chụp ảnh ban đầu mới được thực hiện.

Cho dù gã hài lòng khi thấy Rudy vui, Ernst đang càng lúc càng thấy nóng ruột. Gã thấy chuyện phô trương này thật ngớ ngẩn. Hơn thế, đó là một lỗi chiến thuật tồi - cả ý tưởng tổ chức Thế vận hội tại Đức này cũng vậy. Có quá nhiều khía cạnh tái vũ trang lẽ ra phải được giữ bí mật. Du khách nước ngoài có gốc đâu mà không thấy đây là một quốc gia quân sự đang trở nên mạnh hơn qua mỗi ngày?

Những ánh đèn vụt tắt, khi dàn nhân vật tiếng tăm của ĐỆ TAM ĐẾ CHẾ nhìn thẳng vào máy ảnh với những nét mặt tươi cười, suy tư hay lo lắng. Khi Ernst không ra chụp ảnh, hẳn nói chuyện với Rudy, hoặc đứng một mình và trong tâm trí hẳn đang soạn ra nội dung lá thư gửi cho Lãnh tụ về Nghiên cứu Waltham, cân nhắc điều gì nên nói và điều gì không nên.

Đôi khi bạn không thể chia sẻ tất cả...

Một tên bảo vệ SS xuất hiện trên ngưỡng cửa. Hắn nhận ra Ernst bèn cất tiếng gọi, “Ngài Bộ trưởng.”

Một số mái đầu ngoảnh lại.

“Ngài Bộ trưởng Ernst.”

Viên đại tá thấy thú vị khi Göring tức tối, chính thức thì Ernst không phải là một Bộ trưởng nhà nước.

“Chuyện gì?”

“Thưa ngài, ngài có điện thoại từ Thư ký của Gustav Krupp von Bohlen. Có vấn đề anh ta cần thông báo cho ngài ngay lập tức. Có chuyện quan trọng nhất, liên quan đến cuộc họp mới đây nhất của ngài.”

Lúc đó, họ đã thảo luận chuyện gì mà khẩn cấp thế nhỉ? Vũ trang cho các tàu chiến là một chủ đề. Nhưng dường như không quan trọng lắm. Nhưng giờ đây nước Anh đã chấp nhận số lượng tàu chiến mới của Đức, có lẽ Krupp gặp phải vấn đề đáp ứng hạn ngạch sản xuất. Nhưng rồi gã tự nhủ, không phải, nam tước không hề được thông báo về chiến thắng liên quan đến hiệp ước này. Krupp vừa là một nhà tư bản vừa là một kỹ thuật viên xuất chúng. Nhưng ông ta cũng là một kẻ hèn nhát, luôn tránh xa Đảng. Cho đến khi Hitler lên nắm quyền, ông ta liền thay đổi đến mất hết lý trí. Ernst ngờ rằng cuộc khủng hoảng chưa phải là điều tệ nhất. Tuy nhiên Krupp và con trai ông ta quan trọng với những kế hoạch tái vũ trang đến mức không thể làm ngơ được.

“Ngài có thể nhận cuộc gọi trên một trong những đường dây ở đó. Tôi sẽ nối máy cho ngài.”

“Thứ lỗi cho tôi một lát, thưa Lãnh tụ.”

Hitler gật đầu rồi quay lại thảo luận về góc máy với tay thợ chụp ảnh.

Một lúc sau, một trong số nhiều điện thoại treo tường đổ chuông. Một cái đèn nhấp nháy cho biết đó là chiếc nào, Ernst nhấc máy.

“A lô? Đại tá Ernst nghe.”

“Đại tá. Tôi là Stroud, một trợ lý của Nam tước Von Boden. Thật xin lỗi ngài vì đã quấy rầy. Ông ta đã gửi cho ngài ít tài liệu để ngài xem xét. Một người lái xe đã mang nó đến Sân vận động nơi ngài đang có mặt.”

“Những tài liệu về gì?”

Ngập ngừng một lát. “Ngài nam tước dặn tôi không được nói về điều này qua điện thoại.”

“Rồi, rồi, không sao. Tay lái xe đứng ở đâu?”

“Trên đường xe vào nhà mặt phía Nam Sân vận động. Anh ta sẽ gặp ngài tại đó. Tốt hơn là nên kín đáo. Ý tôi nói là một mình, thưa ngài. Đây là những chỉ dẫn.”

“Phải, dĩ nhiên.”

“Hail Hitler.”

“Chào.”

Ernst đặt lại ống nghe vào chỗ cũ. Göring đã theo dõi hẩn như một con chim ưng béo phì. “Có vấn đề à, Bộ trưởng?”

Tên đại tá tự nhủ không bận tâm đến giọng điệu vừa thông cảm hời hợt vừa mỉa mai trong danh xưng đó. Hẩn dối trá thừa nhận, “Krupp đang có vài rắc rối. Ông ta gửi tin nhắn cho tôi về việc đó.” ‘

Là nhà chế tạo vũ trang, pháo binh và đạn dược cơ bản, Krupp quan hệ với Ernst và các tư lệnh hải quân, quân đội nhiều hơn so với Göring, người chỉ có chuyên môn về lĩnh vực hàng không.

“Chà.” Tên to béo quay người nhìn vào chiếc gương tay thợ chụp ảnh cung cấp. Một ngón tay gã đưa lên quanh mặt, tút lại lớp trang điểm.

Ernst vừa định bước ra cửa.

“Ông ơi, cháu đi cùng ông được không?”

“Dĩ nhiên rồi, Rudy. Lối này.”

Thằng bé hồi hả chạy theo. Hai ông cháu cùng bước vào hành lang trong thông đến tất cả các phòng họp báo. Ernst vòng tay ôm lấy vai thằng nhóc. Hẩn tự định hướng và nhận ra một cánh cửa dẫn vào một trong các cầu thang phía Nam. Họ cùng bước về phía đó. Ban đầu, gã nghĩ vấn đề không quá nghiêm trọng, nhưng thực ra gã đang càng lúc càng thấy bối rối. Sản phẩm thép Krupp được thừa nhận là tốt nhất thế giới, đường xoắn ốc của tòa nhà Chrysler tráng lệ tại Thành phố New York đã sử dụng sản phẩm thép Enduro KA-2 danh tiếng của công ty ông ta. Nhưng điều này cũng có nghĩa là các nhà hoạch định quân sự nước ngoài đang theo dõi rất cẩn thận

các sản phẩm và năng suất của Krupp. Hẳn tự hỏi liệu Anh và Pháp có biết được bao nhiêu sản phẩm thép của ông ta được dành hết cho vũ trang, hơn là dành cho đường ray, máy giặt hay ô tô.

Hai ông cháu đi qua đám đông các công nhân, quản đốc đang nhiệt tình hoàn thiện công trường thi công ở đây trên tầng có phòng họp báo, cắt các cánh cửa cho vừa cỡ, gắn lắp phần cứng, phủ cát và sơn các bức tường. Khi họ di chuyển lắt léo quanh một khu làm việc của thợ mộc, Ernst nhăn nhó liếc nhìn xuống cánh tay hẳn.

“Ông ơi, ông làm sao thế?” Rudy hét lên át tiếng cửa.

“À cháu xem này. Nhìn xem người ông có cái gì này.” Có một ít vữa bắn lên cánh tay.

Hẳn cố gắng phui bụi đi nhưng vẫn không hết. Hẳn tự hỏi có nên nhúng ngón tay vào nước để lau sạch không. Nhưng làm thế có thể khiến vữa bám dính trên quần áo lâu hơn. Gertrud sẽ không vui nếu điều đó xảy ra. Tốt hơn cứ để nguyên đó. Hẳn đặt tay lên nắm cửa bước ra lối đi bộ bên ngoài dẫn lên cầu thang.

“Đại tá!” Một giọng nói vọng đến tai hẳn.

Ernst quay người lại.

Tên bảo vệ SS chạy đến sau lưng hẳn, hét lên át tiếng cửa rền rĩ. “Thưa ngài, đàn chó của Lãnh tụ đang ở đây. Người đang hỏi xem cháu trai của ngài có thích chụp ảnh cùng lũ chó không.”

“Chó ạ?” Rudy phấn khích hỏi.

Hitler rất thích những con chó chăn cừu Đức và đã nuôi vài con. Chúng là những con vật vui vẻ, những thú cưng trong nhà.

“Cháu có thích không?” Ernst hỏi.

“Có ạ, cháu đi nhé.”

“Đừng đùa quá trớn với chúng nhé.”

“Vâng ạ.”

Ernst dẫn thằng bé quay xuống sảnh, nhìn nó chạy đến với lũ chó đang hít người quanh phòng và khám phá. Hitler phá lên cười thấy đứa bé ôm lấy con to hơn, hôn lên trán nó. Con chó liếm mặt Rudy bằng cái lưỡi to tướng. Với một chút khó khăn, Göring cúi xuống cũng vỗ về những con thú, một

nụ cười như trẻ thơ nở trên gương mặt lão. Cho dù về nhiều mặt, lão là kẻ không có trái tím, nhưng tên Bộ trưởng vẫn dành tình yêu nhiệt tình đối với động vật.

Sau đó, Viên đại tá quay lại hành lang, một lần nữa bước đến cánh cửa ngoài cùng. Hắn lại phủi lớp bụi vừa bám trên tay áo, rồi dừng lại phía trước một trong những ô cửa sổ lớn, hướng về phía Nam và nhìn ra bên ngoài. Ánh nắng chan hòa chiếu xuống người hắn. Hắn đã để quên mũ trong phòng họp báo. Có nên đi lấy không nhỉ?

Không, hắn nghĩ. Việc này sẽ...

Hơi thở của hắn tắc nghẽn trong phổi khi cảm thấy người mình như bị đánh một cú đau điếng, thấy mình ngã nhào xuống tấm vải che mặt sàn đá hoa, thở hồng hộc vì đau... bối rối, khiếp hãi... Nhưng khi ngã xuống sàn, một ý nghĩ rõ ràng nhất xuất hiện trong tâm trí hắn: Cả bộ đồ của mình dính sơn rồi! Gertrud sẽ nói gì về chuyện này ?

Chương 26

Munich House là một nhà hàng nhỏ cách Tier-garten mười khu phố về phía Tây bắc và cách ngõ Dresden năm khu phố.

Willi Kohl đã ăn ở đây vài lần, ông còn nhớ mình đã thưởng thức món ragu Hungary có bổ sung thêm hạt cây carum và nho khô, ngoài những món khác. Kèm bữa ăn, ông còn uống rượu vang đỏ Blaufrankish của Áo ngon hết sảy.

Chiếc DKW của ông và Janssen đỗ trước cửa nhà hàng, Kohl quăng thẻ cảnh sát lên bảng táp lô để chống đỡ mấy tên Cảnh sát Đô thị háo hức, được vũ trang bằng mấy cuốn sách nhỏ về tội phạm giao thông.

Gạt tàn thuốc ra khỏi chiếc tàu bằng đất sét trắng, Kohl lao vào nhà hàng. Konrad Janssen chạy theo ông. Bên trong nhà hàng được trang trí theo phong cách Bavaria: gỗ nâu và vữa stucco vàng, với các đường viền hoa dàn dàn bằng gỗ ở khắp mọi nơi, được sơn và chạm khắc một cách vụng về. Căn phòng thơm mùi gia vị chua chua và thịt nướng. Kohl ngay lập tức cảm thấy đói, ông mới chỉ ăn bữa sáng hôm đó và chẳng ăn thêm gì ngoài bánh nướng và cà phê. Khói thuốc dày đặc vì giờ ăn trưa đang dần kết thúc, mọi người thay những đĩa ăn trống trơn bằng cà phê và thuốc lá.

Kohl thấy con trai ông, Günter đang đứng cạnh đội trưởng Đoàn thanh niên Hitler, và hai đứa trẻ vị thành niên khác mặc đồng phục của nhóm. Đoàn thanh niên tiếp tục đội mũ theo phong cách sĩ quan quân đội, ngay cả khi đã vào trong nhà hàng, hoặc muốn tỏ thái độ vô lễ hoặc do ngu dốt.

“Ta nhận được tin nhắn của các cháu rồi.”

Giơ cao cánh tay trong tư thế chào, đội trưởng Đoàn thanh niên Hitler nói, “Hail Hitler, Thanh tra Kohl. Bọn cháu đã nhận ra người ông đang tìm.” Nó giơ lên tấm ảnh xác chết phát hiện trong ngõ Dresden.

“Bây giờ cháu có nhận diện được không?”

“Có, thưa ngài.”

Kohl liếc nhìn Günter và trông thấy hai cảm xúc trái ngược trên mặt con trai. Nó vừa tự hào vì địa vị của mình được thăng tiến trong Đoàn thanh niên, vừa không vui vì Helmut không cho lục soát nhà hàng. Thanh tra tự hỏi liệu tình huống này có mang lại lợi ích kếp không - đối với ông là xác định được người chết, với con trai, là bài học về thực tế cuộc sống giữa những kẻ Quốc Xã.

Ông quản lý nhà hàng có vóc dáng chắc nịch, hói đầu, mặc bộ vest màu đen xám nhạt, áo gi-lê sọc vàng xoàng xĩnh đứng nghiêm chào Kohl. Khi lên tiếng, rõ ràng là ông ta lo lắng. Đoàn thanh niên Hitler nằm trong số những kẻ tố cáo nhiệt huyết nhất. “Thanh tra ạ, con trai ông cùng đám bạn nó đây đang tra hỏi về người này.”

“Phải, phải. Và ông, à ngài là...?”

“Gerhard Klemp. Tôi là quản lý, làm nghề này 16 năm rồi.”

“Có phải người này hôm qua ăn trưa ở đây không?”

“Vâng, ông ta đã ăn ở đây. Và gần như ba ngày một tuần. Lần đầu tiên ông ta đến là mấy tháng trước. Ông ta nói rằng mình thích đến đây, vì chúng tôi chuẩn bị nhiều món chứ không chỉ riêng đồ ăn Đức.”

Kohl muốn bọn nhóc biết càng ít về vụ giết người càng tốt, nên ông nói với con trai cùng đám Đoàn thanh niên Hitler, “À cảm ơn con trai. Cảm ơn cháu, Helmut.” Ông hất đầu về phía những đứa khác. “Chúng ta sẽ lo tiếp từ đây. Các cháu đã ghi công cho đất nước rồi đấy.”

“Cháu sẽ làm bất kỳ điều gì vì Lãnh tụ của chúng ta, thưa Thanh tra,” Helmut nói bằng chất giọng tương xứng với lời tuyên bố. “Chúc một ngày tốt lành, thưa ngài.” Một lần nữa thẳng bé lại giơ tay lên. Kohl nhìn cánh tay con trai cũng giơ cao tương tự. Đáp lại, thanh tra cũng chào theo kiểu Quốc Xã thật nghiêm chỉnh “Chào.” Kohl không buồn để ý đến cái nhìn thích thú thoáng qua của Janssen trước cử chỉ của ông.

Bọn trẻ con bỏ đi, cười nói âm ỉ, dường như sự thay đổi không khiến chúng nghi ngờ, vẫn hồn nhiên và hạnh phúc, rũ bỏ hình ảnh thường ngày của chúng - những con rô bốt máu lạnh như trong phim khoa học viễn

tưởng Metropolis của Fritz Lang. Ông bắt gặp ánh mắt con trai, thẳng bé mím cười vẫy tay chào khi cả nhóm biến mất sau cánh cửa. Kohl nguyện cầu quyết định thay mặt con trai không phải là quyết định sai lầm, Günter có thể dễ dàng bị nhóm này quyến rũ.

Ông quay lại với Klemp, gõ gõ lên bức ảnh. “Hôm qua, ông ta ăn trưa ở đây vào lúc mấy giờ?”

“Ông ta đến sớm khoảng 11 giờ, đúng lúc chúng tôi vừa mở cửa. Ông ta ra về khoảng 30 hoặc 40 phút sau đó.”

Kohl có thể thấy Klemp đang khó chịu với cái chết này, nhưng miễn cưỡng bày tỏ sự cảm thông trong trường hợp người chết lại là kẻ thù của nhà nước. Ông ta cũng thấy tò mò, nhưng cũng giống như hầu hết các công dân ngày nay, ông ta sợ không dám hỏi han về cuộc điều tra, hay tình nguyện làm bất kỳ việc gì nằm ngoài nội dung được hỏi. Dù sao ông ta cũng không bị nhiễm dịch mù.

“Ông ta đi một mình?”

“Vâng.”

Janssen hỏi, “nhưng ông có tình cờ quan sát ông ta ở ngoài để thấy ông ta có đến cùng ai, hay có thể gặp ai đó khi ông ta ra về?” Cậu hất đầu về phía những ô cửa sổ lớn, không có rèm của nhà hàng.

“Tôi không thấy ai hết, không thấy.”

“Ông ta có đi ăn đều đặn với ai đó không?”

“Không. Ông ta thường đi một mình.”

“Ông ta đi lối nào sau khi ăn xong bữa trưa ngày hôm qua?” Kohl hỏi, ghi lại tất cả vào sổ tay, sau khi chấm đầu bút chì vào lưỡi.

“Tôi tin là đi về phía Nam. Rẽ trái.”

Hướng đi về ngõ Dresden.

“Ông có biết gì về ông ta không?” Kohl hỏi.

“Chà, một vài điều. Chẳng hạn, tôi có địa chỉ của ông ta, nếu điều này giúp được.”

“Thực sự là giúp được đấy,” Kohl háo hức nói.

“Sau khi ông ta bắt đầu đến đây thường xuyên, tôi có gợi ý ông ta mở một tài khoản cùng chúng tôi.” Ông ta quay sang một hộp đựng hồ sơ bao

gồm các tấm thẻ xếp ngăn nắp, viết địa chỉ trên một mẫu giấy. Janssen nhìn địa chỉ. “Cách đây hai khu phố, thưa sếp.”

“Ông còn biết gì thêm nữa không?”

“Tôi e là không nhiều. Ông ta kín miệng lắm. Chúng tôi hiếm khi nói chuyện. Không phải vì chuyện ngôn ngữ, mà chính là mối lo lắng của ông ta. Ông ta thường ngồi đọc báo, hay đọc sách hoặc xem tài liệu kinh doanh, và không thích chuyện trò.”

“Ý ông nói ‘không phải vì ngôn ngữ’ là sao?”

“À, ông ta là người Mỹ.”

Kohl nhướn một bên mày với Janssen. “Ông ta ư?”

“Vâng, thưa ngài.” người đàn ông đáp, một lần nữa liếc nhìn ảnh người chết.

“Còn tên ông ta?”

“Là Reginald Morgan, thưa ngài.”

“Và ông là ai?”

Robert Taggert giơ ngón tay ra hiệu im lặng trước câu hỏi của Reinhard Ernst. Lão thận trọng nhìn xung quanh ô cửa sổ vừa nãy lão xô Ernst ngã lăn tránh khỏi tầm bắn từ nhà kho, nơi Paul Schumann đang đợi.

Taggert nhìn thoáng qua cánh cửa đen của kho thóc, mơ hồ nhận ra họng súng Mauser đang đưa đẩy tới lui.

“Không ai được ra ngoài hết!” Taggert gọi các công nhân. “Tránh xa các cửa sổ và cửa ra vào!” Lão quay lại với Ernst đang ngồi trên các thùng đựng mấy hộp sơn. Một số nhân công đã đỡ hẳn dậy từ dưới sàn và đứng gần đó.

Taggert đã đến Sân vận động muện. Lái chiếc xe tải trắng, lão phải đi vòng khá xa đến phía Bắc và phía Tây để chắc chắn Schumann không thấy mình. Sau khi trình các chứng minh thư cho linh gác, lão chạy lên cầu thang tới phòng họp báo thì thấy Ernst đang đứng ngay trước cửa sổ. Tiếng ồn máy móc thi công, tiếng máy cửa điện rầm rĩ làm những tiếng quát

không vọng được đến tai tên đại tá. Tay người Mỹ buộc phải lao xuống sảnh qua hơn chục các công nhân đang ngạc nhiên, xô ngã Ernst tránh xa cửa sổ.

Tên đại tá đang ôm lấy đầu do bị đập xuống mặt sàn được che bằng vải dầu. Trên lớp da đầu không có máu, dường như hẳn không bị thương nặng lắm. Cho dù cú xô ngã của Taggert khiến hẳn choáng váng, phổi như nghẹt thở.

Trả lời câu hỏi của Ernst, Taggert đáp, “Tôi đi cùng đoàn ngoại giao Mỹ tại Washington D.C..” Lão trình ra giấy tờ của mình: một thẻ chứng minh của Chính phủ và một hộ chiếu Mỹ đích thực được cấp với tên thật, không phải giả mạo tên của Reginald Morgan - nhân viên Văn phòng Tình báo Hải quân lão đã bắn chết trước mặt Paul Schumann trong ngõ Dresden hôm qua. Lão dùng luôn tên ông ta kể từ đó.

Taggert nói, “Tôi đến đây để cảnh báo ngài về một âm mưu lấy mạng ngài. Kẻ ám sát đang ở ngoài kia.”

“Nhưng Krupp... Nam tước von Bohlen có liên quan không?”

“Krupp ư?” Taggert giả dò ngạc nhiên, lắng nghe Ernst giải thích về cuộc gọi.

“Không, đó chắc là một trong những kẻ bày mưu gọi cho ngài để dụ ngài ra.” Lão chỉ ra cửa. “Kẻ sát nhân đang ở một trong những nhà kho chứa đồ dự trữ phía Nam Sân vận động. Chúng tôi nghe nói hẳn là người Nga nhưng mặc đồng phục SS.”

“Người Nga ư? Đúng, đúng, có một cảnh báo an ninh về một tên như thế.”

Thực ra, dù Ernst có đứng mãi ở cửa sổ hay bước ra hàng hiên cũng sẽ chẳng có nguy hiểm gì. Khẩu súng trường Schumann đang giữ chính là khẩu gã đã bắn thử tại Quảng trường Tháng 11 Năm 1923 hôm qua. Tuy nhiên, đêm qua Taggert đã bịt nòng súng bằng chì. Dù Schumann có nổ súng thì viên đạn sẽ không bắn ra được. Thế nhưng khi chuyện đó xảy ra, tên gangster người Mỹ kia hẳn sẽ biết mình đã bị gài và có thể đã trốn thoát, ngay cả nếu có bị thương khi khẩu súng trường phát nổ.

“Lãnh tụ của chúng tôi có thể gặp nguy hiểm!”

“Không,” Taggert đáp. “Hắn chỉ đuổi theo ngài thôi.”

“Tôi?...” Ernst nhanh chóng quay đầu lại. “Cháu trai của tôi!” Hắn đột ngột đứng dậy. “Cháu trai tôi ở đây. Nó có thể cũng gặp nguy hiểm.”

“Chúng ta phải dặn mọi người tránh xa hết các cửa sổ,” Taggert nói, “và sơ tán khu vực này.” Hai người nhanh chóng lao xuống tiền sảnh. “Hitler có ở trong phòng họp báo không?” Taggert hỏi.

“Vài phút trước ngài ấy còn ở đó.”

Ôi điều này còn tốt hơn nhiều so với mong muốn của Taggert. Lúc ở nhà trọ, Schumann báo cáo rằng Hitler và các tên lãnh đạo khác sẽ tụ tập tại đây, lão đã rất phấn chấn mặc dù dĩ nhiên không hiểu rõ tại sao lại có phản ứng như thế. Lúc này lão nói, “Tôi cần nói với ông ta những gì chúng tôi biết. Chúng ta phải hành động thật nhanh trước khi kẻ ám sát trốn thoát.”

Họ bước vào trong phòng họp báo. Tay người Mỹ chớp mắt, choáng váng khi thấy mình đứng trong số những kẻ quyền lực nhất nước Đức, họ đều quay lại nhìn lão tò mò. Những người duy nhất trong phòng chẳng chú ý đến Taggert là hai con chó chăn cừu Đức đang vui vẻ và một thằng nhóc con đáng yêu khoảng 6 hay 7 tuổi.

Adolf Hitler để ý thấy tay Ernst vẫn đang ôm đầu, sơn và vữa trên bộ đồ của hắn. Y hỏi đầy lo lắng, “Reinhard, cậu bị thương à?”

“Ông ơi!” Thằng bé chạy về phía trước.

Ernst vòng hai tay ôm đứa cháu, nhanh chóng dắt thằng bé ra giữa phòng, tránh xa các cửa ra vào và cửa sổ. “Không sao Rudy. Ta chỉ vừa bị ngã thôi... Tất cả mọi người tránh xa các cửa sổ ra!” Gã quay về phía một tên lính gác SS. “Đưa cháu trai của ta vào tiền sảnh. Ở yên đấy với nó.”

“Vâng, thưa ngài.” Tên kia làm theo lệnh.

“Xảy ra chuyện gì thế?” Hitler gọi.

Ernst đáp, “Người này là nhà ngoại giao Mỹ. Ông ta nói với tôi rằng có một tên người Nga ngoài kia với một khẩu súng trường. Ăn náu tại một trong số các kho dự trữ phía Nam Sân vận động.”

Himmler hất đầu về phía tên lính gác. “Đưa thêm vài người nữa vào đây đi! Cử một biệt đội xuống dưới nhà.”

“Rõ, thưa Chỉ huy Cảnh sát.”

Ernst giải thích về Taggert, tên Lãnh tụ Đức tiến tới chỗ tay người Mỹ gần như đang nín thở vì phấn khích trước sự hiện diện của Hitler. Người này chỉ cao gần bằng Taggert nhưng cơ thể to béo hơn với những đường nét đậm hơn. Một nét cau mày nghiêm khắc lấp đầy khuôn mặt mệt mỏi, y xem xét chăm chú giấy tờ của tay người Mỹ. Bao quanh đôi mắt của tên độc tài người Đức là những mi mắt rũ xuống phía trên, và những quầng thâm phía dưới. Bản thân cặp mắt tuy hơi nhợt nhạt nhưng vẫn còn nguyên ánh xanh sắc lẹm khiến y nổi tiếng. Taggert nghĩ con người này có thể thối miên bất kỳ ai nếu y thấy buộc phải làm thế.

“Xin Lãnh tụ cho tôi xem được không?” Himmler hỏi. Hitler trao cho hắn các tài liệu. Hắn ta xem qua chúng rồi hỏi, “Ngài nói được tiếng Đức không?”

“Dạ, có.”

“Với tất cả sự tôn trọng, thưa ngài, ngài có vũ khí không?” “Có,” Taggert đáp.

“Vì Lãnh tụ và những người khác ở đây, tôi sẽ tịch thu vũ khí của ngài cho đến khi chúng tôi biết vấn đề này là gì.”

“Dĩ nhiên.” Taggert mở khóa kéo áo jacket, cho một trong những tên SS lấy khẩu súng ngắn của lão đi. Việc này đã nằm trong dự liệu. Rốt cuộc, Himmler là thủ lĩnh SS, mục đích ban đầu của hắn đó là bảo vệ Hitler và những người đứng đầu Chính phủ.

Himmler sai tên lính SS khác quan sát các nhà kho xem có thấy tên sát thủ được nói đến hay không. “Nhanh lên.”

“Rõ, thưa Chỉ huy Cảnh sát.”

Khi tên lính rời phòng họp báo, hơn chục tên lính gác SS có vũ trang khác vào phòng, tỏa ra các nơi bảo vệ phòng họp. Taggert quay sang Hitler, gật đầu tôn kính. “Thưa ngài Thủ tướng-Tổng thống, vài ngày trước chúng tôi được biết một âm mưu tiềm năng của bọn Nga.”

Gật đầu, Himmler nói, “Thông tin tình báo chúng tôi nhận được từ Hamburg vào hôm thứ Sáu - có nói đến một tên người Nga đang có âm mưu ‘phá hoại.’”

Hitler vẫy tay ra hiệu im lặng, gật đầu để Taggert nói tiếp.

“Chúng tôi đã nghĩ không có gì đặc biệt với thông tin này. Lúc nào chúng tôi chẳng nghe nói về chuyện này từ những tên người Nga khốn kiếp. Nhưng sau đó, chúng tôi biết được vài thông tin cụ thể mới vài giờ trước: rằng mục tiêu của hắn là Đại tá Ernst, rằng hắn có thể ở ngay trong Sân vận động này vào chiều nay. Tôi cho rằng hắn đã xem xét Sân vận động này nhằm mục đích bắn chết Đại tá ngay trong khi diễn ra Thế vận hội. Tôi đã đến đây để chính mắt nhìn thì thấy hắn ta lén vào trong một nhà kho phía Nam Sân vận động. Rồi tôi kinh hoàng biết rằng Đại tá và tất cả những người còn lại đang ở đây.”

“Làm sao hắn vào được bên trong?” Hitler gầm lên.

“Một bộ đồng phục SS giả và giấy tờ chứng minh giả, chúng tôi nghĩ vậy,” Taggert giải thích.

“Tôi vừa định bước ra ngoài,” Ernst nói. “Người này đã cứu mạng tôi.”

“Thế còn Krupp? Cuộc điện thoại thì sao?” Göring hỏi.

“Krupp không liên quan gì đến chuyện này, tôi chắc chắn.” Taggert nói. “Không nghi ngờ gì nữa, đây là cuộc gọi của một kẻ đồng lõa nhằm dụ Đại tá ra ngoài.”

Himmler gật đầu với Heydrich, hắn bước đến chỗ điện thoại, quay số rồi nói chuyện một lúc. “Không,, người gọi không phải là Krupp. Trừ phi lúc này ông ta gọi từ bưu điện Potsdam Plaza.”

Hitler làu bàu liên tục với Himmler. “Tại sao chúng ta không biết về chuyện này?”

Taggert biết rằng chứng hoang tưởng âm mưu này không ngừng nhảy nhót trong đầu Hitler. Để cứu Himmler, lão lên tiếng, “Những tên người Nga rất thông minh. Chúng tôi chỉ biết được điều này từ các nguồn tin của chúng tôi tại Moscow, nhờ vào tình huống ngẫu nhiên... Nhưng xin ngài, chúng ta phải di chuyển thật nhanh. Nếu hắn nhận ra đã bị phát hiện, hắn sẽ trốn thoát và thử lại lần nữa.”

“Tại sao lại là Ernst?” Göring hỏi.

Taggert cho rằng, ý của câu hỏi này phải là sao không phải tôi?

Taggert hướng câu trả lời về phía Hitler, “Thưa Lãnh tụ, chúng tôi hiểu rằng Đại tá Ernst có liên quan đến việc tái thiết vũ trang. Chúng tôi không

có rắc rối gì với chuyện đó - tại Mỹ chúng tôi xem Đức là đồng minh Châu Âu lớn nhất, và chúng tôi muốn ngài mạnh mẽ về quân sự.”

“Người dân trong nước ông có cảm thấy như vậy không?” Hitler hỏi. Trong giới ngoại giao ai cũng biết rằng, y rất khó chịu với quan điểm bài xích Phát xít tại Mỹ.

Giờ có thể thoát khỏi phong thái điềm tĩnh của Reggie Morgan, Taggert nói với âm điệu sắc bén trong giọng nói. “Ngài không hiểu được tường tận câu chuyện. Người Do Thái phóng đại lên thôi - tại đất nước của ngài và của tôi - và thành phần cực tả than khóc đến mãi mãi, rồi cánh báo chí, cánh Cộng sản, cánh Chủ nghĩa Xã hội. Nhưng chúng chỉ là một nhóm nhỏ trong dân thôi. Không, chính phủ của chúng tôi và phần đông người dân Mỹ cam kết chắc chắn sẽ là đồng minh của ngài, mong muốn nhìn thấy ngài thoát khỏi vòng kìm kẹp của Hiệp ước Versailles. Chính bọn Nga mới lo lắng về việc tái thiết vũ trang của ngài. Tuy nhiên, xin ngài, chúng ta chỉ có vài phút thôi. Vụ ám sát.”

Đúng lúc này tên lính gác SS quay lại. “Đúng như ông ta nói, thưa ngài. Có vài nhà kho bên cánh khu đỗ xe. Cửa ra vào một nhà kho đang mở, đúng vậy, có nòng một khẩu súng trường nhô ra, đang quét tìm mục tiêu tại Sân vận động ở đây.”

Vài người trong phòng thờ hỗn hển, lăm bắm phần nộ. Joseph Goebbels đưa tay lên gãi tai trong căng thẳng. Göring rút khẩu Luger ra khỏi bao, vung vẩy nó một cách khôi hài như khẩu súng đồ chơi của trẻ con.

Giọng Hitler run rẩy, hai bàn tay y run lên trong phần nộ. “Lũ Do Thái Cộng sản chết tiệt! Chúng đã tới đất nước của ta, làm chuyện này với ta! Những kẻ đâm thọt sau lưng... Đúng lúc Thế vận hội của chúng ta sắp bắt đầu! Chúng...” Y không thể nói hết bài công kích kịch liệt của mình vì quá tức giận.

Quay sang Himmler, Taggert nói, “Tôi nói được tiếng Nga. Bao vây nhà kho rồi để tôi thuyết phục hắn ra đầu hàng. Tôi chắc chắn Gestapo hoặc SS có thể thuyết phục hắn khai ra với chúng ta, rằng hắn là ai và những kẻ đồng lõa đang ở đâu.”

Himmler gật đầu rồi quay sang Hitler, “Thưa Lãnh tụ, điều quan trọng là ngài cùng những người khác nên rời đi ngay lập tức. Nhưng nên đi theo đường hầm. Có lẽ chỉ có một kẻ ám sát, nhưng cũng có thể còn nhiều tên khác mà tay người Mỹ này không biết.”

Như nhiều người đã đọc các báo cáo tình báo về Himmler, Taggert cân nhắc tay cựa nhân viên bán phân bón này vừa ngỡ ngẩn, vừa nịnh hót đến hết thuốc chữa. Nhưng vai trò của tay người Mỹ ở đây là rõ ràng, nên lão ngoan ngoãn nói, “Chỉ huy Cảnh sát nói đúng. Tôi không chắc thông tin của chúng tôi hoàn chỉnh đến đâu. Xin hãy đến nơi an toàn. Tôi sẽ giúp quân lính của ngài bắt giữ hắn.”

Ernst bắt tay Taggert. “Cảm ơn ông.”

Taggert gật đầu. Lão nhìn Ernst dẫn đứa cháu trai ra khỏi hành lang rồi đi cùng những người khác theo cầu thang bên trong xuống lối xe vào nhà ngầm dưới đất, vây quanh là một đội lính gác.

Chỉ khi Hitler cùng những người khác đã đi khỏi, Himmler mới trả lại súng cho Taggert. Tên Chỉ huy Cảnh sát sau đó gọi một sĩ quan SS, bảo hắn thu xếp tập hợp dưới nhà. “Người của cậu ở đâu?”

Hắn giải thích rằng hơn hai chục lính gác đã được triển khai về phía Đông, khuất tầm nhìn từ kho thóc.

Himmler nói, “Sếp SD Heydrich và ta sẽ ở lại đây phát một cảnh báo chung trong khu vực. Mang tên người Nga đó đến đây.”

“Hail Hitler.” Tên lính gác giậm gót giày rồi lao xuống cầu thang, Taggert đi theo. Họ chạy chậm đến mặt phía Đông của Sân vận động, nhập vào đám lính tại đó. Hình thành một vòng cung rộng về phía Nam, họ tiếp cận nhà kho.

Họ chạy thật nhanh, vây quanh là những tên SS mặt vô cảm với những âm thanh kéo chốt và nạp đạn. Nhưng bất chấp sự kiện kịch tính và rõ ràng là căng thẳng, Robert Taggert lại thấy dễ chịu lần đầu tiên trong nhiều ngày. Giống người lão đã giết trong ngõ Dresden - Reggie Morgan - Taggert là một trong những người tồn tại núp bóng Chính phủ, ngoại giao và kinh doanh, thi hành các mệnh lệnh của những người cầm quyền đôi khi hợp pháp, đôi khi không. Một trong số vài sự thật lão đã nói với Schumann, là

đam mê được làm trong ngành ngoại giao hoặc ở Đức hoặc ở bất kỳ đâu (Tây Ban Nha thực sự sẽ rất tốt). Tuy nhiên những món bở như thế không dễ rót vào mồm, mà thường phải đi kiếm trong những tình huống điên rồ và mạo hiểm. Như kế hoạch liên quan đến thằng ngu Paul Schumann tội nghiệp.

Những chỉ dẫn của lão từ Mỹ rất đơn giản. Reggie Morgan sẽ phải hy sinh. Taggert sẽ thịt ông ta rồi chiếm lấy danh phận của ông ta. Lão sẽ giúp Paul Schumann lên kế hoạch cho cái chết của Reinhard Ernst, sau đó đúng vào phút cuối cùng, Taggert sẽ ‘giải cứu’ kịch tính tên Đại tá người Đức như một bằng chứng về sự ủng hộ vững chắc của Mỹ đối với Quốc Xã. Cái từ giải cứu và những nhận xét của Taggert về sự hỗ trợ đó sẽ lừa được Hitler. Nhưng hóa ra, kết quả đạt được còn tốt hơn rất nhiều. Taggert thực sự đã có một màn trình diễn trước mắt chính Hitler và Göring.

Chuyện đã xảy ra cho Schumann chẳng liên quan gì, cho dù hẳn có chết bây giờ, mặc dù điều này sẽ gợn gàng hơn và tiện hơn nhiều, hoặc bị bắt và bị tra tấn. Trong trường hợp này, Schumann cuối cùng sẽ nói... và kể một câu chuyện không tưởng rằng hẳn được Văn phòng Tình báo Hải quân Mỹ thuê để khử Ernst, nhưng người Đức sẽ ngay lập tức bác bỏ điều đó vì chính Taggert và người Mỹ đã giao nộp hẳn. Và nếu hẳn hóa ra lại là một tên gangster người Mỹ gốc Đức và không phải người Nga? À thế thì hẳn chắc phải được người Nga tuyển mộ?.

Một kế hoạch đơn giản.

Nhưng đã có những rắc rối lúc khởi đầu. Lão đã lên kế hoạch giết Morgan vài ngày trước, rồi đóng giả là ông ta tại cuộc gặp gỡ đầu tiên với Schumann hôm qua. Nhưng Morgan là một người rất thận trọng và có tài trong việc đàm nhận một cuộc sống ngầm. Taggert không có cơ hội nào giết ông ta trước khi ông ta đến ngõ Dresden. Và lúc đó thật căng thẳng làm sao...

Reggie Morgan chỉ biết được mật khẩu cũ - không phải mật khẩu về chuyến tàu điện ngầm tới Alexanderplatz - thế nên khi ông ta gặp Schumann trong ngõ, cả hai đều xem nhau như kẻ thù. Taggert đã xoay xở giết được Morgan vừa kịp lúc và thuyết phục Schumann rằng lão thực ra là

đặc vụ Mỹ - nhờ nói đúng mật khẩu, hộ chiếu giả và mô tả chính xác ngài Thượng Nghị sĩ. Taggert cũng chắc chắn mình là người đến đầu tiên khi khám xét túi áo túi quần người chết. Lão giả vờ rằng muốn tìm bằng chứng Morgan là lính Xung Kích, dù trong thực tế, tài liệu lão cho Schumann xem chỉ là một tấm thẻ chứng nhận rằng người mang nó đã quyên góp một khoản tiền cho quỹ hỗ trợ cựu chiến binh. Nửa dân số Berlin mang theo những tấm thẻ này vì lũ Áo Nâu rất giỏi trong việc xin xỏ ‘những khoản đóng góp’.

Bản thân Schumann cũng cho thấy hẳn là một mối lo ngại. Thăng cha này rất thông minh, khôn ngoan hơn nhiều so với Taggert tưởng tượng. Hẳn có tính đa nghi và không thể biết được hẳn đang thật sự nghĩ cái gì. Taggert phải xem những gì hẳn nói và làm, không ngừng tự nhắc mình đang là Reggie Morgan, người công chức bèn bỉ và chẳng có gì nổi bật. Chẳng hạn như khi Schumann khẳng khẳng rằng họ nên kiểm tra hình xăm trên người Morgan, Taggert đã phát hoảng. Hình xăm nhiều khả năng nhất họ tìm thấy sẽ mang chữ ‘Hải quân Mỹ’ hoặc có thể là tên con tàu ông ta đã phục vụ trong Thế Chiến thứ I. Nhưng số phận đã mỉm cười với lão: người đàn ông này chưa bao giờ xăm mình.

Lúc này Taggert và đám lính mặc đồng phục đen đã đến nhà kho. Lão có thể thấy ngay khẩu Mauser đang thò ra khi Paul Schumann tìm kiếm mục tiêu của hẳn. Cả bọn lặng lẽ triển khai đội hình, tên sĩ quan SS cao cấp dùng hai tay làm hiệu lệnh chỉ đạo lính. Taggert thấy ấn tượng hơn bao giờ hết trước sự thuần thục các kỹ năng chiến thuật của người Đức.

Tiến gần hơn rồi, gần hơn nữa.

Schumann hẳn đã lo lắng, tiếp tục theo dõi ban công phía sau phòng họp báo. Hẳn sẽ tự hỏi chuyện gì đã xảy ra. Tại sao việc dụ Ernst ra ngoài lại chậm trễ như thế? Cuộc gọi của Webber có được êm ả không?

Khi lính SS đã vòng quanh nhà kho, cắt đứt hết bất kỳ cơ hội trốn thoát nào của Schumann, Taggert tự nhắc mình rằng sau khi xong việc ở đây, lão sẽ quay về Berlin tìm Otto Webber rồi khử hẳn. Khử nốt cả Käthe Richter nữa.

Khi những tên lính trẻ đã vào vị trí quanh nhà kho, Taggert thì thầm, “Tôi sẽ đi nói chuyện với hãn bằng tiếng Nga và khuyên hãn đầu hàng.” Tên tư lệnh SS gật đầu. Tay người Mỹ rút ra khẩu súng ngắn từ trong túi. Dĩ nhiên lão chẳng gặp nguy hiểm gì vì nòng súng khẩu Mauser đã bị bịt kín. Dù thế lão vẫn di chuyển chậm rãi, giả vờ thận trọng và lo lắng.

“Cứ lùi lại,” lão thì thầm. “Tôi sẽ vào trước.”

Tên tư lệnh SS lại gật đầu, hai lông mày nhướn lên ấn tượng trước sự can đảm của tay người Mỹ. Taggert giơ súng lên bước đến ngưỡng cửa. Nòng khẩu súng trường vẫn đu đưa tới lui. Cơ thịnh nộ của Schumann khi không tìm thấy mục tiêu là quá mạnh.

Bằng một chuyển động nhanh, Taggert xô cửa xông vào giơ súng lên, ép ngón tay lên cò súng.

Lão bước vào trong.

Robert Taggert thở hổn hển. Lão lạnh buốt sống lưng.

Khẩu Mauser vẫn tiếp tục quét qua Sân vận động, chậm rãi di chuyển tới lui. Cho dù khẩu súng trường chết người giờ không nằm chặt trong tay kẻ ám sát, mà được buộc chặt bằng các đoạn dây bện xé ra từ các thùng carton gói hàng, móc qua rầm mái.

Paul Schumann đã biến mất.

Chương 27

Chạy.

Không hề giống hình thức tập thể dục gã ưa thích, cho dù Paul thường làm vài vòng hoặc chạy bộ tại chỗ nhằm luyện cơ bắp chân, tổng hết độc tố do thuốc lá, bia và rượu ra khỏi cơ thể. Và bây giờ gã đang chạy như Jesse Owens.

Chạy để giữ mạng.

Không giống như Max tội nghiệp, bị bắn hạ trên phố khi chạy trốn khỏi những tên lính SS, Paul chẳng gây ra sự chú ý nào cả. Gã đang mặc trên người quần áo điền kinh, đi đôi giày trộm được từ tủ quần áo của khu phức hợp bơi lội tại Sân vận động Thế vận hội. Trông gã chẳng khác gì hàng nghìn Vận động viên khắp trong ngoài Charlottenburg đang tập luyện cho Thế vận hội. Lúc này gã đã cách phía Đông Sân vận động ba dặm về Berlin, gã thở nặng nhọc. Gã ngày càng nới rộng khoảng cách với kẻ phản bội mà hãn vẫn chưa phát hiện ra.

Gã thấy ngạc nhiên khi Reggie Morgan - nếu hãn đúng là Morgan - lại phạm một sai lầm bất cẩn đến thế sau những nỗ lực tình tế gài bẫy gã. Chắc chắn một điều những tên sát thủ không bao giờ xem lại đồ nghề của mình mỗi lần làm việc. Nhưng chỉ có bọn ngu mới thế. Khi bạn phải chống lại những kẻ tàn bạo, lúc nào cũng vũ trang đến tận răng, bạn phải chắc chắn rằng vũ khí của mình luôn trong tình trạng hoàn hảo, tuyệt đối không sai sót.

Trong cái nhà kho nóng như thiêu đốt, Paul lắp ống ngắm vào súng, kiểm tra lại cho chắc mình đã đặt các thông số đường kính nòng súng giống hệt như tại trường bắn ở cửa hiệu cầm đồ. Rồi trong lần kiểm tra cuối cùng, gã tháo chốt khẩu Mauser rồi chỉnh tăng cỡ nòng. Nó đã bị bít chặt. Ban đầu,

gã nghĩ chỉ là đất hoặc dầu crêozot từ hộp đựng bằng tấm xơ ép. Nhưng Paul phát hiện ra một đoạn dây, nên thò tay vào trong. Gã nhìn chăm chú vào thứ gã vừa kéo ra. Ai đó đã đổ chì nóng chảy xuống họng súng. Nếu gã bắn, nòng súng có thể phát nổ, hoặc chốt sẽ bật về phía sau xuyên qua má Paul.

Khẩu súng Morgan đã giữ suốt cả đêm qua và khẩu này là một, Paul để ý thấy đặc điểm độc đáo về trọng lượng khi gã ngắm bắn nó ngày hôm qua. Thế nên Morgan, hay bất kỳ kẻ nào khác rõ ràng đã ngầm phá hoại khẩu súng.

Bằng cử động nhanh nhẹn, gã xé dây bện từ các thùng carton trong nhà kho, vắt qua trần nhà để trông có vẻ như mình vẫn đang ngắm bắn. Tiếp theo, gã lén ra ngoài nhập vào một nhóm lính gác đang bước về phía Bắc. Gã tách nhóm tại khu phức hợp bơi lội, tìm nơi thay bộ đồng phục SS bằng quần áo và giày ăn cắp được, xé nát rồi xả hộ chiếu Nga xuống bồn cầu.

Bây giờ, cách Sân vận động nửa giờ đi xe, gã tiếp tục chạy và chạy...

Mồ hôi vã ra như tắm qua lớp quần áo dày, Paul rẽ khỏi đường cao tốc bước vào giữa một ngôi làng nhỏ. Gã thấy một vòi nước được làm bằng máng thức ăn cho ngựa cũ, bèn cúi xuống uống một ít thứ nước nóng rục, đục ngầu và vốc nước lên mặt.

Thành phố còn cách gã bao xa nữa? Có lẽ bốn dặm hoặc hơn, gã đoán. Gã nhìn thấy hai tên sĩ quan mặc đồng phục xanh dương, đội mũ màu xanh đen đang chặn một người đàn ông cao lớn khám xét giấy tờ.

Gã thận trọng tránh xa chúng, bước xuống các con phố bên cạnh tự nhủ đi bộ quay về Berlin thì quá nguy hiểm. Gã để ý một bãi đỗ xe - hàng dãy xe vòng quanh một nhà ga. Paul tìm thấy một chiếc DKW đỗ ngoài trời, sau khi chắc chắn không bị ai để ý, gã nhặt một hòn đá và một cành cây gãy mở khóa bảng táp lô. Gã lần mò xuống dưới tìm mấy sợi dây, dùng răng cắn đứt lớp bọc vải cách nhiệt và xoắn các sợi dây đồng vào với nhau. Gã nhấn nút khởi động xe. Động cơ rung lên một hồi nhưng xe không chạy. Mặt gã nhăn nhó, gã nhận ra mình quên không đặt bướm gió. Gã chỉnh chế hòa khí sang nhiều xăng rồi thử lại. Động cơ đánh lửa kêu lên ầm ầm, gã bèn vận nùm cho đến khi động cơ chạy êm dịu hơn. Dù phải mất một lúc gã

mới vào được số, nhưng ngay sau đó gã thẳng tiến về phía Đông qua các con phố chật hẹp của thành phố, tự hỏi kẻ nào đã bán đứng mình.

Và tại sao? Phải chăng vì tiền? Hoạt động chính trị? Hay vì lý do nào khác?

Nhưng gã vẫn không tìm được câu trả lời cho những câu hỏi này. Tâm trí gã còn bận nghĩ cách trốn thoát.

Gã nhấn mạnh chân ga, rẽ vào đường cao tốc rộng rãi, đẹp hoàn hảo. Biển báo bên đường cho gã biết trung tâm thành phố Berlin còn cách 6 ki-lô-mét nữa.

Những khu phố khiêm tốn đối diện phố Bremer phía Tây bắc thành phố. Là điển hình của nhiều ngôi nhà trong vùng này, nhà của Reginald Morgan là một căn hộ bốn phòng ngủ bằng đá âm đạm, tồn tại từ thời Đế Nhị Đế Chế, cho dù kết cấu đặc biệt này chẳng gợi lên chút gì chiến thắng của người Phổ.

Willi Kohl cùng cậu thanh tra tập sự xuống xe DKW. Họ nghe thấy nhiều tiếng còi, ngược mắt lên nhìn một chiếc xe tải chở lính SS đang phóng hết tốc lực - lại thêm một cảnh báo an ninh nhà nước, có vẻ lần này còn mở rộng hơn lần trước với những chốt kiểm soát ngẫu hứng đang được lập trên toàn thành phố. Cả Kohl và Janssen cũng bị chặn lại. Tên lính SS liếc nhìn thẻ Cảnh sát Hình sự với vẻ khinh bỉ, rồi cho phép họ đi qua. Hắn chẳng buồn trả lời câu hỏi của thanh tra rằng đang xảy ra chuyện gì, chỉ ngắt lời gọn lỏn. “Đi tiếp đi.”

Lúc này Kohl bấm chuông bên ngoài cánh cửa dày. Thanh tra giậm chân sốt ruột khi họ đứng đợi. Hai hồi chuông đơn điệu vang lên. Một lúc sau, bà chủ nhà, dáng người chắc nịch mặc váy đen bên trong tạp dề ra mở cửa, trở mắt nhìn hai người đàn ông mặc vest.

“Hail Hitler. Xin lỗi các ngài, tôi đã định đến sớm hơn nhưng đôi chân tôi...”

“Thanh tra Kohl, Cảnh sát Hình sự.” Ông giơ ra tấm thẻ Cảnh sát và người phụ nữ nhẹ nhõm một chút, ít nhất họ không phải là Gestapo.

“Bà có biết người này không?” Janssen đưa ra tấm ảnh chụp tại ngõ Dresden.

“Ồi, là ông Morgan sống ở đây mà! Trông ông ta không... Ông ta chết rồi sao?”

“Vâng, đúng vậy.”

“Chúa trên Thiên Đa..” Câu cảm thán đáng ngờ về mặt chính trị tắc nghẹn trong họng bà ta.

“Chúng tôi muốn xem qua các phòng của ông ta.”

“Vâng, thưa ngài. Dĩ nhiên rồi. Đi theo tôi.” Họ bước vào một khoảnh sân trong với một cảm giác hoang vắng, trống trải, Kohl nghĩ nó đủ sức khiến ngay cả bản Cây Sáo Thần của Mozart cũng phải héo hon. Người phụ nữ lảo đảo bên nọ sang bên kia khi bước đi. Bà ta nói liền một mạch, “Nói thật là, thưa các ngài, lúc nào tôi cũng nghĩ ông ấy có hơi lạ lùng.”

“Để chúng tôi lại một mình.”

“Hail Hitler,” bà ta đáp rồi lùi đi nhanh như chuột.

Kohl nhìn quanh phòng. “Giờ cậu thấy tôi đã suy luận sai như thế nào chưa, Janssen?”

“Như thế nào thưa sếp?”

“Tôi đã cho rằng Morgan là người Đức vì ông ta mặc quần áo làm từ vải Hitler. Nhưng không phải người nước ngoài nào cũng đủ giàu để sống ở Under The Lindens, mua được hàng xịn nhất tại KaDeWe, cho dù đó là ấn tượng của chúng ta.”

Janssen suy nghĩ một lát. “Đúng vậy, thưa sếp. nhưng có thể có lý do khác để ông ta mặc loại quần áo thể phẩm đó.”

“Rằng ông ta muốn giả trang là người Đức?”

“Đúng, thưa sếp.”

“Tốt đấy, Janssen. Cho dù có khi ông ta chỉ muốn gây sự chú ý hơn là muốn giả trang thành một trong số chúng ta. Nhưng dù là thế nào ông ta cũng bị nghi ngờ. Bây giờ, để xem chúng ta có khám phá được bí mật này không. Hãy bắt đầu với tủ quần áo.”

Cậu thanh tra thực tập mở một cánh cửa tủ, bắt đầu khám xét nội dung bên trong.

Bản thân Kohl thì lựa chọn cách lục soát nhẹ nhàng hơn. Ông ngồi thoải mái trong chiếc ghế kê cốt kết, xem qua các tài liệu trên bàn làm việc của Morgan. Dường như tay người Mỹ đóng vai trò như một người trung gian cung cấp các dịch vụ cho một số các công ty Mỹ tại Đức. Chẳng hạn, ông ta sẽ móc nối một người mua hàng tại Mỹ với người bán hàng ở Đức để hưởng hoa hồng. Khi các thương nhân Mỹ đến thành phố, họ sẽ thuê Morgan giúp họ giải trí và thu xếp các cuộc họp với đại diện các công ty tại Đức như Borsig, Bata Shoes, Siemens, I.G. Farben, Opel và hàng tá công ty khác.

Có vài bức ảnh chụp Morgan và các tài liệu xác nhận thân phận của ông ta. Nhưng Kohl nghĩ, thật hiếu kỳ khi ông ta không có lấy tí vật dụng cá nhân nào. Không có tấm ảnh gia đình nào, không có vật kỷ niệm nào.

...có lẽ ông ta là anh em trai của ai đó. Có lẽ là chồng hoặc tình nhân của ai đó. Và nếu may mắn, ông ta là cha của những đứa con trai hay con gái. Tôi cũng hy vọng rằng những người tình cũ thi thoảng cũng sẽ nghĩ đến ông ta...

Kohl cân nhắc những ngụ ý từ sự thiếu vắng thông tin cá nhân này. Phải chăng điều này có nghĩa là ông ta độc thân? Hay còn một lý do khác cho việc ông ta giấu kín bí mật riêng tư?

Janssen đã lục soát xong tủ quần áo. “Còn chi tiết gì đặc biệt nữa tôi cần tìm không sếp?”

Số tiền bị biến thủ, một chiếc khăn tay của bà chủ nhà đã có chồng, một lá thư tổng tiền, một lá thư từ đứa con gái tuổi teen nói rằng mình có thai... bất kỳ dấu hiệu nào có thể giải thích tại sao ông Morgan tội nghiệp lại bị giết tàn bạo, trên mặt đường đá cuội đẹp hoàn hảo của ngõ Dresden.

“Có phải ảnh thương mại không? Hay là do ông ta tự chụp?”

“Không, chúng là những bưu thiếp, thưa sếp. Ông ta đã mua chúng ở đâu đó.”

“Phải, phải, thế thì chúng ta không quan tâm đến chúng, Janssen. Cậu phải biết phân biệt thời điểm nào cái xấu xa của đàn ông có liên quan và

thời điểm nào thì không. Và tôi hứa với cậu, các tấm bưu thiếp khêu gợi đó hiện không quan trọng đâu. Thôi, tiếp tục tìm đi.”

Có những người càng tuyệt vọng, họ càng bình tĩnh. Những người như thế khá hiếm hoi và thực sự nguy hiểm. Vì trong khi tính tàn bạo của họ không giảm đi thì họ không bao giờ tỏ ra bất cần.

Robert Taggert là một kẻ như thế. Lão giận bầm gan tím ruột khi tay sát thủ Brooklyn đã suy nghĩ nhanh hơn lão, phá hoại tương lai của lão. Nhưng lão sẽ không để cảm xúc che mờ lý trí.

Lão biết làm sao Schumann phát hiện ra những chuyện này. Có một mẫu dây nằm trên sàn nhà kho và mấy mẫu chì bên cạnh. Dĩ nhiên gã đã kiểm tra nòng súng và thấy nó bị kẹt. Taggert giận dữ nghĩ thế quái nào lão lại quên không đổ hết thuốc súng ra khỏi đạn của gã rồi nạp lại đạn vào hộp đạn? Theo cách đó hẳn sẽ không gây nguy hiểm cho Ernst và Schumann sẽ chẳng bao giờ phát hiện ra kẻ phản bội, cho đến khi đã quá muộn và quân SS đã vây chặt nhà kho.

Nhưng lão tự nhủ, vấn đề chưa hẳn đã vô vọng.

Sau cuộc họp ngắn thứ hai trong phòng họp báo Thế vận hội với Himmler và Heydrich, lão liền rời khỏi Sân vận động. Trong cuộc họp, lão nói mình không biết nhiều về âm mưu ngoài những gì đã giải thích. Lão bảo rằng mình sẽ liên hệ với Washington ngay lập tức để hỏi xem họ có thêm thông tin nào không. Taggert nói xong liền bỏ đi, lăm bẫm về những âm mưu của lũ Do Thái và bọn Nga. Lão ngạc nhiên khi thấy mình được phép rời khỏi Sân vận động mà không bị ngăn cản - việc bắt giữ lão hẳn sẽ không logic, nhưng chắc chắn là nguy cơ trong một đất nước đầy nghi ngờ và hoang tưởng.

Giờ đây, Taggert nghĩ đến đối thủ của lão. Paul Schumann không phải là thằng ngu, hẳn nhiên là thế. Gã đã mang vỏ bọc là người Nga và biết mình chính là người mà đám quân sĩ Đức đang truy tìm. Gã đã vứt bỏ nhân dạng giả và lại trở thành một người Mỹ. Nhưng Taggert không muốn nói với

người Đức rằng sẽ tốt hơn nhiều nếu trưng ra một hình ảnh tên ‘Người Nga’ đã chết, cùng những đồng bọn của gã, một tên tội phạm băng nhóm và một người phụ nữ bất mãn - Käthe Richter dường như có một số bạn bè đồng cảm với những kẻ Cộng sản, bổ sung thêm độ tin cậy vào kịch bản ám sát của người Nga.

Tuyệt vọng, phải.

Nhưng khi lái chiếc xe tải trắng về phía Nam, qua con kênh màu nâu của lính Xung Kích rồi tiến về phía Đông, lão lại bình thản như đá. Lão đỗ xe trên một con phố nhộn nhịp rồi bước xuống. Không nghi ngờ gì việc Schumann sẽ quay về căn nhà trọ tìm Käthe Richter. Gã đã một mực đòi đưa người phụ nữ này quay về Mỹ cùng hẳn. Có nghĩa là ngay cả trong hoàn cảnh này, gã sẽ không bỏ cô ta lại. Taggert cũng biết gã sẽ đến trực tiếp, chứ không phải gọi điện thoại. Schumann biết nguy hiểm từ những chiếc điện thoại bị nghe trộm tại Đức.

Tiếp tục đi qua các con phố thật nhanh, cảm giác được khẩu súng ngắn va chạm dễ chịu trên hông, lão ngoặt ở góc phố, tiến vào ngõ Magdeburger. Lão dừng lại xem xét thận trọng khắp con phố. Phố dường như vắng người, phủ đầy bụi trong hơi nóng buổi chiều. Lão thông dong dạo qua nhà trọ của Käthe Richter. Khi cảm thấy không có mối đe dọa nào, lão nhanh chóng quay lại xuống lối vào tầng hầm. Lão dùng vai đẩy cửa, lén vào trong tầng hầm ẩm ướt.

Taggert trèo lên cầu thang bằng gỗ, cố gắng bước sao cho giảm nhẹ tiếng kêu cọt két. Lên đến đầu cầu thang, lão mở hé cửa, rút khẩu súng ngắn ra khỏi túi rồi bước vào trong tiền sảnh tầng trệt. Trống trơn. Không có âm thanh hay chuyển động nào ngoài tiếng vo ve điên cuồng của một con ruồi to bị mắc kẹt giữa hai tấm kính.

Lão bước vào trong hành lang, lắng nghe từng cánh cửa một, nhưng chẳng nghe được gì. Cuối cùng, lão quay ra cánh cửa đang treo một tấm biển sơn sơ sài, ghi dòng chữ: Bà Chủ Nhà.

Lão gõ cửa. “Cô Richter?” Lão tự hỏi trông cô ta ra sao. Chính Reginald Morgan thật đã thu xếp các căn phòng này cho Schumann và rõ ràng họ chưa bao giờ gặp nhau. Cô ta và Morgan chỉ nói chuyện qua điện thoại, gửi

cho nhau hợp đồng và tiền thuê qua hệ thống giao nhận bằng mạng lưới đường ống khí nén giăng mắc khắp Berlin.

Gã lại gõ cửa. “Tôi đến thuê phòng. Tôi thấy cửa trước mở.”

Không có tiếng trả lời.

Lão thử mở cửa, nó không khóa. Gã lén vào trong và để ý thấy một chiếc va li đang mở nằm trên giường, xung quanh là mấy cuốn sách và quần áo. Điều này khiến lão yên tâm, như thế có nghĩa là Schumann vẫn chưa về. Nhưng cô ta ở đâu nhỉ? Có lẽ, cô ta muốn thu tiền ai đó còn nợ cô ta, hoặc nhiều khả năng hơn, đi vay chút nào hay chút ấy từ bạn bè hoặc gia đình. Xuất cảnh khỏi nước Đức thông qua các con đường hợp pháp nghĩa là chỉ mang theo người quần áo và tiền. Lão nghĩ rằng cô ta sẽ rời bỏ đất nước trái phép cùng Schumann, tức là cô ta sẽ mang theo càng nhiều tiền càng tốt. Đai vẫn đang bật, những ngọn đèn cũng vậy. Cô ta sẽ quay về sớm thôi.

Taggert nhận thấy gần cửa ra vào có giá để chìa khóa cho tất cả các phòng. Lão tìm được bộ chìa khóa phòng Schumann và quay bước ra hành lang. Lão bước thật khẽ lên tiền sảnh. Bằng một cử động rất nhanh, lão mở cửa, đẩy vào và giơ súng lên.

Phòng khách trống trơn. Lão khóa cửa lại rồi lặng lẽ bước vào phòng ngủ. Schumann không có ở đây cho dù va li vẫn còn. Taggert đứng ngay giữa phòng suy nghĩ. Schumann có lẽ có tình cảm trong sự quan tâm dành cho người phụ nữ này nhưng gã là kẻ chuyên nghiệp chu đáo. Trước khi vào phòng, lão xem hết các cửa sổ phía trước, phía sau để xem có ai ở đó không.

Taggert quyết định sẽ nằm chờ. Lão bám chắc vào lựa chọn thực tế duy nhất: nhà vệ sinh. Lão vẫn để cửa mở hé khoảng một hai phân, để có thể nghe tiếng Schumann bước vào. Khi tên sát thủ đang thu dọn đồ đạc, Taggert sẽ nhảy ra khỏi nhà vệ sinh và giết gã. Nếu lão gặp may, Käthe Richter sẽ ở bên gã và lão có thể giết cả cô ta. Nếu không, lão sẽ đợi trong phòng cô ta. Dĩ nhiên cô ta có thể là người vào phòng đầu tiên, trong trường hợp đó, lão có thể giết cô ta, hoặc đợi đến khi Schumann quay lại. Lão sẽ phải cân nhắc trường hợp nào là tốt nhất. Sau đó, lão sẽ xem xét khắp các phòng để chắc rằng không có dấu vết nào về nhân dạng thực của

Schumann, rồi gọi cho SS hoặc Gestapo cho họ biết rằng tên người Nga đã bị chặn đứng.

Taggert bước vào trong phòng vệ sinh rộng rãi, đóng chặt cửa lại, nới lỏng vài cúc áo sơ mi trên cổ nhằm làm dịu đi cái nóng khủng khiếp. Lão thở hồng hộc, hít không khí vào đầy hai lá phổi đau nhức. Mồ hôi đọng lại trên trán, khiến làn da dưới nách ngứa ngáy. Nhưng cái khó chịu này chẳng quan trọng gì. Robert Taggert hoàn toàn chịu đựng được, không phải, mà lão say sưa với một yếu tố còn tốt hơn nhiều khí oxy ẩm ướt: trạng thái phấn khích trước quyền lực. Một thằng bé xuất thân từ khu Hartford thấp bé, u ám. Thằng bé hay bị đánh đòn đơn giản chỉ vì nó có tư duy sắc bén nhưng lại chạy chậm hơn những đứa khác trong vùng. nhưng đích thân lão vừa được gặp Adolf Hitler, chinh trị gia hiểu biết nhất trên thế giới này. Lão đã thấy đôi mắt xanh sắc sảo của ông ta nhìn lão với sự ngưỡng mộ và tôn trọng, sự tôn trọng chẳng bao lâu sẽ vọng về nước Mỹ khi lão về nước, báo cáo rằng nhiệm vụ của lão đã thành công.

Là Đại sứ sang Anh, sang Tây Ban Nha. Phải, ngay cả khi làm đại sứ ở đây, quốc gia lão yêu thích. Lão có thể đi đến bất kỳ đâu lão muốn.

Lại đưa tay lên lau mặt, lão tự hỏi sẽ phải đợi Schumann bao lâu nữa.

Câu trả lời cho câu hỏi này đến chỉ một lúc sau đó. Taggert nghe thấy tiếng cửa trước của căn nhà trọ bật mở, tiếng những bước chân nặng nề trong tiền sảnh. Chúng tiếp tục vang lên qua phòng này. Có một tiếng gõ cửa.

“Käthe ?” từ xa vọng đến một giọng nói.

Giọng của Paul Schumann.

Liệu gã có vào trong căn phòng của cô ta mà đợi không?

Không... Những tiếng bước chân tiến về hướng này.

Taggert nghe thấy tiếng loảng xoảng của chìa khóa, tiếng the thé của những bản lề cũ khi cửa ra vào đóng lại. Paul Schumann bước vào căn phòng, nơi gã sẽ chết.

Chương 28

Tim đập thành thịch như bất kỳ thợ săn nào tiếp cận con mồi, Robert Taggert thận trọng lắng nghe.

“Käthe ?” Schumann cất giọng gọi.

Taggert đã nghe thấy tiếng những tấm ván kêu kẻo kẹt, tiếng nước đang chảy trong bồn rửa. Tiếng gã ta uống nước ừng ực trong cơn khát.

Taggert nâng súng lên. Tốt hơn nên bắn vào ngay giữa ngực như thể lão đang bị tấn công. Dĩ nhiên SS muốn bắt sống gã để thẩm vấn, chúng sẽ không vui nếu Taggert bắn chết gã từ phía sau. Dầu vậy, lão cũng không có cơ hội. Không thể nào đối đầu trực diện với Schumann quá to lớn và quá nguy hiểm. Lão sẽ nói với Himmler rằng mình không còn cơ hội, tên sát thủ đã cố gắng trốn thoát hoặc vớ lấy một con dao. Taggert buộc phải bắn chết gã ta.

Lão nghe tiếng bước chân đến phòng ngủ, sau đó là tiếng lục lọi các ngăn kéo lấy đồ nhét đầy va li.

Là lúc này, lão nghĩ.

Taggert mở rộng thêm chút nữa một trong hai cánh cửa nhà vệ sinh, cho phép lão nhìn ra phòng ngủ và giơ súng lên.

Nhưng lão không thấy Schumann mà chỉ thấy cái va li trên giường. Rải rác xung quanh là vài cuốn sách và những đồ dùng khác. Rồi lão cúi mào nhìn đôi giày đang nằm trên ngưỡng cửa phòng ngủ. Lúc trước chúng không có ở đó.

Ôi, không...

Taggert nhận ra Schumann đã bước vào phòng ngủ. nhưng trước đó gã đã tháo giày, nhẹ bước vào phòng khách bằng chân trần. Gã ném những

cuốn sách qua ngưỡng cửa lên giường để Tagget nghĩ rằng gã vẫn đang ở đó! Như thế tức là...

Nắm đấm to đùng đấm xuyên qua cửa nhà vệ sinh, dẻo như kẹo mạch nha. Những ngón tay đánh vào cổ và quai hàm Taggert, vùng da tấy đỏ đập vào mắt khi lão lão đảo bước vào phòng khách. Lão buông rơi khẩu súng, nắm chặt lấy cổ họng, ấn mạnh vào vùng thịt đau đớn.

Schumann túm chặt lấy ve áo Taggert rồi lẳng lẳng qua phòng. Lão đâm sầm vào một cái bàn rồi ngã gục xuống sàn nhà. Lão nằm co rúm ở đó như con búp bê Đức bằng sứ nằm cạnh lão, không mảy may sứt sẹo, đang nhìn trừng trừng lên trần nhà bằng đôi mắt màu tím lạ lùng.

“Mày là kẻ giả mạo đúng không? Mày không phải là Reggie Morgan.”

Paul cũng chẳng buồn giải thích hẳn đã làm cái việc từng tên sát thủ khôn ngoan đều làm - nhớ kỹ từng chi tiết căn phòng khi gã rời đi, sau đó so sánh hồi ức ấy với hiện trạng căn phòng khi gã quay về. Gã đã nhìn thấy cánh cửa nhà vệ sinh khi hẳn đi còn đóng chặt, giờ đang mở hé. Biết rằng Taggert hẳn sẽ mò theo dấu gã và giết chết gã, biết rằng đó là nơi lão đang trốn.

“Tôi..”

“Là ai?” Paul găm gừ.

Khi lão ta không nói gì, một tay Paul túm lấy cổ áo gã, một tay lục soát các túi áo jacket: nào là ví, một số hộ chiếu Mỹ, một thẻ ngoại giao Mỹ mang tên Robert Taggert và thẻ Xung Kích lão cho Paul xem trong ngõ lẩn đầu tiên họ gặp nhau.

“Không được cử động,” Paul lẩm bẩm, rồi xem xét thứ tìm được. Đây là ví của Reginald Morgan gồm một chứng minh thư, mấy danh thiếp mang tên ông ta, hai địa chỉ trên phố Bremer tại Berlin và tại Washington D.C. Cũng có thêm vài tấm ảnh - đều là ảnh người đàn ông bị giết tại ngõ Dresden. Một tấm ảnh được chụp tại một buổi cơ sở xã hội. Ông ta đứng giữa một ông già và một bà già, vòng tay ôm lấy hai người này. Cả ba cùng mỉm cười trước ống kính máy ảnh Kodak.

Một trong các cuốn hộ chiếu, đã được sử dụng nhiều, kín đặc những con dấu xuất nhập cảnh mang tên Morgan. Nó cũng có bức ảnh người đàn ông

trong ngõ.

Một cuốn hộ chiếu khác - là cuốn lão đã cho Paul xem ngày hôm qua - cũng mang tên Reginald Morgan nhưng ảnh thì lại là người đang nằm trước mặt Paul. Gã giơ cuốn hộ chiếu ra trước đèn xem thật gần. Có vẻ là giả mạo. Cuốn hộ chiếu thứ hai có vẻ là thật giống như tấm thẻ ngoại giao. Hai cuốn hộ chiếu còn lại, một hộ chiếu Mỹ mang tên Robert Gardner và một hộ chiếu Đức mang tên Artur Schmidt, đều mang ảnh của Taggert.

Paul hiểu vậy là thằng cha đang nằm đây đã giết chết liên lạc của gã ở Berlin, rồi đóng giả ông ta.

“Được rồi, trò này là sao?”

“Cứ bình tĩnh anh bạn. Đừng làm điều gì ngu ngốc.” Lão ta đã lột bỏ vẻ ngoài cứng nhắc của Reginald Morgan. Lão hiện nguyên hình trơn nhầy, như một trong những thằng nhị ca luôn mang vẻ ngoài trơn láng như da cá mập của Lucky Luciano tại Manhattan.

Paul giơ lên cuốn hộ chiếu gã cho rằng là đồ thật. “Đây là mà, Taggert, đúng không?”

Lão bóp mạnh tay phần cổ và quai hàm lúc này bị Paul đánh, xoa nhẹ vùng da bị tấy đỏ. “Cậu tóm được tôi rồi đấy, Paulio.”

“Mọi chuyện là thế nào?” Gã nhăn mặt khó chịu. “Mày đã chặn từ trước nội dung mật mã về đoàn tàu đúng không? Đó là lý do tại sao Morgan lại ngạc nhiên đến thế trong con ngõ. Ông ta đã nghĩ tao là kẻ phản bội vì nhầm lẫn ngớ ngẩn về con tàu, tao cũng nghĩ về ông ấy hệt như thế. Sau đó mày đã đánh tráo tài liệu khi đang khám xét thi thể.” Paul đọc nội dung trên tấm thẻ Xung Kích. “‘Hỗ trợ Cựu Chiến Binh’. Chó đẻ,” gã ngắt lời, tức điên vì mình đã không xem kỹ hơn trong lần đầu tiên Taggert cho gã xem. “Mày là thằng quái nào thế?”

“Một thương nhân. Tôi chỉ làm những việc vặt cho mọi người.”

“Và mày được chọn vì mày trông giống Reggie Morgan thực?”

Câu nói này khiến lão bị xúc phạm. “Tôi được chọn bởi vì tôi giỏi.”

“Thế còn Max thì sao?”

“Hắn thì đúng. Morgan đã trả cho hắn một trăm Mác để hắn làm tay trong do thám Ernst. Và tôi trả cho hắn hai trăm để hắn giả vờ rằng tôi là

Morgan.”

Paul gật đầu. “Đó là lý do tại sao thằng ngu ấy lại căng thẳng đến thế. Không phải nó sợ SS mà là nó sợ tao.”

Nhưng lịch sử lừa dối dường như khiến Taggart khó chịu. Lão liên tục tỏ ra sốt ruột. “Anh bạn à, chúng ta trao đổi một chút nhé. Bây giờ...”

“Mục đích của chuyện này là gì?”

“Paulio, thực sự chúng ta không có thời gian tán gẫu đâu, cậu không thấy à? Một nửa lực lượng Gestapo đang đi tìm cậu đấy.”

“Không, Taggart. Nếu tao hiểu đúng thì nhờ có mày, chúng đang đi tìm một tên người Nga nào đó. Thậm chí chúng còn chẳng biết trông tao thế nào. Và mày sẽ không dẫn chúng quay về đây, ít nhất là không cho đến khi nào mày giết được tao. Thế nên chúng ta còn khối thời gian. Giờ thì phun ra đi.”

“Chuyện này còn lớn lao hơn cả cậu và tôi đấy, anh bạn. “Taggart cử động quai hàm thành vòng tròn chậm rãi. “Cậu làm tôi gãy răng rồi.”

“Nói đi.”

“Đó không...”

Paul bước đến gần hơn, nắm tay lại thành nắm đấm.

“Được rồi, được rồi, bình tĩnh, anh chàng to xác. Cậu muốn biết sự thật chứ gì? Thì đây: Đã có rất nhiều người quay về nhà, nhưng không còn muốn tham gia bất kỳ cuộc chiến nào nữa tại đây.”

“Đó là việc tao đang làm, vì Chúa. Ngăn chặn tái vũ trang.”

“Thực ra chúng tôi chẳng quan tâm gì đến việc tái vũ trang của bọn Đức. Điều chúng tôi quan tâm là luôn khiến Hitler vui vẻ. Hiểu chưa? Cho hẳn thấy nước Mỹ đứng về phía hẳn.”

Paul cuối cùng đã hiểu ra. “Vậy ra tao sẽ là quả trứng Phục Sinh. Mày gài bẫy tao như một kẻ sát thủ người Nga, rồi sau đó mày xóa sổ tao - sao cho Hitler thấy rằng Mỹ là đồng minh tốt của hẳn, phải không?”

Taggart gật đầu. “Phần lớn là vì tiền thôi, Paulio.”

“Mày có bị mù không đấy?” Paul nói. “Mày không thấy hẳn đang làm gì ở đây à? Làm sao lại có kẻ đứng về phía hẳn chứ?”

“Lạy Chúa, Schumann, có vấn đề gì chứ? Có thể Hitler đã chiếm một phần Ba Lan, Áo và Sudetenland.” Lão phá lên cười. “Chết tiệt, thậm chí ngài ấy còn chiếm cả Pháp. Ảnh hưởng gì đến chúng ta đâu.”

“Hắn đang giết người. Không ai thấy hay sao?”

“Chỉ vài tên Do Thái thôi...”

“Cái gì? Mà có hiểu mà đang nói cái gì không thế?”

Taggart giơ hai tay lên. “Nghe này. Tôi không có ý như thế. Mọi thứ ở đây chỉ là tạm thời thôi. Phát xít giống như những đứa trẻ có được đồ chơi mới: đất nước của chúng. Chúng sẽ phát chán với lũ Aryan này trước khi hết năm nay. Hitler không như mọi người nói. Ngài ấy sẽ bình tĩnh và cuối cùng nhận ra rằng ngài ấy cần dân Do Thái..”

“Không,” Paul nói quyết đoán. “Chuyện này mà sai rồi. Hitler là thằng thần kinh. Hắn còn kém Bugsy Siegel hàng nghìn lần.”

“Rồi, được rồi, Paulio, cả cậu hay tôi đều không quyết định được chuyện này. Hãy thừa nhận rằng cậu đã hiểu chúng tôi. Chúng tôi cố gắng lừa cậu và cậu mắc bẫy. Nhưng cậu cần tôi, anh bạn ạ. Cậu sẽ không thoát được khỏi đất nước này nếu không có tôi giúp. Và đây là việc chúng ta sắp làm: Cậu và tôi cùng đi tìm thằng nào đó trông như người Nga, giết hắn rồi gọi cho Gestapo. Chẳng ai nhìn thấy cậu hết. Thậm chí tôi sẽ để cậu đóng vai người hùng. Cậu có thể gặp gỡ Hitler và Göring. Được tặng cái huân chương chết tiệt. Cậu và cô ả của cậu có thể trở về nhà. Tôi sẽ tặng ưu đãi thêm nữa: Tôi sẽ dành một công việc cho anh bạn của cậu, Webber. Đô la Mỹ chợ đen. Hắn sẽ thích nó. Nghe sao hả? Tôi có thể làm được điều đó. Ai cũng có lợi. Hoặc... cậu có thể chết tại đây.”

Paul hỏi, “Tao có một câu hỏi. Có phải Bull Gordon không? Ông ta có đứng sau chuyện này phải không?”

“Ông ta ư? Không. Ông ta không phải là một phần của chuyện này. Đó là... những mối quan tâm khác.”

“‘Những mối quan tâm’ có nghĩa là gì? Tao muốn có câu trả lời.”

“Xin lỗi, Paulio. Tôi không đến đây để ăn nói ba hoa chích chòe. Tính chất công việc, cậu biết đấy.”

“Mày cũng tồi tệ như lũ Phát xít.”

“VẬY sao?” Taggert lăm bắm. “Và cậu là ai mà ở đây nói chuyện hả, sát thủ?” Lão đứng dậy, rử rử áo jacket. “VẬY cậu sẽ nói gì? Hãy cùng đi tìm một thằng Slav nào đó, cửa họng hăn rồi trao cho mấy tên Đức đó thằng Bolshevik chúng cần. Làm đi thôi.”

Ai cũng có lợi...

Chẳng cần phải dồn trọng lượng, chẳng cần phải nheo mắt lại hay đưa ra bất kỳ gợi ý nào về việc mình sắp làm, Paul giáng thẳng cú đấm vào ngực lão. Đôi mắt Taggert trố ra, hơi thở của lão tắc nghẹn. Lão thậm chí còn không nhìn thấy năm đấm tay trái của Paul đưa ra nghiền nát cổ họng lão. Khi Taggert ngã gục xuống sàn, tứ chi của lão run rẩy trong những cơn đau giãy chết, một tiếng nấc hấp hối vọng ra từ cái miệng há hốc của lão. Cho dù bị giết do tim vỡ hay do gãy cổ, lão cũng đã chết trong vòng có ba mươi giây.

Paul nhìn chăm chăm cái xác một lúc lâu, hai bàn tay gã run lên - không phải do những cú đấm mạnh, mà là do cơn cuồng nộ bên trong gã đối với kẻ phản bội. Và với những lời lão nói ra.

Thậm chí ngài ấy có thể chiếm cả nước Pháp... Chỉ vài tên Do Thái thôi...

Paul lao vào phòng ngủ, cởi hết quần áo đấm mồ hôi gã ăn cắp tại Sân vận động, giữ sạch bằng nước từ bồn rửa trong phòng ngủ rồi thay quần áo. Gã nghe thấy tiếng gõ cửa. À, Käthe đã về. Gã nhận ra ngay lập tức rằng xác Taggert vẫn nằm lù lù trong phòng khách. Gã bèn lao ra ngoài giấu cái xác vào trong phòng ngủ.

Nhưng đúng lúc gã đang cúi xuống kéo xác vào trong nhà vệ sinh, thì cửa trước vào căn hộ bật mở. Paul ngược mắt lên. Người đang gõ cửa không phải Käthe. Gã thấy mình đang nhìn trừng trừng hai người đàn ông. Một người béo tròn, có ria mép mặc bộ vest màu kem nhún cùng áo gi-lê, trên tay ông ta là chiếc mũ Panama. Một thanh niên gầy còm, trẻ tuổi hơn mặc vest đen đứng cạnh ông ta, tay đang nắm chặt một khẩu súng ngắn màu đen.

Không! Họ chính là những cảnh sát đang săn đuổi gã kể từ hôm qua. Gã thở dài, chậm rãi đứng dậy.

“Chà, cuối cùng thì đây là ngài Paul Schumann,” người lớn tuổi hơn nói bằng thứ tiếng Anh nhấn mạnh trọng âm, chớp chớp mắt ngạc nhiên. “Tôi là Thanh tra Kohl. Ngài đã bị bắt thừa ngài, vì tội giết Reginald Morgan trong ngõ Dresden ngày hôm qua.” Ông ta nhìn xuống xác của Taggert, rồi nói thêm, “Và bây giờ, thêm tội giết một người nữa.”

Chương 29

“Giữ nguyên hai tay. Phải, phải, Schumann. Cứ giơ hai tay lên.”

Kohl quan sát, tay người Mỹ này to lớn thật. Vừa cao vừa to hơn hẳn tay thanh tra đến bốn phân. Tác phẩm của tay nghệ sĩ đường phố đã chuẩn xác, nhưng khuôn mặt anh ta xây xát với nhiều vết sẹo hơn trong bức phác thảo, và đôi mắt... à chúng có màu xanh dịu, thận trọng nhưng bình thản.

“Janssen, xem người kia đã chết thật chưa,” Kohl nói, quay sang tay người Đức. Ông không chế Schumann bằng khẩu súng của riêng mình.

Cậu thanh tra trẻ cúi xuống xem xét người kia, cho dù Kohl không hề nghi ngờ rằng cậu ta đang xem một cái xác.

Cậu sĩ quan gật đầu rồi đứng dậy.

Willi Kohl vừa kinh ngạc vừa vui mừng khi thấy Schumann ở đây. Ông không hề mong đợi điều này. Mới hai mươi phút trước, trong căn phòng của Reginald Morgan trên phố Bremer, tay thanh tra tìm thấy một lá thư xác nhận thuê phòng trong căn nhà trọ này thay mặt Paul Schumann. Nhưng Kohl chắc chắn rằng sau khi giết Morgan, Schumann hẳn sẽ đủ thông minh để trốn khỏi căn nhà trọ nạn nhân đã thu xếp cho gã. Ông cùng Janssen chạy hộc tốc đến đây với hy vọng tìm ra thêm nhân chứng, hoặc bằng chứng có thể dẫn đến Schumann. Không ngờ lại gặp đúng tay người Mỹ.

“Vậy ra hai người là cảnh sát Gestapo?” Schumann hỏi bằng tiếng Đức. Thực ra như các nhân chứng đã báo cáo, gã có đặc điểm dễ nhận biết ở trọng âm. Âm G của một người Berlin chính cống.

“Không, chúng tôi là Cảnh sát Hình sự.” Ông trình thẻ. “Janssen, khám người cậu ta.”

Bàn tay cậu sĩ quan trẻ chuyên nghiệp vỗ vỗ vào một nơi -dù rõ ràng hay bí mật - có thể là một cái túi. Cậu phát hiện ra hộ chiếu Mỹ của gã, tiền, lược, mấy que diêm và một bao thuốc.

Janssen trao lại mọi thứ cho Kohl, ông bảo cậu trợ lý còng tay Schumann. Ông lật mở cuốn hộ chiếu xem xét thật kỹ. Có vẻ là hộ chiếu thực. Mang tên Paul John Schumann.

“Tôi không giết Reggie Morgan. Mà là hăn.” Hất đầu về phía cái xác. “Tên hăn là Taggert. Robert Taggert. Hăn cũng đã cố giết tôi. Đó là lý do chúng tôi đánh nhau.”

Kohl không rõ từ “đánh nhau” có phải là từ đúng để mô tả cuộc đối đầu giữa tay người Mỹ cao to này, với đôi cánh tay cơ bắp cùng bàn tay đồ chai sạn, và nạn nhân cùng khổ người với Joseph Goebbels.

“Đánh nhau à?”

“Hăn chĩa súng vào tôi.” Schumann ra hiệu về phía khẩu súng ngắn đang nằm trên sàn. “Tôi phải tự vệ.”

“Khẩu Star Modelo A Tây Ban Nha của chúng ta, thưa sếp,” Janssen vui sướng nói. “Hung khí của kẻ sát nhân!”

Cùng loại với khẩu súng làm hung khí giết người, Kohl nghĩ. So sánh cỡ đạn sẽ cho biết có đúng là khẩu súng đó hay không. Nhưng ông sẽ không chỉnh lại lời đồng nghiệp, kể cả là người trẻ tuổi hơn trước mặt một nghi phạm. Janssen rút khăn tay ra bọc quanh vũ khí, nhặt nó lên và ghi lại số sê ri.

Kohl liếm đầu bút chì ghi lại con số này vào sổ tay của ông, hỏi Janssen về danh sách khách hàng đã mua những khẩu súng này do các đồn cảnh sát quanh thành phố cung cấp. Cậu ta lấy nó ra từ va li mang theo. “Giờ ra xe mang hộp đồ nghề lấy dấu vân tay vào đây, in vân tay trên khẩu súng và của hai anh bạn của chúng ta đây. Cả người còn sống lẫn người đã chết.”

“Rõ, thưa sếp.” Cậu ta bước ra ngoài.

Thanh tra lật giở danh sách xem những cái tên, nhưng không tìm thấy Schumann.

“Thử Taggert xem,” tay người Mỹ nói, “hoặc một trong những cái tên đó.” Gã hất đầu về phía một chồng hộ chiếu nằm trên bàn. “Hăn mang theo

mấy cuốn này.”

“Cậu có thể ngồi.” Thanh tra đỡ Schumann bị còng tay ngồi xuống ghế dài. Ông chưa bao giờ để nghi phạm giúp đỡ mình trong cuộc điều tra, nhưng vẫn cầm lên chồng hộ chiếu Schumann cho rằng chúng có thể hữu ích.

Và thực sự là thế. Một hộ chiếu là của Reginald Morgan, người bị giết trong ngõ Dresden. Rõ ràng là hộ chiếu thực. Những cuốn khác có kèm ảnh của người đang nằm dưới chân họ mang nhiều cái tên khác nhau. Đạo này, người ta không thể nhận mình là một nhà điều tra hình sự của nước Đức Quốc Xã nếu không quen với những tài liệu giả mạo. Trong số các hộ chiếu khác, theo Kohl chỉ có hộ chiếu mang tên Robert Taggert dường như là hộ chiếu thật, là hộ chiếu duy nhất chỉ có các con dấu và Visa rõ ràng là hợp pháp. Ông so sánh tất cả các tên này với danh sách tên khách hàng mua súng và dừng lại ở một mục.

Janssen đứng ngoài cửa với hộp đồ nghề lấy dấu vân tay và máy ảnh Leica. Kohl giở danh sách lên. “Có vẻ như người quá cố đã mua một khẩu Modelo A tháng trước, Janssen. Mang tên Artur Schmidt.”

Chi tiết này vẫn không loại trừ Schumann tội giết Morgan, Taggert có thể đơn giản đã tặng hoặc bán khẩu này cho gã. “Tiến hành lấy dấu vân tay đi,” Kohl hướng dẫn. Cậu sĩ quan trẻ mở va li và bắt đầu làm nhiệm vụ.

“Tôi không giết Reggie Morgan, tôi nói rồi. Mà là hắn.”

“Xin cậu, bây giờ đừng nói gì cả, cậu Schumann.”

Cái ví của Reginald Morgan cũng ở đây. Kohl xem qua nó. Ông dừng lại và nhìn tấm ảnh chụp ông ta tại một sự kiện xã hội, đang đứng cạnh hai người già.

Chúng ta biết điều gì đó về ông ta... rằng ông ta là con trai của ai đó... Và có lẽ ông ta là anh em trai của ai đó. Và có thể là chồng hoặc người tình của ai đó...

Cậu thanh tra học việc tiến hành phủ bụi lên khẩu súng, rồi lấy dấu vân tay của Taggert. Cậu nói với Schumann, “Thưa ngài, phiền ngài ngồi lui ra phía trước được không?” Kohl tán đồng giọng lịch sự của cậu học trò.

Schumann làm theo, cậu ta in dấu vân tay của gã rồi lau sạch vết mực trên ngón tay gã bằng dung dịch có tính làm se da có trong hộp đồ nghề. Janssen đặt khẩu súng cùng hai tấm thẻ vân tay lên bàn cho sếp kiểm tra. “Sếp?”

Kohl rút ra chiếc kính một mắt xem kỹ vũ khí và các dấu vân tay. Ông không phải chuyên gia, nhưng theo ý ông dấu vân tay duy nhất trên khẩu súng là của Taggert.

Đôi mắt Janssen nheo lại và nhìn xuống sàn.

Kohl nhìn theo ánh mắt cậu ta. Một cái túi bằng da rách nát nằm ở đó. À, cái ba lô được nghe nói đến! Kohl bước đến mở khóa túi. Ông lật qua những trang tài liệu - cố gắng hiểu tiếng Anh một cách tốt nhất có thể. Có rất nhiều những ghi chú về Berlin, các môn thể thao, Thế vận hội, một thẻ báo chí ra vào mang tên Paul Schumann và hàng tá mẫu báo tẻ nhặt cắt ra từ các tờ báo tại Mỹ.

Thanh tra nghĩ vậy là gã đang nói dối. Cái túi đã tố cáo gã có mặt ở hiện trường tội ác.

Nhưng khi xem cái túi thật kỹ, ông nhận thấy túi mặc dù đã cũ nhưng lớp da vẫn còn mềm, không bị bong tróc.

Rồi ông lại liếc nhìn cái xác trước mặt. Kohl bỏ cái túi xuống sàn, cúi xuống xem đôi giày của người chết. Chúng có màu nâu, đã mòn và có mấy mẫu da thuộc vương vãi. Màu sắc và độ sáng giống hệt những mẫu da thuộc được tìm thấy trên mặt đường đá cuội của ngõ Dresden, và trên sàn nhà hàng Khu Vườn Mùa Hạ. Đôi giày của Schumann không dính chút mẫu da nào hết. Gương mặt thanh tra nhăn nhó bực bội với chính mình. Lại một giả định sai lầm nữa. Schumann đã nói thật. Có lẽ thế.

“Giờ thì khám xét hẳn đi, Janssen,” Kohl nói rồi đứng dậy chỉ về phía cái xác.

Cậu thanh tra học việc quỳ xuống bắt đầu khám xét cẩn thận xác chết.

Kohl nhướn một bên mày nhìn Janssen vẫn đang khám xét. Cậu ta tìm thấy tiền, một con dao bấm và một bao thuốc. Một đồng hồ bỏ túi đeo vào một dây xích vàng. Sau đó, cậu ta nhíu mày. “Sếp, nhìn này.” Cậu đưa thanh tra một ít nhãn vải lụa, không nghi ngờ gì nữa, chúng được cắt ra từ

quần áo của Reginald Morgan đã mặc trong ngõ Dresden. Chúng cũng mang tên các cửa hàng hoặc nhà sản xuất quần áo của Đức.

“Tôi sẽ kể cho ông chuyện gì đã xảy ra,” Schumann nói.

“Phải, phải, cậu có thể nói trong một phút. Janssen, liên hệ với trụ sở đi. Bảo bất kỳ ai ở đó liên hệ với Đại sứ quán Mỹ. Hỏi họ về tên Robert Taggart này. Bảo với họ hắn đang nắm giữ một thẻ ngoại giao. Tạm thời đừng nói gì về cái chết của hắn.”

“Rõ, thưa sếp.” Janssen tìm thấy chiếc điện thoại mà Kohl thấy đã bị gỡ xuống từ trên tường, một dấu hiệu phổ biến những ngày này. Cờ Thế vận hội treo trên tòa nhà đi kèm theo đó là một băng rôn Quốc Xã cho ông biết nơi này được một người Do Thái hay ai đó bị ghét bỏ sở hữu hoặc quản lý. Điện thoại có thể bị nghe trộm. “Gọi từ mạng không dây trong xe DKW ấy, Janssen.”

Cậu thanh tra học việc gật đầu, một lần nữa rời phòng.

“Giờ thì cậu có thể kể cho tôi. Và vui lòng vặn tắt thôi.”

Schumann nói bằng tiếng Đức, “Tôi đến đây cùng đội tuyển Olympic. Tôi là một ký giả viết về thể thao. Một phóng viên tự do. Ông có...?”

“Có, có. Tôi hiểu thuật ngữ này mà.”

“Tôi nghĩ mình sẽ gặp Reggie Morgan và ông ấy giới thiệu tôi với vài người để tôi có tư liệu viết bài. Tôi muốn một thứ chúng tôi vẫn gọi là ‘chất liệu’ thông tin về các địa điểm sống động hơn trong thành phố, những tay cờ bạc, các ả điếm, các Câu lạc bộ quyền anh.”

“Vậy Reggie Morgan này làm gì? Ý tôi là chuyên môn của ông ta.”

“Tôi nghe nói ông ta chỉ là một thương nhân người Mỹ. Ông ta đã sống ở đây được vài năm và biết khá rõ nơi này.”

Kohl nêu rõ, “Cậu đã đến đây cùng đội tuyển Olympic, thế nhưng họ không sẵn sàng nói với chúng tôi bất kỳ điều gì về cậu. Thật tò mò, cậu có nghĩ vậy không?”

Schumann bật cười cay đắng. “Ông sống tại quốc gia này mà còn hỏi tôi tại sao người ta miễn cưỡng trả lời những câu hỏi của cảnh sát à?”

Đó là một vấn đề an ninh nhà nước...

Willi Kohl không cho phép bất kỳ biểu hiện nào lướt qua gương mặt mình, nhưng tạm thời ông thấy xấu hổ trước sự thật trong lời nhận xét này. Ông quan sát Schumann thật chăm chú. Tay người Mỹ có vẻ thoải mái. Kohl không thể phát hiện bất kỳ dấu hiệu bịa đặt nào, đây vốn là một trong những tài năng đặc biệt của thanh tra.

“Nói tiếp đi.”

“Hôm qua tôi đã gặp gỡ Morgan.”

“Vào lúc nào? Và ở đâu?”

“Vào khoảng buổi trưa. Bên ngoài một quán bia trên phố Spener.”

Ngay cạnh ngõ Dresden, Kohl tự nhủ. Cũng vào khoảng thời gian xảy ra vụ nổ súng. Rõ ràng nếu cần phải che giấu, anh ta sẽ không tự đặt mình vào bối cảnh vụ giết người. Hay anh ta có che giấu điều gì? Những tên tội phạm Quốc Xã nhìn chung là một lũ ngu si và ruột để ngoài da. Kohl cảm nhận trước mắt ông là một kẻ rất thông minh. Ông không thể chắc được anh ta có phải là tội phạm hay không. “Nhưng như cậu chắc chắn, Reginald Morgan thật đã không xuất hiện. Mà là tên Taggert này.”

“Đúng vậy. Mặc dù vào lúc đó thì tôi không biết. Hẳn tự xưng mình là Morgan.”

“Và chuyện gì đã xảy ra tại buổi gặp đó?”

“Chuyện đó xảy ra nhanh lắm. Hẳn bị kích động. Hẳn kéo tôi vào con ngõ này nói điều gì đó đã đến, rằng tôi sẽ gặp gỡ hẳn sau. Tại một nhà hàng...”

“Tên là gì?”

“Khu Vườn Mùa Hạ.”

“Cái nhà hàng mà cậu không uống được bia lúa mạch.”

Schumann chớp mắt, rồi nói, “Có ai thích nó không?”

Kohl cố nhin cười. “Và cậu đã gặp lại Taggert đúng như kế hoạch tại Khu Vườn Mùa Hạ?”

“Đúng. Một người bạn của hẳn đến gặp chúng tôi tại đó. Tôi không nhớ được tên anh ta.”

À, tay công nhân.

“Anh ta thì thầm gì đó với Taggert, trông hẳn lo lắng và bảo rằng chúng tôi phải lượn.” Một cái nhăn mày, gã dịch sang tiếng Đức một câu thành ngữ tiếng Anh. “Ý tôi là phải bỏ đi thật nhanh. Người bạn này nghĩ rằng có tên Gestapo nào đó, hoặc cái gì đó quanh đây và Taggert đồng ý. Chúng tôi ra ngoài bằng cửa ngách. Tôi sau đó lẽ ra phải đoán được rằng chuyện này không đúng. Nhưng đó như một cuộc phiêu lưu, ông biết đấy. Đây là thứ tôi đang tìm cho những bài viết của tôi.”

“Chất liệu địa phương,” Kohl chậm rãi nói, tự nhủ một lời nói dối trắng trợn sẽ trở nên dễ tin hơn nhiều, nếu kẻ nói dối cung cấp những sự thật nhỏ nhoi. “Cậu còn gặp gỡ tên Taggert này vào lúc nào khác nữa không?” Hất đầu về phía xác chết. “Trừ hôm nay, đương nhiên rồi?” Kohl tự hỏi liệu gã có thừa nhận đến Quảng trường Tháng 11 Năm 1923 không.

“Có,” Schumann đáp. “Sau ngày hôm đó ở một quảng trường. Một khu tồi tệ. Gần Nhà ga Oranienburger. Bên cạnh một pho tượng Hitler. Chúng tôi sẽ gặp gỡ vài mối liên hệ khác. Nhưng người đó không bao giờ đến.”

“Và hai người cũng ‘lượn’ nhanh khỏi đó.”

“Đúng. Taggert lại thấy hoảng sợ. Rõ ràng có điều gì đó đã mất. Đó là khi tôi quyết định tốt hơn nên cắt đứt quan hệ với người này.”

“Đã xảy ra chuyện gì,” Kohl hỏi nhanh, “với cái mũ Stetson của cậu?”

Một ánh mắt lo lắng. “À, tôi sẽ nói thật, Thanh tra Kohl. Tôi đã đi bộ xuống phố và trông thấy vài tên...” Một sự ngập ngừng khi lựa chọn từ ngữ. “Những con thú... những kẻ khó nhằn?”

“Phải, những tên du côn.”

“Mặc đồng phục nâu.”

“Lính Xung Kích.”

“Những tên du côn,” Schumann nói với vẻ ghê tởm nào đó. “Chúng đang đánh đập một người bán sách cùng vợ ông ta. Tôi nghĩ những tên này sắp giết họ, nên tôi chặn chúng lại. Điều tiếp theo tôi biết là có một tá tên đuổi theo tôi. Tôi ném đi bớt quần áo, vùi xuống cống để chúng không nhận ra tôi.”

Người này rất dẻo dai, Kohl nghĩ. Và thông minh nữa.

“Ông sẽ bắt giữ tôi vì đánh đập vài thằng Phát xít của ông à?”

“Tôi không quan tâm chuyện đó, cậu Schumann. Chuyện làm tôi quan tâm nhiều hơn là mục đích toàn bộ trò lừa dối được Taggert đạo diễn này.”

“Hắn đang cố chỉnh sửa vài sự kiện Thế vận hội.”

“Chỉnh sửa?”

Tay người Mỹ suy nghĩ một lúc. “Hắn muốn dụ Vận động viên nào đó cố tình thua cuộc. Đó là việc hắn đã làm ở đây suốt vài tháng qua, liên kết các sòng bài tại Berlin. Các đồng bọn của Taggert đang đặt cược vào một số Vận động viên người Mỹ được yêu thích. Tôi có một thẻ báo chí và có thể tiếp cận được họ. Tôi được cho là sẽ hối lộ để họ cố tình thua. Tôi đoán đó là lý do tại sao hai ngày qua hắn căng thẳng thế. Hắn nợ vài băng nhóm, hắn gọi chúng như thế, rất nhiều tiền.”

“Morgan bị giết vì tên Taggert này muốn đóng giả làm ông ta?”

“Đúng.”

“Đúng là một âm mưu tinh tế,” Kohl nhận xét.

“Liên quan đến một số tiền rất lớn. Hàng trăm nghìn đô la Mỹ.”

Lại liếc mắt nhìn cái xác nằm rũ trên sàn. “Tôi để ý rằng cậu đã nói cậu quyết định chấm dứt quan hệ với Taggert kể từ hôm qua. Thế nhưng bây giờ hắn ở đây. Cái vụ ‘đánh nhau’, như cậu gọi vậy, diễn ra như thế nào?”

“Hắn không chấp nhận câu trả lời là không. Hắn thèm khát tiền bạc - hắn đã vay một khoản to để đặt cược. Hôm nay, hắn đến đây nhằm đe dọa tôi, bảo rằng hắn sẽ dàn cảnh như thể tôi đã giết Morgan.”

“Để tổng tiền ép cậu phải giúp đỡ chúng.”

“Đúng. nhưng tôi đã nói tôi, không quan tâm. Mà dù sao đi nữa tôi cũng tránh mặt hắn. Hắn chĩa súng vào tôi, chúng tôi vật lộn rồi hắn ngã xuống. Có vẻ hắn đã gãy cổ.”

Theo bản năng, tâm trí của Kohl áp dụng thông tin Schumann cung cấp vào thực tế, và nhận thức của thanh tra về bản tính con người. Vài chi tiết khớp, vài chi tiết mâu thuẫn. Willi Kohl luôn tự nhắc mình phải mở rộng tâm trí tại các hiện trường tội ác, không đưa ra các kết luận quá sớm. Lúc này, quá trình đó lại tự động diễn ra, những suy nghĩ của ông chết dí tại chỗ. Như thể một tấm phiếu đục lỗ mắc kẹt trong một trong những cỗ máy phân loại DeHoMag.

“Cậu đã chiến đấu để tự vệ, và hẳn ngã xuống chết.”

Giọng một phụ nữ cất lên, “Phải, đó chính xác là chuyện đã xảy ra.”

Kohl quay lại nhìn bóng người đứng trên ngưỡng cửa. Cô ta khoảng bốn mươi tuổi, mảnh mai và quyến rũ cho dù gương mặt có nét mệt mỏi và phiền muộn.

“Vui lòng cho biết tên cô?”

“Käthe Richter.” Cô ta tự động trình chứng minh thư cho ông. “Tôi quản lý tòa nhà này thay mặt chủ nhà.”

Giấy tờ xác nhận thân phận cô ta, ông trả lại chứng minh thư. “Và cô là người chứng kiến sự việc này?”

“Tôi đã ở đây. Trong tiền sảnh. Tôi nghe thấy âm thanh náo động từ bên trong nên mở cửa hé. Tôi đã thấy hết mọi chuyện.”

“Nhưng khi chúng tôi đến, cô đã bỏ đi.”

“Tôi quá sợ. Tôi đã trông thấy xe của ông đến. Tôi không muốn mình bị liên lụy.”

Vậy là cô ta nằm trong danh sách của Gestapo hoặc SS. “Nhưng giờ cô đây rồi.”

“Tôi đã đấu tranh mất một lúc. Tôi nắm lấy cơ hội vẫn còn vài cảnh sát trong thành phố này quan tâm đến sự thật.” Cô ta nói câu này theo kiểu thách thức.

Janssen bước vào phòng. Cậu ta dò xét người phụ nữ nhưng Kohl không nói gì về cô ta. “Thế nào?” thanh tra hỏi.

“Thưa sếp, Đại sứ quán Mỹ nói họ không biết gì về Robert Taggart.”

Kohl gật đầu xác nhận khi tiếp tục cân nhắc về thông tin. Ông bước gần hơn đến xác của Taggart, rồi nói, “Đúng là một cú ngã bất ngờ, tất nhiên là theo quan điểm của cậu. Và thưa cô Richter, tôi sẽ hỏi lại cô - cô có trực tiếp chứng kiến vụ ẩu đả không? Cô phải thành thật với tôi đấy.”

“Vâng, vâng. Người này có súng. Ông ta sắp giết anh Schumann.”

“Cô có quen biết nạn nhân không?”

“Không, tôi không biết. Tôi chưa từng gặp ông ta.”

Kohl lại liếc nhìn thi thể, ngón tay cái thọc vào túi đồng hồ trên áo vest. “Làm một thanh tra, đó là một việc tò mò cậu Schumann ạ. Chúng tôi cố

gắng đọc những đầu mối, và đi đến nơi chúng dẫn chúng tôi tới. Và trong trường hợp này, các đầu mối dẫn tôi đi theo con đường của cậu - thực sự là chúng đã dẫn tôi đến đây, ngay trước mặt cậu lúc này và bây giờ dường như cũng chính những đầu mối đó cho tôi biết rằng, thực sự suốt thời gian qua tôi đã đi tìm một người khác.”

“Cuộc sống đôi khi thật biết trêu đùa.”

Tay người Đức chẳng hiểu câu nói này. Kohl cho rằng đó là một câu thành ngữ của Mỹ, nhưng không luận ra được ý nghĩa của nó.

Mà điều này chắc chắn ông không tranh cãi được.

Ông rút ra một cái tẩu từ trong túi, và chẳng cần châm lửa, ông ngậm tẩu trên môi, nhá nhá đầu tẩu thuốc một lát. “Cậu Schumann, tôi đã quyết định sẽ không cản trở cậu, vào lúc này thì không. Tôi sẽ để cậu đi. Cho dù tôi sẽ giữ lại hộ chiếu của cậu, trong khi tôi nghiên cứu sâu hơn nữa những vấn đề này. Không được rời khỏi Berlin. Như cậu cũng có thể thấy, nhiều cơ quan chức năng của chúng tôi rất giỏi tìm người trong nước mình. Bây giờ, tôi e rằng cậu sẽ phải rời khỏi nhà trọ này. Đây là một hiện trường tội ác. Cậu còn nơi nào khác để ở mà tôi có thể liên hệ không?”

Schumann suy nghĩ một lúc. “Tôi sẽ thuê phòng tại Khách sạn Metropol.”

Kohl viết địa chỉ này vào trong sổ tay, bỏ hộ chiếu của gã vào túi. “Rất tốt, thưa cậu. Bây giờ, còn điều gì nữa cậu muốn nói với tôi không?”

“Chẳng có gì đâu, Thanh tra. Tuy nhiên, tôi sẽ hợp tác nếu có thể.”

“Bây giờ cậu có thể đi được rồi. Mang theo những thứ cần thiết. Janssen, mở còng cho cậu ta.”

Cậu thanh tra học việc làm theo. Schumann bước đến chỗ va li. Với Kohl đứng quan sát cẩn thận, gã mang theo bộ cạo râu cùng dao cạo, bọt cạo râu, bàn chải đánh răng và kem nha khoa. Thanh tra trao cho gã một bao thuốc lá, mấy que diêm, tiền và lược.

Schumann liếc nhìn người phụ nữ. “Em tiễn anh đến ga tàu điện được không?”

“Vâng, dĩ nhiên rồi.”

Kohl hỏi, “Cô Richter, cô có sống trong tòa nhà này không?”

“Có, căn hộ phía sau trên tầng này.”

“Rất tốt. Tôi cũng sẽ giữ liên hệ với cô.”

Hai người cùng nhau bước ra khỏi cửa.

Họ đi xa rồi, Janssen mới nhú mào rồi nói, “Sao sếp có thể thả hăn đi? Sếp tin câu chuyện của hăn à?”

“Một chút. Vừa đủ để cho phép tôi tạm thời thả anh ta đi.” Kohl giải thích với cậu thanh tra học việc những mối bận tâm của mình. Ông tin rằng vụ giết người ở đây chỉ là tự vệ. Và thực sự có vẻ như Taggert là kẻ giết Reginald Morgan. Nhưng vẫn còn đó những câu hỏi chưa có lời đáp. Nếu họ đang ở bất kỳ quốc gia nào khác, Kohl hẳn sẽ bắt giữ Schumann cho đến khi làm sáng tỏ mọi thứ. Nhưng ông biết rằng nếu giờ ra lệnh bắt giữ người này trong khi điều tra thêm, lực lượng Gestapo sẽ hống hách to mồm tuyên bố rằng, tên ‘người ngoại quốc’ phạm tội chính là kẻ Himmler mong muốn, và anh ta sẽ bị đưa đến Nhà tù Moabit hoặc trại Oranienburg ngay lúc sấm tối.

“Không chỉ người đàn ông sẽ chết vì một tội ác anh ta không phạm phải, mà vụ này sẽ còn bị tuyên bố đóng lại. Và chúng ta sẽ không bao giờ tìm ra được toàn bộ sự thật - mà dĩ nhiên, đó là toàn bộ vấn đề trong công việc của chúng ta.”

“Nhưng ít nhất tôi nên đi theo hăn chứ?”

Kohl thở dài. “Janssen, chúng ta tóm được bao nhiêu tên tội phạm bằng cách theo dõi chúng rồi? Những tên tội phạm Mỹ điển hình chúng nói sao nhỉ? Bám đuôi à?”

“À, chẳng có tên nào, tôi đoán vậy, nhưng...”

“Vậy nên chúng ta sẽ để dành việc này cho những thám tử hư cấu. Chúng ta biết có thể tìm anh ta ở đâu.”

“Nhưng Metropol là một khách sạn lớn với rất nhiều lối ra. Hăn có thể dễ dàng thoát khỏi chúng ta ở đó.”

“Chúng ta không bận tâm chuyện đó, Janssen, mà sẽ tiếp tục nghiên cứu sâu hơn vai trò của Schumann trong vở kịch ngăn ngui này. Ưu tiên của chúng ta bây giờ là khám xét cái phòng này thật kỹ... Chà, xin chúc mừng, Thanh tra học việc.”

“Tại sao hả sếp?”

“Cậu đã phá được vụ ngõ Dresden.” Ông chỉ về phía cái xác. “Và hơn nữa, kẻ săn mồi đã chết. Chúng ta không cần phải dự một phiên tòa khó chịu nào nữa.”

Chương 30

Với một tên vệ sĩ SS đi kèm, Đại tá Reinhard Ernst đã đưa Rudy quay về nhà đến Charlottenburg. Hãn thấy biết ơn sự ngây thơ của thằng nhóc, nó hoàn toàn không nhận thức được hiểm nguy ở Sân vận động. Những gương mặt đầy sát khí của mọi người, sự khẩn cấp trong phòng họp báo và chuyến xe đột ngột rời khỏi Sân vận động khiến thằng bé lo lắng, nhưng nó không thể hiểu được tầm quan trọng của các sự kiện. Tất cả những gì nó biết là ông nội nó bị ngã và tự làm mình bị thương nhẹ, cho dù ông nó xem thường ‘cuộc phiêu lưu’ này, như ông nó gọi.

Thực ra, những điểm nhấn của buổi chiều đối với thằng bé lại không phải là Sân vận động hoành tráng, gặp gỡ một số nhân vật quyền lực nhất thế giới, hay báo động có kẻ ám sát. Mà là những con chó. Rudy lúc này muốn một con cho riêng mình, hai con thì thích hơn nữa. Thằng bé luôn miệng nói về lũ chó.

“Công trường xây dựng ở khắp nơi.” Ernst lẩm bẩm với Gertrud. “Bộ đồ của anh hỏng mất rồi.”

Đúng thật, cô không vui nhưng lại thấy lo lắng hơn chuyện hãn bị ngã. Cô xem xét cẩn thận đầu hãn. “Đầu có cục u đây này. Anh phải cẩn thận hơn chứ Reinie. Em sẽ chườm đá cho anh.”

Hãn ghét phải nói dối cô. Nhưng hãn chắc chắn sẽ không nói với cô rằng mình là mục tiêu bị ám sát. Nếu cô biết thì hãn cô sẽ nài nỉ, mà không, sẽ khăng khăng bắt hãn ở nhà. Và hãn sẽ phải từ chối, điều hãn hiếm khi làm với cô. Hitler có thể đã hèn nhát nấp dưới những xác chết trong cuộc nổi loạn Tháng 11 năm 1923 để sống sót. Nhưng Ernst sẽ không bao giờ lảng tránh kẻ thù khi bốn phận đòi hỏi hãn làm khác.

Phải, dưới những hoàn cảnh khác nhau, hẳn có thể sẽ ở nhà một hai ngày cho đến khi tìm ra kẻ ám sát mà chắc chắn hẳn sẽ làm thế, giờ thì bộ máy vĩ đại của Gestapo, SS và SD đã đi vào vận hành. Nhưng Ernst còn một vấn đề sống còn phải giải quyết ngày hôm nay: tiến hành các thử nghiệm tại trường đại học với Giáo sư-tiến sĩ Keitel, và chuẩn bị biên bản về Nghiên cứu Waltham trình lên Lãnh tụ.

Lúc này, hẳn sai quản gia mang cho hẳn ít cà phê, bánh mỳ và xúc xích vào phòng riêng.

“Nhưng Reinie,” Gertrud nói đầy bức tức, “hôm nay là Chủ nhật. Con ngỗng...”

Những bữa ăn buổi chiều vào ngày nghỉ là một truyền thống lâu đời của gia đình Ernst, không được phá vỡ nó trong bất kỳ hoàn cảnh nào.

“Anh xin lỗi, em yêu. Anh không còn lựa chọn. Tuần tới anh sẽ tặng em và gia đình trọn ngày nghỉ cuối tuần.”

Hắn bước vào phòng riêng, ngồi xuống bàn làm việc, viết ra các ghi chú.

Mười phút sau, đích thân Gertrud xuất hiện, mang theo một khay to.

“Em sẽ không cho phép anh ăn qua quýt đâu,” cô nói, nhắc tấm khăn che khay lên.

Hắn mỉm cười xem khay đựng con ngỗng quay khổng lồ với mút cam, bắp cải, khoai tây luộc, đậu xanh và bạch đậu khấu.

Hắn đứng dậy hôn vào má cô. Cô bước ra khỏi phòng, và trong khi ăn, mặc dù không ngon miệng lắm, hẳn bắt đầu soạn ra dự thảo biên bản trên máy đánh chữ.

TỐI MẬT

Adolf Hitler, Lãnh tụ, Thủ tướng Nhà nước và Tổng thống Đức, Tư lệnh các Lực lượng vũ trang.

Thống chế Lục quân Wemer von Blomberg,

Bộ trưởng Quốc phòng Nhà nước

Thư Lãnh tụ và Bộ trưởng:

Các ngài đã hỏi tôi về các chi tiết của Nghiên cứu Waltham do đích thân tôi cùng Giáo sư-Tiến sĩ Ludwig Keitel của Trường Đại học Quân sự

Waltham thực hiện. Và tôi rất vui lòng được mô tả tính chất của nghiên cứu này, cùng các kết quả đạt được cho đến thời điểm này.

Nghiên cứu này nảy sinh từ hướng dẫn của các ngài đối với tôi, liên quan đến việc chuẩn bị sẵn sàng các lực lượng vũ trang Đức, giúp đỡ họ nhanh chóng đạt được các mục tiêu quốc gia vĩ đại của chúng ta, như hai ngài đã đặt ra...

Hắn dừng tay và sắp xếp lại những suy nghĩ. Cái gì cần chia sẻ và cái gì không?

Nửa tiếng sau hắn đã hoàn thành xong tài liệu dài trang rưỡi với vài sửa chữa bằng bút chì. Giờ thì bản dự thảo cứ tạm thế đã. Hắn sẽ nhờ Keitel đọc kỹ lại tài liệu và chỉnh sửa. Sau đó, Ernst sẽ đánh máy lại lần cuối cùng vào tối nay, rồi đích thân trình lên Lãnh tụ vào ngày mai. Hắn còn viết một ghi chú gửi cho Keitel, bảo ông ta đưa ra nhận xét và ghim vào bản dự thảo.

Mang cái khay xuống nhà, hắn chào tạm biệt Gertrud rồi rời khỏi nhà. Hitler một mực bắt phải có lính canh bên ngoài nhà hắn, ít nhất cho đến khi kẻ ám sát bị bắt. Ernst không phản đối chuyện này, nhưng lúc này hắn đề nghị chúng tránh xa tầm nhìn để không làm gia đình hoảng hốt. Hắn cũng đồng ý với yêu cầu của Lãnh tụ rằng hắn không nên lái xe một mình trong chiếc Mercedes mui trần, loại xe hắn ưa thích, mà phải đi xe có mui cùng một tên vệ sĩ SS có vũ trang.

Đầu tiên, họ lái xe đến Columbia House tại Tempelhof. Tài xế xuống xe, nhìn xung quanh để chắc chắn khu đường vào an toàn. Tên này bước đến chỗ hai tên lính khác đang gác trước cửa ra vào, nói chuyện với chúng. Đến lượt chúng cũng nghiêng ngó xung quanh, cho dù Ernst không thể hình dung nổi đứa nào ngu đến mức sẽ thực hiện hành vi ám sát ngay trước cửa một trung tâm giam giữ SS. Một lúc sau, chúng vẫy tay và Ernst xuống xe. Hắn bước qua cửa trước dẫn xuống những cầu thang. Hắn đi qua vài cánh cửa có khoá nữa, rồi bước vào trong khu xà lim.

Lại bước xuống tiền sảnh dài, nóng nực và tối om, sức lên mùi nước tiểu và phân. Một cách khó chịu để đối xử với con người, hắn nghĩ. Những binh

sĩ Anh, Mỹ và Pháp hẳn đã cầm tù trong Thế Chiến thứ I còn được đối xử với sự tôn trọng. Ernst đứng nghiêm chào các sĩ quan, nói chuyện phiếm với những người có tên trong danh sách, chắc chắn rằng họ được ẩm áp, khô ráo và được ăn uống đầy đủ. Lúc này hẳn cảm thấy ngập tràn sự khinh thường tên cai ngục mặc đồng phục nâu đi cùng hẳn xuống hành lang, nhẹ nhàng huýt sáo bài “Horst Wessel Song”, thi thoảng nện dùi cui vào những thanh sắt chỉ đơn giản nhằm đe dọa các tù nhân.

Khi họ đến một xà lim nằm trên ba phần tư đường xuống hành lang thì Ernst dừng bước, nhìn vào trong, da của hẳn nhức nhối vì cái nóng.

Hai anh em nhà Fischer đổ mồ hôi như tắm. Họ khiếp sợ, dĩ nhiên rồi - ai mà chẳng khiếp với cái lò nung này - nhưng hẳn còn thấy một điều nữa trong mắt họ: sự ương ngạnh của tuổi trẻ.

Ernst thất vọng. Ánh mắt này cho hẳn biết rằng họ sẽ từ chối đề nghị của hẳn. Họ đã lựa chọn một đợt giam giữ ngắn tại Oranienburg? Hẳn đã nghĩ chắc chắn rằng Kurt và Hans sẽ đồng ý tham gia vào Nghiên cứu Waltham. Như thế họ hẳn sẽ hoàn hảo.

“Xin chào.”

Người anh gật đầu. Ernst cảm thấy lạnh sống lưng đến lạ lùng. Chàng trai này giống hệt con trai hẳn. Tại sao lúc trước hẳn không nhận ra điều này? Có lẽ đó là sự tự tin và trầm tĩnh sáng nay chưa được thể hiện ra. Có lẽ đó chỉ là ám ảnh ánh mắt Rudy lúc này còn đeo bám. Trong bất kỳ trường hợp nào, sự tương đồng này khiến hẳn bất an.

“Tôi cần câu trả lời của hai cậu về việc tham gia nghiên cứu của chúng tôi.”

Hai anh em nhìn nhau. Kurt vừa bắt đầu nói thì cậu em hai đã xen vào, “Chúng tôi đồng ý.”

Vậy là hẳn đã nhầm. Ernst mỉm cười và gật đầu, thực sự hài lòng.

Rồi người anh nói thêm, “Miễn là ông gửi hộ chúng tôi một lá thư sang Anh.”

“Một lá thư?”

“Chúng tôi muốn liên lạc với bố mẹ.”

“Tôi e rằng chuyện này không được phép.”

“Nhưng ông là một đại tá, đúng không? Chẳng phải ông là người có thể quyết định chuyện nào được phép, chuyện nào không hay sao?” Hans hỏi.

Ernst nghiêng đầu xem xét thẳng bé. Nhưng sự chú ý của hắn lại quay về với người anh. Sự tương đồng với Mark thực sự khó chịu. Hắn ngần ngại rồi đáp, “Một lá thư. Nhưng hai cậu phải gửi thư trong hai ngày sau đó, trong sự giám sát của tôi. Các trung sĩ huấn luyện các cậu sẽ không cho phép làm thế, một lá thư gửi sang London thì không được. Họ nhất định không phải là người có thể quyết định chuyện gì được phép, chuyện gì không.”

Hai anh em lại đưa mắt nhìn nhau. Kurt gật đầu. Tên đại tá cũng vậy. Và sau đó, hắn đứng nghiêm chào bọn họ - giống hệt như khi hắn chào tạm biệt con trai mình. Không phải kèm theo một cánh tay giơ cao như Phát xít, mà là chào theo kiểu truyền thống, bàn tay phải duỗi thẳng đưa lên trán một cách kín đáo để tên lính SA không để ý.

“Chào mừng đến nước Đức mới,” Ernst nói bằng một giọng gần như thì thầm, ngược lại với lối chào nghiêm túc cứng quèo lúc nãy.

Họ ngoặt ở góc phố và tiến thẳng đến Lützow Plaza, tăng khoảng cách giữa họ với khu nhà trọ càng xa càng tốt trước khi gọi taxi. Paul quay lại nhìn thường xuyên để chắc chắn họ không bị theo dõi.

“Chúng ta sẽ không ở lại Metropol,” gã nói, nhìn khắp con phố. “Anh sẽ tìm một nơi an toàn khác. Bạn anh, Otto, có thể lo được việc này. Anh xin lỗi. Nhưng em sẽ phải bỏ lại mọi thứ ở đó. Em không thể quay về nữa.”

Hai người dừng chân trên góc phố nhộn nhịp. Không còn đôi cánh tay gập ôm quanh eo lưng Käthe vì gã còn mãi nhìn đường. Nhưng gã cảm thấy cô cứng người lại, rồi cô gạt gã ra.

Gã liếc nhìn cô, nhú mày.

“Paul, em sẽ quay về.” Cô nói bằng giọng vô cảm.

“Käthe, chuyện gì thế?”

“Em sẽ nói thật với ông thanh tra Cảnh sát Hình sự.”

“Em...”

“Em đã ở ngoài cửa nhìn vào trong. Anh mới chính là người nói dối. Anh đã giết chết người đàn ông đó trong phòng. Chẳng có đánh lộn gì hết. Ông ta không có súng. Ông ta đang đứng đó vô hại, anh đánh và giết ông ta. Điều đó thật khủng khiếp. Em chưa từng được thấy bất cứ điều gì khủng khiếp như thế kể từ khi... kể từ khi...”

Viên gạch thứ tư tính từ bãi cỏ...

Paul cảm lạnh.

Một chiếc xe tải mui trần chạy vút qua. Nửa tá lính Xung Kích ngồi phía sau. Chúng hét lên điều gì đó với một nhóm người trên phố rồi phá lên cười. Vài khách bộ hành vẫy tay chào lại. Chiếc xe tải biến mất rất nhanh ở góc phố.

Paul dẫn Käthe đến chiếc ghế dài trong một công viên nhỏ, nhưng cô vẫn đứng. “Không,” cô thì thầm. Hai cánh tay khoanh trước ngực, cô nhìn gã trừng trừng lạnh lẽo.

“Mọi việc không đơn giản như em nghĩ đâu,” gã thì thầm.

“Đơn giản ư?”

“Còn nhiều chuyện nữa liên quan tới anh, liên quan tới lý do anh ở đây. Phải, anh không muốn nói với em vì không muốn em bị liên lụy.”

Cuối cùng lúc này, cơn giận thực sự đã bùng nổ. “Ồ, có cơ để nói dối đấy nhỉ? Anh không muốn em bị liên lụy. Anh đã rủ em sang Mỹ, Paul. Em còn có thể liên lụy đến mức nào nữa hả?”

“Ý anh là liên lụy đến cuộc sống trước kia của anh. Chuyển đi này sẽ là dấu chấm hết cho việc đó.”

“Cuộc sống cũ? Anh là quân nhân à?”

“Theo một nghĩa nào đó.” Gã ngáp ngừng. “Không. Điều đó không đúng. Ở Mỹ anh đã từng là một tội phạm. Anh đến đây để ngăn chúng lại.”

“Chúng?”

“Những kẻ thù của em.” Gã hất đầu về phía một trong số hàng trăm lá cờ màu đỏ-trắng-đen tung bay gần đó trong cơn gió nhẹ. “Anh được giao nhiệm vụ giết ai đó trong chính quyền ở đây, nhằm ngăn chặn hẳn bắt đầu

một cuộc chiến khác. Nhưng sau đó, một phần cuộc đời anh sẽ đi theo nó. Anh phải có một hồ sơ sạch sẽ. Anh sẽ...”

“Khi nào thì anh định nói em nghe cái bí mật nhỏ của anh vậy, Paul? Khi nào chúng ta sẽ đến London? Đến New York?”

“Tin anh đi. Nó kết thúc rồi.”

“Anh đã lợi dụng em.”

“Anh không hề...”

“Đêm qua - cái đêm tuyệt vời đó - cái đêm em dẫn anh đi xem Phố Wilhelm. Anh đã dùng em như một vỏ bọc, đúng không? Anh đã muốn tìm địa điểm nơi anh có thể giết người này.”

Ngước mắt lên, gã thấy một trong những băng rôn cứng ngắc, bay phần phật và không nói gì.

“Và chuyện gì xảy ra nếu tại Mỹ em làm điều gì đó gây nguy hiểm cho anh? Anh sẽ đánh em? Hay sẽ giết chết em?”

“Käthe ! Dĩ nhiên là không.”

“Chà, anh nói vậy thôi. Nhưng anh đã từng nói dối rồi.” Käthe rút ra chiếc khăn tay từ trong ví. Mùi tử đinh hương nhất thời khiến gã xúc động và trái tim gã gào khóc, như thể nó là mùi hương trầm gọi người yêu dấu thức tỉnh. Cô lau mắt rồi nhét khăn vào túi. “Nói em nghe một chuyện, Paul. Anh khác gì so với chúng? Nói em biết. Như thế nào... Không, không, anh thì khác. Anh tàn bạo hơn. Anh biết tại sao không?” Cố ghìm nước mắt. “Anh đã cho em thấy hy vọng rồi lại cướp nó đi. Với chúng, với những con dã thú trong vườn, chẳng bao giờ có hy vọng gì cả. Dù sao chúng cũng không dối trá như anh. Không, Paul. Cứ việc bay về quốc gia của anh đi. Em sẽ ở lại đây. Em sẽ ở lại đây đến khi có tiếng gõ cửa nhà em. Và rồi em sẽ ra đi. Giống như Michael của em.”

“Käthe , anh chưa từng thành thật với em, phải. Nhưng em hãy đi cùng anh... Xin em.”

“Anh có biết triết gia Nietzsche của chúng ta đã viết gì không? Ông ấy đã nói, ‘Một kẻ đứng lên diệt quỷ phải coi chừng để không tự biến mình thành quỷ’. Ôi, câu này chí lý quá, Paul ạ. Chí lý quá.”

“Xin em hãy đi cùng anh đi.” Gã nắm lấy hai vai cô, bóp mạnh.

Nhưng Käthe Richter cũng mạnh mẽ không kém. Cô gỡ hai tay gã ra, bước lùi lại. Đôi mắt cô như khoan vào mắt Paul, không ngừng thì thầm, “Em thà chia sẻ đất nước của em với chục nghìn kẻ giết người, còn hơn ngủ chung giường với một kẻ sát nhân.”

Rồi cô quay gót, ngấp ngừng một chút sau đó nhanh chóng bước đi. Những người đi qua ngoái lại nhìn, không hiểu được nguyên do trận cãi vã của cặp tình nhân.

Chương 31

“Willi, Willi, Willi...”

Chánh Thanh ưa Friedrich Horcher gọi cái tên này rất chậm rãi.

Kohl đã quay về Alex, vừa định vào văn phòng thì ông sếp bắt kịp.
“Vâng, thưa sếp?”

“Tôi đang tìm cậu đây.”

“Chuyện gì thế? Anh đi tìm tôi?”

“Về vụ Gatow. Hai vụ thảm sát bằng súng. Cậu nhớ chưa?”

Làm sao ông quên được chứ? Những tấm ảnh sẽ cháy trong tâm trí ông mãi mãi. Những người phụ nữ... những đứa trẻ... Nhưng giờ đây ông lại cảm thấy run lên vì sợ hãi. Phải chăng vụ án này thật sự là một thử nghiệm như ông đã lo lắng từ trước? Phải chăng những thằng nhóc của Heydrich đang chờ xem ông có bỏ vụ này không, và giờ chúng biết rằng ông đã làm mọi việc tệ hơn: Bằng cách bí mật gọi cho tay hiến binh tại nhà hỏi về vụ này?

Horcher giật giật băng tay đỏ như máu của ông ta. “Tôi có tin tốt cho cậu đây. Vụ này được giải quyết xong rồi. Cả vụ Charlottenburg, các công nhân Ba Lan nữa. Cả hai đều là sản phẩm của cùng một kẻ sát nhân.”

Sự nhẹ nhõm ban đầu của Kohl vì không bị bắt nhanh chóng chuyển thành bối rối. “Ai đã đóng vụ này? Người của Cảnh sát Hình sự à?”

“Không, không, mà là đích thân người đứng đầu lực lượng hiến binh. Meyerhoff đấy. Hình dung được không.”

Chà... vấn đề đang bắt đầu kết tinh - trước sự khó chịu của Willi Kohl. Ông không chút ngạc nhiên với phần còn lại của câu chuyện sếp ông đưa ra. “Kẻ sát nhân là một người Do Thái gốc Séc. Bị loạn thần kinh. Gần giống Bá tước Dracula. Hẳn có phải người Séc không? Hay là người

Rumani hay Hungary, tôi cũng chẳng nhớ. Ha ha ha, lịch sử luôn là môn tôi kém nhất. Mà dù thế nào nghi phạm cũng đã bị bắt, đã nhận tội và được bàn giao lại cho SS rồi.” Horcher phá lên cười. “Họ không còn đưa ra cảnh báo quan trọng, bí ẩn và an ninh nữa, mà thực sự làm việc của cảnh sát.”

“Có một hay nhiều đồng phạm?” Kohl hỏi.

“Đồng phạm? Không, không, tên người Séc này làm một mình.”

“Một mình? Nhưng tay hiến binh ở Gatow đã kết luận rằng phải có ít nhất hai hoặc ba hung thủ, có thể còn nhiều hơn. Các bức ảnh cũng ủng hộ giả thuyết đó, và cũng logic nữa, xét theo con số các nạn nhân.”

“Ôi như chúng ta biết, Willi, đôi khi những cảnh sát lão luyện còn bị con mắt đánh lừa. Một hiến binh trẻ ở ngoại ô ư? Họ chưa làm quen với điều tra hiện trường tội ác. Hơn nữa tên Do Thái kia đã nhận tội rồi. Hãn hành động một mình. Vụ này đã đóng lại. Và tên đó đang trên đường đến trại rồi.”

“Tôi muốn được thăm vấn hãn.”

Có sự ngập ngừng. Rồi với nụ cười vẫn nở trên môi, Horcher lại điều chỉnh dải băng trên tay áo. “Để xem tôi sẽ làm được gì. Cho dù có khả năng hãn đã đến Dachau rồi.”

“Dachau? Tại sao lại chuyển hãn đến Munich thay vì đến Oranienburg?”

“Quá tải, có lẽ vậy. Dù là bất kỳ trường hợp nào vụ này đã xong rồi, nên thật sự không có lý do gì để nói chuyện với hãn.”

Dĩ nhiên, đến giờ này hãn ta đã chết.

“Thêm nữa, cậu cần tập trung toàn thời gian vào vụ ngộ Dresden đi. Tiến triển tới đâu rồi?”

“Chúng tôi đã đạt được những bước đột phá,” Kohl nói với ông sếp, cố gắng ghìm cơn giận dữ và phần nộ trong giọng. “Tôi nghĩ một, hai ngày nữa chúng ta sẽ có câu trả lời.”

“Tuyệt vời,” Horcher nhíu mày. “Trên phố Prince Albrecht thậm chí còn náo nhiệt hơn trước nhiều. Cậu có nghe nói không? Thêm nhiều cảnh báo hơn, nhiều biện pháp an ninh hơn. Còn huy động cả SS nữa. vẫn chưa hiểu đang xảy ra chuyện gì. Cậu có tình cờ nghe ngóng được gì không thế?”

“Không, thưa sếp.” Horcher tội nghiệp. Sợ hãi tất cả mọi người năm được thông tin tốt hơn mình. “Sếp sẽ nhận được thông báo về vụ giết người

này sớm thôi,” Kohl nói.

“Tốt. Tập trung vào tay nước ngoài đó đúng không? Tôi tin là cậu đã nói thế.”

Kohl nghĩ: Không, ông mới nói câu đó. “Vụ này đang tiến triển tốt.”

“Tuyệt. Chết tiệt, nhìn chúng ta này, Willi. Làm việc cả những ngày Chủ nhật. Cậu tưởng tượng được không? Còn nhớ khi chúng ta có những ngày nghỉ vào thứ Bảy và Chủ nhật không?” Ông ta thả bước quay lại tiền sảnh tĩnh lặng.

Kohl bước qua cửa vào văn phòng mình, thấy chỗ ông đang để những ghi chú và các bức ảnh chụp hai vụ thảm sát Gatow trống trơn. Horcher hẳn là đã ‘tổng chúng đi’ - ra ý rằng chúng sẽ chịu chung số phận như tên Do Thái gốc Séc tội nghiệp kia. Có khả năng bị thiêu sống như bản kê khai hàng hóa trên tàu Manhattan, trôi bồng bềnh khắp thành phố như những tro tàn trong cơn gió Berlin có mùi kiêu. Ông tựa người mệt mỏi vào khung cửa, nhìn chằm chằm những không gian trống rỗng trên bàn làm việc và suy nghĩ: Án mạng có một đặc điểm: Nó không bao giờ dang dở. Bạn tìm lại được số tiền bị mất cắp, những vết thâm tím rồi sẽ lành, ngôi nhà bị cháy rụi rồi sẽ được xây lại, bạn sẽ tìm thấy nạn nhân vụ bắt cóc tuy lo lắng nhưng vẫn sống. Tuy nhiên, những đứa trẻ, bố mẹ chúng rồi các công nhân Ba Lan đã chết... những cái chết của họ sẽ là mãi mãi.

Thế nhưng ở đây, Willi Kohl được bảo là vụ này không phải thế. Rằng quy luật của vũ trụ làm sao đó không giống ở trụ sở này: Thông tin chi tiết về các gia đình, các công nhân đã bị xóa sạch. Bởi vì nếu những người này có thật, vậy thì họ sẽ không bao giờ yên nghỉ đến chừng nào mất mát này được thấu hiểu, được khóc thương và - vai trò của Kohl - được chứng thực.

Thanh tra treo mũ lên móc, nặng nề buông mình xuống chiếc ghế kê cót két. Ông xem các bức điện tín và hộp thư mới nhận, nhưng chẳng có gì liên quan đến Schumann. Sử dụng kính lúp một mắt, Kohl tự so sánh những dấu vân tay Janssen thu được của Taggert với các bức ảnh tìm thấy trên mặt đường đá cuội trong ngõ Dresden. Chúng giống nhau. Ở mức độ nào đó khám phá này khiến ông nhẹ nhõm, như thế tức là Taggert thực sự là hung thủ giết Reginald Morgan, rằng người ông thả đi không phải là kẻ sát nhân.

Ông còn nhẹ nhõm vì ông có thể tự so sánh một mình. Một thông điệp từ Phòng nhận dạng cho ông biết toàn bộ các nhân viên khám nghiệm, nhân viên phân tích đều được lệnh hủy bỏ hết cuộc điều tra của Cảnh sát Hình sự, chuẩn bị sẵn sàng hành động cho SS và Gestapo trong cái gọi là ‘một phát triển mới trong cảnh báo an ninh.’

Ông bước đến bàn làm việc của Janssen và biết rằng, nhân viên của nhà điều tra các vụ án bất thường vẫn chưa mang được xác Taggert từ nhà trọ về. Kohl lắc đầu thờ dài. “Chúng ta sẽ làm hết những gì có thể ở đây. Bảo các kỹ thuật viên đạn đạo xét nghiệm khẩu súng ngắn Tây Ban Nha để chắc chắn nó là hung khí giết người.”

“Vâng, thưa sếp.”

“À, Janssen này? Nếu mấy nhân viên khám nghiệm vũ khí bị huy động vào cuộc tìm kiếm tên người Nga này, thì cậu làm xét nghiệm một mình nhé. Cậu làm được mà, đúng không?”

“Vâng, thưa sếp, tôi làm được.”

Sau khi cậu thanh niên đi khỏi, Kohl lại ngồi xuống ghế bắt đầu tốc ký danh sách các câu hỏi về Morgan và tên Taggert bí ẩn, mà ông sẽ phải biên dịch rồi gửi đến các cơ quan chức năng tại Mỹ.

Một cái bóng xuất hiện trên ngưỡng cửa. “Sếp, có điện tín,” một cảnh sát trẻ trên tầng mặc áo jacket xám thông báo và trao bức điện tín cho Kohl.

“Vâng, vâng cảm ơn.” Ông nghĩ rằng điện tín này sẽ đến từ Công ty Chuyển phát Nhanh United States Lines, có nội dung về danh mục hàng hóa hoặc danh sách khách hàng tại cửa hàng Thời trang Nam giới của Mamy giải thích ngắn gọn họ chẳng giúp được gì, ông liền xé bì thư.

Nhưng ông đã lầm. Điện tín đến từ Sở Cảnh sát Thành phố New York. Ngôn ngữ là tiếng Anh nhưng có thể hiểu được đầy đủ ý nghĩa.

KÍNH GỬI: THANH TRA W. KOHL

TRỤ SỞ CẢNH SÁT HÌNH SỰ ALEX BERLIN

THƯ NÀY NHẪM MỤC ĐÍCH TRẢ LỜI ĐỀ NGHỊ CÙNG NGÀY DO NGÀI GỬI ĐẾN, XIN THÔNG BÁO RẰNG HỒ SƠ VỀ P. SCHUMANN ĐÃ BỊ XÓA. VÀ CUỘC ĐIỀU TRA CỦA CHÚNG TÔI LIÊN QUAN ĐẾN CÁ

NHÂN CÓ TÊN NÓI TRÊN ĐÃ BỊ TRÌ HOÃN VÔ THỜI HẠN. KHÔNG CÒN BẤT KỲ THÔNG TIN NÀO NỮA.

TRÂN TRỌNG

ĐẠI ÚY G.O' MALLEY - SỞ CẢNH SÁT THÀNH PHỐ NEW YORK

Kohl nhú mày, tìm từ 'expunged' trong từ điển Anh - Đức thấy từ này có nghĩa là 'bị xóa' Ông đọc lại bức điện tín vài lần nữa, cảm thấy da mình ngày càng nóng lên sau mỗi lần đọc.

Vậy là cảnh sát hình sự đã điều tra Schumann. Vì tội gì nhỉ?

Và tại sao hồ sơ lại bị hủy và cuộc điều tra bị ngừng lại? Điều thấy rõ nhất đó là trong khi tên này có thể không là hung thủ giết Reginald Morgan, nhưng trong thành phố, hẳn có thể tham gia vào kế hoạch tội ác nào đó.

Và điều quan trọng thứ hai, chính tay Kohl đã thả tự do cho tên tội phạm nguy hiểm tiềm năng vào thành phố.

Ông cần phải tìm được Schumann hoặc ít nhất là thêm thông tin về hắn và phải thật nhanh. Không đợi Janssen quay về Willi Kohl lấy mũ rồi bước dọc theo tiền sảnh mở dẫn xuống cầu thang. Do bị phân tâm nên ông chọn lối cầu thang đưa xuống tầng trệt bị cấm. Ông vẫn mở cửa ra vào và ngay lập tức chạm mặt một tên lính SS. Lẫn trong tiếng loạch xoạch của những chiếc máy phân loại thẻ DeHoMag, hắn nói, "Thưa ngài, khu này bị ca..."

"Cậu sẽ cho tôi qua mà," Kohl gầm gừ với vẻ hung dữ, khiến tên lính trẻ giật mình.

Một tên lính khác được trang bị khẩu súng máy Erma, nhìn về phía họ.

"Tôi đang rời khỏi tòa nhà theo lối cửa ra phía cuối tiền sảnh đó. Không còn thời gian để quay lên đâu."

Tên SS trẻ tuổi khó chịu nhìn quanh ông. Không còn ai khác trong tiền sảnh nói tiếng nào. Cuối cùng hắn ta gật đầu.

Kohl oai vệ đi xuống hành lang, mặc kệ cơn đau ở bàn chân, lao ra ngoài tắm trong ánh nắng chiều tuyệt vời và nóng nực. Ông vừa tự định hướng, vừa giơ chân lên ghế dài chỉnh lại vị trí lớp lông cừu đỡ bàn chân phải. Xong xuôi, thanh tra tiến về phía Bắc theo hướng đến Khách sạn Metropol.

“Ồi chà, cậu John Dillinger!” Otto Webber nhíu mày chỉ cho gã cái ghế trong góc tối Quán Cà phê Aryan. Anh ta nắm chặt cánh tay Paul và thì thầm, “Tôi đã rất lo lắng cho cậu. Chẳng nói năng gì cả! Cuộc gọi của tôi đến Sân vận động có thành công không? Chẳng nghe thấy tin tức gì trên đài hết. Cả lão Goebbels chuyên gặm nhấm của chúng ta cũng chẳng nói lời nào trên đài về vụ ám sát.”

Nói xong nụ cười của tay cầm đầu băng nhóm tắt lịm. “Có chuyện gì thế, bạn tôi? Mặt cậu không được vui.”

Gã chưa kịp nói gì thì cô hầu Liesl nhận ra Paul bèn tiến đến rất nhanh. “Chào anh, tình yêu của em,” ả nói. Rồi bữu môi hờn dỗi. “Đúng là xấu hổ. Lần trước anh bỏ đi mà chẳng hôn tạm biệt em. Anh uống gì không, em lấy?”

“Một bia Pschorr.”

“Vâng, vâng, em rất hân hạnh. Nhớ anh lắm đấy.”

Bị ả bồi bàn ngó lơ, Webber cúi kính nói, “Này, này cô. Một cốc lớn hơn cho tôi.”

Liesl cúi người xuống hôn lên má Paul. Gã ngửi thấy mùi nước hoa nồng nặc. Ngay cả khi ả đi xa rồi, mùi vẫn còn vẫn vương xung quanh. Gã nghĩ đến mùi tử đinh hương, nghĩ đến Käthe. Gã kiên quyết cố xua đi những suy nghĩ này, rồi giải thích chuyện đã xảy ra tại Sân vận động và sau đó.

“Không! Ông bạn của chúng ta, Morgan à?” Webber kinh hoàng.

“Một kẻ giả vờ là Morgan. Cảnh sát Hình sự có tên và giữ lại hộ chiếu của tôi, nhưng họ không nghĩ rằng tôi đã giết ông ta. Và họ vẫn chưa liên kết được tôi với Ernst và Sân vận động.”

Liesl mang bia đến bàn. ả xiết chặt vai Paul khi bước đi, cố tình cạ vào người gã đầy lá lơi, bỏ lại một làn mây nước hoa nồng nặc trôi quanh bàn. Paul ngả người tránh né. Cô nàng mỉm cười khi ngúng nguẩy bỏ đi.

“Chẳng nhẽ cô ta không thấy là tôi không quan tâm à?” gã làu bàu, càng giận điên lên nữa vì không thể xua đi hình ảnh Käthe ra khỏi tâm trí.

“Ai cơ?” Webber hỏi, nhấp thêm vài ngụm lớn.

“Cô ta. Liesl.” Gã hất đầu.

Webber nhăn nhó. “Không, không, không. Cậu John Dillinger. Không phải cô ta. Mà là hắn ta. “

“Cái gì?”

Webber nhú mày. “Thế cậu tưởng Liesl là đàn bà à?”

Paul chớp mắt. “Cô ta là một...”

“Nhưng dĩ nhiên.” Anh ta uống thêm bia nữa, lau rìa mép bằng mu bàn tay. “Tôi tưởng cậu biết rồi. Rõ ràng thế mà.”

“Lạy Chúa.” Paul chùi má thật mạnh nơi cô ả hôn vào. Gã liếc nhìn lại. “Có thể với anh thì thế.”

“Cậu là người có chuyên môn thế mà cứ như con nai vàng.”

“Tôi đã nói là tôi thích phụ nữ, khi anh hỏi tôi về những căn phòng ở đây.”

“Chà, thứ trưng bày ở đây là phụ nữ. Nhưng phân nửa hầu bàn là nam giới. Đừng trách tôi nếu cả hai giới đều thấy cậu hấp dẫn. Thêm nữa, đó là lỗi của cậu - cậu boia cho cô ta như một hoàng tử ở Addis Ababa ấy.”

Paul châm một điếu thuốc nhằm át đi cái mùi nước hoa giờ chỉ khiến gã ghê tởm.

“VẬY là cậu John Dillinger, tôi thấy có những vấn đề đối với cậu. Có phải những kẻ đứng sau vụ này đã phản bội những người sẽ đưa cậu rời khỏi Berlin không?”

“Tôi vẫn chưa biết.” Gã liếc nhìn quanh Câu lạc bộ gần như trống trải, nhưng vẫn rướn người về phía trước thì thầm, “Tôi lại cần anh giúp rồi, Otto.”

“Ừ, thì tôi đây mà, và luôn sẵn sàng được giúp đỡ. Tôi đây, kẻ cứu cậu thoát khỏi đồng phân nâu, người làm bơ, người buôn sâm panh và là người đóng giả Krupp.”

“Nhưng tôi không còn tiền nữa.”

Webber cười chế nhạo. “Tiền... rất cục là căn nguyên của mọi điều xấu xa. Cậu cần gì, bạn tôi ơi?”

“Một chiếc ô tô. Một bộ đồng phục khác. Và một khẩu súng trường khác.”

Webber im lặng. “Lại tiếp tục sẵn.”

“Đúng vậy.”

“Chà, tôi đã làm việc này cho một tá thẳng như cậu trong băng nhóm của tôi... Tuy nhiên an ninh của Ernst sẽ tăng cao hơn bao giờ hết. Hẳn có thể rời thành phố một thời gian.”

“Đúng. Nhưng có lẽ không phải ngay lập tức. Khi tôi ở trong văn phòng hẳn, tôi đã thấy hôm nay hẳn có hai cuộc hẹn. Cuộc hẹn thứ nhất tại Sân vận động. Cuộc hẹn còn lại là tại một nơi tên là Trường Đại học Waltham. Nó ở đâu?”

“Waltham à?” Webber hỏi. “Nó là...”

“Xin chào anh yêu, uống bia nữa không? Hay anh có thể muốn em?”

Paul nháy dựng lên vì làn hơi nóng rục phả vào tai mình, đôi cánh tay như con rắn trườn quanh người gã. Liesl đã tiếp cận gã từ đằng sau.

“Lần đầu tiên,” ả hầu bàn thì thầm, “sẽ miễn phí. Có lẽ cả lần thứ hai luôn.”

“Thôi đi,” gã gầm lên. Gương mặt ả hầu bàn biến sắc.

Giờ biết được sự thật về hẳn, Paul có thể thấy gương mặt của sinh vật này tuy xinh xẻo nhưng vẫn hiện ra nét nam tính rõ ràng.

“Anh không cần phải phũ phàng thế, anh yêu.”

“Tôi xin lỗi,” Paul nói, tránh ra xa. “Tôi không có hứng thú với đàn ông.”

Liesl lạnh lẽo nói, “Tôi không phải là đàn ông.-”

“Anh hiểu ý tôi muốn nói gì.”

“Vậy thì được, lẽ ra anh không nên tán tỉnh tôi,” Liesl đốp lại. “Anh trả tôi bốn mác cho mấy cốc bia. À không, năm mác chứ. Tôi cộng sai.”

Paul thanh toán, ả hầu bàn lạnh lẽo quay đi, lau bàn và dọn ấm ã các bàn gần đó.

“Những cô gái của tôi,” Webber thô bạo nói. “đôi khi họ cư xử theo cùng một cách. Có thể rất phiền.”

Hai người quay lại với câu chuyện của mình, Paul nhắc lại, “Trường Đại học Waltham? Anh có biết gì về nó không?”

“Một trường quân sự cách không xa đây lắm, mà nó nằm trên đường tới Oranienburg - mái nhà của trại tập trung tuyệt đẹp của chúng ta. Tại sao

cậu lại không gõ cửa trong khi cậu ở đó rồi tự nộp mình. Giúp bọn SS đỡ mệt khi truy lùng cậu.”

“Một chiếc ô tô và một bộ đồng phục,” Paul lặp lại. “Tôi muốn làm một quan chức, không làm lính nữa. Chúng tôi đã làm thế ở Sân vận động, và chúng có thể đoán trước điều đó. Có thể...”

“Chà, tôi hiểu! Cậu có thể trở thành một kẻ cầm đầu RAD.”

“Cái gì cơ?”

“Sở Lao động Quốc gia. Con Át Bích đấy. Thanh niên nào trong nước này cũng phải làm một phần việc như một người công nhân, có lẽ bản thân Ernst cho rằng đây là một cách thông minh để huấn luyện quân sĩ. Chúng mang xẻng như cầm súng và tập hành quân cũng nhiều như đào đất. Cậu quá già không tham gia lao động được, nhưng có thể trở thành một sĩ quan. Chúng có những chiếc xe tải đưa đón công nhân đến các công trường, các khu hành quân và phổ biến ở nông thôn. Sẽ chẳng ai nhận ra cậu đâu. Tôi biết phải tìm một chiếc xe tải đẹp ở đâu. Và một bộ đồng phục nữa. Chúng sẽ có màu xanh-xám trang nhã. Đúng kiểu màu sắc dành cho cậu.”

Paul thì thầm, “Còn súng trường?”

“Khoản này sẽ khó hơn. Nhưng tôi có vài dự tính.” Anh ta uống nốt cốc bia của mình. “Khi nào thì cậu muốn tiến hành?”

“Tôi phải đến Trường Đại học Waltham lúc năm rưỡi. Không muộn hơn được.”

Webber gật đầu. “Vậy thì chúng ta phải di chuyển nhanh, để biến cậu thành một sĩ quan Quốc Xã.” Anh ta phá lên cười. “Cho dù cậu chẳng cần huấn luyện gì đâu. Chỉ Chúa mới biết có đào tạo thật sự hay không.”

Chương 32

Ban đầu gã chỉ nghe thấy tiếng rè rè, rồi những tiếng rít hợp lại tạo nên: “Gordon à?”

“Chúng ta không gọi tên nhau,” viên tư lệnh nhắc nhở, giận dữ ép chặt chiếc điện thoại Bakelite vào tai để có thể nghe rõ hơn tiếng nói từ Berlin. Chính Paul Schumann đang gọi qua một radio được nối thẳng tới London. Thời gian là ngay trước 10 giờ sáng Chủ nhật, nhưng Gordon vẫn đang ngồi tại bàn làm việc trong Văn phòng Tình báo Hải quân. Ông đã ở đây suốt đêm qua, háo hức chờ được nghe thông tin ám sát Ernst thành công. “Cậu có sao không? Đã xảy ra chuyện gì? Chúng tôi đã kiểm tra hết các kênh báo chí, theo dõi các chương trình phát thanh mà chẳng thấy...”

“Im lặng,” Schumann ngắt lời. “Tôi không có thời gian chơi trò ‘những người bạn phương Bắc’ và ‘những người bạn phương Nam’ Chỉ nghe thôi.”

Gordon nhào người ra phía trước trên ghế. “Nói tiếp đi.” “Morgan chết rồi.”

“Ôi không.” Gordon tạm thời nhắm mắt lại, cảm thấy mất mát. Dù không quen biết người này về mặt cá nhân, nhưng thông tin của anh ta luôn vững chắc. Và bất kỳ ai mạo hiểm cả mạng sống vì quê hương mình, đều xứng đáng được Gordon tưởng nhớ.

Đến lúc này, Schumann mới tung ra tin sốt dẻo. “Ông ta bị một kẻ tên là Robert Taggert, người Mỹ giết hại. Ông biết hẳn không?”

“Cái gì? Người Mỹ à?”

“Ông biết hẳn không?”

“Không, chưa từng nghe tên hẳn.”

“Hẳn cũng đã cố giết tôi khi tôi chưa kịp làm việc ông sai tôi làm. Thăng cha ông đã nói đến suốt hai ngày trước là Taggert đấy, không phải Morgan

đâu.”

“Nói lại cái tên hần đi?”

Schumann đánh vần tên hần, nói với Gordon rằng hần có thể có liên hệ gì đó với Bộ Ngoại giao Mỹ nhưng gã không chắc. Viên tư lệnh viết cái tên lên một mẫu giấy rồi hét lên, “Yeoman Willets!”

Một lúc sau, một người phụ nữ xuất hiện trên ngưỡng cửa. Gordon dúm luôn mảnh giấy vào lòng bàn tay cô ta. “Cho tôi hết mọi thông tin cô tìm được về tên này,” ông nói. Cô ta đi ngay lập tức. Ông quay lại trên đường đây. “Cậu có sao không?”

“Ông có phải là một phần trong chuyện này không?” Bất chấp tín hiệu kết nối không tốt, Gordon có thể cảm thấy được con giận của người này.

“Cái gì?”

“Tất cả đều bị dàn xếp. Ngay từ đầu. Ông có phải là một phần trong đó không?”

Gordon cảm thấy không khí buổi sáng tháng Bảy như đêm lầy tại Washington D.C. trong và ngoài ô cửa sổ mở. “Tôi không hiểu cậu đang nói gì.”

Ngừng một lúc, Schumann mới kể toàn bộ câu chuyện - về vụ giết Morgan, chuyện Taggert đóng giả Morgan lừa gã và chuyện nộp gã cho quân Phát xít.

Gordon thực sự choáng váng. “Lạy Chúa, tôi thề. Tôi không bao giờ làm thế với người của tôi. Và tôi xem cậu là một người như thế. Tôi nói thật.”

Lại ngừng một lúc nữa. “Taggert đã nói ông không liên quan. Nhưng tôi muốn nghe chính miệng ông nói.”

“Tôi thề...”

“Vậy thì trong hàng ngũ của ông có một kẻ phản bội đấy, Tư lệnh. Ông cần tìm ra đó là kẻ nào.”

Gordon ngả người về phía sau, mệt lử với tin tức này. Ông chết lặng, ngó trân trân bức tường trước mặt có đăng một số những câu trích dẫn, bằng cấp Đại học Yale của ông và hai bức ảnh: Tổng thống Roosevelt và Theodorus B.M. Mason, viên trung úy hải quân cứng cỏi, từng là người đầu tiên phụ trách Văn phòng Tình báo Hải quân.

Một kẻ phản bội...

“Tên Taggert này đã nói gì?”

“Hắn chỉ nói rằng đó là ‘những lợi ích’. Chẳng có gì cụ thể hơn. Chúng muốn ông trùm được vui. Ý tôi là ông trùm đứng đầu tất cả.”

“Cậu có nói chuyện với hắn không, tìm được gì thêm không?”

Một chút ngập ngừng. “Không.”

Gordon hiểu lời ngụ ý này. Taggert đã chết.

Schumann nói tiếp. “Khi ở trên thuyền, tôi đã biết những đoạn mật khẩu về chuyến tàu điện ngầm. Taggert cũng biết đúng đoạn mật khẩu đó, nhưng Morgan thì không. Làm sao chuyện này xảy ra được?”

“Tôi đã gửi mật mã cho những người của tôi trên thuyền. Nó cũng được truyền riêng rẽ đến nơi cậu đang ở bây giờ. Morgan được cho là đã nhận được mật mã ở đó.”

“Vậy thì Taggert cũng biết đúng tin nhắn đó, còn mật mã gửi đến Morgan không giống. Tên gián điệp Liên bang Mỹ -Đức trên tàu đó không gửi đi được bất kỳ cái gì hết. Không phải hắn. Vậy thì kẻ làm chuyện này là ai? Ai là người biết được mật khẩu đúng?”

Hai cái tên lập tức xuất hiện trong tâm trí Gordon. Từng xuất thân là lính, Gordon hiểu rằng một tư lệnh quân đội phải cân nhắc tất cả các khả năng. Nhưng Andrew Avery trẻ trung đối với ông chẳng khác gì một đứa con trai. Ông biết Vincent Manielli chưa nhiều, nhưng trong hồ sơ của chàng sĩ quan trẻ này, ông không phát hiện thấy điểm gì đáng nghi về lòng trung thành.

Như thể là người đọc được suy nghĩ, Schumann hỏi, “Ông đã làm việc với hai thằng nhóc của ông bao lâu rồi?”

“Điều này gần như không thể nào.”

“‘Không thể nào’ giờ đây mang ý nghĩa hoàn toàn khác rồi. Còn đứa khốn kiếp nào biết mật mã không? Daddy Warbucks thì sao?”

Gordon cân nhắc. Nhưng những kẻ Mạnh Thường Quân như Cyrus Claybom chỉ biết chung chung về kế hoạch của họ. “Ông ta còn chẳng biết có mật mã nữa là.”

“Vậy thì kẻ nghĩ ra đoạn mật khẩu là ai?”

“Chúng tôi cùng làm với nhau, Thượng Nghị sĩ và tôi.”

Thêm nhiều tiếng rè nữa. Schumann không nói gì.

Nhưng Gordon nói thêm, “Không, không thể là ông ta được.”

“Khi gửi mật mã, ông ta có ở cạnh ông không?”

“Không. Ông ấy ở Washington mà.”

Gordon suy nghĩ: Sau khi trò chuyện với mình, Thượng Nghị sĩ có thể đã gửi một tin nhắn kèm mật mã chính xác cho Taggert tại Berlin, thu xếp sai người đến gặp Morgan. “Không thể nào.”

“Tôi nghe từ đó mãi rồi, Gordon. Với tôi chẳng khác biệt gì đâu.”

“Nghe này, toàn bộ chuyện này là ý tưởng của Thượng Nghị sĩ ngay từ đầu. Ông ta có nói chuyện với mấy người trong chính quyền, trước khi đến gặp tôi.”

“Tất cả cho thấy ông ta đang lên kế hoạch gài tôi ngay từ đầu.” Schumann lo ngại nói thêm, “Cùng với ‘mấy kẻ’ tương tự kia nữa.”

Những sự thật tràn như thác qua tâm trí Gordon. Có thể như thế không? Kẻ phản bội này có thể dẫn tới đâu?

Cuối cùng, Schumann nói, “Nghe này, ông cứ xử lý tình huống này theo cách ông muốn. Ông vẫn muốn đưa tôi lên chiếc máy bay đó chứ?”

“Có, thưa cậu. Tôi hứa chắc chắn với cậu điều đó. Đích thân tôi sẽ liên hệ với người của tôi tại Amsterdam. Chúng tôi sẽ có máy bay đến đó trong ba tiếng rưỡi.”

“Không, tôi sẽ cần máy bay sau lúc đó. Khoảng mười giờ đêm nay.”

“Chúng tôi không thể hạ cánh trong đêm tối. Đường băng chúng tôi sử dụng đang bị bỏ hoang, không có đèn đâu. Phải tận dụng được ánh sáng ban ngày, có thể hạ cánh vào khoảng tám rưỡi. Thế nào?”

“Không. Vậy thì rạng đông ngày mai đi.”

“Tại sao?”

Tạm dừng một lúc. “Lần này tôi sẽ tóm hãn.”

“Sẽ...?”

“Làm việc tôi đến đây để làm,” Schumann làu bàu.

“Không, không... Cậu không thể. Bây giờ, việc đó quá nguy hiểm, về nhà đi. Nhận công việc chúng tôi đã nói với cậu. Cậu đã kiếm được công

việc đó. Cậu...”

“Tư lệnh... ông vẫn nghe đấy chứ?”

“Nói tiếp đi.”

“Nghe này, tôi đang ở đây và ông ở đó, ông chẳng làm gì cản tôi được đâu. Nên trách mắng gì cũng chi phí thời gian thôi. Phải chắc chắn rằng máy bay sẵn sàng vào rạng đông ngày mai.”

Yeoman Ruth Willets xuất hiện trên ngưỡng cửa. “Giữ máy,” Gordon nói vào điện thoại.

“Không có thông tin gì về Taggert, thưa ngài. Bên hồ sơ nói họ sẽ thông báo ngay khi tìm được bất kì thông tin gì.”

“Thượng Nghị sĩ đang ở đâu?”

“Ở New York.”

“Gọi cho tôi bất kỳ máy bay nào có thể mang tôi đến đó ngay bây giờ. Quân sự, tư nhân. Gì cũng được.”

“Rõ, thưa ngài.”

Gordon nhắc lại máy. “Paul, chúng tôi sẽ đưa cậu ra khỏi đó. Nhưng làm ơn hãy lắng nghe lý do này. Mọi thứ đã thay đổi rồi - cậu có biết rủi ro sẽ thế nào không?”

Tiếng ồn trên đường dây ngày càng to át đi hầu hết những lời nói của Schumann. Nhưng có vẻ âm thanh Bull Gordon nghe được là tiếng cười, sau đó giọng tay sát thủ lại vang lên. Một phần câu nói hình như là “cuộc đua sáu chọi năm.”

Sự tĩnh lặng ông nghe thấy sau đó, so với tiếng rè còn khó chịu hơn nhiều.

Trong một nhà kho phía Đông Berlin (mà Otto Webber tự cho là ‘của mình’ bất chấp thực tế họ phải phá cửa sổ mới vào được bên trong), họ tìm thấy các giá treo đồng phục Sở Lao động Quốc gia. Webber lấy xuống một bộ đồng phục nhìn thích mắt khỏi giá treo. “Chà, như tôi đã nói, màu xanh-xám hợp với cậu.”

Có lẽ thế, nhưng sắc màu này cũng khá nổi bật. Đặc biệt khi xét đến điểm bán của gã tại Trường Đại học Waltham là cánh đồng rộng hoặc một khu rừng, như Webber đã mô tả quang cảnh ở đó. Bộ đồng phục cũng bó sát, to và nóng. Nó sẽ giúp gã tiếp cận gần trường học. Tuy nhiên, gã cũng cần một bộ hang phục thực tế hơn bằng vải thô, gồm một áo sơ mi sẫm màu cùng đôi giày để mặc lúc làm nhiệm vụ.

Một trong số những đối tác kinh doanh của Webber được phép tiếp cận đội xe tải của Chính phủ. Với lời bảo đảm rằng Webber sẽ trả xe trong một ngày (không cố gắng bán lại cho Chính phủ như đã từng làm) cộng thêm mấy điều xì gà Cuba được sản xuất tại Rumani, anh ta đã có được chìa khóa xe.

Giờ thì họ chỉ cần súng trường.

Paul nghĩ tới ông chủ tiệm cầm đồ trên Quảng trường Tháng 11 Năm 1923 đã cung cấp khẩu Mauser. Tuy nhiên, gã không chắc ông ta có đóng vai trò nào trong trò lừa dối của Taggert không. Kể cả không phải, gã cũng không biết liệu Cảnh sát Hình sự, hay Gestapo có truy ngược khẩu súng về cửa hàng và bắt giữ ông ta không. Nhưng Webber nói rằng trong nhà kho nhỏ trên sông Spree, các khẩu súng trường thường xuyên được cất trữ. Anh ta thì thoảng có làm mấy đợt giao hàng quân nhu tới đó.

Họ lái xe về phía Bắc và ngay sau khi qua sông trên phố Wullenweber, ngoặt về phía Tây rồi thẳng tiến qua một vùng có những tòa nhà sản xuất và thương mại, vồ nhẹ cánh tay Paul, anh ta chỉ tay vào một tòa nhà tối om về bên trái.

“Là nó đấy, anh bạn.”

Họ rất mong rằng nơi này bị bỏ hoang, hôm nay đang là Chủ nhật. “Ngay cả bọn phân nân tàn bạo ấy còn chẳng có ngày nghỉ,” Webber giải thích. Nhưng thật không may, căn nhà kho nằm khuất phía sau một hàng rào dây kẽm gai cao và khu đỗ xe rộng rãi giờ đang trống trơn ở phía trước, khiến tòa nhà gần như không thể nhìn thấy từ con phố đông người qua lại.

“Làm sao chúng ta...?”

“Yên tâm, cậu John Dillinger,” Webber nói. “Tôi biết mình đang làm gì. Có một lối vào ven bờ sông dành cho thuyền và xà lan. Không thể nhìn

thấy nó từ con phố, cậu không thể bảo rằng có căn nhà kho của Quốc Xã từ phía đó - không có hình đại bàng hay thập ngoặc nào trên vũng tàu đậu - nên sẽ chẳng ai nghĩ đến chuyện có người vào bằng lối đó.”

Họ dừng xe quá nhà kho nửa khu phố, Webber dẫn gã đi qua một con ngõ ở phía Nam tiến đến con sông. Hai người bước lên một bức tường đá bắc qua con sông đục ngàu, nơi không khí hăng hăng mùi cá thối rửa. Họ bước xuống một cầu thang cũ khám bằng đá rồi đi lên một cầu tàu bằng bê tông. Vài con thuyền có mái chèo được cột lại, Webber trèo xuống một thuyền, Paul cũng xuống theo.

Họ tháo dây. Chỉ mất vài phút để hai người chèo đến vũng tàu đậu tương tự, nằm dưới mặt sau nhà kho quân đội.

Webber cột thuyền lại cẩn thận, rồi trèo lên bậc đá trơn tuột phân chim, Paul đi theo. Nhìn xung quanh, gã có thể thấy những con thuyền trên sông, chủ yếu là du thuyền, nhưng Webber đã đúng, chẳng ai chú ý đến họ. Hai người bước lên vài bậc đến cửa sau, Paul liếc nhanh qua cửa sổ. Ở bên trong không thấp đèn, chỉ có ánh mặt trời lờ mờ chiếu qua một vài giếng trời mờ đục. Tuy nhiên căn phòng lớn có vẻ trống trải. Webber rút ra một chùm chìa khóa từ trong túi thử mở bằng mấy chìa khóa vạn năng, cho đến khi tìm thấy chìa khóa đúng. Paul nghe thấy một tiếng cạch nhẹ. Webber liếc nhìn gã rồi gật đầu, Paul giơ tay đẩy cửa.

Họ bước vào trong căn phòng nóng nực, đầy bụi nong nặc khói dầu creozot cay mắt. Đưa mắt nhìn quanh, Paul nhận thấy hàng trăm thùng thừa. Treo trên tường là các giá trưng bày súng trường. Quân đội hoặc SS đã và đang sử dụng nơi này như một trạm lắp ráp - lấy súng xuống từ trên giá, xé lớp giấy dầu bọc ngoài, sau đó lau sạch dầu creozot được bôi lên chống gỉ. Chúng là những khẩu Mauser, giống khẩu Taggart đã chuẩn bị cho gã tuy báng súng dài hơn. Thiết kế này tiện cho gã ngắm bắn mục tiêu chính xác hơn, vì tại Waltham, gã ở vị trí cách Ernst khá xa. Không có kính ngắm. Nhưng ở hai trận St. Mihiel và Argonne Woods, Paul Schumann chẳng cần đến kính ngắm trên khẩu Springheld của mình. Thuật xạ kích của gã đạt độ chính xác chết người.

Bước đến giá súng, gã chọn một khẩu, xem xét và thử kéo chốt. Nó chạy trơn tru, bật lên tiếng cạch êm tai của thứ kim loại được gia công tinh vi. Gã ngắm bắn rồi bắn chày vài lần lấy cảm giác với cò súng. Họ tìm thấy các thùng thừa dán nhãn 7,92mm, cỡ đạn dành cho súng Mauser. Bên trong là các hộp bìa cứng màu xám sơn các dấu thập ngoặc và chim đại bàng. Gã mở một hộp lấy ra năm viên, nạp vào súng, lên đạn rồi lấy hộp đạn ra để hoàn toàn chắc chắn đạn không bị kẹt.

“Tốt rồi, ra khỏi đây thôi,” gã nói, lấy hai hộp đạn bỏ vào túi áo. “Chúng ta có thể...”

Những lời nói của gã bị ngắt quãng khi cửa trước bật mở, một chùm ánh nắng mặt trời chói chang chùm lên hai người. Họ quay lưng lại, hé mắt nhìn. Paul chưa kịp nhắc khẩu súng trường lên, tên thanh niên đứng trên ngưỡng cửa mặc đồng phục SS màu đen chĩa khẩu súng ngắn về phía họ. “Mày! Bỏ súng xuống ngay lập tức. Giơ tay lên!”

Paul cúi xuống, đặt khẩu Mauser lên sàn rồi chậm rãi đứng dậy.

Chương 33

Otto Webber khàn khàn nói, “Cậu đang làm gì thế? Chúng tôi đến từ Krupp Munitions Works. Chúng tôi được cử đến để chắc chắn đã giao đạn dược chuẩn xác...”

“Câm mồm.”

Tên lính trẻ căng thẳng nhìn xung quanh xem còn ai nữa ở đây không.

“Có một rắc rối với hàng giao nhận. Chúng tôi nhận cuộc gọi từ...”

“Hôm nay là Chủ nhật. Tại sao mà giao hàng vào Chủ nhật?”

Webber phá lên cười. “Anh bạn trẻ ơi, khi chúng tôi giao nhầm hàng cho SS thì chúng tôi sẽ chỉnh sửa sai lầm, không cần biết ngày giờ. Giám sát viên của tôi...”

“Câm mồm!” Tên lính trẻ nhận thấy một chiếc điện thoại trên bàn làm việc đầy bụi, bèn tiến đến đó. Tay vẫn chĩa khẩu súng ngắn về phía họ. Khi hấn đi gần đến bàn, Webber bỏ hai tay xuống định bước về phía hấn.

“Này, như thế là ngớ ngẩn đấy.” Anh ta cáu tiết. “Tôi có chứng minh thư.”

“Mày đứng lại ngay đó!” Hấn giơ khẩu súng ra phía trước.

“Tôi sẽ cho cậu xem giấy tờ từ giám sát viên của tôi.” Webber vẫn tiếp tục bước.

Tên lính SS bóp cò. Một tiếng nổ chói tai cụt lủn dội bốn bức tường.

Không rõ Webber có bị thương không, Paul nhặt khẩu Mauser từ dưới sàn lên, lăn tròn trốn phía sau một chõng thùng thưa đựng súng trường, nạp một viên vào súng.

Tên lính lao đến chỗ điện thoại, lôi ống nghe ra khỏi ổ, cúi người xuống. “Làm ơn nghe đi nào,” hấn quát vào ống nghe. Paul đứng dậy thật nhanh.

Gã không nhìn thấy tên lính nhưng ngắm bắn vào chiếc điện thoại cố định, nó nổ tung thành một tá mảnh nhựa Bakelite. Tên lính hét lên.

Paul lại ngồi thụp xuống tránh. Nhưng gã vẫn kịp liếc Otto Webber nằm trên sàn, đang chậm rãi lăn lộn, tay nắm chặt lấy vùng bụng đầm máu.

Không...

“Thằng Do Thái kia!” tên lính trẻ gầm lên. “Mày nên ném ngay súng đi. Một trăm lính nữa sẽ đến đây sớm thôi.”

Paul tiến ra mặt tiền tòa nhà, nơi gã bao quát được cả cửa trước lẫn cửa sau. Gã liếc nhanh ra cửa sổ, thấy một chiếc mô tô đơn độc đỗ phía trước. Gã biết tên này chỉ đơn thuần kiểm tra nhà kho theo thông lệ, sẽ chẳng còn tên nào khác đến nữa. Nhưng ai đó có thể đã nghe thấy tiếng súng. Tên SS này có thể phải ở lại đây cầm chân Paul cho đến khi cấp trên của hắn nhận ra hắn chưa báo cáo về, nên cử thêm lính đến nhà kho.

Nhìn ra ngoài từ một chõng thùng thừa, gã không biết tên lính đang ở đâu. Hắn...

Một tiếng súng nữa vọng đến. Thủy tinh bắn tung ra cửa sổ trước nhưng không bắn đến chỗ Paul.

Tên SS bắn qua cửa kính để lôi kéo sự chú ý, hắn bắn thẳng ra phố, không cần biết có trúng ai không.

“Đồ lợn Do Thái!” Hắn phẫn nộ. “Mày đứng dậy và giơ tay lên, hoặc mày sẽ phải chết trong thét gào tại Columbia House đấy!” Lần này giọng nói vang đến từ một chỗ khác gần với mặt tiền nhà kho hơn. Gã bò về phía trước, đập thêm thùng thừa ngăn cách gã với kẻ thù.

Một phát súng nữa bắn qua cửa sổ. Bên ngoài một chiếc xe bấm còi inh ỏi.

Paul di chuyển đến hàng thùng thừa tiếp theo, khẩu súng lắc lư trước ngực, ngón tay đặt lên cò súng. Khẩu Mauser thật bất tiện - bắn tầm xa thì miễn chê, nhưng những lúc thế này thì vô dụng. Gã ngắm nghĩa thật nhanh. Lối đi trống trải. Gã nhảy dựng lên khi một phát súng nữa làm vỡ tan cửa sổ. Giờ thì chắc ai đó phải nghe thấy. Hoặc đã nhìn thấy viên đạn bắn vào tường, hoặc ngòi nhà nào đó bên đường. Có thể đã bắn trúng một chiếc xe, hay ai đó đi ngang qua.

Gã chuyển sang lối đi bên cạnh. Thật nhanh. Khẩu súng lắc lư trước mặt.

Bóng đồng phục đen của tên lính thoáng hiện rồi biến mất. Tên SS đã nghe thấy Paul chuyển động hoặc đã đoán trước, nên lẩn vào trốn sau một chõng thùng thừa khác.

Paul quyết định gã không thể đợi thêm nữa. Gã phải chặn đứng tên lính này. Không còn cách nào khác ngoài việc tấn công vào giữa hàng thùng thừa, hết như khi gã xông qua các nóc chiến hào trong một trận tấn công hồi Thế Chiến thứ I. Gã hy vọng mình có thể bắn phát súng chết người, trước khi tên lính kịp nhả đạn về phía gã bằng khẩu súng ngắn bán tự động.

Được rồi, Paul tự nhủ với mình. Gã hít một hơi sâu.

Một hơi nữa...

Đi thôi!

Gã đứng bật dậy trèo lên cái thùng thừa ngay trước mặt, giơ súng lên. Bàn chân gã vừa dẫm lên thùng thừa thứ hai thì nghe thấy tiếng động sau lưng về bên phải. Tên lính đánh thọc sườn gã! Nhưng khi gã quay lại, những ô cửa sổ cáu bẩn lại rung lên vì một phát súng. Paul cứng người lại.

Tên SS bước đến ngay trước mặt gã, cách sáu mét. Paul hốt hoảng giơ khẩu Mauser lên nhưng chưa kịp khai hỏa, tên lính bỗng ho hen. Máu phun ra từ miệng hắn, khẩu Luger rớt xuống sàn nhà. Hắn lắc đầu, nặng nề đổ vật xuống và nằm bất động, máu đang nhuộm đỏ bộ đồng phục của hắn.

Quay sang phải, Paul thấy Otto Webber đang nằm trên sàn. Một tay anh ta nắm chặt lấy cái bụng dẫm máu, tay kia cầm khẩu Mauser. Anh ta đã cố gắng bò đến một giá để súng, nạp đạn rồi bắn. Khẩu súng trường trượt xuống sàn.

“Anh điên rồi à?” Paul giận dữ thì thầm. “Tại sao lại tiến đến chỗ hắn như thế? Anh nghĩ rằng hắn sẽ không bắn à?”

“Không,” người đàn ông đang vã mồ hôi, mặt trắng bệch phá lên cười. “Tôi không nghĩ hắn sẽ làm thế.” Anh ta thở dài trong đau đớn. “Đi xem có ai đáp lại lời kêu cứu tinh tế của hắn không.”

Paul chạy ra phía mặt tiền và nhận thấy khu này vẫn hoang vắng. Bên kia đường là một tòa nhà cao không có cửa sổ, chắc là một nhà máy hoặc nhà

kho hôm nay đóng cửa. Có khả năng là mấy viên đạn bắn vào tường chẳng ai chú ý.

“Không có ai cả,” gã quay lại nói với Webber. Anh ta đã ngồi dậy nhìn vết máu loang trên bụng. “Chà.”

“Chúng ta phải tìm bác sĩ.” Paul quàng khẩu súng lên vai, đỡ Webber đứng dậy tiến ra cửa sau xuống thuyền. Nhột nhột, vã mồ hôi như tắm, tay người Đức nắm giữ, tựa đầu vào mũi thuyền khi Paul điên loạn chèo thuyền sang vũng tàu đậu gần chiếc xe tải.

“Tôi phải đưa anh đến đâu để gặp bác sĩ?”

“Bác sĩ ư?” Webber phá lên cười. “Quá muộn rồi, cậu John Dillinger. Cứ mặc tôi. Đi tiếp đi. Tự tôi gọi được mà. Quá trễ rồi.”

“Không, tôi sẽ đưa anh đi,” Paul kiên quyết lặp lại. “Nói tôi nghe phải tìm ai không theo phe SS hoặc Gestapo.” Gã kéo thuyền vào vũng tàu đậu, cột lại rồi lên bờ. Đặt khẩu Mauser xuống một bãi cỏ gần đó, gã quay lại định đỡ Webber lên.

“Không!” Paul thì thầm.

Webber đã cởi dây thừng, thu hết sức tàn còn lại đẩy thuyền ra xa vũng tàu đậu. Lúc này con thuyền đang trôi vào dòng chảy, cách bờ khoảng ba mét.

“Otto! Không!”

“Tôi đã nói mà, quá muộn rồi,” Webber gọi với, thở hồng hộc. Rồi nở nụ cười chua chát. “Nhìn tôi này, một đám tang của người Viking! Chà, khi cậu về nhà rồi, hãy nghe nhạc của John Philip Sousa và nghĩ đến tôi nhé... Cho dù tôi vẫn nói rằng ông ấy là người Anh. Dân Mỹ các cậu tự sướng với chuyện đó lâu quá rồi. Giờ thì đi tiếp đi, cậu John Dillinger. Hãy làm những gì cậu tới đây để làm.”

Paul Schumann chỉ còn thấy hình ảnh cuối cùng của anh bạn. Đôi mắt anh ta khép lại khi ngồi thụp xuống đáy thuyền. Rồi với tốc độ nhanh hết sức có thể, anh ta trầm mình xuống dòng nước đen ngòm của sông Spree.

Một đám người hầu hết là thanh niên đã lựa chọn cuộc sống và tự do hơn danh dự. Hèn nhát hay thông minh là động cơ thúc đẩy họ làm việc này?

Kurt Fischer tự hỏi rằng liệu anh có phải là người duy nhất ở đây bị ám ảnh bởi câu hỏi này.

Họ đang ngồi trên xe đi qua vùng nông thôn Tây bắc Berlin, cũng kiểu dáng xe buýt đã từng đưa họ đi chơi xa hồi còn sinh viên. Tay tài xế béo tròn điều khiển xe điều luyện trên con đường lộng gió, cố gắng dụ đám thanh niên hát lên những bài ca sẵn bản hay đi bộ đường dài nhưng vô ích.

Kurt ngồi cạnh cậu em trai, trò chuyện với những người khác. Từng chút một, anh biết được điều gì đó về họ. Hầu hết là người Aryan xuất thân từ các gia đình trung lưu, tất cả đều có bằng cấp đại học hoặc đang có kế hoạch theo học sau khi tham gia Nghĩa vụ Lao động. Một nửa giống như Kurt và Hans, là những người chống Đảng ở mức độ không đáng kể vì những lý do chính trị và trí tuệ: Những người theo Chủ nghĩa Xã hội, yêu Chủ nghĩa Hòa bình hay những người chống đối. Nửa còn lại là những ‘cậu ấm’ giàu có hơn, cũng nổi loạn hơn nhưng không phải vì lý do chính trị, khiếu nại của họ với Quốc Xã chỉ nhằm vào vấn đề văn hóa như kiểm duyệt phim ảnh, khiêu vũ và âm nhạc.

Dĩ nhiên không có người Do Thái, Slav hay dân Du mục Roma trong đám đông. Cũng không có người Cộng sản nào. Bất chấp sự khai sáng của Ernst, Kurt biết rằng sẽ phải mất nhiều năm nữa thì các nhóm sắc tộc và chính trị mới sánh vai nhau trong quân đội hay bộ máy quan liêu của Đức. Riêng Kurt tin rằng điều này sẽ chẳng bao giờ xảy ra chừng nào Hitler, Göring và Goebbels vẫn nắm quyền trong chế độ Tam đầu chế.

Anh đang nghĩ và giờ họ ở đây, những thanh niên này tụ lại với nhau do hoàn cảnh khó khăn phải lựa chọn giữa trại tập trung và khả năng sẽ chết, hoặc đi theo một tổ chức mà họ biết sai trái về mặt đạo đức.

Kurt lại tự hỏi mình có phải thằng hèn không khi đã lựa chọn điều này. Anh nhớ lại lời kêu gọi tẩy chay toàn cầu các cửa hàng Do Thái của Goebbels tháng 04 năm 1933. Bọn Quốc Xã nghĩ rằng mình sẽ nhận được làn sóng ủng hộ lớn lao. Thực ra đây là sự kiện tồi tệ đối với Đảng, khi có nhiều người Đức - cả cha mẹ họ cũng trong số này - công khai phản đối tẩy chay. Có đến hàng nghìn người tìm kiếm các cửa hàng trước kia họ chưa từng đến, chỉ nhằm bày tỏ sự ủng hộ đối với các công dân Do Thái.

Đó là sự quả cảm. Phải chăng trong anh không tồn tại sự quả cảm này?

“Kurt?”

Anh ngược mắt lên. Em trai anh đang nói với anh. “Anh không nghe em nói gì à.”

“Em vừa nói gì?”

“Khi nào thì ăn tối đây? Em đói rồi.”

“Anh chẳng biết. Sao anh biết được?”

“Đồ ăn quân đội có tốt không nhỉ? Em nghe bảo ăn ngon lắm. Nhưng em cho rằng điều đó còn phụ thuộc. Nếu anh đang ở chiến trường, nó sẽ rất khác với ở căn cứ. Em đang tự hỏi nó sẽ thế nào.”

“Gì cơ, đồ ăn á?”

“Không. Ở trong các chiến hào. Ở...”

“Chúng ta sẽ không đi ra chiến hào. Sẽ chẳng có cuộc chiến nào khác nữa. Giả như có thì em nghe Đại tá Ernst nói rồi đấy, chúng ta sẽ không phải chiến đấu. Chúng ta sẽ được giao những nhiệm vụ khác.”

Em trai anh có vẻ không tin. Và rắc rối hơn nữa, trông nó không có vẻ buồn mà lại tỏ vẻ muốn chiến đấu. Trời ạ, nó dường như thấy kích thích trước ý nghĩ này. Đây là một khía cạnh rất mới mẻ và đáng lo ngại ở cậu em trai.

Em tự hỏi nó sẽ thế nào...

Những cuộc đối thoại trong xe vẫn tiếp tục - về thể thao, về phong cảnh, Thế vận hội, phim ảnh Mỹ. Và về những cô gái, tất nhiên.

Cuối cùng, họ đã đến nơi, ngoặt khỏi đường cao tốc đi xuống con đường có hai hàng cây gỗ thích dẫn vào khuôn viên Trường Đại học Quân đội Waltham.

Bố mẹ yêu hòa bình của họ sẽ nghĩ gì khi thấy họ ở một nơi như thế này!

Chiếc xe buýt rít lên rồi dừng lại trước cửa một trong những tòa nhà gạch đỏ trong trường. Kurt kinh ngạc trước sự khác biệt này: một tổ chức dành cho triết học và chiến tranh lại được đặt ở một địa điểm lý tưởng thế này, với một thảm cỏ sum suê, cây thường xuân đu đưa trong gió bò lan lên những tòa nhà cổ, những khu rừng và những quả đồi phía sau tạo thành một nền dịu dàng cho khung cảnh.

Những chàng hai vác ba lô lên vai rồi xuống xe. Một tên lính trẻ không già hơn họ là mấy tự xưng mình là sĩ quan tuyển mộ ra bắt tay và chào mừng họ. Hắn giải thích rằng Giáo sư-Tiến sĩ Keitel không lâu nữa sẽ đến gặp họ. Hắn giơ lên một quả bóng mà hắn cùng một tên lính khác đang đá rồi ném về phía Hans. Cậu ta thông minh ném bóng sang những tân binh khác nữa.

Và như một điều hiển nhiên khi các thanh niên cùng một quả bóng trên sân cỏ mọc dày, hai đội nhanh chóng được thành lập và trận bóng được bắt đầu.

Chương 34

Đúng 5h30 phút chiều, chiếc xe tải Dịch vụ Lao động nhẹ nhàng đi lên quốc lộ êm ái, đẹp hoàn hảo qua các hàng cây thông và độc cần cao chót vót. Không khí vương những hạt bụi nhỏ li ti, những con côn trùng lười nhác chết gục trên kính chắn gió.

Paul Schumann cố gắng chỉ nghĩ đến Reinhard Ernst, về mục tiêu của gã. Mò mẫm trên lớp băng.

Không nghĩ về Otto Wilhelm Friedrich Georg Webber nữa.

Tuy nhiên, điều này là không thể. Tâm trí Paul tràn ngập những hồi ức về người gã mới chỉ biết được một ngày. Hiện gã đang nghĩ rằng Otto hẳn sẽ vừa vận hoàn hảo với khu West Side tại New York, uống rượu với Runyon và Jacobs cùng đám võ sĩ quyền anh. Có thể anh ta thậm chí còn thích so găng tí chút. Nhưng điều Webber thực sự thích hẳn sẽ là cơ hội được vận dụng vô số những trò lừa đảo và gian lận tại Mỹ.

Ngày nào đó, tôi sẽ khoe với cậu những mảnh tuyệt hơn của tôi...

Nhưng rồi suy nghĩ của gã phai dần khi xe chậm chạp rẽ vào khúc quanh, chuyển hướng xuống một con đường phụ. Đi được một cây số trên đường cao tốc, gã thấy một tấm biển được sơn vẽ cẩn thận: Trường Đại học Quân đội Waltham. Có ba, bốn thanh niên mặc trang phục đi bộ đường dài đi tha thẩn trên bãi cỏ, xung quanh nào là giấy gói, rổ rá và những gì còn lại của bữa tối Chủ nhật. Một tấm biển bên cạnh họ chỉ xuống lối đi rộng rãi vào hành lang chính. Con đường thứ hai dẫn đến phòng tập thể hình và các Tòa nhà Phòng học đánh số từ 1 đến 4. Xa hơn nữa là lối vào các Tòa nhà đánh số từ 5 đến 8. Ernst sẽ tổ chức một cuộc gặp mặt trong Tòa nhà số 5 trong vòng nửa tiếng, như Paul đã đọc trong thời gian biểu của hẳn. Gã tiếp tục đi qua lối nhánh dù phải lái thêm trăm thước nữa về phía trước. Xe

dừng trên đường phụ không lát đá hoang vắng, cỏ dại mọc đầy. Đầu xe quay vào rừng để không ai nhìn thấy từ đường chính.

Hít một hơi sâu, Paul dụi mắt, lau mồ hôi trên mặt.

Gã tự hỏi thực sự Ernst có xuất hiện không? Hay hẳn sẽ giống như Dutch Schultz lần đó trong Thành phố Jersey, khi tên cướp trốn khỏi cuộc họp nơi hẳn biết rằng mình bị phục kích bằng bản năng - vài người nói do khả năng tâm linh?

Nhưng Paul còn làm được gì nữa? Gã phải tin rằng tên đại tá sẽ tiếp tục mở cuộc họp. Theo đánh giá của gã, tên này thực sự sẽ xuất hiện ở đây. Căn cứ theo mọi thứ gã biết, hẳn không phải là người trốn tránh trách nhiệm. Tay người Mỹ xuống xe tải, lột bỏ bộ đồng phục màu xanh-xám cồng kềnh, bỏ mũ rồi gấp lại gọn gàng để trên ghế trước. Bên dưới ghế, gã cũng giấu một bộ đồ khác phòng khi cần thay đổi thân phận lần nữa để trốn thoát. Paul nhanh chóng mặc vào bộ quần áo lao động gã ăn cắp từ trong nhà kho. Mang theo khẩu súng trường và hộp đạn, gã lên vào vị trí rậm rạp nhất của khu rừng, cố gắng hết sức không tạo ra tiếng động khi di chuyển.

Gã chậm rãi đi qua khu rừng tĩnh lặng, thơm ngát. Ban đầu còn thận trọng bởi tưởng rằng sẽ có nhiều lính gác hoặc quân đội nữa, đặc biệt là sau nỗ lực ám sát Ernst vào buổi chiều. Nhưng gã ngạc nhiên khi chẳng thấy ai. Khi gã tiến gần hơn các tòa nhà, dòm qua cây cối và bụi cây, gã thấy vài người và xe cộ gần phía trước một trong các kết cấu và một tấm biển ghi Tòa nhà số 5 gã đang tìm. Đổ trên lối vào nhà cách khoảng ba mươi mét là một chiếc Mercedes mui kín màu đen. Một tên mặc đồng phục SS đứng bên cạnh chiếc xe, đang cảnh giác nhìn xung quanh, quàng trên vai là khẩu súng máy. Có phải là xe của Ernst không? Gã không thể nhìn qua cửa xe chói nắng.

Paul cũng thấy một chiếc xe tải nhỏ và một xe buýt, cạnh đó là mười hai thanh niên mặc quần áo dân thường đang chơi bóng cùng một tên lính mặc đồng phục xám. Một tên lính khác đứng tựa vào xe buýt xem và cổ vũ cả hai đội.

Tại sao một kẻ cao cấp như Ernst lại gặp gỡ nhóm nhỏ sinh viên này? Có thể họ là một nhóm các sĩ quan tương lai được lựa chọn, những thằng nhóc

trông như bọn Quốc Xã điển hình - tầm vóc trung bình, tóc vàng và thể hình rất đẹp. Paul cho rằng bất kể chúng là ai thì chúng sẽ đều gặp gỡ Ernst trong phòng học. Như thế buộc gã phải đi bộ mười lăm mét nữa hoặc hơn từ chiếc Mercedes đến Tòa nhà số 5. Paul hẳn sẽ có khối thời gian để hóa kiếp hẳn. Dù từ nơi gã đang ẩn nấp không có góc bắn tốt. Cây cối và bụi cây đung đưa trong cơn gió nóng không chỉ chặn tầm nhìn đến con mồi, mà còn chặn đường đạn.

Cửa xe Mercedes bật mở, một người hói đầu mặc áo khoác nâu xuống xe. Paul nhìn qua hẳn ta vào trong ghế sau. Đúng rồi! Ernst ở trong xe. Rồi cửa xe đóng sầm lại, gã không nhìn được tên đại tá vẫn đang ngồi trong xe. Tên mặc áo nâu mang theo một tập hồ sơ to đến chiếc xe thứ hai, một chiếc Opel gần chỗ Paul ẩn nấp, nơi ngọn đèn sum suê cây cối nằm thoải thoải. Lão đặt tập hồ sơ vào ghế sau rồi quay lại bên kia sân bóng.

Paul dồn sự chú ý vào chiếc Opel không có ai ngồi bên trong. Chiếc xe sẽ tạo cho gã một vị trí bắn tốt, che cho gã khỏi những tên lính. Từ đây, Paul có thể chạy thẳng vào rừng đến chỗ xe tải rồi tẩu thoát.

Phải, gã quyết định chiếc xe chính là cộng sự của gã. Kẹp khẩu Mauser vào nách, Paul chậm rãi di chuyển về phía trước, lắng nghe tiếng vo ve êm ái của lũ côn trùng, tiếng xào xạc và lạo xạo của lớp thảm thực vật tháng Bảy đầy bụi dưới chân, những tiếng quát tháo và tiếng cười của đám thanh niên đang thích thú chơi bóng.

Bộ bánh xe Auto Union thủy chung kêu ầm ỹ suốt chặng đường cao tốc với vận tốc chậm như rùa sáu mươi cây số trên giờ. Chúng cứ thế rống lên điên rồ, bất chấp bề mặt đường phẳng lì như gương. Lửa đột ngột bùng lên từ bộ xe, động cơ phun phì phì. Willi Kohl chinh bươm gió rồi một lần nữa nhấn ga. Chiếc xe rung lên nhưng cuối cùng cũng chịu tăng tốc.

Sau khi rời khỏi trụ sở Cảnh sát Hình sự bằng cửa sau bị cấm - một cách bướng bỉnh và ngu xuẩn, phải rời - thanh tra đi bộ đến Khách sạn Metropol. Càng đến gần ông càng nghe rõ tiếng nhạc, những nốt nhạc của Mozart nhiều năm trước được một nhóm tứ tấu đàn dây biểu diễn trong một khán phòng hoành tráng.

Ông nhìn vào những chùm đèn lấp lánh, những bức tranh tường vẽ quang cảnh vở opera Ring của Wagner qua ô cửa sổ, những người hầu bàn mặc quần dài đen, áo vest trắng không tì vết đang giữ cân bằng các khay bạc trên lòng bàn tay. Và ông tiếp tục đi qua khách sạn, thậm chí không dừng lại. Dĩ nhiên thanh tra đoán trước rằng Paul Schumann đã nói dối rằng hắn sẽ đến đây. Cuộc điều tra của ông cho thấy tay người Mỹ này không đam mê sâm panh, xe limousine và Mozart mà là bia Pschorr và xúc xích. Hắn là một kẻ đi đôi giày đã mòn và yêu những sàn đấu quyền anh. Một kẻ có mối liên hệ nào đó đến khu vực xung quanh Quảng trường Tháng 11 năm 1923. Nếu là một kẻ không chần chừ hạ gục bốn tên lính Xung Kích bằng năm đấm, hắn sẽ chẳng thèm vào đặt phòng ở cái nơi ẻo ọt như Metropol, cũng như không đủ tiền vào ở đó.

Vậy nhưng nơi này là địa chỉ đầu tiên Schumann nghĩ đến khi trả lời câu hỏi của Kohl về địa chỉ mới của hắn - cho thấy tên người Mỹ gần đây đã thấy nó. Và vì nhà trọ của cô Richter cách khá xa thành phố nên sẽ là logic khi hắn thấy khách sạn này trên đường về phía Bắc Berlin. Đây là một vùng khét tiếng chỉ cách khách sạn này có một khu phố, rất quen thuộc với tính khí và khẩu vị của Paul Schumann.

Đây là một quận lớn, trong những hoàn cảnh ngặt nghèo nhất sẽ cần đến nửa tá điều tra viên thẩm vấn toàn bộ người dân và thu thập thông tin về một nghi phạm. Nhưng Kohl tin rằng vài bằng chứng ông tìm được có thể giúp ông thu hẹp đáng kể phạm vi tìm kiếm. Tại căn nhà trọ, ông đã phát hiện trong túi áo Schumann một hộp diêm rẻ tiền mỏng dính nhét vào trong một bao thuốc lá Đức. Kohl chẳng lạ gì mấy thứ này. Ông thường xuyên thấy các nghi phạm khác sở hữu, hoặc lấy trong các sào huyệt tại những khu tồi tệ của thành phố như phía Bắc Berlin.

Có lẽ tay người Mỹ này không có liên hệ nào ở đây, nhưng đây là địa điểm tốt để bắt đầu cuộc tìm kiếm của hãn. Có trong tay hộ chiếu của Paul Schumann, Kohl đã làm vài vòng quanh phía Nam vùng này. Đầu tiên là để ý họ bán loại diêm gì, chúng có giống nhau hay không, sau đó đưa ảnh tay người Mỹ cho các bồi bàn và nhân viên phục vụ ở quầy rượu xem.

“Không, thưa Thanh tra... Tôi xin lỗi. Lạy Chúa Lòng Thành, Thanh tra... Tôi không gặp ai như thế cả. Hail Hitler. Tôi sẽ tiếp tục để ý người như hãn... Hail Hitler hail Hitler hail Hitler...”

Ông đã thử đến một nhà hàng trên phố Dragoner Street. Chẳng thu được gì. Tiếp theo đến vài nhà nữa xa hơn và một Câu lạc bộ cũng trên con phố đó. Ông trình thẻ Cảnh sát ra cho người đàn ông canh lối ra vào rồi bước vào trong quán bar. Đúng, diêm ở đây giống loại Schumann đã dùng. Ông bước qua rất nhiều phòng, đưa ra cuốn hộ chiếu của tay người Mỹ và hỏi xem có ai gặp hãn không. Phần đa dân thường ngồi xem trong quán đều mắc bệnh mù điển hình, vẻ bất hợp tác với SS điển hình. (Một người còn quát, “Ông chần tằm nhìn của tôi, Cảnh sát Hình sự. Dịch cái mông ra!”).

Nhưng khi ông đưa ảnh cho một nữ bồi bàn, đôi mắt ả bừng lên giận dữ.

“Cô biết hãn ta?” Kohl hỏi.

“Ồi, tôi có biết hãn không ư? Có, có.”

“Tên cô là?”

“Liesl. Hãn nói tên hãn là Hermann nhưng tôi biết là tên giả.” Ả hất đầu về phía hộ chiếu. “Tôi không ngạc nhiên. Hãn đã ở đây nửa giờ trước. Với một thằng bạn đáng ghét, Otto Webber.”

“Tên Webber này là ai?”

“Một thằng đáng ghét, như tôi đã nói.”

“Họ đã làm gì ở đây?”

“Còn làm gì nữa? Nốc rượu, tán gẫu. Chà, và tán tỉnh nữa... Một thằng tán tỉnh một cô nàng rồi lạnh lẽo hắt hủi cô ta. Thật tàn nhẫn làm sao.” Yết hầu của Liesl run lên, Kohl đã suy ra toàn bộ câu chuyện buồn. “Ngài sẽ bắt hãn chứ?”

“Xin hỏi cô biết gì về hãn không? Nơi hãn ở, công việc của hãn là gì?”

Liesl không biết được nhiều. nhưng có một mẩu thông tin quý giá. Schumann và Webber rõ ràng lên kế hoạch gặp gỡ ai đó vào cuối buổi chiều nay. Và đó sẽ là cuộc gặp gỡ bí mật, ả hầu bàn bị hắt hủi xảo quyệt nói thêm. “Công việc của một kẻ đáng ghét. Tại một nơi nào đó ở Trường Đại học Waltham.”

Kohl tức tốc lao ra khỏi quán Cà phê Aryan, quay về chỗ xe DKW và phóng ngay đến trường Waltham. Lúc này, ông đã thấy ngôi trường quân đội trước mặt, nhẹ nhàng lái xe lên lề đường rải sỏi gần hai cây cột thấp bằng gạch, trên đỉnh là những bức tượng đại bàng đế chế. Vài sinh viên đang tụ tập trên bãi cỏ, bên cạnh là ba lô và một rổ đồ ăn picnic liếc nhìn chiếc xe đen ngòm, nhuốm bụi.

Kohl ra hiệu cho các sinh viên đến gần xe, mấy anh chàng tóc vàng cảm nhận được thẩm quyền liền nhanh chóng chạy về phía trước.

“Hail Hitler.”

“Chào,” Kohl đáp. “Trường vẫn mở lớp cơ à? Đang mùa hè mà?”

“Có mấy khóa học đang mở, thưa ngài. Dù hôm nay bọn cháu không có lớp, đến đây đi bộ đường dài thôi.”

Giống hệt con trai ông, các sinh viên này đang lên cơn sốt với nền giáo dục của ĐỆ TAM ĐẾ CHẾ và dĩ nhiên chỉ ngày càng tăng lên, vì toàn bộ mục tiêu của trường này là nhằm tạo ra những chiến binh.

Lãnh tụ và đám đông của y là những tên tội phạm tuyệt vời làm sao. Chúng bắt cóc cả đất nước này bằng cách túm lấy lũ trẻ của chúng ta...

Ông mở hộ chiếu của Schumann và giơ ảnh ra. “Các cháu có thấy người này không?”

“Không, thưa Thanh tra,” một đứa nói, liếc nhìn mấy đứa bạn, cũng toàn lắc đầu.

“Các cháu ở đây được bao lâu rồi?”

“Có lẽ khoảng một tiếng ạ.”

“Còn ai khác đến đây lúc đó không?”

“Có, thưa ngài. Mới lúc nãy một xe buýt của trường đến đây, cùng một xe Opel và một xe Mercedes. Màu đen. Loại 5 lít. Rất mới.”

“Không, loại 7.7 lít,” một người bạn chỉnh lại.

“Cậu mù à! Nó nhỏ hơn thế nhiều.”

Cậu thứ ba nói. “Còn chiếc xe tải Dịch vụ Lao động nữa. Chỉ có điều nó không lái vào đây.”

“Không, nó đi qua, sau đó ngoặt khỏi đường.” Cậu ta giơ tay chỉ. “Gần lối vào mấy tòa nhà phòng học kia.”

“Dịch vụ Lao động à?”

“Vâng, thưa ngài.”

“Cái xe tải đấy có chở đầy công nhân không?”

“Chúng cháu không nhìn được đằng sau.”

“Các cháu có nhìn thấy tài xế không?”

“Không, thưa ngài.”

“Cháu cũng không.”

Dịch vụ Lao động... Kohl cân nhắc điều này. Các công nhân RAD ban đầu được tận dụng vào việc làm nông và các công trình công ích. Họ được chỉ định đến một trường đại học là điều bất thường, đặc biệt là vào ngày Chủ nhật. “Dịch vụ ấy có đang làm gì quanh đây không?”

Cậu ta nhún vai. “Cháu không nghĩ vậy, thưa ngài.”

“Cháu cũng chưa từng nghe nói, thưa ngài.”

“Đừng nói với bất kỳ ai,” Kohl nói. “Về những câu hỏi của tôi nhé.”

“Một vấn đề an ninh của Đảng ạ?” một đứa hỏi với nụ cười bí hiểm.

Kohl đưa một ngón tay lên môi.

Rồi ông bỏ lại lũ nhóc đang háo hức nhỏ to về những điều bí ẩn tay cảnh sát đang ám chi.

Chương 35

Chú mục vào chiếc Opel xám.

Bò, dừng lại.

Rồi lại bò. Giống hệt như tại St. Mihiel và những khu rừng rậm rạp, cổ xưa của Argonne.

Paul Schumann ngửi thấy mùi cỏ nóng và phân bón cũ dùng để bón cho sân bóng. Mùi dầu và dầu hắc ín lỏng của vũ khí. Mùi mồ hôi của chính gã.

Vài mét nữa thôi. Rồi dừng lại.

Gã phải di chuyển thật chậm vì ở đây gã quá lộ liễu. Bất kỳ ai trên sân bóng quanh Tòa nhà số 5 nhìn về phía gã sẽ để ý cỏ đang đu đưa không tự nhiên, hoặc chợt thấy ánh sáng phản chiếu từ nòng súng trường.

Dừng lại. Gã nhìn bao quát sân bóng lần nữa. Tên mặc áo nâu đang lấy một chồng tài liệu từ xe tải nhỏ. Anh nắng trên các cửa kính tiếp tục che đi hình ảnh Ernst trong xe Mercedes. Tên lính SS vẫn đứng cảnh giới bên ngoài.

Quay nhìn về phía tòa nhà lớp học, Paul thấy một người đàn ông hỏi đầu gọi các thanh niên tập hợp. Họ miễn cưỡng kết thúc trận bóng và bước về phía phòng học.

Khi đám thanh niên còn bận chú ý đến người kia, Paul tiếp tục di chuyển nhanh hơn nữa đến chỗ xe Opel, mở cửa sau rồi trèo vào chiếc xe đang phơi nắng, cảm thấy làn da gã nhức nhối vì cái nóng. Nhìn ra ngoài qua cửa kính sau bên trái, gã để ý đây là điểm lợi thế hoàn hảo để ngắm bắn. Gã thu được tầm nhìn hoàn hảo khu vực xung quanh xe của Ernst - một trường bắn rõ nét khoảng mười hai đến mười lăm mét để hạ gục hắn. Tên vệ sĩ cùng mấy tên lính khác sẽ phải mất thời gian tìm ra phát súng đến từ đâu.

Paul Schumann kiên quyết chạm vào lớp băng. Gã tháo chốt an toàn khẩu Mauser, liếc mắt về phía xe của Ernst.

“Xin chúc mừng những người lính tương lai. Chào mừng đấng Trường Đại học Waltham.”

Kurt Fischer và những người khác đáp lại Giáo sư-Tiến sĩ Keitel bằng rất nhiều lời chào. Hầu hết đều nói, “Hail Hitler.”

Kurt để ý thật thú vị khi chính Keitel lại không chào theo kiểu ấy.

Tên lính tuyển mộ đã chơi bóng với họ đứng bên cạnh ông giáo sư trước cửa một lớp học đang ôm một chồng các phong bì to. Hắn nháy mắt với Kurt, người đã phá bóng trượt để tên lính ghi bàn.

Những người tình nguyện ngồi tại mấy chiếc bàn làm bằng gỗ sồi. Trên bốn bức tường xung quanh treo các bản đồ và cờ mà Kurt không nhận ra. Em trai anh cũng đang nhìn xung quanh, nhòai người sang và thì thầm, “Những lá cờ chiến của quân đội Đế Nhị Đế Chế.”

Kurt ra hiệu cho em trai im lặng, nhúu mày bức tức vì bị ngắt dòng suy nghĩ và vì đưa em biết một điều anh không biết.

Bây giờ anh tự hỏi, làm thế nào em trai anh, con trai của những người yêu hòa bình, lại biết được cả cờ chiến là cái gì?

Lão giáo sư ăn mặc không hợp một nói tiếp, “Tôi sắp nói với các bạn về kế hoạch trong vài ngày tới. Vui lòng lắng nghe cho kỹ.”

“Vâng, thưa ngài” nhiều giọng trả lời khác nhau vang khắp phòng.

“Trước hết, các bạn sẽ điền hết thông tin cá nhân vào mẫu đơn xin tuyển vào các lực lượng vũ trang. Sau đó, các bạn sẽ trả lời một bảng câu hỏi về tính cách và năng lực của mình. Các câu trả lời sẽ được biên soạn, phân tích giúp chúng tôi quyết định tài năng, những sở thích trí tuệ của các bạn đối với những nhiệm vụ nhất định. Chẳng hạn, một số bạn sẽ phù hợp hơn trong vai trò chiến đấu, một số làm công tác điện đài hay một số làm văn phòng. Thế nên điều thiết yếu đó là các bạn phải trả lời thành thật.”

Kurt liếc sang em trai, tuy nhiên cậu ta không chú ý đến anh. Hai anh em đã thỏa thuận rằng họ sẽ trả lời các câu hỏi sao cho sẽ được phân làm công tác văn phòng, hoặc thậm chí là lao động chân tay - bất kỳ điều gì đảm bảo họ sẽ tránh phải đi giết người khác. Nhưng Kurt lo ngại Hans lúc này có thể đang nghĩ khác. Phải chăng nó bị quyến rũ với ý tưởng trở thành một người lính chiến đấu?

“Sau khi các bạn đã điền xong mẫu đơn, Đại tá Ernst sẽ đến gặp các bạn. Sau đó, các bạn sẽ được đưa về ký túc xá và dùng bữa. Ngày mai các bạn sẽ bắt đầu bước vào huấn luyện, trong vài tháng tới sẽ là duyệt binh, tăng cường sức khỏe thể chất trước khi bắt đầu hướng dẫn trên lớp.”

Keitel gật đầu và tên lính bắt đầu phát các phong bì. Tên sĩ quan tuyên mộ dừng lại ở bàn của Kurt. Họ đồng ý chơi thêm hiệp nữa trước giờ ăn tối, nếu điều kiện ánh sáng cho phép. Tên lính sau đó đi theo Keitel ra ngoài lấy bút chì cho các tân binh.

Khi lơ đãng xoa tay trên tập hồ sơ của mình, Kurt bỗng cảm thấy hài lòng một cách lạ lùng, bất chấp những hoàn cảnh ngặt nghèo trong cái ngày khó khăn này. Phải, chắc chắn sự hài lòng đó có bao gồm lòng biết ơn - đối với Đại tá Ernst và Giáo sư-Tiến sĩ Keitel - vì đã ban cho anh sự cứu rỗi kỳ diệu này. Nhưng hơn hết anh đang bắt đầu cảm thấy rằng, cuối cùng mình đã được trao một cơ hội làm một điều gì đó đúng đắn, một hành động giúp thoát khỏi hoàn cảnh khó khăn của riêng anh. Hay phải chăng việc Kurt đến Oranienburg để bị cầm tù hay chết mới là can đảm, có thể nhưng là vô nghĩa. Mặc dù bây giờ anh đã quyết định rằng hành động phi lý tình nguyện nhập ngũ có thể được chứng minh, một cách chính xác, là một biểu hiện thách thức mà anh đang tìm kiếm, một đóng góp tuy nhỏ nhoi nhưng vững chắc để cứu đất nước này thoát khỏi đại dịch áo nâu.

Với một nụ cười hướng về phía em trai, Kurt rà bàn tay lên phong bì câu hỏi trắc nghiệm, lần đầu tiên trong nhiều tháng anh nhận ra trái tim mình thực sự hài lòng.

Chương 36

Willi Kohl đỗ chiếc DKW cách xe tải Dịch vụ Lao động không xa, cách đường mòn khoảng năm mươi mét. Hắn đã giấu kín xe để không bị dòm ngó.

Kohl lạng lẽ bước đến chiếc xe tải, kéo sụp mũ Panama xuống che ánh mặt trời làm chói mắt, súng ngắn cầm tay, tai lắng nghe tiếng bước chân và giọng nói. Nhưng ông chẳng nghe thấy gì ngoài âm thanh bình thường của tiếng chim, tiếng dế và ve sầu. Ông chậm rãi tiếp cận xe. Dòm vào phía sau, ông thấy mấy cái túi vải bao bì, mấy cái xẻng và cuốc như ông mong đợi - những ‘vũ khí’ của Dịch vụ Lao động. Nhưng trong buồng lái, ông thấy vài thứ còn hấp dẫn hơn nhiều. Trên ghế ngồi là bộ đồng phục của sĩ quan RAD - được gấp lại cẩn thận như thể sẽ chóng được dùng lại, như thể người mặc lo rằng các vết nhăn có thể khiến hắn bị nghi ngờ. Cho dù thứ quan trọng hơn ông tìm thấy được bọc trong tờ giấy dưới ghế ngồi: một bộ vest hai hàng khuy xanh da trời và một áo sơ mi trắng, cả hai bộ đều ngoại cỡ. Áo sơ mi hiệu Arrow sản xuất tại Mỹ. Còn bộ vest? Kohl cảm thấy tim đập thình thịch khi nhìn vào mác bên trong. *Manny's Men's Wear, Thành phố New York*.

Cửa hàng yêu thích của Paul Schumann.

Kohl đặt quần áo vào chỗ cũ rồi nhìn quanh xem có thấy tay người Mỹ, tên Webber đáng ghét hay bất kỳ ai khác.

Chẳng có ai.

Những dấu chân trong lớp bụi ngoài cửa xe tải cho thấy Schumann đã vào rừng tiến về phía khuôn viên. Lối cũ cho xe dịch vụ tiến vào theo hướng đó mọc đầy cỏ dại, nhưng không ít thì nhiều vẫn êm chân. Tuy nhiên cũng lộ liễu: những hàng giậu và bụi cây cả hai bên sẽ là nơi ẩn náu hoàn

hảo cho Schumann nằm im chờ đợi. Tuyến đường duy nhất còn lại đi qua các khu rừng nhiều đồi núi, lổn nhổn đá và cành cây. Chà... Bàn chân tội nghiệp của ông kêu thét lên ngay khi nhìn thấy chúng. Nhưng ông không còn lựa chọn. Willi Kohl bắt đầu tiến lên phía trước qua một hành trình đầy vật cản đau đớn.

Xin người đẩy, Paul Schumann nguyện cầu. Xin người, bước ra khỏi xe đi, Đại tá Ernst và lọt vào tầm nhìn tuyệt vời này. Trong một đất nước cấm Chúa, nơi chỉ có vài lời cầu nguyện được nghe thấu, có lẽ Người sẽ đáp lại lời nguyện cầu này.

Nhưng rõ ràng đây không phải là lúc viện đến sự trợ giúp của thánh thần. Ernst vẫn ngồi trong xe Mercedes. Paul không cách nào định vị chính xác hẳn ngồi đâu trên ghế sau do ánh sáng chói trên tấm kính chắn gió và cửa kính xe. Nếu gã bắn xuyên qua kính nhưng không trúng mục tiêu, gã sẽ không bao giờ có cơ hội thứ hai.

Gã lại quét mắt qua khu vực đó lần nữa và thầm nhủ: Không có gió nhẹ. Ánh sáng tốt - đó là từ mặt sân bóng, nhưng trong mắt gã thì không - chiếu sáng trường bắn. Một cơ hội tuyệt vời để nổ súng.

Lau mồ hôi trên trán, Paul ngồi lại ghế trong bọc dọc. Khi cảm thấy thứ gì đó đang ép vào hông gây khó chịu, gã bèn liếc nhìn xuống. Đó là một tập giấy tờ người đàn ông hói đầu đã đặt vào trong xe mười phút trước. Gã xô đổ chồng giấy tờ xuống sàn xe, nhưng khi làm thế gã liếc thấy hồ sơ trên cùng. Gã cầm nó lên rồi vừa liếc nhìn chiếc Mercedes của Ernst vừa nhìn bức thư. Gã đọc:

Gửi Ludwig:

Ông sẽ tìm thấy phần đính kèm lá thư dự thảo tôi gửi Lãnh tụ về nghiên cứu của chúng ta. Lưu ý rằng tôi đã gửi kèm một tài liệu đến thử nghiệm sẽ được tiến hành hôm nay tại Waltham. Chúng ta có thể bổ sung các kết quả vào tối nay.

Ở giai đoạn đầu của nghiên cứu, tôi tin rằng tốt nhất chúng ta nên dán nhãn nạn nhân bị lính Thử nghiệm của chúng ta giết, là tội phạm quốc gia. Do đó, ông sẽ thấy trong thư có hai gia đình Do Thái chúng ta giết tại Gatow được mô tả là những kẻ lật đổ Do Thái, đám công nhân Ba Lan bị giết tại Charlottenburg là những kẻ xâm nhập ngoại lai, bọn Roma là những kẻ lệch lạc về tình dục và bọn Aryan trẻ tuổi tại Waltham hôm nay sẽ là những kẻ chống đối chính trị. Tôi cảm thấy vào thời điểm nào đó sau này, chúng ta có thể thẳng thắn nói về sự vô tội của những ai được Đối tượng của chúng ta thử nghiệm. Nhưng vào thời điểm này tôi tin không phải lúc.

Cũng như tôi không nói rằng những bằng câu hỏi ông phát cho đám lính là “thử nghiệm về mặt tâm lý.” Tôi cũng cảm thấy điều này sẽ không được hào hứng đón nhận.

Vui lòng xem xét điều này và liên hệ với tôi nếu có thay đổi gì. Tôi muốn đệ trình lá thư này theo yêu cầu vào thứ Hai, ngày 27 tháng 07.

- Reinhard

Paul nhú mào. Tất cả những chuyện này là gì? Gã lật sang trang tiếp theo tiếp tục đọc.

TỐI MẬT

Adolf Hitler, Lãnh tụ, Thủ tướng Nhà nước và Tổng thống Đức, Tư lệnh các Lực lượng vũ trang.

Thống chế Lục quân Werner von Blomberg,

Bộ trưởng Quốc phòng Nhà nước Thưa Lãnh tụ và Bộ trưởng Các ngài đã hỏi tôi về các chi tiết của Nghiên cứu Waltham do đích thân tôi cùng Giáo sư-Tiến sĩ Ludwig Keitel của Trường Đại học Quân sự Waltham thực hiện. Và tôi rất vui lòng được mô tả tính chất của nghiên cứu, cùng các kết quả đạt được cho đến thời điểm này.

Nghiên cứu này nảy sinh từ hướng dẫn của các ngài đối với tôi, liên quan đến việc chuẩn bị sẵn sàng các lực lượng vũ trang Đức và giúp đỡ họ

nhanh chóng đạt được các mục tiêu của quốc gia vĩ đại của chúng ta, như hai ngài đã đặt ra.

Trong những tháng năm làm tư lệnh các đội quân quả cảm của chúng ta trong Thế chiến thứ I, tôi đã học hỏi được nhiều về hành vi con người trong chiến đấu. Trong khi bất kỳ người lính tốt nào cũng đều tuân thủ mệnh lệnh, tôi thấy rõ ràng họ phản ứng khác nhau với việc giết người. Và tôi tin rằng sự khác biệt này dựa trên bản chất con người họ.

Nói ngắn gọn, nghiên cứu của tôi liên quan đến việc hỏi người lính những câu hỏi, trước và sau khi hành hình những kẻ thù của nhà nước bị kết án, rồi sau đó phân tích các câu trả lời. Những biểu hiện này gồm một số tình huống khác nhau: các phương pháp hành hình, các loại tù nhân khác nhau, quan hệ của lính với các tù nhân, nên tặng gia đình và lịch sử cá nhân của người lính v.v... Các ví dụ đến giờ này như sau:

Vào ngày 18 tháng 07 năm nay, tại thành phố Gatow, một người lính (Đối tượng A) đã điều tra khá lâu hai nhóm người Do Thái bị kết tội tham gia các hoạt động lật đổ. Anh ta sau đó được lệnh triển khai thứ tự hành hình bằng súng trường tự động.

Vào ngày 19 tháng 07, một người lính tại Charlottenburg (Đối tượng B) đã hành hình tương tự một số kẻ thâm nhập người Ba Lan. Cho dù Đối tượng B là người trực tiếp giết chết chúng, nhưng anh ta không có quan hệ gì với chúng trước khi tiêu diệt, không giống những cuộc hành hình tại Gatow.

Vào ngày 21 tháng 07, một người lính (Đối tượng C) đã hành hình một nhóm dân Du mục Roman có hành vi lệch lạc về tình dục, tại một cơ sở đặc biệt chúng tôi xây dựng tại Trường Đại học Waltham. Khí độc CO phả ra từ ống khói xe hơi là phương thức hành hình. Giống như Đối tượng B, người lính này chưa hề tiếp xúc với các nạn nhân. Tuy nhiên không như Đối tượng B, anh ta không chứng kiến những cái chết của chúng.

Paul Schumann thở hồng hộc vì sốc. Gã xem lại lá thư đầu tiên. Trời ạ, những người bị giết đều là người vô tội được chính Ernst thu nạp, những gia đình Do Thái, những công nhân Ba Lan... Gã đọc lại vài đoạn để chắc

chấn mình không nhìn nhầm. Gã tưởng mình dịch sai nội dung. Nhưng chẳng còn nghi ngờ gì nữa. Gã nhìn lướt qua sân bóng đầy bụi về phía chiếc Mercedes màu đen vẫn che giấu Ernst. Cúi xuống nhìn lá thư gửi Hitler, gã đọc tiếp.

Vào ngày 26 tháng 07, một người lính (Đối tượng D) hành hình mười hai kẻ chống đối chính trị tại cơ sở Waltham. Điều khác biệt trong vụ này đó là những tội phạm này có gốc Aryan. Đối tượng D đã mất một tiếng hoặc hơn tiếp xúc, chơi thể thao với chúng ngay trước khi hành hình chúng, tiếp xúc với một số tên trong bọn bằng tên. Anh ta còn được hướng dẫn quan sát chúng chết.

Ôi, Lạy Chúa... ở ngay đây, ngày hôm nay!

Paul nhào người về phía trước nhìn bao quát sân bóng. Tên lính Đức mặc đồng phục xám đã chơi đá bóng với đám thanh niên đứng nghiêm chào người đàn ông hói đầu mặc áo nâu. Sau đó, hấn móc cái ống mềm dày từ ống bô xe buýt vào một thiết bị gắn trên bức tường bên ngoài phòng học.

Chúng tôi hiện đang biên soạn các câu trả lời do tất cả các Đối tượng nói trên cung cấp. Một chục cuộc hành hình khác sắp được lên kế hoạch, mỗi cuộc dự kiến sẽ cung cấp cho chúng tôi càng nhiều dữ liệu có ích càng tốt. Các kết quả của bốn thử nghiệm đầu tiên sẽ được đính kèm.

Vui lòng an tâm rằng chúng tôi đã loại bỏ kiểu tư duy Do Thái như bản của những kẻ phản bội như Tiêh sĩ Freud, nhưng cảm thấy triết lý và khoa học Quốc Xã vững chắc sẽ cho phép chúng ta kết hợp các hình thái tư cách của người lính với các phương thức xử tử, bản chất của các nạn nhân và mối quan hệ giữa chúng một cách hiệu quả hơn nhằm đạt được những mục tiêu các ngài đã đặt ra cho quốc gia vĩ đại của chúng ta.

Chúng tôi sẽ trình báo cáo chi tiết lên hai ngài trong vài tháng nữa.

Với tất cả sự trân trọng,

Đại tá Reinhard Ernst,

Đại diện Toàn quyền vì ổn định Trong nước

Paul ngược mắt lên thấy tên lính nhìn những thanh niên trong phòng học, đóng cửa lại, bình tĩnh bước đến chiếc xe buýt và khởi động xe.

Chương 37

Khi cửa ra vào phòng học đóng lại, các sinh viên nhìn xung quanh họ. Chính Kurt Fischer bước ra khỏi chỗ ngồi đến bên cửa sổ. Anh gõ tay lên tấm kính.

“Anh quên bút chì cho chúng tôi,” anh kêu lên.

“Có mấy cái phía sau đấy,” ai đó gọi.

Kurt tìm thấy ba chiếc bút chì ngắn cùn trên mép bảng đen. “Nhưng không đủ cho tất cả chúng ta.”

“Sao chúng ta làm được nếu không có bút chì?”

“Mở cửa sổ ra!” Ai đó kêu lên. “Lạy Chúa tôi, trong này nóng quá.”

Một thanh niên dáng người cao, tóc vàng từng bị bỏ tù vì viết bài thơ chế nhạo Đoàn thanh niên Hitler, bước đến các ô cửa sổ cố gắng mở chốt.

Kurt quay lại ghế ngồi, xé toạc phong bì của anh, lôi ra mấy tờ giấy để xem chúng thêm muốn thông tin cá nhân gì, hay liệu có bảng câu hỏi nào về Chủ nghĩa yêu hòa bình của bố mẹ họ không. Nhưng rồi anh phá lên cười ngạc nhiên.

“Nhìn xem này,” anh nói. “Tờ của tớ chẳng in chữ quái nào hết.”

“Không, của tớ cũng thế.”

“Tất cả chúng đều thế! Trống trơn!”

“Chuyện này thật ngớ ngẩn.”

Cậu tóc vàng đứng bên ô cửa sổ kêu lên, “Chúng không mở được.” Cậu nhìn những người khác quanh căn phòng ngột ngạt. “Các ô cửa sổ. Không mở được cửa nào hết. Đóng chặt hết rồi.”

“Tớ làm được,” một cậu to béo nói. Nhưng cậu ta cũng đầu hàng các ổ khóa. “Chúng bị bít chặt rồi. Tại sao lại thế...” Rồi cậu ta liếc nhìn ô cửa sổ. “Đây cũng không phải là kính bình thường. Nó dày lắm.”

Đến lúc này Kurt ngửi thấy một mùi ngọt ngọt, nồng nàn của dầu đang phả vào trong phòng qua một ống thông hơi trên cửa ra vào.

“Cái gì thế nhỉ? Có chuyện không ổn rồi!”

“Chúng đang giết chúng ta!” một cậu rít lên. “Nhìn ra ngoài đi!”

“Một ống mềm. Nhìn đi!”

“Phá ra. Đập vỡ kính đi!”

Cậu thanh niên to lớn cố gắng mở cửa sổ nhìn xung quanh. “Một cái ghế, cái bàn, bất kỳ cái gì!”

Nhưng các bàn và ghế dài gắn chặt với sàn nhà. Và cho dù căn phòng dường như là phòng học hình chữ nhật, nhưng không có thước kẻ, không có quả địa cầu, thậm chí các lọ mực cũng không có để dùng đập vỡ kính. Vài sinh viên cố gắng xô cửa ra vào, tuy nhiên cánh cửa bằng gỗ sồi dày được chằng thép bên ngoài. Đám mây màu xanh nhạt của khói xả vẫn phun đều đặn vào trong phòng.

Kurt cùng hai thanh niên cố gắng dùng chân mở cửa sổ. Nhưng lớp kính này thực sự dày - nếu không dùng công cụ nặng thì không thể phá nổi. Còn cánh cửa ra vào thứ hai nhưng nó bị đóng và khóa chặt.

“Chèn cái gì vào ống thông hơi đi.”

Hai thanh niên cởi áo sơ mi ra, Kurt cùng một sinh viên khác nhét vào ống. Tuy nhiên, những kẻ giết họ, Keitel và Ernst, đã tính trước tất cả. Các ống thông hơi được chặn lưới sắt có kích cỡ mét rưỡi nhân một mét. Không còn cách nào để bịt bề mặt mịn.

Các thanh niên bắt đầu khó thở. Ai ai cũng quờ quạng tránh xa ống thông hơi, lúi vào các góc phòng, vài người than khóc, vài người cầu nguyện.

Kurt Fischer nhìn ra ngoài. Tên sĩ quan ‘tuyển mộ’, kẻ đã ghi một bàn thắng vào lưới của anh chỉ mới vài phút trước, đang đứng khoanh tay bình thản nhìn họ. Hệt như khi người ta xem những con gấu chơi đùa trong chuồng tại Vườn Bách thú trên phố Budapest.

Paul Schumann thấy trước mặt chiếc Mercedes đen, vẫn đang che giấu con mồi của gã.

Gã trông thấy tên lính SS đang nhìn xung quanh cảnh giác.

Gã trông thấy lão hói đầu bước đến chỗ tên lính vừa lắp ống mềm vào lớp học, nói chuyện với hắn rồi ghi chép vào một tờ giấy.

Gã trông thấy một sân bóng trống trải, nơi một tá thanh niên vừa chơi bóng mới vài phút trước trên mặt đất.

Và trên hết, gã đã nhìn thấy mối liên kết trong tất cả những hình ảnh riêng rẽ này, bóng ma kinh hoàng của một con quỷ máu lạnh. Reinhard Ernst không chỉ đơn giản là kiến trúc sư chiến tranh của Hitler, hắn còn là kẻ giết hại người vô tội. Và động cơ của hắn là nhằm sưu tập thông tin một cách khéo léo.

Toàn bộ cái thế giới khốn kiếp này đều không đúng.

Paul dịch khẩu Mauser sang bên phải nhắm lão hói đầu và tên lính. Tên quân nhân đồng phục xám đứng tựa lưng vào xe tải đang hút thuốc. Hai tên đứng cách nhau một quãng xa nhưng Paul có khả năng hóa kiếp cả hai. Lão hói đầu - có thể là tên giáo sư được nói đến trong lá thư gửi Hitler - có lẽ không có vũ khí, và nhiều khả năng nhất sẽ co giò bỏ trốn ngay sau phát súng đầu tiên. Sau đó, Paul sẽ lao vào phòng học, mở cửa và bắn yểm hộ cho các thanh niên kia có thể thoát ra an toàn.

Ernst và tên lính của hắn sẽ thoát hoặc núp phía sau ô tô chờ cứu viện đến. Nhưng làm sao Paul có thể bỏ mặc họ chết?

Kính ngắm khẩu Mauser tập trung vào ngực tên lính. Paul bắt đầu dồn sức ép lên cò súng.

Rồi gã thở dài giận dữ, lại hướng nòng súng trường về phía xe Mercedes.

Không, gã đến đây chỉ nhằm một mục đích: Giết chết Reinhard Ernst. Đám thanh niên trong phòng học không phải mối bận tâm của gã. Họ sẽ phải hy sinh. Một khi bắn Ernst, những tên lính khác hắn sẽ chạy đến và bắn trả, ép Paul phải tẩu thoát vào rừng trong khi mấy thằng nhóc bị chết ngạt.

Cố gắng không hình dung ra sự kinh hoàng trong phòng học, những gì lũ nhóc sẽ trải qua, Paul Schumann một lần nữa chạm vào lớp băng. Gã thở

đều.

Và đúng lúc này, lời nguyện cầu của gã cuối cùng cũng được đáp ứng.
Cửa sau chiếc xe chở Ernst bật mở.

Chương 38

Có lần mình đã từng đi bơi và đi bộ đường dài suốt nhiều ngày, Willi Kohl giận dữ nghĩ khi tựa người vào một thân cây ghì hơi thở. Thật không công bằng khi phải dùng cả khao khát mạnh mẽ lẫn khả năng thiên bẩm vào công việc tĩnh tại thế này.

Chà, dĩ nhiên là cả vấn đề tuổi tác của ông nữa.

Chưa nói đến bàn chân.

Khóa huấn luyện của cảnh sát Phổ là tốt nhất thế giới, nhưng việc theo dấu một nghi phạm qua rừng như Göring đi săn gấu không phải là một phần trong chương trình giảng dạy. Kohl không tìm ra được dấu hiệu nào về hành trình của Paul Schumann, cũng như của bất kỳ ai. Tiến độ của chính ông đang chậm lại. Thi thoảng, ông phải dừng lại khi đến gần một bụi cây rậm đặc biệt để chắc chắn không có ai đang chĩa súng về phía mình. Rồi ông lại tiếp tục cuộc truy đuổi thận trọng.

Cuối cùng, qua bụi cây trước mặt, ông để ý một sân bóng đã cắt cỏ quanh một tòa nhà phòng học. Đổ xe gần đó là một chiếc Mercedes đen, một xe buýt và một xe tải. Có cả một xe Opel nữa đậu phía bên kia sân bóng. Vài người đứng xung quanh trong số này có hai tên lính, với một tên quân nhân SS đứng cạnh chiếc Mercedes.

Liệu đây có phải kiểu làm ăn kinh doanh chợ đen ngầm Schumann cùng tham gia với tên Webber này không? Nếu đúng thế thì chúng đâu?

Những câu hỏi, luôn là những câu hỏi.

Rồi Kohl để ý thấy một chuyện không bình thường. Ông nhòai người ra gần hơn gạt bụi rậm sang bên. Gạt giọt mồ hôi trên mắt, ông nhìn thật kỹ. Một cái ống chạy từ ống bô xe buýt vào trường học. Tại sao lại thế nhỉ? Có lẽ họ đang giết sâu bọ.

Ngay sau đó ông quên bém mất chi tiết đáng ngờ này. Sự chú ý của ông quay về xe Mercedes với cửa sau đã mở. Một người đang xuống xe. Kohl kinh ngạc nhận ra đó là một Bộ trưởng trong chính phủ. Reinhard Ernst, người phụ trách cái được gọi là ‘sự ổn định trong nước’ cho dù ai cũng biết rằng hẳn là thiên tài quân sự đứng sau chương trình tái vũ trang đất nước.

Hắn đang làm gì ở đây? Có thể nào...

“Ôi, không,” Willi Kohl thì thầm thành tiếng. “Chúa lòng thành...”

Ông bất ngờ hiểu ra chính xác nội dung tất cả những cảnh báo an ninh kia, mối quan hệ giữa Morgan với Taggert và Schumann, và nhiệm vụ của tay người Mỹ tại đất nước này.

Nắm chặt khẩu súng ngắn, thanh tra bắt đầu chạy bộ qua rừng hướng đến khoảng rừng thưa. Ông nguyên rủa cả Gestapo, SS lẫn Peter Krauss đã không nói với ông những gì họ biết. Nguyên rủa cả hai mươi năm và hai mươi năm cân nặng cuộc đời đã cộng thêm vào cơ thể ông, kể từ ngày ông làm cảnh sát. Còn về đôi chân, khao khát ngăn chặn cái chết của Ernst khẩn cấp đến mức ông hoàn toàn quên biến cơn đau.

Tất cả đều là dối trá!

Tất cả những gì chúng tôi nói đều là dối trá. Nhằm dụ chúng ta sẵn sàng đến với cái chết! Kurt đã nắm lấy lựa chọn anh đã nghĩ là hèn nhất, đồng ý tham gia vào dịch vụ này và giờ đây anh sắp chết vì quyết định đó - trong khi nếu anh và Hans phải đến trại tập trung, họ có thể đã sống sót.

Bơ phờ và chóng mặt, Kurt Fischer ngồi trong góc Tòa nhà Phòng học số 5 bên cạnh cậu em trai. Cũng sợ hãi và tuyệt vọng không kém những người khác, tuy nhiên anh không cố gắng bẩy bàn học bằng sắt lên khỏi sàn hay dùng vai đẩy cửa như họ đang làm. Anh biết Ernst và Keitel đã nghĩ đến tất cả những điều này, đã thiết kế một tòa nhà vững chắc, kín khít để làm mồ chôn họ. Những kẻ Quốc Xã vừa nham hiểm vừa ác độc.

Thay vào đó, anh sử dụng một công cụ khác. Bằng mẫu bút chì lấy được phía sau phòng, anh đang nguệch ngoạc mấy từ run rẩy lên một trang giấy

trắng xé ra từ sau cuốn sách. Thật mỉa mai xét đến khía cạnh Chủ nghĩa Hòa bình đã mang họ đến nơi kinh hoàng này, tựa đề cuốn sách là *Những Chieens Thuật Kỵ Binh Trong Chiến Tranh Pháp Phổ, 1870-1871*.

Những tiếng thút thít sợ hãi, những tiếng quát tháo giận dữ xung quanh anh, những tiếng nức nở.

Kurt hầu như không nghe thấy gì. “Đừng sợ,” anh nói với em trai.

“Không,” cậu thanh niên trẻ hơn khiếp đảm nói, giọng vụn vỡ. “Em không sợ.”

Trái ngược với nội dung lá thư thông báo cho bố mẹ yên tâm anh đã định viết cho bố mẹ đêm đó, mà Ernst đã hứa rằng chúng có thể gửi, lúc này anh viết một lá thư hoàn toàn khác.

Gửi Albrecht và Lotte Pischer

Phố Prince George, số 14

Swiss Cottage,

London, Anh

Nếu bằng một phép màu nào đó lá thư này đến được tay bố mẹ, xin hãy biết rằng lúc này chúng con chỉ nghĩ đến bố mẹ thôi, vào những giờ phút cuối cùng trong cuộc đời của chúng con. Tình huống dẫn đến sự ra đi của chúng con chẳng có ý nghĩa gì, cũng giống như cái chết của chục nghìn người chúng con ở đây. Chúng con cầu nguyện rằng bố mẹ vẫn tiếp tục công việc của mình, luôn có hình ảnh chúng con trong tâm trí để sự điên rồ này có thể sẽ kết thúc. Bố mẹ hãy nói với mọi người lắng nghe mình sự xấu xa ở đây còn tồi tệ hơn tất cả những gì họ có thể hình dung, và rằng nó sẽ không chấm dứt, cho đến khi ai đó đủ can đảm làm điều đó.

Bố mẹ hãy tin rằng chúng con yêu bố mẹ.

Các con trai của bố mẹ

Xung quanh anh, những tiếng hét va vào nhau khi các thanh niên quỳ xuống, hoặc gập bụng và bắt đầu hôn lên mặt sàn gỗ sồi tróc lở, những tấm ván gỗ ốp chân tường để liếm bất kỳ mẫu không khí nào có thể nhận được từ dưới sàn nhà. Vài người chỉ đơn giản cầu nguyện trong thanh thản.

Kurt Fischer lại nhìn lá thư lần nữa. Anh thực sự bật ra tiếng cười nhẹ. Vì anh bất ngờ nhận ra đây là mục đích căn bản anh đang hy vọng: chuyển tin nhắn đến tay bố mẹ anh, và về cơ bản là nguyện cầu cho thế giới này. Đây là cách anh sẽ chiến đấu chống Đảng. Vũ khí của anh sẽ là cái chết của anh.

Đến cuối cùng, khi anh lạc quan rằng lá thư này sẽ được tìm thấy, được chuyển đi và có lẽ, thông qua bố mẹ anh hay những người khác, đó sẽ là rễ cây cuối cùng đâm thủng bức tường nhà ngục đang giam cầm đất nước anh.

Cây bút chì rơi khỏi tay anh.

Vận dụng đến từng suy nghĩ và sức mạnh cuối cùng, Kurt gấp tờ giấy lại nhét vào trong ví của anh. Nhiều khả năng nhất là nó sẽ được người làm dịch vụ tang lễ hay ông tiến sĩ lấy khỏi xác của anh, người mà nhờ có Chúa có thể tìm thấy những từ anh viết và đủ can đảm gửi chúng đi.

Sau đó, anh nắm lấy bàn tay của em trai và nhắm mắt lại.

Dù thế, Paul Schumann vẫn không thấy mục tiêu.

Reinhard Ernst đang đi tới đi lui một cách bất thường cạnh chiếc Mercedes. Hắn đang nói chuyện qua ống nghe được gắn kèm vào bảng tap lô bằng dây ở ghế trước. Tên vệ sĩ to cao của hắn chắn tầm nhìn của Paul.

Gã giữ chắc khẩu súng, ngón tay đặt lên cò súng chờ hắn ta dừng lại.

Chạm vào lớp băng...

Kiểm soát nhịp thở, quên đi lũ ruồi đang vo ve trên mặt, quên đi cái nóng. Im lặng gào thét về phía Reinhard Ernst. Đừng di chuyển nữa, vì Chúa! Hãy để tao làm chuyện này xong rồi chuồn, quay về đất nước của tao, với nhà máy in của tao, với em trai tao... gia đình mà tao đã có, gia đình mà tao có thể có.

Một hình ảnh của Käthe Richter thoát hiện ra trong đầu gã khi gã trông thấy đôi mắt cô, cảm thấy những giọt nước mắt của cô ấy, nghe tiếng vọng giọng nói của cô ấy.

Em thà chia sẻ đất nước mình với chục nghìn kẻ sát nhân, hơn là ngủ chung giường với một kẻ...

Ngón tay già ve vuốt cò súng khẩu Mauser, gương mặt và những lời nói của cô biến mất trong làn băng tuyết.

Và đúng lúc này Ernst dừng bước, đặt lại ống nghe vào bảng tap lô chiếc Mercedes, rồi bước xa khỏi xe. Hắn đứng đó hai tay khoanh lại, đang nói chuyện tử tế với tên vệ sĩ. Tên này chậm rãi gật đầu khi chúng nhìn chăm chăm vào lớp học.

Paul hướng kính ngắm vào ngực tên đại tá.

Chương 39

Đang đến gần khoảng rừng thưa, Willi Kohl nghe thấy một phát súng chói tai.

Nó vang ra từ những tòa nhà, những khu vực xung quanh và bị nuốt chửng trong đám cỏ cao và cây bách xù xung quanh ông. Thanh tra theo bản năng ngồi thụp xuống. Phía bên kia khoảng rừng thưa, ông trông thấy dáng cao cao của Reinhard Ernst rạp xuống đất cạnh chiếc Mercedes.

Không... Người này đã chết! Đó là lỗi của mình! Sơ suất của mình, sự ngu dốt của mình mà một người đã bị giết, một người quan trọng đối với tổ quốc.

Tên vệ sĩ SS của Bộ trưởng cúi xuống tìm kiếm kẻ tấn công.

Mình đã làm gì thế này? Thanh tra nghĩ.

Nhưng rồi một tiếng súng nữa vang lên.

Nép mình vào thân cây sồi dày ở mép khoảng rừng thưa, Kohl trông thấy một trong số các tên lính quân đội chính quy ngồi thụp xuống đất. Kohl nhìn ngay ra xa, thấy một tên lính nữa đang nằm trên mặt cỏ, máu chảy ra từ ngực hãn. Gần đó một người hói đầu mặc áo jacket nâu quờ quạng tìm chỗ an toàn dưới xe buýt.

Thanh tra lại nhìn về phía xe Mercedes. Cái gì thế này? Ông đã nhầm. Tay Bộ trưởng không sao hết! Ernst nằm dán xuống đất để tránh đạn khi nghe thấy phát súng đầu tiên, nhưng giờ hãn đã thận trọng đứng dậy với khẩu súng ngắn cầm tay. Tên vệ sĩ của hãn đang tháo dây đeo khẩu súng tự động và cũng tìm mục tiêu.

Schumann đã không giết Ernst.

Rồi phát súng thứ ba vang lên qua khoảng rừng thưa, bắn trúng chiếc Mercedes của Ernst làm vỡ tan cửa kính. Phát đạn thứ tư bắn trúng lốp và

săm xe. Kohl trông thấy một chuyển động trên sân bóng đầy cỏ. Đó là Schumann, đúng rồi! Gã đang chạy ra từ chiếc xe Opel về phía trường học, thi thoảng bắn về phía chiếc Mercedes bằng khẩu súng trường dài không cho Ernst cùng tên vệ sĩ đứng dậy. Khi gã chạy đến được cửa ra vào của một lớp học, tên lính SS của Ernst đứng dậy bắn mấy phát. Tuy nhiên, chiếc xe buýt đã bảo vệ tay người Mỹ không bị trúng đạn.

Nhưng nó không bảo vệ gã khỏi Willi Kohl.

Thành tra chùi tay vào quần dài, nhắm khẩu súng lục vào Schumann. Đó sẽ là phát đạn tầm xa nhưng không phải là không thể, và ít nhất ông có thể ép tên này nằm xuống cho đến khi quân lính tới nơi.

Nhưng đúng lúc Kohl bắt đầu xiết cò thì Schumann mở bung cửa trước tòa nhà. Gã bước vào bên trong rồi xuất hiện một lúc sau đó, kéo ra ngoài một thanh niên. Vài người khác đi theo ra, sững sốt, tay ôm lấy ngực, ho hen, vài người còn nôn mửa. Thêm một người nữa, rồi ba người nữa.

Chúa trên Thiên Đàng! Kohl choáng váng. Chính họ mới là những người bị phun hơi ngạt, không phải chuột hay côn trùng.

Schumann ra hiệu cho mọi người đi vào rừng, và trước khi Kohl kịp thoát khỏi trạng thái kinh hoàng trước những gì được thấy và nhắm mục tiêu, tay người Mỹ lại bắn về phía xe Mercedes yểm hộ cho đám thanh niên trốn thoát an toàn vào khu rừng rậm.

Khẩu Mauser va mạnh vào vai khi gã lại nổ súng. Gã nhắm thật thấp, hy vọng bắn trúng chân tên vệ sĩ của Ernst. Nhưng xe của chúng có gầm cũng thấp, gã không thể tìm được một mục tiêu bên dưới. Gã liếc nhanh vào trong phòng học, những thanh niên cuối cùng đang bước ra. Họ lao đảo ra ngoài rồi chạy vào rừng.

“Chạy đi!” Paul kêu lên. “Chạy đi!”

Gã bắn thêm hai phát nữa kiềm chế Ernst và tên vệ sĩ.

Lấy mấy ngón tay gạt mồ hôi trên trán, Paul cố gắng tiếp cận xe Mercedes gần hơn nhưng cả Ernst và tên vệ sĩ đều có vũ khí và bắn rất tốt, tên SS có cả một khẩu tiểu liên. Chúng bắn liên tiếp khiến Paul không thể sáp gần. Khi Paul tháo chốt để thay băng đạn, tên vệ sĩ bắn như nhả đạn

vào xe buýt và mặt đất gần đó. Ernst nhảy lên ghế trước xe Mercedes, chộp lấy ống nói và lại nằm rạp xuống góc xa trong xe.

Bao lâu nữa cứu viện sẽ đến? Paul mới chỉ lái xe qua Waltham hai dặm đường, gã chắc chắn rằng thành phố quy mô khá lớn này sẽ có một đơn vị cảnh sát đồn trú. Và bản thân ngôi trường này cũng có thể có lực lượng an ninh riêng.

Nếu gã muốn sống, thì lúc này gã sẽ phải thoát khỏi đây.

Gã bắn thêm hai phát nữa, dùng hết số đạn Mauser cuối cùng. Gã quăng khẩu súng trường xuống đất, cúi người xuống rút khẩu súng ngắn từ thắt lưng của một trong những tên lính đã chết. Đó là một khẩu Luger giống của Reginald Morgan. Gã kéo chốt nạp một viên vào hộp đạn.

Nhìn xuống, gã thấy lão hói đầu có ria mép, kẻ đã dẫn các sinh viên vào trong tòa nhà đang bò nửa chừng dưới gầm xe buýt.

“Tên mày là gì?” Paul hỏi bằng tiếng Đức.

“Xin ngài.” Giọng lão run rẩy. “Đừng...”

“Tên mày? “

“Giáo sư-Tiến sĩ Keitel, thưa ngài.” Ông ta đang khóc. “Làm ơn...”

Paul nhớ lại tên lão có viết trên lá thư về Nghiên cứu Waltham. Gã giờ súng lên bắn ngay vào giữa trán lão.

Nhìn lại lần cuối cùng chiếc xe của Ernst, gã không thể thấy mục tiêu. Paul chạy qua sân bóng bắn thêm vài phát nữa về phía chiếc Mercedes ghì chân Ernst và tên vệ sĩ. Gã nhanh chóng lao vào rừng khi những viên đạn từ súng của tên SS bay qua tán lá xanh xung quanh gã, không viên nào chạm được vào người gã.

Chương 40

Willi Kohl đã quay ra khỏi khu rừng thưa, người đẫm mồ hôi, mệt mỏi vì cái nóng và nỗ lực, ông đang quay về theo hướng chiếc xe tải Dịch vụ Lao động. Ông cho rằng đó là phương tiện trốn thoát của Schumann. Ông sẽ bơm xịt lốp để ngăn hẳn trốn thoát.

Một trăm mét, hai trăm mét, thở dốc, ngạc nhiên. Đám thanh niên đâu rồi? Chúng có phải tội phạm không? Chúng có vô tội không?

Ông dừng lại cố ghìm hơi thở. Nếu không làm thế, ông chắc chắn Schumann sẽ dễ dàng nghe thấy tiếng thở khò khè khi ông đến gần.

Nhìn lướt qua khu rừng, ông chẳng thấy gì.

Chiếc xe tải đâu? Ông đã bị lạc hướng. Hướng này? Không, hướng kia.

Nhưng có lẽ, Schumann không dùng xe tải này. Có thể hẳn đã dùng cách khác thoát ra. Rốt cuộc, người này thật tuyệt vời. Hẳn có thể đã giấu...

Không phát ra một âm thanh nào, cũng không một lời cảnh báo, một mảnh kim loại nóng bỏng chạm vào sau gáy ông.

Không! Ý nghĩa đầu tiên của ông là: Heidi, tình yêu của anh... làm sao em có thể một mình xoay xở với lũ trẻ trong thế giới điên loạn này của chúng ta? Ôi, không, không!

“Đứng im.” Một chất giọng Đức trọng âm rất nặng.

“Tôi sẽ không... Phải cậu không, Schumann?” ông hỏi bằng tiếng Anh.

“Đưa súng cho tôi.”

Kohl đưa khẩu súng ra, Schumann nhận lấy.

Một bàn tay to lớn nắm chặt lấy vai ông, xoay người thanh tra lại.

Kohl nghĩ, đôi mắt sao lạnh giá thế này. Ông chuyển sang dùng tiếng mẹ đẻ. “Cậu sẽ giết tôi đúng không?”

Schumann không nói gì, chỉ lục soát các túi quần, túi áo thanh tra tìm vũ khí. Gã đứng lúi lại xem xét sân bóng và khu rừng xung quanh họ. Rõ ràng thấy hài lòng khi không ai bám theo, gã người Mỹ thò tay vào túi áo sợ mi lòi ra mấy tờ giấy đẫm mồ hôi và trao cho Kohl. Ông ta hỏi, “Cái gì đây?”

“Đọc đi,” Schumann nói.

Kohl nói tiếp, “Làm ơn, kính của tôi.” Liếc nhìn xuống túi áo trên ngực ông.

Schumann lấy cặp kính ra đưa cho thanh tra.

Đeo kính lên mắt, ông ta mở tập giấy ra rồi đọc nhanh các tài liệu, kinh hoàng trước những gì được viết. Ông ngước lên, không nói lời nào, nhìn trừng trừng vào mắt Schumann. Ông nhìn xuống rồi đọc lại ngay trang đầu tiên.

Gửi Ludwig:

Ông sẽ tìm thấy phần đính kèm lá thư dự thảo tôi gửi Lãnh tụ về nghiên cứu của chúng ta. Lưu ý rằng tôi đã gửi kèm một tài liệu đến thử nghiệm sẽ được tiến hành hôm nay tại Waltham. Chúng ta có thể bổ sung các kết quả vào tối nay.

Ở giai đoạn đầu của nghiên cứu, tôi tin rằng tốt nhất chúng ta nên dán nhãn nạn nhân bị lính Thử nghiệm của chúng ta giết, là tội phạm quốc gia. Do đó, ông sẽ thấy trong thư có hai gia đình Do Thái chúng ta giết tại Gatow được mô tả là những kẻ lật đổ Do Thái, đám công nhân Ba Lan bị giết tại Charlottenburg là những kẻ xâm nhập ngoại lai, bọn Roma là những kẻ lệch lạc về tình dục và bọn Aryan trẻ tuổi tại Waltham hôm nay sẽ là những kẻ chống đôi chính trị.

Ôi, Lạy Chúa trên Thiên Đàng, ông nghĩ. Vụ Gatow rồi vụ Charlottenburg! Thêm một vụ nữa: Những người Roman bị sát hại. Và những thanh niên trẻ ngày hôm nay! Được lên kế hoạch còn kỹ lưỡng hơn... Họ bị giết đơn giản chỉ như mớ cỏ khô cho cái nghiên cứu dã man này, nghiên cứu được phê chuẩn ở cấp cao nhất trong chính phủ.

“Tôi...”

Schumann lấy lại tập giấy tờ. “Quỳ xuống. Nhắm mắt lại.”

Kohl lại nhìn tay người Mỹ. Chà, phải rồi, ông đã nhận ra đây là đôi mắt của kẻ sát nhân. Ông thấy nhớ đôi mắt tại nhà trọ ấy biết bao nhiêu? Có lẽ vì dạo này xung quanh ta có quá nhiều kẻ sát nhân đến nỗi chúng ta ngày càng miễn nhiễm. Willi Kohl đã hành động một cách nhân đạo, cho phép Schumann trốn thoát trong khi tiếp tục điều tra thay vì đưa người này đến cái chết rõ mười mười trong xà lim SS hoặc Gestapo. Ông đã cứu mạng một con sói, mà giờ đây hăn quay ra chống lại ông. Ôi, ông có thể nói với Schumann rằng mình chẳng biết gì về trò man rợ này. Thế nhưng tại sao hăn lại phải tin ông? Thêm vào đó, Kohl xấu hổ nghĩ tới chuyện bất chấp thái độ thờ ơ của ông với tội ác quái dị đặc biệt này, mối liên kết giữa ông với những kẻ thực hiện tội ác này là không thể phủ nhận.

“Làm đi!” Schumann thì thầm qua kẽ răng.

Kohl quỳ xuống trên thảm lá, nghĩ đến vợ ông. Nhớ lại khi hai vợ chồng còn trẻ tuổi mới kết hôn lần đầu, họ đi picnic trong rừng Grünewald Forest. Chà kích cỡ cái rổ bà ấy mang theo, lớp muối trên thịt, mùi hương giống nhựa cây của rượu vang và những món dưa chua. Cảm xúc bàn tay bà nằm trong bàn tay ông.

Thanh tra nhắm mắt lại thì thầm một lời nguyện cầu, nghĩ rằng ít nhất Quốc Xã chưa tìm ra cách biến những giao tiếp linh hồn thành tội ác. Chẳng bao lâu ông lạc vào trong bài cầu nguyện nhiệt tình mà Chúa phải chia sẻ nó với Heidi và con cái họ.

Và rồi ông nhận ra đã mấy phút trôi qua.

Hai mắt vẫn nhắm nghiền, ông thận trọng lắng nghe. Ông chỉ nghe thấy tiếng gió xào xạc qua rặng cây, tiếng côn trùng vo ve và tiếng động cơ trầm của máy bay trên đầu mình.

Lại một, hai phút đằng đẵng trôi qua. Cuối cùng, ông mở mắt, đấu tranh tư tưởng. Rồi Willi Kohl chậm rãi quay lại, mong nghe thấy tiếng cạch của súng vào bất kỳ lúc nào.

Chẳng thấy Schumann đâu. Tên cao lớn ấy đã lặng lẽ đi khỏi khoảng rừng thưa. Cách không xa ông nghe thấy tiếng động cơ đốt trong khởi động, rồi tiếng vào số.

Ông đứng dậy, ráng hết sức chạy nhanh về phía phát ra âm thanh chùng nào tẩm thân to béo cộng đôi chân đau còn chịu được. Ông đến được con đường phủ đầy cỏ và đi theo ra đến đường cao tốc. Không thấy chiếc xe tải Dịch vụ Lao động đâu hết, Kohl quay người chạy đến chỗ đỗ xe DKW. Nhưng ông nhanh chóng khựng lại. Nắp ca pô bị bật lên, những sợi dây bị lòng thòng ra ngoài. Schumann đã phá hỏng xe. Ông quay người lại, lao xuống con đường về phía tòa nhà lớp học.

Ông đến nơi đúng lúc hai chiếc xe SS vừa phanh kít lại gần đó. Mấy tên lính không mặc quân phục nhảy ra ngoài, ngay lập tức vây quanh xe Mercedes có Ernst đang ngồi bên trong. Chúng rút súng ngắn ra, nhìn chăm chăm vào rừng nhằm phát hiện mối đe dọa.

Kohl lao qua khu rừng thưa về phía chúng. Các sĩ quan SS nhú mày khi thấy Kohl đến gần, tất cả đều chĩa súng về phía ông.

“Tôi là Cảnh sát Hình sự!” ông thở hổn hển kêu lên, chìa thẻ ra.

Tên tư lệnh SS đứng nghiêm chào. “Hail Hitler.”

“Chào,” Kohl ngắt lời.

“Một thanh tra Cảnh sát Hình sự từ Berlin? Ông đang làm gì ở đây? Có nghe báo cáo vô tuyến điện vụ tấn công Đại tá Ernst không?”

“Không, tôi đuổi theo nghi phạm đến đây, Đại úy. Tôi không biết âm mưu của hắn nhằm vào đại tá, dù tôi muốn hắn có liên quan đến một vấn đề khác.”

“Đại tá và vệ sĩ của ông ấy không nhìn thấy kẻ tấn công,” tên SS nói với thanh tra. “Ông có biết hắn trông thế nào không?”

Kohl ngần ngừ.

Một từ duy nhất bỗng vụt hiện trong tâm trí thanh tra, nằm yên đó như con cá mút đá không chịu biến đi.

Cái từ đó là bốn phạm.

Cuối cùng Kohl đáp, “Có, có. Tôi biết, thưa ngài.”

Tên tư lệnh SS nói, “Tốt. Tôi đã ra lệnh lập các chốt kiểm soát trong cả vùng này. Và sẽ gửi cho họ mô tả về hắn. Hắn là người Nga đúng không? Chúng tôi nghe nói vậy.”

“Không, hẳn là người Mỹ,” Kohl nói. “Tôi có thể làm tốt hơn ngoài việc mô tả hẳn. Tôi biết hẳn đang lái loại xe nào và có được ảnh của hẳn.”

“Ông có ảnh sao?” tên tư lệnh hỏi, nhíu mày. “Làm thế nào?”

“Đầu giờ hôm nay hẳn đã trao cho tôi cái này,” Willi Kohl biết ông không còn lựa chọn. Dầu vậy, trái tim ông vẫn thét gào khi ông thọc tay vào túi trao cuốn hộ chiếu cho tên tư lệnh.

Chương 41

Mày là một thằng ngu, Paul Schumann nghĩ.

Gã đã tuyệt vọng, tuyệt vọng đến tận cùng.

Gã lái xe tải Dịch vụ Lao động về phía Tây dọc theo con đường gồ ghề về Berlin, mắt nhìn vào gương xem có bị bám đuôi không.

Một thằng ngu...

Ernst đã nằm ngay trong tầm bắn! Mày đã có thể giết hắn! Thế mà...

Thế nhưng các thanh niên hắn sẽ hứng chịu cái chết thảm khốc trong lớp học chết tiệt đó. Gã tự nhủ với mình phải quên họ đi. Chạm vào lớp băng. Làm công việc của gã tại đất nước điên khùng này.

Nhưng gã đã không làm được.

Paul đấm mạnh lòng bàn tay xuống bánh lái, run lên vì giận dữ. Giờ đây, bao nhiêu người khác sẽ chết vì quyết định của gã? Cứ mỗi lần gã đọc tin Quốc Xã đã mở rộng quân đội của chúng, rằng chúng đã phát triển các vũ khí mới, rằng quân lính của chúng đã tham gia nhiều hoạt động huấn luyện, rằng bao nhiêu người nữa biến mất khỏi nhà của họ, rằng họ phải nhận những cái chết đẫm máu trên tấm bê tông thứ tư tính từ bãi cỏ trong Hang Dã Thú, gã sẽ thấy mình phải chịu trách nhiệm.

Việc giết chết Keitel gồm ghiếc không khiến sự lựa chọn của gã bớt kinh hoàng hơn. Reinhard Ernst, một kẻ còn xấu xa hơn nhiều bất kỳ ai từng hình dung, vẫn sống.

Gã cảm thấy lệ dâng tràn mi. Thằng ngu...

Bull Gordon đã chọn gã vì gã là một kẻ chẳng tốt đẹp gì. Chắc rồi, gã đã chạm vào lớp băng. Nhưng một người tốt hơn, một người mạnh mẽ hơn sẽ không đơn giản nắm chặt lớp băng mà sẽ để băng thấm vào tận tâm hồn và đưa ra quyết định chính xác, bất chấp cái giá phải trả là mạng sống của các

thanh niên. Khuôn mặt gã đỏ bừng xấu hổ. Paul Schumann tiếp tục lái xe hướng thẳng về Berlin. Gã sẽ lẩn trốn tại đó đến khi chiếc máy bay giải cứu đến nơi vào buổi sáng.

Gã rẽ tại một khúc ngoặt, nhấn mạnh chân phanh. Một xe tải quân sự chặn đường gã. Đứng bên cạnh là sáu tên quân nhân SS, hai tên có mang súng máy. Paul đã không nghĩ đến việc chúng sẽ lập chốt kiểm soát nhanh đến thế trên các con đường nhỏ thế này. Gã vừa sờ vào hai khẩu súng ngắn - một của gã và một của thanh tra - đặt chúng lên ghế ngồi gần đó.

Paul đứng nghiêm chào. “Hail Hitler.”

“Hail Hitler, Sĩ quan,” là câu trả lời khô khốc của tên tư lệnh SS, cho dù ánh mắt quyết định của hắn tập trung vào bộ đồng phục Dịch vụ Lao động gã vừa mặc lại.

“Xin hỏi có chuyện gì thế?” Paul hỏi.

Tên tư lệnh đến gần xe tải. “Chúng tôi đang tìm một tên có liên quan đến sự cố tại Trường Đại học Quân sự Waltham.”

“Có phải vì thế mà tôi thấy bao nhiêu xe cảnh sát trên đường?” Paul hỏi, tim gã đang đập thình thịch trong lồng ngực.

Tên sĩ quan SS găm gờ rồi dò xét khuôn mặt Paul. Hắn vừa định hỏi một câu thì một chiếc xe ba bánh lướt đến, tên lái xe tắt động cơ, nhảy xuống lao đến chỗ tên tư lệnh, “Thưa ngài,” hắn nói, “một thanh tra Cảnh sát Hình sự đã biết được nhân dạng của kẻ ám sát. Đây là mô tả của ông ấy.”

Bàn tay Paul chậm rãi vòng quanh khẩu Luger. Gã có thể giết được hai tên này nhưng vẫn còn những tên khác gần đó.

Trao một tờ giấy cho tên tư lệnh, tên lái xe nói tiếp, “Hắn là người Mỹ nhưng nói tiếng Đức rất chuẩn.”

Tên tư lệnh xem xét tờ giấy. Hắn liếc nhìn Paul rồi lại nhìn trang giấy, tuyên bố, “Nghỉ phạm cao khoảng 67 và khá gầy. Tóc đen và có ria mép. Căn cứ theo hộ chiếu thì tên hắn là Robert E. Gardner.”

Paul nhìn trừng trừng tên tư lệnh, gật đầu rồi im lặng. Gardner ư? Gã tự hỏi.

“Chà,” tên sĩ quan SS hỏi, “tại sao anh lại nhìn tôi? Anh từng thấy người nào thế này chưa?”

“Chưa, thưa ngài. Tôi xin lỗi. Tôi không thấy.”

Gardner?... Hẳn là ai?... Chờ đã, đúng rồi, Paul nhớ ra rồi. Đó là cái tên trên một trong những hộ chiếu giả của Robert Taggert.

Kohl đã trao tài liệu đó cho bọn SS, thay vì đưa hộ chiếu của chính Paul.

Tên tư lệnh xem lại tờ giấy. “Ông thanh tra đã báo cáo rằng hẳn đang lái một chiếc xe Audi màu xanh dương. Anh đã từng thấy con xe đó trong vùng này chưa?”

“Chưa, thưa ngài.”

Trong gương, Paul để ý thấy hai tên sĩ quan khác đang nhìn vào phía sau xe tải. Chúng kêu lên, “Mọi thứ đều ổn cả.”

Tên tư lệnh nói tiếp, “Nếu anh thấy hẳn hoặc xe Audi, hãy liên hệ với các cơ quan chức năng ngay lập tức.” Hẳn quát tên lái xe tải chặn đường. “Cho anh ta qua.”

“Hail Hitler,” Paul nói với sự nhiệt tình gã tin rằng chưa từng nghe ai nói kể từ khi đến Đức.

“Rồi, rồi, Hail Hitler. Giờ thì đi tiếp đi!”

Một chiếc Mercedes công vụ chở SS phanh kít lại bên ngoài Tòa nhà số 5 Trường Đại học Quân đội Waltham, nơi Willi Kohl đang xem hàng tá quân lính lượn lờ quanh khu rừng tìm kiếm những thanh niên đã thoát khỏi lớp học.

Cửa xe bật mở, không ai ngoài chính Heinrich Himmler xuống xe. Hẳn rút khăn tay lau cặp mắt kính giăng viên của mình rồi bước đến gần tên tư lệnh SS, Kohl và Reinhard Ernst lúc này đã xuống xe với mười tên lính vây quanh.

Kohl giơ cánh tay lên chào, Himmler nhanh chóng chào đáp lại. Sau đó, hẳn dò xét ông ta kỹ hơn bằng đôi mắt híp. “Ông là Cảnh sát Hình sự à?”

“Vâng, thưa Chỉ huy Trưởng Cảnh sát Himmler, tôi là Thanh tra Kohl.”

“À phải. Vậy ra ông là Willi Herman Kohl.”

Thanh tra sừng sốt khi trùm cảnh sát Đức biết đến tên mình. Ông nhớ lại hồ sơ Sở An ninh của mình và cảm thấy còn khó chịu hơn nữa trước sự thừa nhận này. Con người nhạy bén, thính như chuột quay sang hỏi Ernst, “Cậu không sao chứ?”

“Vâng. Nhưng hãn đã giết vài sĩ quan cùng đồng nghiệp của tôi, Giáo sư - Tiến sĩ Keitel.”

“Tên sát thủ đâu rồi?”

Tên tư lệnh SS chưa chát đáp, “Hãn thoát rồi ạ.”

“Thế hãn là ai?”

“Thanh tra Kohl đây biết nhân dạng của hãn.” Với sự táo bạo được phép ở cấp bậc của Ernst - nhưng Kohl sẽ không dám bắt chước - tên đại tá hớn hào lên tiếng, “Xem ảnh hộ chiếu đi, Heinrich. Hãn ta cũng chính là người tại Sân vận động Thế vận hội. Hãn chỉ đứng cách Lãnh tụ, tất cả các Bộ trưởng có một mét thôi. Hãn đã ở gần tất cả chúng ta.”

“Gardner ư?” Himmler khó chịu hỏi, nhìn chăm chăm vào cuốn sách nhỏ tên sĩ quan chỉ huy SS giơ lên. “Hãn đã dùng tên giả tại Sân vận động. Hoặc cái tên này là giả.” Người đàn ông nhỏ nhăn ngược mắt lên, nhăn nhó. “Nhưng tại sao hãn lại cứu mạng cậu ở Sân vận động?”

“Rõ ràng là hãn không cứu mạng tôi.” Ernst ngắt lời. “Lúc đó tôi không bị nguy hiểm. Đích thân hãn chắc phải đặt khẩu súng vào nhà kho, để chúng ta tin rằng hãn là đồng minh của chúng ta. Dĩ nhiên để chúng ta lơ là cảnh giác. Ai mà biết hãn sẽ nhắm ai là mục tiêu sau khi hãn giết tôi. Có lẽ là chính Lãnh tụ cũng nên.”

“Báo cáo của anh cho chúng tôi biết tên này là người Nga,” hãn đột ngột nói thêm. “Nhưng đây là một hộ chiếu Mỹ.”

Himmler im lặng một lúc, đôi mắt nhìn theo những chiếc lá khô dưới chân họ. “Người Mỹ hãn sẽ không có động cơ giết cậu, dĩ nhiên rồi. Tôi suy đoán rằng người Nga đã thuê hãn.” Hãn nhìn Kohl. “Làm sao ông biết được về tên sát thủ này?”

“Hoàn toàn do tình cờ, thưa Chỉ huy Trưởng Cảnh sát. Tôi đã theo dõi hãn như một nghi phạm trong một vụ án khác. Chỉ sau khi đến đây tiến

hành giám sát, tôi mới nhận ra rằng Đại tá Ernst đang có mặt ở trường đại học và nghi phạm đã lên các kế hoạch giết chết ông ấy.”

“Nhưng chắc chắn ông đã biết nỗ lực trước đó nhằm lấy mạng Đại tá Ernst?” Himmler hỏi nhanh.

“Vụ mà ngài đại tá vừa nói đến ở Sân vận động Thế vận hội? Không, thưa ngài. Tôi không biết vụ đó.”

“Ông không biết à?”

“Không, thưa ngài. Cảnh sát Hình sự không được thông báo về chuyện này. Và tôi chỉ vừa mới gặp Chánh Thanh tra Horcher chưa đầy hai giờ trước. Ông ta cũng chẳng biết gì.” Kohl lắc đầu. “Tôi ước gì chúng tôi đã được thông báo, thưa ngài. Tôi có thể đã điều phối vụ của tôi cùng với SS và Gestapo, như thế vụ này có thể đã không xảy ra, và những người lính đã không phải chết.”

“Ông đang nói mình không biết các lực lượng vũ trang của chúng tôi đang tìm kiếm một kẻ đột nhập khả nghi kể từ hôm qua?” Himmler hỏi với cung cách nặng nề của một diễn viên múa hát tồi tệ.

“Chính xác như vậy, thưa Chỉ huy Trưởng Cảnh sát.” Kohl nhìn vào đôi mắt ti hí đóng khung trong cặp kính gọng đen tròn của hãn ta và biết rằng chính Himmler là người ra lệnh tiếp tục giấu giếm Cảnh sát Hình sự về cảnh báo an ninh. Rốt cuộc, hãn ta là Michelangelo của ĐỆ TAM ĐẾ CHẾ trong nghệ thuật ghen tức, tranh công và đổ lỗi còn giỏi hơn cả Göring. Kohl tự hỏi liệu có phải chính ông bằng cách nào đó đang chịu rủi ro ở đây. Một sự xâm phạm an ninh tai hại tiềm năng đã diễn ra, phải chăng việc hy sinh kẻ nào đó vì sơ suất này sẽ có lợi cho Himmler? Địa vị của Kohl tuy không thấp nhưng đôi khi một con dê tế thần là cần thiết, đặc biệt là khi kế hoạch của bạn suýt gây ra cái chết cho một chuyên gia tái vũ trang của Hitler. Kohl đưa ra quyết định nhanh chóng và nói thêm, “Và thật hiếm kỳ khi tôi cũng chẳng biết thông tin gì từ sĩ quan liên lạc Gestapo của chúng ta. Chiều hôm qua, chúng tôi vừa gặp nhau. Tôi ước gì anh ta đã nói ra các chi tiết cụ thể về vấn đề an ninh.”

“Và tay sĩ quan liên lạc Gestapo đó là ai?”

“Là Peter Krauss, thưa ngài.”

“À.” Tên Chỉ huy trưởng cảnh sát gật đầu, ghi nhớ thông tin này và không chú ý gì đến Willi Kohl.

“Có một số tù nhân chính trị cũng ở đây, ” Reinhard Ernst nói với vẻ lảng tránh. “Một tá hoặc hơn các thanh niên đã trốn thoát vào rừng. Tôi đã cử lính đi tìm chúng rồi.” Đôi mắt hấn lại liếc vào trong lớp học chết chóc. Kohl cũng nhìn vào tòa nhà trông có vẻ hiền hòa, một cơ sở cao học khiêm tốn có từ thời nước Phổ Đế Nhị Đế Chế, giờ đây ông đã hiểu nó tượng trưng cho quý dữ. Ông để ý Ernst đã sai quân lính tháo ống mềm xả khói thải từ xe buýt. Tấm bìa kẹp hồ sơ cùng một số tài liệu khác nằm vương vãi trên mặt đất, có thể là một phần của Nghiên cứu Waltham ghê tởm cũng được dọn đi.

Kohl nói với Himmler, “Với sự cho phép của ngài, thưa ngài, tôi mong muốn được chuẩn bị một báo cáo càng sớm càng tốt, hỗ trợ việc tìm kiếm kẻ giết người.”

“Được, làm ngay lập tức đi, Thanh tra.”

“Tạm biệt.”

“Tạm biệt,” Himmler nói.

Kohl quay đi, nhanh chóng, bước về phía vài tên lính SS đứng cạnh một xe tải đang thu xếp quay về Berlin. Khi bước về phía chúng một cách đau đớn, ông quyết định rằng mình có thể khéo léo xử lý sự cố này để giảm nhẹ nguy cơ đối với chính ông. Đúng, bức ảnh trong hộ chiếu trùng với gương mặt người bị giết tại căn nhà trọ phía Tây nam Berlin trước khi hấn nỗ lực lấy mạng Ernst. Nhưng chỉ có Janssen, Paul Schumann và Käthe Richter biết điều đó. Hai người sau sẽ không tiết lộ bất kỳ thông tin gì cho Gestapo. Còn đối với cậu thanh tra tập sự, Kohl sẽ biệt phái cậu ta đi Potsdam ngay lập tức trong vài ngày giải quyết một trong số vụ án mạng đợi chờ họ, sau đó là kiểm soát toàn bộ hồ sơ về Taggert và vụ án mạng ngõ Dresden. Đêm nay, Kohl sẽ trình ra xác tên sát thủ đã chết trong khi cố gắng tẩu thoát. Dĩ nhiên, nhân viên phụ trách cái chết bất thường vẫn chưa tiến hành khám nghiệm - nếu xác chết còn chưa được sờ đến - và bằng cách hồi lộ, Kohl dám chắc rằng thời gian tử vong sẽ được ghi là xảy ra sau nỗ lực ám sát tại trường học này.

Ông nghi ngờ rồi sẽ còn điều tra thêm nữa: toàn bộ vấn đề bây giờ là một nỗi xấu hổ nguy hiểm - đối với Himmler vì đã lơ đãng trong an ninh đất nước, và với Ernst vì Nghiên cứu Waltham gây bạo động. Ông có thể...

“À, Kohl. Thanh tra Kohl?” Heinrich Himmler gọi.

Ông quay lại. “Vâng, thưa ngài?”

“Theo ông, anh chàng ông bảo hộ sẽ sẵn sàng sớm chứ?”

Thanh tra nghĩ một lúc, không hiểu câu nói này. “À, vâng, thưa Chỉ huy Cảnh sát Trưởng. Người được tôi bảo hộ?”

“Konrad Janssen. Bao lâu nữa cậu ấy sẽ được chuyển sang Gestapo?”

Ý ông ta là gì? Tâm trí Kohl trong một lúc chẳng nghĩ ra được gì.

Himmler nói tiếp. “Trời ạ, ông biết chúng tôi đã nhận cậu ấy vào Gestapo trước khi cậu ấy tốt nghiệp Đại học cảnh sát, đúng không? Nhưng chúng tôi muốn cậu ấy đi học hỏi một trong những thanh tra giỏi nhất tại Alex trước khi bắt đầu làm việc tại phố Prince Albrecht.”

Kohl cảm thấy như lĩnh trọn cú đấm vào ngực khi nghe tin này. Nhưng ông hồi phục rất nhanh. “Tha lỗi cho tôi, thưa Chỉ huy Cảnh sát Trưởng”, thanh tra nói, lắc đầu và mỉm cười. “Dĩ nhiên, tôi hiểu mà. Tâm trí tôi đang nghĩ về sự cố ở đây... Liên quan đến Janssen, cậu ấy sẽ sẵn sàng sớm thôi. Cậu ấy đang chứng tỏ được tài năng.”

“Chúng tôi đã để mắt đến cậu ấy một thời gian. Cả tôi và Heydrich. Ông có thể tự hào về thằng nhóc, cậu ấy sẽ thăng tiến rất nhanh đấy. Tôi cảm thấy thế. Hail Hitler.”

“Hail Hitler.”

Kohl choáng váng bước đi. Janssen ư? Hóa ra từ lâu cậu ấy đã lên kế hoạch làm việc cho mật vụ à? Đôi tay thanh tra run lên vì đau đớn trước sự phản bội này. Thằng nhóc này đã nói dối về mọi chuyện - khao khát trở thành một thanh tra hình sự, rồi chuyển vào Đảng (để thăng tiến qua Gestapo và Sipo, cậu ta phải là một Đảng viên). Cảm giác lạnh xương sống bao trùm, ông nghĩ đến rất nhiều điều không nên nói mà ông đã chia sẻ với cậu thanh tra tập sự.

Janssen, cậu có thể khiến tôi bị bắt đấy, cậu biết không, và tổng thăng đến Oranienburg trong vòng một năm khi cậu nói ra việc tôi vừa làm...

Ông tự nhủ, dầu vậy cậu thanh tra tập sự vẫn cần Kohl để tiến lên phía trước, và sẽ không thể nào tố cáo ông. Có lẽ nguy hiểm không lớn như ông nghĩ.

Kohl ngược nhìn lên một nhóm quân nhân SS đang đứng bu quanh chiếc xe tải. Một tên trong số chúng, vóc người cao lớn đội mũ sắt đen, lên tiếng hỏi, “Chào ông? Chúng tôi có thể giúp gì ông?”

Ông giải thích về chiếc DKW của mình.

“Kẻ giết người phá hỏng nó rồi à? Sao hăn rảnh thế nhỉ? Hăn có thể cho ông gửi khói bằng chân trần mà?” Bọn lính phá lên cười. “Rồi, rồi, chúng tôi sẽ cho ông đi nhờ, Thanh tra. Chờ vài phút nữa thôi.”

Kohl gật đầu, vẫn chưa hết tê liệt khi biết thông tin về Janssen, ông trèo lên xe tải và ngồi một mình. Ông nhìn chăm chăm mặt trời như cái đĩa màu da cam khổng lồ đang lặn xuống phía sau một sườn đồi tua tủa những cái bóng phản chiếu của hoa và cỏ. Người ông trĩu xuống, tựa đầu vào lưng ghế. Đám quân nhân SS lên xe, nổ máy rời khỏi trường đại học thẳng tiến về phía Đông nam để quay về Berlin.

Bọn lính tám chuyện về nỗ lực ám sát, các môn thi đấu tại Thế vận hội và kế hoạch cho buổi mít tinh lớn của Quốc Xã ngoài Spandau trong kỳ nghỉ cuối tuần tới đây.

Đến lúc này, thanh tra đi đến một quyết định. Lựa chọn của ông có vẻ bốc đồng và ngớ ngẩn, nó đến cũng nhanh như mặt trời chột biến mất dưới đường chân trời, sắc chói lọi phút chốc tan biến nhường chỗ cho không gian mờ mờ xanh xám. Nhưng ông tự nhủ, có lẽ đây không hề là lựa chọn tình tảo mà là lựa chọn không tránh khỏi, rằng nó đã được quyết định từ lâu rồi, như quy luật bất biến, cũng giống như hết ngày rồi đến hoàng hôn.

Willi Kohl và gia đình ông sẽ rời khỏi nước Đức.

Sự phản bội của Konrad Janssen và Nghiên cứu Waltham - cả hai hình ảnh tượng trưng ám đạm cho bộ mặt thật của Chính phủ này, cũng như việc chính phủ đó sẽ đi về đâu - là đủ lý do rồi. Thế nhưng điều thật sự quyết định vấn đề đó là tên người Mỹ, Paul Schumann.

Đứng cạnh các sĩ quan SS bên ngoài Tòa nhà số 5, nhớ ra mình có cả hộ chiếu thật của Schumann lẫn hộ chiếu giả của Taggert trong túi, Kohl đã

đấu tranh rất quyết liệt có nên tuân theo bốn phận của mình. Đến cuối cùng ông đã làm thế. Nhưng ông thấy buồn. Bốn phận của ông đã chi phối ông hành động chống lại đất nước của ông.

Cả về chuyện ông sẽ đi như thế nào ông cũng biết. Ông sẽ vẫn tỏ ra mình không biết gì đến lựa chọn của Janssen (nhưng dĩ nhiên, ông sẽ chấm dứt sự thiên vị không tính toán dành cho thanh niên này), ông sẽ nói bất kỳ câu nào Chánh Thanh tra Horcher muốn ông nói, ông sẽ hoàn toàn tránh xa tầng hầm trụ sở Cảnh sát Hình sự với máy phân loại DeHoMag lúc nào cũng bận, ông sẽ xử lý các vụ án mạng như vụ Gatow đúng như cách họ muốn ông làm - tất nhiên là chẳng xử lý gì cả. Ông sẽ biến mình thành một cảnh sát viên Quốc Xã kiểu mẫu.

Và rồi trong tháng Hai, ông sẽ đưa cả gia đình đến dự hội nghị ủy ban Cảnh sát Hình sự Quốc tế tại London. Và rồi từ đây, họ sẽ giông buồm sang New York theo con đường hai em họ của ông đã đi vài năm trước, rồi gia đình ông sẽ cùng nhau xây dựng cuộc sống.

Là quan chức cấp cao Cảnh sát Hình sự đi công tác, ông có thể dễ dàng thu xếp hồ sơ và giấy phép xuất nhập cảnh, mang theo một số tiền kha khá rời khỏi đất nước. Dĩ nhiên sẽ cần vài mảnh khóe thông minh trong việc thu xếp, nhưng ngày nay ở Đức ai mà chẳng dùng đến vài mảnh khóe?

Hẳn nhiên Heidi sẽ chào đón sự thay đổi, tìm kiếm một thiên đường cho bọn trẻ. Günter sẽ được cứu thoát khỏi các bạn cùng lớp là thành viên thanh niên Phát xít. Hilde có thể lại được đến trường, và có lẽ sẽ trở thành một giáo sư như con bé muốn.

Con gái cả của ông tất nhiên sẽ gặp khó khăn với vị hôn phu, Heinrich Sachs. Nhưng Kohl quyết định ông sẽ thuyết phục cậu ta đi cùng. Sachs là người chống Quốc Xã nhiệt thành, không có bà con thân thích và đủ say đắm Charlotte để đi theo con bé đến bất kỳ đâu. Sachs trẻ trung là một công chức có tài, nói tiếng Anh tốt, cho dù chứng viêm khớp khá nặng, nó là một công nhân không biết mệt mỏi. Kohl nghĩ rằng thằng bé sẽ tìm được việc tại Mỹ còn dễ dàng hơn cả chính ông.

Còn về thanh tra - bắt đầu lại ở tuổi trung niên! Đúng là nột thách thức choáng ngợp! Ông mĩa mai nghĩ đến tác phẩm lỗ bịch của Lãnh tụ, *Cuộc Chiến Đấu Của Tôi*. Đúng là một cuộc chiến bản thân ông sẽ phải trải qua - một người đàn ông mệt mỏi với một gia đình, bắt đầu lại ở lứa tuổi lẽ ra nên quẳng hết các vụ án cho lứa thanh tra trẻ, tận hưởng nửa ngày nghỉ dẫn con cái đến bể bơi nhân tạo tại Công viên Luna. Nhưng không phải ý nghĩ về nỗ lực bỏ trốn hay về tình trạng bấp bênh trước mắt mới khiến ông lặng lẽ xúc động không nói nên lời, nước mắt rơi trên má đến mức phải giấu không để bọn lính SS nhìn thấy.

Không, ông rơi nước mắt vì cảnh tượng ông đang thấy khi họ rẽ tại một khúc ngoặt đến Berlin: Những bình nguyên nước Phổ. Bất chấp bụi mịt mù, u ám trong một buổi tối mùa hè khô khốc, chúng vẫn toát lên vẻ trang nghiêm, hùng vĩ với ý nghĩa quá mãnh liệt vì chúng là những bình nguyên trên nước Đức của ông, một quốc gia vĩ đại tận trong tâm khảm với những chân lý, những lý tưởng không biết bằng cách nào bị những tên trộm đánh cắp một cách khéo léo.

Kohl thọc tay vào túi, rút ra cái tẩu thuốc bằng đất sét trắng. Ông cho đầy thuốc vào miệng tẩu nhưng không tìm thấy diêm. Ông nghe thấy một tiếng xoẹt khi tên lính SS ngồi cạnh ông bật que diêm và giữ trong tay chờ ông. “Cảm ơn,” Kohl nói rồi châm vào tẩu, rít rít mấy lần để thuốc bắt lửa. Ông ngả người vào ghế, lấp đầy không khí xung quanh bằng mùi anh đào hăng hăng, nhìn chằm chằm kính chắn gió phía trước khi ánh đèn thành phố Berlin lọt vào tầm mắt.

Chương 42

Chiếc xe lượn như một vũ công trên con đường về nhà hãn tại Charlottenburg. Reinhard Ernst ngồi ghế sau, gắng hết sức không nghiêng người theo mỗi cú ngoặt. Claus, tên trung úy SS đi cùng hãn tại Trường Đại học Waltham bị thương do kính xe Mercedes bắn vào người đã được đưa đi viện phẫu thuật. Một chiếc xe SS khác chở đầy lính đội mũ sắt màu đen đi đằng sau.

Hãn bỏ kính ra, lấy tay dụi mắt. Chà, Keitel và tên lính tham gia vào nghiên cứu đã chết rồi. “Đối tượng D” là cách Ernst nghĩ về tên lính hãn chưa từng biết tên... Cái ngày hôm nay đúng là một thảm kịch.

Dẫu vậy, có một điều ám ảnh suy nghĩ của Ernst nhất, đó là lựa chọn của gã sát thủ bên ngoài Tòa nhà số 5. Thay vì giết chết hãn một cách dễ dàng nếu muốn, mà rõ ràng đó là nhiệm vụ, gã lại đi giải cứu các thanh niên kia. Suy nghĩ về hành động này, nỗi khiếp sợ về việc Ernst đang làm đã trở nên rõ ràng. Phải, hãn đã nhận ra Nghiên cứu Waltham là nghiên cứu ghê tởm. Hãn đã nhìn thẳng vào mặt họ và nói: Phục vụ trong quân ngũ một năm, những tội lỗi của các bạn sẽ được xóa bỏ - suốt quãng thời gian đó hãn biết rằng đó chỉ là lời dối trá. Hãn đã dẹt nên câu chuyện hư cấu khiến các nạn nhân thấy thoải mái, không mảy may nghi ngờ. Nhờ thế tên lính có thể làm quen với họ trước khi xuống tay sát hại.

Phải, hãn lừa anh em nhà Fischer, lừa các công nhân Ba Lan rằng họ sẽ được trả lương tăng gấp đôi nếu trồng cây gần Charlottenburg cho Thế vận hội. Hãn lừa các gia đình Do Thái ở Gatow tập hợp bên bờ sông. Ernst cùng người của hãn sẽ bảo vệ họ trước vài tên lính Xung kích phản bội ở gần đó.

Không phải Ernst thù ghét gì người Do Thái. Sát cánh chiến đấu với họ trong Thế Chiến thứ I, hẳn thấy họ cũng thông minh và quả cảm như bất kỳ ai khác. Thực ra theo những người Do Thái hẳn quen biết kể từ thời đó, hẳn không thể nhận ra bất kỳ sự khác biệt nào giữa họ với người Aryan. Khi nghiên cứu những người Ba Lan, hẳn thấy họ chẳng khác gì những người Phổ láng giềng. Nói thật, vẻ đẹp cao quý, của họ chi nhìn thấy được ở vài tên Quốc Xã.

Điều hẳn đang làm với nghiên cứu này thật ghê tởm. Đáng sợ. Hẳn cảm thấy nổi nhọc nhãi sắc như lưỡi dao lam cuộn xoáy bên trong, như nổi đau nhức nhối trong cánh tay khi mảnh đạn nóng rẫy xé nát vai hẳn trong Thế Chiến thứ I.

Con đường lúc này đã thẳng một mạch, họ đến gần khu hẳn từng sống. Ernst nhào người ra phía trước, chỉ hướng cho tài xế lối về nhà mình.

Ghê tởm, phải...

Và lúc này... khi nhìn xung quanh những tòa nhà quen thuộc, các quán cà phê và công viên của một phần khu Charlottenburg, nổi kinh hoàng bắt đầu âm ỉ hệt như nó vừa xảy ra trên chiến trường sau khi khẩu Mauser hoặc Enheld cuối cùng đã bắn hết, những loạt súng đại bác đã ngừng, những tiếng khóc than của người lính bị thương đã câm bật. Hẳn nhớ lại tối nay lúc đứng nhìn 'tên sĩ quan tuyển mộ'. Đối tượng D, đã sẵn sàng với phong cách của kỵ sĩ gắn cái ống chết người ấy vào lớp học, ngay cả khi vừa mới trước đó hẳn ta vẫn còn chơi bóng với các nạn nhân. Nếu là tên lính khác, có thể hẳn ta đã cự tuyệt hoàn toàn. Giá mà không chết, những câu trả lời của hẳn ta trên bảng câu hỏi của lão Giáo sư-Tiến sĩ hẳn sẽ cực kỳ hữu ích, giúp thiết lập tiêu chí chúng sẽ dùng để gắn bó những người lính với bốn phận.

Điểm yếu hẳn đã cảm thấy một phút trước đó, sự hối hận được thúc đẩy từ lựa chọn của tên sát thủ, sẵn sàng từ bỏ bốn phận đã đột ngột biến mất. Một lần nữa, hẳn tin rằng mình đang làm điều đúng đắn. Hãy cứ để Hitler cố gắng với sự điên rồ của y. Phải, vài người vô tội sẽ chết cho đến khi cơn bão này lắng xuống, nhưng cuối cùng Lãnh tụ sẽ qua đời trong khi quân đội

Ernst đang tạo ra văn sống, trở thành xương sống của vinh quang một nước Đức mới - về cơ bản là vì một nền hòa bình Châu Âu mới.

Phải có những sự hy sinh.

Ngày mai, Ernst sẽ bắt đầu tìm kiếm một bác sĩ tâm lý, hoặc một Giáo sư-Tiến sĩ khác có thể giúp hắn tiếp tục công trình. Và lần này, hắn sẽ tìm một người phù hợp với tinh thần của Chủ nghĩa Quốc Xã hơn Keitel - vì Chúa, ông bà hắn không phải là người Do Thái. Ernst phải thông minh hơn. Đây là một khoảnh khắc của lịch sử khi người ta phải thông thái hơn.

Xe tấp vào lề trước cửa nhà. Ernst cảm ơn tài xế rồi xuống xe. Những tên quân nhân SS trong chiếc xe phía sau cũng xuống xe, gia nhập cùng những tên khác đang bảo vệ nơi ở của hắn. Tên tư lệnh nói chúng sẽ ở đây cho đến khi tên sát thủ bị bắt, hoặc có thể được chứng minh rằng gã đã bị giết hoặc trốn khỏi đất nước. Ernst cũng lịch sự cảm ơn tư lệnh rồi bước vào trong nhà. Hắn chào đón Gertrud bằng một nụ hôn. Cô liếc nhìn sợi cỏ và đám bùn dính trên quần hắn.

“Ôi, anh đúng là vô dụng, Reinie!”

Chẳng buồn giải thích, hắn mỉm cười buồn bã. Cô quay trở lại bếp với món nướng gì đó ngát hương thơm của giấm và tỏi. Ernst lên gác rửa ráy và thay quần áo. Hắn thấy đứa cháu trai trong phòng mình, đang vẽ trên một tập giấy.

“Ông nội!” thằng bé reo lên, chạy về phía hắn.

“Chào, Mark. Tối nay chúng ta sẽ lắp nốt thuyền chứ?”

Thằng bé không đáp, Ernst thấy nó đang nhúu mày.

“Có chuyện gì thế?”

“Ông nội, ông vừa gọi cháu là Mark. Đó là tên bố cháu.”

Có đúng thế không? “Ông xin lỗi, Rudy. Ông đã không suy nghĩ. Hôm nay, ông rất mệt mỏi, ông nghĩ rằng mình cần ngủ trưa.”

“Vâng, cháu cũng đi ngủ trưa,” thằng bé háo hức nói, hạnh phúc khi làm ông nó vui lòng vì kiến thức của mình. “Đôi khi vào buổi trưa cháu cũng mệt mỏi. Mẹ cháu cho cháu uống sữa nóng, đôi khi là ca cao và rồi cháu lại ngủ.”

“Chính xác. Đó chính là những gì ông đang cảm thấy. Ông đã có một ngày dài và cần phải ngủ. Bây giờ, cháu chuẩn bị gỗ và dao sẵn sàng đi. Sau bữa tối chúng ta sẽ cùng lấp thuyền.”

“Vâng, ông nội. Cháu làm luôn đây.”

Gần đến 3 giờ chiều, Bull Gordon bước lên các bậc thềm vào Phòng Thẩm vấn tại Manhattan. Thành phố khá nhộn nhịp và sôi động tại các khu vực khác ngay cả vào Chủ nhật, nhưng ở đây, con phố vẫn tĩnh lặng.

Các rèm cửa vẫn đóng, ngôi nhà trong thành phố có vẻ như bị bỏ hoang. Nhưng hôm nay khi Gordon mặc trang phục thường dân đến gần, chưa kịp rút chìa khóa ra khỏi túi thì cửa trước đã bật mở. “Xin chào ngài,” tay sĩ quan hải quân không mặc đồng phục nói bằng chất giọng mềm mại.

Gordon gật đầu.

“Ngài Thượng nghị sĩ trong phòng khách, thưa ngài.”

“Một mình à?”

“Thưa vâng.”

Gordon vào nhà, cởi áo bành tô vắt lên móc trong tiền sảnh. Ông cảm nhận được vũ khí ở trong túi áo. Có khả năng ông sẽ không cần đến nó, nhưng ông thấy vui vì mang nó theo. Ông hít một hơi sâu, bước vào căn phòng nhỏ.

Thượng Nghị sĩ ngồi trong ghế bành cạnh một ngọn đèn sàn Tiffany. Ông ta đang lắng nghe đài Philco. Thấy Gordon, ông ta tắt đài và hỏi, “Chuyến bay mệt không?”

“Lúc nào chẳng mệt. Có lẽ thế.”

Gordon bước đến quầy bar tự rót cho mình một ly Scotch. Có thể đó không phải là ý hay, nhất là khi phải dùng súng. Nhưng kệ nó đi. Một ngón tay ông đặt lên ly bên cạnh, ném sang Thượng Nghị sĩ một cái nhìn dò hỏi.

“Tất nhiên. Gấp đôi của anh.” Ông ta hất đầu về cốc của Gordon.

Tay tư lệnh rút một chất lỏng đầy khói vào ly khác rồi trao cho ông. Ông nặng nề ngồi xuống. Đầu vẫn còn ong ong từ chuyến bay trên chiếc R2D-1, phiên bản hải quân của DC-2. Tốc độ tương đương nhưng không có ghế ngồi bằng liễu gai thoải mái, không có chế độ cách âm như của hãng Douglas Commercial.

Thượng Nghị sĩ mặc áo vest, gi-lê và áo sơ mi cổ cồn với cà vạt lụa. Gordon tự hỏi ông ta đã mặc gì đi lễ nhà thờ sáng hôm đó. Có lần ông ta từng bảo tay tư lệnh rằng không cần biết bản thân một chính trị gia tin vào điều gì, kể cả anh ta có là kẻ vô thần đi chăng nữa, anh ta cũng phải đi nhà thờ. Đó là vấn đề hình ảnh. Quan trọng lắm.

Thượng Nghị sĩ nói bằng giọng khàn khàn, “Rồi. Cứ nói với tôi những gì cậu biết. Tự nhiên đi.”

Tay tư lệnh nhấp một ngụm whisky, làm theo lời ông ta đề nghị.

Berlin chìm trong bức màn đêm.

Thành phố là một khoảng không rộng lớn, phẳng lì ngoại trừ vài vết đường chân trời và đèn hiệu sân bay Tempelhof ở phía Nam. Quang cảnh này biến mất khi gã lái xe lên đỉnh đồi, khuất dạng ở phía Tây bắc yên bình của thành phố. Xe hòa vào dòng người đang trở về từ những đợt nghỉ cuối tuần, tại các ngọn núi và mặt hồ nước Phổ gần đó.

Tất cả những trở ngại này gây khó khăn khi lái xe. Paul Schumann muốn chắc chắn gã không bị cảnh sát giao thông chặn lại. Không chứng minh thư, xe tải ăn cắp... Không, điều thiết yếu là không để ai nghi ngờ.

Gã rẽ xuống một con phố dẫn đến một cây cầu qua sông Spree tiến về phía Nam. Cuối cùng, gã đã tìm thấy thứ cần tìm, một bãi đỗ xe rộng rãi, nơi hàng tá xe con và xe tải giao hàng đang đỗ. Lần đầu tiên đến thành phố này, gã đã thấy nó khi đi bộ từ Lützow Plaza đến căn nhà trọ của Käthe Richter dọc con kênh.

Giá như mọi chuyện dừng lại ở ngày hôm qua?

Gã lại nghĩ về cô. Về cả Otto Webber nữa.

Bất kể hình dung về họ khó thế nào, những hình ảnh này còn tốt hơn là tập trung vào quyết định đáng tiếc tại Waltham.

Bất kể ngày đẹp nhất hay xấu nhất, mặt trời cuối cùng vẫn lặn...

Nhưng vào một ngày thất bại như hôm nay, sẽ phải rất lâu nữa mặt trời mới lặn. Có thể sẽ chẳng bao giờ lặn.

Gã đỡ xe giữa hai xe tải lớn rồi tắt máy. Ngồi ngả lưng vào ghế, gã tự hỏi quay lại đây có phải là điên rồ không. Nhưng kết luận rằng đó có thể là nước đi thông minh. Gã sẽ không phải ở lại lâu. Avery thân thiện và Manielli khó tính chắc chắn sẽ gửi phi công cất cánh ngay lập tức đến cuộc hẹn tại sân bay nhỏ. Thêm nữa, theo bản năng gã cảm nhận được ở đây an toàn hơn bất kỳ nơi nào khác ngoài thành phố. Những con dã thú kiêu căng, ngạo mạn như bọn Quốc Xã hẳn sẽ không ngờ con mồi đang lẩn trốn ngay giữa khu vườn của chúng.

Cánh cửa bật mở, một người khác bước vào Phòng Thăm vấn, nơi Bull Gordon và Thượng nghị sĩ đang ngồi.

Trong bộ vest trắng đã thành thương hiệu, dù ở góc độ nào trông lão cũng như một chủ đồn điền từ một trăm năm trước, Cyrus Claybom bước vào gạt đầu với cả hai. Nụ cười tự nhiên nở trên gương mặt hồng hào. Lão liếc mắt và gạt đầu thêm lần nữa, nhìn về tủ rượu nhưng không tiến đến gần. Lão ta là một người kiêng rượu. Bull Gordon biết điều này.

“Ở đây có cà phê không?” Clayborn hỏi.

“Không.”

“À.” Claybom để cây gậy chống dựa vào tường gần cửa ra vào, rồi nói, “Các ông chỉ gọi tôi đến đây khi các ông cần tiền, tôi nghi ngờ hôm nay các ông gặp tôi không phải vì tiền.” Lão nặng nề nói. “Là một chuyện khác đúng không?”

“Là một chuyện khác,” Gordon nhắc lại. “Người của ông đâu?”

“Vệ sĩ của tôi à?” Claybom nghiêng đầu.

“Đúng vậy.”

“Trong xe ngoài kia.”

Thấy nhẹ nhõm khi ông ta cuối cùng không cần đến súng ngắn - vệ sĩ của Claybom là kẻ nguy hiểm có tiếng - Gordon đã gọi một trong ba lính hải quân đứng chờ tại văn phòng gần cửa trước, dặn anh ta phải làm thẳng cha này ở yên trong xe limo, không cho phép hấn bước vào trong nhà. “Cứ dùng vũ lực nếu muốn.”

“Vâng, thưa ngài. Đó là nhiệm vụ của tôi, thưa ngài.”

Gordon gác máy, nhìn lão tài phiệt cười thầm. “Đừng nói với tôi chuyện này liên quan đến súng đạn, ngài Tư lệnh.” Khi viên sĩ quan không nói gì, Claybom hỏi, “Vậy các ông muốn bàn với tôi chuyện gì?”

“Một người tên Albert Heinsler,” Gordon đáp.

“Ai thế?”

“Anh phải biết chứ,” Thượng Nghị sĩ làu bàu. “Hắn đã lên tàu Manhattan vì anh.”

Gordon nói tiếp. “Chắc chắn bọn Phát xít rất thông minh, nhưng chúng tôi thắc mắc - tại sao chúng lại cài gián điệp lên tàu? Tôi thấy chuyện này thật ngớ ngẩn. Chúng tôi biết Heinsler có tham gia sư đoàn Jersey của Liên bang Mỹ Đức, nên chúng tôi đã đề nghị Hoover gây sức ép lên tổ chức đó.”

“Chẳng lẽ cái thằng đồng tính ấy rảnh lắm sao?” Claybom càu nhàu.

“Chúng tôi phát hiện anh là người đóng góp lớn cho tổ chức.”

“Thì phải biết cách sử dụng tiền chứ,” lão lém lỉnh nói, khiến Gordon càng ghét cay ghét đắng lão hơn trước. Tên tài phiệt nói tiếp, “Heinsler là tên hấn, đúng không? Chẳng biết được. Hấn chỉ lên tàu nhằm mục đích giám sát Schumann, và gửi tin nhắn đến Berlin rằng một tên người Nga sắp vào thành phố. Cần phải báo cho người Đức luôn cảnh giác. Sao cho khoản tiền nhỏ của chúng ta trở nên có giá trị hơn,, ông biết đấy. Tất cả là một phần của kế hoạch.”

“Làm sao anh quen biết Taggert?”

“Phục vụ cùng với tôi trong Thế chiến thứ I. Đã hứa sẽ tặng cho hấn vài vị trí ngoại giao nếu giúp tôi ra khỏi đây.”

Thượng Nghị sĩ lắc đầu. “Chúng tôi không hiểu bằng cách nào anh mò ra các mật khẩu.” Ông ta bật cười, hất đầu về phía Gordon. “Ban đầu tư lệnh

đây nghĩ rằng tôi là kẻ bán đứng Schumann. Mà cũng chẳng sao. Điều đó cũng chẳng làm tôi mất cọng lông nào. Nhưng rồi Bull nhớ ra các công ty của anh - anh kiểm soát từng đường dây điện thoại, điện tín trên Bờ Đông. Anh đã sai người lắng nghe khi tôi gọi cho tư lệnh để cùng chốt các mật mã.”

“Chuyện ngớ ngẩn. Tôi...”

Gordon nói, “Một người của tôi đã kiểm tra các hồ sơ của công ty anh, Cyrus. Anh đã ghi âm được nhiều cuộc nói chuyện giữa ngài Thượng Nghị sĩ và tôi. Anh đã tìm ra mọi điều về chúng tôi.”

Claybom nhún vai, tỏ vẻ thích thú hơn là lo âu. Điều đó trái lại khiến Gordon tức điên, tay tư lệnh bèn ngắt lời, “Chúng tôi biết hết rồi, Claybom.” Ông giải thích làm sao ý tưởng giết Reinhard Ernst ban đầu xuất phát từ tên tài phiệt này, kẻ đã đề nghị chuyện này lên Thượng Nghị sĩ. Bốn phạm ái quốc, lão ta nói vậy. Lão giúp tài trợ cho vụ ám sát. Chết tiệt, lão ta tài trợ cho cả quá trình. Thượng Nghị sĩ đến gặp những nhân vật nhất định giữ trọng trách cao trong chính quyền, họ đều phê chuẩn nhiệm vụ này một cách kín đáo. Tuy nhiên Claybom đã bí mật gọi cho Robert Taggart, ra lệnh cho hắn giết Morgan, gặp gỡ Schumann rồi giúp đỡ anh ta lập mưu giết Ernst, rồi cứu mạng tên Đại tá Đức vào phút cuối cùng. Khi Gordon đến gặp lão để xin thêm vài nghìn đô nữa, Claybom vẫn tiếp tục giả vờ người mà Gordon đang nói đến là Morgan, không phải Taggart.

“Tại sao với ngài khiến Hitler hạnh phúc lại quan trọng thế?” Gordon hỏi.

Claybom chế giễu. “Ông đúng là thằng ngu nếu tảng lờ đi mối đe dọa của bọn Do Thái. Chúng đang lập mưu trên toàn thế giới này. Chưa nói đến bọn Cộng sản. Và vì Chúa, cả bọn da màu nữa? Chúng ta không thể lơ là cảnh giác dù chỉ là một phút.”

Gordon cảm thấy thật ghê tởm và ngắt lời, “Vậy ra đó là lý do cho tất cả chuyện này à? Người Do Thái và người Da màu sao?”

Nhưng lão chưa kịp trả lời, Thượng Nghị sĩ xen vào, “À, tôi dám cá rằng còn một chuyện nữa đấy, Bull... Tiền, đúng không Cyrus?”

“Chuẩn!” lão thì thầm. “Người Đức nợ chúng ta hàng tỉ đồng - tất cả các khoản vay chúng ta lưu hành để giúp đỡ họ suốt mười lăm năm qua. Chúng ta phải khiến Hitler, Schacht cùng mấy thằng trai bao còn lại hạnh phúc, để chúng còn trả lại tiền cho chúng ta.”

“Chúng đang tái thiết để bắt đầu cuộc chiến tranh khác,” Gordon lẩm bẩm.

Clayborn thân nhiên nói, “Thế thì chúng ta thuận lợi đủ đường rồi, hai người không nghĩ thế à? Thị trường lớn hơn cho vũ khí của chúng ta.” Lão chỉ một ngón tay vào Thượng Nghị sĩ. “Miễn là những thằng ngu của ông trong Quốc hội dờ bở cái Luật Trung lập...” Rồi lão cau mày. “Vậy người Đức nghĩ gì về vụ của Ernst?”

“À, thì đó là một đồng hồ độn chết tiệt,” Thượng Nghị sĩ phẫn nộ. “Taggart báo cho chúng về vụ ám sát, nhưng tên giết người đã tẩu thoát và cố ám sát lần nữa. Rồi Taggart biến mất. Ngoài mặt chúng ta đang nói phía Nga thuê một tên sát thủ người Mỹ. Nhưng chúng đang bí mật tự hỏi có phải chúng ta đứng đằng sau mọi chuyện không.”

Clayborn nhăn nhó khó chịu. “Còn Taggart?” Rồi lão gật đầu. “Ngoẻo rồi. Chắc luôn. Chính Schumann đã làm việc đó. Đó là cách mọi chuyện... Vậy đây, các quý ông, tôi cho rằng đây là dấu chấm hết cho mối quan hệ hợp tác tốt đẹp của chúng ta.”

“Reggie Morgan đã chết chỉ vì anh... Anh liên quan tới những tội ác cực kỳ tồi tệ ở đây, Cyrus.”

Người đàn ông nhướn một bên lông mày hăng. “Thế hai người đã tài trợ cho chuyến du lịch ngắn ngủi này bằng tiền túi ra sao? À, đây sẽ là một chủ đề hay ho cho một phiên điều trần trước Quốc hội, hai người có nghĩ thế không. Có vẻ như chúng ta có một thế cân bằng ở đây. Thế nên tôi đang nghĩ tốt nhất, cả hai bên đường ai nấy đi và không nói năng gì cả. Giờ thì chúc ngủ ngon. À nhớ tiếp tục mua cổ phần trong công ty của tôi, nếu các công chức của hai người đủ tiền. Sẽ chỉ ngày càng tăng lên thôi.” Clayborn chậm rãi đứng dậy. Lão lấy cây gậy rồi thẳng tiến ra cửa.

Gordon quyết định rằng bất chấp hậu quả là gì, bất chấp chuyện gì xảy ra đối với sự nghiệp của chính mình, ông phải chắc chắn không để Clayborn

trốn thoát khỏi chuyện này, không thể trốn thoát sau khi hắn đã giết chết Reginald Morgan và suýt giết Schumann. Nhưng công lý thích đáng hơn sẽ phải đợi. Chỉ còn một vấn đề cần phải chú ý ngay bây giờ. “Tôi muốn có tiền của Schumann,” tư lệnh nói.

“Tiền gì?”

“Mười ngàn anh đã hứa cho hắn.”

“Ồ. Hắn đã có thành quả gì đâu. Người Đức nghi ngờ chúng ta, còn người của tôi thì chết. Trong khi Schumann may mắn trốn thoát. Không có tiền đâu.”

“Anh sẽ không lừa hắn đấy chứ.”

“Xin lỗi,” tên tài phiệt nói, không tỏ ra một chút ăn năn.

“Trong trường hợp đó, Cyrus,” Thượng Nghị sĩ gọi với, “chúc may mắn.”

“Chúng tôi sẽ luôn chúc anh may mắn,” Gordon nói thêm.

Tên tài phiệt dừng chân, quay lại nhìn.

“Tôi chỉ đang nghĩ chuyện gì có thể xảy ra, nếu Schumann phát hiện ra anh không chỉ cố giết hắn, mà còn lừa hắn nữa.”

“Anh biết chuyên môn của hắn là gì rồi đấy,” Gordon lại ngân nga.

“Các anh sẽ không dám đâu.”

“Hắn sẽ quay về đây trong vòng một tuần, mười ngày đấy.”

Tên tài phiệt thở dài. “Được rồi, được rồi.” Lão thọc tay vào túi, rút ra một cuốn sách nhỏ gồm các hồi phiếu ngân hàng. Lão xé ra một tờ rồi bắt đầu viết.

Gordon lắc đầu. “Không. Ngay bây giờ anh đang đối đầu với một tên khác, thích chơi theo kiểu cũ. Trả ngay đi. Chứ không phải là tuần tới đâu.”

“Tối Chủ nhật nhé? Mười ngàn?”

“Ngay bây giờ,” Thượng Nghị sĩ nhắc lại. “Nếu Paul Schumann muốn tiền mặt, chúng ta sẽ cho hắn tiền mặt.”

Chương 43

Họ phát ốm vì đợi chờ.

Trong suốt kỳ nghỉ cuối tuần tại Amsterdam, các Trung úy Andrew Avery và Vincent Manielli đã thấy những bông tu-lip với mọi sắc màu chỉ có trong tưởng tượng, nhìn ngắm rất nhiều các bức họa đẹp tuyệt vời, tán tỉnh các nàng tóc vàng phục vụ ở nhà hàng với khuôn mặt tròn trịa, hồng hào (ít nhất là với Manielli thôi, Avery thỏa mãn với cuộc hôn nhân của cậu ta). Họ thích thú làm bạn với một phi công Không lực Hoàng gia bánh bao có tên Len Aarons. Hiện cậu ta vẫn đang ở trong nước thực hiện những nhiệm vụ ngầm (về khoản này cậu ta cũng hay lảng tránh hết hai tay người Mỹ). Họ cùng uống mấy lít bia Amstel và nốc đến chán ngấy rượu Genever.

Nhưng cuộc sống tại căn cứ quân sự xa lạ nhanh chóng hết hứng thú. Nói thật là họ cũng mệt khi lòng dạ lúc nào cũng như lửa đốt, không ngừng lo lắng cho Paul Schumann.

Cho dù lúc này sự chờ đợi đã chấm dứt. Vào lúc 10 giờ sáng thứ Hai, chiếc máy bay hai động cơ, có hình dáng như con chim mòng biển, nhấp nháy một lúc rồi hạ xuống mặt cỏ trên Sân bay nhỏ Machteldt bên ngoài Amsterdam. Máy bay hạ cánh bằng bánh đuôi cố định rồi giảm tốc chạy vào ga ra, lượn thành vòng zic-zac vì phi công không thể nhìn qua mũi máy bay nhô lên khi ở trên mặt đất.

Avery giơ tay lên vẫy chiếc phi cơ bóng mượt, màu bạc tiến về phía mình.

“Tớ nghĩ mình sẽ làm vài hiệp với anh ta,” Manielli quát lên át tiếng động cơ và tiếng cánh quạt.

“Với ai cơ?” Avery hỏi.

“Schumann. Đấu với anh ta vài trận quyền anh. Tớ đã xem anh ta chơi rồi, anh ta không giỏi được như anh ta nghĩ đâu.”

Tay trung úy nhìn cậu bạn đồng nghiệp, phá lên cười.

“Gì chứ?”

“Anh ta sẽ đập nát cậu như một hộp bắp rang bơ, rồi to mồm đòi giải thưởng cho xem.”

“Tớ trẻ hơn và nhanh hơn.”

“Cậu ngu hơn thì có.”

Máy bay nhẹ nhàng lướt đến đường băng, phi công tắt máy. Cánh quạt ngừng quay. Các nhân viên mặt đất vội chạy đến khóa bánh máy bay to đùng của Hãng Pratt & Whitneys.

Hai trung úy bước đến cửa máy bay. Họ đã vắt óc nghĩ ra món quà nên tặng Schumann. Manielli nói, “Bọn mình sẽ nói rằng bọn mình đã cho anh ta hưởng chuyến bay đầu tiên trong đời. Đó sẽ là món quà tặng anh ta.”

Nhưng Avery lại nói, “Không. Cậu không thể nói với ai đó một thứ cậu đã làm cho họ là quà tặng được.”

Manielli cho rằng cậu trung úy sẽ hiểu điều này, những người đàn ông đã có gia đình sẽ hiểu hết những nghi thức tặng quà. Thế nên họ đã mua tặng gã một hộp bao cao su Packs o'Pleasure - Chesterfields - mà họ phải tốn chút công sức và tiền bạc để tìm kiếm tại Hà Lan. Manielli lúc này kẹp cái hộp dưới nách.

Một trong số các nhân viên mặt đất bước đến cửa máy bay, kéo xuống thành cầu thang. Hai tay trung úy bước lên phía trước, cười toe toét nhưng nhanh chóng khựng lại khi trông thấy một thanh niên mới hai mươi tuổi, mặc quần áo bẩn thỉu bước ra ngưỡng cửa, cúi khom người để tránh cụng đầu.

Anh ta chớp mắt, giơ tay lên che ánh nắng mặt trời rồi bước xuống cầu thang. “Chào buổi sáng... Cứ tự nhiên nhé. Tên tôi là Georg Mattenberg.” Anh ta mở rộng vòng tay nhiệt thành ôm chầm lấy Avery. Rồi bước qua cậu ta, anh ta đưa tay lên dụi mắt như thể vừa mới dậy.

“Thằng quái nào đấy”. Manielli thì thầm.

Avery nhún vai rồi nhìn trừng trừng cửa máy bay, khi mấy thanh niên khác xuất hiện. Có cả thầy năm người. Tất cả đều tầm hai mươi tuổi, thậm chí là vừa qua tuổi thiếu niên, thể hình khá ổn, nhưng đều kiệt sức với đôi mắt mệt mỏi, râu ria lởm chởm, quần áo rách tởm, mồ hôi mồ kê nhễ nhại.

“Nhằm máy bay rồi,” Manielli thì thầm. “Chúa tôi, thế...”

“Đúng máy bay này mà,” cậu bạn sĩ quan ngắt lời, nhưng cũng bối rối không kém.

“Trung úy Avery phải không?” một giọng nói mang trọng âm nặng cất lên từ ngưỡng cửa. Một người đàn ông lớn hơn mấy thanh niên kia vài tuổi. Thêm một người khác trẻ hơn đi cùng anh.

“Vâng, là tôi. Anh là ai?”

“Tôi nói tiếng Anh tốt hơn những người kia, tôi sẽ trả lời. Tôi là Kurt Fischer và đây là em trai tôi, Hans.” Phá lên cười trước vẻ mặt của hai cậu trung úy, anh nói tiếp, “Phải, phải, người các anh đang đợi không phải chúng tôi. Nhưng Paul Schumann đã cứu chúng tôi.”

Anh kể câu chuyện Schumann đã cứu mười hai thanh niên khỏi sự đầu độc bằng hơi ngạt của Phát xít. Tay người Mỹ đã cố gắng tập hợp đám thanh niên lại khi họ chạy trốn vào rừng, đề nghị cho họ một cơ hội trốn khỏi đất nước. Vài người muốn ở lại và tận dụng cơ hội của họ, chỉ có bảy người đồng ý bỏ đi gồm cả anh em nhà Fischer. Schumann đã mang họ theo trên thùng xe tải Dịch vụ Lao động, nơi họ nắm chặt mấy cái xẻng, túi vải bao bố và hóa trang thành công nhân. Gã đã đưa họ qua được chốt kiểm soát an toàn tới Berlin nơi họ lần trốn qua đêm.

“Vào lúc bình minh, anh ấy đưa chúng tôi đến một sân bay nhỏ ngoài thành phố, nơi chúng tôi lên chiếc máy bay này. Và giờ chúng tôi ở đây.”

Avery vừa định hỏi dồn dập anh ta thêm nhiều câu nữa, thì đúng lúc này một người phụ nữ xuất hiện trên ngưỡng cửa máy bay. Cô khoảng chừng bốn mươi tuổi, khá mảnh mai và cũng mệt mỏi như những người khác. Một tay cô xách va li nhỏ, tay kia cầm theo một cuốn sách đã xé rách bìa.

“Chào cô,” Avery nói, ném về phía những người kia lẫn người đồng đội cái nhìn dò hỏi.

“Cậu là Trung úy Avery phải không? Hay có lẽ cậu là Trung úy Manielli?” Tiếng Anh của cô thật hoàn hảo mang theo trọng âm rất nhẹ.

“Tôi... à vâng, tôi là Avery.”

Người phụ nữ nói, “Tên tôi là Käthe Richter. Cái này gửi cho cậu.”

Cô trao cho cậu một lá thư, cậu ta mở ra và huých nhẹ Manielli. Cả hai cùng đọc:

Gửi Gordon, Avery và Manelli (hoặc mấy cậu đánh vần thế quái nào cũng được):

Hãy đưa những người này đến Anh hay Mỹ hoặc bất kỳ nơi đâu họ muốn đến. Tìm nhà cho họ, giúp họ ổn định cuộc sống. Tôi không cần biết các cậu làm thế nào, nhưng hãy chắc chắn rằng các cậu làm được.

Và nếu các cậu nghĩ đến chuyện tống họ trở về Đức, hãy nhớ rằng Damon Runyon, hay một trong những người bạn của tôi trên tờ The Sun hoặc Washington Post sẽ rất quan tâm đến chuyện mọi người cử tôi sang Đức làm gì. Giờ chuyện này sẽ thành bản tin cực kỳ sốt dẻo, đặc biệt là trong kỳ bầu cử.

Làm tốt lắm, các chàng trai!

Paul Tái bút: Có một người da đen đang sống trong căn phòng phía sau phòng tập thể hình của tôi, Sony Williams. Hãy chuyển nhượng chỗ này lại cho ông ấy, nó vẫn còn hoạt động được đây. Và tặng ông ấy chút tiền nữa. Hào phóng vào.

“Còn cái này nữa” cô nói rồi đưa cho Avery vài trang giấy rách nát đánh máy bằng tiếng Đức. “Nội dung về cái gì đó tên là Nghiên cứu Waltham. Paul nói rằng tư lệnh phải xem nó.”

Avery nhận tập hồ sơ đút vào trong túi. “Tôi chắc chắn ông ấy sẽ nhận được nó.”

Manielli bước đến chiếc máy bay. Avery đến bên cạnh, họ cùng nhìn vào buồng lái trống không. “Anh ta không tin chúng ta. Anh ta nghĩ rằng chúng

ta rồi cuộc sẽ trao anh ta lại cho Dewey. Phi công đã hạ cánh đâu đó trước khi họ tới đây.”

“Cậu nghĩ có thể là Pháp không?” Manielli gợi ý. “Có thể anh ta biết điều này trong Thế Chiến thứ I... Không, tớ biết. Tớ cá đó là Thụy Sĩ.”

Đau đớn khi cho rằng Schumann tưởng họ sẽ bội ước, Avery gọi về phía buồng lái, “Này, anh đã thả anh ta xuống đâu thế?”

“Cái gì?”

“Anh đã hạ cánh xuống đâu? Thả Schumann xuống đâu?”

Viên phi công nhíu mày khi liếc nhìn buồng lái. Rồi anh ta lại nhìn Avery. Giọng anh ta vọng qua thân máy bay mỏng tang. “Ý anh là anh ta không nói gì à?”

PHẦN KẾT

Thứ Bảy, ngày 21 tháng 11 năm 1936

Một đêm lạnh giá trong khu Rừng Đen.

Hai người đàn ông chậm chạp lê bước qua lớp tuyết mỏng. Chắc chắn họ đã lạnh buốt nhưng dường như trong đầu họ đã định sẵn điểm đến, cùng một nhiệm vụ quan trọng phải làm một khi đến nơi.

Mục đích, giống như khát vọng, luôn luôn giúp xua tan sự khó chịu trong người.

Cũng như loại rượu Áo mạnh mẽ, Obstler, họ đang chia nhau tu ừng ực từ một bình nhỏ.

“Cái bụng anh sao rồi?” Paul Schumann hỏi người bạn đồng hành bằng tiếng Đức, để ý một tiếng rên nghe đặc biệt rõ trên gương mặt râu ria của anh ta.

Người kia càu nhàu, “Dĩ nhiên là đau rồi. Vẫn luôn đau, cậu John Dillinger ạ.”

Sau khi quay về Berlin, Paul đã mất nhiều công sức dò hỏi tại quán cà phê Aryan về nơi Otto Webber sinh sống. Gã muốn làm những gì mình có thể để giúp đỡ bất kỳ ai trong số những ‘cô nàng’ của anh ta. Gã đến gặp một người - Berthe - và kinh ngạc xen lẫn vui sướng khi biết Webber vẫn còn sống.

Viên đạn đã găm vào bụng anh ta tại nhà kho bên bờ sông Spree tuy nghiêm trọng, nhưng không gây chết người vì nó chỉ xuyên qua phần mềm một đoạn ngắn. Anh ta đang trôi bồng bềnh trên sông trong chiếc thuyền theo kiểu tang lễ Viking, thì có vài ngư dân đã kéo anh ta ra. Họ cho rằng anh ta vẫn còn sống bất chấp tình trạng bên ngoài. Họ đưa anh ta vào giường và giúp cầm máu. Không lâu sau đó, anh ta được gửi đến một bác sĩ trong băng nhóm cũ đã làm phẫu thuật cho anh ta, dĩ nhiên với một cái giá là không được hỏi han gì đến ông ta nữa. Chứng nhiễm trùng về sau còn tệ hơn vết thương. (“Những khẩu Luger,” Webber kêu ca, “Chúng mang những gì bẩn thỉu nhất của viên đạn. Mang theo cả vi trùng đấy.”) Nhưng Berthe đã đền bù cho việc vụng nấu nướng hoặc dọn dẹp nhà cửa, bằng cách trở thành một y tá tận tâm. Cùng với Paul chăm sóc cho tay anh chị người Đức này bình phục trong vài tháng.

Paul chuyển đến một căn nhà trọ khác tại một vùng bị lãng quên trong thành phố cách xa ngõ Magdeburger và Quảng trường Alexander Plaza. Gã ở ẩn tại đây một thời gian, làm mấy trận quyền anh trong các phòng tập thể hình, kiếm được vài mác ở đây đó trong các xưởng in và thi thoảng hẹn hò với vài phụ nữ địa phương: hầu hết họ đều đã từng là những người theo Chủ nghĩa Xã hội, là nghệ sĩ hoặc nhà văn phải trốn tránh tại nhiều nơi như phía Bắc Berlin và Quảng trường Tháng 11 năm 1923. Trong những tuần đầu tiên của tháng Tám, gã đều đặn đến bưu điện hoặc quảng trường để xem Thế vận hội trên các màn hình lớn truyền trực tiếp được lắp đặt tại đó dành cho những ai không có vé vào sân. Với vẻ ngoài đích thị của một kẻ Quốc Xã (mái tóc Aryan được nhuộm bạc, chỉ cần vậy thôi), gã hẳn sẽ phải ép mình thốt ra câu chửi thề vài lần khi Owens dành huy chương vàng. Tuy nhiên, hầu hết những người Đức ngồi xung quanh gã nhiệt tình chúc mừng chiến thắng của tay Da màu kia. Những Vận động viên người Đức giành

nhiều huy chương vàng lại chẳng khiến họ ngạc nhiên, tuy nhiên đoàn Vận động viên người Mỹ dành nhiều huy chương vàng thứ hai. Paul rất phiền lòng khi thấy bóng ma duy nhất ám ảnh sự kiện này là những Vận động viên điền kinh người Do Thái của Mỹ, Stoller và Glickman, thực sự không được tham gia Thế vận hội này.

Sau khi Thế vận hội kết thúc và tháng Tám sắp qua, kỳ nghỉ hè của Paul cũng đến hồi kết. Quyết tâm đền bù cho sai lầm trong phán xét của mình tại Trường Đại học Quân sự Waltham, gã tiếp tục cố gắng giết tên đại diện toàn quyền về ổn định đất nước người Đức.

Tuy nhiên, hệ thống công chức hiệu quả như van thời tiết của Webber báo cáo những thông tin thú vị: Reinhard Ernst đã biến mất. Tất cả những gì họ biết được đó là văn phòng của hãn tại Phủ Thủ tướng đã bỏ không. Dường như hãn đã chuyển ra khỏi Berlin cùng gia đình, và đang dành phần lớn thời gian rong ruổi trên đường. Hãn được ban cho một chức danh mới (Paul biết rằng, như các tấm băng rôn và huy chương, các chức danh được Quốc Xã ném ra như quăng thóc cho gà). Giờ đây Ernst là Tãnh đạo tối cao nhà nước về liên kết công nghiệp đặc biệt.

Gã không biết thêm thông tin nào khác về hãn. Phải chăng như thế nghĩa là hãn đã bị gạt ra ngoài rìa? Hay đây chỉ đơn thuần là những biện pháp an ninh nhằm bảo vệ kẻ bạo chúa về tái thiết vũ trang?

Paul Schumann không biết.

Nhưng có một điều rõ ràng. Việc xây dựng quân đội của Đức đang diễn ra với tốc độ nguy hiểm. Mùa thu năm đó, chiến đấu cơ mới, Me 109 do các phi công Đức cầm lái, đã có màn ra mắt đầu tiên tại Tây Ban Nha giúp Pháp và đội quân theo Chủ nghĩa Dân tộc của ông ta. Loại chiến đấu cơ này đã thành công rực rỡ, phá hoại rất nhiều vị trí chiến đấu của Đảng Cộng hòa. Ngày càng nhiều thanh niên Đức trẻ tuổi nhập ngũ. Các xưởng đóng tàu hải quân đang hoạt động hết công suất cho ra mắt các tàu chiến và tàu ngầm.

Nhưng vào tháng Mười, ngay cả các vùng hẻo lánh tại Berlin cũng ngày càng trở nên nguy hiểm. Ngay sau khi Otto Webber đủ khỏe mạnh cho một chuyến đi xa, anh ta đã cùng Paul lên đường.

“Đến Neustadt còn bao xa?” lúc này tay người Mỹ hỏi.

“Không xa nữa đâu. Mười cây hoặc hơn.”

“Mười cây?” Paul làu bàu. “Chúa trên Thiên đàng.”

Cho dù thực ra gã thấy mừng khi điểm đến tiếp theo của họ không ở gần đây. Tốt nhất là tăng thêm khoảng cách giữa họ với St.Margen, điểm dừng chân mới nhất của họ, nơi các sĩ quan Cảnh sát có lẽ đang tìm kiếm thi thể một tay đứng đầu Đảng Quốc Xã địa phương. Hãn đã từng là một kẻ tàn bạo. Hãn ra lệnh cho tay chân bao vây và đánh đập các thương nhân, tiến hành Aryan hóa công việc làm ăn của họ. Có không ít người mong muốn giết chết hãn, tuy nhiên theo điều tra của Cảnh sát Hình sự hoặc Gétapo cho biết, hoàn cảnh gây ra cái chết của hãn chẳng có gì đáng ngờ. Rõ ràng hãn đã dừng xe cạnh đường để thư giãn dưới sông rồi bị trượt ngã trên bờ sông băng giá. Hãn đã ngã xuống sông sâu sáu mét và đập đầu vào các tảng đá, chết đuối dưới con sông chảy xiết. Một chai rượu snap còn một nửa được tìm thấy bên cạnh hãn. Một tai nạn đáng buồn. Chẳng cần phải điều tra thêm.

Lúc này Paul cân nhắc điểm đến tiếp theo của họ. Họ đã biết Neustadt sẽ là địa điểm đọc diễn văn của một trong số những kẻ cầm đầu hữu danh vô thực của Hermann Göring, kẻ đã khởi xướng cuộc mít tinh tại Nuremberg quy mô nhỏ đang được tiến hành. Paul đã từng nghe hãn phát biểu, kích động các công dân phá hủy nhà của người Do Thái ở vùng lân cận. Hãn tự phong mình là ‘tiến sĩ’ nhưng hãn chẳng là gì ngoài một tên tội phạm cố chấp, bảo thủ, đầu óc thiển cận và là một kẻ nguy hiểm - một kẻ sẽ chứng minh rằng mình có nguy cơ nghèo như người đứng đầu của Đảng tại St. Margen nếu Paul và Webber ám sát thành công.

Có lẽ là một sự sụp đổ khác. Hoặc có thể hãn sẽ kéo theo cái đèn điện vào bồn tắm với mình. Như nhiều tên Lãnh tụ Quốc Xã khác, hãn có xu hướng tự bắn mình, hoặc tự treo cổ trong một cơn điên loạn. Sau Neustadt, họ sẽ chuẩn thẳng về Munich. Tại đây nếu được Chúa phù hộ, Webber sẽ tìm được một trong số những ‘cô nàng’ của anh ta để họ có thể ở lại.

Những ngọn đèn pha sáng lóe lên sau lưng họ, cả hai lén vào rừng thật nhanh và ở yên trong đó cho đến khi chiếc xe tải đi qua. Khi ánh đèn hậu

biến mất tại một khúc quanh trên đường, hai người lại tiếp tục hành trình.

“Chà, cậu John Dillinger, cậu biết con đường này từng được dùng làm gì không?”

“Kể tôi nghe đi, Otto.”

“Đây là trung tâm buôn bán đồng hồ báo thức cục cu. Nghe nói bao giờ chưa?”

“Tất nhiên. Bà nội tôi có dùng một chiếc. Ông nội tôi đã tháo hết tạ ra khỏi dây xích nên nó chết hẳn rồi. Tôi ghét cái đồng hồ chết tiệt đó. Cứ một tiếng qua đi, nó lại cục cu, cục cu...”

“Và đây chính là con đường các lái buôn thường dùng để mang đồng hồ ra chợ bán. Bây giờ không còn nhiều thợ đồng hồ nữa, nhưng có thời cậu sẽ thấy xe cộ nườm nượp lên xuống đường cao tốc suốt ngày đêm... Chà, nhìn đằng kia kìa. Thấy con sông đó không? Nó đổ ra sông Danube, còn các con sông phía bên kia con đường đổ ra sông Rhine. Đây là trái tim của đất nước chúng tôi. Dưới ánh trăng nó đẹp tuyệt vời đúng không?”

Gần đó, một con cú kêu lên, gió vi vu và băng giá phủ trên những cành cây giòn tan như vỏ lạc trên sàn quán rượu.

Anh ta nói đúng, Paul nghĩ, đây là một nơi tuyệt đẹp. Và trong thâm tâm gã cảm thấy sự thỏa mãn lạnh khô như lớp tuyết lâu ngày dưới gót giày. Những bước ngoặt dường như không có thật biến gã thành kẻ cư trú trên xứ sở xa lạ. Nhưng gã đã đi đến quyết định rằng xứ sở này vẫn chưa xa lạ bằng đất nước nơi xưởng in của em trai gã đang đợi gã, một thế giới gã biết mình sẽ chẳng bao giờ quay về.

Không, nhiều năm trước gã đã bỏ lại cuộc đời ấy sau lưng, bỏ lại bất kỳ hoàn cảnh nào liên quan đến một nghề kiếm ăn khiêm tốn, một ngôi nhà ván lợp gợn gàng, một người vợ sáng ngời, đáng yêu với những đứa trẻ tinh nghịch. Nhưng điều này hoàn toàn tốt đối với gã. Paul Schumann chẳng mong muốn gì hơn những thứ mình đã có vào lúc này: bước đi dưới ánh mắt e thẹn của vầng trăng khuyết, với một người bạn đồng hành để tính trên một hành trình hoàn thành mục đích Chúa đã ban tặng cho gã - ngay cả nếu đó là một sứ mệnh khó khăn và táo bạo để chỉnh sửa lại những sai lầm của Chúa.

GHI CHÚ CỦA TÁC GIẢ

Trong khi câu chuyện về sứ mệnh của Paul Schumann đến Berlin chỉ thuần túy hư cấu - tất nhiên điều này không đúng đối với các cá nhân có thật đóng những vai trò tôi trao cho họ - lịch sử, địa lý, công nghệ, các tổ chức văn hóa và chính trị tại Mỹ và Đức trong mùa hè năm 1936 cũng là những thông tin xác thực. Sự ngây thơ và mâu thuẫn của quân Đồng minh đối với Hitler và Đảng Quốc Xã cũng giống hệt như tôi đã mô tả. Quân Đức tái thiết vũ trang rất mạnh mẽ như tôi đã khắc họa, cho dù từng cá nhân của nó thì không như Reinhard Ernst hư cấu của tôi, khác với một số người đảm nhận nhiệm vụ giúp đất nước chuẩn bị cho cuộc chiến Hitler đã hình dung từ lâu. Thực sự có một nơi được gọi là 'Phòng Thẩm vấn' tại Manhattan. Văn phòng Tình báo Hải quân là Trụ sở CIA của Mỹ ngày nay.

Nhiều đoạn trong tác phẩm *Mein Kampf* của Hitler là cảm hứng cho rất nhiều bài phát thanh xuyên suốt câu chuyện. Và trong khi thực chất không hề có Nghiên cứu Waltham, cho dù vào thời gian nào đó sau thời điểm tôi viết trong sách này, một nghiên cứu như vậy được quân lính SS chịu trách nhiệm tiến hành với những cuộc diệt chủng hàng loạt (được biết đến với cái tên Đội Đặc Nhiệm), dưới sự chỉ đạo của Artur Nebe, kẻ đã có thời gian đứng đầu lực lượng Cảnh sát Hình sự. Chính quyền Phát xít sử dụng các máy phân loại thẻ DeHoMag nhằm theo dõi các công dân của chúng vào năm 1936, cho dù theo tôi biết chúng chưa bao giờ được đặt tại trụ sở Cảnh sát Hình sự. Ủy ban Cảnh sát Hình sự Quốc tế được chứng minh là sự cứu rỗi của Willi Kohl, trong thực tế tổ chức họp tại London vào đầu năm 1937, tổ chức này về sau đã trở thành Interpol. Trại tập trung Sachsenhausen đã chính thức thay thế trại cũ tại Oranienburg vào cuối mùa hè năm 1936.

Trong vòng chín năm tiếp theo, hơn 200.000 tù nhân chính trị và chủng tộc đã bị giam cầm tại đây, hàng chục nghìn người bị hành hình hoặc chết vì bị đánh đập, lạm dụng, chết đói và bệnh tật. Đến lượt người Nga sau khi chiếm nước Đức biến nơi này thành nhà tù giam cầm 60.000 quân Phát xít và các tù nhân chính trị khác. Trong số này, theo ước tính có 12.000 người đã chết trước khi trại này đóng cửa năm 1950.

Còn về cái quán nhậu bình dân của Otto Webber: Quán Cà phê Aryan đã bị đóng cửa lâu dài một thời gian ngắn sau khi Thế vận hội kết thúc.

Một ghi chép ngắn ở đây liên quan đến số phận vài nhân vật xuất hiện trong truyện: Vào mùa xuân năm 1945, khi Đức tan vỡ, Hermann Göring vẫn giữ niềm tin sai lầm rằng Adolf Hitler đang từ bỏ quyền kiểm soát đất nước nên đề nghị được thay thế y. Nhưng Göring kinh hoàng lẫn nhục nhã thấy Hitler tuyên bố và nói rằng hắn là kẻ đâm sau lưng, trục xuất hắn ra khỏi Đảng Phát xít và sai người đến bắt hắn. Tại phiên tòa xét xử các tội phạm chiến tranh Nuremberg, Göring bị tuyên án tử hình. Tuy nhiên, hắn đã tự sát vài giờ trước cuộc tử hình theo kế hoạch vào năm 1946.

Bất chấp là một kẻ nịnh hót tối cao, Heinrich Himmler đã ký kết các Hiệp ước Hòa bình độc lập với quân Đồng minh (kẻ đứng đầu lực lượng SS đồng thời là kiến trúc sư các chương trình hủy diệt hàng loạt của Phát xít thực sự đề nghị người Do Thái và Phát xít nên lãng quên quá khứ, và 'vùi chôn hận thù'.) Giống như Göring, hắn bị Hitler phán quyết là một kẻ phản bội. Khi đất nước sụp đổ, hắn đã cố thoát khỏi công lý bằng cách cải trang rồi bỏ trốn - nhưng vì lý do nào đó nhân vật hắn lựa chọn cải trang lại là một Cảnh sát quân sự Gestapo, đồng nghĩa với việc bị bắt như một điều tất yếu. Thân phận thực sự của hắn ngay lập tức bị phơi bày. Hắn cũng tự sát trước khi ra tòa án chiến tranh Nuremberg.

Đến tận khi kết thúc chiến tranh, Adolf Hitler ngày càng cảm thấy bất ổn, suy nhược về mặt thể chất (người ta tin rằng hắn mắc bệnh Parkinson) kèm theo là thất vọng, chán nản, hắn lên kế hoạch tấn công quân sự với những sư đoàn không còn tồn tại, kêu gọi tất cả công dân đứng lên chiến đấu đến chết và ra lệnh Albert Speer xây dựng một kế hoạch vườn không nhà trống (nhưng tên kiến trúc sư đã từ chối). Hitler sống nốt những ngày

cuối cùng trong một khu phức hợp boongke bên dưới khu vườn Phủ Thủ tướng. Vào ngày 29 tháng 04 năm 1945, y kết hôn với nhân tình của mình, Eva Braun và không bao lâu sau cả hai cùng tự sát.

Paul Joseph Goebbels vẫn tiếp tục trung thành với Hitler cho đến cuối cùng, lão được bổ nhiệm làm người kế nhiệm y. Sau khi Quốc trưởng tự sát, Goebbels cố gắng đàm phán một thỏa thuận hòa bình với Nga. Các nỗ lực đều vô ích, tên cựu Bộ trưởng Tuyên truyền cùng vợ lão, Magda, cũng tự sát (sau khi đích thân tự giết chết sáu đứa con).

Vào giai đoạn đầu sự nghiệp của mình, Hitler đã nói đến việc mở rộng quân sự của y dẫn đến Thế chiến thứ I, “Bổn phận của ta chính là bước vào cuộc chiến này bất chấp những mất mát... Chúng ta sẽ phải bỏ đi thật nhiều những gì thân thiết với mình, và ngày hôm nay dường như là không thể tránh khỏi. Các thành phố sẽ biến thành những đồng đống nát, những công trình kiến trúc có giá trị sẽ biến mất vĩnh viễn. Giờ khắc này mảnh đất thiêng liêng của chúng ta sẽ không còn nhiều nữa. Nhưng ta không sợ điều đó.”

Để chế mà Hitler hùng hồn tuyên bố sẽ trường tồn một nghìn năm, chỉ kéo dài được mười hai năm.

Chú thích

[SA](#): Lực lượng Xung kích của Đức Quốc Xã.

[rượu bourbon](#): một loại rượu không được thêm bất cứ hương vị hay màu sắc nào khác, chỉ bao gồm ngô, nước, lúa mì hoặc lúa mạch đen, mạch nha. Màu sắc của nó là kết quả của mặt gỗ được đốt cháy phía trong thùng chứa.

[AOC](#): Ủy ban Olympic Australia.

American Bund: Từ “Bund” trong câu này mang nghĩa là con đê, đập.

câu luyện lại câu nói: (“Làm ơn, chụp cho tôi”): Nguyên văn vẫn tiếng
Đức: *Bitte, das Foto?*

Sudetenland: Một vùng của Tiệp Khắc.

tuxedo: Một loại trang phục cho nam giới, với mẫu màu đen truyền thống, được mặc trong các dịp đặc biệt

creosote: Một loại hóa chất dùng để bảo quản gỗ

Little Man: *Thằng lùn - ám chỉ Hitler*

Tàu General Slocum: Vụ cháy tàu General Slocum vào năm 1904 là thảm họa hàng hải lớn nhất nước Mỹ trong thời bình, đặt dấu chấm hết cho cộng đồng người Đức ở New York. Hơn 1.000 người nhập cư Đức đã thiệt mạng trong thảm họa trên nhưng tai nạn thảm khốc đó nhanh chóng đi vào quên lãng.

bán hợp pháp: nguyên tác: *semi-legal*

Mefo bills: đặt theo tên Công ty Metallurgical Research Corporation là một dạng kỳ phiếu được sử dụng cho hệ thống trả chậm tài trợ cho kế hoạch tái thiết vũ trang của Đức, do Chủ tịch Ngân hàng Trung ương Đức, Hjalmar Schacht nghĩ ra năm 1934 như một trò lách luật. Khi Đức đang tái vũ trang hòng đối phó với Hiệp ước Versailles, họ cần tìm ra cách tài trợ mà không để lại dấu vết nào. Schacht đã tạo ra hệ thống như một biện pháp tài trợ tái vũ trang tạm thời với chỉ một triệu mác Đức tiền vốn.

Table of Contents

Phần I TAY SẮT THỦ

Chương 1

Chương 2

Phần II THÀNH PHỐ CỦA NHỮNG LỜI THÌ THẦM

Chương 3

Chương 4

Phần III CÁI MŨ CỦA GÖRING

Chương 5

Chương 6

Chương 7

Chương 8

Chương 9

Chương 10

Chương 11

Chương 12

Chương 13

Chương 14

Chương 15

Chương 17

Chương 18

Chương 19

Phần IV CUỘC ĐUA SÁU CHỢI NĂM

Chương 20

Chương 21

Chương 22

Chương 23

Chương 24

Chương 25

Chương 26

[Chương 27](#)

[Chương 28](#)

[Chương 29](#)

[Chương 30](#)

[Chương 31](#)

[Chương 32](#)

[Chương 33](#)

[Chương 34](#)

[Chương 35](#)

[Chương 36](#)

[Chương 37](#)

[Chương 38](#)

[Chương 39](#)

[Chương 40](#)

[Chương 41](#)

[Chương 42](#)

[Chương 43](#)

[GHI CHÚ CỦA TÁC GIẢ](#)

[Chú thích](#)